

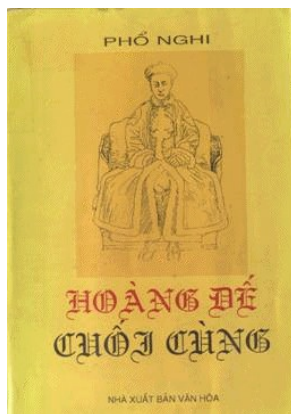


PHỔ NGHỊ



HÀNG ĐẾ
CHỖ CÀNG

NHA XUẤT BẢN VĂN HÓA



HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NGƯỜI DỊCH

CHƯƠNG I

GIA THÊ CỦA TÔI

Cuộc đời của Thuần Hiền Thân Vương

Ông ngoại Vinh Lộc

Quyết định của Từ Hy Thái Hậu

Nhiếp Chính Vương giám quốc

Gia đình thân vương

CHƯƠNG II

THỜI THƠ ẢO CỦA TÔI

Lên ngôi và thoái vị

Đời sống đế vương

Quan hệ mẹ con

Học tập ở cung Dục Khánh

Vụ nuôi tôi

Lấy vợ

CHƯƠNG III

TRONG NGOÀI TỬ CẨM THÀNH

Thời đại Viên Thế Khải

Phục tích Đình Ty

Chưa hết hy vọng

Johnston

Xung đột nội bộ

Di tán thái giám.

Chinh đồn Phủ nội vụ
Ngày cuối cùng ở Tử Cấm Thành
Tại Bắc Phủ
Ngã ba đường

Từ “khu sứ quán” đến “Tô giới”

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG Ở THIÊN TÂN

Cố gắng của La Chân Ngọc
Quan hệ giữa tôi và các các tướng hệ Phụng Thiên
“Tiêu Gia Cát” Xê-mi-nôp

Sự kiện Đông Lăng
Lãnh sự quán, Bộ Tư lệnh, Hội Hắc Long
Cuộc sông “hành tại”

CHƯƠNG V

TRÒN ĐI ĐÔNG BẮC

“Tĩnh Viên” không yên tĩnh
Ý kiến người Nhật Bản khác nhau
Đêm gặp Toihara

Trốn vượt sông Bạch Hà
Trong vòng phong tỏa
Những điều trông thấy và suy nghĩ

Hội kiến SEISHIRO ITAGAKI

CHƯƠNG VI

MƯỜI BỐN NĂM NGUY MÃN

Tấn kịch bù nhìn mở màn
Tôn nghiêm và chức quyền
Sau khi lập mật ước
Lần thứ ba làm hoàng đế

Áo tướng bị tan vỡ
Yoshioka Anchiocur

Việc trong gia đình

Sụp đổ hoàn toàn

CHƯƠNG VII

TẠI LIÊN XÔ

Hoài nghi và Áo tướng
Không dứt được gánh

Tôi không nhận tội

CHƯƠNG VIII

TỪ NGHĨ NGỜ, SỢ HÃI ĐẾN NHẬN TỘI

Tôi chỉ nghĩ đến cái chết

Mới đến Phủ Thuận

Tôi tách khỏi họ hàng
Chuyến đến Cáp Nhĩ Tân

Viết tự truyện và hiến “Cửa Báu”

Tai họa và hận thù của nhân dân Đông Bắc

CHƯƠNG IX

TIẾP THU CẢI TẠO

Làm người như thế nào?

Vấn đề là ở mình

Gặp gỡ người thân

Đặc xá

Một chương mới

PHỤ LỤC

GẶP GỠ HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG

LỜI NGƯỜI DỊCH

Sau 32 năm, vì nhiều lý do, đến nay tôi mới thực hiện được câu nói với ông Phổ Nghi: sẽ dịch cuốn hồi ký của ông ra tiếng Việt.

Cuốn hồi ký “Nửa đời trước của tôi” của Phổ Nghi dày 590 trang (bản Trung văn) gồm hơn ba mươi vạn chữ, bằng lối viết theo chương, tiết, bằng văn phong bạch thoại pha cổ văn đã thuật lại cuộc đời của Phổ Nghi từ khi được Từ Hy thái hậu đưa vào Tử Cấm Thành làm vua Tuyên Thống nhà Thanh lúc mới 3 tuổi cho đến khi trở thành công dân của nước Trung Hoa mới.

Phổ Nghi tên chính là Ai Tân Giác La Phổ Nghi, sinh năm 1906, mất năm 1967, lên ngôi năm 1909 niên hiệu Tuyên Thống là hoàng đế thứ 12 của nhà Thanh, thoái vị sau cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) thành lập Trung Hoa Dân quốc, nhưng vẫn sống trong Tử Cấm Thành cùng với hoàng tộc với một số điều kiện ưu đãi của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc.

Năm 1924, khi quân phiệt Phùng Ngọc Tường tấn công Tử Cấm Thành, ông chạy vào trốn tránh ở sứ quán Nhật Bản tại Bắc Kinh. Sau một thời gian chuyển xuống Thiên Tân để mưu đồ khôi phục nhà Thanh mà không thành công tháng 3 năm 1934, ông được người Nhật đưa lên làm vua “Nước Mãn Châu” ở Đông Bắc Trung Quốc, kéo dài cuộc sống bù nhìn suốt thời kỳ phát xít Nhật tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

Tháng 8 năm 1945, Hồng quân Liên Xô tấn công tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật Bản ở vùng Đông Bắc Trung Quốc, ông bị Hồng quân Liên Xô bắt và đưa về Liên Xô. Năm 1949, Chính phủ Liên Xô trao trả Phổ Nghi cùng với một số tội phạm chiến tranh khác cho Chính phủ CHND Trung Hoa.

Năm 1959, nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập nước CHND Trung Hoa, Chính phủ Trung Quốc ra lệnh đặc xá một số tội phạm chiến tranh đã thực sự tiếp thu cải tạo và hối cải. Phổ Nghi cùng nhiều người khác đã được ân xá và hưởng quyền công dân. Ông được trở về Bắc Kinh làm nhân viên Vườn thực vật Bắc Kinh và sau đó làm nhân viên Viện Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc.

Qua màn ảnh nhỏ của Đài truyền hình chúng ta đã được xem bộ phim hai tập do nhà đạo diễn Italia dàn dựng mang tên “Hoàng đế cuối cùng” và bộ phim cùng tên rất đồ sộ nhiều tập do các nhà đạo diễn Trung Quốc dàn dựng.

Tôi dịch cuốn hồi ký này ra tiếng Việt với hi vọng giúp bạn đọc hiểu thêm về nhân vật lịch sử này cùng với những chuyện đen tối trong cung đình nhà Thanh và những hành động thâm hiểm, tàn bạo của bọn phát xít Nhật ở Trung Quốc.

Do khuôn khổ xuất bản, tôi đã lược bỏ một số tiết và câu, đoạn của cuốn hồi ký nếu có gì thiếu sót mong bạn đọc lượng thứ.

Người dịch
LÊ TỰ VINH

CHƯƠNG I

GIA THỂ CỦA TÔI

Cuộc đời của Thuần Hiền Thân Vương

Tôi sinh ngày 14 tháng giêng âm lịch năm 1906, tức năm thứ 32 thời vua Quang Tự đời Thanh, tại Thuần vương phủ, Bắc Kinh. Ông nội tôi tên Dịch Hoàn, là con trai thứ bảy của vua Đạo Quang, lúc đầu được phong quận vương, sau phong tước thân vương, sau khi chết được truy phong danh hiệu “hiền”, cho nên về sau được gọi là Thuần hiền thân vương. Cha tôi tên Tải Phong, là con trai thứ năm của ông nội tôi. Vì con cả, con thứ ba và con thứ tư chết sớm, con thứ hai Tải Diêm được Từ Hy thái hậu đón vào cung làm vua (tức vua Quang Tự), nên sau khi ông nội tôi chết thì cha tôi được thừa tập phẩm tước của ông nội tôi. Tôi là con cả của Thuần vương đời thứ hai. Ngày 20 tháng 10 âm lịch năm tôi lên ba, Từ Hy thái hậu và vua Quang Tự ốm nặng, Từ Hy Thái hậu bỗng quyết định dựng tôi lên làm vua kế thế, nối ngôi vua. Đồng Trị (tức Tải Thuần, con đẻ của Từ Hy, anh em con chú con bác của Tải Diêm), thừa kế vua Quang Tự. Trong hai ngày sau khi tôi vào cung, Quang Tự và Từ Hy thái hậu lần lượt qua đời. Mồng hai tháng chạp, tôi lên ngôi vua đời vua thứ mười hai và cũng là đời vua cuối cùng của nhà Thanh, đặt niên hiệu Tuyên Thống. Chưa đến ba năm, cách mạng Tân Hợi bùng nổ, tôi thoái vị.

Trí nhớ của tôi bắt đầu có từ khi tôi thoái vị. Song, kể về nửa đời trước của tôi trước hết phải bắt đầu từ ông nội và Thuần vương phủ, nơi chôn rau cắt rốn của tôi thì mới càng rõ hơn.

Thuần vương phủ từng chiếm ba nơi ở Bắc Kinh. Năm thứ 10 thời vua Hàm Phong, Thuần quận vương Dịch Hoàn mười chín tuổi phụng chỉ thành hôn với em gái của quý phi là Diệp Hách Nại La Thị, theo lệ thì phải rời phủ đi ở riêng, địa điểm phủ mới của ông được ban nằm ở phía đông hồ Thái Bình tại Tuyên Vũ Môn Nội, nơi đặt Học viện âm nhạc Trung ương ngày nay. Đó là Thuần vương phủ đầu tiên. Về sau, Tải Diêm làm vua, theo lệ của triều đình Ung Chính thì “nơi sản sinh ra vua” (còn gọi là “Phủ rồng phục”) phải được nâng bậc thành một cung điện, hoặc bỏ trống hoặc phỏng theo cách nâng Ung vương phủ (nơi ở của vua Ung Chính trước khi lên ngôi) thành Ung Hoà cung và biến thành miếu đường thờ cúng phật. Để rời chỗ cho “phủ rồng phục” này, Từ Hy thái hậu đã thưởng Bồi tử phủ (1) ở sau hồ Thập Sa Hải cho ông nội tôi và bỏ ra 16 vạn lạng bạc tu sửa lại. Đó là Thuần vương phủ thứ hai, cũng là nơi mà một số người quen gọi là “Bắc phủ”. Sau khi tôi làm vua, cha tôi được phong Giám quốc Nhiếp chính vương, vì thế lại thêm một lý do dọn nhà so với trước, cho nên Long Dụ thái hậu (hoàng hậu của vua Quang Tự, cháu gái của Từ Hy thái hậu và là bà nội tôi) quyết định xây dựng một vương phủ hoàn toàn mới cho cha tôi. Địa điểm Thuần vương phủ thứ ba này được chọn ở vùng Tử Quan Các, Tập Linh Hựu, Tập Uyển Tam Hải. Phủ này đang trong thời kỳ khẩn trương xây dựng thì khởi nghĩa Vũ Xương bùng lên, vì vậy cái gia thể Thuần vương phủ ba lần tu sửa và xây mới, hai lần “rồng phục” và một lần nhiếp chính cuối cùng đã kết thúc theo lịch sử của nhà Thanh.

Trong những năm cuối cùng đen tối nhất của nhà Thanh, cả gia đình Thuần vương đã làm đầy tớ trung thành trong nửa thế kỷ cho Từ Hy thái hậu, và ông nội tôi thì đã suốt đời làm việc trung thành cho bà ta.

Ông nội tôi là con đẻ của Trang Thuận Ô Nha Nhi, hoàng phi của vua Đạo Quang, sinh năm thứ 22 thời vua Đạo Quang và mất năm thứ 16 thời vua Quang Tự. Giờ “ngọc điệp” (sách kê dòng dõi nhà vua) ra xem thì, trong thời gian 11 năm vua Hàm Phong (anh con bác của Thuần hiền thân vương Dịch Hoàn) làm vua, trừ cái chức Thuần quận vương mà ông nội tôi lúc mười một tuổi được phong theo lệ vì Hàm Phong lên ngôi, ông nội tôi chưa từng được “ân thưởng” gì hết, nhưng trong nửa năm kể từ khi vua Hàm Phong chết, nghĩa là chỉ trong mấy tháng tôn hiệu của Từ Hy thái hậu xuất hiện, thì đột

nhân ông nội tôi liên tiếp được phong hàng loạt phẩm tước: Thống soái quân Hán kỳ Chính Hoàng, Nội thân lãnh thị vệ kỳ Chính Hoàng, Đại thần ngự tiền, Đại thần hậu hộ, Quản sự thiện quốc doanh, Quản sự thần phụng thần uyển, Quản sự tân cự doanh phòng kỳ Chính Hoàng, Quản sự hoá thương doanh, Quản sự thân cơ doanh... Năm ấy ông mới 21 tuổi. Một thanh niên 21 tuổi mà có vai vế lớn như vậy, tất nhiên là vì có chị vợ làm hoàng thái hậu. Song sự việc cũng không phải hoàn toàn như vậy. Hồi tôi còn nhỏ đã từng nghe kể câu chuyện như sau: một hôm, trong vương phủ có buổi diễn kịch, khi diễn đến màn cuối vở “Trát mỹ án”, chú Tãi Thuận lúc đó còn thơ ấu thấy Trần Sĩ Mỹ bị Ba Long Đồ đâm chém máu me đầy mình, sợ quá ngồi bệt xuống đất khóc oà lên. Ông nội tôi giận quá mắng chú tôi ngay trước mặt mọi người: “Thật chẳng ra cái thứ gì cả, năm tao 21 tuổi đã tự tay tóm được Túc Thuận. Còn mày như vậy thì sau này làm sao gánh gạc nổi việc lớn của nước nhà?”. Thì ra, việc bắt Túc Thuận mới là khởi điểm thăng quan tiến chức của ông nội tôi.

Sự việc xảy ra hồi năm 1861. Lúc bấy giờ chiến tranh Thuộc phiên lần thứ hai đã kết thúc bằng việc ký hoà ước một cách nhục nhã. Vua Hàm Phong trốn tới tỉnh Nhiệt Hà (2) ôm nằm liệt giường, trước khi mất, ông cho gọi ba vị đại thần ngự tiền và năm vị đại thần quân cơ đi theo ông tới bên cạnh giường dặn phải dựng người con sáu tuổi là Tãi Thuận làm hoàng thái tử và cử tám vị đại thần này làm đại thần tán tương chính vụ (giúp đỡ quản lý việc nước). Hôm sau vua Hàm Phong “thăng hà”. Thế theo lệnh vua, tám vị “cố mệnh đại thần” này phù Tãi Thuận lên nối ngôi, đặt niên hiệu “Kỷ Tường”, đồng thời nắm hết quyền bính của triều đình.

Tám vị cố mệnh đại thần này là Di thần vương Tãi Viên, Trinh thân vương Đoan Hoa, thượng thư hộ bộ đại học sĩ hiệp biện Túc Thuận và năm đại thần quân cơ Cảnh Thọ, Mục Âm, Khuông Nguyên, Đồ Hân, Tiêu Hựu Doanh. Trong số người này, hai vị thân vương và đại học sĩ hiệp biện là những người nắm thực quyền, mà Túc Thuận lại là người chủ chốt nhất. Túc Thuận là người được coi trọng hồi thời vua Hàm Phong, nghe nói y giỏi đề bạt “nhân tài”, từng giới thiệu và đề bạt địa chủ người Hán là Tăng Quốc Phiên và Tả Tông Đường giúp triều đình nhà Thanh đàn áp cuộc cách mạng Thái Bình Thiên Quốc. Vì trọng dụng người Hán, nên y bị bọn quý tộc ghen ghét. Có người nói, trong thời kỳ Thái Bình Thiên Quốc hưng thịnh nhất, y vợ vết và bòn rút nhân dân cũng chỉ nhằm đối tượng là người “kỳ” (3). Cũng có người nói y rất hung ác, tàn nhẫn, chuyên quyền ngang ngược, có nhiều thủ đoạn rất thâm độc đối với những ai không ăn cánh, vì vậy đã gieo mầm mống tai hoạ và bị mọi người thù oán. Kỳ thực, Túc Thuận bị giết, nguyên nhân căn bản nhất là vì giữa tập đoàn này với phái thế lực mới vừa hình thành có mâu thuẫn gay gắt như lửa với nước, bọn Túc Thuận chưa biết rõ Cung thân vương Dịch Hân (4) ở Bắc Kinh đang câu kết với người nước ngoài lúc bấy giờ đã có lực lượng như thế nào.

Cung thân vương Dịch Hân vốn không phải nhân vật được lòng trong triều đình Hàm Phong. Hàm Phong khi bỏ trốn đi tỉnh Nhiệt Hà đã để Dịch Hân ở lại Bắc Kinh đàm phán với nước ngoài, song công việc chẳng có gì vui sướng này lại tạo cho y một dịp may rất tốt. Dịch Hân thay mặt triều đình nhà Thanh đàm hoà với liên quân Anh - Pháp và tiếp nhận “Điều ước Bắc Kinh” mất quyền nhục nước, do đó được đế quốc tán thưởng. Vị “hoàng thúc” được người nước ngoài ủng hộ này tất nhiên không cam chịu ở địa vị thấp kém hơn bọn Túc Thuận, hơn nữa lại được các vương công đại thần xưa nay vẫn ghen ghét Túc Thuận dung túng, nên càng muốn thử sức xuất đầu lộ diện. Đang lúc ấy, bỗng nhận được chỉ dụ của hai vị thái hậu ở “Ly cung” tỉnh Nhiệt Hà phái người bí mật mang đến.

Hai vị thái hậu này, một là, hoàng hậu của vua Hàm Phong, sau mang tôn hiệu Từ An, còn gọi là Đông thái hậu, vị khác chính Từ Hy, còn gọi là Tây thái hậu. Tây thái hậu vốn là cung nữ, vì có thai với Hàm Phong nên được nâng làm quý phi, đẻ ra Tãi Thuận là con trai duy nhất của Hàm Phong. Về sau Tãi Thuận làm vua, mẹ nhờ con được vinh hiển, trở thành thái hậu. Không biết có sự sắp xếp gì trước hay không mà Từ Hy vừa lên thái hậu, tức thì có một ngự sử dâng sớ đề nghị hai vị thái hậu ra “thùy liêm thính chính” (5). Đề nghị đó bị Túc Thuận và những người khác kịch liệt phản đối, nói là triều đình nhà Thanh không có lệ này. Đối với Từ An thái hậu là người không có dã tâm thì không sao, nhưng đối với Từ Hy thì bà ta mang hận trong lòng. Trước hết bà cô để Từ An thái hậu tin rằng một số cố mệnh đại thần ấy rắp tâm làm phản, sau đó được sự đồng ý của Từ An, bà mật triệu Cung thân vương Dịch Hân tới “Ly cung” ở tỉnh Nhiệt Hà bàn mưu tính kế đối phó. Lúc bấy giờ, để củng cố được thế lực của mình, nhóm Túc Thuận từng trăm phương nghìn kế đề phòng Cung thân vương ở Bắc Kinh và thái hậu ở “Ly cung”. Có nhiều lời đồn về việc hai thái hậu làm thế nào tránh được tai mắt của nhóm Túc Thuận để liên hệ với Cung thân vương. Có người nói chỉ dụ của thái hậu là do một người

làm bếp trong cung bí mật đem đến Bắc Kinh, lại có người nói Từ Hy cô tình công khai đánh mắng thái giám tâm phúc của bà ta là An Đức Hải rồi ra lệnh giải về nội triều ở Bắc Kinh để xử, và như vậy An Đức Hải đã mang chỉ dụ tới Bắc Kinh. Dù sao chỉ dụ cũng đã tới tay Cung thân vương. San khi được chỉ dụ, Cung thân vương đã lập tức gửi sớ tới “Ly cung” yêu cầu được vào triều yết vua. Túc Thuận lấy cớ “trách nhiệm quan trọng ở lại trông giữ Bắc Kinh” để ngăn cản nhưng không xong, y lại vin phép tắc “chị dâu và em chồng không được chuyện trò với nhau” để ngăn cản Cung thân vương gặp hai bà thái hậu, nhưng cũng không thành. Về việc Cung thân vương gặp hai thái hậu sau này có nhiều lời đồn, người thì nói Cung thân vương giả làm thầy mo lân vào được “Ly cung”, kẻ thì nói Cung thân vương “chiếu tướng” Túc Thuận rằng: “Nếu như chị dâu em chồng gặp nhau không tiện, thì ông hãy đứng tại chỗ mà giám sát”. Túc Thuận ngượng mặt quá đành phải nhượng bộ. Có người nói khi Cung thân vương đi cúng linh vị vua Hàm Phong, Từ Hy thái hậu sai An Đức Hải đem thưởng cho y một bát mì, trong bát có chỉ dụ của Từ Hy. Tóm lại, bất kỳ lời đồn nào đáng tin hay không tin, cuối cùng vẫn là Cung thân vương Dịch Hân đã gặp Từ Hy thái hậu và bàn bạc cụ thể mọi việc. Kết quả là sau khi hai bà thái hậu trở về Bắc Kinh, Dịch Hân liền được phong Nghị chính vương, còn Di thân vương Tải Viên và Trinh thân vương Đoan Hoa thì “được” ban cho “tự vẫn”, Túc Thuận bị chém, năm cố mệnh đại thần khác đều bị giam hoặc sung quân. Niên hiệu của Tải Thuận cũng bị đổi là “Đồng Trị”, có nghĩa là hai bà thái hậu cùng năm triều chính. Và từ đó bắt đầu 47 năm lịch sử “thủy lâm thịnh chính” của Từ Hy thái hậu trong hai thời vua Đồng Trị và Quang Tự. Công trạng của ông nội tôi trong cuộc đảo chính này là bắt được Túc Thuận tại Bán Bích Diêm trên đường y hộ tống quan tài vua Hàm Phong về Bắc Kinh, vì vậy được ban hàng loạt phẩm tước như đã kể trên.

Năm thứ 3 đời vua Đồng Trị, ông nội tôi lại được phong danh hiệu “gia thân vương hàm”, năm thứ 11 Đồng Trị được chính thức tấn phong thân vương. Năm thứ 13, vua Đồng Trị tạ thế, vua Quang Tự nối ngôi, ông nội tôi lại được phong “thế tập võng thế”, ý là con cháu muôn đời đều được thừa tập tước vương.

Trong triều đình Quang Tự, Cung thân vương Dịch Hân từng nhiều lần không được chuộng, nhưng Thuần thân vương Dịch Hoàn thì ngày càng được ân thưởng, hưởng đến mọi vinh hiển trên đời.

Tôi từng trông thấy rất nhiều câu đối “cách ngôn gia huấn” của ông nội tôi để lại trong Thuần vương phủ do chính tay ông viết. Những câu đối và hoành phi ấy đều treo trong các phòng của con cháu. Có một câu đối viết: “phúc lộc trùng trùng tăng phúc lộc, ân quang bồi bồi thụ ân quang” (6) Lúc đó tôi nghĩ rằng ông nội tôi hình như đã thỏa mãn lắm rồi, còn bây giờ tôi lại nghĩ khác, thậm chí hành động “xem kịch mạng con” xưa kia đều có dụng ý của ông.

Nếu như Thuần quận vương năm 21 tuổi thiếu hiểu biết, thì qua 13 năm thời vua Đồng Trị ông đã có nhiều từng trải. Nhất là việc vua Đồng Trị và hoàng hậu chết, là thân vương quý tộc dòng dõi của vua, ông càng biết sự tình và càng thấm thía hơn ai hết.

Theo sử sách ghi chép, thì vua Đồng Trị chết vì bệnh giang mai, nhưng theo tôi biết thì Đồng Trị chết vì bệnh đậu mùa (nhật ký của ông Đồng Hoà cũng ghi chép như vậy). Lẽ ra bệnh đậu mùa không phải là bệnh không chữa được, nhưng Đồng Trị đã bị kích thích trong khi ốm, vì vậy bị biến chứng “Đậu chạy vào trong” không còn cách cứu chữa mà chết. Nghe nói sự tình như sau: Một hôm, hoàng hậu vào điện Dưỡng Tâm thăm vua Đồng Trị, ngồi trên giường bệnh vừa khóc vừa kể cho Đồng Trị nghe mẹ chồng trách mắng như thế nào. Đồng Trị khuyên hoàng hậu cố chịu đựng, sau này sẽ có ngày ngẩng đầu dậy. Từ Hy vốn không ưa gì con dâu này, từ lâu đã gài tai mắt theo dõi con rể và con dâu. Hôm đó được tin hoàng hậu đi thăm Đồng Trị bèn đích thân đến nấp ngoài điện Dưỡng Tâm để nghe trộm câu chuyện của con và dâu. Hai vợ chồng trẻ có ngờ đâu những câu thủ thi riêng tư của mình đã mang lại tai vạ tày trời! Đang lúc ấy, Từ Hy nổi giận ùng ùng lao vào giật lấy tóc con dâu đập túi bụi, và gọi người đem gậy đến đánh. Đồng Trị kinh hãi ngất lịm đi, Từ Hy thấy vậy mới thôi không hành hạ con dâu nữa. Đồng Trị chết, Từ Hy bèn đổ hết trách nhiệm lên đầu con dâu, ra lệnh hạn chế cơm nước không cho hoàng hậu ăn uống đầy đủ. Hai tháng sau, hoàng hậu cũng bị đẩy đoạ đến chết. Sau khi hoàng hậu chết, Từ Hy vẫn chưa nguôi giận, lại cất chức Thị lang của bố hoàng hậu là Sùng Khởi. Năm sau, có một ngự sử dâng sớ nói là bên ngoài có nhiều lời đồn, người nói hoàng hậu chết vì đau buồn quá mức, kẻ nói chết vì không được ăn uống, dù sao đi nữa hoàng hậu rất mực tiết lễ, nên được khen ngợi, truy thưởng phẩm tước v.v... Song, chẳng thấy truy thưởng phẩm tước gì hết, chỉ thấy vị ngự sử ấy mất toi chức vụ của mình.

Lúc Đồng Trị còn sống, sự bất hoà giữa mẹ con Đồng Trị không còn là chuyện bí mật nữa. Hồi tôi còn ở trong Cố cung, từng nghe thấy các thái giám già nói, mỗi lần Đồng Trị đi thỉnh an Đồng

thái hậu xong còn nán lại chuyện trò một lát nhưng trước mặt mẹ đẻ của mình thì trái lại không hề hé miệng nói lên một lời. Thời kỳ Đông Trị, vây cánh của Từ Hy thái hậu đã sớm hình thành. Vì Đông thái hậu không bao giờ hỏi han đến công việc, nên mỗi lần vua Đông Trị quyết định một việc gì, nếu không hỏi qua Tây thái hậu thì không thể nào thông qua được. Đây là nguyên nhân chính của sự bất hoà giữa hai mẹ con. Từ Hy là người rất mực ham mê quyền thế, không bao giờ chịu để mất một quyền lực nào đã nắm được trong tay. Đối với bà cái mà gọi là tam cương ngũ thường, pháp chế tổ tông chỉ có thể để phục vụ cho mình. Để có thể duy trì quyền uy và tôn nghiêm của mình, Từ Hy đối xử với dòng họ, cốt nhục, đại thân, thân tín, bất kỳ là ai, nếu thuận thì sống, trái thì chết. Việc Đông Trị và hoàng hậu chết càng phơi bày hơn nữa bộ mặt của Từ Hy. Nếu không hiểu rõ sự tình thì ông nội tôi không bao giờ bay hồn mất vía khi nghe tin con mình được gọi đi làm vua. Trong nhật ký của ông Đông Hoà là người từng đi dự hội nghị ngự tiền lần ấy đã viết: khi Từ Hy vừa tuyên bố dứt lời dựng Tái Diêm làm vua kế thế, ông nội tôi liền “đập đầu khóc thảm thương, ngất lịm dưới đất, nâng dậy không đứng nổi...”

Theo pháp chế của tổ tông, vua không có thái tử thì phải chọn lấy một người con của anh em ngang họ làm hoàng thái tử để nối ngôi. Sau khi Tái Thuần chết, lẽ ra phải chọn một người, có tên đệm “Phổ” là bậc hàng con làm hoàng thái tử, song nếu như vậy Từ Hy sẽ là hoàng thái hậu, tiếp tục “thùy liêm thánh chính” thì khó nói quá. Vì thế Từ Hy không tìm con thừa kế cho con mình, mà chọn Tái Diêm là cháu gọi mình bằng dì làm con mình để tiếp ngôi vua Đông Trị. Lúc bấy giờ, một ngự sử là Ngô Khả Độc bằng cách “thi giám” (lấy tính mệnh của mình để mà can ngăn) yêu cầu lập con thừa kế cho Đông Trị, nhưng cũng không làm Từ Hy thay đổi được ý định. Bà chỉ hứa rằng, bao giờ vua mới có thái tử thì sẽ lập con thừa kế cho Đông Trị. Một học sĩ là bạn tâm giao của Thuần vương phủ, sau này kể cho tôi biết tình hình hội nghị ngự tiền lần đó. Hôm ấy Đông thái hậu không có mặt, Tây thái hậu nói với các vương công đại thân đang quỳ dưới đất rằng: “Chị em ta đã bàn rồi, chọn người hơi lớn thì chị em ta cũng không muốn lắm đâu! “thi giám” hay khóc ngất để can ngăn cũng chẳng được tích sự gì”.

Từ đây, ông nội tôi bắt đầu trải qua một quá trình kỳ lạ: hễ Từ Hy mỗi lần ban thưởng vinh dự cho ông thì ông lại một lần tạ ơn từ chối, và đến năm Tái Diêm vào cung lên ngôi thì ông nội tôi đã từ hết mọi chức quan, chỉ riêng ân hưởng “thân vương thế tập võng thế” là không thể từ chối được phải nhận. Mấy năm sau đó, công việc duy nhất của ông nội tôi là chăm lo việc học tập cho vua Quang Tự. Ông lo sợ nơm nớp, không dám lơ là trong công việc, vì vậy lại được Từ Hy ban cho song lộc và “ngôi kiệu bốn người khiêng, tự do đi lại trong cung cấm”. Về sau Cung thân vương Dịch Hân không được chuộng bị cất chức đại thân Nghị chính vương, Từ Hy thái hậu ra lệnh cho các đại thân quân cơ phạm việc nước trọng đại đều phải bàn bạc với Thuần thân vương, và như vậy coi như ban cho ông nội tôi cấp bậc càng cao hơn. Theo thường lệ đàn ông lấy vợ thì coi là trưởng thành, nếu như Quang Tự kết hôn, thì thái hậu đáng lý phải giao lại quyền hành cho vua. Điều đó tất nhiên Từ Hy không muốn, vì vậy trước khi Quang Tự kết hôn, Từ Hy bày cho Dịch Hoàn dẫn đầu một nhóm quân thân tâu xin thái hậu tiếp tục “huân chính”. Lúc triều đình nhà Thanh xây dựng một hải quân kiểu mới. Dịch Hoàn được giao trọng trách này. Nhưng đến khi Dịch Hoàn thay mặt hoàng hậu đi duyệt hải quân mới hình thành bước đầu, thì thái hậu lại phái Tổng quản Lý Liên Anh là thái giám tâm phúc của bà ta cùng đi để theo dõi.

Kể từ khi Quang Tự lên ngôi, ông nội tôi càng biết rõ tính tình của chị vợ mình. Trong những năm thời vua Quang Tự, Từ Hy vui giận bất thường. Có một thái giám chơi cờ hầu bà ta nói đùa một câu: “Bây tôi diệt con ngựa này của lệnh bà”, Từ Hy lập tức nổi giận đùng đùng: “Tạ giết cả nhà ngươi!” lập tức lôi thái giám này ra đánh chết tươi. Từ Hy rất chuộng tóc của mình, một lần, thái giám chải đầu cho bà ta xong thấy kẽ lược có mắc một sợi tóc, sợ quá định dẫu, không ngờ Từ Hy nom thấy qua tấm gương soi, vì vậy thái giám này bị một trận đòn. Những thái giám hầu hạ Từ Hy thái hậu đều nói, ngoài Lý Liên Anh ra, bất kỳ ai tới phiên đứng trực hầu hạ chung quanh Từ Hy đều lo sợ nơm nớp. Từ Hy già dần, da mặt thường bị chứng bệnh co dúm, bà ngại nhất là người khác trông thấy. Có một thái giám có lẽ vừa thoáng nhìn lâu một chút, bà ta hỏi ngay: “Người nhìn gì?” Thái giám không biết trả lời như thế nào, liền bị lôi ra đánh mấy chục hèo. Các thái giám khác biết vậy đến lượt mình đứng trước bà không ai dám ngẩng đầu, Từ Hy lại nổi giận: “Các người cúi đầu làm gì?”. Thái giám không trả lời được lại bị lôi ra đánh mấy chục hèo. Lại một lần, Từ Hy hỏi thái giám hôm nay thời tiết như thế nào, thái giám này tiếng nói còn đặc giọng địa phương trả lời: “Thời tiết rét lạnh rét lạnh”, Từ Hy nghe không quen cũng sai người đánh ông ta một trận. Không những thái giám, mà cung nữ cũng thường bị hành hạ đánh đập.

Những nô bộc chết vì bị đánh đập không phải là chuyện lạ trong cung đình và vương phủ Bắc Kinh, và cũng chẳng làm cho Thuận thân vương cảm thấy bị kích động lắm. Nhưng cái chết đột ngột của Đông thái hậu vào năm thứ 7 đời vua Quang Tự đối với ông thì không phải chuyện bình thường nữa. Nghe nói trước khi mất, Hàm Phong lo quý phi (tức Từ Hy) vì con nối ngôi mà được làm thái hậu sau này sẽ cậy thế hiếp người, hoàng hậu Nữu Hỗ Lộc Thị (tức Từ An) không phải là đối thủ của bà ta nên có để lại một tờ sắc chiếu, ban quyền cho hoàng hậu lúc nào cần thiết thì giở ra để trị Từ Hy. Từ An tuy xuất thân dòng dõi hầu tước nhưng ít từng trải, có một lần nói lộ ra cho Từ Hy biết, từ đó Từ Hy trăm phương nghìn kế tán tưng để lấy lòng Từ An, cuối cùng, trước mặt Từ Hy, Từ An đã đốt sắc chiếu của Hàm Phong để lại. Chẳng bao lâu, Đông thái hậu chết đột ngột trong cung. Có người nói Đông thái hậu chết vì ăn bánh ngọt của Từ Hy sai người đem đến biếu, lại có người nói là ắn canh do chính tay Từ Hy nấu mang cho. Cái chết của Đông thái hậu tất nhiên tác động mạnh đến Thuận thân vương. Từ đó ông làm việc gì cũng thấp thỏm, và coi việc làm cho Từ Hy vừa ý và tin cậy là bổn phận duy nhất của mình. Hồi ông phụ trách việc xây dựng hải quân (Lý Hồng Chương làm đại thần hộ biện), ông đã rút phần lớn kinh phí xây dựng hải quân ra xây dựng vườn Di Hoà để làm nơi vui chơi cho Từ Hy. Đang lúc công trình tiến hành khau trương thì tỉnh Trực Lệ ⁽⁷⁾ và vùng Bắc Kinh bị lụt lớn, ngự sử Ngô Triệu Thái đề nghị tạm ngưng lại vì sợ nhân dân bị nạn lụt gây loạn, đã bị cắt chức và “giao cho bộ nghị xét xử”. Còn Thuận thân vương thì không dám hé một lời, vẫn nài lưng dốc thúc làm cho xong. Năm 1890, vườn Di hoà làm xong, và ông nội tôi cũng rời khỏi cõi đời. Bốn năm sau, hải quân do ông một tay xây dựng bị đánh bại thảm hại trong chiến tranh Giáp Ngọ ⁽⁸⁾. Những tàu chiến đôi bằng mấy chục triệu lạng bạc chỉ còn lại chiếc thuyền bằng đá để làm cảnh trong vườn Di Hoà, ngoài ra không còn gì hết.

Ông ngoại Vinh Lộc

Thuần hiền thân vương có bốn “phu chin ⁽⁹⁾, bảy trai ba gái. Khi mất để lại ba trai một gái, lớn nhất là con trai thứ năm tức Tải Phong cha tôi, năm ấy tám tuổi, được thừa tập tước vương. Hai chú của tôi là Tải Tuân 5 tuổi và Tải Đào 3 tuổi, cũng được tấn phong tước công. Gia đình tôi từ đây lại bắt đầu được “ân thưởng phúc lộc” mới. Cái “ân thưởng phúc lộc” trong mười mấy năm cuối của Thuận vương phủ so với mấy mươi năm trước càng tích tụ thêm sự khổ cực và tủi nhục của nhân dân Trung Quốc và cũng không thể tách rời với cái tên Từ Hy.

Một việc lớn là Từ Hy chỉ định hôn nhân cho bố mẹ tôi. Lần “ân thưởng” cũng có thể nói là con đẻ cuộc đảo chính Mậu Tuất (1898) và vụ Canh Tý (1900). Trước hết, đó là một ân thưởng cho “trung thân”. Vinh Lộc đã lập công lớn cho Từ Hy trong vụ đảo chính Mậu Tuất. Vinh Lộc, ông ngoại tôi, là người kỳ Chính Bạch, Mãn Châu, thời vua Hàm Phong từng làm Ngâm khổ viên ngoại lang bộ Hộ suýt bị Túc Thuận chém vì tội tham nhũng. Không biết bằng cách nào ông đã thoát khỏi vận nguy đó và tung tiền mua được cái chức Hầu bộ đạo viên, sau đó từng là đại thần Tổng quản phủ nội vụ, năm đầu thời vua Quang Tự được lên tới Công bộ thượng thư. Về sau vì bị tố cáo tham ô hối lộ, bị giáng chức điều ra khỏi Bắc Kinh. Năm xảy ra chiến tranh Giáp Ngọ, Cung thân vương Dịch Hân ra làm việc quân, Vinh Lộc bèn nhân dịp vào Bắc Kinh chúc thọ Từ Hy thái hậu tìm đến nương tựa Cung thân vương và được y tín nhiệm. Sau chiến tranh Giáp Ngọ, khi tiền cử Viên Thế Khải ra làm quan huấn luyện quân lính mới, Vinh Lộc đã làm tới Bình bộ thượng thư. Thời kỳ này Vinh Lộc càng lão luyện hơn trước nhiều, ông rất biết chớp thời cơ, nhất là không tiếc tiền đút lót Tổng quản thái giám Lý Liên Anh, vì thế khiến Từ Hy thái hậu dần dần thay đổi ấn tượng đối với ông.

Vinh Lộc được người bạn tốt Lý Liên Anh, lại thêm vợ mình rất khéo lấy lòng thái hậu và thường được triệu tập vào cung chuyện trò với thái hậu, nên ông ngày càng thấu hiểu tâm lý Từ Hy. Ông biết nội tình sự bất hoà giữa Từ Hy và Quang Tự, càng biết sự bất hoà ấy liên quan đến tiền đồ của mình, nên dĩ nhiên ông càng mong muốn bàn mưu tính kế cho Từ Hy trong sự lục đục này. Trong

khi vua Quang Tự ra sắc chiêu thực hành biện pháp duy tân, những người đã bị cách chức và những người đang lo bị mất chỗ đứng chỉ biết than khóc, thì Vinh Lộc đã sớm bày kế cho Từ Hy. Lúc bấy giờ người ta gọi những người theo vua Quang Tự là Đế đảng, gọi những người theo Từ Hy là Hậu đảng. Vinh Lộc là người cầm đầu các đại thần năm quyền thuộc Hậu đảng, Ông Đồng Hoà cầm đầu các đại thần không có thực quyền thuộc Đế đảng. Phái duy tân sợ dĩ bất mỗi được với vua Quang Tự là nhờ Khang Hữu Vi do Ông Đồng Hoà tiên cử. Theo kế của Vinh Lộc, Từ Hy trước hết buộc Quang Tự cho thầy học là Ông Đồng Hoà về vườn.

Nghe nói trước khi Ông Đồng Hoà về vườn, Vinh Lộc còn đến giả vờ lau nước mắt bắt tay tiễn đưa và hỏi: “Sao ông lại mang tội với vua làm gì?”. Ông Đồng Hoà vừa rời khỏi Bắc Kinh vài ngày, Vinh Lộc liền được lên làm Uyên các đại học sĩ kiêm Tổng đốc tỉnh Trực Lệ và đại thần Bắc Dương. Với cương vị tốt cùng này ông có quyền thông lĩnh cả ba quân. Sau khi nắm được các chức vị này, Vinh Lộc xúi các đại thần liên danh dâng sớ phê bỏ Quang Tự và do Từ Hy khôi phục “thính chính”, song vì phái đương quyền bị chỉ trích về mọi mặt sau khi chiến tranh Giáp Ngọ thất bại, có người sợ hành động này sẽ dẫn đến sự bất mãn của dân chúng nên không dám hưởng ứng, vì vậy Vinh Lộc buộc phải bỏ ý định đó. Nhưng cuối cùng thì Vinh Lộc cũng đạt được mong muốn nhân vụ đảo chính Mậu Tuất. Nghe nói sự việc xảy ra như sau: Thoạt đầu Vinh Lộc định kế làm đảo chính trong khi Từ Hy thái hậu cùng vua Quang Tự đi Thiên Tân duyệt tân binh, Quang Tự được tin này bèn sai người bí mật báo tin cho phái duy tân biết để tìm cách ứng cứu. Phái duy tân đặt hy vọng rất nhiều vào Viên Thế Khải lúc bấy giờ đang làm An sát xứ Trực Lệ thông lĩnh tân binh, không ngờ sự việc đã hỏng ở tay y. Giữa lúc cả nước đang đàm luận sôi nổi về duy tân và coi đó như một thời kỳ mới, Viên Thế Khải đã gia nhập vào đoàn thể “Cường học hội” của nhân sĩ phái duy tân. Hồi Ông Đồng Hoà về vườn có qua Thiên Tân, Viên Thế Khải cũng từng bày tỏ với ông sự đồng tình của mình, đồng thời khẳng định lòng trung thành vô hạn của mình với vua Quang Tự. Bởi thế phái duy tân đặt niềm hy vọng ở y và đề nghị vua Quang Tự nâng chuộng y. Quang Tự đã triệu y vào hầu và đặc cách tấn phong y làm Thị Lang binh bộ chuyên trách việc huấn luyện quân lính, sau đó Đàm Tự Đồng (10) thuộc phái duy tân tìm đến gặp y ở nhà riêng và cho biết kế hoạch của phái duy tân: Phái giết cho bằng được Vinh Lộc bằng cách “bình gián” (dùng binh quyền để can ngăn hoặc yêu cầu) trong khi Từ Hy và Quang Tự duyệt binh, đồng thời giam lỏng Từ Hy, ủng hộ Quang Tự. Nghe xong, Viên Thế Khải hớn hở nhận lời ngay: “Giết Vinh Lộc chẳng qua dễ như giết một con chó mà thôi!”. Đàm Tự Đồng thăm dò thêm: “Ông không làm cũng được, cứ báo cho phía Từ Hy biết thì sẽ được hưởng phú quý vinh hiển”. Viên Thế Khải trợn trừng đôi mắt: “Ông tưởng rằng Viên Thế Khải tôi là kẻ như thế sao?”. Ấy thế mà sau khi tiễn Đàm Tự Đồng về, y liền về Thiên Tân ngay hôm ấy báo cáo hết cho Vinh Lộc, cấp trên của y. Được tin, Vinh Lộc vội đáp tàu hoả đến Bắc Kinh, tới Phong Đài (11) xuống tàu đi thẳng tới vườn Di Hoà báo cho Từ Hy. Rốt cuộc Quang Tự bị giam lỏng, Đàm Tự Đồng cùng năm nhân sĩ phái duy tân bị giết, Khang Hữu Vi bỏ trốn sang Nhật, phong trào duy tân mới nhóm lên và tồn tại 100 ngày đã bị dập tắt. Còn Vinh Lộc ông ngoại tôi thì đúng như lời Lương Khải Siêu nói “kiêm chức văn võ, quyền thế ngập triều”, và trong “Thanh sử cảo”, cũng đã ghi chép rằng “được thái hậu hết sức tin cậy và quan tâm, chẳng ai sánh kịp. Bất kỳ việc lớn việc nhỏ, thường phải ông phán quyết một lời mới xong”.

Trong vụ Canh Tý (1900) tại hại, Từ Hy lợi dụng Nghĩa hoà đoàn giết người nước ngoài, đồng thời lợi dụng người nước ngoài giết Nghĩa hoà đoàn, Vinh Lộc càng thêm trung thành với Từ Hy thái hậu. Sau cuộc đảo chính Mậu Tuất, Từ Hy tung tin Quang Tự bị ốm nặng để dễ bề thủ tiêu Quang Tự. Không ngờ âm mưu đó bị phát giác, rốt cuộc dẫn đến người nước ngoài muốn đến khám bệnh cho Quang Tự. Từ Hy không dám động đến người nước ngoài buộc phải để cho họ đến khám bệnh. Kế này không thành, bà lại bày cách chọn con thừa tự cho Đồng Trị rồi tiếp đó mới khử Quang Tự. Bà chọn Phổ Tuấn là con của Đoan vương Tải Y làm con thừa tự cho vua Đồng Trị, và theo mưu kế của Vinh Lộc đến ngày nguyên đán thì mời công sứ các nước tới dự lễ chúc mừng để tỏ ra họ cũng ủng hộ hành động này. Song, việc giao thiệp lần này của Lý Hồng Chương với người nước ngoài không thành, các công sứ đều từ chối không đến. Việc này hiện nay mọi người đều rõ như ban ngày, không phải là vì các công sứ bất mãn gì với cách xử xử của Từ Hy, mà là công sứ các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nhật.. không thích thú gì thế lực của Hậu đảng thân đế quốc Nga lên nước quá nhiều. Tất nhiên, kẻ từ ngày lên nắm quyền, Từ Hy chưa bao giờ dám động đến người nước ngoài, Người nước ngoài chém giết nhân dân Trung Quốc, cướp giạt vàng bạc châu báu của Trung Quốc, tất cả những việc ấy đối với bà chẳng có gì đáng kể, song việc người nước ngoài bảo hộ Khang Hữu Vi, phản đối việc phế truất vua Quang Tự và dựng vua kế thế, công khai tỏ ra không đồng ý sự thống trị của bà, thì bà không thể chịu được nữa.

Vinh Lộc khuyên bà dù thế nào đi chăng nữa cũng chớ nên trêu tức người nước ngoài, sự việc chỉ có thể thương lượng dân, về phần danh phận của Phò Tuấn cũng đừng làm lộ liễu quá. Từ Hy tiếp nhận ý kiến của Vinh Lộc. Tập “Thanh sử cảo” có đoạn ghi chép: “Sợ người nước ngoài chông, nghe lời Vinh Lộc, đổi gọi Tả Tuấn là Đại A Ca”. Nhưng vì muốn con mình làm vua Tả Y, đã cùng với một số vượng công đại thần như Cương Nghị, Từ Đồng... bày kế khác cho Từ Hy là lợi dụng Nghĩa hoà đoàn để chông người nước ngoài để gây sức ép với người nước ngoài, hòng đạt đến mục đích hai bên cùng bị thương tổn. Lúc bấy giờ vấn đề Nghĩa hoà đoàn là vấn đề đau đầu nhất của triều đình nhà Thanh. Trước tình hình bọn truyền đạo người nước ngoài ức hiếp, bòn rút thậm tệ, nhân dân các nơi không những không được sự bảo hộ của triều đình, trái lại còn bị người nước ngoài liên hợp đàn áp, cho nên cuộc đấu tranh của nhân dân đã bùng nổ, khắp nơi đều thành lập đội quân Nghĩa hoà đoàn, nêu khẩu hiệu diệt người nước ngoài. Qua đấu tranh không ngừng, Nghĩa hoà đoàn lúc đó đã trở thành một lực lượng vũ trang lớn mạnh. Triều đình mấy lần điều quân lính đi đàn áp, đều bị họ đánh cho không còn mảnh giáp. Đối với Nghĩa hoà đoàn phải “tiểu trừ” hay “phủ dụ” trở thành vấn đề mà Từ Hy còn lưỡng lự. Nhóm vượng công đại thần chủ trương “phủ dụ” do Tả Y và đại học sĩ Cương Nghị cầm đầu định lợi dụng Nghĩa hoà đoàn đánh đuổi bọn người nước ngoài can thiệp vào việc phê truất, vua và chọn người làm vua kế thế rồi sau hãy hay. Nhưng Binh bộ thượng thư Từ Dụng Nghi, Hộ bộ thượng thư Lập Sơn và Nội các học sĩ Liên Nguyên kiên quyết phản đối, cho rằng lợi dụng Nghĩa hoà đoàn chông lại người nước ngoài ắt mang lại tai họa, vì thế chủ trương “tiểu trừ”. Giữa lúc hai bên giằng co chưa ngã ngũ, thì có tình báo đến làm Từ Hy hạ quyết tâm dứt khoát. Tình báo này cho rằng người nước ngoài coi nguyên nhân của cuộc bạo động ở khắp nơi là nhân dân muốn buộc Từ Hy phải trả lại quyền bính cho Quang Tự. Từ Hy nổi giận, lập tức hạ chiếu chỉ tuyên bố “phủ dụ” và mở kho cấp tiền cho Nghĩa hoà đoàn, treo giải thưởng lấy thủ cấp người nước ngoài, đồng thời ra lệnh tấn công các sứ quán ở phố Đông Giao Dân và các trại lính của họ. Để tỏ quyết tâm, bà sai đem xự chém Dụng Nghi, Lập Sơn, Liên Nguyên chủ trương “tiểu trừ”. Rút cuộc không đánh chiếm được phố Đông Giao Dân, trái lại pháo đài Đại Cô và thành phố Thiên Tân lần lượt thất thủ, liên quân của nước ngoài tiến đánh Bắc Kinh. Giữa lúc đó Từ Hy lại giở thủ đoạn mới, phái người bắt chấp khói lửa bom đạn tới phố Đông Giao Dân ngấm ngấm liên lạc với người nước ngoài. Bắc Kinh thất thủ, bà trốn tới Tây An. Sau đó, để chứng minh với người nước ngoài bà vốn không phải là người chông họ, ra lệnh đem chém Cương Nghị, Từ Đồng và một số đại thần khác đã chủ trương “phủ dụ”. Trong trận “bão cuốn mưa dông” thất thường này, Vinh Lộc hết sức giữ ý không để mình bị cuốn vào cơn lốc ấy. Vinh Lộc xử đoán công việc theo sắc mặt của Từ Hy, không bao giờ trái với ý của bà, hơn nữa còn luôn luôn chuẩn bị “đường rút” cho Từ Hy. Ông thừa nhận phải tấn công trại lính ngoại quốc ở phố Đông Giao Dân nhưng lại không cấp phát đạn dược cho quân lính, hơn nữa lại ngấm ngấm đem hoa quả đến trại lính nước ngoài để úy lạo. Sau khi liên quân tám nước vào Bắc Kinh và Từ Hy bỏ trốn, Vinh Lộc lại chỉ thị cho Lý Hồng Chương và Dịch Khuông có đặc trách hoà đàm với liên quân phải nắm được nguyên tắc miễn là không truy trách nhiệm của Từ Hy và không bắt Từ Hy giao quyền bính cho Quang Tự, thì có thể chấp nhận mọi điều kiện. Kết quả là dẫn đến việc ký kết điều ước Tân Sửu (1901) với nội dung bồi thường gần một tỷ lạng bạc kể cả lợi tức và đội quân nước ngoài được phép đóng tại Bắc Kinh. Vinh Lộc giải quyết xong công việc về tới Tây An liền được “ân điển” cho mặc áo bào màu vàng (12), ban cho “song nhân hoa linh” (13), ngoài ra đáng chú ý là Từ Hy thái hậu chỉ định việc hôn nhân cho con gái Vinh Lộc, gả cho Thuận thân vương Tải Phong làm “phụ chín”.

Về mối nhân duyên của cha mẹ tôi, sau này nghe các bộ lão kể lại, tôi mới biết thâm ý của Tây thái hậu. Thì ra sau vụ đảo chính, Tây thái hậu rất nghi ngờ Thuận vương phủ. Nghe nói trên mộ ông tôi có cây bạch quả rất cao, không biết ai nói với thái hậu rằng Thuận vương phủ xuất hiện hoàng đế, là vì trên mộ Thuận vương có cây bạch quả, “bạch” trên mộ “vương” đúng là chữ “hoàng” rồi! Từ Hy nghe xong liền sai người đi chặt bỏ mất. Kỳ thực làm cho Từ Hy nghi ngờ không chỉ là cây bạch quả, mà quan trọng hơn là thấy người nước ngoài thích thú với Quang Tự và anh em Quang Tự. Trước vụ Canh Tý, Từ Hy đã cảm thấy những người nước ngoài đáng sợ ấy hơi ngả về Quang Tự và đối với bà thì không mấy nể nang. Sau vụ Canh Tý, thống soái liên quân đòi phải cử anh em của vua làm đại biểu sang Đức xin lỗi việc công sứ Đức bị giết. Cha tôi sang Đức được

hoàng thất nước Đức tiếp đón trọng thể, đã làm cho Từ Hy không yên lòng và thêm nghi ngờ. Đối với bà, Quang Tự được người nước ngoài coi trọng là điều đáng lo ngại hơn Khang Hữu Vi thuộc phái duy tân. Để thủ tiêu mối lo ngại này, cuối cùng bà đã nghĩ ra cách kéo Vinh Lộc và Thuận vương phủ nổi thành thông gia. Tây thái hậu là con người như thế đấy. Phàm việc dù nhỏ đến đâu chăng nữa hễ bà

ta cảm thấy là mối đe dọa đối với mình, thì nhất định tìm cách xử lý dứt khoát. Năm 1901 trước khi trốn chạy đi Tây An, bà vẫn không quên sai người bắt Trần phi (14) đẩy xuống giếng (15) cho chết đuối để trừ hậu họa. Mọi suy nghĩ của bà đều nhằm làm thế nào duy trì được sự thống trị của mình. Năm thứ 27 thời vua Quang Tự, cha tôi sang Đức xin lỗi trở về nước, khi tới Khai Loan gặp loạn giá hồi kinh, ông tôi lại tình hình được tiếp đón trọng thể ở Đức và tháng 11 theo giá tới Bảo Định thì nhận được chỉ dụ của thái hậu chỉ định việc hôn nhân.

Quyết định của Từ Hy Thái Hậu

Sau vụ Canh Tý, Tả Y bị coi là người trong những người chủ yếu phải chịu trách nhiệm trong vụ này và bị sung quân đi Tân Cương, con của y bị mất cái tên “Đại A Ca”. Sau đó trong 7 năm, việc phê truất Quang Tự và dựng vua kế thế không còn ai bàn tán công khai nữa. Tháng 10 năm thứ 34 (năm 1908 công nguyên) thời vua Quang Tự, sau khi ăn mừng sinh nhật 74 tuổi của mình tại vườn Di Hoà, Từ Hy bị bệnh kiệt lực, đến ngày thứ 10 bà bỗng quyết định chọn con thừa tự cho vua Quang Tự. Hai ngày sau đó, Quang Tự và Từ Hy lần lượt qua đời. Trong nhật ký của cha tôi có ghi:

*Ngày 19. Triều yết.
Dâng sớ khân của Khánh vương...*

*Ngày 20. Triều yết.
Phụng chỉ thay mặt phê sớ. Khánh vương tới Bắc Kinh... (Thần) phụng chỉ làm nhiếp chính vương..., phụng chỉ đặt Phổ Nghi vào cung.*

*Ngày 21. Thần nghe tin hoàng thượng băng hà... Được hoàng thái hậu cho vờ vào cung.
Tiếp chỉ: Dựng con của Tả Phong làm vua kế thế.*

...Lại tiếp chỉ: Vua kế thế hãy còn nhỏ, đang lúc chuyên tâm học tập, uỷ thác Nhiếp chính vương Tả Phong trông coi việc nước, mọi việc quân chính đều phải được sự huân thị sau mới thi hành, chờ vua trưởng thành, học tập tiến bộ, lúc đó vua đích thân định đoạt chính sự.

Tôi chọn chép đoạn nhật ký ngày 19 là ngày đầu tiên Tây thái hậu tuyên bố quyết định của mình, là vì “dâng sớ khân của Khánh vương” ngày 19 và “Khánh vương tới Bắc Kinh” ngày 20 có quan hệ mật thiết tới việc dựng vua kế thế. Đây là sự sắp đặt cẩn mật của Tây thái hậu. Để nói rõ việc này, không thể không nói rõ tình hình của Khánh vương từ hồi trước.

Khánh vương tức Dịch Khuông (16), nổi tiếng vì thực hiện đường lối ngoại giao bán nước và mua bán phẩm tước. Thời đại Tây thái hậu, chỉ cần được lòng thái hậu thì công danh hiển hách. Nếu muốn được lòng thái hậu thì trước hết phải biết nắm tình hình của bà trong mọi lúc. Vinh Lộc nhờ dứt lốt Tổng quản thái giám Lý Liên Anh và sai vợ vào cung chuyện trò bợ đỡ thái hậu, nên nắm được nhiều tin tức rất kịp thời, vì vậy được lòng thái hậu hơn mọi người. Cách làm của Dịch Khuông nếu nói có khác hơn Vinh Lộc chút ít là y không tiếc tiền dứt lốt nhiều hơn cho Lý Liên Anh và con gái của Dịch Khuông tinh khôn hơn vợ Vinh Lộc. Nếu thái hậu vô ý đề lộ và thích cái gì, chẳng hạn như chiếc áo hoặc đôi giày thêu khảm... thì chỉ vài ba ngày sau con gái Dịch Khuông đã đem những thứ đó đến tận tay bà ngay. Vận đồ thăng quan tiến chức của Dịch Khuông chính là bắt đầu từ chỗ đó. Từ một chức vị thấp nhất trong tôn thất là phụ quốc tướng quân, ông dần dần lên đến thân vương, và nắm mọi quyền hành quản lý những công việc quan hệ với nước ngoài.

Cuộc hoà đàm Tân Sửu là sự kiện quan trọng nhất trong đời ông. Trong vụ này, ông không những hết lòng làm vừa ý thái hậu, để thái hậu khỏi chịu trách nhiệm chính, mà còn làm vừa ý liên

quân tám nước trong việc ký kết điều ước. Người ta khi nói đến vốn liếng chính trị của vương công nào, chỉ nói vương công này có Đức làm hậu thuẫn, vương công nọ có Nhật đăng sau lưng..., đều chỉ có một nước ngoài nâng đỡ còn khi nói đến Khánh vương thì chẳng ai sánh kịp: vì ông có những tám nước ủng hộ. Vì vậy sau cuộc hoà đàm Tân Sửu, Tây thái hậu rất mực coi trọng ông. Năm thứ 29 thời vua Quang Tự, ông nắm quyền hành vượt cả đại thần quân cơ của Lễ thân vương đã già chỉ có tiếng chứ không có miếng. Về sau, Lễ thân vương rút lui, Dịch Khuông chính thức tiếp lấy chức vụ đó, con là Tải Chân cũng được phong Thương bộ thượng thư, hai bố con vinh hiển không ai bằng. Mặc dù có một số vương công và ngự sử chống đối, tố cáo ông lạm quyền và tham nhũng, nhưng cuối cùng cũng chẳng có kết quả gì, thậm chí người tố cáo còn bị cách chức.

Tây thái hậu có vừa lòng thật sự hay không? Theo nhiều tài liệu cho biết: về sau Tây thái hậu vừa phải dựa vào Dịch Khuông nhưng cũng vừa lo ngại ông. Nỗi lo ngại của Tây thái hậu không phải vì Dịch Khuông tham nhũng và hay ăn của đứt lót, mà là quan hệ đặc biệt giữa ông với Viên Thế Khải. Chỉ nhìn vào số tiền của Viên Thế Khải đã đứt lót cho ông cũng đủ biết quan hệ không bình thường. Từ Thế Xương, tâm phúc của Viên Thế Khải sau này nói: việc trong Khánh vương phủ, bất kỳ là đẻ con sinh cháu, ma chay chúc thọ... đều do nha môn tổng đốc tỉnh Trực Lệ xuất tiền chi phí. Trước ngày Khánh vương Dịch Khuông nắm quyền quân cơ không bao lâu, một hôm, Khánh vương phủ nhận được 10 vạn lạng bạc (có người nói 20 vạn lạng) của Viên Thế Khải sai người mang đến, người mang bạc đến nhận lời của Viên Thế Khải rằng: “Ngài Khánh vương sắp phải chi phí rất nhiều, xin nể mặt mà nhận cho.” Sau đó ít lâu tin Dịch Khuông được thăng quan công bộ, mọi người rất đổi ngạc nhiên tài bố toán của Viên Thế Khải.

Sau vụ đảo chính Mậu Tuất, Tây thái hậu một mặt rất coi trọng Viên Thế Khải, chỉ trong vài ba năm đã phong cho y từ chức quan An sát tỉnh Trực Lệ lên tới tổng đốc tỉnh Trực Lệ và ngoại vụ bộ thượng thư, nhưng mặt khác bà cũng rất lo ngại đại thần người Hán này thông lĩnh quân Bắc Dương và rất biết đầu cơ. Khi nghe nói Viên Thế Khải sai người mang nhiều bạc đi đứt lót Khánh vương, con người coi đồng tiền như tính mạng này thì thái hậu càng cảnh giác.

Tây thái hậu từng có ý định gạt bỏ Dịch Khuông theo ý của đại thần quân cơ Cù Hồng Cơ. Song Cù Hồng Cơ thiếu từng trải, đem việc này nói cho vợ biết. Ai ngờ vợ ông có người bà con làm ở tờ báo tiếng nước ngoài vì thế tin này lọt đến tai một phóng viên nước ngoài, và được đăng trên báo chí xuất bản tại Luân Đôn. Công sứ Anh tìm đến bộ ngoại vụ chất vấn hư thực, Tây thái hậu không dám thừa nhận nhưng sau đó đã sai Thiết Lương và Lộc Tuyền truy xét, rốt cuộc Cù Hồng Cơ bị cách chức.

Tây thái hậu định gạt Dịch Khuông không thành, hơn nữa vì Dịch Khuông có mối liên hệ với người nước ngoài sau này có việc còn phải nhờ ông vì vậy sau đó thái hậu không dám động đến ông nữa, nhưng đối với Viên Thế Khải thì bà không do dự. Năm 33 thời vua Quang Tự, Tây thái hậu điều Viên Thế Khải làm Ngoại vụ bộ thượng thư, đồng thời tham gia việc quân. Bề ngoài coi như trọng dụng, thực sự là tước binh quyền của Viên Thế Khải. Hiểu dụng ý đó, Viên Thế Khải không chờ sắc lệnh đã chủ động giao nộp quyền thống lĩnh quân Bắc Dương.

Tây thái hậu rất hiệu khả năng thực tế của Viên Thế Khải khống chế quân Bắc Dương không phải một sớm có thể tước hết, quan hệ giữa Dịch Khuông và Viên Thế Khải cũng không thể cắt đứt ngay được. Trong khi còn đang dự định một biện pháp khác thì bà bị ốm, đồng thời nghe tin Viên Thế Khải định phế truất vua Quang Tự, dựng Tải Chân con của Dịch Khuông lên ngôi. Lập tức bà điều Dịch Khuông đi trông coi công trình xây lăng, sau đó điều quân lính của Đoàn Kỳ Thụy (17) rời Bắc Kinh, lệnh Thiết Lương thống lĩnh đơn vị của mình vào đóng ở Bắc Kinh thay Đoàn Kỳ Thụy. Tới khi Dịch Khuông làm xong công việc trở về Bắc Kinh thì sự việc đã giải quyết xong xuôi, tức là đã tuyên bố tôn lập ngôi và cha tôi làm Nhiếp chính vương. Nhưng để tiếp tục lôi kéo Dịch Khuông được 8 nước ủng hộ, Từ Hy bèn “ân điển” cho dòng họ Dịch Khuông được đời đời thừa tập tước lộc thân vương.

Âm mưu của Viên Thế Khải và Khánh vương Dịch Khuông có thật như vậy hay không, nội dung cụ thể ra sao, điều đó tôi cũng không rõ lắm. Nhưng theo Thiết Lương kể về việc sắp xếp này của Từ Hy thì, trước khi điều bộ phận quân Bắc Dương của Đoàn Kỳ Thụy rời khỏi Bắc Kinh, Từ Hy đã ra lệnh phát cho mỗi người lính hai lạng bạc, một bộ quần áo mới và hai đôi giày. Ngoài ra, tôi còn được nghe thái giám già Lý Trường An nói về nghi án cái chết của Quang Tự. Thái giám già Lý Trường An nói trước ngày Quang Tự mất, Quang Tự vẫn bình thường, chỉ sau khi uống một thang thuốc bệnh tình mới trầm trọng. Về sau mới biết thang thuốc đó chính là do Viên Thế Khải sai người đem tới. Bệnh của Quang Tự chỉ là bị cảm mạo thông thường, trước khi chết một ngày có người còn trông

thầy Quang Tự khoẻ mạnh đang đứng nói chuyện với người khác, vì vậy tin Quang Tự ốm nặng đã làm mọi người kinh ngạc, càng kinh ngạc hơn là tin ốm nặng loan báo mới được hai tiếng đồng hồ thì nghe nói đã “thăng hà”. Tóm lại cái chết của Quang Tự quả thật đáng nghi, và nếu lời nói của thái giám già Lý Trường An là đúng, thì quả thật Viên Thế Khải và Dịch Khuông đã có âm mưu rất tử mỉ.

Cũng có người đồn rằng, Tây thái hậu biết mình ốm không dậy được, nhưng không cam tâm chết trước Quang Tự, nên đã hạ thủ một cách thâm độc. Lời đồn này cũng có thể đúng. Nhưng tôi được biết, hôm công bố tôi lên ngôi, bà vẫn không tin mình ốm liệt giường. Hai tiếng đồng hồ sau khi Quang Tự chết bà còn ra lệnh cho nhiếp chính vương: “Mọi việc quân chính phải được sự huấn thị mới thi hành”. Đến hôm sau mới nói: “ Vì nay bệnh tình trầm trọng, sợ không dậy nổi, sau khi dựng vua kế thế, mọi việc quân chính đều do Nhiếp chính vương định đoạt gặp việc trọng đại phải hỏi ý kiến hoàng thái hậu (18) mới được thi hành.”

Tất nhiên, bà nghĩ mình cũng không sống được bao lâu nữa. Theo bà thì quyết định như vậy là đã tận sức gìn giữ được ngai vàng của dòng dõi Ai Tân Giác La. Bà thậm chí cho rằng, quyết định này đúng là ở chỗ chọn người em ruột của Quang Tự làm Nhiếp chính vương. Vì theo lễ thường, chỉ có người như vậy mới không mắc mưu Viên Thế Khải.

Nhiếp Chính Vương giám quốc

Trong 3 năm tôi làm vua và cha tôi làm Nhiếp Chính Vương, mãi đến năm cuối cùng tôi mới được thấy cha tôi. Đó là hồi tôi vào học ở Cung Dục Khánh không lâu, một hôm ông đến xem xét việc học tập của tôi.

Một thái giám vào bẩm: “Vương gia đã đến”.

Thầy học vội xếp sách vở ngay ngắn lại đồng thời bảo cho tôi biết khi gặp cha tôi thì phải làm thế nào, xong rồi bảo tôi đứng chờ. Một lát sau, một người lạ mặt, đầu đội mũ quan, cầm không có râu xuất hiện ở ngưỡng cửa phòng học và đứng thẳng người trước mặt tôi. Đó chính là cha tôi.

Theo gia lễ, tôi cúi chào, sau đó cùng ngồi xuống ghế. Ngồi xong tôi cầm sách và đọc theo lời thầy chỉ dẫn trước.

“Mạnh Tự gặp Lương Huệ Vương, vương đứng trên đồng lầy....”.

Không hiểu vì sao tôi hồi hộp quá không đọc tiếp được

Cũng may cha tôi còn hồi hộp hơn tôi, nên vội gật đầu nói lập cập:

“Tốt, tốt, hoàng thượng cố gắng mà học... học tập nhé”

Dứt lời lại gật đầu lia lịa rồi đứng dậy đi ra. Cha tôi dừng lại ở chỗ tôi không quá hai phút.

Từ hôm ấy tôi mới biết hình dạng của cha mình: ông không giống thầy học của tôi vì ông không để râu, mặt không vết nhăn, đuôi mũ bằng lông công như bay nhảy sau gáy. Về sau cứ một tháng là ông đến một lần, và lần nào cũng không quá hai phút. Tôi còn biết cha tôi hơi nói lắp, và biết đuôi mũ lông công sau gáy ông sợ dĩ cứ nhảy lên nhảy xuống là vì hễ ông cứ nói chuyện thì lại gật đầu lia lịa. Ông rất ít nói, ngoài mấy tiếng “tốt, tốt, tốt” ra khó mà nghe được những lời khác. Em trai tôi thường nghe mẹ tôi nói, năm Tân Hợi (1911) cha tôi từ chức Nhiếp chính vương, từ cung vua về đến nhà liền nói với mẹ tôi: “Bắt đầu từ hôm nay mình có thể về nhà bế con rồi!”. Thấy cha tôi nói một cách nhẹ nhõm mẹ tôi ức đến phát khóc, và sau đó khuyên em tôi: “Con lớn lên đừng bắt chước cha như thế con nhé!” Hồi đó cha tôi có viết hai câu đối “*có sách thật phú quý, không việc tiểu thân tiên*”, tuy không nói lên được đầy đủ chí “ăn dật” của ông, nhưng cũng thấy ông rất khổ não trong 3 năm “giám quốc”. Có thể nói rằng ba năm ấy là ba năm thất bại nhất trong đời ông.

Đối với ông, thất bại cay đắng nhất là không trừ được Viên Thế Khải. Có người đồn rằng, trước khi chết Quang Tự có tâm sự với Nhiếp chính vương và để lại chỉ dụ viết bốn chữ “giết Viên Thế Khải”, Theo tôi biết thì không có việc gập gờ lần đó giữa hai anh em Quang Tự. Việc Nhiếp chính vương muốn giết Viên Thế Khải để báo thù cho anh quả có thật, song đã bị bọn đại thần quân cơ đứng đầu là Dịch Khuông ngăn cản. Tình tiết cụ thể thì tôi không được biết, chỉ biết lời nói của Dịch Khuông “giết Viên Thế Khải không khó, nhưng nếu quân Bắc Dương nổi dậy làm phản thì làm thế nào”

đã làm cha tội chán ngán. Rốt cuộc là Long Dự thái hậu nghe lời Trương Chi Động và vài người khác cho Viên Thế Khải về nhà “chữa bệnh đau chân” thả y đi mất.

Có một người làm việc trong Phủ Nội vụ nói cho tôi biết, lúc bấy giờ Nhiếp chính vương muốn bắt chước cách của Khang Hy là triệu Ngao Bái vào cung ban cho ngồi trên một chiếc ghế có một chân hồng, Ngao Bái không để phòng ngồi xuống bị ngã, thế là buộc tội “khí quân” và bị giết. Cùng Nhiếp chính vương bày kế này là tiểu Cung thân vương Phổ Vĩ (19). Phổ Vĩ có một thanh đao Bạch Hồng của vua Hàm Phong ban cho ông nội y là Dịch Hân. Nhiếp chính vương bảo Phổ Vĩ đeo bên mình để giết Viên Thế Khải. Mọi kế hoạch đã xong xuôi, nhưng bị Trương Chi Động và đồng bọn ngăn lại. Câu chuyện này chưa đủ chứng cứ để tin, nhưng ít nhất cũng có một vài điểm là sự thật, tức là lúc bấy giờ có người cố sức bảo vệ Viên Thế Khải, cũng có người định giết bằng được Viên Thế Khải, những người bày mưu tính kế cho cha tôi cũng không phải là ít. Sau vụ đảo chính Mậu Tuất, Viên Thế Khải tuy bỏ ra rất nhiều tiền, đứt lót, nhưng vẫn có một số thế lực không thể mua chuộc bằng tiền được. Những thế lực đối địch đó không hoàn toàn phải là phái duy tân và nhân vật thuộc Đế đảng hồi trước, mà không có những người tranh giành địa vị với Dịch Khuông, có những người cố sống cố chết cướp lấy binh quyền trong tay, cũng có những người vì mục đích nào đó đã đặt hy vọng vào việc lật đổ Viên Thế Khải. Vì thế, vấn đề giết chết và bảo vệ Viên Thế Khải không phải là cuộc đấu tranh giữa phái duy tân và phái thủ cựu giữa Đế đảng với Hậu đảng hồi trước, và cũng không phải là cuộc đấu tranh giữa quý tộc người Mãn với quý tộc người Hán, mà là cuộc đấu tranh giữa nhóm quý tộc này với nhóm quý tộc khác. Lúc ấy trong nội các quý tộc đã chia ra làm hai nhóm, một nhóm đứng đầu là Khánh vương Dịch Khuông, một nhóm đứng đầu là Công tước Tải Trạch. Bày mưu tính kế cho cha tôi và đòi quyền lực địa vị chủ yếu là nhóm Tải Trạch.

Bất kỳ là nhóm nào cũng bao gồm một số người thuộc dòng dõi Ái tân giác la, quý tộc người Mãn, thế gia tám kỳ, đại thân người Hán, mưu sĩ nam bắc...; giữa những người này cũng có sự bất đồng, ai cũng đều có tính toán riêng. Ví như lớp người dòng dõi tên họ có chữ đệm “Tải” như Tải Trạch chẳng hạn, thì cố sức tranh đoạt quyền hành của Khánh vương là người chú họ. Dòng dõi anh em trong Thuận vương phủ thì chỉ muốn nắm binh quyền của Viên Thế Khải và những đại thân người Hán khác. Cả đến anh em một nhà trong Thuận vương phủ, những người theo Anh học hải quân và theo Đức học lục quân cũng có ham muốn khác nhau. Nhiếp chính vương đứng giữa các nhóm đối lập, khi thì nghe bên này, lúc thì đồng ý bên kia, có khi nói với hai bên đều “tốt, tốt”, “ừ, ừ”, nhưng sau đó chẳng làm được gì hết, vì vậy nhóm nào cũng bất mãn với ông.

Khó đối phó nhất phải kể Dịch Khuông và Tải Trạch. Trước khi Tây thái hậu chết, Dịch Khuông làm lãnh hàm quân cơ, sau khi thái hậu chết, chế độ quan nội các có sự cải cách, y lại làm nội thần tổng lý nội các, do đó càng khiến Độ chỉ bộ thương thư Tải Trạch bất bình. Hễ có dịp là Tải Trạch tìm gặp Nhiếp chính vương và nói xấu Dịch Khuông trước mặt Nhiếp chính vương. Nhưng Tây thái hậu cũng chẳng gạt được Dịch Khuông thì Nhiếp chính vương làm thế nào mà gạt nổi?

Nếu như Nhiếp chính vương ủng hộ Tải Trạch hoặc có thái độ đối lập với Dịch Khuông, thì Dịch Khuông chỉ cáo già từ chức ở tít trong vương phủ không ra làm việc nữa là Nhiếp chính vương lập tức hoảng sợ ngay. Cho nên mỗi lần Tải Trạch và Dịch Khuông va chạm nhau cuối cùng Tải Trạch vẫn chịu thất bại. Người của Thuận vương phủ thường thấy Tải Trạch to tiếng với Nhiếp chính vương: “Ông anh hoàn toàn vì em; nếu không nghe ông anh thì lão Khánh (tức Khánh vương Dịch Khuông) sẽ làm mất đứt nhà Thanh cho mà xem!”. Nhiếp chính vương lần nào cũng trầm ngâm hồi lâu mới nói: “Ừ, ừ, mai sẽ nói với lão Khánh...”. Hôm sau, tình hình vẫn như vậy: Dịch Khuông vẫn hành động theo ý mình, Tải Trạch lại mất công toi.

Thất bại của Tải Trạch cũng là thất bại của Tải Phong, và thắng lợi của Dịch Khuông cũng thường là thắng lợi của Viên Thế Khải. Nhiếp chính vương Tải Phong không phải là không biết thế, cũng không phải là không muốn ngăn chặn, song không còn cách nào khác.

Về sau, bão táp khởi nghĩa Vũ Xương dậy lên, đại thần lục quân người Mãn là Am Xương dẫn quân Thanh đi đánh dẹp, tác chiến bất lợi phải tới tập gửi điện khẩn vệ. Từ Thế Xương “quân sư” của Viên Thế Khải thấy thời cơ đã đến, bèn vận động Dịch Khuông, Na Đồng và mấy đại thần quân cơ khác tiến cử Viên Thế Khải. Lần này Nhiếp chính vương đã có chủ định, liền nổi khùng quát cho Na Đồng (người “nguyên đem tính mạng” bảo đảm cho Viên Thế Khải) một trận. Song ông quên rằng Na Đồng sở dĩ dám đứng ra bảo đảm cho Viên Thế Khải tất nhiên không lo sợ là vì y có chỗ dựa. Sau khi Nhiếp chính vương tức giận khiển trách, Na Đồng liền cáo già từ chức, Dịch Khuông cũng không vào triều làm việc, điện khẩn về tình hình quân sự tới tập bay về, Nhiếp chính vương không giữ được ý

định của mình nữa, vội vàng thưởng cho Na Đồng “ngôi kiệu hai người khiêng”, mời Dịch Khuông “thông cảm thời thế khó khăn” ra làm việc trở lại, và cuối cùng buộc phải ký sắc lệnh phong cho Viên Thế Khải làm Khâm sai đại thần chỉ huy ba quân, đồng thời uỷ nhiệm Phùng Quốc Chương (20) và Đoàn Kỳ Thụy là hai thân tín của Viên Thế Khải làm thống lĩnh quân lĩnh ở tiền tuyến. Sau khi ông mặt mày ủ dột về tới vương phủ, một nhóm vương công đại thần khác vây quanh lấy ông, oán trách ông trước đã thả hổ về rừng, nay lại rước sói về nhà. Ông hoi hận và nhờ các vương công đại thần bày mưu đặt kế hộ. Nhóm này nói, cho Viên Thế Khải ra làm việc cũng được, song phải hạn chế binh quyền của y, không nên để Phùng Quốc Chương và Đoàn Kỳ Thụy là thuộc hạ cũ của y làm thống lĩnh quân lĩnh ngoài tiền tuyến. Qua bàn luận một hồi, có người cho rằng Phùng Quốc Chương còn có chút tình nghĩa, có thể dùng được, Bồi lạc Tả Tuần cũng yêu cầu cho Khương Quý Đề bạn thân với mình thay thế Đoàn Kỳ Thụy. Ngay sau đó các vương công bèn giúp Nhiếp chính vương thảo lại bức điện, Nhiếp chính vương phái người đi ngay trong đêm ấy đem bức điện này tới Khánh vương phủ, bảo Dịch Khuông phát đi thay cho bức điện trước. Song người trong Khánh vương phủ trả lời rằng Khánh vương Dịch Khuông đang ngủ, có việc gì thì mai vào triều hãy hay. Ngày hôm sau Nhiếp chính vương vào triều chưa kịp đưa bức điện đó thì Dịch Khuông đã vào báo là bức điện trước đã phát đi từ tối hôm qua rồi.

Cha tôi không phải là người không có chút chủ định nào. Chủ định của ông là duy trì sự thống trị của hoàng tộc, trước hết là lấy lại và nắm chặt binh quyền. Đó là một điều mà ông học được ở hoàng thất nước Đức sau lần làm sứ giả sang Đức hồi trước, tức là quân đội nhất thiết phải do hoàng thất nắm. Sau mấy ngày tôi lên ngôi, ông đã phái em trai là Tả Đào làm đại thần chuyên trách việc huấn luyện quân cấm vệ để xây dựng một đội quân hoàng gia. Sau khi Viên Thế Khải mượn cớ không vào triều, ông thay vua làm đại nguyên soái thống lĩnh quân đội cả nước, phái em trai là Tả Tuần làm đại thần trừ bị xây dựng hải quân và Tả Đào phụ trách Quân tư xứ (cơ quan tổng bộ tham mưu), sau đó hai chú này của tôi trở thành đại thần hải quân bộ (bộ trưởng Bộ hải quân) và đại thần Quân tư phủ (tổng tham mưu trưởng).

Nghe nói, lúc bấy giờ cha tôi thường bàn với vương công đại thần là dù Viên Thế Khải đàn áp quân cách mạng được hay thua chẳng nữa cũng phải khử y đi. Nếu y thua thì lấy cớ thua trận mà giết, nếu y được thì cũng tìm cách tước bỏ binh quyền và sau đó tìm cách diệt y. Tóm lại là quyết không để người Hán nắm quân đội nhất là không thể để binh quyền lọt vào tay Viên Thế Khải. Đằng sau kế hoạch này còn có nhiều dự định về việc nắm quyền thực tế lãnh đạo trong cả nước. Giả sử những dự định này là do cha tôi đặt ra thì, chưa nói đến trở lực bên ngoài, chỉ nói tại năng của ông cũng không thể nào thực hiện được. Vì vậy không những người theo Viên Thế Khải bất mãn với ông, mà chính anh em trong họ cũng thường than ngắn thở dài về ông.

Hồi con của Lý Hồng Chương là Lý Kinh Mai trước khi sang Đức làm công sứ có đến xin chỉ thị của Nhiếp chính vương, chú bảy Tả Đào đi cùng ông vào cung nhờ ông nhắc hộ Nhiếp chính vương về việc quân cấm vệ; có lẽ vì lo tự mình nói không có kết quả, nên định dựa vào uy tín của Lý Kinh Mai. Lý Kinh Mai nhận lời và bước vào điện, nhưng được một lát đã bước ra ngay. Tả Đào đứng ngoài chắc hẳn Lý đã quên việc ông nhờ, bèn hỏi sao mau vậy. Lý Kinh Mai cười ngán ngẩm: Nhiếp chính vương gặp tôi chỉ nói ba câu “ông ở đâu tới đó?”, tôi trả lời, Nhiếp chính vương hỏi tiếp “bao giờ lên đường?”, tôi mới trả lời xong chưa kịp thưa tiếp thì vương gia lại nói ngay “tốt, tốt, cố gắng nhé. Thôi lui xuống đi”. Đến việc của tôi còn chưa kịp nói nữa là việc của ông!

Bà nội tôi bị sưng nhọt ở vú, thầy lang chữa mãi chưa khỏi, cha tôi nghe lời các chú tôi cho mời một bác sĩ người Pháp đến chữa. Bác sĩ định mổ, bị cả nhà Thuận vương phản đối, chỉ còn cách bôi thuốc bằng bó. Trước khi bôi thuốc bác sĩ đốt đèn rượu còn khử trùng cho y cụ, cha tôi nom thấy khiếp quá vội hỏi phiên dịch: “Làm làm làm cái gì vậy? Định thiêu bà cụ à?”

Chú sáu Tả Tuần đứng sau cha tôi thấy ông không biết tí gì về y học, vội lắc đầu mím môi ra hiệu cho phiên dịch đừng dịch cho bác sĩ nghe.

Bác sĩ để thuốc lại rồi ra về. Mấy hôm sau bác sĩ rất lạ thấy bệnh tình của bà nội tôi vẫn không giảm chút nào, bèn xin cho xem lại các hộp thuốc bôi, cha tôi mang cả ra cho bác sĩ, thì ra tất cả vẫn còn y nguyên chưa hề mở ra. Các chú tôi lại một lần nữa lắc đầu thở dài.

Thuần vương phủ có một quán gia tên là Trương Văn Trị rất thích bàn luận về “vương giả” (Nhiếp chính vương). Có lần ông kể, gần vương phủ có một ngôi miếu nhỏ với một cái giếng, nghe nói có một vị “tiên” sống trong đó. Sau vụ Ngân Định Kiều (21), có một lần Nhiếp chính vương đi qua ngôi miếu nhỏ đó muôn tạt vào vái lễ “tiên gia”, tạ ơn “tiên gia” từng bảo hộ cho ông thoát chết. Ông vừa

quỳ xuống vái, bỗng một cọng chôn lông vàng từ dưới bàn thờ nhảy vọt ra chạy mất. Tuần cảnh bèn báo tin này lên trên, các đại thần liền đồn rằng, “vương giả” mệnh trời rất lớn, đến “tiên gia” cũng không dám nhận một vái của ông. Kể xong Trương Văn Trị nói toạc móng heo ra rằng, thì ra “vương giả” đã sai người trông miếu chuân bị sắp đặt từ trước rồi!

Sau khi Từ Hy chết, những người trong Thuần vương phủ đều thích tự xưng mình là phái duy tân, cha tôi cũng vậy. Nói về đời sống của cha tôi thì có rất nhiều hành động chống mê tín và theo thời mới. Tôi từng nghe người ta nói, “Phật giả” (22) không phải thật sự chống duy tân đâu, những việc làm sau vụ Mậu Tuất chẳng phải là những việc Quang Tự muốn làm đó sao? Thuần vương cũng là một nhân vật thức thời, nếu không Từ Hy sau này sao lại để ông làm đại thần quân cơ? Những việc duy tân và quan hệ với người nước ngoài của Từ Hy ra sao ở đây không cần nói đến làm gì, nhưng việc duy tân của cha tôi thì tôi có biết được chút ít. Đối với những sự việc mà các “lão thần” cho là mới lạ thì ông không có thái độ bài xích. Thuần vương phủ là vương phủ đặt điện thoại và sắm ô tô trước nhất, người trong Thuần vương phủ cũng là những người cắt bỏ đuôi sam sớm nhất, và trong đám vương công quý tộc mặc âu phục sớm nhất cũng có cha tôi. Song ông hiểu biết thực sự về những việc “Tây” ra sao thì có thể lấy việc mặc âu phục làm ví dụ. Có lần, sau khi mặc âu phục được mấy ngày, ông hỏi Phô Kiệt em trai thứ hai của tôi: “Tại sao áo sơ mi của chúng bay thì vừa thể mà của tao thì cứ dài thườn thượt hơn áo Tây nhỉ?”. Phô Kiệt kiểm tra lại quần áo ông mặc, thì ra ông bỏ áo sơ mi ngoài quần nên phải khó chịu mất mấy ngày vì việc ấy!

Ông còn từng đuổi mụ thầy cúng chữa bệnh cho bà tôi ra khỏi cổng, và đối với con nhím mà trong nhà không ai dám mó đến thì ông cũng dám lấy chân đá xuống cổng, song sau đó mất mấy lại tái mét. Ông phản đối tụng kinh niệm phật, nhưng mỗi năm cứ đến ngày giỗ ngày tết thì ông rất coi trọng việc thắp hương cúng bái. Sinh nhật của ông là ngày mùng 5 tháng giêng âm lịch, ở Bắc Kinh có tục lệ “phá ngũ” đúng vào ngày hôm ấy, ông bèn cấm không cho mọi người nói đến hai chữ ấy, và ông lấy mảnh giấy màu đỏ dán lên tờ lịch này hôm ấy, trên viết một chữ Thọ với nét bút rất dài. Phô Kiệt hỏi sao nét bút lại đến thế, ông nói: “Gọi là trường thọ mà ily!”

Tôi từng đọc nhật ký của cha tôi viết trong ba năm làm Nhiếp chính vương trông coi việc nước để tìm hiểu tình hình lúc bấy giờ. Tôi nhìn thấy được nhiều tài liệu cần thiết, song phát hiện có hai loại ghi chép rất lý thú. Một loại là ghi chép các việc thường lệ như tới ngày lập hạ thì “theo tục lệ phải hót tóc nửa trọc”, tới ngày lập thu thì “theo lệ phải hót tóc rẽ đường ngôi”, ngoài ra thì theo lệ phải mặc quần áo gì, ăn những thức ăn gì v.v. và v.v. Một loại là ghi chép tỉ mỉ về quan sát hiện tượng thiên văn và những đoạn tóm tắt về tin tức thiên văn đăng trên báo, có lúc kèm theo một vài bản sơ đồ vẽ rất cẩn thận. Qua đó có thể biết được nội dung cuộc sống của ông rất nghèo nàn và ông rất ham mê thiên văn. Giả sử ông sống trong thời đại ngày nay, không biết chừng ông sẽ trở thành một nhà thiên văn học nổi tiếng. Song đáng tiếc là ông đã sinh ra trong xã hội thời ấy và gia đình ấy, hơn nữa là năm lên 8 đã trở thành một vị thân vương trong hoàng tộc.

Gia đình thân vương

Tôi có bốn bà nội, Diệp Hách Na La Thị, chính thất phu nhân của ông nội không phải là bà nội ruột của tôi, bà đã mất 10 năm trước khi tôi ra đời. Nghe nói tính tình của bà này khác hẳn với chị (Từ Hy), bà rất thủ cựu. Sau khi Đồng Trị chết, Từ Hy vẫn xem hát vui chơi như thường còn bà thì khác, có lần bà được triệu vào cung xem hát, bà ngồi trước sân khấu nhưng hai mắt nhắm tịt, Từ Hy nói bà làm gì vậy, bà vẫn không mở mắt nói: “Bây giờ là quốc tang, em không xem hát được!”. Từ Hy bị một vô không biết nói thế nào, bà có rất nhiều điều kỳ, người trong nhà nói chuyện trước mặt bà phải rất cẩn thận, những tiếng như “xong rồi” (23), “chết” v. v.. phải thay bằng những tiếng “được rồi” “hỷ” v.v. , Bà cả đời thờ phật, quanh năm phóng sinh, thắp hương khấn vái, mùa hè không dám vào

vườn hoa nói là sợ giẫm phải kiến. Bà nhân từ với loài kiến là thế nhưng đánh đập gia nhân nô bộc thì chẳng chùn tay chút nào. Nghe nói Thuần vương phủ có một thái giám có tật co giật ở mặt, chính là vì từng bị ăn đòn bằng roi mây của bà.

Bà đẻ cả bảy năm người con, con gái đầu sống đến 6 tuổi, con trai đầu sống chưa đến 2 tuổi cả hai cùng chết cách nhau không tới 20 ngày hồi mùa đông năm thứ 5 thời vua Đồng Trị. Con trai thứ hai là Quang Tự, 4 tuổi rời khỏi bà. Sau khi Quang Tự vào cung, bà đẻ con trai thứ ba nhưng chỉ sống được một ngày rưỡi. Con trai thứ tư Tái Quang được bà yêu chuộng hết mực, mặc ít thì sợ lạnh, ăn nhiều thì sợ đầy. Gác tía lâu son, thịt thà quá nhiều đến thiu thối, con em nhà giàu thường bị tiêu hoá không lành là thế. Phủ Giả trong Hồng Lâu Mộng có những “ngày nhịn đói”, thật là tiêu biểu cho cái cái đạo dưỡng sinh này của bọn quý tộc. Bà nội tôi rất tin đạo dưỡng sinh này, thường không chịu để cho con ăn no, nghe nói một con tôm cũng phải chia làm ba khúc cho ăn ba bữa, rốt cuộc người con thứ tư chưa đến 5 tuổi đã chết yếu vì không đủ dinh dưỡng. Thái giám là Ngưu Tường Tăng trong vương phủ từng nói: “Nếu không thế sao cậu năm (Tái Phong) lại được thừa kế vương giả (Dịch Hoàn), chỉ vì lão phu nhân quá thương con nên các cậu trước bị chết hết!”

Cha tôi tuy không phải con ruột của bà, song theo phép tắc tổ tông, ông phải chịu sự dạy bảo của bà. Về mặt ăn uống, bà không hạn chế cha tôi và các chú tôi, nhưng về mặt tinh thần thì không lơ lửng chút nào. Theo thái giám Ngưu Tường Tăng kể: Trước mặt lão phu nhân, cậu năm cậu sáu muốn cười cũng phải giữ ý, nếu cười ra tiếng thì lại bị lão phu nhân mắng ngay: Cười gì? Con nhà không có phép tắc!”

Phu nhân thứ hai của Thuần hiền thân vương là Nhan Trát thị mất sớm. Phu nhân thứ ba Lưu Giai thị là bà nội ruột của tôi. Sau khi Diệp Hách La thị mất, bà nội tôi chủ quản trong gia đình. Bà tuy không khô khan cứng nhắc như bà nội Na La thị, song thần kinh thường ở trạng thái không bình thường. Nguyên nhân chứng bệnh này cũng là do vận mệnh của con cháu mà ra. Bà nội ruột tôi cũng có một con gái 2 tuổi đã chết. Bà có ba người con trai: Tái Phong, Tái Tuân và Tái Đào. Chú bảy Tái Đào được bà nuông chiều từ tấm bé, năm chú 11 tuổi bà nội tôi bỗng nhận được chỉ dụ của Từ Hy thái hậu bảo cho Tái Đào làm con thừa tự Bối tử Dịch Mô, anh em con chú con bác của ông nội tôi. Nhận được “chỉ dụ” bà nội tôi khóc ngất. Bà bị kích mạnh và từ đó thần kinh không được bình thường.

Dịch Mô không có con trai lẫn con gái, được con thừa tự tất nhiên mừng rỡ, coi như đẻ được con trai, ba hôm sau mở tiệc linh đình cho mời đông đủ bà con khách khứa đến ăn mừng. Vì Bối tử này ngày thường không biết cách phỉnh nịnh Từ Hy, nên từ lâu Từ Hy đã không vừa lòng, lần đó thấy ông vui mừng hớn hở thì bực tức và rắp tâm không để ông yên vui. Từ Hy thường có câu “danh ngôn”: “Ai mà làm ta không vui một lúc, thì ta sẽ làm cho người ấy không vui suốt đời.” Không biết Dịch Mô trước đây có bị Từ Hy dây dưa gì không mà ông đã có lần vẽ một bức tranh trong lúc bực tức; trong tranh chỉ vẽ có một cái chân ám chỉ Từ Hy chỉ biết đi quấy phá việc nhà việc nước rồi bời. Trong tranh còn kèm theo một bài thơ trút nỗi bực tức của mình, thơ rằng:

*Tội nghiệp ta đã cố tránh chân,
Nai lưng dựng dài cột ân thân.
Đài cao vọi vọi ba trăm thước,
Ba trăm chân cũng bước lại gần.*

Không biết vì sao Từ Hy lại biết được việc này. Để trút giận, bà bỗng lại ra một chỉ dụ, lệnh cho chú bảy Tái Đào đã 5 năm làm con thừa tự Dịch Mô chuyển sang làm con thừa tự của Chung quận vương Dịch Hợp, em trai thứ 8 của ông nội tôi. Vợ chồng Dịch Mô cùng bị ốm liệt giường vì bị kích động về việc này. Không lâu Dịch Mô ốm chết trên giường, Từ Hy lại cố ý lệnh cho Tái Đào, con thừa tự của Dịch Mô bị Từ Hy cướp đi thay mặt bà đến viếng Dịch Mô, tất nhiên vị thay mặt thái hậu Tái Đào không quý được. Thế là chưa đến nửa năm vợ Dịch Mô cũng uất ức đến chết.

Trong khi Từ Hy lần thứ hai ra lệnh cho chú bảy Tái Đào làm con thừa tự, thì bà cũng lệnh cho chú sáu Tái Tuân đi làm con thừa tự cho Mẫu quận vương Dịch Chí là anh em con chú với ông nội tôi. Thật là như trong thơ của Bối tử Dịch Mô đã nói “đài cao vọi vọi ba trăm thước, ba trăm chân cũng bước lại gần”. Bà nội Lưu Giai Thị đóng cửa ngói trong nhà bỗng chốc thiếu mất một người con. Hai việc này xảy ra không lâu bà lại gặp phải việc thứ ba. Chẳng là bà nội vừa mới đàm vợ cho cha tôi thì nhận được chỉ dụ của Từ Hy chỉ định việc hôn nhân cho cha tôi. Cha tôi yốn đã có một nơi rồi, năm Canh Tý liên quân 8 nước vào Bắc Kinh, nhiều người Mãn sợ liên quân giết nên cả nhà tự sát, gia đình bên gái này cũng tự sát hết, khi cha tôi theo Từ Hy và Quang Tự trốn đi Tây An, bà nội lại tìm cho cha tôi một đám khác, hơn nữa đã trao “đại định” (vật như ý) cho con dâu tương lai. Theo tục lệ,

trao túi (24) nhỏ gọi là trao “tiêu định”, nghĩa là còn có thể thay đổi đến khi đã trao “đại định”, nếu chồng chưa cưới chết hoặc xảy ra việc gì thì theo lễ giáo phong kiến vợ chưa cưới sẽ giữ tiết suốt đời hoặc chết theo “chồng”. Từ Hy tất nhiên chẳng đếm xỉa gì đến đồng ý của hai bên thông gia hoặc bản thân hai người đính hôn, bà ta làm việc gì đó còn ai dám nói. Bà nội tôi ở vào thế khó xử, không đồng ý thì sợ tội chống lệnh của Từ Hy, mà đồng ý thì sợ đằng gái xảy ra điều đáng tiếc. Mặc dù lúc bấy giờ có người an ủi bà nội tôi rằng phụng chỉ của thái hậu đi thoái hôn thì sẽ không xảy ra vấn đề gì hết, song bà nội tôi vẫn không thông, do đó bệnh thần kinh lại tái phát.

Sáu năm sau, hôm các đại thần quân cơ đem chỉ dụ đến rước tôi vào cung, bệnh của bà nội tái phát trầm trọng một lần nữa. Bà nội nuôi nấng tôi từ khi tôi mới lọt lòng mẹ, bà rất thương tôi. Nghe vú em nói, đêm nào bà cũng trở dậy một hai lần rón rén đến bên giường trông tôi ngủ, bà không đi giày, guốc vì sợ gây tiếng động làm tôi thức giấc. Bà trông nom tôi như vậy cho đến khi tôi lên ba, bỗng nghe nói Từ Hy muốn tôi vào cung, bà liền ngất lịm. Từ đó bệnh thần kinh của bà càng dễ tái phát, cứ như vậy lúc khỏi lúc đau đến khi mất. Bà mất năm 59 tuổi, tức năm tôi rời Bắc Kinh đi Thiên Tân.

Thuần thân vương Tải Phong 8 tuổi thì bố mất, ông sống cuộc đời quý tộc truyền thống theo di huấn của Thuần hiền thân vương và dưới sự giáo huấn của hai chị em Từ Hy. Ông làm Nhiếp chính vương được hưởng lộc trọng quyền cao, trên có mẹ trông nom việc nhà, dưới có cả một cơ cấu làm việc do quan Nhị phẩm trưởng sử (25) cầm đầu quản lý tài chính, thù tiếp; có hàng loạt vệ quân, thái giám và người hầu để ông sai khiến, lại còn một đám quan khách bày mưu tính kế cho ông và cùng ông chuyện trò, vui chơi. Ông chẳng cần bận tâm đến đời sống trong nhà, cũng chẳng cần biết đến tri thức sản xuất. Ông tiếp xúc với bên ngoài không nhiều, trừ những cuộc giao tiếp theo lễ nghi, có thể nói ông chẳng có gì gọi là sự từng trải. Hoàn cảnh và đời sống của ông là chỉ như vậy mà thôi.

Cha tôi có hai vị “phu chin”, hai bà đẻ được 4 trai 7 gái.

Bà mẹ thứ hai của tôi sau năm Tân Hợi (1911) mới đến, em gái thứ ba cùng mẹ và hai em trai với 4 em gái khác mẹ của tôi sinh ra trong thời kỳ Dân quốc. Em gái lớn và em trai thứ ba đã chết sớm. Cha tôi chết đầu năm 1951, mẹ tôi chết năm 1921.

Mẹ tôi và cha tôi khác hẳn nhau. Có người nói dẫu người Mãn giỏi hơn giang hơn rề người Mãn, điều đó có lẽ đúng. Chẳng hạn như Uyển Dung vợ tôi và mẹ tôi đều hiểu biết nhiều hơn tôi và cha tôi, nhất là biết hưởng thụ và mua sắm. Nghe nói cô gái Mãn đảm đang việc nhà, được anh và chị dâu kính nể, là vì cô gái Mãn nào cũng có dịp được chọn vào cung làm cung nữ (theo tôi nghĩ, có lẽ anh em trai vì bận chơi suốt ngày hoặc bận công việc quan lại, nên chị em gái phải gánh lấy trách nhiệm trông nom việc nhà, quản lý tài chính, do đó gái giỏi hơn trai là vậy). Mẹ tôi khi chưa xuất giá ở nhà rất được chiều chuộng, Từ Hy cũng từng nói “con bé này gớm lắm, đến ta cũng chẳng sợ”. Mẹ tôi mà tiêu tiền thì phải biết, bà nội và cha tôi cũng đành chịu. Thu nhập của cha tôi không kể địa tô lộc bổng và tiền dưỡng liêm (26). Mỗi năm được 5 vạn lạng bạc, cho đến khi sống trong “triều đình nhỏ” thời kỳ Dân quốc, ông vẫn lĩnh được nguyên số ấy. Mỗi lần tiền thu nhập vào tay, chẳng bao lâu đã bị mẹ tôi tung phí hết sạch. Về sau cha tôi nghĩ ra nhiều cách để hạn chế mẹ tôi tiêu tiền, như phân chia tiền bạc với mẹ tôi, quy định cho mẹ tôi chỉ được tiêu một số tiền nhất định..., song đều không có hiệu quả. Cha tôi còn nghĩ ra cách đập phá đồ đạc để dọa dẫm, như ném bình lọ trên bàn để tỏ ý tức giận và quyết tâm. Nhưng cứ đập phá mãi như vậy lại tiếc của, ông bèn sai người chuẩn bị sẵn những vật ném không vỡ như âm đồng, hộp thiếc chẳng hạn (em trai tôi đã thấy những “đạo cụ” này) để ném cho sướng tay. Nhưng cũng chẳng bao lâu mẹ tôi đã biết tổng cái “oai phong” ấy, rồi cuộc cha tôi lại phải lòi tiền ra để mẹ tôi vung phí. Mỗi lần bà nội tôi giờ sổ chi phí do quản gia mang đến thì bà lại rớt nước mắt thờ dài, và cha tôi chỉ còn cách lại sai quản gia tiếp tục đem bán đồ cổ, ruộng đất.

Mẹ tôi cũng thường đem bán trang sức quý báu của mình. Sau này tôi mới được biết, mẹ tôi không những tung tiền để hưởng thụ, mà còn giấu cha tôi dùng vào hoạt động chính trị, rút lót cho Viên Đắc Lượng, tổng binh thống lĩnh bộ binh nha môn thời kỳ Dân quốc, thuộc hạ cũ của Vinh Lộc để lôi kéo tướng lĩnh Phụng Thiên. Mẹ tôi đã cùng với các thái phi tiến hành việc này, bỏ ra không biết bao nhiêu tiền của và trang sức hòng thực hiện phục hồi. Phò Kiệt hồi nhỏ đã từng thấy mẹ tôi và các thái giám của thái phi dăm dúi bàn bạc sự việc, có hỏi thì mẹ tôi trả lời: “Bây giờ con hãy còn bé, sau này các con lớn lên hãy biết mẹ đang làm gì”. Mẹ tôi có biết đâu bao nhiêu tiền của chỉ làm đầy ắp cái túi của Viên Đắc Lượng mà thôi chứ không được việc gì hết. Đối với thuộc hạ cũ của cha mình, mẹ tôi rất mực tín nhiệm, đối với Viên Thế Khải xưng đế, trẻ con trong nhà cũng ghét mà chọc thủng mắt tâm ảnh Viên Thế Khải đăng trên báo, chỉ có mẹ tôi là nghĩ khác: “Dù sao cũng không đáng trách Viên Thế

Khải, chỉ tại Tôn Văn mà thôi!”

Các em tôi từ nhỏ chẳng đứa nào sợ ông nội và bố, chỉ sợ mỗi mẹ tôi. Còn nô bộc đầy tớ thì càng không cần phải nói. Có một hôm cha tôi từ bên ngoài trở về nhà thấy cửa sổ chưa đóng kỹ bèn hỏi thái giám: “Sao không đóng kỹ?”. Thái giám này trả lời: “Bà lớn chưa về, chưa vội đóng ạ”. Bố tôi giận phạt ông này quỳ dưới đất. Một đầy tớ gái nói với thái giám: “May mà không phải là ông cụ, chứ không còn bị đánh nát da nát thịt cho xem”. “Ông cụ” là chỉ mẹ tôi, vì cũng như Từ Hy, mẹ tôi rất thích người khác gọi mình bằng cái tên đàn ông ấy.

Tôi 3 tuổi vào cung, đến 11 tuổi mới được thấy bà nội và mẹ mình. Đó là lần bà nội và mẹ được thái phi vờ vào cung. Gặp bà nội và mẹ tôi thấy như người lạ, không cảm thấy thân mật. Nhưng tôi vẫn nhớ rõ ánh mắt của bà nội tôi cứ dán mãi vào người tôi, và hình như ở khoé mắt ướt nhoà. Còn mẹ tôi đã để lại cho tôi ấn tượng khác hẳn, gặp mẹ, tôi không những xa lạ mà còn thấy sợ sệt. Mỗi lần thấy tôi bà lại nghiêm nét mặt lên giọng: “Hoàng đế phải đọc nhiều sách thánh huấn của tổ tông đây nhé”, “Hoàng đế chớ ham ăn, thân mình của hoàng đế là thánh thể, hoàng đế phải ngủ sớm dậy sớm nhé...”. Bây giờ hồi tưởng lại tôi vẫn còn thấy cảm giác lạnh lạnh ấy. Nhận tình thế thái của bà nội xuất thân thấp hèn và mẹ tôi xuất thân tiêu thư trong phủ đại học sĩ thật là đã biểu lộ ra khác hẳn nhau.

CHƯƠNG II

THỜI THƠ ẤU CỦA TÔI

Lên ngôi và thoái vị

Sấm tối ngày 20 tháng 10 âm lịch năm thứ 34 thời vua Quang Tự, trong phủ Thuận vương xảy ra một cuộc hỗn loạn rất lớn: Tả Phong mới được phong Nhiếp chính vương chưa kịp đem sắc chỉ của Từ Hy về phủ thì phu nhân của ông đã ngất lịm. Các thái giám và nữ tỳ trong vương phủ sắc nước gừng đổ cho phu nhân uống, kẻ thì chạy đi mời thầy thuốc, tíu tít cả lên. Đàng kia, tiếng bé Phô Nghi gào khóc không ngớt và tiếng người lớn đổ dành ồn ào, Nhiếp chính vương luống cuống hết chạy ra lại chạy vào, ông gọi các đại thần quân cơ và thái giám trong triều đi theo ông tìm quần áo thay cho đứa bé, chợt nhớ ra phu nhân đang ngất chưa tỉnh, vội vàng bảo mọi người mau đi trông nom phu nhân, lúc ấy ông lại quên mất các đại thần quân cơ đang chờ rước vua tương lai vào cung... Sau cuộc rối loạn hồi lâu, phu nhân mới tỉnh dậy và được dìu vào nghỉ ở buồng trong, nhưng ở buồng ngoài nhà vua tương lai vẫn ì ra đây chông lại chỉ dụ, vừa khóc vừa đánh không cho thái giám đến bông đi. Các thái giám chỉ biết cười gượng đứng chờ các đại thần quân cơ sai khiến, các đại thần quân cơ thì lại đứng bó tay chờ Nhiếp chính vương nghĩ cách, còn Nhiếp chính vương thì chỉ biết gật gù gù mà chẳng còn cách gì hơn...

Cảnh trên là do các phụ lão trong nhà kể lại, còn tôi từ lâu đã không còn ấn tượng về nó nữa. Họ nói, cũng may có vú em của tôi nên cuộc hỗn loạn mới kết thúc được. Vú em thấy tôi khóc quá, bèn chia vú ra cho tôi bú, đến lúc đó mới bịt được tiếng khóc. Hành động tuyệt vời ấy đã gọi ý cho các đại thần quân cơ đang bó tay, họ liền bàn với cha tôi và quyết định để vú em bế tôi cùng vào cung, tới Trung Nam Hải thì giao cho thái giám trong cung bông vào gặp Từ Hy thái hậu.

Lần giáp mặt với Từ Hy ấy tôi còn nhớ mang máng, vì bị kích động mãnh liệt. Tôi nhớ lúc đó tự dung mình ở giữa đám người lạ mặt, trước mắt tôi là bức rèm xám xịt, từ bên trong lộ ra một bộ mặt gầy guộc và hết sức xấu xí, đó chính là Từ Hy. Nghe nói khi tôi vừa trông thấy Từ Hy liền khóc thét lên, mình run cầm cập. Từ Hy sai người lấy một xâu kẹo cho tôi bị tôi vút luôn xuống dưới đất và gào khóc luôn mồm: “Vú bế cơ! Vú bế cơ!”. Từ Hy rất bức nói: “Thằng bé này chán quá, bế đi đâu chơi cho khuất mắt đi!”.

Tôi vào cung đến ngày thứ ba thì Từ Hy mất, hơn một tháng sau tức ngày mùng 2 tháng chạp thì trong triều tổ chức “lễ đăng quang”. Buổi lễ đăng quang đó bị tôi gào khóc quấy phá làm mất cả vẻ trang nghiêm.

Lễ đăng quang được cử hành tại điện Thái Hoà. Theo chương trình thì trước buổi lễ tôi phải tới điện Trung Hoà để các đại thần cai quản quân lính trong cung bái kiến, rồi ra điện Thái Hoà để trăm quan vào triều kiến chúc mừng. Tôi bị họ quấy rầy hồi lâu, hôm ấy trời lại rét, vì vậy khi người ta khiêng tôi tới điện Thái Hoà đặt trên ngai vua vừa cao vừa lớn thì đã vượt quá mức chịu đựng của tôi rồi. Cha tôi nghiêng mình quỳ một gối xuống bên ngai vua, hai tay đỡ tôi không cho tôi vùng vằng, tôi giãy nảy khóc thét: “Bé không ở đây! Bé muốn về nhà! Bé không ở đây! Bé muốn về nhà!”. Cha tôi vãi cả mồ hôi trán. Văn võ bách quan ba lần quỳ xuống chín lần rập đầu lia lia, còn tôi thì càng khóc nhiều hơn. Cha tôi buộc phải dỗ ngọt: “Đừng khóc, đừng khóc, sắp xong rồi, sắp xong rồi!”.

Buổi lễ đăng quang kết thúc, văn võ bách quan thì thảo bàn luận: Sao lại nói sắp xong rồi” (27)? Lại nói “về nhà” là ý gì nhỉ?... Họ xì xào bàn tán và đều chán nản, dường như phát hiện triệu chứng không lành từ lời nói đó.

Về sau có một số ký sự tả về buổi lễ hôm đó đã thêm mắm thêm muối rằng, sở dĩ tôi khóc là vì tiếng chiêng trống nổi lên làm tôi sợ, còn nói cha tôi thấy tôi khóc quá bèn lấy con hổ con, đồ chơi trẻ em ra dỗ dành tôi mới nín. Thật ra buổi lễ hôm đó là tổ chức trong thời gian “quốc tang”, tuy có

đội nhạc hoàng gia nhưng không nổi kèn trống, còn nói lấy đồ chơi trẻ em thì càng không có việc đó. Nhưng các vị đại thần lo âu vì hai câu nói gở là sự thật. Có sách còn nói, không đầy 3 năm, triều đình nhà Thanh bị chấm dứt thật và có người về vườn thật. Xem ra thì hai câu nói đó quả là hai câu nói gở, nên các đại thần cảm ứng rất nhạy.

Thực ra, cảm ứng thật sự không phải vì hai câu nói ngẫu nhiên ấy. Nếu giờ lịch sử ghi chép hồi đó thì sẽ dễ hiểu nỗi lo âu của văn võ bách quan bắt nguồn từ đâu. Chỉ cần giờ *Thanh giám cương mục* ra xem đoạn ghi chép những sự việc lớn xảy ra trước một năm khi tôi lên ngôi thì cũng đủ rõ:

Tháng 7 mùa thu năm thứ 33 thời vua Quang Tự. Đảng cách mạng... dấy binh ở Quảng Châu... đánh chiếm Dương Thành...

Tháng 11, mùa đông, Tôn Văn, Hoàng Hưng cùng tấn công và chiếm được Trấn Nam Quan (nay đổi tên là Mục Nam Quan ⁽²⁸⁾ - tác giả) ở Quảng Tây...

Lệnh: Cấm học sinh làm chính trị và hội họp, diễn thuyết.

Tháng giêng mùa xuân, năm thứ 34. Quảng Đông bắt giữ tàu Nhật Bản buôn lậu súng ống đạn dược: tìm cách thả đi.

Tháng 3, Tôn Văn, Hoàng Hưng sai vây cánh tấn công đánh chiếm được Hà Khẩu ở Vân Nam...

.....

Quyển *Thanh giám cương mục* này được biên soạn và xuất bản trong thời kỳ Dân quốc ⁽²⁹⁾ tài liệu làm căn cứ chủ yếu là lấy trong hồ sơ của chính phủ nhà Thanh. Trong số hồ sơ đó tôi thấy có nhiều chỗ có chữ “thua chết”, “thua chạy”. Những chữ này càng nhiều chứng tỏ bạo táp cách mạng ở khắp nơi ngày càng mãnh liệt. Đây chính là nguồn lo âu của các vương công đại thần lúc bấy giờ. Tới thời Tuyên Thống thì tình hình ngày càng nghiêm trọng. Việc dùng Viên Thế Khải sau này làm cho một số người nơm nớp lo sợ, cho rằng bên ngoài có Đảng cách mạng, bên trong có Viên Thế Khải, những điềm gở từng xuất hiện trong lịch sử nay đều tập trung cả vào thời Tuyên Thống hết.

Tôi làm vua ba năm một cách mơ hồ và cũng rời khỏi ngôi vua một cách mơ hồ. Việc xảy ra trong những ngày cuối cùng trước khi tôi thoái vị cho tôi ấn tượng sâu sắc nhất là: một hôm, trong gian nhà âm phía đông điện Dưỡng Tâm, Long Dụ thái hậu ngồi trên giường âm bên cửa sổ phía nam cầm khăn tay lau nước mắt, trước mặt thái hậu có một ông già béo phì quỳ trên thảm đỏ rải dưới đất, trên mặt vẫn còn vết nước mắt. Tôi ngồi bên phải đằng sau thái hậu lấy làm lạ, không biết tại sao hai người lớn lại khóc? Lúc đó trong điện chỉ có ba người chúng tôi, ngoài ra không còn ai hết, thật là yên lặng. Ông già béo phì vừa nói vừa khịt mũi rất kêu, nói gì thì tôi hoàn toàn không hiểu. Về sau tôi mới biết ông già béo phì ấy chính là Viên Thế Khải. Đó là lần duy nhất tôi thấy Viên Thế Khải, và cũng là lần chót Viên Thế Khải gặp thái hậu. Người ta nói với tôi chính lần ấy Viên Thế Khải trực tiếp nêu với Long Dụ thái hậu vấn đề tôi thoái vị. Sau lần gặp thái hậu đó, Viên Thế Khải mượn cơ gặp nạn ở Đông Hoa Môn ⁽³⁰⁾ không vào triều nữa.

Sau cuộc khởi nghĩa Vũ Xương, khắp nơi nổi dậy hưởng ứng, thống soái người Mãn không chỉ huy nổi tân quân Bắc Dương ở các trấn để đánh dẹp quân Cộng hoà, Nhiếp chính vương không còn cách nào khác phải chấp nhận đề nghị sử dụng Viên Thế Khải do bọn Dịch Khuông nêu ra. Viên Thế Khải là người “được giá mới bán”, lại có bạn tâm giao Từ Thế Xương làm đại thần nội các hiệp biện trọng cung cấp tin tức thường xuyên cho y biết. Khi được chức tổng lý nội các và đại thần khâm sai nắm hết toàn bộ binh quyền và chính quyền, lúc đó mới chịu nhận chức và hạ lệnh quân Bắc Dương tấn công quân Cộng hoà. Sau khi chiếm lại được Hán Dương, y án binh bất động và lúc ấy y được triệu về Bắc Kinh triều yết Long Dụ thái hậu và Nhiếp chính vương.

Viên Thế Khải lúc này không còn là Viên Thế Khải hồi trước nữa, y không những đã nắm quyền chính trị và quân sự, mà còn được người nước ngoài thích thú, lại thêm có bạn trong Đảng cách mạng nữa. Sau khi quân Bắc Dương chiếm lại Hán Dương, công sứ Anh được chỉ thị của chính phủ mình báo cho Viên Thế Khải biết: nước Anh “đã có tình cảm hết sức tốt đẹp” ⁽³¹⁾ đối với Viên Thế Khải. Viên Thế Khải tới Bắc Kinh không lâu thì tổng lãnh sự Anh ở Vũ Xương được lệnh của công sứ Anh, đứng ra điều đình chiến sự giữa quân Thanh với quân cộng hoà. Bạn của Viên Thế Khải trong Đảng cách mạng chủ yếu là Ôn Đình Vệ, người đã từng mưu giết Nhiếp chính vương nhưng không thành. Sau khi Ôn Đình Vệ bị bắt, y được Túc thân vương Thiện Kỳ đối xử rất tử tế. Trong tập niên giám của cha tôi có ghi, đó là “đề ngăn chặn lòng phản trắc”, thật ra không phải như vậy. Tôi có

một người bà con sau này cho biết lúc bấy giờ có một người Nhật tên là Nisida Kôichi thông qua cô vân người Nhật của Thiện Kỳ báo cho Thiện Kỳ rằng người Nhật không đồng ý giết Ông Tinh Vệ. Lúc bùng nổ cuộc khởi nghĩa Vũ Xương thì Ông Tinh Vệ được thả, y bèn nắm lấy thời cơ đi lại làm quen với vương công quý tộc thuộc bọn Thiện Kỳ. Viên Thế Khải tới Bắc Kinh, Ông Tinh Vệ liền mò đến với ông ta và nhanh chóng trở thành bạn thân của Khắc Định, con cả của Viên Thế Khải và là mưu sĩ của Viên Thế Khải, đồng thời trở thành “chiếc cầu” giữa Viên Thế Khải với một số nhân vật trong quân Cộng hoà. Những tin tức phía quân Cộng hoà thông qua con đường này liên tiếp truyền đến Viên Thế Khải, các nhân vật phái lập hiến cũng dần dần tỏ ý có tình cảm với Viên Thế Khải. Do có thêm nhiều bạn mới cộng tác với nhóm bạn cũ trong ngoài nước và trong ngoài triều đình, vì vậy Viên Thế Khải trở thành nhân vật hiểu rõ tình hình của các phía nhất và có thể tiến hành mọi sự việc một cách thuận lợi. Không đầy một tháng về Bắc Kinh, Viên Thế Khải thông qua Dịch Khuông giới thiệu với Long Dụ thái hậu gạt Nhiếp chính vương ra rìa và cho Phan Đề về vườn. Kế đó lại mượn cớ tiếp tế quân dụng, rút hết tài khoản của hoàng thất, đồng thời buộc các vương công quý tộc góp tiền cho quân đội. Các vương công quý tộc bị một vô đầu như cát da cắt thịt, tài khoản của hoàng thất khô cạn, và đến lúc ấy quyền hạn về chính trị, quân sự và kinh tế đã nằm gọn trong tay Viên Thế Khải. Tiếp đó, Viên Thế Khải gợi ý cho Lục Chính Tường, cộng sứ của triều đình nhà Thanh tại nước Nga liên hợp các công sứ trú tại nước ngoài khác gửi điện về triều đình nhà Thanh yêu cầu vua thoái vị, trong khi ấy y lấy danh nghĩa toàn thể quốc vụ viện vào cung bí mật tâu với thái hậu rằng ngoài con đường thực hành cộng hoà thì không còn con đường nào khác. Tôi tìm thấy trong đồng hồ sơ ngày tháng mật tâu thì đúng là ngày mà tôi gặp Viên Thế Khải như đoạn trên đã kể, tức là ngày 28 tháng 11. Và như vậy tôi mới biết tại sao thái hậu sau đó cứ khóc mãi. Viên Thế Khải mật tâu hôm ấy làm cho thái hậu hoảng sợ nhất là mấy câu sau đây: “... hải quân đã làm phản hết, nơi hiểm trở không còn nữa, ai mà biết được với số quân ở sáu trấn ấy có giữ được Bắc Kinh và Thiên Tân hay không? Nếu như cố làm như nhà Chu rồi đi nơi khác, thì cũng không có chỗ mà dung thân”, “... các nước bạn ở phương Tây và phương Đông đã cho người ra điều đình chỉ yêu cầu ta cải cách chính trị thôi, nếu chờ lâu, sự việc căng thẳng thì khó tránh được họ sẽ không can thiệp. Và quân cộng hoà cũng vì vậy sẽ ác cảm với triều đình. Xem qua lịch sử cách mạng Pháp, nếu như sớm thuận theo dư luận thì Lu-i sao đến nỗi chẳng còn con cháu nào...”.

Long Dụ thái hậu nghe xong sợ quá vội triệu tập hội nghị ngự tiền, xin ý kiến của vương công quý tộc dòng dõi. Sau khi được biết nội dung mật tâu của Viên Thế Khải và nghe những lời nạt nộ của y, các vương công quý tộc rất sững sốt, họ sững sốt không phải cần chuyện Cách mạng Pháp, mà sững sốt vì Viên Thế Khải đã chuyển biến đột ngột. Viên Thế Khải vốn một mực chống lại việc thực hiện cộng hoà trong cuộc đàm phán giữa quân Thanh với quân cộng hoà, kiên quyết chủ trương quân chủ lập hiến. Trong một bức thư viết cho Lương Định Phần, y nói: “Quyết không phụ lòng trẻ mồ côi và quả phụ (chỉ tôi và thái hậu)”. Sau khi y đến Bắc Kinh không bao lâu, hôm công bố lệnh cho phép dân tự do cắt bỏ đuôi sam, trên đường về sau khi tan triều, Thế Tục chỉ vào đuôi sam sau gáy của mình cười hỏi Viên: “Ông anh ọ, ông tính sao với cái đuôi này hở?”. Viên Thế Khải trả lời nghiêm nghị: “Ông yên trí, tôi hãy còn rất thích nó, dù sao tôi cũng phải nghĩ cách giữ lấy nó!”. Vì vậy một số người từng tỏ ra không tin tưởng y lúc bấy giờ rất vui mừng, họ nói: “Viên Cung Bảo quyết không làm Tào Tháo đâu!”. Cuộc đàm phán giữa hai bên Cộng hoà và triều đình nhà Thanh đã đi đến hiệp nghị có tính chất nguyên tắc là sẽ giao vấn đề quốc thể cho quốc hội lâm thời biểu quyết, nhưng về vấn đề thành viên của quốc hội, thời gian và địa điểm họp quốc hội vẫn chưa ngã ngũ vì phía bên triều đình nhà Thanh một mực kiên trì ý kiến của mình. Trong khi còn đang bàn cãi thì ở Nam Kinh, chính phủ lâm thời ra đời và bầu ông Tôn Trung Sơn làm Đại tổng thống lâm thời. Ngày hôm sau Viên Thế Khải bỗng nhiên cách chức Đường Thiệu Nghi, và tự mình trực tiếp giao thiệp với đại biểu của quân đội Cộng hoà bằng điện báo. Vấn đề quốc thể còn chưa giải quyết bỗng nhiên lại xuất hiện vấn đề Viên Thế Khải yêu cầu vua Thanh thoái vị, tất nhiên khiến hoàng thất vô cùng kinh hãi.

Thì ra lúc đó Viên Thế Khải đã có người nước ngoài ủng hộ, và trong quân Cộng hoà y cũng rất nhiều bạn bè với mức độ có thể ảnh hưởng được hành động của phía Cộng hoà. Những người thuộc Đảng cách mạng trước vốn theo Đảng lập hiến lúc này đã biết rõ Viên Thế Khải là niềm hy vọng của họ! Niềm hy vọng này san đó lại lan truyền sang một số người theo chủ nghĩa cộng sản ngay thơ. Vì thế phía quân Cộng hoà đã ra quyết định: Chỉ cần Viên Thế Khải tán thành Cộng hoà thì Cộng hoà sẽ thành công nhanh chóng, miễn là Viên Thế Khải chịu thì có thể mời Viên Thế Khải làm Đại tổng thống nhiệm kỳ đầu. Điều đó phù hợp với lý tưởng của Viên, và lại xung quanh Nhiếp chính vương đã

về vườn còn có một thế lực xưa nay vẫn đối địch với y, dù y có đánh thắng Đảng Cách mạng hay thua thì thế lực đó cũng chẳng dung tha gì y. Vì vậy y quyết định tiếp nhận điều kiện ấy, song còn cần phải suy nghĩ thêm về việc sắp xếp cho dòng dõi nhà Thanh. Giữa lúc đó bỗng nghe nói Tôn Trung Sơn ra làm Đại tổng thống lâm thời tại Nam Kinh, y không nôn nóng thế nào được. Triệu Bính Quân, một tâm phúc và là trợ thủ của y sau này tiết lộ: “Hạng Thành tức Viên Thế Khải vốn có chí lớn, lại biết lợi dụng thời cơ. Trong tay tuy có nhiều quân nhưng vẫn cố tránh mạng tiếng lấy danh nghĩa vua để bịp người đời như Tào Mạnh Đức, nên một mặt dựa vào thế lực miền bắc cô đơn xếp với thế lực miền nam, mặt khác lại dựa vào thế lực miền nam để ức chế thế lực miền bắc. Hạng Thành thoát đầu tướng miền nam để gần gũi nên thiên về miền nam, tới khi miền nam bầu tổng thống xong mới ngó ra năm bắc rốt cuộc vẫn là hai. Ông không muốn thế lực miền nam không chế. Do đó ông quyết định tìm cách đối phó với dòng dõi nhà Thanh, trước hết đe dọa và ép buộc các vương công quý tộc, đe dọa và ép buộc vua Thanh, sau nữa là dọa già dọa non thái hậu để đoán dò tâm lý của thái hậu rồi đưa ra điều kiện uyển chuyển làm môi, để đạt đến mục đích tự thái hậu ban bố chỉ dụ hoàng đế thoái vị và y có toàn quyền tổ chức chính phủ lâm thời”. Đó mới là nguyên nhân chính khiến Viên Thế Khải thay đổi chủ trương một cách đột ngột.

Dù cho thay đổi thế nào đi nữa, nhưng nếu muốn tìm thấy nét mặt hung dữ trên khuôn mặt Viên Thế Khải giỏi rót nước mắt thì khó mà nhìn thấy được. Hôm y gặp thái hậu lần cuối, trên đường về qua Đông Hoa Môn bị ăn lựu đạn của vài ba đảng viên Đảng cách mạng mạnh động, khiến y có dịp vin cố không vào cung nữa mà chỉ phái trợ thủ Triệu Bính Quân, Hồ Duy Đức... thay thế để đối phó với hoàng thất. Cái vai trò mà y không tiện đóng đó đã để cho các trợ thủ của y đóng.

Song kết quả của sự thay đổi ấy cũng dẫn đến sự thay đổi trong những người trước kia từng tin tưởng ở Viên Thế Khải.

“Ai bảo Viên Thế Khải không phải là Tào Tháo?”

Cung vương Phổ Vĩ, Tục vương Thiện Kỳ, công tước Tái Trạch đều luôn luôn nghĩ như vậy. Các bồi lạc trẻ xung quanh Thuần vương cũng nghĩ như vậy. Có một học sinh trường con em quý tộc sau này nói, lúc bấy giờ Quế Xuân Tăng, đại thần dân chính người Mãn từng tuyên bố, để trả lời hành động thù địch và giết hại người Mãn xảy ra ở khắp nơi, y đã tổ chức cảnh sát người Mãn và học sinh trường con em quý tộc trả đũa người Hán ở Bắc Kinh. Thăng Doãn, thống đốc người Mông Cổ lúc bấy giờ ở thành Tây An xa xôi cũng đem quân rời Tây An đi “cần vương”, Viên Thế Khải gửi điện tán đồng và lệnh cho dừng lại Đông Quan. Trong khi ấy cũng có nhiều lời đồn rằng đảng Tông Xã (32) sẽ có nhiều hành động khủng bố. Tóm lại, một số vương công đại thần người Mãn và Mông Cổ đã hăm hè như muốn thí mạng. Hội nghị ngự tiền lần thứ nhất do thái hậu triệu tập đã vang lên những tiếng phản nộ. Dịch Khuông và Phổ Luân vì tỏ ra tán thành việc vua thoái vị liền bị công kích kịch liệt. Ngày hôm sau Dịch Khuông không dám đến nữa, và Phổ Luân cũng thay đổi lời nói tuyên bố tán thành quân chủ.

Tình thế này không giữ được bao lâu, Dục Lăng từng tham dự hội nghị ngự tiền sau này có nói với con cháu của ông về tình hình hội nghị lần đó, Phổ Vĩ cũng có một trang nhật ký ghi chép chút ít, nội dung đều tương tự như nhau. Tình hình trong lần hội nghị ngự tiền đại để như sau.

Thái hậu hỏi:

- Các người xem quân chủ tốt hay cộng hoà tốt?

Có chừng bốn, năm người liền đáp:

- Chúng thần đều chủ trương quân chủ, không có lý do gì mà chủ trương cộng hoà cả.

Tiếp đó những người khác cũng tỏ thái độ như vậy. Lần ấy Dịch Khuông và Phổ Luận không đến dự, nên không có ý kiến trái ngược. Có người còn nói, xin thái hậu “kiên trì chủ trương, đừng để bọn Dịch Khuông mê hoặc”. Thái hậu thở dài:

- Ta lấy cộng hoà làm gì, chỉ tại Dịch Khuông nói với Viên Thế Khải rằng Đảng cách mạng lợi hại lắm, chúng ta không có súng ống, không có lương thảo, không thể nào đánh được. Ta nói, thế thì không nhờ người nước ngoài giúp được à? Họ nói để đi hỏi xem. Được hai ngày trả lời là đã đi hỏi rồi, người nước ngoài nói Nhiếp chính vương về vườn thì họ mới giúp. Tái Phong, có phải họ bảo như vậy không?

Phổ Vĩ bực tức nói:

- Nhiếp chính vương về vườn còn gì? Sao người nước ngoài vẫn chưa giúp? Rõ ràng là Dịch Khuông khi quân,

Nà Nhan Đồ nói lời: “Xin thái hậu sau này chớ có nghe lời Dịch Khuông nữa!”.

Phổ Vĩ và Tả Trạch nói:

- Đảng cách mạng chẳng có gì đáng sợ, chỉ cần xuất lương thảo tất sẽ có trung thần đánh dẹp. Phùng Quốc Chương từng nói, nếu cấp ba tháng lương thảo cho ông ta thì ông ta có thể đánh bại Đảng cách mạng.

- Tiền của hoàng thất Viên Thế Khải đã lấy đi mất hết rồi, ta đâu có tiền nữa - Thái hậu lắc đầu thờ dãi.

Phổ Vĩ đem câu chuyện hoàng hậu Nhật Bản lấy nữ trang và châu báu của mình ra thưởng cho quân lính Nhật sau chiến tranh Nhật - Nga để khuyên thái hậu noi theo. Thiện Kỳ ủng hộ ý kiến của Phổ Vĩ, cho đó là ý kiến hay. Long Dụ nói: “Nếu đánh thắng tất nhiên là tốt giả sử thua thì đến điều kiện ưu đãi cũng chẳng được thì làm thế nào?”.

Lúc này, đại biểu hai bên triều đình nhà Thanh và Cộng hoà đã bàn xong nội dung Điều kiện ưu đãi.

- Điều kiện ưu đãi chẳng qua là lời nói bịp, - Phổ Vĩ nói - thì cũng như đón Lý Tự Thành không cần nộp lương thực ấy thôi, đó là bịp dân, và đây là khi quân. Dù cho điều kiện này tốt thật đi nữa, nhưng lấy tôn nghiêm của triều đình để được thần dân ưu đãi, chẳng là để tiếng chê muôn đời và các nước điều cười sao?

- Nếu đánh thì chỉ một mình Phùng Quốc Chương cũng chẳng ăn thua gì. - Thái hậu vẫn không tin tưởng.

Phổ Vĩ bèn thỉnh cầu: “Thái hậu và hoàng thượng khen thưởng quân lính tận trung vì đất nước”. Thiện Kỳ cũng nói, thiếu gì chí sĩ trung dũng. Thái hậu quay đầu lại hỏi Tả Đào từ lâu vẫn quỳ một bên nhưng không nói năng gì hết:

- Tả Đào, người trông coi lục quân, có biết binh lính của chúng ta thế nào không?

- Thân từng luyện quân, nhưng chưa đánh trận, không biết ạ! - Tả Đào vội rập đầu trả lời.

Thái hậu không nói gì thêm nữa. Lát sau mới nói một câu:

- Thôi, các người xuống đi.

Cuối cùng, Thiện Kỳ còn dặn thái hậu lần nữa:

- Lát nữa Viên Thế Khải và các đại thần tới triều yết xin thái hậu giáng chỉ phải thận trọng.

- Ta thật sợ bọn chúng! - Thái hậu lắc đầu thờ dãi...

Trong lần họp đó, Phổ Vĩ đã vạch trước với thái hậu cách đối phó với các đại thần, tức là cứ thoái thác vấn đề thoái vị chờ cho quốc hội xa, xâm bờ bên giải quyết. Song, đại thần quốc vụ Triệu Bình Quân mang lời của Viên Thế Khải đã chuẩn bị sẵn tới nói:

- Vấn đề này mà đưa ra cho mọi người bàn thì chưa chắc còn có điều kiện ưu đãi để mà hưởng!

Do đó, đối với ý kiến chủ chiến của các vương công quý tộc, thái hậu không còn muốn suy nghĩ nữa. Các vương công nhắc đi nhắc lại thái hậu đừng đem vấn đề này ra nói cho thái giám biết. Song, thái hậu vừa về tới cung, tổng thái giám Tiểu Đức Trương đã được Viên Thế Khải đám mồm từ trước liền nói ngay:

- Theo bầy tôi thì, cộng hoà cũng thế, quân chủ cũng vậy, chủ nhà cũng vẫn là một. Theo quân chủ, chủ nhà chẳng qua cũng chỉ trông coi việc dùng châu báu. Theo cộng hoà thì thái hậu vẫn là thái hậu. Song, dù sao cũng phải chấp nhận cái điều kiện ấy, bằng không, Đảng cách mạng đánh tới Bắc Kinh thì hỏng bét hết!

Trong các cuộc hội nghị ngự tiền, những người phát biểu chủ trương đánh ngày càng ít, cuối cùng chỉ còn lại bốn người. Nghe nói chủ sáu tuổi này hơn hai mươi tuổi là một trong những người kiên quyết chủ trương đánh nhất, ông chủ trương xé chăn ra lẻ, tấn phong cho các vương công làm “phiên vương” chia đi các nơi để chống lại cộng hoà. Nhưng chủ trương này chẳng ai nghe cả. Bồi lạc Dục Lăng cũng nêu ra ý kiến của mình, nhưng mọi người không ai đoán nổi chủ trương của ông là gì. Ông nói:

- Nếu đánh thì tận trung trên bãi chiến trường, đó là trách nhiệm không thể thoái thác được. Nếu hoà cũng phải sớm định kế lớn.

Mỗi lần họp hội nghị ngự tiền đều không đạt kết quả gì hết. Lúc đó, Đoàn Kỳ Thụy, viên tướng quân Bắc Dương của Viên Thế Khải từ tiền tuyến bỗng nhiên gửi điện về yêu cầu “vua nhà Thanh” thoái vị, kể đó, Lương Bật bị đảng viên Đảng cách mạng ném lựu đạn giết chết. Và như vậy; trong hội nghị ngự tiền thậm chí ý kiến nhập nhằng như của Dục Lăng cũng chẳng còn ai nêu ra nữa. Thiện Kỳ và Phổ Vĩ kiên quyết chủ trương đánh nhất thấy thời thế đã qua liền rời khỏi Bắc Kinh họ

muốn noi theo Thân Bao Tê khóc nhà Tần (33), một người chạy đi Thanh Đảo đang bị người Đức chiếm đóng, một người chạy đi Lữ Thuận đang bị người Nhật chiếm đóng. Họ bị giữ lại ở đây không cho ra nước ngoài. Quan chức ngoại giao nói với hai người rằng lúc này sang nước họ không thích hợp. Vấn đề rất rõ, người ngoại quốc đã quyết định thừa nhận chính phủ của Viên Thế Khải rồi.

Ngày 25 tháng Chạp năm thứ 3 (tức năm 1911) Tuyên Thống, Long Dự thái hậu ra sắc lệnh tôi thoái vị. Một số vương công quý tộc chạy vào phố Đông Giao Dân cảng (phố có nhiều đại sứ quán nước ngoài), cha con Dịch Khuông mang theo của cải vàng bạc châu báu, dắt theo vợ lẽ dọn vào tô giới của nước ngoài ở Thiên Tân. Trong hội nghị ngự tiền, Thân vương không phát biểu câu nào, sau khi chiếu chỉ thoái vị vừa công bố, ông liền về nhà bề con. Viên Thế Khải một mặt theo chỉ dụ của hoàng thái hậu nhà Thanh tổ chức chính phủ lâm thời Cộng hoà Dân quốc, mặt khác căn cứ vào hiệp nghị đã nhất trí với Đảng cách mạng ở miền nam, từ đại thần tổng lý nội các của đế quốc đại Thanh chuyển thành Đại tổng thống lâm thời của Trung Hoa Dân quốc. Còn tôi trở thành người bạn láng giềng của đại tổng thống bắt đầu sống cuộc đời trong triều đình nhỏ theo Điều kiện ưu đãi hoàng thất nhà Thanh (34).

Nội dung Điều kiện ưu đãi hoàng thất nhà Thanh như sau:

Điều 1: Sau khi hoàng đế Đại Thanh từ bỏ ngôi vua, tôn hiệu vẫn được giữ mà không phải huỷ bỏ. Trung Hoa dân quốc sẽ đối xử theo lễ nghi đối xử với các quân chủ nước ngoài.

Điều 2: Sau khi hoàng đế Đại Thanh từ bỏ ngôi vua, mỗi năm được hưởng bốn triệu lạng bạc. Chờ đến khi đức tiên mới sẽ thay bằng bốn triệu đồng, khoản tiền này do Trung Hoa dân quốc đài thọ.

Điều 3: Sau khi Hoàng đế Đại Thanh từ bỏ ngôi vua, tạm thời cư trú trong cung cấm. Sau này dọn đi ở trong Di Hoà Viên. Vẫn được lưu dụng những người hầu hạ và vệ binh như thường.

Điều 4: Sau khi hoàng đế Đại Thanh từ bỏ ngôi vua, tông miếu lăng tẩm vẫn được trông giữ mãi mãi. Do Trung Hoa dân quốc cho quân lính bảo hộ một cách cẩn thận và thoả đáng.

Điều 5: Lăng Đức tông (*Tức vua Quang Tự*) chưa làm xong, phải tiếp tục làm cho tử tế theo quy định. Việc phúng viếng diên lễ theo như cũ. Mọi kinh phí thực dụng do Trung Hoa dân quốc chi xuất.

Điều 6: Đối với nhân viên làm việc trong cung hồi trước thì vẫn có thể lưu dụng như thường, nhưng không được lấy thêm thái giám.

Điều 7: Sau khi hoàng đế Đại Thanh từ bỏ ngôi vua, tài sản riêng vốn có được Trung Hoa dân quốc đặc biệt bảo hộ.

Điều 8. Quân cấm vệ vốn có quy vào biên chế của lục quân Trung Hoa dân quốc, lương bổng vẫn như cũ.

Đời sống đế vương

Điều “Tạm ở lại cung cấm” ghi trong “điều kiện ưu đãi” không quy định thời hạn cụ thể. Trừ ba toà nhà cất cho Dân quốc ra, những nơi khác còn lại trong Tử cấm thành đều thuộc phạm vi “cung cấm”. Trong khoảng thế giới nhỏ bé chật hẹp ấy, cho đến năm Dân quốc thứ 13 mới bị Quốc dân quân đuổi khỏi Hoàng cung, tôi đã sống qua thời niên thiếu rất hư hỏng. Hư hỏng vì đã là thời đại nước Trung Hoa được gọi là Dân quốc, loài người đã tiến vào thế kỷ 20 rồi mà tôi vẫn sống theo nếp đế vương cũ rích không một chút đổi thay, vẫn thờ hủ hủ của thế kỷ thứ 19 để lại.

Mỗi khi nhớ lại thời thơ ấu, trong óc tôi bất giác lại hiện lên toàn màu vàng. Mái ngói lưu ly màu vàng, kiệu màu vàng, đệm ghế màu vàng, thắt lưng màu vàng, lót áo, lót mũ màu vàng, bát đĩa sứ dùng trong lúc ăn cơm uống nước, vỏ bông ừ liền cháo, bìa bọc sách, rèm cửa, cương ngựa... không một thứ gì không màu vàng. Loại màu gọi là vàng chói thì chỉ một người có quyền sử dụng, từ thuở nào đã gây cho tôi ý thức “duy ngã độc tôn”, làm cho tôi khác hẳn mọi người về “thiên tính”.

Đến năm tôi 11 tuổi, theo quyết định của các thái phi, bà nội và mẹ tôi bắt đầu được vào

cung “hội thân”, em trai thứ hai - Phổ Kiệt - và em gái lớn cũng theo vào ở chơi với tôi mấy ngày. Hôm mọi người đến lần thứ nhất không khí hết sức buồn tẻ. Tôi và bà nội ngồi trên giường lò (35), bà xem tôi bày bài bói quẻ trên kỷ chè, các em khúm núm đứng dưới đất, yên lặng nhìn tôi không chớp mắt, khác nào đứng hầu ở một công đường. Về sau, tôi nghĩ ra một cách đưa các em tôi vào điện Dưỡng Tâm, nơi tôi ở; tôi hỏi Phổ Kiệt:

- Ở nhà các người hay chơi trò gì?

- Phổ Kiệt biết chơi trò bịt mắt bắt dê - em trai thứ hai kém tôi một tuổi đáp lại một cách cung kính.

- Các người cũng biết chơi trò bịt mắt bắt dê ư, trò chơi này thú lắm.

Tôi khoái lắm. Trò chơi này tôi đã từng chơi với bọn thái giám nhưng chưa được chơi với trẻ con ít tuổi hơn. Thế là chúng tôi chơi ngay ở điện Dưỡng Tâm. Chơi càng vui. Các em tôi cũng quên cả nghi lễ bó buộc. Sau chúng tôi buông tất cả rèm che ngoài cửa xuống khiến cho trong nhà tối om. Em gái kém tôi hai tuổi vừa thích lại vừa sợ, tôi và Phổ Kiệt lại hề nhau dọa nó, chúng tôi thích quá vừa cười vừa kêu la âm ỹ. Chơi trò bịt mắt bắt dê đến mức mệt nhoài, chúng tôi leo lên giường lò nghỉ, tôi lại bảo các em nghĩ trò chơi mới lạ khác. Phổ Kiệt đắm đắm suy nghĩ hồi lâu không nói không rằng, chỉ nhìn tôi cười.

- Nhà người nghĩ gì thế?

Hắn vẫn nhe răng cười thộn.

- Nói mau, nói mau! - Tôi nóng nảy giục, đinh ninh là hắn đã nghĩ ra trò chơi gì thú vị, không ngờ hắn nói:

- Tôi tưởng, à quên, Phổ Kiệt tưởng hoàng thượng nhất định phải khác thường, phải có bộ râu dài lê thê như trên sân khấu, - vừa nói hắn vừa hoa tay làm điệu vượt râu. - Ai ngờ động tác ấy gây tai họa cho hắn vì tôi trông thấy vải lót trong tay áo hắn rất giống màu sắc tôi quen. Mặt tôi tức khắc sa sầm:

- Phổ Kiệt, đây là màu gì, nhà người cũng đáng mặt được dùng ư?

- Đây thưa đây là màu vàng vỏ hạnh đây ạ.

- Nói càn, đây không phải là màu vàng chói sao?

- Muôn tâu...

Phổ Kiệt vội vã buông thông hai tay cúi đầu đứng nép một bên. Em gái chạy lại đứng nép sau lưng hắn sợ phát khóc. Tôi vẫn chưa thôi:

- Đây là màu vàng chói, không phải thứ nhà người dùng được.

- Muôn tâu... - Em trai tôi trả lời phẫn bễ tôi trong tiếng “muôn tâu”.

Tiếng “muôn tâu” đã tuyệt tích từ lâu. Ngày nay nghĩ lại âm thanh ấy làm cho người ta bật cười. Nhưng từ tấm bé tôi đã quen cái đó lắm rồi, trái lại nếu có ai không dùng âm điệu ấy thì tôi không thể dung tha được. Với việc quỳ lạy cũng thế. Từ thuở nhỏ tôi đã quen thấy người ta lạy tôi, phần lớn là những người tuổi tác nhiều hơn tôi mấy chục lần, có người là bề trên trong họ tôi, có người mặc áo bào triều Thanh, cũng có người mặc đại lễ phục kiểu Tây của Dân quốc.

Trong việc đó tôi không thấy quái đản chút nào và quen rồi, cho là chuyện bình thường còn có sự phô trương bày vẽ hàng ngày nữa.

Nghe nói có một thanh niên khi đọc truyện “Hồng lâu mộng” cảm thấy kỳ lạ vô cùng, không hiểu tại sao sau lưng và xung quanh các nhân vật như Giả Mẫu, Vương Phụng Thư bao giờ cũng có một đám đông người, dù họ chỉ đi từ phòng này sang phòng khác cũng có một đám người như đàn ong theo sau, không khác một cái đuôi Thật ra cái đuôi trong “Hồng lâu mộng” còn nhỏ hơn cái đuôi ở Hoàng cung rất nhiều. Sự phô trương bày vẽ trong “Hồng lâu mộng” giống sự phô trương bày vẽ trong Hoàng cung thu nhỏ lại, cái đuôi ấy cũng thế. Những lúc tôi đến cung Dục Khánh học, đi thỉnh an các thái phi, du ngoạn hoa viên hàng ngày đằng sau đều có cái đuôi. Mỗi lần tôi đi chơi vườn Di Hoà không những phải có cái đuôi mấy chục chiếc xe ô tô mà còn phải thuê cảnh sát của Dân quốc canh phòng suốt dọc đường. Mỗi chuyến đi chơi như vậy tốn phí mấy nghìn đồng bạc. Mỗi lần tôi đến chơi ở Ngự hoa viên, cũng phải tổ chức thành hàng ngũ như sau: đi trước tiên là một thái giám của phòng Kính sự, phận sự của y không khác tiếng còi xe hơi, miệng y luôn luôn phát ra tiếng “xuýt xuýt” để bảo cho mọi người biết mà mau mau tránh ra. Sau đó chừng hai mươi bước là hai viên tổng quản thái giám, lạch bà lạch bạch đi trước dẫn rệu sát hai bên lề đường. Chừng mười bước sau là hàng trung tâm có tôi hoặc thái hậu. Nếu đi kiệu thì hai bên kiệu đều có Ngự tiền thái giám phù giống kiệu đi theo để tiện sai bảo. Nếu đi bộ thì họ điu đi. Theo liền đó là một thái giám cầm tàn, sau tàn mấy bước là

đậm đông thái giám bưng các đồ vật hoặc đi tay không, có người bê giường thêu đề tiện bề nghỉ ngơi bất cứ lúc nào. Có người bưng quần áo để tiện thay đổi, có người cầm tàn che nắng, tàn che mưa. Sau đám Ngự tiền thái giám là thái giám Ngự trà phòng bưng một số quả sơn đựng các thứ bánh điểm tâm, cố nhiên là cả ẩm đun nước, chén tách... Sau nữa là thái giám ngự phòng kị quây gánh trong đó chứa các loại thuốc thông thường và thuốc cấp cứu, những thứ không thể thiếu được là bắc đèn, nước hoa cúc, nước rế cỏ lau, nước lá tre, nước cất giang, mùa hè nhất định có Hoắc hương chính khí hoàn, Lục hợp dịch trung hoàn, Kim y thư khứ đan, Hạo nhu đan, Vạn ứng đỉnh sa dược, Ty ôn tán, bất cứ mùa nào cũng phải có thuốc tiêu thực Tam điều ẩm... Cuối cùng là thái giám xách xô đi đại tiểu tiện. Nếu không đi kiệu thì đi theo cùng, kiệu cũng theo mùa mà chia ra kiệu ẩm, kiệu thoáng. Cái đuôi trăm thứ bà dẫn ấy mây chục người, ấy thế mà lúc đi đứng cũng rất im lặng, an nhàn, hàng lối ngay ngắn.

Cái đuôi ấy cũng thường bị tôi làm rối tung lên. Như mọi đứa trẻ khác, lúc còn nhỏ hề cao hứng lên là tôi cất chân chạy lung tung. Ban đầu bọn thái giám cũng phải chạy theo không rời xa nửa bước, chạy đến mũ măng tã tôi, thở hồng hộc. Sau này lớn lên một chút, tôi cho họ đứng đợi, thế là trừ bọn ngự tiền thái giám ra, những người bưng quả, mang đồ vật, quây gánh đều đứng yên bên đường, đến lúc tôi chạy đã chán chê họ lại bắt đầu đứng vào đằng sau tôi. Sau này biết đi xe đạp, tôi ra lệnh cho mọi người cưa hết bậc cửa ở hậu cung đi, như vậy là tôi tha hồ phóng đi khắp mọi nơi không bị cản trở gì hết, cái đuôi tất nhiên cũng không tài nào theo tôi được nữa nên phải tạm thời bãi bỏ. Ngoài việc đó ra, những hoạt động hàng ngày như đi thỉnh an các thái phi, đến cung Dục Khánh học, v.v... vẫn phải có cái đuôi nhất định theo sau. Lúc bấy giờ, nếu sau lưng không có cái đuôi ấy tôi cảm thấy mất tự nhiên. Trước kia, khi nghe người ta kể chuyện vua Sùng Trinh đòi Minh đến đoạn chót nói rằng: bên cạnh vua Sùng Trinh chỉ còn một người thái giám thì trong lòng tôi cảm thấy ngậm ngùi.

Sự phô trương bày vẽ hao phí nhân lực, tài lực hơn cả là việc ăn uống. Về việc ăn của vua có hẳn một lô thuật ngữ riêng, tuyệt đối không cho phép ai được nói lộn. Cơm không gọi là cơm mà là “thiện”, ăn cơm gọi là “tiên thiện”. Bếp gọi là “phòng ngự thiện”. Đến giờ ăn cơm - thật ra không có giờ giấc nhất định, hoàn toàn do vua tự quyết định. Tôi nói một câu “truyền thiện”, Ngự tiền thái giám đứng hầu liền theo đó mà nói “truyền thiện” với Điện thượng thái giám ở Minh Điện của điện Dưỡng Tâm. Điện thượng thái giám lại truyền câu đó cho thái giám phòng Ngự thiện chờ ở Tây trường... cứ như thế mà truyền mãi ra tận trong phòng Ngự thiện. Đó là một đội ngũ mây chục thái giám ăn mặc chỉnh tề. Họ khiêng 7 chiếc bàn lớn nhỏ, bưng mây chục chiếc quả sơn sơn vẽ rồng vàng tấp nập kéo đến điện Dưỡng Tâm. Tới Minh điện thì do các tiểu thái giám tay áo trùm thêm mảnh vải trắng muốt đỡ lấy đem bày ở Đông Nỗn các. Hai bàn món ăn thường ngày, mùa đông đặt thêm bàn lò ăn nhúng, ngoài ra còn có ba bàn các thứ điểm tâm, cơm, cháo, một bàn nhỏ món ăn mặn. Đồ dùng ăn uống bằng sứ men vàng chói vẽ hoa vân rồng và viết chữ “vạn thọ vô cương”. Mùa đông thì dùng đồ bạc, để trong ang sứ chứa đầy nước sôi. Mỗi đĩa hay bát món ăn có một cái thẻ bạc, làm như vậy là để đề phòng bị đánh thuốc độc và cũng do nguyên nhân ấy trước khi bưng thức ăn cho vua dùng đều phải qua một thái giám nếm trước gọi là “thượng thiện”. Sau khi bày biện xong các món ăn đã nếm qua rồi, trước khi tôi ngồi vào bàn ăn, một tiểu thái giám hô to “mở nắp”. Bốn năm tiểu thái giám khác tức khắc mở vung bạc đặt trên các món ăn ra, bỏ cả vào một cái quả lớn mang đi. Thế là tôi bắt đầu “dùng thiện”.

Cái gọi là món ăn là những thứ gì? Món ăn của Long Du thái hậu mỗi bữa có chừng 100 thứ phải dùng tới 6 bàn ăn để bày. Bà đã thừa kế Từ Hy thái hậu về sự phô trương bày vẽ đó. Món ăn của tôi ít hơn thái hậu nhưng theo quy định cũng phải trên 30 thứ. Hiện tôi đã tìm được một trong bản thảo thực đơn tháng 3 năm Dân quốc đầu tiên trong đó ghi nội dung bữa ăn như sau:

- Gà om măng
- Vịt tần bát trận (8 thứ quý)
- Gà xé xào nấm, măng, hành ót, nồn rau
- Thịt ninh
- Cỗ hũ phối tần
- Thịt tần cải trắng
- Thịt dê om vàng
- Thịt dê hầm lót rau cải, cà chua
- Thịt dê xào củ cải Tứ Xuyên
- Vịt thái chỉ hầm hải sâm
- Vịt thái hạt lựu hầm hạt cát tiên

- Củ tróc rán
- Thịt om măng
- Thịt gói nhồi rán
- Chả nem
- Rau cải trắng thái chỉ
- Gan hầm thái mỏng.

Những món ăn ấy bày vẽ ra, ngoài sự bày biện, tuyệt nhiên không dùng làm gì. Chỉ sau một tiếng truyền lệnh, thức ăn nhanh chóng được bày trên bàn là vì phòng Ngự thiện đã làm xong từ trước, để sẵn trên bếp hâm nóng. Họ cũng biết rõ, có lẽ từ thời Quang Tự, Hoàng đế cũng không hề ăn những thứ hâm nóng ấy. Những món tôi ăn trong bữa đều do thái hậu gửi tới. Sau khi thái hậu qua đời thì do 4 vị thái phi gửi tới. Thái hậu và các thái phi đều có phòng ăn của mình mà đầu bếp đều là loại cao cấp nên các món ăn họ nấu rất ngon miệng, mỗi bữa ăn thường có hai chục món như vậy, đó là những món bày trước mặt tôi, còn những thứ khác bày ở góc xa chẳng qua chỉ để bày biện mà thôi.

Đề bày tỏ sự quan tâm tới tôi, các Thái phi ngoài việc gửi món ăn còn quy định mỗi khi ăn xong phải có một thái giám trực ban đi báo cáo tình hình tôi ăn ra sao. Đó cũng là một kiểu báo cáo công thức. Dù tôi ăn như thế nào, thái giám trực ban khi tới trước Thái phi đều quỳ tâu: “Nô tài bậm lệnh bà, Đức vua dùng một bát cơm (hoặc một bát cháo), một chiếc bánh màn thầu (hoặc một chiếc bánh rán), ăn ngon miệng”.

Vào ngày tết hoặc ngày sinh các Thái phi (ngày đó gọi là “thiên thu”) để tỏ lòng hiếu thuận cận có, phòng Ngự thiện của tôi cũng nấu một số món ăn tới dâng các Thái phi. Có thể dùng 4 câu nói để nhận xét những món ăn đó: đẹp mà không thật, tốn mà không ngon, nhạt mà không thơm, dinh mà không dưỡng.

Ăn uống như vậy, mỗi tháng tốn bao nhiêu tiền. Tôi đã tìm thấy một quyển “Sổ ghi phân quy định thịt gà, vịt hàng ngày của các phòng ăn từ mùng 1 đến 30 tháng 9 năm Tuyên Thống thứ hai” trong đó ghi như sau:

- Phần quy định thịt làm món ăn của Hoàng thượng 20 cân x 30 ngày cộng là 660 cân (*cân Trung Quốc bằng nửa kilôgam*),

- Bên dưới còn có phần quy định của Thái hậu và của mấy bà Thái phi, để dễ xem, nay gộp cả lại thành bảng thống kê như sau:

Tên hậu, phi	Số cân thịt	Số con gà	Số con vịt
Thái hậu	1.860	30	30
Cần quý phi	285	7	7
Dụ hoàng quý phi	360	15	15
Cần Hoàng quý phi	360	15	15
Tân quý phi	285	7	7
Cộng là:	3.150	74	74

Sáu người trong nhà tôi, tổng cộng một tháng dùng 3.960 cân thịt, 388 con gà; vịt, trong đó tôi là đứa trẻ nhỏ 5 tuổi dùng 810 cân thịt và 240 con gà, vịt. Ngoài ra, trong cung, còn rất nhiều người phục vụ cho gia đình 6 người này như: quân cơ đại thần, ngự tiền thị vệ, thầy dạy học, thầy vẽ, thợ chữ, các thái giám cũng như những thầy cúng hàng ngày tới cúng thần... cũng đều có phần của mình.

Kể cả gia đình 6 người chúng tôi tổng số ăn hết 14.642 cân thịt lợn, tính thành bạc hết 2.342 lạng 7 đồng cân 2 phân. Ngoài số cố định kê trên, hàng ngày còn phải thêm thức ăn mà khoản thêm này còn trội hơn phân quy định rất nhiều. Số thịt ăn thêm trong tháng này là 31.844 cân, mỡ lợn 814 cân, gà vịt 4.786 cân, thêm vào tiền tôm, cá, trứng... là 11.641 lạng linh 7 phân bạc cộng với 348 lạng tiền chi tạp phí, cộng với phân quy định là 14.794 lạng 1 đồng cân 8 phân. Rất rõ ràng trừ một số bị ăn cắp ăn bớt đút túi riêng ra, toàn bộ số tiền này hầu như đều phung phí vào việc đề biếu thị cái tôn nghiêm của đế vương. Đây còn chưa kể đến sự chi tiêu về diêm tằm, hoa quả, kẹo bánh, đồ uống... liên tiếp suốt năm.

Cơm nước thổi nấu rất nhiều mà không ăn, còn quần áo thì may rất nhiều mà không mặc. Về mặt may mặc, tôi không nhớ được nhiều, chỉ biết rằng Hoàng hậu, quý phi có phân quy định, còn vua thì hoàn toàn không hạn chế, suốt năm lúc nào cung tâu tí tít may cắt nhưng đã may những thứ gì tôi cũng không biết, dù sao thì bao giờ cũng là mặc quần áo mới toanh.

Tôi giữ được một tấm danh đơn không ghi rõ niên hiệu đầu đề “Phúc báo giá cả nhận thầu vật liệu đã dùng về việc may mặc” của Hoàng thượng từ ngày mừng 6 tháng 10 đến ngày 5 tháng 11”. Theo các khoản ghi trên đơn thì trong tháng này tôi đã may: 11 áo ngắn lót da thú, 6 áo bào lót da thú, 2 áo nịt lót da thú, 30 chiếc quần áo nịt và bông. Không kể công may vật liệu chính, chỉ riêng các khoản chi lát vạt về chèn, viền, vải, bọc, khuy và chỉ đã hết 2.137 đồng 6 hào 3 xu.

Phân quy định của Hoàng hậu và quý phi cũng rất đáng kể. Trong một cuốn sổ ghi các khoản chi tiêu sau khi tôi đã lấy vợ, trong đó có ghi luật lệ quy định số hàng dùng may mặc hàng năm của Hoàng hậu, quý phi nay thống kê cả lại như sau:

Loại hàng	Hoàng hậu	Thục phi	4 thái phi	Tổng cộng
Các loại đoạn	29 tấm	15 tấm	92 tấm	136 tấm
các loại vóc	40 tấm	21 tấm	108 tấm	169 tấm
Các loại da	16 tấm	8 tấm	60 tấm	81 tấm
Các loại lĩnh	8 tấm	5 tấm	28 tấm	41 tấm
Các loại vải	60 tấm	30 tấm	144 tấm	234 tấm
Len và sợi	16 cân	8 cân	76 cân	100 cân
Bông	40 cân	20 cân	120 cân	180 cân
Kim tuyến	20 con	10 con	76 con	106 con
Da điều	90 tấm	30 tấm	280 tấm	400 tấm

Quần áo thay đổi của tôi cũng được quy định bằng văn bản hẳn hoi do thái giám kho “Tứ chấp sự” chịu trách nhiệm chuẩn bị. Theo lời văn ghi trong đơn thì chỉ riêng một thứ bào khoác mặc thường hàng ngày mà trong một năm cũng phải thay đổi 28 loại, từ kiểu bào khoác xanh trắng viền da thú mặc ngày 19 tháng giêng lần lần thay đến khoác da điều thừ mặc ngày mừng 1 tháng 11, còn các ngày tết, ngày hội lớn thì mức phức tạp của sắc phục càng không thể nào nói hết được.

Một quản gia của vua là Phủ nội vụ, cai quản 7 ty: Quảng Trữ, Đô Ngụ, Chương lễ, kế toán, Khánh phong, Thận hình, Doanh tạo (mỗi Ty đều có đầy đủ các đơn vị kho tàng, nơi làm việc như Ty Quảng Trữ có 66 kho vàng bạc, đồ sứ gấm vóc, quần áo, chè...) và 48 Sở trong hoàng cung, theo ghi chép trong cuốn “Thông kê chức tước phẩm trật” mùa thu năm Tuyên Thông thứ nhất thì số quan chức trong Phủ Nội vụ gồm 1.023 người (không kể quân cấm vệ, thái giám và tạp dịch). Năm Dân quốc thứ nhất đã giảm một số lớn, còn lại 600 người, đến khi tôi phải rời khỏi hoàng cung, ở đó vẫn còn trên 300 người. Cơ cấu to lớn, công kênh, số người phục dịch đông đúc như thế nào thì một người bình thường còn có thể tưởng tượng ra được, nhưng đến cái buồn tẻ của công việc ấy thì không phải ai cũng biết được. Ví dụ: Như ý quán là một trong 48 Sở ở trong hoàng cung. Nơi này chuyên môn phục dịch cho vua cùng hoàng hậu vẽ và viết, nếu Thái hậu muốn vẽ gì thì nhân viên Như ý quán vẽ sẵn rồi Thái hậu tô màu, đề từ. Viết đại tự, hoành phi, câu đối thì do Cầu tự tượng của điện Nhu Cần đàm thảo hoặc Hàn Lâm nam thư phòng viết thay. Những cái gọi là “Thái hậu ngự bút” hay “Ngự chế chi bảo” cuối thời Thanh phần lớn đều như vậy cả.

Ngoài sự phô trương bày vẽ, những đèn đài lầu các ở xung quanh, những vật trang trí, bày biện ở trong cung điện đối với tôi đều có tác dụng cả. Duy chỉ có đế vương mới được dùng ngói lưu ly vàng, điều này không phải nói, ngay đến tầm cao cửa nhà cửa cũng là thứ đặc cách dành riêng cho đế vương.

Điều đó khiến tôi từ nhỏ đã nhận thức là không những khắp gầm trời đều là của nhà vua mà cả đến mảnh trời xanh trên đầu cũng không thuộc về một người khác. Mỗi vật bày biện trong cung là một giáo cụ trực quan của tôi. Nghe nói rằng nhà vua Càn Long đã từng quy định: tất cả mọi đồ vật trong hoàng cung dù chỉ là một ngọn cỏ cũng không để mất. Đề câu nói ấy thành sự thật, vua Càn Long đã để mấy ngọn cỏ ở trên bàn đặt trong cung, cho người kiểm soát hàng ngày, thiếu một ngọn cũng không được, đặt tên là “Thôn thảo vi tiêu” (*Tắc cỏ làm tiêu biểu* - ND). Suốt mười mấy năm tôi ở trong cung, nắm cỏ ấy vẫn được bày ở điện Dưỡng Tâm. Đó là một cái ống sắt tráng men “Cảnh thái lam” nhỏ, trong đựng 36 ngọn cỏ khô, xác dài chừng một tấc. Năm cỏ khô ấy đã từng gọi nên lòng sùng bái man mác của tôi đối với tô tiên và nó cũng gợi nên lòng căm thù sâu sắc của tôi đối với cuộc cách mạng Tân Hợi. Nhưng tôi tuyệt nhiên không nghĩ rằng nắm cỏ của Càn Long để lại ấy, tuy rằng không thiếu ngọn nào nhưng số đất đai mọc đầy cỏ xanh mướt của Càn Long để lại đã bị con cháu hiện không cho các “nước thân thiện” thì kể có hàng ngàn kilômét vuông.

Sự lãng phí do đời sống đế vương tạo nên đến nay, không có cách nào thống kê chính xác được. Theo bản “So sánh chi tiêu giữa năm Tuyên Thống thứ 7 với ba năm gần đó” của Phủ Nội vụ biên soạn, tài liệu ghi rằng: số chi trong năm Dân quốc thứ tư lên tới trên 2.790.000 lạng bạc. Tóm lại, dưới sự dung túng của nhà đương cục Dân quốc lúc đó, nhóm người do tôi đứng đầu vẫn phô trương bày vẽ như cũ, vẫn sống đời sống ỷ lại theo tiêu chuẩn cũ, hao phí biết bao mồ hôi nước mắt của nhân dân.

Trong hoàng cung có một số quy tắc thoát đầu không phải do sự phô trương bày vẽ mà ra, ví dụ như để thề bực trong thức ăn, mỗi lần ra khỏi cửa là phải tiên hô, hậu ứng rầm rộ, bày binh bố trận cảnh giới mà lại là để phòng ngừa bị ám hại. Nghe nói vua không có nhà xí chính là vì có một đời vua ra ngoài đại tiện chạm phải thích khách. Nhưng ảnh hưởng của những câu chuyện này với sự phô trương bày vẽ kia để lại cho tôi chỉ là một: chẳng kể từ mặt nào, nó cũng buộc tôi phải xác nhận mình cao quý tuyệt vời, là trên mọi người, thống trị hết thảy, chiếm hữu hết thảy.

Quan hệ mẹ con

Tôi vào cung làm con kế tự hai vua Đồng Trị và Quang Tự, vợ của hai vua ấy cố nhiên trở thành mẹ tôi. Nói đời vua Đồng Trị đồng thời thừa tự vua Quang Tự, nếu theo chính thống thì tôi nặng về phía vua Đồng Trị, nhưng vợ vua Quang Tự là Long Dụ thái hậu bất chấp lý lẽ đó. Dùng quyền uy thái hậu, bà tổng các quý phi của vua Đồng Trị, những người dám đấu tranh với bà trong vấn đề này vào lãnh cung nên họ không được coi là mẹ tôi. Ngay Cần quý phi của vua Quang Tự cũng không được coi là thứ mẫu của tôi.

Khi mọi người ăn cơm, Long Dụ thái hậu và tôi ngồi đằng hoàng còn Cần quý phi phải đứng mà ăn. Mỗi đến khi Long Dụ thái hậu qua đời ba bà quý phi của vua Đồng Trị và Cần quý phi họp nhau lại khiêu nại với các vương công về vụ này, lúc ấy địa vị Thái phi của họ mới được xác định. Và cũng từ lúc ấy tôi mới gọi các bà là “mẹ”.

Tuy có nhiều mẹ như vậy mà suốt đời tôi chưa hề được hưởng tình yêu của người mẹ bao giờ. Ngày nay, hồi tưởng lại chỉ thấy sự quan tâm lớn nhất của các bà đối với tôi là hàng ngày cho tôi thức ăn và nghe thái giám báo cáo là tôi “ăn rất ngon miệng” mà thôi.

Thật ra, từ nhỏ tôi đã đau dạ dày, có bao giờ ăn ngon miệng đâu. Mà nguyên nhân sinh bệnh của tôi cũng liên quan đến cái tình “mẹ yêu con” ấy. Năm lên 6 tuổi, có một lần tôi ăn quá nhiều hạt dẻ nên bị đầy bụng, thế là suốt cả tháng đó, Long Dụ thái hậu chỉ cho tôi ăn thuần một thứ cháo bột gạo, đặc như bánh đúc, mặc dù lúc nào tôi cũng kêu đói, nhưng nào có ai chịu để ý đến tôi! Còn nhớ có hôm đi chơi Trung Nam Hải, thái hậu sai người đưa bánh bao khô đến để tôi cho cá ăn. Thèm ăn đã lâu tôi háu đói đưa luôn vào miệng nhai ngấu nghiến. Thấy tôi đói thiếu não như vậy, Long Dụ thái hậu không thay đổi ý kiến, ngược lại bà bố trí, đề phòng nghiêm ngặt. Bà càng đề phòng nghiêm ngặt càng gọi nên tính tham ăn của tôi. Tôi đã vô lý lấy thịt ăn để trọng quả của các Vương phủ mang vào ngày mừng một và mười rằm hàng tháng và người ta đã phải giăng lưới thịt từ trong miệng tôi.

Năm lên sáu, lên bảy tôi thay đổi tính nết, hay bần gắt. Mỗi lúc lên cơn là hạnh hạ những người xung quanh. Hễ đến lúc như thế, Trương Khiêm Hoà thái giám tổng quản của tôi liền chẩn đoán bệnh cho tôi. “Hoả của Hoàng thượng vượng quá, phải hát to một lúc cho hạ hoả”.

Nói đoạn y đẩy tôi vào một căn phòng nhỏ phân nhiều là phòng chứa ghế ngồi đại tiện ở cung Dục Khánh. Khóa trái cửa lại, mặc cho tôi kêu gào nguyên rủa, đá cửa thình thình, van xin kêu khóc đến mấy cũng không ai để ý tôi. Theo cách nói của họ là “hát xong rồi, hoả sẽ xuống”, lúc ấy mới mở cửa cho tôi ra. Cách chữa bệnh kỳ quái như vậy cũng không phải sự phát minh của cá nhân Long Dụ thái hậu mà là một truyền thống của gia đình hoàng tộc. Các em trai, em gái tôi trong Vương phủ đều được nếm qua mùi vị ấy. Tôi lên 8 tuổi thì Long Dụ thái hậu qua đời. “Lòng thương âu yếm” của tôi đối với thái hậu chỉ có thể nhớ được qua những chuyện kể trên thôi.

Bốn bà thái phi cùng ở với tôi khá lâu nhưng lúc thường cũng ít khi gặp mặt. Quay quần trò chuyện với nhau một cách âm cúng như mọi gia đình bình thường khác là chuyện không bao giờ có.

Mỗi buổi sáng, tôi đến chỗ các thái phi ở để thỉnh an. Nơi nào thái giám cũng đặt đệm bọc đoạn vàng cho tôi quỳ xuống một cái rồi đứng sang một bên chờ thái hậu nói mấy câu công thức nhạt nhẽo, khô khan nghìn lần như một: “Hoàng thượng có ngủ ngon không?”, “Trời lạnh lắm phải mặc nhiều áo vào”, “Học đến đâu rồi?”, thảng hoặc cũng có khi ban cho tôi đồ chơi như tượng đất nung... Cuối cùng là một câu không bao giờ thiếu: “Hoàng thượng đi chơi thôi”. Cuộc gặp mặt hàng ngày thế là kết thúc, suốt ngày hôm ấy tôi không gặp ai nữa.

Thái hậu, thái phi gọi tôi là hoàng thượng. Bà nội và cha mẹ đẻ tôi cũng gọi như thế. Mọi người khác cũng gọi tôi là hoàng thượng. Mặc dù tôi có tên chữ, tên hèm, nhưng đều không được bà mẹ nào gọi đến. Trong mùa lạnh tôi thường hay sổ mũi, nhức đầu. Lúc đó các bà thái phi lần lượt xuất hiện. Bà nào cũng chỉ nói mấy câu tương tự:

- Hoàng thượng thấy đỡ nhiều chưa? Có ra mồ hôi không?

Rồi mỗi bà nán lại không quá hai ba phút là rút lui ngay. Ấn tượng sâu sắc hơn cả là đám thái giám theo đuôi các bà, lượt nào cũng đứng chật ních căn phòng nhỏ của tôi. Trong mấy phút đó, hết tốp này vào đến tốp khác kéo ra làm xáo động không khí trong phòng. Bà thái phi này vừa đi ra, bà thái phi khác đến. Trong một ngày bốn lần người ta lũ lượt ra vào. May mà bệnh của tôi bao giờ cũng độ hai ngày là khỏi nên phòng nghỉ lại được yên tĩnh.

Mỗi lần tôi ốm đều do phòng thuốc cung Vĩnh Hoà sắc thuốc. Cung Vĩnh Hoà là nơi ở của thái phi Đoan Khang do kế thừa của Long Dụ thái hậu nên phòng thuốc của bà sắp đặt tốt hơn phòng thuốc của các thái phi khác. Thái phi Đoan Khang quản thúc tôi càng nhiều hơn, rõ ràng thay thế địa vị của Long Dụ thái hậu. Hiện tượng trái với tiên liệt nhà Thanh này là do sự can thiệp của Viên Thế Khải.

Sau khi Long Dụ thái hậu qua đời, Viên Thế Khải can thiệp với phủ Nội vụ nhà Thanh, đòi tấn phong và tôn hiệu cho bốn bà quý phi của hai vua Đồng Trị và Quang Tự. Ông tỏ ý ủng hộ Cần quý phi đứng đầu bốn quý phi. Các vương công và cha tôi cũng chấp nhận sự can thiệp này. Tôn hiệu quý phi là Trung Hoà, tấn phong Tấn quý phi và Cần quý phi là Hoàng quý phi và tôn hiệu là Vinh Huệ và Đoan Khang. Từ đó, Đoan Khang hoàng quý phi trở thành mẹ số một của tôi và cũng từ đó, bà xét nét rất ngặt nghèo cho đến khi xảy ra cuộc xung đột gay go mới chấm dứt.

Với sự “chăm nom” của bốn bà thái phi, tôi đã được 13, 14 tuổi. Cũng như những trẻ nhỏ khác, tôi rất thích đồ chơi mới. Để mua vui cho tôi có một số thái giám khi ra ngoài đã mua về một số thứ.

Có lần, một thái giám may cho tôi bộ đại lễ phục mà các tướng lĩnh Dân quốc mặc, trên mũ còn có ngù giống như mào gà trắng, ngoài ra lại có dây da và dao găm. Tôi mặc vào rất nghênh ngang đắc ý. Ai ngờ Đoan Khang thái phi biết, bà ta nổi giận lôi đình, qua một hồi kiểm tra, biết tôi còn đi cả bít tất Tây do thái giám mua ở ngoài về, cho rằng đó là những việc tây trời, lập tức gọi hai thái giám mua quần phục và bít tất Tây cho tôi là Lý Trường An và Lý Đình Niên tới cung Vĩnh Hoà đánh mỗi người 200 gậy, đẩy tới nơi quét dọn làm lao động khổ sai.

Đầy xong thái giám, bà lại cho gọi tôi đến lớn tiếng dạy dỗ: “Hoàng đế đại Thanh mặc quần áo Dân quốc, lại còn đi tất Tây, thế thì còn ra thế nào nữa?”. Tôi cực chẳng đã phải bỏ quần phục, dao găm, tất Tây mà tôi rất thích để mặc lại áo thụng và tất vải thêu vẩy rồng.

Nếu như Đoan Khang quản giáo tôi chỉ giới hạn ở quần phục và bít tất, tôi cũng không nhất định có hành vi bất kính sau này. Vì kiểu quần giáo này chỉ càng làm cho tôi cảm thấy mình khác người thường, càng phù hợp với sự giáo dục ở cung Dục Khánh. Tôi tin là việc bà cho thái giám ăn một trận đòn và dạy dỗ tôi chính là vì mục đích giáo dục này. Song Cần phi, con người một lòng một dạ muôn bất chước Từ Hy thái hậu này, mặc dù chị ruột bà ta là Trần phi chết vì tay Từ Hy thái hậu, bà ta vẫn coi Từ Hy làm tấm gương. Bà không chỉ học được đánh thái giám một cách độc ác, còn học được cách cử thái giám theo dõi hoàng đế. Sau khi bà đuổi những thái giám cạnh tôi như Lý Trường An, Lý Đình Niên, bà phái thái giám thân tín của bà đến hầu tôi ở điện Dưỡng Tâm. Hàng ngày viên thái giám này phải đến báo cáo với bà về nhất cử, nhất động của tôi giống như Tây thái hậu đối xử với Quang Tự. Mặc dù mục đích của bà ra sao, việc đó đã tác hại lớn đối với lòng tự tôn của hoàng đế. Thầy Trần của tôi rất bất bình với việc đó, đã giảng cho tôi một số lý luận về phân biệt bậc trong gia đình, càng kích động nổi căm giận chứa chắt trong lòng tôi.

Không lâu, một thầy thuốc trong Viện thái y là Phạm Nhất Mai bị Đoan Khang đuổi; đã làm nổi căm hờn của tôi thêm khoét sâu. Phạm Nhất Mai là một trong những thầy thuốc chữa bệnh cho Đoan Khang, việc này vốn không liên can gì đến tôi. Tuy nhiên, khi đó bên tôi lại xuất hiện không ít

lời bàn tán có tính chất khuyến khích. Thầy Trần nói: “Thân làm thái phi, chuyên quyền quá đáng”. Thái giám tổng quản Trương Khiêm Hoà vốn là người tố cáo chuyện mua quân phục và bí tất Tây khi đó cũng trở thành “đế đảng” xô ra những lời lẽ bất bình: “Hoàng thượng chẳng phải lại trở thành Quang Tự hay sao?”. Lại nói chuyện Thái y viện, đến kẻ tôi tớ này cũng chường mắt”. Nghe những lời lẽ ấy sự kích động của tôi lên tới cực điểm, hăm hăm chạy đến cung Vĩnh Hoà, vừa thấy Đoàn Khang liền quát:

- Bà dựa vào có gì mà đuổi Phạm Nhất Mai, bà quá chuyên quyền! Tôi có phải là hoàng đế không? Ai là người quyết định? Thật là chuyên quyền quá đáng...!

Tôi quát lớn một lúc, bất chấp Đoàn Khang giận tái mặt nói những gì, tôi phất tay áo bỏ ra. Về tới cung Dục Khánh, các thầy dạy khen ngợi tôi một hồi.

Đoàn Khang thái phi bưng bưng nổi giận, không tìm tôi, trái lại sai người gọi chạ tôi và mấy vị vương công, khóc lóc với họ một hồi yêu cầu họ có ý kiến. Ngay những vương công ấy cũng không ai dám có ý kiến. Nghe tin ấy, tôi gọi họ đến thư phòng trên (là nơi hoàng đế học tập) khẳng khái hiên ngang nói:

- Bà ta là gì? Chẳng qua là một cung phi. Từ xưa đến nay, triều đình ta không có hoàng đế nào gọi cung phi là mẹ kế! Có cần chia thứ bậc không? Nếu không cần, dựa vào cái gì để tôi gọi bà ta, lại còn phải vâng lời bà ta nữa?...

Mấy vị vương công nghe tôi quát một hồi, vẫn không ai nộ gì.

Kính ý thái phi vốn bất hoà với Đoàn Khang, khi đó bà đắc ý bảo tôi:

- Nghe nói cung Vĩnh Hoà sẽ mời bà và mẹ tôi, xin hoàng đế lưu tâm.

Quả nhiên, bà nội tôi và mẹ tôi được Đoàn Khang triệu tới. Bà ta không có cách gì đối với các vương công nhưng một trận kêu khóc đã có tác dụng đối với bà và mẹ tôi, đặc biệt là bà tôi vô cùng sợ hãi, bà cùng mẹ tôi quỳ xuống cầu xin bà ta bớt giận, hứa sẽ khuyên tôi đến xin lỗi. Tôi đến cung Vĩnh Hoà thấy bà và mẹ tôi, nghe thấy Đoàn Khang vẫn đang kêu gào trong điện, thực ra tôi vẫn còn muốn tranh cãi, tuy nhiên nhìn thấy nước mắt của bà nội và mẹ đẻ tôi tôi mềm lòng. đáp ứng lời khuyên đến xin lỗi Đoàn Khang.

Tôi đến trước mặt Đoàn Khang, nhìn bà thỉnh an nói một câu hàm hồ: “Thưa mẹ, tôi sai rồi”, sau đó tôi lùi ra. Đoàn Khang có thể diện, nín khóc. Hai ngày sau, tôi được tin mẹ tôi tự sát.

Nghe nói, từ nhỏ mẹ tôi không bị ai nói nặng, mắng mỏ bao giờ. Cá tính mẹ tôi rất mạnh không chịu nổi sự kích động ấy. Từ hoàng cung về đến nhà, bà lập tức uống thuốc phiện tự sát. Sau đó Đoàn Khang sợ tôi truy cứu trách nhiệm của bà nên từ đó thay đổi thái độ đối với tôi, không những không dám xét nét tôi nữa mà còn hết sức chiều ý tôi. Thế là gia đình tôi ở Tử Cấm Thành lại khôi phục sự yên tĩnh như cũ, giữa tôi và các thái phi cũng khôi phục quan hệ mẹ con. Song, trái lại mẹ đẻ của tôi thì không còn nữa.



Học tập ở cung Dục Khánh

Năm tôi 6 tuổi, Long Dụ thái hậu đã tuyển cho tôi mấy thầy dạy học. Khâm thái giám chọn

ngày giờ tốt cho tôi khai học. Giờ Thìn ngày 18 tháng bảy âm lịch năm thứ ba Tuyên Thống tôi bắt đầu học tập.

Mới đầu phòng học tại Bồ đồng thủ ốc ở Doanh Dài trong Trung Nam Hải, sau chuyển đến cung Dục Khánh, bên trái Trai cung ở Tử Cấm Thành - đây là nơi vua Quang Tự học tập lúc còn nhỏ. Trước hơn nữa là phòng ngủ của hoàng tử Ngung Viêm con vua Càn Long (sau này là hoàng đế Gia Khánh). Cung Dục Khánh rất nhỏ, là một toà nhà hình chữ công (I), các phòng cũng không lớn, chỉ có hai gian tương đối lớn ở phía tây dùng làm phòng học, ngoài ra đều bỏ không.

So với các nhà khác ở trong cung, bài trí của hai phòng này tương đối đơn giản. Dưới tường phía Nam là một bàn dài bên trên bày các thứ như lọ hoa, giá mực... Dựa vào tường phía tây là một bệ sưởi, ghế trên bệ sưởi là bàn học, sau chuyển xuống sàn nhà, ghế bát tiên thay cho bệ sưởi. Dựa vào vách tường phía bắc là hai chiếc ghế dài, nơi để hòm sách và giấy bút, dựa vách tường phía đông là một bàn trà nước. Trên hai tường đông - tây treo bài thơ của Thuần hiền thân vương tự tay viết khuyên răn Quang Tự. Nổi bật là trên tường phía bắc có một đồng hồ lớn, mặt đồng hồ rộng khoảng 2 mét, kim đồng hồ còn dài hơn cánh tay tôi, mấy móc đồng hồ ở phía sau tường. Khi lên dây cót, phải đến phía sau tường quay một cái giống như tay lái xe ô tô. Cái thứ đồ vật kênh càng này từ đâu tới, tại sao phải đặt ở đây tôi đều không nhớ, thậm chí từng chuyển động của nó, tiếng chuông báo giờ kêu thế nào tôi cũng không có ấn tượng.

Dù cho đồng hồ của cung Dục Khánh to đến kinh người, trái lại người cung Dục Khánh là những người không có thời gian nghỉ tới nhất. Hãy xem tôi học những sách gì sẽ biết. Sách học chủ yếu của tôi là 13 kinh, có thêm sách phụ trợ như “Đại học điển nghĩa”, “Chu tử gia huấn”, “Đinh huấn cách ngôn”, “Thánh dụ quảng huấn”, “Ngự phê thông giám chấp bản”, “Thánh vũ ký”, “Đại Thanh khai quốc phượng liệt”... Đến 14 tuổi lại thêm khoá tiếng Anh. Ngoài “Anh ngữ độc bản” tôi chỉ học hai cuốn sách “Elixurban kỳ cảnh ký” (ghi chép về Elixurban chơi cảnh lạ” - ND) và “Tứ thư” của Trung Quốc bằng tiếng Anh. Tiếng Mãn là môn học cơ bản nhưng ngay chữ cái tôi cũng không học được và kết thúc khi thầy Ikhôtan chết. Tóm lại từ năm thứ ba đến thứ 11 Tuyên Thống, tôi chưa từng học về cộng trừ nhân chia, càng không biết gì về thanh, quang, hoá, điện. Về tổ quốc mình, qua sách vở chỉ thấy “Đông quang trung hưng”... Về nước ngoài, chỉ theo Elixurban du ngoạn cảnh lạ. Tôi hoàn toàn không biết gì về Wasinhton, Napôlêông, Wathơ phát minh máy hơi nước, Niuton nhìn quả táo rơi... Về vũ trụ cũng không vượt qua “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”. Nếu không có các thầy dạy kể chuyện ngoài sách học và tự mình đọc một số sách giải trí tôi không thể biết rõ vị trí của Bắc Kinh ở Trung Quốc, cũng không biết lúa gạo vốn từ đất mọc ra. Khi nói đến lịch sử, các thầy dạy tôi cũng không chịu vạch trần huyền thoại về tiên nữ núi Trường Bạch cho nên trong một thời gian dài, tôi luôn tin rằng tổ tiên tôi là tiên nữ Phật Khổ luân, ăn một quả táo đỏ mà sinh ra. Tôi luôn luôn cho rằng mỗi người dân thường bữa ăn đều có một bàn thịt cá.

Tôi học không ít sách cô, thời gian cũng dài, lẽ ra phải có kiến thức nhất định về cổ văn, thực ra không như vậy. Trước hết, tôi rất lười học. Ngoài việc vin cố ôm vật để không đi học, khi không muốn học liền gọi thái giám báo thầy nghỉ một ngày. Dưới 10 tuổi tôi thấy đọc sách ở cung Dục Khánh không vui bằng ở dưới cây bách ngoài cung. Tại vườn phía Đông cung Dục Khánh có một cây bách, vào mùa hè thường có đàn kiến suốt ngày lên lên xuống xuống bận rộn không ngừng. Chúng gây cho tôi sự tò mò rất lớn. Hàng ngày tôi ra đó quan sát cuộc sống của chúng, lấy thức ăn điếm tâm thừa nuôi chúng, giúp chúng chuyển vận lương thực còn mình quên cả ăn. Sau đó, tôi lại thích chơi dế, ve sầu... bảo thái giám mang nhiều lọ cổ đèn dế nuôi chúng. Đọc sách trong nhà tôi chẳng có hứng thú gì, khi đọc tới đoạn khô khan vô vị, tôi chỉ muốn chạy ra ngoài xem các bầy bạn của mình.

Quá 10 tuổi, tôi bắt đầu hiểu được mối quan hệ giữa đọc sách và bản thân mình, làm “một ông vua tốt” như thế nào cũng như đã là hoàng đế thì phải giỏi giang như thế nào nên có hứng thú học hành.

Sự hứng thú ấy cũng chỉ ở chỗ “đạo làm vua” chứ không phải ở văn chương chữ nghĩa, mà “đạo làm vua” ấy phần lớn lại là quyền lợi, chứ rất ít nghĩa vụ của vua. Mặc dù các vị thánh hiền đã dạy những điều như “dân vi trọng, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (dân là trọng, thứ đến xã tắc, vua là nhẹ), “Vua coi bầy tôi như cỏ rác, bầy tôi sẽ coi vua như giặc thù”... nhưng những điều được nói nhiều hơn cả vẫn là lý thuyết trị vì trăm họ như “quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” (Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con), trong “Hiếu kinh”, cuốn sách giáo khoa đầu tiên rành rành đã quy định đạo lý “trung với vua rồi mới hiếu với cha mẹ”. Những lý luận xuôi tai này, tôi đã được nghe các thầy dạy nói trong những cuộc chuyện phiếm ngoài giờ trước khi giảng sách, sau khi giảng sách, lời các

thầy vẫn nhiều hơn là sách cho đến ân tượng của cổ văn chân chính để lại cho tôi không sâu sắc như những lời lẽ cổ hủ của các thầy.

Nhiều nhà xuất thân cựu học đều học thuộc sách; nghe nói công việc khổ sở ấy rõ ràng mang lại điều tốt cho họ, trái lại, tôi chưa từng hưởng thụ điều tốt đó. Các thầy chưa bao giờ bắt tôi đọc thuộc sách. Họ cũng tính đến việc học thì cần phải nhớ cho nên định ra hai cách: một là khi tôi đến thỉnh an thái hậu, phải mang sách đọc cho bà nghe; cách khác là mỗi sáng khi tôi thức dậy, thái giám tổng quản đứng ngoài giường tôi lớn tiếng đọc mấy lần bài học hôm trước để tôi nghe. Còn như tôi nhớ nhiều hay ít, có muốn nhớ hay không, không có ai quản cả.

Đối với bài học, các thầy chưa bao giờ ra đề làm bài. Tôi nhớ có mấy lần tôi làm câu đối, viết vài bài thơ, làm xong thầy cũng không bình luận, càng khỏi nói đến sửa chữa. Thực ra, thời thiếu niên tôi thích viết sách trong điện Dục Khánh. Tuy nhiên do các thầy không coi trọng những trò chơi đó nên tôi chỉ tự mình viết, tự mình trình bày, tự mình thưởng thức. Năm 13, 14 tuổi, tôi đọc khá nhiều sách giải trí như bút ký, dã sử, lịch sử diễn nghĩa xuất bản thời kỳ cuối nhà Thanh, đầu Dân quốc, tiểu thuyết kiếm hiệp khách, công án... Lớn lên một chút, tôi lại đọc một số truyện tiếng Anh. Dựa vào những tác phẩm trong và ngoài nước đó, theo tưởng tượng của mình, tôi đã viết ra nhiều “truyện ký” tự viết, tự xem. Tôi còn lấy bí danh gửi bài đăng báo, phần lớn đều thất bại. Tôi nhớ có lần lấy tên Đặng Đông Lân, tôi chép một bài của nhà thơ triều Minh gửi cho một tờ báo nhỏ. Tờ soạn báo bị mắc lừa đáng lên. Ngoài tờ háo bị lừa, thầy Johnston dạy tiếng Anh cũng bị lừa.

Ông dịch bài thơ ra tiếng Anh, đưa vào tác phẩm “Hoàng hôn Tử Cẩm Thành” và coi đó là một bằng chứng về người học trò của mình có “Khí chất thi nhân”.

Kết quả học tập tồi nhất của tôi là môn tiếng Mãn. Học nhiều năm chỉ nhớ một chữ, đó là mỗi lần đại thân tộc Mãn đến thăm tôi, quỳ trên sàn dùng tiếng Mãn nói một câu chiếu lệ (hạ thân là... quỳ chúc bệ trên thánh an), tôi phải trả lời “y la” (đứng lên).

Năm tôi lên chín, các thầy nghĩ ra một cách thúc đẩy tôi học tập, cho một số học sinh cùng học với tôi. Mỗi người cùng học mỗi tháng có thể nhận 80 lạng bạc tiền thù lao, ngoài ra được “thưởng cưới ngựa trong Tử Cẩm Thành” (36). Mặc dù khi đó đã bước vào thời đại Dân quốc, song trong con cháu hoàng tộc vẫn được coi là vinh dự rất lớn. Có 3 người được vinh dự này là Phô Kiệt, Dục Sùng (con Phô Du, cùng học tiếng Mãn), Phô Giai (con chú bảy Tái Đạo, cùng học tiếng Anh từ khi tôi 14 tuổi). Những người cùng học còn có một vinh dự là thay hoàng đế chịu sự quở trách trong phòng học. “Thành vương có lỗi thì nọc đánh Bá Cầm” từ xưa đã có lệ như vậy. Cho nên khi tôi học kém là thầy phạt bạn cùng học.

Trên thực tế, hoàng đế Phô Kiệt không bao giờ bị phạt cả. Không may hơn cả là Dục Sùng, trong số ba người học Hán văn ở cung Dục Khánh, bài vở của Phô Kiệt đã có thầy dạy riêng, ngày ngày vào cung chẳng qua là mặt nửa ngày làm bạn học với tôi mà thôi. Kết quả học tập của Dục Sùng tồi nhất, điều đó không phải vì hắn thiếu thầy dạy riêng mà vì nếu học khá cũng vẫn bị khiển trách cho nên hắn không có hứng thú học hành. Dục Sùng học kém chẳng qua vì phải làm bạn học của vua.

Khi không có bạn học, rõ ràng tôi vô cùng nghịch ngợm. Khi đọc sách, lúc cao hứng tôi cời giấy tháo tất, vứt bút tất trên bàn, các thầy chỉ còn cách nhặt và đi lại cho tôi. Có một lần, thấy bộ râu dài của thầy Từ Phương rất hay, tôi vấy ông đến để vuốt. Khi ông vâng lệnh cúi đầu tới, tôi thừa lúc ông không đề phòng nhổ ngay một sợi. Sau đó Từ Phương chết. Các thái giám đều nói là do bị “đức vua” nhổ mất sợi râu thọ.

Từ sau khi có bạn cùng học, quả nhiên tôi khá lên, có thể ngồi yên học tập trong phòng học. Tôi có lỗi gì các thầy cũng có cách khuyên nhủ và răn dạy. Còn nhớ có lần tôi vừa nhảy vừa chạy vào phòng học, tức khắc nghe thầy Trần bảo Dục Sùng lúc đó đang ngồi rất ngay ngắn ở bên rằng: “Nhìn anh sao thiếu trang nghiêm đến thế!”.

Hàng ngày, tôi học từ 8 giờ sáng đến 11 giờ. Sau đó thêm môn tiếng Anh từ 1 đến 3 giờ chiều. Trước 8 giờ sáng tôi ngồi kiệu vàng, nóc dát vàng đến cung bực Khánh. Tôi nói một tiếng:

- Gọi.

Thái giám lập tức vâng chạy ra gọi thầy dạy và các bạn học của tôi đã chờ sẵn ở phòng xếp đến. Họ vào điện cũng có trình tự nhất định; trước hết là thái giám bưng sách vở, theo liền là thầy dạy giờ đầu, sau cùng là các bạn học. Sau khi bước vào cửa, thầy dạy dừng lại, chăm chú nhìn tôi một chút làm lễ ra mắt. Tôi không cần đáp lễ vì “tuy thầy mà là bề tôi, tuy trò mà là vua” đó là điều phép tắc đã quy định. Tiếp đó, Phô Kiệt, Dục Sùng quỳ thỉnh an tôi. Thầy dạy ngồi bên trái tôi, mặt nhìn về phía tây, thuận theo đó là chỗ ngồi của các bạn học. Lúc này thái giám đã đặt xong mũ của mọi người

trên ông úp mũ, khép nép lui ra, bài học của lớp bắt đầu.

Tôi tìm được 3 trang nhật ký viết lúc 15 tuổi, qua đó có thể thấy rõ tình hình sinh hoạt học hành của tôi. Sau Tân Hợi, trong cung vẫn luôn giữ tôn hiệu năm Tuyên Thống, mấy trang nhật ký này viết “tháng 11 năm thứ 12 Tuyên Thống”.

- Ngày 27, tạnh. 4 giờ sáng dậy, đọc 18 trang chữ lớn. 8 giờ lên lớp. Cùng Phở Kiệt, Dục Sùng đọc Luận Ngữ, Chu lễ, Lễ Ký, Đường Thi, nghe thầy Trần giảng bài.

9 giờ rưỡi ăn xong lại đọc Tả truyện.

Nghe thầy Chu giảng Đại học diễn nghĩa và tập viết câu đối. Đến 11 giờ, học xong, đi thỉnh an 4 cung. Hôm đó Johnston chưa tới, vì cảm nhẹ lại trở về điện Dưỡng Tâm, tập viết 30 trang chữ Phúc, Thọ, đọc các báo. Đến 4 giờ chiều, ăn cơm, 6 giờ đi nằm. Trong màn lại đọc Cổ văn rất có hứng thú.

- Ngày 28, tạnh. 4 giờ sáng dậy. Tĩnh tọa hồi lâu, đến 8 giờ lên lớp. Vẫn như hôm trước đã ghi. Đến quá 12 giờ 3 khắc, Johnston tới. Cùng Phở Giai học tiếng Anh. 3 giờ học xong, về điện Dưỡng Tâm. 3 giờ rưỡi, do cảm thấy đau bụng gọi Phạm Nhất Mai tới khám bệnh, kê đơn thuốc như sau:

Bạc hà: 8 phân - Bạch chỉ: 1 tiền - Thanh bì: 1 tiền 5 phân - Uất kim: 1 tiền 5 phân - Biểu lâu: 2 tiền (sao) - Vi khúc: 1 tiền 5 phân (sao) - Tiêu tra: 3 tiền - Thanh quả: 5 nhánh - Sắc lên uống nóng.

Sau cơm chiều một lúc uống thuốc - 5 giờ rưỡi đi ngủ.

- Ngày 29: tạnh. Một giờ đêm bị đánh thức, cảm thấy khó chịu, bước xuống đất mới biết bị hơi độc than. Hai người dìu đi, đến nhà trước đã mê đi. Nằm trên tràng kỷ, một lúc thì tỉnh, qua mấy giờ đồng hồ mới dễ chịu. Hai thái giám lớn ở phòng ngủ khác cũng bị ngã. Nay mới biết phải cẩn thận về than. 8 giờ vẫn lại lên lớp, đọc tiếng Anh.

3 giờ mới học xong, ăn xong, đến 6 giờ đi ngủ.

Thầy Lục Nhuận Tường (37) là người Nguyên Hoà - Giang Tô đã từng làm Đại học sĩ, dạy tôi chưa được một năm thì mất. Thầy Ykhortan dạy tiếng Mãn là người chính bạch kỳ tộc Mãn, xuất thân là tiên sĩ phiên dịch tiếng Mãn dạy tôi hơn 9 năm tiếng Mãn. Cùng với hai thầy trên là thầy Trần Bảo Thám, người huyện Mãn tỉnh Phúc Kiến, thời Tây thái hậu, đã được làm Học sĩ nội các và Lễ bộ thị lang. Thầy Trần ở với tôi lâu nhất. Sau khi thầy Lục mất, lại thêm các thầy dạy chữ Hán Tử Phương đã từng làm Quốc Tử thừa.

Nam thư phòng Hàn lâm Chu Ích Phan và Lương Đình Phần (38) nổi tiếng về trông thông trước lăng Quang Tự. Ảnh hưởng lớn nhất đối với tôi trước hết là thầy Trần Bảo Thám sau đó đến Johnston thầy dạy tiếng Anh. Thầy Trần nội danh tài tử ở Phúc Kiến, là tiên sĩ triều Đồng Trị, 20 tuổi đậu hàn lâm. Sau khi vào cung đã nổi tiếng dám can Thái hậu cùng với Trương Chi động nổi tiếng thanh liêm. Về sau, ông không như Trương Chi Động, gió chiều nào theo chiều ấy. Năm 17 Quang Tự, vin cơ công việc Nam Dương không hoàn thành tốt bị giáng 5 cấp từ đó về ẩn dật. Ở quê nhà, đến 30 năm không xuất đầu lộ diện. Cho đến trước cách mạng Tân Hợi mới được sử dụng, được cử làm Tuần Vũ tỉnh Sơn Tây, chưa đến nơi nhậm chức được giữ lại làm thầy dạy tôi, từ đó không rời tôi cho đến khi tôi lên Đông Bắc mới thôi. Trong các di lão bên cạnh tôi, ông là một người nổi tiếng cẩn thận, vững vàng nhất. Khi đó, tôi coi ông là người trung thực nhất đối với tôi, trung thực nhất với “Đại Thanh”.

“Có vua tuy nhỏ nhưng bao trùm thiên hạ”. Đó là câu nói Trần Bảo Thám mỉm cười ca tụng tôi. Khi ông cười đôi mắt ông ánh một vệt sáng sau cặp kính lão, một tay nhẹ vuốt chòm râu toa xuống trắng như tuyết.

Những câu chuyện phiếm của ông càng làm tôi thích thú. Khi tôi lớn một chút, hầu như sáng sớm nào cũng vậy, tôi đều muốn nghe ông nói một số tin tức có quan hệ tới Dân quốc như sự bất hoà giữa Nam - Bắc, quân đội đánh nhau, phủ viện tàn ác... đều là những đề tài của ông. Nói xong những chuyện đó, hầu như ông lại dùng một giọng khác, ôn lại một chút về “Đồng Quang trung hưng, Khang - Càn thịnh thế”. Đương nhiên ông rất thích nói về câu chuyện năm trước ông dám can ngăn Tây thái hậu. Mỗi khi nói đến những cựu thần đi làm quan cho Dân quốc ông đều rất giận dữ. Ông cho rằng: Từ Thế Xương, Triệu Nhĩ Tôn, phải xếp vào loại tặc thần. Theo lời ông cách mạng, Dân quốc, Cộng hoà, tất cả đều là nguồn gốc của tai nạn, mà những nhân vật có quan hệ với những từ ngữ đó đều có thể xếp vào loại giặc cướp. “Không có thánh nhân thì không có phép tắc, không có con hiếu thì không có cha mẹ, đó là cái đạo đại loạn”, đó là những kết luận chung của ông đối với những điều mà ông cho là

ngang tai trái mắt ấy. Tôi còn nhớ, ông đã nhắc lại câu đối do một dị lão viết:

Dân ưu thị dã, quốc ưu thị dã hà phân Nam - Bắc.

Tổng nhi ngôn chi, thông nhi ngôn chi bất thị đông tây.

(Chơi chữ Dân - Quốc - Tổng - Thông, ý nói: nhân dân và đất nước lo lắng tại sao chia Nam - Bắc. Tổng thống chẳng ra cái thứ gì. - ND).

Sau khi nói về thời cuộc, ông thường kết luận: “Dân quốc chẳng qua chỉ mấy năm đã sớm bị trời oán, dân oán, hơn hai trăm năm ơn lộc sâu của quốc triều, lòng dân nhớ nhà Thanh, cuối cùng trời và người sẽ quay về”.

Thầy Chu Ích Phan khi giảng dạy không hay nói chuyện phiếm, tinh thần ông thường không được phấn chấn, sau tôi mới biết ông thích đánh bài, đã đánh là đánh suốt đêm. Do đó thiếu ngủ, ông biết khám bệnh, khi tôi ốm có lúc mời ông bắt mạch.

Thầy Lương Đình Phần rất hay nói chuyện. Ông có chỗ khác với thầy Trần là nói nhiều hơn về mình. Có một câu chuyện mà tôi đã nghe tới mấy lần. Sau khi Quang Tự qua đời ông đã thề sẽ dựng lều trông giữ lăng Quang Tự cho đến hết đời. Câu chuyện đã xảy ra khi ông trông coi lăng. Có một đêm, ông đọc sách sử dưới đèn bồng có một gã cao lớn từ trong vườn nhảy tới, tay cầm một con dao sáng loáng, tiến vào phòng. Mặt không biến sắc, ông hỏi :

- Tráng sĩ đến có việc gì? Phải chăng muốn lấy đầu lão Lương?

Vị khách không mời mà đến đó bị ông cảm hoá, không ra tay được. Ông đặt sách xuống khẳng khái nói:

- Lương mỗ có thể chết trước lăng tiên đế, xin mời!

Người đó cuối cùng đặt dao xuống, quỳ lạy tự xưng là vâng lệnh Viên Thế Khải đến hành thích, khuyên ông lập tức rời đi để khỏi chết. Ông ngang nhiên từ chối lời khuyên, tỏ ý quyết không sợ chết. Nghe câu chuyện nay tôi rất cảm động. Tôi còn nhìn thấy một tân ảnh ông chụp ở Sùng lăng, mặc triều phục nhà Thanh, bên cạnh có một cây tùng non. Thầy Trần Bảo Thám đã đề thơ tặng ông có câu “*Bất kiến tùng thanh tâm bất tử*” (không thấy cây tùng xanh tốt lòng không yên).

Tại sao ông đối lời nguyên thề coi lăng cho đến khi chết thành “Không thấy cây tùng xanh tốt lòng không yên”, rồi lại không đợi cho cây tùng xanh tốt, đã chạy vào thành, điều đó có trời biết.

Vú nuôi tôi

Trong bản “ghi sinh hoạt” ngày 15 tháng giêng năm thứ năm Tuyên Thống, Lương Đình Phần có đoạn ghi chép: “Hoàng thượng thường đánh thái giám, gần đây vin lỗi nhỏ đánh 17 người, thân và Trần Bảo Lương cùng những người khác can, không nghe”. Đó là nói khi tôi đã mười một tuổi, đánh mắng thái giám đã thành cơm bữa trong nhà.

Mỗi lần tôi cáu giận hoặc không vui, thái giám liền gặp tai hoạ, còn nếu tôi bỗng nhiên phấn khởi, muốn bày trò vui thái giám cũng có thể ăn đòn. Khi còn nhỏ, tôi có nhiều ham thích quái gở. Ngoài thú chơi lạc đà, nuôi kiến, nuôi giun, xem súc vật cắn nhau... thú vui lớn hơn của tôi là hay bày trò chơi ác. Trước khi tôi biết dùng “Phòng kính sự” để đánh người, nhiều thái giám đã khôn khổ vì những trò chơi ác của tôi. Một lần, khi khoảng tám chín tuổi, tôi bỗng ra oai với những người thái giám cung cúc vâng lời ấy, muốn thử một chút xem họ có thật vâng lời “Thánh thiên tử” hay không, tôi chọn một thái giám, trở một vật nhơ bẩn trên mặt đất và bảo: “Người hãy ăn đi giúp ta”, viên thái giám đã quỳ phục xuống đất ăn hết vật nhơ bẩn đó.

Một lần tôi dùng vòi chữa cháy phun nước chơi. Đúng lúc đó, một thái giám già từ phía trước đi tới. Tôi bỗng nảy trò chơi ác, dùng vòi nước lạnh chết người phụt vào ông ta, sau đó phải qua một cuộc cấp cứu mới cứu sống viên thái giám già.

Trước những người luôn luôn nghênh đón, cung cúc vâng lời đó, tạo cho tôi một thói xấu là hành hạ người khác để mua vui. Các thầy dạy học cũng can ngăn, giảng giải cho tôi về đạo nhân hoà, nhưng cũng chính họ đã thừa nhận uy quyền của tôi và giáo dục uy quyền đó cho tôi. Mặc dù họ đã

dùng biết bao nhiêu chuyện về “thánh quân, anh chúa” trong lịch sử để giáo dục tôi, nói đi, nói lại, tôi vẫn là vị hoàng đế “khác biệt người thường”, nên sự khuyên dạy của họ chẳng có mấy hiệu quả.

Trong cung chỉ có một người có thể ngăn cản tôi bày trò tai ác, đó là Vương Tiều thị, vú nuôi tôi. Vú nuôi là người đàn bà không biết một chữ nào, không biết nói về “đạo nhân từ”, về chuyện “thánh quân anh chúa” trong lịch sử nhưng khi bà can, tôi cảm thấy không thể trái lời bà.

Một lần, một thái giám biết trò chơi múa rối, biểu diễn cho tôi xem một cảnh múa rối. Tôi xem rất thích thú, quyết tâm thưởng cho y một miếng bánh trứng gà. Lúc đó, cái thú chơi ác của tôi bỗng hứng lên, định trêu y một cái. Tôi mở cái túi đựng mật sắt, bóc một nhúm nhét trong miếng bánh, Vú trông thấy liền hỏi: “Ông lớn nhét mật sắt vào thì người ta ăn làm sao được?”.

- Tôi muốn xem hán nhai bánh trứng gà ra sao?
- Thế thì có gãy răng không? Răng gãy thì còn ăn thứ gì được nữa. Người không ăn có được không?

Tôi nghĩ, bà nói đúng nhưng tôi không mua vui được. Tôi nói:

- Tôi muốn xem răng hán gãy thế nào, để xem một chút thôi.
- Thế thì dùng đậu xanh, nhai đậu xanh cũng buồn cười đấy.

Thế là viên thái giám biết múa rối ấy thoát được tai nạn.

Một lần khác tôi chơi súng hơi, dùng đạn chì bắn vào các cửa sổ nhà thái giám, thấy giấy dán cửa sổ thùng lỗ tôi thích lắm, không biết ai đã đưa Vú đến.

- Ông lớn ơi, trong nhà có người, bắn vào sẽ làm người ta bị thương đấy.

Chỉ có vú bảo tôi: người khác và tôi đều là người. Không những tôi có răng, người khác cũng có răng. Không những chỉ rằng tôi không nhai được mật sắt, người khác cũng không nhai được. Không phải chỉ tôi ăn cơm, người khác không ăn sẽ đói. Người khác cũng có cảm giác, dạ thịt người ta bị đạn chì bắn vào cũng đau như thế. Những lời nói giản dị ấy không phải tôi không hiểu nhưng trong hoàn cảnh ấy, tôi không dễ dàng nghĩ tới vì điều căn bản tôi nghĩ rằng mình không thể đem so với người khác, càng không thể đem mình và người khác để nói. Từ nhỏ đến lớn tôi ở trong cung, chỉ khi có vú, tôi mới được nghe bà nói những lời giản dị khiến tôi nghĩ đến lẽ phải là tôi cũng như mọi người khác.

Tôi lớn lên trong lòng vú, bú sữa bà cho đến năm chín tuổi. Chín năm đó tôi không thể rời bà như con không thể rời xa mẹ. Năm tôi lên chín, các thái phi đã phản tôi đuổi bà đi. Khi đó, tôi thà bỏ cả bốn bà mẹ trong cung để đòi lấy bà vú “quê mùa” của tôi. Nhưng mặc tôi gào khóc, các thái phi không tìm vú về cho tôi. Nay xem ra, từ sau khi vú đi, cạnh tôi không còn một người nào hiểu “tính người”. Nếu như trước chín tuổi, tôi còn hiểu được chút “tính người” từ sự nuôi dạy của vú thì chút “tính người” đó từ sau cũng dần dần mất hết.

Sau khi lấy vợ, tôi cử người đi tìm thấy bà vú, có khi đón bà ở chơi ít ngày. Cuối thời nguy Mãn, tôi đón bà đến Trường Xuân nuôi nấng cho đến khi tôi rời Đông Bắc. Bà chưa hề lợi dụng địa vị đặc biệt của mình để đòi hỏi một điều gì. Tính bà hiền hoà, không hề cãi cọ với ai bao giờ. Bà ít nói, cũng có thể nói bà thường trầm lặng. Nếu không có người khác chủ động nói với bà, bà thường luôn luôn trầm lặng mỉm cười. Lúc nhỏ, tôi thường cảm thấy lạ lùng về kiểu mỉm cười đó. Mặt bà hình như chăm chú nhìn vào một nơi rất xa xôi. Tôi thường nghi ngờ hay là bà nhìn thấy vật gì thú vị, trên trời hoặc trong tranh vẽ trên tường ngoài cửa sổ. Bà chưa bao giờ nói về lai lịch, thân thế của mình. Mãi tới khi tôi được đặc xá, hỏi thăm người con kế của bà mới biết người đàn bà dùng sữa của mình nuôi vị “hoàng đế Đại Thanh” đã phải chịu đựng biết bao gian khổ và tủ nhục của triều “Đại Thanh” như thế nào.

Năm thứ 13 Quang Tự (1887), bà sinh ra trong một gia đình bần nông họ Tiêu ở nông thôn huyện Nhiệm Khâu, phủ Hà Gian, Trục Khang. Khi đó, bà có cha mẹ và một người anh lớn hơn bà sáu tuổi, cha bà khoảng năm mươi tuổi, trông trọt mấy mẫu đất bãi, trời không mưa thì hạn, mưa thì ngập úng, cộng với sưu cao thuế nặng nên năm nào cũng thiếu ăn. Năm bà lên ba (năm thứ 16 Quang Tự), phía bắc Trục Khang xảy ra nạn lụt lớn, cả nhà bà mấy lần định vứt bỏ bà, mấy lần lại được bỏ vào gánh sọt rách, một đầu là quần áo cũ, tài sản của cả gia đình, không có lấy một hạt gạo. Sau này kể chuyện với con mình, bà không hề oán trách cha mình về việc bà có nguy cơ bị vất bỏ trong cơn hoạn nạn, chỉ nói đi nói lại rằng cha bà đã đói đến mức không cử động được nữa vì không kiếm được thứ gì ăn. Những người gặp trên đường cũng trong tình cảnh ấy. Một nhà bốn người; cha, mẹ, con trai lên chín, con gái lên bảy rõ ràng khó mà tới được Bắc Kinh. Họ vốn định tìm đến một nhà người quen đang làm thái giám ở Bắc Kinh, không ngờ viên thái giám đó không chịu tiếp nên họ phải lang thang như

những người ăn mày trên đường phố. Trong thành Bắc Kinh có hàng nghìn, hàng vạn dân chạy nạn sống vật vờ trên các đường phố. Cùng lúc đó, trong triều đình lại huy động của cải, nhân lực xây vườn Di Hoà cho Từ Hy thái hậu. Trong cuốn “Quang Tự triều Đông Hoa lục” có thể tìm thấy đoạn ghi chép như sau: năm đó, ông nội qua đời, Tây thái hậu cử đại thần ban lễ tang, cha tôi kê lập tước vương. Số bạc của Thuận vương phủ dùng tổ chức lễ tang như nước chảy. Cha tôi đội ơn tập tước bỏ số bạc do những người dân chạy nạn bằng mồ hôi nước mắt tạo ra mua mấy con hầu. Gia đình họ Tiêu muốn bán con gái nhưng không có ai mua. Khi đó, Phủ Doãn Thuận Thiên sợ dân nổi loạn nên đã mở một trạm tế bần nên họ tạm thời có chốn nương thân. Người con trai chín tuổi được một thợ cắt tóc nhận làm thợ học việc. Họ trải qua một mùa đông khó khăn như vậy. Mùa xuân tới, nông dân lưu lạc nhớ quê hương, trại tế bần đóng cửa nên đều lần lượt trở về quê nhà. Gia đình họ Tiêu về đến quê hương trải qua mấy năm đói rét. Tài hoá liên quân tám nước năm Mậu Tý lại giáng xuống hai phủ Bảo Định và Hà Gian, cô bé lúc đó đã mười ba tuổi, lại chạy tới Bắc Kinh nương nhờ người anh làm thợ cắt tóc. Nhưng người anh cũng không còn cách nào nuôi nổi em. Đến năm cô mười sáu tuổi đã nửa gả, nửa bán cho sai dịch họ Vương. Chồng bị bệnh phổi, sống phóng túng. Cô chịu cảnh ba năm làm con ở, chịu nhục đánh đập, vừa mới sinh được con gái thì chồng chết. Hai mẹ con cùng cha mẹ chồng, một nhà bốn miệng ăn lại lâm vào cảnh đường cùng. Khi đó, tôi mới ra đời, Thuận vương phủ đi tìm vú nuôi tôi, trong số mười hai người ứng tuyển, bà được trúng tuyển vì thể mạo đoan chính, sữa tốt. Vì cần tiền để nuôi sống con gái và mẹ chồng, bà phải nhận điều kiện khuất phục là không được về nhà, không được thăm con mình, mỗi ngày phải ăn một bát thịt nhạt. Hai lạng bạc biến một con người thành con bò sữa.

Sau ba năm làm vú nuôi tôi, con gái bà chết vì không đủ dinh dưỡng. Để tránh việc bà vì thương cảm ảnh hưởng tới chất lượng sữa, Thuận vương phủ bịt kín tin này.

Năm thứ chín, một thái giám cãi nhau với người ở gái, Thái phi quyết định đuổi họ, nhân thể đuổi cả vú nuôi tôi. Con người hiền thực chịu đựng tất cả, sau chín năm thường mỉm cười và trầm mặc ấy mới biết con gái mình không còn trên đời nữa.

Lấy vợ

Khi vương công đại thần vâng lệnh các Thái phi đến nhắc là tôi đã đến tuổi “kết hôn”, nếu bảo tôi đối với việc này mà tôi còn chút hứng thú đó là vì kết hôn là cái mốc đánh dấu rằng tôi đã khôn lớn, qua thủ tục lấy vợ sẽ không ai được câu thúc tôi như đối với một đứa trẻ nữa.

Bận tâm nhất về việc này là các bà già. Đầu năm Dân quốc thứ 10, tức là lúc tôi vừa mười lăm tuổi, các thái phi đã năm lần bảy lượt vời cha tôi tới Hoàng cung bàn bạc, tiếp sau đó lại triệu tập mười vị vương công họp bàn. Từ lúc thảo luận cho đến lúc thành hôn phải qua thời gian gần hai năm. Trong thời gian đó, vì thái phi Trang Hoà và mẹ tôi nói nhau qua đời và cũng vì thời cuộc rối ren nên các thầy dạy tôi khuyên tôi tạm hoãn. Đặc biệt là có cuộc tranh chấp trong tình thế rất phức tạp, việc tôi lấy vợ phải bàn đi bàn lại mà không dứt khoát được.

Khi ấy thái phi Trang Hoà vừa qua đời, thái phi Vĩnh Huệ không có ý kiến gì, giữa hai bà thái phi còn lại đã xảy ra tranh chấp kịch liệt về người ứng cử “hoàng hậu” tương lai. Đó không phải là vì các bà yêu tôi mà là vì có quan hệ rất lớn đến địa vị của mỗi bà sau này. Kính Ý thái phi nguyên là phi của vua Đồng Trị, bà không thể nào quên được lời căn dặn chọn tôi là người kế tự vua Đồng Trị kiêm nối dõi vua Quang Tự ghi trong di chúc của Tây thái hậu. Khi Long Dụ thái hậu còn sống, bà bất chấp chuyện này, không những không vì lời di chúc mà tôn trọng các phi của Đồng Trị, ngược lại còn tổng hắt các bà vào lãnh cung là khác. Sau khi Long Dụ thái hậu qua đời, tuy các thái phi đã được tôi đồng loạt gọi là mẹ nhưng do Viên Thế Khải nhúng tay can thiệp vào “nội chính” chỉ định thái phi Đoan Khang chủ trì mọi công việc trong cung nên Kính Ý thái phi là “chính thống” mà không được tôn trọng. Chí lớn áp ủ bấy lâu nay chưa đạt khiến bà rất căm Đoan Khang. Cho nên trong quá trình bàn việc hôn nhân, cả hai thái phi đều đề cử người mình ưng ý, không ai chịu nhường ai.

Buồn cười nhất là hai chú tôi, giống hệt như một người chủ trương tăng cường hải quân, một

người tăng cường lực quân, trước mắt Nhiếp chính vương trước kia không ai chịu nhường bộ ai. Ngày nay, mỗi người cũng chạy vạy cho một thái phi. Ông “hải quân” chủ trương tuyển con gái Đoan Cung. Ông “lục quân” chủ trương tuyển con gái Vĩnh Nguyên. Để hoàn thành việc mỗi lái ấy, hai vị thống soái suất ngày bốn ba sương gió trên con đường Bắc Kinh - Thiên Tân rồi lại hối hả ra vào cung Vĩnh Hoà và điện Thái Cực.

Tuyển lựa ai, cô nhiên phải do “hoàng đế” lên tiếng “khâm định” mới được. Biện pháp ở thời đại Đồng Trị và Quang Tự là các cô ứng cử xếp hàng ngang để tân lang tương lai chọn ngay tại chỗ. Về việc này tôi nghe thấy có hai cách nói: một cách là buộc cái túi nhỏ đựng tiền vào khuy áo cô gái. Một cách là đưa ngọc như ý cho cô gái được tuyển. Đến thời đại tôi, qua bàn bạc của các vương công đại thần thấy rằng bắt con gái nhà người ta xếp hàng để chọn đi chọn lại không ổn lắm, thay bằng cách chọn qua ảnh. Nếu tôi ưa ai hơn thì dùng bút chì đánh dấu lên ảnh.

Bốn tấm ảnh được đưa đến điện Dưỡng Tâm. Với con mắt nhận xét của tôi, bốn người cùng một mẫu nặn ra: thân hình đều thẳng đuồn như chiếc ống phát bằng giấy. Bộ mặt trên các tấm ảnh đều bé tẹo, khó phân biệt xấu đẹp. Nếu nhất định phải có sự so đo thì chỉ có thể kết luận là kiều hoa trên áo dài người nào đặc biệt hơn một chút mà thôi.

Lúc đó tôi không hề nghĩ đến vấn đề chung thân đại sự gì và cũng không có tiêu chuẩn nào, chỉ ừ xịa cầm bút chì khoanh một vòng tròn trên tấm ảnh dường như vừa mắt hơn một chút.

Đó là Văn Tú, còn có tên Huệ Tâm, kém tôi ba tuổi, con gái Đoan Cung dòng họ Ngạch Nhĩ Đức Đặc ở Mãn Châu. Năm tôi xem ảnh cô mới mười hai tuổi. Đó là người mà thái phi Kính Ý vừa lòng. Kết quả là việc lựa chọn này được đưa đến các thái phi. Đoan Khang thái phi không đồng ý. Bất chấp sự phản đối mãnh liệt của Kính Ý, bà ép các vương công phải khuyên tôi chọn lại, lấy người mà bà ưng ý, với lý do là nhà Văn Tú bản hàn, mặt mũi không đẹp, còn người bà chọn là con nhà phú hộ, mặt mũi rất khá. Người của Đoan Khang tiên cử là con nhà Vĩnh Nguyên họ Quách Bố La, người Mãn Châu thuộc kỳ Chính Bạch, tên Uyển Dung, tự Mộ Hồng, cùng tuổi tôi. Năm tôi xem ảnh, cô mười sáu tuổi. Thấy các vương công khuyên, tôi thầm nghĩ: sao các người không nói sớm. May mà dùng bút chì khoanh vòng tròn cũng chẳng văt vả gì nên tôi vẽ lẩn nữa lên ảnh Uyển Dung. Nhưng hai thái phi Kính Ý và Vĩnh Huệ lại phản đối, không rõ các thái phi tranh luận các vương công ra sao, kết quả thái phi Vĩnh Huệ ra mặt nói:

- Một khi Hoàng đế đã chấm Văn Tú thì Văn Tú không thể lấy thân dân được nữa, phải nhận là quý phi.

Tôi nghĩ, một vợ còn cảm thấy chưa cần lắm, tại sao bỗng dưng lại lấy những hai vợ một lúc làm gì. Tôi không muốn tiếp thu ý kiến ấy nhưng không bác được đạo lý “hoàng đế cần phải có hậu, có phi” của tổ tiên để lại mà các vương công đã nặn ra để làm căn cứ. Tôi nghĩ: nếu đó là đặc điểm của một hoàng đế thì cô nhiên tôi phải có đủ lệ bộ. Thế là tôi đồng ý.

Quá trình tuyển hậu, phi nói thì đơn giản như vậy nhưng thực ra phải mất hàng năm ròng mới quyết định dứt khoát được, nhưng sau khi quyết định rồi lại xảy ra chiến tranh giữa phe Trục Lệ với phe Phụng Thiên (hai phe quân phiệt - ND), việc cưới xin phải hoãn lại. Mãi đến năm Dân quốc thứ 12 (trước tết âm lịch) cánh Từ Thế Xương sụp đổ mà lễ cưới đại quy mô lại trên đà tiến hành thật sự nên không thể hoãn lại được nữa, cứ phải tiến hành.

Đối với Lê Nguyên Hồng, lần thứ hai lên làm tổng thống, các vương công không tin tưởng như với Từ Thế Xương, chỉ lo ông ta phá thói, can thiệp vào sự phô trương bày vẽ trong lễ cưới. Nhưng trái lại sự ủng hộ của chính phủ Lê Nguyên Hồng lại tốt quá sức tưởng tượng, dù cho Từ Thế Xương có tại chức cũng đến thế là cùng.

Bộ tài chính Dân quốc viết thư cho Phủ Nội vụ thành khẩn cáo lỗi, nói rằng kinh phí quá khó khăn đến nỗi món tiền ưu đãi hàng năm cũng không sao trù liệu được. Hiện giờ, để gom góp lễ cưới, Bộ phải bớt ở khoản thuế quan ra 10 vạn đồng, là lễ mừng của Dân quốc. Đồng thời các cơ quan quân đội của Dân quốc cũng chủ động đặc phái quan quân đến đảm nhận kế hoạch cảnh vệ, liệt kê như sau:

- Khi của hồi môn của Thục phi tiến cung, Nha thống lĩnh phái bộ binh 30 sĩ quan, 300 binh sĩ đứng gác ở Thần Vũ Môn, Đông An Môn và trên các con đường đi qua.

- Khi của hồi môn của hoàng hậu tiến cung, Nha thống lĩnh bộ binh phái 31 sĩ quan, 416 binh sĩ (trong đó có 6 lính kèn) đứng gác ở Thần Vũ Môn, nhà hoàng hậu ở, trên các con đường phải đi qua và theo sau hộ tống.

- Khi cử hành lễ sách phong hoàng hậu, phái 34 sĩ quan (trong đó có 3 sĩ quan đội quân

nhạc), 438 binh sĩ (trong đó có 12 lính quân nhạc, 6 lính hiệu) của Nha thống lĩnh bộ binh đứng gác ở Thần Vũ Môn, nhà hoàng hậu ở, trên các con đường phải đi qua và hộ tống. Ngoài 9 sĩ quan và 40 hiến binh của Bộ tư lệnh hiến binh ra, còn phải thêm hai tiểu đoàn đầy đủ số quân đứng gác trên các con đường phải đi qua.

- Các khu Thần Vũ Môn, Đông An Môn, nhà hoàng hậu ở và Thục phi ở cũng như các con đường phải đi qua thuộc quyền quản hạt của Ty, Sở cảnh sát nào thì nơi đó phải tăng cường cảnh sát bảo vệ.

Trước kia, Dân quốc đã quy định: chỉ có Thần Vũ Môn thuộc phạm vi cung cấm nhà Thanh. Lần này, cũng phá bỏ thể lệ đã quy định, đặc cách cho “xe loan” đi qua Đông Hoa Môn vào cung.

Toàn bộ chương trình nghi thức lễ cưới là 5 ngày:

- Ngày 29 tháng 11, giờ Ty, hồi môn của Thục phi tiến cung.

- Ngày 30 tháng 11, giờ Ngọ, hồi môn của hoàng hậu tiến cung. Giờ Ty cử hành lễ sách lập hoàng hậu. Giờ Sửu, Thục phi tiến cung.

- Ngày 1 tháng 12, giờ Tỵ, cử hành điện lễ thành hôn, giờ Dần nghênh đón hoàng hậu.

- Ngày 2 tháng 12, giờ Tỵ, hoàng đế và hoàng hậu làm lễ bái yết tổ tiên ở điện Thọ Hoàng trên Cảnh Sơn.

- Ngày 3 tháng 12, Hoàng đế nhận lễ mừng ở cung Càn Thanh. Ngoài chương trình nghi thức này, sau lễ cưới còn liên tiếp có 3 ngày diễn tuồng. Trước ngày lễ cưới, tức ngày 10 tháng 11 có mấy việc phải làm là lễ nạp thái, lễ tấn phong 4 thái phi (từ lúc đó trở đi mới được chính thức gọi là thái phi). Sau đó là một cuộc lễ phong thưởng linh đình cho các vương công đại thần.

Điều gây công phẫn cho xã hội hơn cả là sau tấn tuồng “phục tích” (âm mưu khôi phục lại triều Thanh - ND) vừa qua, triều đình lại trắng trợn ra tận ngoài Cấm Thành trưng trở oai phong. Dưới sự tuần tra canh gác và cung kính hộ vệ của đông đảo quân đội, cảnh sát dân quốc nghi trọng của cung nhà Thanh râm rộ dạo qua hiện lại trên đường phố Bắc Kinh một cách ngông nghênh, coi đời bằng nửa con mắt. Hôm chính thức cử lễ nghênh hôn, đằng sau hai ban quân nhạc của Dân quốc, một đôi chánh phó sứ giả làm nhiệm vụ sách phong (Khánh thân vương và Trinh thân vương) nai nịt cân đai bôi tử cưỡi ngựa, tay cầm tiết mao (như cái roi của Tô Vũ chăn dê) tiếp ngay là đội quân nhạc và kỵ binh lục quân, kỵ binh bảo an của Dân quốc. Sau cùng là 72 bộ cờ xí tàn quạt rồng phượng, nghi trọng xe loan, 4 cỗ kiệu vàng (trong đó lễ phục, vàng ngọc của hoàng hậu), 30 đôi đèn lồng ào ạt kéo tới “dinh hoàng hậu”. Cửa dinh chẳng đèn kết hoa rực rỡ tung bừng cũng có một đám đông quân đội, cảnh sát túc trực để bảo vệ. Vinh Nguyên - bố Uyên Dung và anh em Uyên Dung quỳ dưới đất. Nghênh tiếp chánh phó sứ giả mang “thánh chỉ tới”.

Độ mừng của các nhân vật đứng đầu Dân quốc cũng làm người ta phải chú ý. Trên tấm thiệp đỏ của đại tổng thống Lê Nguyên Hồng viết: “Đại tổng thống Trung Hoa Dân quốc Lê Nguyên Hồng kính tặng Đại Hoàng đế Tuyên Thống” kèm theo tám thứ đồ mừng gồm: 4 loại đồ tráng men, hai loại gấm vóc, một bức trướng, một bức câu đối viết:

Lấy gạch Hán làm văn, chúc sống lâu muôn tuổi

Mượn đông Chu tạo chữ, mừng hạnh phúc ngàn đời.

Cụu tổng thống Từ Thệ Xương mừng lễ 20.000 đồng và rất nhiều đồ vật quý giá bao gồm 28 loại sứ, một tấm thảm len dệt rồng phượng cực kỳ rực rỡ. Các cánh quân phiệt, chính khách Trương Tác Lâm, Ngô Bội Phu, Tào Côn... đều mừng tiền mặt và nhiều tặng phẩm khác.

Dân quốc cử Âm Xương, đứng đầu hàng võ quan tùy tùng ở phủ tổng thống đến chính thức chúc mừng theo nghi lễ đối với vua nước ngoài. Y cúi đầu chào tội xong, bỗng nhiên tuyên bố:

- Lễ mừng vừa rồi là đại biểu cho Dân quốc giờ mới đến lượt kẻ nô tỳ này lạy mừng Hoàng thượng. - Nói đoạn y quỳ xuống lạy như tể sao.

Đối với hành động lộ bịch đó, lúc bấy giờ các báo, đài bình luận nghiêm khắc nhưng dù sao cũng không ngăn được niềm vui như mở cờ của các vương công đại thần. Di lão ở các địa phương lại càng như loài sâu sau tiết “lập xuân” lũ lượt mang lễ mừng bằng tiền mặt, đồ cổ... của họ và của người khác tới tập kéo về Bắc Kinh. Điều quan trọng không phải là tiền của mà là thanh thế. Thanh thế đó lầy lừng quá, vượt ra ngoài sức tưởng tượng của chính họ, đến nỗi làm cho họ cảm thấy tình hình dường như có thể làm nên chuyện ăn thua một phen cũng chưa biết chừng.



UYÊN DUNG
(Vợ vua Phổ Nghi)

Điều làm cho các vương công đại thần, di lão di thiếu và các thái phi đặc biệt phấn khởi là nhóm khách của khu sứ quán Đông Giao đến dự lễ mừng. Sau cách mạng Tân Hợi, đây là lần đầu tiên có nhân viên chính phủ nước ngoài xuất hiện trong Tử Cấm Thành. Tuy họ đến với danh nghĩa tư nhân nhưng dù sao cũng là quan chức chính thức của nước ngoài.

Do Johnston (thầy dạy tiếng Anh của Phổ Nghi - ND) gợi ý, một tiệc rượu chiêu đãi trọng thể được tổ chức ở cung Càn Thanh để bày tỏ sự cảm ơn khách nước ngoài. Lời cảm ơn viết bằng tiếng Anh do Lương Đôn Ngạn, nguyên là “ngoại vụ đại thần” thời kỳ Trương Huân “phục tích” viết cho tôi, tôi cứ thế đọc trước quan khách nước ngoài. Lời cảm ơn như sau:

“Hôm nay, được thấy các vị khách cao quý từ khắp nơi trên thế giới đến nơi đây, Trẫm cảm thấy vô cùng vinh hạnh. Cảm ơn sự có mặt của các vị chúc sức khỏe các vị, vạn sự như ý”.

Trong cái ồn ào nhộn nhịp ấy, ngay từ hôm đầu tôi nghiền ngẫm mãi một vấn đề:

- Ta có một hậu, một phi rồi, đã thành lập gia đình hẳn hoi thế thì hiện nay và trước kia có gì khác nhau?

Và lần nào cũng thế, tôi tự trả lời mình:

- Ta đã khôn lớn nên người. Nếu không bùng nổ cách mạng thì giờ đây là lúc ta đích thân chủ trì triều đình rồi.

Ngoài suy nghĩ đó, hầu như tôi không nghĩ đến chuyện vợ chồng, gia đình. Mãi đến lúc hình dáng hoàng hậu đầu phủ kín mít dưới tấm gấm đỏ rực thêu rồng phượng xuất hiện trước mắt, do tính hiếu kỳ tôi mới nảy ý muốn biết mặt mũi hoàng hậu thế nào mà thôi.

Theo truyền thống, đêm tân hôn, vua và hoàng hậu phải ngủ trong phòng cưới chỉ rộng độ hơn 10 mét vuông ở cung Khôn Ninh. Điều đặc biệt ở đây là không bày biện trang hoàng gì hết. Giường lò chiếm hẳn một phần tư căn phòng, trừ mặt đất còn đâu cũng chỉ quét một màu sơn đỏ. Lễ “hợp cẩn” xong, ăn “bánh xốp đông con nhiều cháu” rồi vào căn phòng chật hẹp chỉ một màu đỏ quạch này, tôi cảm thấy ngọt ngào khó thở. Cô dâu mới đầu cúi gục ngồi trên giường lò. Tôi đứng bên ngắm một lúc chỉ thấy trước mắt một màu đỏ chói: màn đỏ, điện đỏ, váy đỏ, hoa đỏ, mặt đỏ... y như sáp nến đỏ cháy hết thành một tảng. Tôi cho rằng điện Dưỡng Tâm dù sao cũng dễ chịu hơn, thế là lập tức đẩy cửa đi luôn.

Đến điện Dưỡng Tâm, trông thấy bảng danh sách các đại thần dưới triều Tuyên Thống ở các địa phương trong cả nước dán trên tường, tâm tư bồn chồn lại nổi dậy:

- Ta có một hậu một phi rồi, đã khôn lớn nên người, vậy có gì khác với trước không?

Uyên Dung bị bỏ rơi một mình tro tro trong cung Khôn Ninh, tâm tư thế nào? Văn Tú chưa đầy mười bốn tuổi đang suy nghĩ gì? Tôi không bận tâm. Điều mà tôi suy nghĩ rất lung chỉ là:

- Nếu không bùng nổ cách mạng, ta đã bắt đầu đích thân chủ trì triều chính... Ta phải khôi phục sự nghiệp của tổ tiên.

CHƯƠNG III

TRONG NGOÀI TỬ CẨM THÀNH

Thời đại Viên Thế Khải

Vào lúc bình minh, Tử Cẩm Thành đôi lúc có hiện tượng kỳ lạ, ở trong thâm cung nhưng vẫn nghe thấy những tiếng động xa xa ngoài đường phố. Có tiếng rao lạnh lạnh của trẻ con đi bán hàng, có tiếng lóc cóc của bánh xe vận tải bằng gỗ, có lúc còn nghe thấy tiếng hát của quân lính. Các thái giám gọi đó là tiếng “Vang thành”, sau khi rời khỏi Tử Cẩm Thành tôi thường nhớ lại hiện tượng “Vang thành” khiến tôi kinh ngạc này. Tiếng “Vang thành” để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc nhất là mấy lần nghe thấy đội quân nhạc hoà tấu trong Trung Nam Hải.

Viên Thế Khải ăn cơm, thái giám tổng quản Trương Khiêm Hoà một lần nói với tôi: “Viên Thế Khải khi ăn cơm còn tấu nhạc, thật là “Chuông kêu tiệc mở”, so với Hoàng thượng còn oai vệ hơn”. Mỗi Trương Khiêm Hoà mím lại, nét mặt hăm hăm giận dữ. Khi đó tôi mới khoảng chín tuổi nhưng qua giọng nói và nét mặt của ông ta tôi cũng đã cảm thấy đắng cay chua xót. Tiếng quân nhạc đưa tôi vào cơn mê nhục nhã không sao chịu nổi. Những thức ăn bày ra trước mặt Viên Thế Khải so với Thái hậu còn nhiều hơn, rõ hàng đoàn người vây quanh hăn, tấu nhạc, phe phẩy quạt...

Tuy nhiên cùng có tiếng “Vang thành” khác dần dần khiến tôi cảm thấy vô cùng phấn khởi. Tiếng vang thành này là tôi nghe thấy từ miệng các thầy học ở cung Dục Khánh. Đó là những truyền thuyết có liên quan đến việc phục tích.

Phục tích - theo cách nói trong Tử Cẩm Thành là “phục hồi cơ nghiệp của tổ tiên”, theo cách nói của các di lão và cự thân là quang phục cô vật, trả lại chính quyền cho nhà Thanh”, những hoạt động này không chỉ bắt đầu từ “sự kiện Đình Ty” mà mọi người đều biết, cũng không phải kết thúc từ “Ấm mưu Giáp Tý” đã bị phát giác vào năm thứ 13 Dân quốc. Có thể nói, từ khi công bố chiếu thoái vị đến khi thành lập “đế quốc Mãn Châu” việc phục tích không bao giờ ngừng. Mới đầu, tôi được người lớn chỉ đạo đúng vai diễn, về sau, tôi hoạt động theo bản năng giai cấp của mình. Khi tôi còn nhỏ, trực tiếp chỉ đạo tôi là các thầy học, phía sau họ tất nhiên còn có các đại thần phủ nội vụ cũng như “cha Vua” (họ gọi cha tôi như thế) người được sự đồng ý của Tổng thống Dân quốc mời đến chăm sóc hoàng thất. Tinh thần hăng hái của họ không kém bất cứ ai ở ngoài Tử Cẩm Thành song về sau tôi dần dần biết rõ lực lượng thực tế để thực hiện lý tưởng phục tích không phải là bản thân họ. Ngay chính họ cũng hiểu rõ điều này. Nói ra có vẻ khôi hài nhưng lại là sự thật: hy vọng của Tử Cẩm Thành đặt vào các nhà quý tộc mới thay nhà Thanh thống trị thiên hạ. Nhân vật đầu tiên được gửi gắm ảo tưởng này là Đại tông thống Viên Thế Khải. Cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ rõ trong Tử Cẩm Thành đã từ chỗ tuyệt vọng đến chỗ cảm thấy hy vọng, khiếp sợ biến thành vui mừng như thế nào? Trong một thời gian ngắn đó không khí trong cung thay đổi đột ngột như vậy khiến đứa trẻ chín tuổi như tôi cũng rất kinh ngạc.

Tôi còn nhớ khi Thái hậu còn sống trong cung rất khó nhìn thấy một nét mặt tươi cười. Các thái giám đều nơm nớp sợ hãi, hầu như tai họa giáng xuống bất cứ lúc nào. Khi đó tôi chưa chuyên đến diêm Dưỡng Tâm, còn ở trong cung Trường Xuân của Thái hậu. Khi tôi đến thỉnh an Thái hậu, thường thấy bà lau nước mắt. Có một lần, tôi đi dạo ở đường Nhị Trường phía Tây, thấy hàng đoàn thái giám đang chuyên vận các thứ bày trong điện Thê Nguyên như chuông tự kêu, những chiếc lọ lớn... Trương Khiêm Hoà mặt nhăn nhó than thở:

- Đây là Thái hậu bảo chuyển đến Di Hoà Viên. Đến Di Hoà Viên không biết sẽ ra sao?

Khi đó, thường xảy ra việc thái giám bỏ trốn. Các thái giám đều bảo nhau: đến Di Hoà Viên, bọn chúng ta đến sẽ không thể sống nổi. Cả ngày Trương Khiêm Hoà ca cẩm về việc này. Mỗi lần ca cẩm tất nhiên lại nói an ủi tôi: “Bề trên đến đó, kẻ tôi tớ này sẽ đi theo bảo giá, quyết không như bọn nhất gan”.

Năm mới Dân quốc năm thứ hai, không khí lại bắt đầu thay đổi. Ngày trừ tịch Tết dương lịch, thầy Trần đến cung Dục Khánh, thái độ khác thường, không cầm lấy bút, sách, trái lại mỉm cười nhìn tôi một lúc rồi nói:

- Ngày mai tết nguyên đán, Dân quốc đến chúc mừng năm mới Hoàng thượng, đó là người đại tổng thống cử tới.

Phải chăng đây là lần đầu tiên ông chỉ dẫn tôi về công việc chính trị, tôi không còn nhớ nữa, nhưng về đặc ý của ông hôm đó có thể là lần đầu tiên tôi phát hiện. Ông bảo tôi: lần tiếp lễ quan Dân quốc này dùng nghi lễ triều kiến bề tôi bên ngoài, không cần nói chuyện, đã có Thiệu Anh, đại thần phủ nội vụ sắp xếp mọi việc, tôi chỉ cần ngồi ở sau long án chứng kiến là được.

Đến ngày nguyên đán, tôi mặc long bào, đội mũ miện, ngồi đằng hoàng trên ngai ở cung Càn Thanh. Đứng hai bên là đại thần ngự tiền, Ngự tiền hành tâu và ngự tiền thị vệ mang đao. Lễ quan Chu Khởi Linh do tổng thống cử đến tiến vào cửa điện, sênh sang vái tôi một vái, bước lại phía trước mấy bước và đứng lại, lại vái một vái, tiến đến trước ngai tôi lại kính cẩn vái ba vái. Sau đó đọc lời chúc mừng tôi. Mừng xong, Thiệu Anh tiến lên đại, quỳ trước mặt tôi, từ chiếc hộp gỗ thếp vàng đặt trên án thư trước mặt, tôi lấy ra bản lời đáp đã viết sẵn đưa cho y. Thiệu Anh đứng lên, quay mình về phía Chu Khởi Linh đọc một lượt, sau khi đọc xong trao lại cho tôi. Lúc đó Chu Khởi Linh lại vái lạy, lui ra khỏi điện.

Sáng sớm hôm sau, không khí càng thay đổi hơn. Trước hết là giọng rõ ràng của Trương Khiêm Hoà cạnh giường tôi, tiếp đến là trong cung Dục Khánh thầy Trần mỉm cười vuốt chòm râu bạc phơ gật gù nói:

- Điều kiện ưu đãi treo ở phủ được các nước công nhận, ngay ông tổng thống cũng không thể nhắm mắt làm ngơ.

Qua năm mới không lâu, gần tới ngày sinh nhật của tôi, ngày 13 tháng giêng đại tổng thống Viên Thế Khải lại cử lễ quan đến chúc mừng theo nghi lễ. Qua sự kính trọng như vậy của Viên Thế Khải, các vương công đại thần năm Dân quốc nguyên niên một đạo đã im hơi lặng tiếng lại cân đai mũ, mặng, thậm chí khôi phục cả gióng ngựa mở đường đi kiệu có nghi trượng. Trước Thần Vũ môn và Tử Cấm Thành nhộn nhịp tấp nập một thời gian. Năm thứ nhất Dân quốc khi đến Tử Cấm Thành phần lớn những người này đều mặc thường phục, sau khi vào trong thành mới đổi mặc triều phục. Từ năm thứ hai Dân quốc, họ lại dám mặc triều phục đằng hoàng đi trên đường phố lớn.

Hoàn toàn khôi phục không khí phồn vinh trong thành là ngày mừng thọ và ngày lễ tang Long Dụ thái hậu; 15 tháng 3 là ngày mừng thọ. Sau bảy ngày thì bà qua đời. Trong ngày mừng thọ, Viên Thế Khải cử bí thư trưởng Lương Sĩ Thai đến đọc lời chúc mừng, quốc thư viết rành rọt: “Đại tổng thống đại Trung Hoa Dân quốc kính gửi Đại Thanh Long Dụ thái hậu bệ hạ!” Sau khi Lương Sĩ Thai ra về, thủ tướng quốc vụ Triều Thừa Quân dẫn đầu toàn thể các thành viên nội các đến làm lễ chúc mừng. Sau khi Long Dụ thái hậu qua đời, cử chỉ của Viên Thế Khải càng cảm động. Ông ta tự đánh giải lụa đen trên áo và ra lệnh cho toàn quốc treo cờ rủ nửa ngày, quan chức văn võ đề tang 27 ngày, còn cử toàn thể thành viên quốc vụ viện đến tề. Tiếp đó tại điện Thái Hoà đã cử hành cái gọi là lễ truy điệu của lục quân toàn quốc, điều khiển là thượng tướng Đoàn Kỳ Thụy, tâm phúc của Viên Thế Khải. Trong Tử Cấm Thành, trọng tiếng khóc cử ai của thái giám, triều phục màu tím của nhà Thanh sát cánh ra vào với âu phục đại lễ của Dân quốc. Những người thân thích được thưởng mặc hiệu phục một trăm ngày khi đó lộ rõ vẻ mặt đặc ý. Điều khiến họ cảm thấy phân chấn nhất là Từ Thế Xương cũng từ Thanh Đảo về, tiếp nhận nhà Thanh thưởng đeo hai giải mũ hoa lông công.

Sau khi tôi thoái vị, vị thái phó nhà Thanh này chạy xuống Thanh Đảo, nơi người Đức bàn cứ, lấy biệt hiệu “Đông Hải” với ý tứ và có quan hệ với cả hai bên. Ý nghĩa của việc ông ta xuất hiện ở Bắc Kinh tôi sẽ nói ở phần sau.

Tang lễ Long Dụ thái hậu chưa kết thúc, phía Nam đã phát động phong trào trừng phạt. Viên Thế Khải tức là “cuộc cách mạng lần thứ hai”. Không bao lâu, cuộc chiến tranh này kết thúc bằng thắng lợi của Viên Thế Khải. Tiếp đó, Viên Thế Khải huy động quân cảnh bao vây Quốc hội, buộc Quốc hội bầu ông ta làm tổng thống chính thức. Khi đó, ông viết một báo cáo gửi cho tôi bày tỏ sự

tuan thủ điều kiện ưu đãi để “Dân quốc được củng cố, năm dân tộc được thuận hoà và để an ủi vong linh của Long Dụ thái hậu đại Thanh trên trời”.

Do một loạt tin tức như vậy, trong các di báo đã có nhiều lời bàn tán.

- Phải chăng Viên Thế Khải là Tào Tháo?

- Năm trước Hạng Thành đã từng nói với Từ, Phạm, Đoàn (Từ Thế Xương, Phạm Ngọc Tường, Đoàn Kỳ Thụy): đối với Dân quốc chỉ có thể dùng trí chứ không thể dùng lực được. Từ, Phạm, Đoàn đáp ứng làm cộng hoà! Có lẽ đó cũng là dùng trí?

- Tôi đã nói từ lâu, chữ “từ” trong “từ vị” trong điều kiện ưu đãi là có ý tứ. Tại sao không dùng thoát vị? Viện Cung Bảo chỉ yêu cầu viết thành từ vị? Người từ vị là tạm thời từ biệt vậy.

- Đại tổng thống nói: “Làm cộng hoà”, làm như thế nào? Cố nhiên làm tức là ý thử làm.

Mùa đông năm đó, an táng Quang Tự và Long Dụ, tại rạp đặt linh cữu ở Lương Cách Trang đã diễn ra một màn kịch sống. Chủ diễn là Lương Đình Phần, con người rất khéo biểu lộ tình cảm. Khi đó ông ta chưa vào cung làm thầy dạy tôi. Vai phụ là Lao Nãi Tuyên, tự coi là Cô thân. Năm thứ ba Tuyên Thống là phó đại thần Bộ học kiêm giám đốc đại học đường Bắc Kinh. Sau Tân Hợi, ông ta trốn ở Thanh Đảo lập ra “Tôn không Văn xã” và chủ trì tổ chức này, ở nơi mà người Đức chuyên tập hợp và che giấu họ. Trong màn kịch này, người đóng vai hề làm trò là Tôn Bảo Kỳ, Tuần vũ tỉnh Sơn Đông triều Thanh, thành viên trong Chính phủ Viên Thế Khải, khi đó mới làm tổng trưởng ngoại giao. (Cha Tôn Bảo Kỳ là Tôn Trị Kinh, được các di lão coi là một trong những danh thần thời đại Quang Tự). Ngày hôm đó, một đám thành viên quốc vụ do Triệu Thừa Quân dẫn đầu đã tới. Trước khi tế, Triệu Thừa Quân cởi bỏ lễ phục, đổi sang áo bào triều Thanh, cử hành ba lần quỳ, chín lần vái.

Cô thân Lương Đình Phần rất phân chấn, cũng chẳng biết tại sao, trong những thành viên quốc vụ đến không mặc áo bào triều Thanh ông ta đã nhìn thấy Tôn Bảo Kỳ. Ông ta chạy tới trước mặt thành viên quốc vụ này, chỉ vào mũi hỏi :

- Ông là ai? Ông là người nước nào?

Bị ông bạn cũ hỏi, Tôn Bảo Kỳ ngây người, những người xung quanh cũng chẳng hiểu ra sao? Tay Lương Đình Phần run run, chỉ Tôn Bảo Kỳ giọng nói càng to:

- Ông quên mình là con Tôn Trị Kinh! Ông đã làm đại thần triều đại Thanh, hôm nay ông mặc quần áo này làm lễ tiên đế, tiên hậu, ông có liêm sỉ không? Ông... là cái thứ gì?

- Câu hỏi hay! Ông là cái thứ gì? - Lao Nãi Tuyên cùng chạy tới. Kê hô người ứng dẫn tới như đám đông vây quanh ba người. Tôn Bảo Kỳ tái mặt cúi đầu hốt hoảng nói:

- Đúng, đúng, tôi chẳng ra cái thứ gì! Tôi chẳng ra cái thứ gì!

Sau này thấy Lương mỗi khi nói đến màn kịch đó đều miêu tả có thanh có sắc. Câu chuyện này cùng với “Kết cộ giữ lăng”, “hiên ngang đuổi thích khách” được coi là những sự tích đặc ý nhất trong cuộc đời ông. Ông đã kể với tôi không biết đến bao nhiêu lần mà mỗi lần kể tình tiết càng hoàn chỉnh, càng giàu tính ly kỳ.

Đến năm thứ ba dân quốc, có người gọi năm đó là năm phục tích. Những sự việc cảm thấy phân chấn về cô thân ngày càng nhiều. Viên Thế Khải tế Không Tử, dùng quan bậc Tam Khanh sĩ đại phu, lập Thanh sử quán, dùng cựu thân nhà Thanh. Đặc biệt điều làm người ta bối rối là việc Triệu Nhĩ Soạn, nguyên tổng đốc Đông Tam Tỉnh được cử làm Trưởng quán Thanh sử. Thân Trần và nhiều người khác coi hần là tặc thân. Triệu Nhĩ Soạn cũng tự xưng: “Tôi là quan triều Thanh, tôi viết sử triều Thanh, ăn cơm triều Thanh, làm việc triều Thanh”. Tại Thanh Đảo, Lao Nãi Tuyên, người phụ vai kịch với Lương Đình Phần ở Lương Cách Trang công nhiên viết bài tuyên truyền “Trả lại chính quyền cho nhà Thanh” đồng thời viết thư gửi Từ Thế Xương đề nghị ông ta khuyên Viên Thế Khải. Khi đó, Từ Thế Xương vừa là thái phó triều Thanh đồng thời là Quốc vụ khanh Chính phủ Dân quốc đã đưa bài của Lao Nãi Tuyên cho Viên Thế Khải xem. Viên Thế Khải sai người mang thư gửi Lao Nãi Tuyên, mời ông ta đến Bắc Kinh làm tham nghị, Lương Đình Thám, nguyên giám đốc Đại học đường Bắc Kinh cũng viết một bài “Phục lễ chế quán thư”, lại có một vị làm Hiệp tu Quốc sử quán là Tổng Dục Nhân công bố bài nói “trả chính quyền cho nhà Thanh”. Những việc như thế loan truyền một dạo ở các nơi. Nghe nói, trong năm phục tích đó, một tên thổ phỉ nổi tiếng ở Từ Xuyên gọi là Thập Tan ca cũng mặc áo bào triều Thanh, đi kiệu, nghênh ngang tự coi là di lão, chuẩn bị chia hưởng thành quả phục tích.

Trong Tử Cấm Thành, khi đó không ai nói đến việc chuyển nhà nữa. Thế Tục, đại thần Phụ nội vụ, con người cẩn thận, vững trãi muốn làm rõ hơn sự việc còn đặc biệt một lần tìm đến Viên Thế Khải, người anh em kết nghĩa của ông ta. Phần khởi vì Viên Thế Khải đã nói với ông ta: “Đại ca vẫn

chưa rõ, những điều đó chẳng là đôi phò với phía Nam hay sao? Thái miếu ở trong thành, Hoàng thượng làm sao rời đi được”. Lại nói: “Ngoài Hoàng thượng còn bảo ai ở hoàng cung?”. Những chuyện này đều do một vị di lão đã làm việc ở Phủ nội vụ mãi sau này mới nói với tôi. Khi đó, Thái Tục và cha tôi hoàn toàn không nói với tôi những việc như vậy, muốn nói thì cũng qua thầy Trần. Cách nói của thầy khi đó là: “Xem ra, tổng thống của họ có vẻ như ưu đãi Đại Thanh, bản điều kiện ưu đãi treo ở minh phủ...”.

Lời các thầy, có vẻ như chưa nói hết. Nay nhớ lại, đó chính là thái độ “thận trọng” có căn cứ. So với các di lão bên ngoài Tử Cấm Thành, sự lạc quan một thời gian biểu hiện bên trong Tử Cấm Thành rõ ràng là thận trọng và có bảo lưu. Mọi cử động của Viên Thế Khải - từ công khai không quên “Vọng linh” của Long Du đến nhận định riêng tư: “Hoàng thượng không thể rời hoàng cung và thái miếu”, những điều đó cố nhiên mang lại cho những người ngoài Tử Cấm Thành có thể thấy được từ “Viên Cung Bảo” cũng chỉ giới hạn ở đó. Vì vậy, người Tử Cấm Thành không thể biểu hiện phần chân quá mức. Đến cuối năm phục tích, khi Bắc Kinh bắt đầu đổi gió, chứng minh sự “thận trọng” ấy rõ ràng có căn cứ.

Luồng gió thay đổi bắt đầu từ một viên quan chính sử đòi tra xét những tin đồn về phục tích. Viên Thế Khải phê án giao bộ Nội vụ “tra xét rõ và xử lý”, tiếp đó Tổng Dục Nhân, người diễn giảng về trả lại chính quyền cho nhà Thanh bị thống lĩnh quân bảo vệ bắt giải về nguyên quán. Tận này vừa đưa ra, nhiều người đã hoảng sợ, không còn thấy những bài khuyến khích trả chính quyền cho nhà Thanh nữa. Tuy nhiên mọi người vẫn có chút hoang mang khó hiểu vì Viên Thế Khải đã phê những lời kỳ lạ trên bản cáo của Bộ dân chính về tra xét và xử lý phục tích: “Nghiêm cấm đồn đại phục tích, vụ đã qua không xét”, còn Tổng Dục Nhân khi bị giải về quê quán, Viên Thế Khải đã gửi cho 3.000 lạng bạc, dọc đường lại được quân bảo vệ tiệp từng tiền đưa khiến người ta không rõ ông ta bị phạt hay được khen thưởng. Mãi đến năm thứ tư Dân quốc, Kim-ton, cố vấn Mỹ tại Phủ tổng thống phát biểu một bài nói chế độ cộng hoà không phù hợp tình hình Trung Quốc (39) sau đó lại xuất hiện “Trù an hội” (cơ quan thực hành chế độ của Viên Thế Khải), chủ trương cử Viên Thế Khải làm hoàng đế đế quốc Trung Hoa. Điều đó mới quét sạch mây mù, khiến mọi người hiểu rõ Viên Thế Khải muốn phục tích cái gì. Làn gió đã rõ, không khí trong Tử Cấm Thành cũng thay đổi.

Từ lúc tôi nghe thấy tiếng quân nhạc trong tiếng “Vọng thành”, ở Trung Nam Hải đang tiến hành sơn phết ba toà điện lớn, từ thêm điện Dưỡng Tâm có thể nhìn rõ những hoạt động của các công nhân trên dàn giáo sơn phết. Trương Khiêm Hoà bảo tôi: đó là để chuẩn bị cho Viên Thế Khải lên ngôi. Sau đó “Du bôi tử” (Phổ Luân) đại biểu hoàng thất và tám kỳ đẳng biểu khuyến khích Viên Thế Khải, Viên Thế Khải đã hứa thưởng cho y “song phụng thân vương” (ý nói: thân Vương của Tuyên Thống và thân vương của Viên Thế Khải), tiếp đó ông ta lại vào cung hướng thái phi đòi nghi trượng và ngọc tỷ. Những tin này khiến tôi cảm thấy đau lòng, cảm giận cũng khiến tôi hoảng sợ. Tuy thầy Trần không muốn nói rõ, tôi cũng hiểu câu nói xưa nay rằng “trời không có hai mặt trời, nước không có hai vua”. Viên Thế Khải tự làm hoàng đế, há còn để một hoàng đế thừa tồn tại ư? Những ví dụ trên lịch sử đã quá nhiều rồi. Thái sử Công đã thống kê “trong thời Xuân thu giết ba mươi sáu vua” cơ mà”.

Trong những ngày đó, động tĩnh của ba điện lớn ngoài cửa Cấm Thành liên quan đến nỗi sợ thâm kín của mỗi người trong Cung. Bất cứ ai đi lại trung tâm đều quan tâm nhìn một chút vào phía đó xem công trình đang sơn phết có quan hệ đến số phận của mình đã xong chưa. Hàng ngày, các thái phi đều đốt hương lễ phật, cận thân hộ quốc “Hiệp thân đại đế quan thánh đế quân” bảo trợ các đại Thanh. Nghi trượng thì cực chẳng đã để Phổ Du mang đi, ngọc tỷ do Hán - Mãn hợp bích không phù hợp với yêu cầu của Viên Thế Khải nên không bị lấy đi.

Khi đó, sự thay đổi ở cung Dục Khánh là rõ nhất, đó là các thầy đặc biệt hoà nhã với Dục Sùng, không thấy ai còn đối xử với anh ta như Bá Cầm. Ở chỗ thái phi, anh ta còn trở thành người tìn cậy thường được gọi tới ban thưởng những thứ đồ chơi. Mỗi khi ai nói đến Viên Thế Khải, các thầy dạy đều lừ mắt, ám hiệu tôi im miệng không để Dục Sùng nghe thấy chuyện đến tai cha hắn là Phổ Du.

Có một hôm, Dục Sùng được gọi tới nơi các thái phi, Trần Bảo Thám nhìn ngoài cửa không có bóng anh ta, từ trong áo lấy ra một tờ giấy nói với tôi một cách thần bí:

- Hôm qua xem bói được quẻ dịch, hoàng thượng hãy xem.

Tôi cầm lấy thấy một hàng chữ:

“Kẻ thù của ta tất, không thể thay ta, tốt”.

Ông giải thích: điều đó nói rằng kẻ thù Viên Thế Khải tiền đồ xấu không thể nguy hại tới tôi.

Đó là quẻ tốt ông còn đốt mai rùa, sao cỏ thi, tất cả đều tốt lành, bảo tôi có thể rất yên tâm. Vì vận mệnh của tôi, ông già này đã sử dụng mọi biện pháp đoán mệnh của thời nguyên thủy. Vì vậy ông đưa ra kết luận một cách lạc quan:

- Trời gây tai họa có thể chống, tự gây tai họa không thể sống. Viên Thế Khải hung hăng gây ác như vậy, ắt không thể tốt lành! Kẻ thù của ta có tật, cuối cùng không đáng lo! Huống chi điều kiện ưu đãi cất ở Minh phủ, được các nước công nhận, Viên Thế Khải làm sao dám làm hại tôi?

Để “không thể thay ta” và giữ vững điều kiện ưu đãi, các thầy, cha tôi và các đại thần Phủ nội vụ ngoài hoạt động bói toán, họ tuy không nói với tôi, tôi cũng biết một ít. Họ tiến hành một số giao dịch với Viên Thế Khải, nói một cách đơn giản là do nhà Thanh ủng hộ Viên hoàng đế, Viên hoàng đế thừa nhận điều kiện ưu đãi Phủ nội vụ gửi Viên Thế Khải một công văn chính thức nói: “Hiện quốc thể quân chủ lập hiến do đại biểu quốc dân toàn quốc quyết định và cử đại tổng thống làm đại hoàng đế đế quốc Trung Hoa, vì kế sách bỏ cũ đổi mới, mưu tính trị an lâu dài, hoàng tộc chúng tôi hết sức tán thành”. Công văn này đòi được một đoạn ghi của Viên Thế Khải trong điều kiện ưu đãi:

Chính quyền tiên triều không thể bảo toàn, chỉ giữ tôn hiệu đến nay vẫn như thế. Mọi điều khoản trong điều kiện ưu đãi bất cứ lúc nào cũng không cho phép thay đổi, cho đưa vào hiến pháp.

VIÊN THẾ KHẢI
Mùa Đông năm Ất Mão

Nội dung văn kiện này sau này đều thấy trong : “Lệnh của Đại Tổng thống” ngày 16 tháng 12 năm thứ tư Dân quốc. Trước khi công bố “Lệnh” này không lâu nhật ký của cha tôi cũng có một đoạn ghi chép:

Mùng mười tháng mười một (tức 16 tháng 11 âm lịch) vào cung. Cùng Thế thái phó hội kiến 4 hoàng quý phi bàn việc nên kết thân với đại tổng thống Viên Thế Khải, đều thừa nhận có thể, lệnh trừ tính mà biện pháp thoả đáng. Trong cung xem văn kiện bí mật, rất thoả đáng, mọi thứ như cũ...”

Cái gọi là văn kiện bí mật tức là lời bạt Viên Thế Khải tự phê. Cái gọi là kết thân, tức là Viên Thế Khải gọi Giang Hồ Tôn, thông lĩnh bộ binh nói với cha tôi cùng Thế Tục lập con gái ông ta làm hoàng hậu. Các thái phi trong bụng tuy không muốn cũng không thể không theo. Kết quả là, điều kiện ưu đãi đã không được đưa vào hiến pháp, tôi cũng không kết hôn với con gái Viên Thế Khải vì Viên Thế Khải chỉ làm hoàng đế 83 ngày đã chết trong tiếng hô chống Viên Thế Khải.

Phục tích Đình Ty

Ngày Viên Thế Khải qua đời, tin vừa chuyển đến Tử Cấm Thành, mọi người đều vui mừng, các thái giám chạy đi thông báo. Các thái phi đến thắp hương trước hộ quốc “Hiệp thiên đại đế quan thánh đế quân”. Cung Dục Khánh vô hình chung nghỉ học một ngày.

Tiếp đó, trong Tử Cấm Thành nghe thấy một tiếng vang thành mới:

“Viên Thế Khải thất bại vì chó nháy bàn độc”.

“Không thể thực hành kế chế, trăm họ trái lại mong chủ cũ”.

Viên Thế Khải và ba đời Napôlêông khác nhau, Hãn không như Napôlêông có phúc tổ phù hộ.

“Lấy họ Viên làm hoàng đế chẳng bằng vật hoàn chủ cũ”.

Những thanh âm đó cùng hoà với các thầy “ân sâu nghĩa nặng bản triều, lòng người cả nước còn nhớ?

Khi đó, tư tưởng tình cảm của tôi rất khác với mấy năm trước, lại cảm thấy hứng thú đối với báo chí.

Sau khi Viên Thế Khải chết được ít ngày, báo chí đăng tin “Đảng tôn xã khởi sự chưa thành” “thế lực thổ phi Mãn - Mông điên cuồng”. Tôi biết đó là những hoạt động của vương công đại thần - Thiện Kỳ, Phô Vĩ, Thăng Sung, Thiết Lương đang vì tôi công khai chống cộng hoà. Lúc mới đầu, bốn người này bị gọi là Thân Bao Tế, khóc triều Tân đều không thành công. Sau đó Thiết Lương đến Thiên Tân trốn ở tô giới nước ngoài, số còn lại ở đất thuê của Nhật Bản ở Lữ Thuận và Đại Liên, thông qua bọn lưu manh Nhật Bản, câu kết với quân phiệt - tài phiệt Nhật Bản hoạt động vũ trang phục tích. Trong số bốn người, hăng hái nhất là Thiện Kỳ. Khi ông ta giữ chức thượng thư Bộ Dân chính đã thuê cô vân cảnh sát chính trị Nhật bản Kawashima Naniwa luôn luôn cùng ở một nơi. Nam tước O Kura Hachirô, tài chủ Nhật bản cho ông ta một triệu yên hoạt động phi.

Các quân nhân Nhật bản Omari, Tori... đã chiêu mộ bọn thổ phi Mông Mãn cho ông ta tổ chức và huấn luyện thành quân đội có tới mấy nghìn người. Viên Thế Khải vừa chết là gây rối ngay. Trong số đó có một đội do Pabutrabu quý tộc Mông Cổ chỉ huy một đạo đã tiến gần đến Trương Gia Khẩu, khí thế vô cùng điên cuồng. Cho đến sau này, Pabutrabu bị bộ hạ giết trong một cuộc binh biến, hoạt động của chúng mới kết thúc. Trong những ngày hoạt động hung hăng nhất xuất hiện một hiện tượng rất ly kỳ; một mặt “quân cần vương” và quân đội Dân quốc bắn nhau đùng đùng rất ác liệt ở mấy vùng Mông Mãn, mặt khác chính phủ Dân quốc và triều đình nhỏ của nhà Thanh ở Bắc Kinh qua lại chúc mừng nhau như trước, thù tạc không ngớt. Từ hôm Viên Thế Khải chết Tử Cấm Thành bắt đầu không khí hưng vượng, đã không bị ảnh hưởng về sự nổi loạn của hưng binh Thiện Kỳ và Pabutrabu cũng không bị liên lụy về sự thất bại của họ.

Sau khi Viên Thế Khải chết, Lê Nguyên Hồng kế nhiệm Tổng thống. Đoàn Kỳ Thụy làm thủ tướng quốc vụ. Tử Cấm Thành cử Phô Du - người đã từng khích lệ Viên Thế Khải đến chúc mừng. Lê Nguyên Hồng cũng cử đại biểu đến cảm ơn đồng thời trả lại Tử Cấm Thành nghi trượng hoàng đế mà Viên Thế Khải đã lấy đi. Một số vương công đại thần còn được Dân quốc thưởng huân chương. Một số vương công đại thần trong thời đại Viên Thế Khải cũng đã xuất hiện ở các nơi giao tế. Ngày tết nguyên đán và ngày sinh của tôi, đại tổng thống cử lễ quan đến chúc mừng, cha tôi cũng biểu Lê tổng thống và Đoàn thủ tướng những đặc sản. Khi đó, Phủ nội vụ bận rộn nhiều so với trước còn giấu giếm tuyên thêm thái giám mới mà điều kiện ưu đãi đã kém. Đương nhiên, còn có những thủ tục giao tế tôi chưa từng biết, từ tiệc riêng cá biệt đến công yến của các nghị sĩ quốc hội.

Nói chung, Tử Cấm Thành lại nhộn nhịp như trước kia, đến năm Đình Ty (năm thứ sáu Dân quốc) Trương Huân vào cung thỉnh an, bắt đầu xuất hiện cao trào phục tích.

Trước khi đó, số người tôi tự triệu kiến thỉnh an không nhiều mà chỉ giới hạn trong tộc Mãn. Hoạt động hàng ngày của tôi, ngoài việc đến học ở cung Dục Khánh, xem báo ở điện Dưỡng Tâm, phần lớn thời gian còn lại vẫn là rong chơi. Tôi cảm thấy vui mừng thấy mũ lông công, áo thụng ngày càng nhiều ở cửa Thần vũ. Tôi đặc biệt phấn khởi nghe nói quân cần vương đã được phát động và cũng cảm thấy chán nản khi quân cần vương bị tiêu diệt. Song nói chung, tôi cũng rất dễ quên những chuyện đó. Túc thân vương trốn đi Lữ Thuận, tin tức không rõ, tôi cũng không quan tâm. Đã có cha tôi

và các thầy, các đại thần, tôi việc gì phải lo lắng nhiều? Khi sự việc do các thầy báo cho tôi thì đúng là mọi thứ đều đã được bàn bạc, sắp xếp rồi. Tình hình ngày 27 tháng 9 âm lịch là như thế.

Ngày hôm đó, Trần Bảo Thám, vị thái bảo mới nhận chức và Lương Đình Phần, quan hành tẩu cung Dục Khánh mới tới Tử Cấm Thành không lâu, cả hai thầy tiến vào cung Dục Khánh. Chưa đợi ngồi yên, thầy Trần mở miệng trước.

- Hôm nay hoàng thượng không phải học. Có đại thần đến thỉnh an hoàng thượng, lát nữa thái giám Phòng tâu việc sẽ đến báo cáo.

- Ai vậy?

- Nguyên tổng đốc Lương Giang (Chiết Giang và Giang Tây) kiêm Tuần vũ Giang Tô Trương Huân.

- Trương Huân? có phải là Định vũ quán Trường Huân, người không cắt bím tóc đuôi sam không?

- Đúng là ông ta, - Lương Đình Phần gật đầu tán đồng. - Trí nhớ của hoàng thượng thật tốt, đúng là Trương Huân ấy.

Thầy Lương vốn không bao giờ bỏ lỡ dịp tán dương, chính vì mục đích đó, ông đang viết về sinh hoạt hàng ngày của tôi.

Thực ra tôi cũng chẳng có trí nhớ tốt, chẳng qua là trước đó không lâu, tôi đã nghe các thầy kể câu chuyện về Trương Huân. Từ năm đầu Dân quốc đến nay, ông ta và quân đội của ông ta vẫn giữ các bím tóc đuôi sam. Năm thứ hai Dân quốc, Viên Thế Khải dập tắt “cuộc cách mạng lần thứ hai” là do dùng quân bím tóc của ông tấn công vây hãm Nam Kinh mà thành công. Quân bím tóc đốt nhà cướp của ở Nam Kinh, làm bị thương nhân viên lãnh sự quán Nhật Bản dẫn tới việc Nhật Bản phản kháng, thủ lĩnh quân tóc đuôi sam phải vội vã đến trước lãnh sự quán Nhật Bản xin lỗi nhận bồi thường mọi thiệt hại mới xong việc. Sau khi Long Dụ chết, Trương Huân gửi điện viếng gọi là “quốc tang”, còn nói “phàm là quan lại Dân quốc đều là thân dân đại Thanh”.

Viên Thế Khải chết không lâu, báo chí đăng một thông điện của Trương Huân bày tỏ thái độ của hội nghị đốc quân ở Từ Châu đối với thời cuộc sau khi Viên Thế Khải chết, điều đầu tiên là “tôn trọng các điều kiện ưu đãi nhà Thanh”. Tóm lại, tôi tin rằng ông ta là trung thân, mong muốn nhìn thấy ông ta như thế nào.

Căn cứ quy tắc của triều Thanh, khi hoàng đế triệu kiến đại thần, những người không có liên quan đều không được dự. Vì vậy trước mỗi lần triệu kiến những người không thường gặp, các thầy học đều chỉ dẫn trước, nói rõ tôi cần nói gì. Lần này thầy Trần, với thần khí đặc biệt cẩn thận nói với tôi: cần biểu dương lòng trung thành của Trương Huân, bảo ông ta cần nhớ mình hiện nay là Tuần duyệt sứ Trường Giang, có 60 tiểu đoàn quân ở vùng Từ Châu, Ngạc Châu, có thể thăm hỏi về quân đội và hai nơi của ông ta, khiến ông ta biết, hoàng thượng rất quan tâm đối với ông ta. Cuối cùng thầy Trần dặn đi dặn lại:

“Trương Huân thế nào cũng ca ngợi hoàng thượng, hoàng thượng hãy nhớ: “nhất định phải đáp lại một cách khiêm tốn, đó tức là biểu thị thánh đức”.

Thầy Lương vội vã bổ sung nói: “càng khiêm tốn càng là thánh thỉnh. Lần trước Lục Vĩnh Đình được thấy thiên nhan, đến nay gửi thư tới vẫn không quên ca ngợi thánh đức...”.

Lục Vĩnh Đình là Tuần duyệt sứ Lương Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây). Ông ta là viên tướng Dân quốc đầu tiên được ban thưởng cưỡi ngựa trong Tử Cấm Thành. Hai tháng trước, ông ta đến Bắc Kinh gặp gỡ Đoàn Kỳ Thụy không biết tại sao đã vào cung thỉnh an tôi, còn báo giúp một vạn đồng để trông thông ở Sùng Lăng. Ngồi kiệu về điện Dưỡng Tâm, tôi bỗng nhớ ra, khi gặp Lục Vĩnh Đình lần đó, thần sắc và sự cẩn thận của các thầy cũng giống như lần này. Sự xuất hiện của Lục Vĩnh Đình lần đó, giống như một sự kiện lớn trong Tử Cấm Thành. Phủ nội vụ và các thầy sắp đặt sự ban thưởng khác thường, có câu đối và chữ Phúc - Thọ do vua viết, một đai thờ phật bằng vàng, một thanh ngọc như ý nam vàng, ba thứ trần thiết bằng ngọc. Lục Vĩnh Đình sau khi về đã gửi một bức thư đề nghị Thế Tục “thay mặt tâu tạ ơn trời”. Bắt đầu từ đó “Nam Lục, Bắc Trương (Lục Vĩnh Đình ở phía nam, Trương Huân ở phía Bắc) thành câu chuyện hàng đầu của trên thì thầy dạy học, dưới đến thái giám. Trương Khiêm Hoà đã nói với tôi: “Có hai vị trung thân Nam Lục - Bắc Trương, Đại Thanh có hy vọng”.

Căn cứ một số họa báo do các thái giám mua cho tôi, tôi đã tưởng tượng ra bộ dạng của Trương Huân, cho tới khi tôi xuống kiệu ông ta vẫn chưa thành hình trong đầu óc tôi. Tôi vào điện Dưỡng Tâm không lâu, ông ta tới. Tôi ngồi trên ngai, ông ta khấu đầu trước mặt tôi.

- Thân Trương Huân quỳ xin thánh an...

Tôi chỉ vào chiếc ghế đặt bên cạnh bảo ông ta ngồi. (Khi đó trong cung cũng không để các đại thần quỳ nói nữa), ông ta lại rập đầu cảm ơn sau đó ngồi xuống. Theo lời chỉ dẫn của các thầy, tôi hỏi về tình hình quân đội ở hai vùng Từ - Ngạc. Ông ta nói những gì tôi cũng không để ý nghe. Tôi có chút thất vọng về tướng mạo của vị “trung thần” này. Ông ta mặc triều phục, da nâu, mũi rậm, phúc phịch. Nhìn dáng thấp lùn của ông ta, tôi cảm thấy không lý tưởng. Nếu như ông ta không có râu thì thật giống một thái giám phòng ăn. Tôi chú ý cái bím tóc đuôi sam của ông ta rõ ràng có một sợi màu hoa trắng. (ý nói bím tóc giả).

Sau đó, lời lẽ của ông ta không ngoài dự đoán của thầy Trần, quả là cung kính.

Ông ta nói: “Hoàng thượng thật thông minh tính trời”.

Tôi nói: “Tôi còn kém xa, tuổi còn trẻ, biết việc chưa nhiều”.

Ông ta nói: “Thánh tổ nhân hoàng đế bản triều cũng thông linh mẫn tuệ, sáu tuổi đã lên ngôi”.

Tôi vội vàng nói: “Tôi làm sau so sánh được với tổ tông, đó là tổ tông...”.

Lần triệu kiến này thời gian không lâu hơn các lần khác; ông ta ngồi đó năm, sáu phút là đi. Tôi cảm thấy ông ta nói thô lỗ, đại thể không thể so với Tăng Quốc Phiên, cũng cảm thấy không thật phấn khởi. Tuy nhiên, ngày hôm sau Trần Bảo Thám, Lương Đình Phần gặp tôi cười hì hì nói: Trương Huân khen tôi thông minh, khiêm tốn, tôi lại hài lòng. Còn như vì sao Trương Huân đến thỉnh an, các thầy vì sao rõ ràng phấn khởi hơn so với lần Lục Vĩnh Đình, Phủ nội vụ vì sao chuẩn bị ban thưởng càng phong phú hơn so với Lục Vĩnh Đình, các thái phi vì sao còn ban thưởng yến tiệc v.v... tôi nghĩ cũng không ra.

Qua nửa tháng, ngày 13 tháng 5 âm lịch, vẫn tại cung Dục Khánh, ba thầy Trần Bảo Thám, Lương Đình Phần, Chu Ích Phan cùng xuất hiện, nét mặt vô cùng trang nghiêm, vẫn là thầy Trần mở miệng trước:

- Trương Huân sắp đến rồi!

- Ông ta lại thỉnh an ư?

- Không phải thỉnh an, vạn sự đã chuẩn bị, tất cả đã đâu vào đấy, đến giúp Hoàng thượng phục vị thỉnh chính, phục tích Đại Thanh!

Thấy tôi hoảng hốt, ông vội nói: “Hoàng thượng cần đáp ứng Trương Huân. Đây là vì lòng dân mong đợi”.

Tôi bàng hoàng mê mẩn vì sự việc vui mừng bất ngờ này. Tôi ngây ngô nhìn thầy Trần, mong ông nói nhiều hơn một chút để tôi hiểu rõ cần làm một “hoàng đế thật” như thế nào.

“Không cần phải nói gì nhiều với Trương Huân, đáp ứng ông ta là được rồi”. Thầy Trần đã có chủ kiến nói: “Tuy nhiên không nên đáp ứng ngay, trước hết hãy từ chối, cuối cùng mới nói đã như thế thì đành vậy”.

Tôi về điện Dưỡng Tâm lại triệu kiến Trương Huân. Lần này Trương Huân nói cũng giống như bản tấu viết của ông ta về phục tích.

“Long Dụ thái hậu không nỡ để vì tôn vinh một họ mà trăm họ bị tai họa mới xuống chiếu lập cộng hoà. Ai ngờ lập cộng hòa dân không sống nổi... Cộng hoà không phù hợp với tình hình nước ta, chỉ có Hoàng thượng trở lại ngôi, mới cứu được muôn dân...”

Nghe ông ta đọc xong, tôi nói: “Tôi tuổi quá nhỏ, vô tài vô đức, không làm nổi trách nhiệm lớn đó”. Ông ta tán dương tôi một hồi, lại nhắc chuyện vua Khang Hy tám tuổi làm hoàng đế. Nghe ông ta lâm bâm, tôi bỗng nhớ lại một vấn đề:

- “Làm thế nào với ông đại tổng thống? Ưu đãi ông ta hay là làm gì?”

- “Lê Nguyên Hồng tâu xin để ông ta tự thoái vị. Hoàng thượng chuẩn y lời tâu của ông ta là được”.

- “À...” - tôi vẫn chưa rõ, bụng nghĩ phải chẳng các thầy đã bàn bạc xong rồi, hôm nay tôi phải kết thúc cuộc triệu kiến, liền nói “đã như vậy tôi biết làm thế nào!”. Do đó tôi lại là hoàng đế đế quốc Đại Thanh.

Sau khi Trương Huân lui ra, có hàng loạt, người lục tục kéo đến, người thỉnh an, người cảm tạ. Sau đó thái giám phòng tâu việc đưa tới một đồng “Thượng dụ”. Một ngày đầu, một lúc sau ra 9 bản “Thượng dụ”.

Chiếu lên ngôi:

Lê Nguyên Hồng xin trả lại chính quyền đất nước, phong Lê công nhất đẳng để tỏ phép

nước.

Đặc biệt lập ra nội các nghị chính đại thần, chế độ quan hàm khác tạm theo năm đầu Tuyên Thống, các quan văn võ lớn nhỏ hiện nay vẫn giữ chức như thường.

Phong bảy đại thần nghị chính (Trương Huân, Vương Sĩ Trân, Lương Đôn Ngạn, Lưu Đình Thám, Viên Đại Hoá, Trương Chân Phương) và hai vị thừa các nội các (Vạn Thang Thức, tham mưu trưởng của Trương Huân và Hồ Tự Viên tham mưu của Phùng Quốc Chương).

Phong thượng thư các Bộ (Lương Đôn Ngạn Bộ ngoại vụ; Trương Chân Phương Bộ Tài chính; Vương Sĩ Trân Bộ tham mưu, Lôi Chân Xuân Bộ lục quân; Chu Gia Bảo Bộ Dân chính).

Phong Từ Thê Xương, Khang Hữu Vi làm chánh phó Viện trưởng Viện Bất Đức.

Phong nguyên đốc quân các tỉnh làm Tổng đốc, Tuần vũ và Đô thống (Trương Huân kiêm nhiệm tổng đốc Trực Khang, đại thần Bắc Dương).

Theo hồi ức của những người Bắc Kinh cũ nói chung về tình hình đường phố Bắc Kinh khi đó: sáng sớm hôm đó, cảnh sát bỗng nhiên gọi các nhà dân treo cờ rồng, cư dân không có cách nào thì còn cách dùng cờ giấy để ứng phó. Tiếp đó áo thụng áo chên triều Thanh mấy năm không trông thấy lại xuất hiện, từng nhân vật hình như từ trong quan tài nhảy ra. Các báo ra phụ trương về tin tức phục tích, bán còn đắt hơn báo hàng ngày, trong cảnh tượng kì lạ đó, khắp nơi có thể nghe thấy tiếng rao bán báo “Tuyên Thống thượng dụ”.

Khi đó, ngoài tiền môn có một số cửa hàng buôn bán cũng rất phát đạt. Một loại là cửa hàng may sẵn gấp rút may cờ rồng để bán; một loại là cửa hàng quần áo cũ, bảo phục triều Thanh trở thành món hàng mà các di lão mới được phong quan tranh nhau mua. Một loại khác là làm các đạo cụ rạp hát, tới tập có người đi tìm mua đuôi ngựa làm bím tóc giả. Tôi còn nhớ, trong những ngày đó, trong Tử Cấm Thành là áo thụng, áo chên, mũ lông công, sau gáy mọi người là bím tóc dài. Sau này, quân thảo nghịch tiến vào thành Bắc Kinh khắp nơi lại có thể đựng những bím tóc thật. Nghe nói đó là đội quân bím tóc của Trương Huân chạy thực mạng cắt vứt lại.

Nếu như những người ra vào Tử Cấm Thành có một chút nhãn quang của trẻ bán báo có thể dự tính đến số phận các bím tóc và đạo cụ của vua; họ sẽ không khoái chí như mấy ngày đầu tiên.

Trong mấy ngày đó, người Phủ nội vụ ăn mặc đặc biệt chỉnh tề, số người cũng rất đông. Đại thần tổng quản Phủ nội vụ đã đặc biệt ra lệnh: vì số người vẫn lo chưa đủ, tạm thời điều động mấy người từ trong các nhân viên hầu sai. Có một người nay vẫn còn sống khoẻ mạnh, ông ta nhớ lại nói: “Trong hai ngày đó, những người viết chữ trong bọn chúng tôi nghỉ rất muộn. Nói chung là viết không xuể. Mỗi ngày các thái phi đều ban cho cơm. Khi ban cơm cũng không quên bảo: không phải tạ ơn, nói rằng các ông rất vất vả, bề trên bốn cung đều biết rõ.” Ông ta không biết rằng, bốn bà Thái phi đang vui đến mức không biết làm thế nào cho phải, hầu như hàng ngày đến thắp hương trước thần phật, hoàn toàn không có thì giờ tiếp họ.

Trong những ngày đó, các vương công chưa đạt được dục vọng chính trị rất không vui. Ngày thứ hai sau khi phát động phục tích, Trương Huân công bố một đạo dụ cấm chỉ các thân vương quý tộc không được can dự công việc chính quyền khiến họ vô cùng phẫn nộ. Thuận Thân Vương lại trở thành trung tâm của một đám bôi tặc, bôi tử, muôn tranh luận với Trương Huân, lại còn muốn đích thân tìm tôi làm chủ. Nghe tin đó, Trần Bảo Thám vội vã đến dặn tôi.

“Triều ta nhường nước năm Tân Hợi, chính là do các vương công, quý tộc can dự công việc chính quyền gây ra, hiện nay vẫn còn muốn gây chuyện thật quá hồ đồ! Hoàng thượng muôn vàn không thể đáp ứng họ!”

Tôi đương nhiên tin theo thầy dạy. Các vương công tự biết là cô lập nhưng vẫn chưa chịu, suốt ngày tụ tập với nhau tìm đối sách. Đối sách vẫn chưa nghĩ ra thì quân trừng phạt đã tiến vào thành, điều đó đổi thành sự an toàn cho họ, khiến họ tránh được trách nhiệm về lần phục tích này.

Trần Bảo Thám vẫn là người cẩn thận nhất, rất có kiến thức. Qua sự việc xảy ra năm đó tôi vẫn thấy ông như vậy. Lúc đó, Lao Nãi Tuyên lặng lẽ từ Thanh Đảo mang về một bức thư. Tên người gửi thư nay không nhớ rõ, chỉ biết rằng đó là một người Đức, thay mặt hoàng thất nước Đức tỏ ý sẵn sàng ủng hộ nhà Thanh phục tích. Lao Nãi Tuyên cho rằng, đó là cơ hội rất tốt, nếu như thêm vào sự kết thân giữa hai hoàng thất Thanh - Đức thì càng có điều kiện. Đối với việc đó thầy Trần tỏ ý phản đối kịch liệt, nói rằng Lao Nãi Tuyên quá hoang đường, đó là con người thất bại nhiều hơn thành công. Ai ngờ bắt đầu từ ngày phục tích, ông già họ Trần cẩn thận ấy lại hoàn toàn thay đổi.

Ngày đầu tiên phục tích, tôi nhận được hàng đoàn cô thân nghiệt tử chúc mừng, về đến cung Dục Khánh, liền nghe thấy lời ca tụng của thầy Trần. Ông vuốt chòm râu bạc, sau cặp kính lão ánh lên

vět sáng lấp lánh thể hiện sự hưng phấn khác thường.

Tuy vậy điều khiến tôi kinh ngạc nhất lại không phải là sự hưng phấn của ông, cũng không phải việc ông tỏ ra đối lập với các vương công trong vấn đề “thần vương quý tộc can dự chính quyền”. (Tuy nhiên trực tiếp mạo phạm là cha tôi) mà là sự thể hiện thái độ quyết liệt trong vấn đề xử lý Lê Nguyên Hồng. Trước hết là Lương Đình Phần tự bảo hăng hái đi gặp Lê Nguyên Hồng khuyên ông ta thoái vị (Lương Đình Phần và Lê Nguyên Hồng là thông gia). Không ngờ bị cự tuyệt. Khi trở về, Lương Đình Phần giận dữ báo tin cho Trần Bảo Thám và Chu Ích Phan. Nghe tin này, Trần Bảo Thám cùng Lương Đình Phần và Chu Ích Phan đến cung Dục Khánh, vẻ tươi cười trên nét mặt hoàn toàn biến mất, tím mặt nói với tôi với vẻ mặt tự chủ.

- Lê Nguyên Hồng dám cự tuyệt, cự không vâng mệnh, xin hoàng thượng ban cho hần tự vẫn đi!

Tôi giật mình cảm thấy quá đáng:

- Tôi vừa phục vị đã bắt Lê Nguyên Hồng chết, như vậy chẳng ra sao cả. Dân quốc chẳng phải cũng đã ưu đãi tôi sao?

Đây là lần đầu tiên Trần Bảo Thám bị tôi công khai bác bỏ, trong sự giận dữ đối với kẻ thù khiến ông quên tất cả. Ông hớn hên nói: “Lê Nguyên Hồng không chịu rút lui, còn ở lý trong Phủ Thủ tướng, loạn thân tộc tử, nguyên hung đại ác, làm sao có thể hàng ngày sống với Hoàng thượng?”.

Sau đó, thấy tôi tỏ ý kiên quyết, ông không dám kiên trì, đồng ý để Lương Đình Phần lại đến phủ tổng thống tìm cách khuyên ông thông gia rời đi. Lương Đình Phần chưa đi, Lê Nguyên Hồng đã ôm ân tín tổng thống chạy đến công sứ quán Nhật Bản.

Quân trừng phạt tiến gần thành Bắc Kinh, phục tích đã trở thành thời kỳ giã giũa. Trần Bảo Thám cùng Vương Sĩ Trân, Trương Huân bàn bạc một biện pháp cuối cùng, quyết định viết một đạo dụ của hoàng đế gửi Trương Tác Lâm, phong ông ta làm tổng đốc Đông tam tỉnh, hạ lệnh cho ông ta hỏa tốc tiến về Bắc Kinh cứu vua. Khi đó Trương Tác Lâm là đốc quân Phụng-Thiên, đối với việc Trương Huân cử ông ta một chức Tuần vũ Phụng Thiên là không đủ. Thấy Trần khi đó gửi gắm hy vọng rất lớn đối với Trương Tác Lâm. Đạo dụ viết xong, khi dùng “ấn vua” thì xảy ra vấn đề. Vốn là chìa khoá hòm ấn ở trong tay cha tôi, Nếu cử người đi lấy thì quá mất thời gian. Do đó thầy Trần quyết đoán gọi người đập khoá lấy ra chiếc “ấn khắc “Pháp thiên lập đạo” (đạo dụ cũng chưa gửi đến tay Trương Tác Lâm vì Trương Hải Bằng là người mang thư ra khỏi thành đã bị quân trừng phạt bắt giữ). Tôi có ấn tượng sâu sắc về việc thầy Trần bỗng nhiên biến thành bạo gan quyết đoán như vậy.

Phục tích bắt đầu mấy ngày, mỗi ngày tôi ở cung Dục Khánh một nửa thời gian. Nghỉ học nhưng các thầy nhất định phải gặp vì mỗi việc đều phải nghe theo sự chỉ đạo của các thầy. Thời gian còn lại là xem các đạo dụ đợi phát và “Nội các quan báo”, tiếp nhận mọi người đến lễ bái, hoặc là đi xem kiến thay tổ như trước, gọi thái giám viện Thượng Tứ (40) thả lạc đà ra chơi đùa. Cuộc sống như thế kéo dài bốn, năm ngày thì bom của máy bay quân trừng phạt rơi xuống cung điện, tình thế hoàn toàn thay đổi. Người quý lạ không đến nữa, các đạo dụ không có nữa, không thấy bóng dáng phần lớn các đại thần nghị chính, họ vội chạy trốn khắp nơi, chỉ còn lại có Vương Sĩ Trân và Trần Bảo Thám. Hôm máy bay ném bom, tôi đang ngồi nói chuyện với các thầy trong thư phòng, nghe thấy tiếng máy bay và tiếng bom nổ xua nay chưa từng nghe thấy tôi sợ run bắn người, mặt các thầy cũng không còn hạt máu. Trong một đám hỗn loạn, các thái giám vây quanh tôi gấp rút chạy về điện Dưỡng Tâm, có vẻ như chỉ có nơi đó mới an toàn nhất. Tình hình các thái phi càng tệ hại, có bà trốn vào góc giường nằm, có bà chui vào gầm bàn. Lúc đó tiếng các cung nhân huyền não, rối loạn. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc xảy ra trận ném bom, lần đầu tiên trong lịch sử nội chiến dùng không quân Trung Quốc. Nếu như đáng nói một chút về tình hình lần đầu tiên phòng không thì đó là: mọi người nấp vào các phòng ngủ của mình, buông hết mạnh xuống - theo hiệu biết của các thái giám và quân hộ vệ thì đó là biện pháp thông minh nhất. May mắn là lần này, máy bay của quân trừng phạt không phải thực sự tấn công mà chỉ là dọa một chút, chỉ ném ba quả bom nhỏ dài một mét, một quả rơi ngoài cửa Long Tôn làm bị thương một phu kiệu, một quả rơi trong hồ nước Ngự Hoa viên phá vỡ một góc hồ, quả thứ ba rơi ở mái ngói cửa Long Phúc đường Tây trường không nổ làm cho các thái giám đáng tự tập đánh bạc ở đó sợ gần chết.

Ngày thứ hai sau khi gửi dụ cho Trương Tác Lâm, trong Tử Cấm Thành nghe thấy tiếng súng đại bác, Vương Sĩ Trân và Trần Bảo Thám đều không đến, trong và ngoài cung mất liên hệ. Sau đó tiếng súng thưa thớt, thái giám phòng tâu việc chuyển đến tin tức báo cáo của Dục Dịch Bầm “Hộ quân thống lĩnh” : “quân đội Trương Huân thắng trận, quân đội Đoàn Kỳ Thụy hoàn toàn thất bại rồi! Tin

tức này cũng chuyển đến nơi các thái phi. Trong khi nói chuyện, bên ngoài hoàn toàn không còn tiếng súng nữa. Từ lúc đó, mọi người lại tươi tỉnh, những chuyện ma quỷ của các thái giám lại tuôn đổ ra, nào là đức Quan thánh cưỡi ngựa xích thố đâm mô hôi, nào là Quan đế hiện thánh cưỡi ngựa xích thố hộ giá Trương Huân mới đánh bại Đoàn Kỳ Thụy... Tôi nghe thấy, vội đến nơi thờ Quan thánh (Quan Công) vuốt, ve bức tượng gỗ điêu khắc đó, trái lại thấy sạch bóng. Lúc có thái giám nội, sáng sớm nay, hẳn nghe thấy tiếng mũ giáp tinh tinh tang tang ở sân Tây nôan các điện Dưỡng tâm, chắc là Quan thánh đến đó lấy thanh long yên nguyệt đao. Nghe những câu nói đó, các thái phi và tôi đều đến khâu đầu trước điện Khâm An. Tối hôm đó đại gia đình ngủ một giấc yên ổn. Sáng sớm hôm sau, Phủ nội vụ báo đến tin thật: “Trương Huân đã chạy vào sự quán Hà Lan rồi!”.

Khi đó cha tôi và thầy Trần xuất hiện. Nét mặt các ông xám lại, bực phờ thất vọng. Tôi nhìn các ông thảo xong chiếu thoái vị, vừa sợ lại vừa đau xót, không nín được tiếng khóc lớn. Dưới đây là nội dung tờ chiếu thoái vị:

“Ngày 20 tháng 5 năm thứ 9 Tuyên Thống:

Kính gửi nội các:

Thượng dụ: trước đây nghe lời tâu của Trương Huân và một số người khác, đất nước xáo động lòng người nhớ cũ, khẩn thiết xin nghe triều chính. Trẫm còn nhỏ, ở lâu trong cung cấm, từ lâu không hiểu quốc kế dân sinh.

Trẫm:

“... Luôn nhớ di huấn, vốn không hề có ý mưu tính thiên hạ, duy căn cứ lời nói để cứu dân, cứu nước đã nhận lời yêu cầu, tạm thời nghe chính sự, cũng lại do nghe lời tâu trình của Trương Huân, các tỉnh tới tập ra quân và do tranh giành quyền chính đã dẫn đến binh lửa. Những năm qua, dân ta đau khô, đã như trong nước bỏng dầu sôi há lại muốn khôn khô vì lại lâm vào cảnh can qua. Tâm niệm như vậy, trăn trở không yên. Trẫm quyết không muốn cướp chính quyền này khiến cho sinh linh lầm than.

Hiếu định đức dày của Cảnh hoàng hậu giao Vương Sĩ Trân gấp Từ Thế Xương nhanh chóng thông điệp Đoàn Kỳ Thụy, thương lượng làm mọi việc giao tiếp để yên lòng người, tránh nạn binh đao.

Khâm thủ.”

Chưa hết hy vọng

Một hôm, tôi cưỡi xe đạp rong chơi trong Ngự Hoa viên, đạp đến một khúc queo hầu như đọng phải một người. Sự việc như thế xảy ra ở trong cung cần phải bị coi là tội thất lễ trước vua, song tôi cũng chẳng để ý. Xe của tôi quanh một vòng chuẩn bị quay đi. Không ngờ người đó quỳ xuống không đi, miệng còn nói.

- Kê mọn này thỉnh an vạn tuế.

Người này mặc áo khoác màu tím giống như áo thái giám. Nhìn thấy trên mép anh ta có râu lún phún tôi biết không phải là thái giám. Tôi quay một vòng xe hỏi:

- Làm gì?

- Kê mọn trông nom đèn điện ạ.

- À, mi làm cái nghề đó, vừa rồi may ta không ngã, coi như mi gặp may, tại sao lại vẫn quỳ đó?

- Kê mọn này vận thật may, hôm nay được thấy dung nhan thiên tử. Xin Hoàng thượng mở ơn trời ban cho kê mọn này một chút quan tước!

Nghe lời ngu ngốc của hẳn tôi cũng vui. Tôi nhớ các thái giám nói với tôi: trên đường phố Bắc Kinh người ta đặt tên đùa cho ăn mỳ ở đầu Đôn Kiều liền nói:

- Được, phong người là “Trần Kiều Hầu” (dùng chữ hầu là con khỉ - ND) ha ha...!

Tôi đùa xong trò này cũng không nghĩ rằng con người mơ quan tước này sau đó quả thật đã

tìm Phụ nội vụ đòi “báo quan”. Người Phủ nội vụ nói: “Đây là một câu nói đùa, tại sao anh cho là thật?” Anh ta bắn lên:

- Lời Hoàng thượng là lời vàng ngọc, các ông tại sao dám nói là nói đùa, không được!...

Việc này về sau kết thúc ra sao tôi cũng không biết nữa.

Khi đó, tôi thường nghe thấy các thầy và các thái giám nói: các nơi ở trong nước thường có người hỏi: “Hoàng đế Tuyên Thống ra sao?”. “Hiện nay ai ngồi ở triều đình?”. “Chân long thiên tử ngồi trên ngai, thiên hạ sẽ hưởng thái bình”. Căn cứ một bài trên báo, thầy dạy tiếng Anh của tôi nói: Ngay những người rất phản đối đế chế cũng cảm thấy thất vọng đối với Cộng hòa, có thể thấy những người phản đối đế chế cũng đã thay đổi ý kiến. Thực ra người ta nhớ một chút “thời nhà Thanh trước” chẳng qua là tỏ ý căm thù tai họa quân phiệt mà thôi. Các thầy của tôi thu thập những câu nguyện rửa đồ làm chứng cho việc lòng người nhớ thừa trước, cũng trở thành tài liệu giáo khoa sử dụng đối với tôi.

Tuy nhiên, trong cuối thời đại Từ Thế Xương cũng thường có thể thấy những người bị mê hoặc. Có một nhà buôn tên là Vương Cửu Thành, phát tài vì may quân trang cho quân đội, ông ta muốn được ban thưởng mặc áo chên vàng (áo chên ngắn ngoài áo thụng của dân tộc Mãn - ND) đã từng tốn khá nhiều công phu, chi khá nhiều tiền. Các thái giám đặt vung cho ông ta một biệt hiệu là “tán tài đồng tử”. Không rõ ông ta qua móc ngoặc như thế nào mà dịp tết, ông ta lần vào trong các di lão khâu đầu tiên công. Khi tới mang khá nhiều tiền, đi tới đầu vung tiền tới đây. Các thái giám rất thích ông ta tới vì dù là dẫn đường hay chuyển gập, vén rèm pha trà cho đến không có việc gì chỉ đến nói với ông ta vài câu đều có thể nhận được hàng cuộn tiền của ông ta. Còn như việc chi tiền vào các khâu móc nối thì khỏi phải nói. Cuối cùng ông ta thật sự đạt được mục đích, được ban thưởng “vinh dự” mặc áo chên màu vàng.

Có áo chên vàng ấy để sau này trong gia phả ghi một quan hàm triều Thanh, sau khi chết có một tên hiệu, khi đó hàng ngày đều có người chạy đến Từ Cẩm Thành hoặc là từ nơi xa xôi gửi tấu tới Lương Cự Xuyên, biệt hiệu là Lương Phong Tử (thằng Lương điên) không tiếc tính mạng, nhảy xuống hầm nước ở Tích Thủy Đàm để đòi lấy một tên hiệu là “Trịnh Thụy”. Sau đó, số người xin tên hiệu quá nhiều, không tránh khỏi tổn hại đến sự tôn nghiêm của triều đình nhỏ. Do đó đã quy định hạn chế từ quan tam phẩm trở xuống không ban tên hiệu. Còn như việc ban thưởng cưỡi ngựa trong Từ Cẩm Thành, ngôi kiệu hai người khiêng, thưởng viết chữ phúc thọ, câu đối v.v... việc hạn chế càng nghiêm ngặt hơn. Khi đó, không những là vương công đại thân, ngay đến các tướng lĩnh Dân quốc nếu được một trong những loại ban thưởng đó cũng coi là “vinh dự đặc biệt”. Một số quan chức tương đối thấp hoặc chưa có “tiền trình” thời nhà Thanh lại không có nhiều tiền như Vương Cửu Thành không vào được Từ Cẩm Thành như loại “thân sĩ” khi ấy ở các nơi, cũng có thể theo đuổi mục tiêu đó là xin các di lão “điểm chủ” vào bài vị khi chết, khắc bia trên núi, là người làm chứng trong hôn lễ của con cái. Tại Thượng Hải, một bà người dân tộc Mãn, lấy chồng người Do Thái quốc tịch Anh, với lễ nghi long trọng đã mời Lưu Xuân Lâm, vị trạng nguyên cuối triều Thanh tới Thượng Hải, đặc biệt làm cho ông ta một chiếc kiệu lớn 8 người khiêng, đề nghị ông ta mặc triều phục nhà Thanh để điểm chủ cho bài vị của ông chồng đã mất. Khi đó, một số người gọi là văn nhân mới như Hồ Thích, Giang Khang Hồ... cũng có những hành động tương tự.

Năm tôi mười lăm tuổi, qua nội chuyện với Johnston, biết rằng có ông tiến sĩ Hồ Thích đề xướng văn chương bạch thoại. Vì tính hiếu kỳ muốn tìm hiểu suy nghĩ của ông này, tôi gọi điện thoại cho ông. Không ngờ ông ta đến ngay. Về cuộc gặp gỡ này, tôi sẽ nói sau. Ở đây tôi chỉ nói đến việc sau cuộc gặp gỡ vô bổ đó, qua bức thư Hồ Thích gửi Johnston, tôi phát hiện vị tiến sĩ Tây này cũng có tâm tình như các vị di lão. Thư của ông ta có đoạn viết:

“Tôi không thể không thừa nhận, tôi rất cảm động trước cuộc triệu kiến này. Khi đó, tôi đã có thể giữ một vị trí trước một vị hoàng đế cuối cùng của nước ta - vị đại biểu cuối cùng của nền quân chủ qua các triều đại”.

Quan trọng hơn là Từ Cẩm Thành đã được cổ vũ qua dư luận của người nước ngoài. Johnston đã thông báo cho tôi nhiều tin tức về mặt này. Theo ông, rất nhiều người nước ngoài cho rằng phục tích là nguyện vọng của người Trung Quốc nói chung. Có lúc ông mang báo chí ngoại văn đến đọc cho tôi nghe. Sau đó ông chép một đoạn đưa vào tác phẩm “Hoàng hôn ở Từ Cẩm Thành”. Đây là một đoạn xã luận nhan đề “Phải chăng một cuộc phục tích mới lại sắp xảy ra” của tờ “Bưu điện Hoa Bắc hàng ngày” ở Thiên Tân số ra ngày 19 tháng 9 năm 1919:

“Quá trình trải qua của Chính phủ cộng hòa là bi thảm và đau xót. Ngày nay chúng ta thấy,

Nam Bắc đang điều võ dương oai, tình hình đó chỉ có thể dẫn đến kết luận: Ở Trung Quốc, qua thực nghiệm đã phát hiện chính thể cộng hoà có khuyết điểm. Những phần tử trung kiên của đất nước này - tầng lớp thương nhân và thân sĩ- rất căm ghét chiến tranh nội da nẫu thịt. Chúng ta tin rằng, chúng ta nhất định sẽ hết lòng ủng hộ bất cứ hình thức chính phủ nào, chỉ cần chính phủ đó đảm bảo thái bình cho 18 tỉnh là được.

Không nên quên rằng, đảng Bảo hoàng là đảng có thể trận vững mạnh. Từ trước tới nay họ bất mãn với chính thể cộng hoà. Song do nguyên nhân này khác, mấy năm gần đây họ giữ im lặng. Rõ ràng là, họ đồng tình hành động của quân phiệt, họ có một số nhân sĩ vẫn từng lui tới những nơi quân nhân hội họp, điều đó không phải không có ý nghĩa.

Luận điểm của những người ngấm tẩm đồng và hy vọng cựu hoàng để phục tích thành công là những người cộng hoà đang phá hoại đất nước này. Vì vậy cần tiến hành những biện pháp - thậm chí những biện pháp mạnh mẽ để khôi phục cảnh tượng phồn vinh của ngày trước. Phục tích để chế quyết không được hoan nghênh về nhiều mặt, trái lại còn có thể gặp sự chống đối tương đối lớn về mặt ngoại giao, không chỉ là một công sự quân phản đối. Tuy nhiên chỉ cần Chính phủ thành công sẽ khiến sự chống đối đó mất đi, vì chúng ta biết rằng: được làm vua, thua làm giặc.

Đương nhiên, dù báo chí của người nước ngoài có biết bao lời cổ vũ như thế, trực tiếp quyết định an nguy và hoạ phúc tiền đồ của triều đình nhỏ vẫn là những quân nhân cầm súng. Đúng như tờ “Bưu điện Hoa Bắc hàng ngày” đã nói: “Lui tới những nơi quân nhân tập hội, điều đó không phải là không có ý nghĩa”. Tôi nhớ cuối năm đó (năm 1919) sự giao thiệp giữa triều đình nhỏ ở Tử Cấm Thành với các quân nhân ngoài hệ Bắc Dương cũ càng thêm mật thiết. Đối tượng thứ nhất là sứ giả của Trương Tác Lâm, thủ lĩnh hệ Phụng Thiên.

Mới đầu, Tử Cấm Thành nhận được một khoản tiền bán giúp trang viên tài sản hoàng gia do cha tôi nhận và chuyển vào. Cha tôi viết thư cảm ơn, sau đó Phủ nội vụ chọn hai loại đồ cổ một là bức tranh “Ngự chế đề vịnh Động Bang Đạt đàm nguyệt hàn lâm đồ” (bức tranh Rừng lạnh trăng suông của Động Bang Đạt có chữ đề của vua), một vật khác là một đôi lọ sứ Càn Long, lấy danh nghĩa cha tôi tặng Trương Tác Lâm và do Đường Danh Thịnh, chuyên sai hàng tam phẩm trực tiếp đưa tới Phụng Thiên. Trương Tác Lâm cử Trương Cảnh Huệ, người anh em kết nghĩa lúc đó là phó tổng tư lệnh quân Phụng Thiên, sau này là thủ tướng quốc vụ nguy quyền Mãn Châu đi cùng Đường Danh Thịnh về Bắc Kinh cảm ơn cha tôi. Từ đó thay mặt triều đình nhỏ, Thuần Vương phủ và quân Phụng Thiên có sự qua lại ngấm ngấm khi Trương Huân phục tích, có 3 tướng lĩnh quân Phụng Thiên (Trương Hải Bằng, Phùng Lâm Các, Dương Ngọc Lâm) thân tín đến Bắc Kinh tham gia phục tích nay lại có Trương Cảnh Huệ, Trương Tôn Xương được ban thưởng cưỡi ngựa trong Tử Cấm Thành. Khi đó Trương Tôn Xương là Sư trưởng quân Phụng Thiên, khi cha ông ta làm lễ đại thọ 80 tuổi ở Bắc Kinh, cha tôi đã đích thân tới chúc mừng. Năm thứ 9 Dân quốc trong cuộc chiến tranh Trực- Hoản, quân Trực liên hợp với quân Phụng đánh bại quân Hoản, thủ lĩnh quân Trực (Phùng Quốc Chương đã chết) Tào Cán và thủ lĩnh quân Phụng Trương Tác Lâm sau khi vào Bắc Kinh, Thiệu Anh, đại thân Phủ nội vụ đi đón. Thuần Vương Phủ cũng bận rộn về giao thiệp vì một đạo nghe nói Trương Tác Lâm muốn vào cụng thỉnh an. Để chuẩn bị đồ ban thưởng, đại thân Phủ nội vụ đặc biệt đến Thuần Vương Phủ họp bàn kết quả quyết định: ngoài những thứ đã định, thêm vào một thanh đao cổ. Tôi nhớ Trương Tác Lâm không đến lại quay về Phụng Thiên. Hai tháng sau, một Bồi lạc trẻ nhất Thuần Vương Phủ được làm cố vấn của Trương Tác Lâm theo ông ta đến Phụng Thiên. Quân Hoản thất bại, thời kỳ quân Phụng-Trực hợp tác, Hội quán Phụng Thiên ở Bắc Kinh thành nội tụ họp của tướng lĩnh quân Phụng. Ngay Trương Văn Trị, tổng quản Thuần Vương Phủ cũng là khách thường xuyên của nơi này và ở đó đã kết nghĩa anh em với Trương Cảnh Huệ.

Trong hai năm đó, tình hình cũng giống như thời kỳ trước khi Trương Huân phục tích. Lời đồn về phục tích lan truyền khắp nơi. Dưới đây là một tin phát từ Phụng Thiên trên tờ “Đạo báo” tiếng Anh ngày 27 tháng 12 năm thứ tám Dân quốc (cũng tức là sau hai tháng người Thuần Vương Phủ đến Phụng Thiên trao tặng phẩm và cùng Trương Cảnh Huệ về Bắc Kinh):

“Mấy ngày gần đây, trong các giới nhân sĩ ở Thẩm Dương đặc biệt là trong đám tay chân của tướng Trương Tác Lâm, loan truyền một loại tin đồn, nói sẽ khôi phục chế ở Bắc Kinh thay chính phủ Dân quốc. Căn cứ các kiểu dự đoán hiện nay lần đề chế này do Trương tướng quân phát động, có sự hợp tác của hoàng tộc và những người lãnh đạo quân sự của Tây Bắc, tướng Trương Huân trước cũng có tác dụng quan trọng... tức là thậm chí đến tổng thống Từ Thế Xương và nguyên tổng thống Phùng Quốc Chương trước nguy hiểm của tình hình đất nước và từ bên ngoài hiện nay cũng đều

đồng ý khôi phục đề chế. Còn như Tào Côn, Lý Thuần cũng như những quân nhân thứ yếu khác, để họ giữ địa vị hiện có và thêm tước vương công cũng sẽ thỏa mãn...”

Biết tin này Johnston, thời gian hơi muộn. Tôi vẫn còn nhớ ông ta đồng thời còn nói về những truyền thuyết về hoạt động phục tích của Trương Tác Lâm, đại thể những loại tin này được truyền bá đến năm thứ 11 Dân quốc, tức là đến khi Trương Tác Lâm thất bại quay về Đông Bắc mới thôi. Đối với loại tin tức nói trên, ấn tượng của tôi rất sâu sắc khiến tôi từ đáy lòng cảm thấy vui mừng, qua đó tôi cũng hiểu rõ vì sao thủ lĩnh quân Phụng nhiệt thành với Tử Cầm Thành đến thế, vì sao khi Đoan Khang mất, Trương Cảnh Huệ đứng cúi đầu trong hàng ngũ các đại thần, vì sao người ta nói Hội quán Phụng Thiên vô cùng nhộn nhịp, một số vương công háo hức phấn chấn như thế. Tuy nhiên, sự vui mừng của chúng tôi không giữ được lâu. Những việc không vui kéo tới: sự hợp tác của quân Trục - Phụng đột nhiên tuyên cáo tan vỡ, hai bên nổ súng bắn nhau, kết quả quân Phụng thất bại, chạy khỏi Sơn Hải Quan.

Những tin tức khiến người ta lo lắng liên tiếp đến. Từ Thế Xương bỗng nhiên sụp đổ, quân Trục thống trị Bắc Kinh, Lê Nguyên Hồng bị hạ bệ thời kỳ Trương Huân phục tích làm tổng thống lần thứ hai. Trọng Tử Cầm Thành xảy ra những kinh hãi mới. Các vương công đại thần yêu cầu Johnston mang tôi đến tỵ nạn ở sứ quán Anh thu xếp một số phòng ở công sứ quán Anh để khi cần tôi có thể là khách riêng của Johnston đến ở nơi đó. Đồng thời cũng còn thương lượng với Công sứ quán Bồ Đào Nha và Hà Lan có thể dung nạp những người khác trong hoàng thất đến tỵ nạn. Cách suy nghĩ của tôi khác với họ. Tôi cho rằng trốn tránh trong sứ quán nước ngoài chẳng bằng đi ra nước ngoài. Tôi nêu ra với Johnston, yêu cầu ông lập tức mang tôi ra nước ngoài. Vì tôi đột nhiên tìm ông ta đến và nêu ra cho nên ông thấy người Anh này sững người, hầu như không kịp suy nghĩ đã trả lời tôi: “Như vậy không nên, xin bệ hạ hãy bình tĩnh suy xét. Từ Tổng thống vừa chạy khỏi Bắc Kinh, hoàng đế bệ hạ lập tức biến mất khỏi Tử Cầm Thành, điều đó có thể dẫn tới sự liên tưởng nói rằng Từ Thế Xương có âm mưu gì với nhà Thanh. Lại nói, trong tình hình đó nước Anh cũng không thể đón tiếp bệ hạ”.

Khi đó tôi cũng không đủ trình độ liên tưởng như vậy, vì mọi người chưa hề nói với tôi về quan hệ giữa Trương Tác Lâm và Từ Thế Xương cũng như những việc xảy ra trong quan hệ bí mật giữa hai người và triều đình nhỏ, đương nhiên càng không thể nghĩ tới cuộc chiến tranh Trục-Phụng nổ ra và mối quan hệ thắng bại của cuộc chiến tranh này với khu sứ quán nước ngoài. Khi đó, vừa nghe thấy yêu cầu của tôi không thể thực hiện được chỉ còn biết bỏ qua. Sau đó, thời cuộc ổn định lại, không có ai còn nêu ra việc ra nước ngoài, ngay vấn đề tỵ nạn cũng không nêu ra nữa.

Đó là việc giữa mùa xuân và mùa hè năm thứ 11 Dân quốc. Năm sau, thủ lĩnh quân Trục Tào Côn dùng biện pháp chi 5.000 đồng mua một lá phiếu bầu, lôi kéo được các nghị viên bầu ông ta làm tổng thống. Sự khiếp sợ của triều đình nhỏ đến với vị thủ lĩnh phái Trục này vừa tiêu tan lại nảy sinh sự thích thú đối với một vị thủ lĩnh khác danh vọng ngày càng cao của phái Trục là Ngô Bội Phu. Sau đó, Trịnh Hiệu Tế đến cạnh tôi, đã có lúc hiến kế sách cho tôi nói rằng Ngô Bội Phu là quân nhân rất có hy vọng. Ông ta tự cho mình là Quan Vũ (Quan Vân Trường - ND), có lòng với xã tắc đại Thanh, rất có khả năng đi du thuyết. Năm đó, Ngô Bội Phu mừng thọ 50 tuổi ở Lạc Dương. Được sự đồng ý của tôi, Trịnh Hiệu Tế mang một lễ hậu hĩnh đến mừng thọ. Song thái độ của Ngô Bội Phu lập lờ, không biểu thị rõ ràng. Sau đó Khạng Hữu Vi lại đến thuyết phục ông ta cũng không nhận được sự trả lời khẳng định. Sự thật là thời kỳ đặc ý của Ngô Bội Phu cũng quá ngắn ngủi, tức là sau một năm ông ta mừng thọ đã nổ ra chiến tranh giữa hai phái Trục-Phụng, Phùng Ngọc Tường, bộ hạ của Ngô Bội phu đã “quay giáo” tuyên bố hoà bình, kết quả Ngô Bội Phu thất bại đồ sụp; tôi cũng ngồi không vững trong Tử Cầm Thành, bị quân Quốc dân của Phùng Ngọc Tường đuổi đi.

Trong mấy năm đầu biên trước khi tôi kết hôn, sự thay đổi tâm tư của các vương công đại thần trong triều đình nhỏ hoàn toàn không giống nhau. Biểu hiện tiêu cực nhất là Thế Tục, đại thần Phủ nội vụ. Bắt đầu từ phục tích Đình Ty, ông ta ngày càng mất tinh thần, sau đó trở thành người hoàn toàn bị quan chán nản. Thậm chí ông ta đã nói với người khác rằng dù phục tích có thành công, đối với tôi cũng chẳng hay ho gì vì những vương công trẻ tuổi ngu ngốc nhất định lại gây rối loạn còn lớn hơn nam Tân Hợi. Ông ta lại nói: “Dù cho vương công không gây loạn, vị hoàng đế này cũng không tự bảo vệ được mình”. Chủ trương của ông ta là để tôi kết thân với vương công Mông Cổ để khi cần thiết chạy đến sông ở nhà bố vợ. Thế Tục chết khoảng một năm trước khi tôi kết hôn. Một năm trước khi chết, do ốm đau nên không làm việc nữa. Thay ông ta là Thiệu Anh, kiến thức Thiệu Anh không bằng người tiền nhiệm của ông ta. Cẩn thận, nhút nhát sợ việc sẽ có sai lầm. Tư tưởng Thiệu Anh chỉ có lùi để giữ chứ không có mưu toan tiến thủ. Ông ta muốn giữ “điều kiện ưu đãi” vì giữ vững được điều này tức là giữ

vững được mọi thứ của ông ta từ tài sản tính mạng đến quan tước. Ông ta trước hết từ con người Johnston thấy được tác dụng bảo hiểm này, ông ta cho người nước ngoài ở những nhà bỏ không của mình không lấy tiền, chứ không cho người Trung Quốc thuê với giá cao.

Ở giữa các vương công trẻ tuổi và các đại thần già nua của Phủ Nội vụ là thầy Trần Bảo Thám. Ông không bì quan như Thế Tục, cũng không như Thiệu Anh, ngoài giữ vững điều kiện ưu đãi không còn nghĩ đến việc gì khác; cũng không cảm thấy thích thú đám quân nhân như các vương công trẻ. Ông cũng không phản đối việc liên hệ với đám quân nhân, thậm chí tự đến thăm hỏi Phùng Ngọc Tường. Điều mà ông hy vọng là đám quân nhân đánh nhau, cuối cùng Dân quốc sụp đổ, xuất hiện cục diện “Trời và người cùng quay về”.

Vì vậy sau thất bại của Trương Huân, ông luôn luôn giảng cho tôi câu nói của Mạnh tử: “Trời đã trao nhiệm vụ lớn lao cho người thì trước hết phải lao tâm khổ chí, suy vi thân thể, việc làm không rối loạn, sao cho chuyên động tâm tư, nhẫn nại tình tình, tăng cường khả năng thực hiện những điều khó thực hiện.

Trần Bảo Thám vốn là linh hồn duy nhất của tôi, song từ khi Johnston đến, tôi lại thêm một linh hồn nữa.

Johnston

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy người nước ngoài là trong buổi chiều dài các phu nhân công sứ nước ngoài lần cuối cùng của Long Dụ thái hậu. Nhìn thấy trang phục kỳ lạ của phụ nữ nước ngoài đặc biệt là đôi mắt xanh và tóc màu của họ, tôi cảm thấy họ vừa lạnh lẽo vừa đáng sợ. Khi đó tôi vẫn chưa nhìn thấy đàn ông nước ngoài. Đối với đàn ông nước ngoài, tôi có hiểu biết sơ sài qua họa báo: mép họ đều có râu chữ bát, ông quần có một đường thẳng tắp, cầm một chiếc gậy. Theo thái giám nói, râu người nước ngoài rất cứng, chòm râu có thể treo một chiếc đèn lồng. Chân người nước ngoài rất thẳng cho nên năm Mậu Tý, có vị đại thần đã bày mưu cho Tây thái hậu là khi đánh nhau với người nước ngoài, chỉ rậm gậy tre quật ngã họ là họ không bò dậy được. Còn như cây gậy trong tay người nước ngoài, thái giám gọi là “gậy văn minh” dùng để đánh người. Thầy Trần Bảo Thám của tôi đã từng đến Ấn Độ và trông thấy người nước ngoài. Thầy đã nói với tôi những hiểu biết về nước ngoài, dần dần thay đổi ấn tượng thời thơ ấu của tôi và những lời đồn đại của thái giám. Tuy nhiên khi tôi nghe nói có một người nước ngoài đến làm thầy dạy tôi, một thiếu niên mười bốn tuổi như tôi vẫn có cảm giác hiếu kỳ và lo lắng.

Ngày 4/3/1919, cha tôi và các thầy Trung Quốc của tôi “dẫn kiến” Reginald Johnston tiên sinh tại cung Dục Khánh. Trước hết, theo nghi thức tiếp kiến bề tôi nước ngoài, tôi ngồi trên ngai, ông cúi đầu vái tôi. Tôi đứng lên và bắt tay ông. Ông lại vái tôi một vái, lui ra ngoài cửa. Sau đó, ông tiến vào; tôi vái lại ông, đó là lễ bái thầy. Xong mọi nghi thức, có thầy Chu Ích Phan cùng ngồi, ông bắt đầu giảng bài cho tôi.

Tôi thấy thầy Johnston năm đó trạc 40 tuổi, rõ ràng nhiều hơn tuổi cha tôi nhưng cử động rất nhanh nhẹn khéo léo. Lưng ông rất thẳng, thậm chí tôi ngờ rằng trong ấy có khung bằng sắt, tuy nhiên ông không có râu chữ bát và gậy văn minh. Chân ông cũng uốn cong được song vẫn gậy cho tôi một cảm tưởng cứng đờ đờ thể nào ấy. Đặc biệt đôi mắt xanh lam và mái tóc vàng của ông khiến tôi không thoải mái.

Khoảng một tháng sau khi ông tới, một hôm sau khi giảng một hồi sách, bỗng nhiên ông quay đầu lại, hăm hăm nhìn viên thái giám đứng ở góc tường, mặt đỏ bừng, dần giọng nói với tôi:

- Phủ nội vụ đối xử với tôi như thế thật rất không lịch sự. Tại sao các thầy Trung Quốc lên lớp không có thái giám, duy có tôi lên lớp phải có một thái giám đứng ở đó? Tôi không thích như thế... tôi sẽ nói với Từ Tổng thống vì Từ Tổng thống mời tôi tới.

Ông chả cần phải đi tìm Tổng thống. Triều Thanh mời ông làm thầy dạy tôi, ít nhất nửa phần

là vì dựa vào sự “bảo hộ” của ông do đó không dám có lỗi với ông ta... Ông ta vừa đỏ mặt, cha tôi và các vị đại thần lập tức phải nhượng bộ, đuổi thái giám đi.

Tôi cũng thấy người nước ngoài này rất lợi hại, trước hết tôi phải theo ông học tiếng Anh một cách quy củ, không dám như với thầy Trung Quốc.

Chỉ qua vài ba tháng, tôi đã phát hiện điểm giống nhau giữa vị thầy dạy tiếng Anh này và các thầy Trung Quốc ngày càng nhiều. Ông không những như các thầy Trung Quốc cung kính gọi tôi là hoàng thượng mà khi tôi học đã mệt cũng rời cuốn sách cùng tôi đi dạo, kể các câu chuyện xưa nay ở những miền xa lạ trong nước, ngoài nước.

Ông già người Anh này là thạc sĩ văn học của trường đại học Newton nước Anh, ông vào cung dạy học là do sự tiến cử của Lý Kinh Mai (con Lý Hồng Chương). Ông đã từng làm thư ký của Tổng đốc Hưng Cảng. Theo ông nói, ông đến Châu Á đã gần 20 năm, đi khắp các tỉnh ở Trung Quốc. Ông thông hiểu lịch sử Trung Quốc, hiểu biết phong thổ, nhận tính các địa phương, có nghiên cứu về các đạo Nho, Mặc, Dịch, Lão đặc biệt rất tán thưởng thơ cổ Trung Quốc, tôi chỉ thấy ông giống như các thầy Trung Quốc, gập gù rung đùi đọc thơ Đường.

Cũng như các thầy Trung Quốc, ông lấy làm vinh dự khi được tôi ban thưởng. Sau khi ông được ban thưởng đệ nhất phẩm, ông may một bộ triều phục nhà Thanh, mặc triều phục đứng trước biệt thự Anh Đào ở Tây Sơn, đứng dưới bức hoành “Lạc tinh Sơn trai” do tôi viết chữ chụp ảnh gửi tặng bạn bè ở khắp nơi.

Johnston dùng câu chí kè sĩ ở đạo trong “Luận ngữ” đặt biệt hiệu mình là “chí đạo”. Ông rất thích thưởng thức trà Trung Quốc và hoa mẫu đơn, thường cùng các di lão đàm luận cổ kim. Sau khi về nước dưỡng lão, ông dành một căn nhà trưng bày những vật được tôi ban thưởng và bộ triều phục nhà Thanh. Trước ngực mình ông đính một quốc kỳ “Nước Mãn Châu” để bày tỏ sự trung thành đối với hoàng đế. Vì vậy tạo nên mối quan hệ gần bó với thầy trò của chúng tôi trước hết vẫn là sự bần bĩ của ông. Ngày nay nhớ lại, sự đối xử của vị người Anh hay đỏ mặt đối với một người học trò như tôi quả thật là công việc không dễ dàng.

Có lần, ông mang đến cho tôi một số họa báo nước ngoài về cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất với nhiều hình ảnh xe tăng, máy bay và đại bác của quân đội đồng minh, thấy tôi có vẻ thích thú, ông giảng giải cho tôi về tác dụng của xe tăng như thế nào, máy bay loại nào tốt nhất, quân đội đồng minh dũng cảm ra sao... Lại có lần, cũng mang cho tôi một số kẹo nước ngoài.

Tôi rất thích những chiếc hộp thiếc nhẹ, giấy gói màu bạc, và hương vị các loại trái cây của kẹo. Ông nói, mùi kẹo trái cây sản xuất bằng phương pháp hoá học, hình dáng đều đặn là do làm bằng máy. Tôi nghe không hiểu và cũng không muốn hiểu.

Johnston hết lòng dạy dỗ tôi khiến tôi dần dần hiểu và cảm thấy hào hứng, nghe theo. Ông không những dạy tôi tiếng Anh mà càng chú ý dạy tôi phong cách cư xử của người Anh quý tộc. Năm 15 tuổi, quyết tâm bắt chước trang phục của ông, tôi gọi thái giám lên phố mua một bộ quần áo Âu phục. Tôi mặc bộ quần áo quá rộng, thắt lưng ra ngoài vạt áo, khi bước vào cung Dục Khánh gọi ông xem, ông giận run người bảo tôi lập tức về thay ngay. Hôm sau, ông đưa vào cung một người thợ để may cho tôi những quần áo của quý tộc Anh. Sau đó ông nói: “Nếu mặc những bộ âu phục không vừa thì thà là mặc y phục vốn có là hơn. Nếu Hoàng thượng mặc những bộ quần áo tầm tầm thì không còn là quý tộc nữa, sẽ là... ông không nói ra được”.

Ông nói: “Nếu hoàng thượng ở Luân Đôn sẽ thường được mời đi dự tiệc trà. Đây là những cuộc họp mặt tương đối thoải mái mà lại quan trọng. Ở đó, có thể gặp gỡ các nhà quý tộc, học giả, giới trí thức cũng như những người mà Hoàng thượng cần gặp.

Quần áo không cần cầu kỳ nhưng lịch sự là điều hết sức quan trọng. Nếu uống cà phê như nước ngọt, ăn bánh điểm tâm như ăn cơm, hoặc khua đĩa leng keng thì hỏng. Ở nước Anh, điểm tâm, cà phê là Refreshment (khôi phục tinh thần), không phải là ăn cơm.

Văn minh phương Tây, hình ảnh xe tăng, máy bay trong họa báo, kẹo kỹ nghệ hoá học, các buổi tiệc trà ở Luân Đôn đã gây ấn tượng sâu sắc trong tim tôi. Từ khi xem họa báo chiến tranh ở Châu Âu, tôi thích xem họa báo nước ngoài. Trước hết là tôi bị kích thích về những quảng cáo trên báo, lập tức ra lệnh cho Phủ nội vụ đặt mua từ nước ngoài những viên kim cương và chó tây. Theo các kiểu mẫu trên họa báo, tôi bảo Phủ nội vụ mua các đồ dùng trong nhà kiểu Tây. Bắt chước Johnston, tôi mua rất nhiều vật trang sức trên người, đồng hồ, nhẫn, kim cài, mang sét, cà vạt... Tôi yêu cầu ông đặt tên nước ngoài cho tôi. Tôi cũng đặt tên nước ngoài cho các em trai, em gái, hoàng hậu, quý phi của tôi. Tôi tên là Hăng ri, Uyên Dung là Êlidadét... tôi bắt chước cách nói Trung Anh lẫn lộn, suốt ngày

nói với các bạn học của tôi.

-Ajin (tên Phở Kiệt) today gọi Lili (em gái thứ ba của tôi) đến hear (nghe) quân nhạc nước ngoài!

Khi nói dương dương đắc ý khiến thầy Trần Bảo Thám chau mày nhắm mắt, nghiêng răng nghiêng lợi.

Tóm lại, sau này trong mắt tôi, mọi thứ của Johnston là tốt nhất. Thậm chí ngay mùi long nảo sức áo quần ông ta cũng thơm tho. Johnston khiến tôi tin rằng người Châu Âu là người văn minh nhất mà ông là người rất có học vấn trong những người Châu Âu. E rằng, ngay bản thân ông ta cũng không ngờ rằng ông có thể phát huy ảnh hưởng như thế đối với tôi. Len dạ ông đang mặc khiến tôi hoài nghi giá trị găm đoạn dệt bằng tơ của Trung Quốc, chiếc bút máy cài trên túi ông khiến tôi cảm thấy xấu hổ về người Trung Quốc dùng bút lông, giấy bản. Từ lúc ông đưa đoàn quân nhạc của quân đội Anh vào cung diễn tấu khiến tôi cảm thấy không thích nghe nhạc dây Trung quốc, thậm chí ngay sự uy nghiêm của dàn nhạc cung đình cũng giảm đi. Chỉ vì Johnston chê cười cái đuôi sam của người Trung Quốc như cái đuôi lợn tôi mới cắt phăng nó đi.

Bắt đầu từ năm thứ hai Dân quốc, Bộ Nội vụ Dân quốc đã mấy lần gửi công hàm cho Phủ Nội vụ yêu cầu Tử Cấm Thành khuyến người cùng cắt đuôi sam và mong Tử Cấm Thành cũng cắt đi, lợi lẽ rất hoà nhã, căn bản không nhắc đuôi sam của tôi và các đại thần, Phủ nội vụ dùng nhiều lý do để biện bạch với Bộ Nội vụ, thậm chí đuôi sam có thể là vật để phân rõ người ra vào cung môn cũng thành một lý do. Việc này kéo dài mấy năm, trong Tử Cấm Thành vẫn là thế giới đuôi sam như cũ. Qua tuyên truyền của Johnston, tôi cắt đuôi sam trước. Tôi vừa cắt chỉ trong mấy ngày hàng nghìn đuôi sam biến mất, chỉ có ba thầy dạy Trung Quốc và mấy đại thần Phủ Nội vụ là giữ lại.

Do tôi cắt đuôi sam, các thái phi mấy lần khóc lóc nét mặt các thầy cũng buồn bã nhiều ngày. Sau đó Phở Kiệt và Dục Sùng cũng vin có “phụng chỉ” ở nhà cắt đuôi sam. Ngay hôm đó trước mấy cậu học trò đầu tóc, thầy Trần chỉnh cho một trận, cuối cùng cười nhạt nói với Dục Sùng: “Hãy mang đuôi sam của người bán cho phụ nữ nước ngoài, người cũng có thể được nhiều tiền đấy!”

Không thích Johnston là những người ở Phủ nội vụ. Khi đó, chi tiêu của Phủ nội vụ vẫn hết sức lớn, mà kinh phí của điều kiện ưu đãi quy định năm nào cũng thiếu. Để trừ liệu kinh phí, mỗi năm Phủ nội vụ đều mang cầm hoặc bán các loại đồ cổ, tranh vẽ, vàng bạc, đồ sứ... Qua miệng Johnston, tôi dần dần biết trong việc đó có sự mờ ám. Một lần, Phủ nội vụ muốn bán đi một cái tháp vàng cao bằng người, tôi nhớ lại lời Johnston: Phủ nội vụ đem bán những chế phẩm bằng vàng bạc, nếu bán theo sản phẩm nghệ thuật giá trị rất cao, song mỗi lần đều bán theo trọng lượng, thiệt rất lớn. Theo Johnston nói thì có kẻ ngu ngốc mới làm như vậy. Tôi gọi người của Phủ nội vụ tới, hỏi cách bán chiếc tháp vàng đó như thế nào, quả nhiên họ nói là bán theo trọng lượng. Tôi lập tức nổi giận lôi đình.

- Đó chỉ có kẻ ngu ngốc mới làm như vậy! Các người không có người nào thông minh ư?

Người của Phủ nội vụ cho rằng đó là Johnston tố cáo họ. Họ nghĩ ra một cách: đưa tháp vàng đến nhà Johnston nói rằng hoàng thượng nhờ bán giúp. Johnston lập tức thấy rõ trò này, cả giận nói: “Nếu như các người không mang đi, ta lập tức tâu Hoàng thượng!”. Kết quả, người Phủ nội vụ lặng lẽ mang chiếc tháp vàng đi. Họ không có cách nào với Johnston vì ông vừa là người bảo hộ của nhà Thanh, lại được tôi hết sức tin cậy.

Năm cuối cùng ở cung Dục Khánh, Johnston đã trở thành một bộ phận quan trọng của linh hồn tôi. Những vấn đề ngoại khoá mà chúng tôi bàn luận ngày càng chiếm nhiều thời gian lên lớp, phạm vi bàn luận càng ngày càng rộng. Ông đã nói với tôi về đời sống của vương thất nước Anh, tình hình chính thể các nước, thực lực của các cường quốc sau đại chiến, phong cảnh các nơi trên thế giới, sản vật của đất nước “đại đế quốc mặt trời không bao giờ lặn”, tình hình cuộc nội chiến ở Trung Quốc, “Cuộc vận động bạch thoại” của Trung Quốc (ông gọi cuộc vận động văn hoá mới Ngũ Tứ như thế) và quan hệ với văn minh phương Tây. Ông còn nói đến khả năng của phục tích và thái độ không đáng tin cậy của bọn quân phiệt...

Một lần ông nói: “Từ mỗi tờ báo đã có thể thấy rõ nhân dân Trung Quốc tưởng nhớ đại Thanh, mỗi người đều oán ghét cộng hoà. Tôi nghĩ, tạm thời không nên quan tâm đến thái độ của đám quân nhân, cũng tạm thời không cần nói mục đích cuối cùng của việc họ ủng hộ phục tích và cứu vãn cộng hoà có gì khác nhau. Nói tóm lại, lời thầy Trần là đúng. Hoàng đế bệ hạ hoàn thiện thánh đức là điều quan trọng và cấp thiết nhất. Song, hoàn thiện thánh đức không thể cứ ở trong Tử Cấm Thành. Tại Châu Âu đặc biệt là trên đất đai của Anh vương bệ hạ, tại trường đại học Niuton nơi thái tử Anh học tập, hoàng đế bệ hạ có thể đạt được những tri thức cần thiết, mở rộng tầm con mắt...”

Trước khi tôi nghĩ đến việc lưu học ở nước Anh, ông đã mở ít nhiều “tâm con mắt” cho tôi. Qua sự giới thiệu của ông, Tư lệnh hải quân nước Anh, Tổng đốc Hương Cảng đã từng xuất hiện ở Tử Cấm Thành. Mỗi người đều lễ phép bày tỏ sự tôn kính đối với tôi, gọi tôi là Hoàng đế. Lòng say mê cuộc sống Châu Âu, sự bất chước y hệt của tôi đối với Johnston cũng chưa khiến cho ông thấy nước ngoài này hài lòng. Ví dụ như mặc quần áo, ông có sự kiến giải khác; hoặc là nói ông ta có hứng thú đặc biệt đối với tôi. Ngày tôi kết hôn, tôi có lộ mặt trong tiệc chiêu đãi khách nước ngoài chúc rượu. Sau khi về tới điện Dưỡng Tâm, cởi bộ long bào thay chiếc áo thụng bình thường bên trong mặc đồ lót Châu Âu, đầu đội mũ lưỡi trai, lúc đó Johnston đưa bạn bè của ông tới. Một bà phu nhân nước ngoài thấy chướng mắt, trước hết bà ta nhìn tôi từ đầu tới chân, hỏi Johnston:

- Vị thiếu niên này là ai?

Johnston nhìn tôi, cân nhắc một chút về trang phục trên người tôi lập tức đỏ mặt. Bộ dạng đó khiến tôi giật thót người, còn nét mặt người nước ngoài lộ rõ sự thất vọng lại khiến tôi chẳng hiểu ra sao. Sau khi những người nước ngoài ra về, Johnston vẫn chưa hết giận nói với tôi:

- Thế này gọi là kiểu gì? Hoàng đế bệ hạ! Hoàng đế Trung Quốc đội mũ đi săn, trời ơi!

Xung đột nội bộ

Từ sau khi Johnston vào cung, đối với các vương công, đại thần, tôi trở thành vị hoàng đế rất khó ứng phó. Cho tới trước khi tôi cưới vợ, những ước mơ và hành động của tôi càng khiến họ cảm thấy kỳ lạ và lo lắng kinh hãi.

Hôm nay tôi gọi phủ Nội vụ mua một viên kim cương 3 vạn đồng, ngày mai lại mắng phủ Nội vụ chẳng biết làm việc gì, chỉ biết tham ô lãng phí. Buổi sáng tôi triệu tập đại thần, ra lệnh cho họ thanh tra tranh cổ, đồ cổ và tàu lên trong ngày, buổi chiều lại gọi chuẩn bị xe đi chơi Hương Sơn. Tôi tỏ ý chán ghét cảnh xếp hàng nghi trượng thậm chí không muốn ngồi kiệu vàng. Để dễ dàng phóng xe đạp tôi gọi người dỡ bỏ bậu cửa, khung cửa mà từ mấy trăm năm qua tổ tiên tôi không cảm thấy bất tiện. Chỉ vì một việc nhỏ, tôi có thể kết tội thái giám bất trung, tùy tiện gọi Phòng tàu việc đánh đập, thay đuôi họ. Thần kinh của các vương công, đại thần căng thẳng nhất là tôi lúc thì đòi chinh đồn nội bộ cung đình, lúc thì tuyên bố sẽ rời Tử Cấm Thành ra nước ngoài du học.

Về vấn đề ra nước ngoài du học, có một số vương công đại thần còn nghĩ sớm hơn tôi, đó vốn là một trong những động cơ mời thầy nước ngoài dạy tôi. Sau khi tôi tự đưa ra chủ trương này thì hầu như mọi người đều phản đối. Trong các lý do của những người phản đối, tôi thường nghe nhất là câu này: “Chỉ cần Hoàng thượng rời Tử Cấm Thành, coi như từ bỏ sự ưu đãi của Dân quốc. Dân quốc đã không thủ tiêu quyền ưu đãi tại sao mình lại tự bỏ trước”.

Dù là đồng tình hay phản đối việc tôi ra nước ngoài dù là đã tuyệt vọng trong việc “khôi phục sự nghiệp tổ tiên” hay vẫn còn hy vọng, đều không thể tách rời điều kiện ưu đãi đó. Mặc dù “4 triệu lạng bạc chi tiêu” quy định trong điều khoản ưu đãi biến thành lời hứa suông nhưng vẫn có điều “tôn hiệu đế vương vẫn giữ mà không phải hủy bỏ” chỉ cần tôi ở lại Tử Cấm Thành, giữ được triều đình nhỏ này là rất quan trọng đối với những người chưa hết niềm tin khôi phục sự nghiệp của tổ tiên; đối với những người đã tuyệt vọng vẫn có thể giữ được bát cơm và địa vị đã có.

Cách nghĩ của tôi khác họ. Trước hết tôi không tin rằng điều kiện ưu đãi có thể giữ được mãi mãi. Không những thế, so với bất cứ ai khác, tôi càng cảm thấy rõ mối nguy hiểm đối với mình, từ sau khi nội chiến mới lại nổ ra, Trương Tác Lâm thất bại rút ra ngoài, Từ Thê Xương sụp đổ, Lê Nguyên Hồng lại nắm quyền tôi cảm thấy mối nguy hiểm bỗng nhiên tới gần. Tôi chỉ nghĩ đến nhà cầm quyền mới có thể hại tôi hay không chứ không phải nghĩ vấn đề ưu đãi hay không ưu đãi. Huống chi, khi đó lại lan truyền tin một số nghị sĩ quốc hội chủ trương thủ tiêu quyền ưu đãi. Trong chính cuộc hỗn loạn, ai biết rằng ngày mai quân nhân nào nắm quyền, ngày kia chính khách nào lập nội các. Từ nhiều mặt, đặc biệt là từ miệng thầy Johnston tôi đã hiểu rõ mọi sự thay đổi chính cuộc đó không lần

nào không có tác động trực tiếp của các cường quốc ở phía sau. Vậy tại sao không trực tiếp đi tìm người nước ngoài mà cứ ngồi đợi ưu đãi của nhà cầm quyền mới? Nếu như nhân vật thù địch tôi lên cầm quyền mới tìm cách đối phó thì có kịp không?

Tôi tranh luận với các vương công, đại thần:

“Tôi không cần ưu đãi, tôi muốn để dân trăm họ và các nước trên thế giới đều biết, tôi không muốn dân quốc ưu đãi tôi, tốt hơn là để họ thủ tiêu trước quyền ưu đãi”.

“Điều kiện ưu đãi treo ở phủ, các nước công nhận Dân quốc chưa thủ tiêu, nước ngoài nhất định giúp chúng ta nói chuyện”.

“Người nước ngoài giúp chúng ta, tại sao các người không để tôi ra nước ngoài?”.

Mặc dù tôi nói rất có lý, họ vẫn không đồng ý. Đã mấy lần tôi tranh luận với cha tôi, thầy dạy tôi và các vương công, chỉ đạt hiệu quả là: họ gấp rút tổ chức “đám cưới lớn”.

Sở dĩ tôi gấp rút muốn ra nước ngoài, ngoài những lý do đã nói với các vương công, đại thần, còn có một điều tôi không hề nói với họ, đặc biệt là không dám nói với cha tôi, đó là tôi càng ngày càng chán ghét mọi thứ xung quanh tôi kể cả bản thân ông.

Điều này nảy sinh từ trước khi tôi có ý định ra nước ngoài. Từ khi Johnston vào cung, do ông ta truyền bá trí thức và văn minh phương Tây cho tôi, do tâm lý hiếu kỳ của tuổi trẻ phát triển, tôi ngày càng không hài lòng với hoàn cảnh của tôi, cảm thấy mình bị trói buộc. Tôi rất đồng ý với phân tích của Johnston: đó là do các vương công, đại thần lạc hậu thủ cựu.

Dưới con mắt của các vương công, đại thần, mọi thứ mới mẻ đều đáng sợ. Năm tôi 15 tuổi, Johnston phát hiện mắt tôi có khả năng cận thị, đề nghị mời bác sĩ mắt nước ngoài tới khám mắt cho tôi, nếu đúng như thế sẽ mua kính cận. Không ngờ đề nghị đó như đổ nước vào thùng dầu sôi, Từ Cẩm Thành như muốn nổ tung ra. Không thể được! Tại sao có thể gọi người nước ngoài khám mắt của hoàng đế? Hoàng thượng đang tuổi thanh xuân, tại sao có thể đeo kính như ông già? Từ thái phi đến mọi người đều không đồng ý. Sau đó, Johnston phải tốn công giải thích, thêm vào đó là tôi kiên trì đòi thực hiện mới được giải quyết.

Mọi thứ tôi muốn, dù là thứ mà các vương công đại thần đã có từ lâu, họ vẫn cứ phản đối, điều đó càng khiến tôi tức giận; ví dụ như đặt máy điện thoại.

Năm tôi mười lăm tuổi, có lần nghe Johnston nói về tác dụng của điện thoại, đã kích động tính hiếu kỳ của tôi. Sau đó, nghe Phủ Nội vụ đặt cho tôi một máy ở điện Dưỡng Tâm. Nghe tôi giao nhiệm vụ, Thiệu Anh, đại thần Phủ Nội vụ mặt biến sắc. Tuy nhiên trước mặt tôi, ông ta không dám từ chối, chỉ “vâng” một tiếng rồi đi. Ngày hôm sau, các thầy dạy đều kéo đến can:

- Đặt máy điện thoại, ai cũng có thể nói chuyện với Hoàng thượng, tổ tiên chưa làm thế bao giờ ... tổ tiên không dùng những thứ kỳ quái phóng đảng ây của phương Tây.

Tôi cũng có lý lẽ của tôi: “Đồng hồ chuông, dương cầm, đèn điện trong cung đều của phương Tây, tổ tiên chưa hề có, chẳng phải là tổ tiên cũng dùng đó sao?”

“Bên ngoài tuy tiện gọi điện thoại, mạo phạm thiên nhan, há chẳng làm mất sự tôn nghiêm sao?”

“Mạo phạm cửa bên ngoài, tôi đã đọc nhiều báo, mắt thấy và tai nghe chẳng phải như nhau sao?”

Khi đó, ngay các thầy dạy cũng không hiểu rõ Phủ nội vụ mời họ đến can vua là có ý gì. Phủ nội vụ sợ nhất không phải là “mạo phạm thiên nhan” mà sợ qua điện thoại, tôi sẽ càng tiếp xúc nhiều hơn với bên ngoài. Bên cạnh tôi là một Johnston hay nói đặc biệt là 12 loại báo chí đã quá sức chịu đựng của họ rồi. Đọc báo chí Bắc Kinh khi đó, hầu như mỗi tháng ít nhất có một lần tuyên bố của Phủ nội vụ bác bỏ tin bịa đặt, không phải là phủ nhận nhà Thanh giao thiệp với một nhà đương cục tỉnh nào đó cũng là phủ nhận nhà Thanh gần đây gán nợ hoặc bán vùng cô vật nào đó. Trong 10 điều đồn đại bị phủ nhận đó có 9 điều là sự thật, ít nhất có một nửa họ không muốn để tôi biết. Có những báo chí ấy, lại thêm một Johnston từ lâu đã khiến họ bối rối nay lại thêm một máy điện thoại làm nhíp cầu thứ ba giữa tôi và bên ngoài há chẳng khiến họ lúng túng hơn sao? Vì vậy họ kịch liệt phản đối thấy các thầy không thuyết phục được tôi, họ mời cha tôi tới.

Khi đó cha tôi đã trở thành phái triệt để duy trì hiện trạng, chỉ cần tôi cứ ở yên trong Từ Cẩm Thành, mỗi năm ông được lĩnh 42.480 lạng bạc, mọi thứ đều đầy đủ. Vì vậy ông là người dễ bị Phủ nội vụ lôi kéo nhất. Song người ủng hộ Phủ nội vụ lại không có tài nói mà họ mong đợi. Ngoài việc nhắc lại những lời các thầy dạy, ông không có lý lẽ nào mới để thuyết phục tôi và khi tôi hỏi lại

một câu thì ông không trả lời được,

- Vương phủ của cha chẳng dùng một máy điện thoại đó sao?

- Là, là, nhưng mà, nhưng mà hoàng đế khác, việc này hai ngày nữa lại nói....

Nghĩ đến việc ông cắt bím tóc sớm hơn tôi, đặt máy điện thoại trước tôi, không cho tôi mua xe ô tô nhưng ông lại mua, tôi rất bức bối trong lòng.

- Tại sao hoàng đế lại khác? Ngay điều tự do ấy tôi cũng không có. Không được, tôi cần có máy điện thoại. Tôi quay gọi thái giám; “truyền Phủ nội vụ hôm nay đặt máy điện thoại cho ta”.

- Vâng, vâng, - cha tôi gật đầu lia lịa; - vâng vâng sẽ đặt.

Điện thoại được đặt lại xảy ra rắc rối mới.

Cùng với máy điện thoại, cục điện thoại gửi đến một danh bạ điện thoại. Tôi cứ theo danh bạ, gọi đến khắp nơi để đùa chơi; có lần bịa địa chỉ gọi một khách sạn đặt tiệc... cũng quá vui đùa trên điện thoại, tôi đã nói chuyện với Hồ Thích⁽⁴¹⁾ và sau đó đã mời Hồ Thích vào cung, tiếp chuyện 20 phút. Buổi tiếp “nhân vật mới” này gây náo động, tranh cãi trong cung đình. Tuy nhiên đỉnh cao của cuộc xung đột giữa tôi với vương công đại thần là khi chính thức đòi đi học ở nước Anh.

Việc này khác với đặt máy điện thoại. Vương công đại thần quyết không nhượng bộ. Cuối cùng, những người rất đồng tình với tôi là chú bảy Tải Đào cũng chỉ đồng ý chuẩn bị một nơi ở cho tôi trong tô giới Anh ở Thiên Tân làm nơi vạn nhất khi cần có thể đến lánh mình. Do không có khả năng công khai rời khỏi Tử Cấm Thành, tôi bèn tìm sự giúp đỡ của Johnston. Ông cho rằng thời cơ chưa thích hợp, không đồng ý tôi hành động lúc đó.

Do đó tôi đành nén lòng chờ đợi thời cơ đồng thời bí mật tiến hành chuẩn bị cho việc trốn đi. Khi đó, tôi có một người hết lòng sẵn sàng giúp đỡ, đó là Phổ Kiệt, em trai tôi.

Tôi và Phổ Kiệt khi đó là một đôi anh em tâm đắc, tính tình và ước vọng của chúng tôi còn giống hơn diện mạo của chúng tôi. Em tôi cũng một lòng một dạ sẵn sàng rời bỏ gia đình của mình, cao chạy xa bay tìm lối thoát cho mình, cho rằng mọi mong muốn của mình, đến nước ngoài đều có thể thỏa mãn. Dưới đây là một đoạn em tôi ghi chép về bản thân:

“Năm tôi mười hai tuổi, gia đình tôi là Vương Phủ có mấy trăm gian nhà, một vườn hoa lớn từ 70 đến 80 người hầu hạ. Trong nhà luôn luôn sử dụng niên hiệu Tuyên Thống, vào ngày lễ tết vẫn công nhiên mặc triều phục nhà Thanh... Nước Anh diệt Ấn Độ, vương hầu Ấn Độ đến nay vẫn đòi đòi thế tập. Nhật Bản thôn tính Triều Tiên, một nhà Lý Vương hiện vẫn là điện hạ...” cha tôi thường nói với tôi như thế. Trước khi chết mẹ tôi thường bảo tôi: “sau khi lớn lên, con hãy hết sức giúp đỡ anh con, dù thế nào cũng đừng quên mình là con cháu Ai Tân Giác La, như thế mới là phải đạo với mẹ”.

Phổ Kiệt kém tôi một tuổi, hiểu biết xã hội bên ngoài phong phú hơn tôi, quan trọng nhất là hăng hoạt động bên ngoài, chỉ cần vin cơ vào cung là có thể che dấu người nhà. Bước hành động đầu tiên là chúng tôi chuẩn bị kinh phí. Phương pháp là lấy danh nghĩa thưởng cho Phổ Kiệt, mang những tranh cổ, đồ cổ, sách cổ đáng giá nhất trong cung chuyển ra ngoài, cất tại nơi ở trong tô giới Anh ở Thiên Tân. Mỗi ngày đi học về Phổ Kiệt mang đi một bao lớn. Liên tục trong nửa năm, Phổ Kiệt đã chuyển ra ngoài 1000 tranh cổ, hơn 200 loại đồ cổ, trên dưới 200 quyển sách đời Tống trong đó có những thứ cực kỳ quý giá như bức tranh “Bia Tào Nga” của hai cha con Vương Nghị Chi và Vương Hiến Chi; tranh “Trường Giang vạn lý đồ” của Tống Mã Viễn, Hạ Khuê và Mã Lân. Sách có các tác phẩm của Diêm Lập Bản, Tống Huy Tôn và toàn bộ sách đời Tống ở Cung Cấm Thành.

Năm 13 Dân quốc, tôi ra khỏi cung “ủy ban xử lý công việc nhà Thanh”, khi kiểm tra cung Dục Khánh phát hiện việc “Thưởng Phổ Kiệt” in ra và công bố, trong đó nói khá đầy đủ những thứ đã được đưa ra ngoài cung. Những thứ này chuyển đến Thiên Tân, sau đó bán đi mấy chục cái. Sau khi thành lập Ngụy-Mãn, Yoshioka, tham mưu quân Quan Đông lại chuyển toàn bộ những thứ quý giá đó đến Đông Bắc. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, không rõ những thứ đó ở đâu nữa.

Kế hoạch bước hai của chúng tôi là bí mật chuồn ra khỏi Tử Cấm Thành. Chỉ cần bản thân tôi ra khỏi thành, vào công sứ quán nước ngoài thì coi như ván đã đóng thuyền, dù vương công đại thần hay nhà đương cục Dân quốc đều sẽ không có cách gì nữa. Đây là sự hiểu biết cần thiết mà lịch sử Dân quốc mấy năm qua đã cho tôi; càng quan trọng hơn là thầy Johnston đã bày cách cho tôi một cách cụ thể. Ông bảo tôi trước hết hãy liên hệ tốt với công sứ Hà Lan Odencor, trưởng đoàn công sứ để họ có sự chuẩn bị trước. Thầy Johnston gợi cho tôi ý này đã là tháng ba năm thứ 12 Dân quốc. Chính tháng trước đó ông ta từng phản đối tôi ra nước ngoài, cho rằng chưa đúng thời cơ. Nay vì sao ông ta cho rằng thời cơ đã đến cũng như ông đã thương lượng với các công sứ quán ở Đông Giao Dân cảng như thế nào, tôi hoàn toàn không biết. Từ sự chỉ dẫn của ông, tôi rất tin tưởng. Trước hết tôi đề nghị

ông thay tôi đến thông tin với chỗ công sứ. Sau đó tôi sẽ trực tiếp gọi điện thoại cho công sứ Ôđencơ. Đề công việc được sắp xếp thoả đáng, tôi lại cử Phô Kiệt đích thân đến công sứ quán Hà Lan một chuyến. Kết quả mọi việc đều hài lòng. Ôđencơ qua điện thoại nhận lời tôi và đích thân sắp đặt cùng Phô Kiệt. Tuy ông không thể lái xe ô tô tiến vào cung nhưng sẽ đợi ở cửa ngoài Thần Vũ. Chỉ cần tôi có thể lọt qua cửa lớn này thì mọi việc tôi sẽ xong, từ việc ẵm ở ngày đầu tiên đến việc tôi đặt chân lên đất Anh, vào cửa lớn trường học nước Anh ông cũng có thể hoàn toàn phụ trách. Khi đó, chúng tôi đã quy định ngày giờ cụ thể tôi ra khỏi cung.

Cho đến ngày 25 tháng hai năm thứ 12 Dân quốc (1923) chỉ còn một vấn đề là làm thế nào ra khỏi cửa Thần Vũ. Tình hình Tử Cấm Thành là như sau: bên cạnh tôi luôn có một đám thái giám; các cửa cung cũng có thái giám, bên ngoài cung đình có các vọng gác của quân bảo vệ, ngoài cửa Thần Vũ còn có “Đội bảo vệ nội thành” do bộ binh Dân quốc chỉ huy. Tôi cho rằng: quan trọng nhất là đám thái giám chúng luôn bên cạnh tôi, chỉ cần cho ít tiền là xong. Nào ngờ, trước thời gian dự định một giờ đồng hồ, một thái giám nhận tiền đã bí mật báo Phủ nội vụ. Tôi chưa ra khỏi điện Dưỡng Tâm đã nghe cha tôi ra lệnh: cấm không cho một ai ra, vào các cửa cung, toàn bộ Tử Cấm Thành ở trong tình trạng giới nghiêm. Nghe tin này, tôi và Phô Kiệt ngồi thừ ra trong điện Dưỡng Tâm.

Một lát sau, cha tôi bức bối bước vào nói:

- Nghe, nghe, nghe nói hoàng thượng muốn, muốn, muốn đi?
- Làm gì có chuyện đó!
- Như vậy không được, không được!

Từ đó về sau, tôi sợ nhất là nhìn thấy những bức tường cao.

Ngày hôm sau gặp Johnston, tôi mắng ông ta một trận. Ông an ủi tôi mấy câu, nói tạm thời hãy gác chuyện đó, trước hết hãy chinh đồn lại Tử Cấm Thành, ông nói:

- Trịnh Hiếu Tế mới tới là người rất có tài có chí lớn, hãy nghe cách chinh đồn của ông ta.

Trong lòng tôi bỗng loé sáng một hy vọng mới- chưa khôi phục được sự nghiệp của tổ tiên ở trong và ngoài Tử Cấm Thành, hãy chinh đồn trước tài sản trọng thành. Tôi rất hài lòng về đề nghị của Johnston.. Khi đó tôi không hề nghĩ rằng, sau này khi viết về cuộc chạy trốn không thành đó trong cuốn sách, ông ngang nhiên nói mình không hề can dự mà là người phản đối.

Di tán thái giám.

Bề ngoài, Tử Cấm Thành là một nơi yên tĩnh, trái lại trật tự bên trong rất hỗn loạn. Từ khi tôi hiểu biết, thường nghe nói trong cung đã xảy ra trộm cắp, hoả hoạn cho đến các vụ hành hung, còn như cờ bạc, hút sách thì khỏi phải nói. Cho đến khi tôi kết hôn, trộm cắp đã phát triển đến mức: vừa cử hành hôn lễ xong toàn bộ trân châu bảo ngọc trang sức trên mũ phượng quan của hoàng hậu đã bị đánh tráo bằng đồ giả.

Qua các thầy học tôi biết, từ lâu các loại tài sản quý báu trong cung nhà Thanh đã nổi tiếng thế giới, chỉ nói về tranh cổ, đồ cổ thì về số lượng và giá trị cũng đã cực kỳ đáng giá. Những vật báu mà hai triều Minh-Thanh thu về từ hai lần bị quân đội nước ngoài lấy đi, phần lớn vẫn để trong cung. Những đồ vật này, phần lớn không có số mục, dù có số mục cũng không có ai kiểm tra cho nên mất, còn, mất bao nhiêu đều không có ai biết, điều đó tạo thuận lợi lớn cho bọn trộm cắp.

Ngày nay nhớ lại, thật đáng sợ. Tham gia trộm cắp, có thể nói từ trên xuống dưới, gồm mọi loại người. Nói cách khác, phạm những người có cơ hội lấy cắp thì không từ một thứ gì. Cách lấy cắp cũng đủ kiểu. Có người nạy cửa mở khoá bí mật lấy cắp, có người bằng các thủ tục hợp pháp ngang nhiên lấy cắp. Phần lớn thái giám dùng cách thứ nhất. Các đại thần và quan chức thì dùng biện pháp cầm cô, rao bán hoặc mượn cơ ban thưởng cũng như cầu xin ban thưởng v.v... Còn như tôi và Phô Kiệt áp dụng cách người thưởng, người nhận là phương thức cao nhất. Đương nhiên khi đó tôi không thể có

cách suy nghĩ như vậy; tôi chỉ nghĩ là người khác đang đánh cắp tài vật của mình.

Năm mươi sáu tuổi, một. hôm do tính hiếu kỳ thôi thúc, tôi gọi thái giám mở gian phòng cạnh cung Kiên Phúc, cửa kho niêm phong rất dày, ít nhất cũng đã mấy chục năm không mở ra. Tôi thấy đầy phòng là những hòm lớn nhất cao đến trần nhà. Tôi bảo thái giám mở một hòm. Hoá ra đều là tranh vẽ và các đồ cổ, ngọc khí rất tinh xảo. Sau đó mới biết đó là những của báu mà lúc đương thời Càn Long rất thích. Sau khi Càn Long chết, Gia Khánh hạ lệnh niêm phong toàn bộ những báu vật đó, chất đầy nhiều kho suốt cạnh cung Kiên Phúc, nơi tôi phát hiện chỉ là một kho. Có kho hoàn toàn là đồ tế lễ, có kho hoàn toàn là đồ sứ, có kho hoàn toàn là danh hoạ. Nhiều bức tranh do hoạ sĩ Italia Langsurmin vẽ cho Càn Long cũng ở trong đó. Tại kho sau điện Dưỡng Tâm, tôi phát hiện rất nhiều “Hòm bách bảo” rất thú vị, nghe nói cũng là những đồ chơi của Càn Long. Những hòm gỗ này làm bằng gỗ tử đàn, nhìn hình dáng bên ngoài như những hòm sách, mở ra giống như những bậc thang gác, mỗi bậc chia thành những ô nhỏ, mỗi ô là một thứ đồ chơi, ví dụ: lọ sứ nhỏ đời Tống, một bộ tứ thư bề rộng nửa thốn (khoảng 15 cm) do một danh nhân chép tay, một quả cầu bằng ngà điêu khắc tinh xảo, một hạt đào khắc truyện cô đại, quả bầu có khắc tranh đề thơ, cho đến một đồng tiền cô Ai-cập.. Trong một hòm bách bảo có đủ: tranh vẽ, vàng bạc, ngọc khí, đồ đồng, đồ sứ... thứ gì cũng có nên gọi bách bảo (trăm thứ quý). Một hòm loại nhỏ cũng có mấy trăm thứ, hòm lớn hàng mấy nghìn.

Tôi cho chuyển 40, 50 hòm do tôi phát hiện đến điện Dưỡng Tâm. Khi đó tôi nghĩ: rốt cục tôi có bao nhiêu tài sản quý báu, những thứ tôi đã nhìn thấy, lấy được, còn bao nhiêu thứ chưa thấy. Làm gì đối với những của báu cả kho, cả viện này? Bị người ta lấy cắp đi bao nhiêu? Làm thế nào để ngăn chặn trộm cắp?

Thầy Johnstnn đã từng nói với tôi: đường Địa An môn mà ông đang ở mới mở nhiều quán bán đồ cổ, nghe nói có quán do thái giám mở, có quán do quan chức Phủ nội vụ hoặc gia đình quan chức mở. Sau đó, một thầy khác cũng cảm thấy phải quét sạch trộm cắp. Cuối cùng tôi tiếp thu kiến nghị của các thầy học quyết định kiểm tra. Từ đó phiền toái lại càng lớn.

Trước hết là các vụ trộm cắp ngày càng nhiều. Cửa khoá phòng kho Diên Khánh bị phá tung. Cửa sổ sau cung Càn Thanh bị người ta mở ra. Tình hình ngày càng lộn xộn. Viên kim cương lớn tội vừa mua đã không thấy nữa. Để truy tìm các vụ mất trộm, thái phi đã gọi Phòng bâm việc cùng 9 tông quản xét hỏi các thái giám, thậm chí dùng cả tra tấn nhưng dù là tra hỏi hay hứa khen thưởng đều không đạt chút kết quả nào. Không những thế, vừa bắt đầu kiểm tra cung Kiên Phúc, đêm 17 tháng sáu liền xảy ra nạn cháy, nơi kiểm tra và nơi chưa kiểm tra đều cháy sạch.

Nghe nói, vụ cháy do đội bảo vệ sứ quán Italia ở Đông Giao Dân cảng phát hiện trước, khi xe cứu hoả đến gọi cửa Tử Cấm Thành, người coi cửa vẫn chưa biết có việc gì. Vụ cháy lớn này được các đội cứu hoả các nơi tới cứu trong một đêm kết quả vẫn làm biến cả một vùng rộng lớn gần cung Kiên Phúc bao gồm: Tĩnh Di Hiên, Tuệ Dục Lâu, Cát Vân Lâu, Tích Lâm Quán, Diệu Liên hoa thất, Đình Xuân Các, Tích Thuý đình, Quảng Sinh Lâu, Ngưng Huy Lâu, Hương Vân đình cháy thành tro bụi. Đây là khu vực cất giữ nhiều báu vật nhất của cung nhà Thanh. Rút cục vụ cháy này đã đốt đi bao nhiêu đến nay vẫn chưa thể biết được. Sau đó Phủ nội vụ cộng bó một bản thống kê nói: số đồ vật bị cháy gồm 2.665 tượng phật vàng, 1.157 bức tranh, 435 đồ cổ, mấy vạn bộ sách cổ. Căn cứ vào đâu để ghi những thông kê này, chỉ có trời mới biết. Sau khi dập tắt đám cháy, ngoài việc mở tiệc trà chiêu đãi những người đến chữa cháy, Phủ Nội vụ còn tặng cảnh sát và đội chữa cháy 6 vạn đồng tiền thù lao.

Muốn đánh giá sự tổn thất lần này, hãy nói một chút về việc xử lý những thứ còn lại và bồi được trong đồng tro tàn. Khi đó tôi đang muốn tìm một khoảng đất trống để xây một sân quần vợt để Johnston dạy tôi đánh quần. Theo ông nói, giới quý tộc nước Anh đều biết đánh quần. Tôi bảo Phủ nội vụ nhanh chóng thu dọn để xây sân quần vợt trên khu vực bị cháy này. Tất nhiên trong đồng tro tàn đó không thể tìm thấy tranh vẽ, đồ cổ song còn nhiều vàng, bạc, đồng, thiếc bị nung chảy. Phủ nội vụ gọi các hiệu vàng ở Bắc Kinh tới đấu giá. Một cửa hàng vàng đã mua được đồng tro tàn này với giá 50 vạn đồng để có quyền xử lý, luyện những kim loại bị nung chảy được hơn 17.000 lạng vàng. Sau khi hiệu vàng chuyển những thứ đó đi, Phủ nội vụ đã chắt những đám tro còn lại chia cho những người trông phủ. Sau đó một quan chức trong Phủ nội vụ cho tôi biết; chú ông ta đã từ những đồng tro trong bao tải được chia luyện được hai thỏi vàng, mỗi thỏi bề rộng và bề cao đến hơn một thước (33 Xăng ti mét).

Không thể tra xét được nguyên nhân xảy ra vụ cháy cũng như sự tổn thất. Tôi ngờ rằng đó là do bọn trộm cắp có ý phóng hoả để thủ tiêu tang tích. Sau đó không lâu, trên cửa sổ viện Vô Dật Trai phía đông điện Dưỡng Tâm cũng bốc lửa, may mà phát hiện sớm. Một bụi bông tám đầu vừa bốc cháy

đã bị phát hiện và dập tắt. Mỗi hoài nghi của tôi càng phát triển. Tôi cho rằng không những có người muốn phóng hỏa thủ tiêu tang tích mà còn muốn mưu sát tôi.

Theo quy định của cung nhà Thanh, dù bận rộn đến thế nào, mỗi ngày hoàng đế cũng phải đọc mục “Thanh huân”. Khi đó tôi rất khâm phục “Chu phê dụ chỉ” (dùng bút son phê các đạo dụ - ND) của vua Ung Chính. Ung Chính đã từng nói: “có thể tin người mà không thể tin cũng là người, hoàn toàn không tin người ắt không hại cho mình...”. Tôi cũng nhớ câu nói của Khang Hy: “Làm người trên dùng người tuy nên tin nhưng cũng không nên quá tin”. Đặc biệt Khang Hy đã nói: “Không thể tin thái giám... Trẫm xem xưa nay, ít thái giám lương thiện”.

Tôi quyết định làm theo huân thị của Ung Chính. Tôi nghĩ ra hai cách: một cách là hỏi han các thái giám nhỏ hầu cận, cách khác là tự mình đi nghe trộm các thái giám nói chuyện với nhau. Sau đó, tôi dùng cách thứ hai, đứng ở quãng hẹp giữa đông và tây ngoài cửa phòng thái giám ở, phát hiện họ bàn luận sau lưng tôi, nói tính nết tôi ngày càng xấu. Khiến tôi càng nghi ngờ. Tối hôm xảy ra lửa cháy ở Vô Dật Trai, tôi lại đến cửa sổ nhà thái giám nghe trộm, không ngờ nghe lời lẽ của họ càng phát triển hơn, nói rằng ngọn lửa đó là do tôi đốt. Nếu tôi không ra tay trước tai hại sau này vô cùng.

Khi đó vừa xảy ra một vụ hành hung. Một thái giám bị tố cáo tội gì đó bị tổng quản đánh. Mạng hện trong lòng, một buổi sáng sớm, khi người tố cáo còn nghỉ, viện thái giám tay cầm dao, tay cầm hòn đá tiến vào phòng, lúc đập hòn đá vào mặt người đó làm mờ mắt anh ta sau đó dùng dao rạch mặt anh ta. Kẻ hành hung sau đó bị bắt, người bị thương được đưa vào bệnh viện. Khi đó tôi nghĩ: rất nhiều thái giám đã bị tôi đánh đập, liệu họ có hành hung tôi không? Ngoài phòng ngủ của tôi đều có thái giám trực canh, nếu có kẻ nào đó hận tôi, muốn tôi chết chẳng phải là rất dễ hành động sao? Tôi muốn chọn một người canh đêm cho tôi, chọn lại chọn đi chỉ chọn được hoàng hậu. Từ đó tôi để Uyên Dung canh tôi suốt đêm, nếu có động tĩnh gì hãy gọi tôi tỉnh dậy. Đồng thời tôi chuẩn bị một chiếc gậy để cạnh giường để đối phó. Liên trong mây này, Uyên Dung suốt đêm không ngủ. Tôi thấy biện pháp này không xong. Để “nhất đao vĩnh diệt (một lần ra tay mãi mãi yên ổn - ND), cuối cùng tôi quyết định đuổi sạch thái giám.

Tôi biết việc này nhất định sẽ gây sóng gió, không làm cho cha tôi ưng thuận là không xong. Tôi nghĩ ra một cách: tự tìm đến cha mình, ông không có cách nào bàn bạc với đại thần Phủ nội vụ cũng như các thầy dạy tôi; bỗng nhiên gặp vấn đề này, tài nói của ông càng bế tắc. Ông rất tốn sức mới đưa ra được mấy lý do vụn vặt để khuyên tôi nào là tổ tiên định ra như thế, đã nhiều năm những người đó chưa có mưu toan gì.

Dù ông nói thế nào, tôi chỉ trả lời một câu:

- Lão vương không đáp ứng, từ hôm nay trẫm không về cung!

Thấy tôi đối phó như thế, ông ngồi không yên đứng không yên, hét vò đầu lại xoa trán, đi lại quanh phòng, ông tay áo gạt phải bình nước ga rơi xuống đất nổ một tiếng. Trước bộ điệu của ông, tôi ung dung mở một cuốn sách trên bàn, làm ra vẻ quyết không rời đi.

Cuối cùng cha tôi khuất phục, quyết định: ngoài một số không thể rời canh các thái phi, các thái giám khác đều phải di tán.

Hành động của tôi di tán thái giám được dư luận xã hội rất tán thưởng và khuyến khích.

Chỉnh đốn Phủ nội vụ

Hành động di tán thái giám của tôi được dư luận xã hội khen ngợi và khuyến khích. Được sự chỉ dẫn của thầy Johnston tiếp đó tôi chuyển sang mục tiêu Phủ nội vụ.

Phần lớn người của Phủ nội vụ mù chữ nhưng chỉ tiêu hàng năm đến kinh người, dù cho có 4 triệu đồng tiền ưu đãi vẫn thu không đủ chi. Năm Dân quốc thứ 13, sau khi tôi ra khỏi cung, “Ủy ban xử lý công việc nhà Thanh” tố cáo trên tờ “Kinh báo” năm đó, riêng khoản tiền cầm cố vàng bạc, đồ

cổ tới hơn 5 triệu đồng đã bị chi tiêu hết không còn đồng nào. Theo ghi chép của một người trong phủ nội vụ, mấy năm đó hàng năm Phủ này chi trên dưới 360 vạn lạng bạc.

Một ví dụ khác là một lần cầm cố của Vinh Nguyên, bồ vợ tôi. Ngày hợp đồng cầm đồ là 31 tháng 5 năm thứ 13 Dân quốc. Những người ký tên là Thiệu Anh, Kỳ Linh, Vinh Nguyên và giám đốc ngân hàng Bắc Kinh Nhạc Càn Trai. Đồ cầm cố là đồng hồ vàng cùng nhiều loại đồ bằng vàng khác, tiền cầm được 80 vạn đồng, trong một năm, tiền lãi 1% một tháng. Hợp đồng quy định: 40 vạn đồng do 46 đồng hồ vàng (nặng 111.439 lạng) làm đồ cầm cố, 40 vạn đồng khác là nhiều đồ trang sức bằng vàng của 8 hoàng thái hậu và 5 hoàng hậu cộng 10.969 lạng, 7 tiền, 9 phân, 6 ly; 36 kim khí vàng kém tuổi nặng 883 lạng, thêm vào đó là 1952 hạt ngọc trai, 184 miếng đá ngọc, 45 chiếc bát mã não. Chỉ mới riêng khoản 40 vạn đồng tiền cầm cố sau đã coi như mang các đồ vật bằng vàng mười biến thành vàng vụn. Mỗi năm có mấy lần cầm cố và đổi giá như vậy, đặc biệt là mỗi lần lễ tết cần chi tiêu. Mỗi lần như thế, trên báo chí lại xuất hiện tin đồn, cũng có tuyên bố của Phủ nội vụ về những tin đồn đó, nói rằng những thứ bán đi đều là thứ loại bỏ, trong đó quyết không có những thứ trang sức của Từ Hy thái hậu v.v..

Con số chi tiêu mỗi năm của Phủ nội vụ của tôi đã vượt kỷ lục cao nhất Phủ nội vụ của Từ Hy thái hậu. Theo thống kê của Phủ nội vụ, trừ tiền phát cho các vương công, đại thần, Phủ nội vụ đã chi:

- Năm thứ tư Dân quốc: 264 vạn lạng
- Năm thứ tám, chín, mười: 238 vạn lạng, 189 vạn lạng, 171 vạn lạng.

Phủ nội vụ thời Từ Hy thái hậu, mới đầu mỗi năm chi không quá 30 vạn lạng, năm mừng thọ Từ Hy bảy mươi tuổi cũng chỉ chi đến 70 vạn lạng.

Các thầy dạy tuy giúp Phủ nội vụ phản đối tôi mua xe ô tô, đặt máy điện thoại song nêu những chuyện đó của Phủ nội vụ thì lại cũng khó chịu. Thầy Ykhotan trước khi chết không lâu đã kết tội thầy Trần Bảo Thám là “tội dối vua” vì thầy Trần, đã không muốn tố cáo tội của Phủ nội vụ. Còn đối với thầy Johnston thì khỏi phải nói; Dưới mắt ông, Phủ nội vụ là hoá thân của “trùng hút máu”. Quan điểm của ông đã thúc đẩy tôi quyết tâm chinh đốn Phủ nội vụ. Có lần ông nói: “Phủ nội vụ của cung đình đến những người quản gia của các Vương công là những người nhiều tiền nhất”, chủ nhận không biết gì về tài sản của mình; chỉ có hỏi những quản gia của mình thậm chí không thể không cầu cạnh họ, nếu không, một xu cũng không nhận được. Không nói về khôi phục vật cổ, ngay một ít châu báu trên tay, nếu không chinh đốn các quản gia e rằng cũng khó giữ nổi”.

Ông còn nói: “Phủ nội vụ có một câu cách ngôn: duy trì hiện trạng. Dù một câu cách nhỏ cũng là lý tưởng vĩ đại. Gặp câu cách ngôn này đều phải - stop - (dừng xe).

“Xe” của tôi đã do các thầy đồ đẩy dẫu, nổ máy dẫn lối. Nếu như trước đó do người khác lái xe cho tôi thì nay đã do tôi ngồi vào ghế lái xe, hướng đi đến một mục tiêu lý tưởng. Tôi vừa mới lái xe thành công qua đường “di tán thái giám”, dù ai kêu tôi “dừng xe” cũng không được nữa.

Tôi hạ quyết tâm và tôi tìm được “lực lượng”. Sau lễ kết hôn, tôi vận dụng trước hết quyền làm chủ, đó là từ các bậc nguyên lão tham gia hôn lễ, chọn lấy một số người mà tôi cho là trung thành nhất; có tài năng nhất làm người phù tá cho tôi. Tôi chọn được tất cả hơn mười người, đó là: Trịnh Hiếu Tế, La Chân Ngọc, Cảnh Phương Sướng, Chu Nhữ Trân, Vương Quốc Duy, Dương Trung Nghĩa, Ôn Tiêu... Tôi phong cho họ chức “hành tẩu”, ngoài ra còn chọn hai người trong họ đó là: Kim Lương, đã từng là thầy dạy Trương Học Lương và Vinh Nguyên, bồ vợ tôi làm đại thần Phủ nội vụ. Những lời tâu của họ đều không được ghi lại. Những bản điều trần của họ cũng không thể tìm được. Trong tay tôi chỉ có bản điều trần của Kim Lương đề “tháng giêng năm 16 Tuyên Thống”, viết hai tháng trước khi làm đại thần Phủ nội vụ.

Bản điều trần của Kim Lương nêu các biện pháp nhằm khôi phục nhà Thanh trong đó có biện pháp thống kê và bảo vệ tài sản của nhà Thanh ở cung đình cũng như ở các địa phương. Sau khi làm đại thần, Kim Lương lại tâu trình cái gọi là “Hai cách tự bảo, tự dưỡng” trước hết là phải chinh đốn Phủ nội vụ.

Ngoài một số người tích cực “bí mật mưu đồ phục tích”, ngay các vị nguyên lão tiêu cực bị quan cũng không phản đối “thanh lý tài sản, bảo hộ cung đình”. Chỉ có một bộ phận nhỏ mà đại biểu là thầy Trần Bảo Thám của tôi thường lắc đầu khi nói đến các chế độ cải cách Phủ nội vụ. Những người này cho rằng vấn đề của Phủ nội vụ tích tụ từ lâu, bắt đầu từ đời Càn Long, sự sinh hoạt cung đình ngày càng tồi tệ, thời đại Gia Khánh và Đạo Quang cũng đã muốn chỉnh đốn nhưng không làm được, hiện nay càng khó. Theo thầy Trần, không chỉnh đốn Phủ nội vụ tốt hơn, nếu chỉnh đốn thì sẽ ngày càng

tội tệ hơn, sẽ làm cho nội bộ triều đình nhỏ không yên, chẳng bằng hãy tạm để đó, đợi khi thời vận thay đổi hãy hay. Tuy nhiên các bậc nguyên lão như thầy Trần, mặc dù không tán thành chính đốn nhưng cũng không nói tốt cho Phủ nội vụ, thậm chí còn có thể giữ trung lập.

Trước ngày hôn lễ không lâu, đã xảy ra một lần thanh lý tài sản ngu xuẩn. Khi đó theo đề nghị của Johnston tôi quyết định tổ chức một bộ máy chuyên tiến hành công việc này. Tôi mời Lý Kinh Mai, bạn thân của Johnston thuộc phái thân phương tây cũ đến chủ trì. Lý không chịu đến, tiến cử một người thân thuộc họ Lưu đến thay ông ta. Phủ nội vụ cũng không trực tiếp tỏ ý phản đối nhưng đây cha tôi ra cản trở. Tôi không nghe lời khuyên của cha tôi. Kiên trì muốn uỷ nhiệm người nhà Lý Kinh Mai tiến hành công việc, họ nhượng bộ mời ông Lâm nhận chức. Tuy nhiên, làm việc chưa được ba tháng, ông ta xin nghỉ dài hạn quay về Thượng Hải.

Qua mấy lần thất bại, tôi vẫn chưa thấy được thủ đoạn của Phủ nội vụ. Tôi quy thất bại là do dùng người chưa đúng và mình “chưa đích thân nắm công việc”... Tôi cho rằng, tình hình đã khác trước, một là tôi đã trưởng thành, không ai có thể ngăn cản tôi. Mặt khác, bên cạnh tôi có một số người, lực lượng đã mạnh. Từ đám người đó, tôi hăng hái chọn ra Trịnh Hiếu Tế để đảm đương trọng trách chinh đốn.

Trịnh Hiếu Tế cùng quê với Trần Bảo Thâm, triều Thanh đã từng làm lãnh sự ở Nhật Bản và làm quan ở tỉnh Quảng Tây. Trước kia, hai thầy Trần Bảo Thâm và Johnston đã tiến cử ông ta, đặc biệt là Johnston rất hăng hái tiến cử nói rằng Trịnh Hiếu Tế là người mà ông ta khâm phục nhất trong 20 năm ở Trung Quốc, về đạo đức, văn chương Trung Quốc không thể chọn được người thứ hai, về sự hiểu biết và tài năng làm việc không có ai tốt hơn ông ta. Thầy Trần còn nói: Trịnh Hiếu Tế đã nhiều lần cự tuyệt lời mời của tổng thống Dân quốc. Không chịu làm quan Dân quốc, không nhận tiền của Dân quốc. Qua báo chí, tôi được biết Trịnh Hiếu Tế được ca ngợi là người văn hay chữ tốt; nghe nói thu nhập nhuận bút viết chữ của ông ta ngày tới nghìn vàng. Ông ta bỏ công danh, lợi lộc tới phục vụ có thể là trung thân hiem thầy.

Lần thứ nhất tôi gặp Trịnh Hiếu Tế là mùa hè năm thứ 12 Dân quốc. Ông nói từ thời Bàn Cổ khai thiên lập địa đến trung hưng đại Thanh trong tương lai, nói đến đoạn cao hứng mặt ông rạng rỡ, nói đến đoạn khảng khái hiên ngang ông nghen ngào xúc động khiến tôi hoàn toàn bái phục. Tôi lập tức quyết định gọi ông ta, đề nghị ông triển khai chí hướng của mình.

Sau khi Trịnh Hiếu Tế làm “Hành tẩu điện Mậu lệ”, đã mấy lần nói với tôi rằng muốn thành sự nghiệp lớn phải chính đến Phủ nội vụ. Ông đã đưa ra kế hoạch chinh đốn còn cụ thể hơn điều trần của Kim Lương. Theo kế hoạch này, toàn thể Phủ nội vụ chỉ cần 4 khoa là đủ. Cần giảm bớt nhiều người, giảm bớt nhiều khoản chi tiêu không những có thể ngăn chặn mất mát mà còn có cách mở nguồn của cải. Tóm lại nếu kế hoạch chinh đốn của ông ta có thể thực hiện, trước hết có sự đảm bảo tài vụ cho việc khôi phục sự nghiệp. Do đó, tôi đã phá lệ luật phong vị đại thân sang làm thu tương Phủ nội vụ, đồng thời nắm tay hòm chìa khoá đứng đầu các đại thân Phủ nội vụ.

Tuy nhiên, nếu cho rằng Phủ nội vụ thô tục mà vô học chịu thất bại trong tay Trịnh Hiếu Tế là đánh giá thấp những người quản gia cung đình có hơn 200 năm lịch sử. Mặc dù Trịnh Hiếu Tế “hoa trời là tả...”⁽⁴²⁾, lại được tôi ủng hộ và tin cậy, số phận ông cũng giống như người nhà Lý Kinh Mai, chỉ làm được 3 tháng. Trong những người thô tục, vô học của Phủ nội vụ, ai là người đã đẩy Trịnh Hiếu Tế đi, trước sau tôi hoàn toàn không làm rõ được.

Sau khi nắm quyền, việc thứ nhất Trịnh Hiếu Tế phải đối phó là các vụ án chồng chất từ năm Tân Hợi. Biện pháp đối phó của ông là trước hết ra oai, loại bỏ quan lang trung đương nhiệm, tự mình nắm lấy vị trí quan trọng này, giao cho người thân tín tiếp nhiệm. Không ngờ, từ đó Phủ nội vụ như người bại liệt, cần tiền không có tiền, cần đồ vật tìm không ra nơi cất...

Để lôi kéo nhân viên cấp dưới, Trịnh Hiếu Tế tỏ ra khoan dung rộng rãi, lắng nghe tình hình cấp dưới, quy định mỗi tuần lễ cùng nhân viên cấp dưới toạ đàm một lần, mời họ góp ý kiến về cải cách. Có một vị tư viên đề nghị giảm bớt đồ tế lễ trong cung cho đỡ tốn kém. Trịnh Hiếu Tế rất tán thưởng đề nghị đó, nâng một cấp cho người đó. Tuy nhiên đồ tế lễ vốn là thu nhập hợp pháp của bản thân các thái giám (sau khi bị di tán vẫn còn khoảng 100 người) nên họ căm thù Trịnh Hiếu Tế đến xương tủy, Trịnh Hiếu Tế trở thành người bị căm ghét nhất trong Tử Cấm Thành.

Trịnh không chịu lùi lập tức nhận được thư đe dọa. Thư viết: nhà ngươi đang ở bước đường cùng, hãy lưu ý cái đầu của mình. Cùng lúc đó, Johnston được cử đi Di Hoà Viên cũng nhận được thư đe dọa. Thư viết: nếu nhà ngươi đến đó, trên đường đi sẽ có người đợi giết chết.

Cuối cùng, người đẹp đám vẫn là tôi.

Tôi vừa bổ nhiệm Trịnh Hiếu Tế làm việc liên nhận được một tin rất đau đầu: trong quốc hội Dân quốc, một số nghị viên đưa ra nghị án cần bãi bỏ điều kiện ưu đãi, do Dân quốc tiếp thu Tử Cấm Thành. Từ hai năm trước, trong quốc hội đã có nghị án này. Lý do là: trong 6 năm Dân quốc, nhà Thanh gây chuyện phục hồi hiện nay không ngừng ban quan tước cho quan lại Dân quốc, ngang nhiên vượt lên trên Dân quốc, rõ ràng mưu đồ phục hồi nhà Thanh. Hiện nay lại nhắc lại án cũ, nói rằng tôi không những phạm pháp trong vụ Trương Huân, càng trái phép là ban thưởng người Hán Trịnh Hiếu Tế được cưỡi ngựa trong Tử Cấm Thành và làm đại thần phủ nội vụ. Báo chí đưa tin “tin này như một tín hiệu, những hành động công kích phủ nội vụ; liên tiếp xuất hiện như phủ nội vụ bán đồ cổ cho thương nhân Nhật Bản; Vinh Nguyên, đại thần Phủ nội vụ mang của báu các triều đại cầm cố vào bốn ngân hàng lớn...”

Không lâu, “cách mở nguồn của cải” của Trịnh Hiếu Tế - định đưa toàn bộ sách của bốn kho đến Thương vụ ân thư quán Thượng Hải xuất bản đã bị nhà đương cục ngăn chặn, thu giữ toàn bộ số sách.

Khi đó, cha tôi tìm tôi nói: Cần xem xét lại biện pháp của Trịnh Hiếu Tế, nếu như đến nhà đương cục Dân quốc cũng không hài lòng, sau này càng khó thực hiện.

Thiệu Anh, Kỳ Linh, Bảo Hy, những đại thần Phủ nội vụ vẫn là những người hiếu thuận, không nói một lời xấu về Trịnh, Kim, Vinh. Tuy nhiên, do bán của báu lộ chuyện, Vinh Nguyên lánh mặt. Điều trần nói trên của Kim Lương có khuyên tôi để Thuận Thân Vương (cha Phổ Nghi) nghỉ hưu, bị cha tôi mắng cho một trận, cũng không biết Kim Lương bỏ đi đâu.

Một hôm Thiệu Anh về sợ hãi xuất hiện trước tôi nói rằng: Vương Hoài Khánh, thống lĩnh quân bộ hiện nay rất không bằng lòng cách làm của Trịnh Hiếu Tế. Vương Hoài Khánh nói: cứ để Trịnh Hiếu Tế gây rối, nếu Dân quốc có hành động gì ông ta không có cách nào giúp tôi.

Nghe câu nói đó, tôi thấy thật sự sợ hãi. Kết quả là Trịnh Hiếu Tế quay về “Mậu lệ điện hành tẩu”. Thiệu Anh lại nắm tay hòm chìa khoá Phủ nội vụ.

Ngày cuối cùng ở Tử Cấm Thành

Thất bại trong lần chinh đồn Phủ nội vụ này cũng không làm cho tôi “dừng xe”. Xe không dừng lại song chuyển hướng. Từ khi tôi lên xe, luôn luôn có người “tiếp đầu, bơm hơi” hoặc chỉ phương hướng biến báo hiệu.

Các bậc nguyên lão bí mật trình tôi “kế lớn” phục tích. Sau khi tôi kết hôn, nơi nào cũng có người muốn giúp sức tôi. Ví dụ Khang Hữu Vi và hai cha con Từ Căn, Từ Lương - học trò ông ta dựng chiêu bài. Đảng hiến chính đế quốc Trung Hoa hoạt động ở trong và ngoài nước. Tình hình hoạt động của họ có lúc qua Johnston truyền đến trong cung. Từ Căn viết sớ tâu nói khoác rằng ở hải ngoại, đảng này có 10 vạn đảng viên và 5 tờ báo. Hai năm trước khi tôi rời cung, Từ Lương đã đến Quảng Tây tìm quân phiệt Lâm Tuấn Đình hoạt động phục tích. Y gửi thư cho Johnston nói: “Quảng Tây có thủ lĩnh đứng đầu ba phái quân nhân: Lâm Tuấn Đình, Lục Vinh Đình và Thẩm Hồng Anh. Ba người đều cùng tôn chỉ với đảng chúng tôi, ngày nào có việc ắt sẽ giúp đỡ đảng đổi lập”.

Sau tết năm thứ 13 Dân Quốc, Khang Hữu Vi gửi thư cho Johnston nói: ông ta “mấy năm bôn ba, đêm trừ tịch mới quay về may mà du thuyết đều có người nghe, cũng do các nơi đã chán loạn lạc, có sự đồng lòng”. Theo ông ta: Thiêm Tây, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Quý Châu, Vân Nam đều đã nội xong hoặc khi đến lúc, nói là xong. Ông ta đặt nhiều hy vọng vào Ngô Bội Phu, nói người này có thể xoay chuyển tình thế, “nếu có thể gửi điện; đến ngày sinh nhật, có thể ban thưởng”.

Nay nhìn lại, thư Khang Hữu Vi nói nhiều lời hảo huyền, chỉ là hành động gây thanh thế, không có hiệu quả. Tuy nhiên khi đó, tôi và Johnston không những không hoài nghi mà còn rất hân hoan, phấn khởi, đã theo chỉ dẫn của ông ta để gửi lễ mừng thọ Ngô Bội Phu, thưởng chữ phúc cho

Khang Hữu Vi.

Dưới sự chỉ dẫn của họ, tôi bắt đầu hiểu rằng phải động dụng của cải cho “lý tưởng” của mình. Ví dụ như “quyên giúp từ thiện”. Khi đó tôi hiểu rõ giá trị của dư luận xã hội. Trong mục xã hội, báo chí Bắc Kinh khi đó hầu như ngày nào cũng có tin về “tiền quyên góp của vua Tuyên Thống”. Hoạt động “quyên giúp” của tôi có hai cách, một là căn cứ vào những tin tức về dân nghèo đăng trên báo chí, tôi gửi tiền tới tờ báo nhờ phát giúp. Hai là cử người trực tiếp mang tới hộ dân nghèo. Dù là cách nào, chỉ một vài ngày sau đều có tin trên báo. Tôi rất vui vì các bản tuyên truyền cho tôi, thậm chí có báo đăng bài ca ngợi.

Món tiền tôi quyên góp lớn nhất là “vụ động đất” ở Nhật Bản tháng 9 năm 12 Dân quốc. Khi đó, thiệt hại về động đất ở Nhật Bản chấn động thế giới. Tôi muốn toàn thế giới biết “lòng từ thiện” của “Vua Tuyên Thống”, quyết định đưa ra món tiền lớn ủng hộ. Thầy Trần Bảo Thám còn nhìn xa hơn. Sau khi ca ngợi “hoàng ân mệnh mông, lòng trời nhân từ”, ông nói với tôi: “Ảnh hưởng của việc này không chỉ giới hạn ở đó”. Sau đó, do có khó khăn về tiền mặt tôi đã gửi các loại đồ cổ, tranh vẽ trị giá khoảng 30 vạn đô-la. Công sứ Nhật Bản cùng đi với đoàn đại biểu quốc hội Nhật đến cảm ơn tôi. Trong cung xuất hiện không khí phấn khởi như khi có sứ thần nước ngoài đến dự hôn lễ của tôi.

Trong thời kỳ này, tôi sống càng buông thả làm nhiều việc tự mậu thuận. Ví dụ, một mặt tôi quở trách Phủ nội vụ chi tiêu quá nhiều, mặt khác lại vung tiền vô độ. Thấy ảnh chó tây trên hoạ báo nước ngoài, tôi bảo Phủ nội vụ đặt mua từ nước ngoài, ngay thức ăn của chó cũng đặt mua ở nước ngoài. Chó ốm phải mời bác sĩ thú y, tiền chữa bệnh còn nhiều hơn chữa cho người. Một bác sĩ thú y ở trường cảnh sát Bắc Kinh họ Tiên có lẽ nắm được tính cách của tôi đã ra sức móc nối, gửi cho tôi mấy bản chỉ dẫn về nuôi chó đã được tôi ban thưởng luôn mười thứ đồ vật quý như vòng ngọc, nhẫn vàng...

Về số tiền tôi chi tiêu hàng năm, căn cứ tài liệu được rút bớt của Phủ nội vụ gửi tôi trước khi tôi kết hôn một năm, chưa kê số tiền dùng cho ăn mặc, chưa kê sự chi tiêu của các ty của Phủ nội vụ ở các nơi, dự tính số tiền “phụng chi” chỉ “ân thưởng”, “giao tiền” của Phủ nội vụ mỗi năm tổng cộng là 870.587 lạng.

Cuộc sống hoang tàng ấy kéo đến ngày 5 tháng 11 năm thứ 13 Dân quốc, khi quân Dân quốc của Phùng Ngọc Tường đuổi tôi ra khỏi Tử Cấm Thành.

Tháng 9 năm đó, bắt đầu cuộc chiến tranh Trực - Phụng (Trực Lệ và Phụng Thiên) quân Trực Lệ của Ngô Bội Phu đang phát động cuộc tổng cộng kích quân Phụng Thiên của Trương Tác Lâm ở Sơn Hải Quan thì bị Phùng Ngọc Tường phản bội. Phùng Ngọc Tường mang quân vào Bắc Kinh. Với sự hợp tác của Phùng Ngọc Tường và Trương Tác Lâm, quân đội Ngô Bội Phu ở tuyến Sơn Hải Quan hoàn toàn thất bại, Ngô Bội Phu bỏ chạy về Lạc Dương. Sau đó Ngô không đứng vững được ở Hà Nam, lại mang tàn quân chạy về Nhạc Châu. Tin quân Ngô thất bại ở Sơn Hải Quan chưa về tới Bắc Kinh, quân quốc dân của Phùng Ngọc Tường chiếm lĩnh Bắc Kinh đã giam lỏng Tào Côn, tổng thống được bầu gian lận, tiếp đó đã giải tán “quốc hội”. Nội các Nhạn Huệ Khánh tuyên bố từ chức, quân Dân quốc ủng hộ Hoàng Phủ tổ chức Nội các nhiếp chính.

Tin đảo chính vừa truyền vào cung, tôi lập tức cảm thấy tình hình rất nguy hiểm. Đội bảo vệ trong Tử Cấm Thành bị tước vũ khí và bị đuổi khỏi Bắc Kinh, quân Dân quốc tiếp quản doanh trại của họ. Cửa Thần Vũ đổi thành vọng gác của quân Dân quốc. Tại Ngự Hoa Viên, tôi dùng kính viễn vọng quan sát Cảnh Sơn (đối diện với cổng sau của Tử Cấm Thành - ND) nhìn thấy những người lên lên, xuống xuống đều là quân lính trang phục khác nhau. Phủ nội vụ cử người mang trà và thức ăn tới, quân Dân quốc thu nhận, không có thái độ gì khác. Tuy nhiên không có ai trong Tử Cấm Thành có thể yên tâm. Mọi người đều nhớ, lần Trương Huân phục tích, Phụng Ngọc Tường tham gia “thảo nghịch quân” (quân đội trừng phạt quân phản nghịch), nếu như Đoàn Kỳ Thụy không kịp thời điều y ra khỏi thành thì y chắc sẽ đánh thẳng vào Tử Cấm Thành.

Sau khi Đoàn Kỳ Thụy lên nắm chính quyền, Phùng Ngọc Tường và một số tướng lĩnh đã gửi điện yêu cầu đuổi triều đình nhỏ ra khỏi Tử Cấm Thành. Qua kinh nghiệm đó, chúng tôi đã cảm thấy sự chẳng lành trước cuộc đảo chính và sự thay đổi quân bảo vệ lần này. Tiếp đó, nghe nói các chính trị phạm bị giam trong nhà tù đều được thả ra; lại nghe nói các “đảng quá khích” đều nhảy ra hoạt động... Lời dạy bảo của các thầy Johnston và Trần Bảo Thám về điều chủ yếu nhất của các nhóm khủng bố, quá khích là giết mỗi tên quý tộc lúc đó có tác dụng. Tôi gọi Johnston đến, đề nghị ông ta đến Đông Giao Dân cảng (khu vực sứ quán nước ngoài) thăm dò tin tức, nhờ ông thu xếp nơi lánh nạn cho tôi.

Các vương công cũng lo lắng không yên, một số người đã đặt phòng ở “Lục quốc phạn điểm” trong Đông Giao Dân cảng nhưng khi nghe nói tôi muốn ra khỏi thành thì cho rằng lúc này chưa cần thiết. Họ vẫn căn cứ vào điều kiện ưu đãi được các nước công nhận có thể không xảy ra chuyện gì.

Tất nhiên, việc phải xảy ra cuối cùng đã xảy ra.

Sáng hôm đó, khoảng hơn 9 giờ, tôi đang cùng Uyển Dung ăn sáng ở Trữ Tú Cung, các đại thần Phủ nội vụ bỗng nhiên hốt hoảng chạy tới. Đi đầu là Thiệu Anh, tay cầm một công văn, hôn hên nói:

- Hoàng thượng, Hoàng thượng, Phùng Ngọc Tường phái quân tới rồi, nói Dân quốc đòi bãi bỏ điều kiện ưu đãi, đưa tờ giấy này đòi, đòi ký tên...

Tôi giật bắn người, chớp lấy tờ công văn. Công văn viết:

“Đại tổng thống ra lệnh:

Cử Lộc Trung Lân, Trương Bích Giao trao lệnh sửa đổi điều kiện ưu đãi nhà Thanh.

Ngày mùng 5 tháng 11 năm thứ 13 Trung Hoa Dân quốc, Thủ tướng lâm thời quốc vụ Hoàng Phủ sửa đổi điều kiện ưu đãi nhà Thanh: do hoàng đế đại Thanh muốn quán triệt tinh thần năm tộc cộng hòa, không muốn chống lại các chế độ của Dân quốc vẫn tồn tại hiện nay, đặc biệt sửa đổi điều kiện ưu đãi nhà Thanh như sau:

Điều 1: Từ hôm nay, bãi bỏ tôn hiệu hoàng đế Tuyên Thống đại Thanh cũng hưởng quyền lợi về mặt luật pháp như mọi công dân Trung Hoa Dân quốc.

Điều 2: Từ sau bản điều kiện sửa đổi này, chính phủ Dân quốc mỗi năm hỗ trợ nhà Thanh 50 vạn đồng, đồng thời đặc biệt chi 200 vạn đồng mở nhà máy cho dân nghèo Bắc Kinh, trước hết thu nhận dân nghèo tộc kỳ (Mãn Thanh).

Điều 3: Nhà Thanh cần theo điều thứ ba của chính sách ưu đãi trước, rời khỏi cung cấm, sau đó được tự do lựa chọn nơi cư trú nhưng chính phủ vẫn chịu trách nhiệm bảo hộ.

Điều 4: Lăng tẩm, tôn miếu của nhà Thanh mãi mãi thờ phụng do Dân quốc cử vệ binh bảo hộ.

Điều 5: Tài sản riêng của nhà Thanh quy về nhà Thanh hoàn toàn hưởng. Chính phủ Dân quốc đặc biệt bảo hộ những tài sản công phải quy về sở hữu chính phủ Dân quốc.

Ngày....tháng 1 năm thứ 13

Trung Hoa Dân quốc

Quả thật là điều kiện mới này cũng không đáng sợ như điều tôi đã tưởng tượng trước đây. Tuy nhiên Thiệu Anh nói một câu khiến tôi bật dậy: “Họ nói, hạn trong 3 giờ đồng hồ, toàn bộ phải rời đi!”.

Làm thế nào? Tài sản của tôi ư? Thái phi ư? Tôi vội vã quay gọi điện thoại cho thầy Johnston.

- Đường điện thoại bị cắt đứt. Cắt, cắt rồi. - Vinh Nguyên trả lời.

- Cử người mời Vương gia tới! Tôi đã sớm nói sẽ xảy chuyện nhưng lại không cho tôi ra đi tìm Vương gia, tìm Vương gia!

- Không ra được, Bảo Hy nói: bên ngoài có người gác, không cho ai ra!

- Để tôi đi giao thiệp!

Khi đó, thái phi Đoan Khang mới chết. Trong cung chỉ còn lại hai thái phi Kinh Từ và Vinh Huệ. Nói thế nào hai cụ già cũng không chịu đi. Thiệu Anh lấy cớ đó làm lý do đi thương lượng với Lộc Trung Lân. Kết quả cho phép kéo dài đến 3 giờ chiều. Quả trưa, qua giao thiệp, cha tôi được vào cung. Hai thầy Chu, Trần được thả ra đã tới, chỉ có Johnston bị chặn ở bên ngoài.

Nghe nói cha tôi tới, tôi vội ra khỏi phòng đón ông; vừa thấy ông bước vào cửa cung, tôi lập tức kêu:

- Vương gia! Làm thế nào?

Nghe tiếng tôi gọi, ông như người bị phép định thân, đứng sững ở đó, đã không tiến lại gần cũng không trả lời, miệng lắp bắp hồi lâu mới bật ra câu nói chẳng có nghĩa gì:

- Nghe, xin nghe chỉ ý, xin nghe chỉ ý...

Tôi vừa giận lại vừa bức, quay mình vào phòng. Sau đó, theo thái giám nói với tôi, ông nghe nói tôi ký tên vào bản sửa đổi điều kiện nói trên đã lập tức ném mũ lông công xuống sàn lấm bầm: Hết rồi! Hết rồi! Ta không cần cái này nữa!

Tôi quay về phòng không lâu thì Thiệu Anh quay trở về, nét mặt càng khổ sở, hôn ha hôn hển nói: “Lộc Trung Lân thúc giục nói lại gia hạn 20 phút, nếu không... Cảnh Sơn sẽ nã pháo...”.

Thực ra, Lộc Trung Lân chỉ mang một đội 20 tay súng tuy nhiên câu nói đó rất có hiệu quả. Trước tiên là Vinh Nguyên, bồ vợ tôi chạy đến Ngự Hoa Viên, ngó đông ngó tây, tìm nơi trú ẩn tránh đạn pháo, không chịu ra nữa. Thấy các vương công đại thần đều sợ hãi như vậy, tôi nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của Lộc Trung Lân, quyết định trước hết đến nhà cha tôi.

Lúc đó, quân Dân quốc đã chuẩn bị sẵn xe ô tô tất cả có 5 chiếc, Lộc Trung Lân ngồi xe đầu, tôi ngồi xe thứ hai, Uyên Dung, Văn Tú, Trương Bích, Thiệu Anh và những người khác ngồi những xe sau.

Xe tới cửa Bắc Phủ, khi tôi xuống xe, Lộc Trung Lân bước tới, khi đó tôi mới gặp ông ta. Lộc Trung Lân bắt tay tôi hỏi:

- Phổ Nghi tiên sinh, từ nay về sau ông vẫn tính làm hoàng đế hay làm người dân thường?
- Tôi vui lòng từ hôm nay làm người dân thường.
- Tốt - Lộc Trung Lân cười nói: - Thế thì tôi bảo hộ ông. Hiện nay đã là Trung Hoa Dân quốc mà lại có xưng hiệu hoàng đế là không hợp lý. Từ nay về sau, cần lấy tư cách công dân góp sức cho đất nước.

Lộc Trung Lân lại nói:

- Đã là một công dân, có quyền bầu cử và ứng cử! Tương lai càng có thể được bầu làm đại tổng thống!

Nghe ba tiếng đại tổng thống, tôi rất khó chịu bèn nói:

- Từ lâu tôi đã không cần điều kiện ưu đãi ấy, nay phá bỏ chính hợp ý tôi nên tôi hoàn toàn tán thành lời các ông. Làm hoàng đế cũng không tự do, hiện nay tôi đã được tự do rồi.

Nghe câu nói của tôi, lính Dân quốc đều vỗ tay.

Câu nói cuối cùng của tôi cũng không phải hoàn toàn giả dối. Tôi thật sự chán ghét sự hạn chế và ngăn cấm của các vương công, đại thần. Tôi muốn “tự do”, tự do thực hiện lý tưởng và cách nghĩ của mình - ngồi lại cái ngai vàng đã mất.

Tại Bắc Phủ

Tôi nói mấy câu bóng bẩy, từ từ bước vào cửa Bắc Phủ do quân Dân quốc bảo vệ. Ngồi trong thư phòng của cha tôi, tôi nghĩ đây không phải là vương phủ mà là tiến vào miệng hùm. Hiện nay, việc đầu tiên cần làm là làm rõ rút cục tình thế của tôi nguy hiểm đến mức nào. Trước khi rời cung, tôi đã gửi thư cho một số “bè tôi đặc lực” ở ngoài cung để họ tìm cách cứu tôi thoát khỏi bàn tay của quân Dân quốc. Khi đó, không những không có tin tức gì về tình hình chạy chọt của họ mà ngay bất cứ tin tức gì ở bên ngoài cũng đều không có cách nào mà biết được. Tôi rất muốn tìm người thương lượng, thương lượng chỉ nghe mấy câu an ủi cũng tốt. Trong tình thế đó, cha tôi khiến tôi vô cùng thất vọng. Ông còn kinh hãi hơn tôi. Từ lúc tôi vào Bắc Phủ, ông không đứng yên được, cũng không thể ngồi yên. Ông không đi đi lại lại, miệng lẩm bẩm, chạy ra, chạy vào làm cho không khí rất căng thẳng. Sau đó, tôi không chịu nổi yêu cầu ông:

- Vương gia, hãy ngồi xuống bàn bạc, nghĩ cách, trước hết thăm dò tin tức bên ngoài một chút!
- Nghĩ cách, nghĩ cách, vâng, vâng, - ông ngồi xuống chưa được hai phút bỗng lại đứng lên
- Thăm dò tin tức! vâng, vâng!, - ông lại đi ra liếc nhìn lại quay vào: Bên ngoài không cho ra, cửa lớn có lính!
- Gọi điện thoại!
- Gọi điện thoại, vâng, vâng, - đi mấy bước ông quay lại hỏi: Gọi điện thoại cho ai?

Xem ra không còn cách nào, tôi gọi thái giám báo các đại thần Phủ nội vụ đến. Lúc đó, Vinh

Nguyên vào bệnh viện nước ngoài chữa bệnh thần kinh (hai tháng sau mới ra); Kỳ Linh bận chuyển quân áo, đồ vật của tôi, xử lý vấn đề cung nữ, thái giám; Bảo Hy đang chăm lo cho hai bà Thái phi còn ở trong cung. Bên cạnh tôi chỉ còn có Thiệu Anh. Tình hình ông ta cũng chẳng khác gì cha tôi, không gọi nổi một cú điện thoại May sạo sau đó, các vương công đại thần khác và các thầy lục tục kéo đến, nếu không, sự hoảng loạn trong Bắc Phủ không biết sẽ phát triển đến đâu.

Sầm tôi, Johnston đến mang lại tin tốt nhất. Qua sự chạy chọt của ông, trưởng đoàn công sứ, công sứ Hà Lan Ôđencơ, công sứ Anh Mác Khô, công sứ Nhật Bản Kobashizewa Kenyoshi gửi “kháng nghị” cho Vương Chính Đình tổng trưởng ngoại giao nội các nhiếp chính - Vương Chính Đình đã hứa với họ sẽ bảo đảm an toàn, sinh mạng và tài sản cho tôi. Tin này có tác dụng trấn an những người trong Bắc Phủ, song đối với cha tôi, hình như “liều lượng” vẫn chưa đủ. Tối hôm đó, một hành động khác của cha tôi khiến tôi không hài lòng.

Johnston tới một lúc, Trịnh Hiếu Tế đưa hai người Nhật Bản tới. Từ sau việc quyên giúp “nạn động đất Tokyo”, Công sứ quán Nhật Bản ở Đông Giao Dân cảng đã có sự giao tiếp với những người “phò tá” tôi. Sau khi La Chấn Ngọc và Trịnh Hiếu Tế đến Tử Cấm Thành lại có sự qua lại với doanh trại quân Nhật Bản. Khi đó Trịnh Hiếu Tế đã cùng Takemoto Obashi vạch một kế hoạch: đại úy Aragamatsu Nhật Bản mặc thường phục cùng một bác sĩ giả trang đưa tôi vào bệnh viện, chuyển tôi ra khỏi Bắc Phủ đưa vào doanh trại quân Nhật.

Trịnh Hiếu Tế đưa đại úy Aragamatsu và bác sĩ Nhật Bản đến Bắc Phủ nói rõ kế hoạch của họ nhưng bị các vương công đại thần và các thầy nhất trí phản đối. Họ cho rằng, cách làm này rất khó lừa được binh lính ngoài cửa lớn, có lừa được thì trên đường phố vẫn còn có quân bộ Dân quốc, vạn nhất bị phát hiện sẽ rất gay go. Thái độ của cha tôi quyết liệt nhất. Lý do ông phản đối là: “Cứ cho là vào được Đông Giao Dân cảng nhưng Phùng Ngọc Tường đến tìm tôi đòi người thì tôi làm thế nào?”. Kết quả, Trịnh Hiếu Tế và hai người Nhật Bản bị đưa ra khỏi cửa lớn.

Đến hôm sau, cửa Bắc Phủ bỗng nhiên bị cấm ngặt, chỉ cho phép vào, không cho phép ra. Sau đó nói lỏng một chút, chỉ cho phép hai thầy Trần Bảo Thám, Giang Tiểu Chu cùng các vương công đại thần ra vào, người nước ngoài cấm không được vào. Tình hình đó khiến người Bắc Phủ càng kinh hoàng vì rằng người nước ngoài bị xem thường thì không còn có bảo hiểm nữa. Tôi càng nghĩ càng sợ, hồi hận đã không đi cùng Trịnh Hiếu Tế và hai người Nhật; đồng thời oán cha tôi chỉ nghĩ đến mình mà không quan tâm sự an toàn của tôi.

Đúng lúc đó, La Chấn Ngọc từ Thiên Tân trở về. Khi Phùng Ngọc Tường tiếp quản nội thành, ông ta đáp xe lửa xuống Thiên Tân cầu cứu. Ông đến Bộ Tư Lệnh quân đội Nhật đóng ở Thiên Tân yêu cầu Bộ Tư Lệnh quân đội Nhật ra mặt “bảo hộ”. Bộ Tư Lệnh quân đội Nhật nói với ông ta. Lộc Trung Lâm đã vào cung. Quan Tư lệnh Nhật Bản bảo ông ta đi tìm Đoàn Kỳ Thụy gửi một bức điện phản đối Phùng Ngọc Tường “bức cung” (buộc nhà Thành rời khỏi cung). La Chấn Ngọc đọc bức điện đó thấy rõ Đoàn Kỳ Thụy sẽ ra tay ngay, tuy nhiên La Chấn Ngọc vẫn yêu cầu Bộ Tư Lệnh quân đội Nhật ra mặt “bảo hộ”. Bộ Tư lệnh Quân đội Nhật nói với ông Takemoto (chỉ huy các lực lượng Nhật ở Bắc Kinh sẽ có biện pháp. Theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh quân đội Nhật, ông trở về Bắc Kinh tìm Takemoto. Takemoto cho biết: Kỳ binh Nhật Bản sẽ tuần tra gần Bắc Phủ. Nếu như quân đội Dân quốc có hành động gì không hay đối với Bắc Phủ, quân đội Nhật Bản lập tức tiến hành “biện pháp đặc biệt”.

Tôi đọc điện của Đoàn Kỳ Thụy chỉ trích Phùng Ngọc Tường “bức cung”, lại nghe tin quân Phụng Thiên sẽ giao chiến với quân Phùng Ngọc Tường, hai sự việc đó mang lại cho tôi niềm hy vọng mới. Cùng lúc đó, Trần Bảo Thám mang cho tôi điện mật của Đoàn Kỳ Thụy do trại quân Nhật Bản chuyển, bức điện viết: “ra sức duy trì công việc hoàng thất đồng thời bảo toàn tài sản”. Tiếp đó canh gác ngoài cửa được nói lỏng, cho phép càng nhiều vương công đại thần cũng như người trong hoàng tộc ra vào, thậm chí ngay người không có “công danh mũ mềnh” như Hồ Thích cũng không bị ngăn cản. Chỉ có Johnston vẫn không được phép ra vào.

Không lâu, quan hệ Trương Tác Lâm và Phùng Ngọc Tường mà Bắc Phủ quan tâm nhất có sự phát triển mới, tin chuyển đến là Phùng Ngọc Tường bị quân Phụng Thiên bắt giữ ở Thiên Tân. Sau đó, tuy chứng minh là tin đồn, song tin tức tới tập đến càng cô vũ người Bắc Phủ. Tại Bắc Kinh, nội các nhiếp chính Hoàng Phủ mà quân Quốc dân ủng hộ mời tiệc các công sứ ở Đông Giao Dân cảng bị cự tuyệt. Bắc phủ đánh giá một cách lạc quan: số mạng của Nội các nhiếp chính chồng tôi sắp hết, thay thế nó tự nhiên là Đoàn Kỳ Thụy vừa lòng Đông Giao Dân cảng (ít nhất là người Nhật). Quả nhiên, tin tức ngày hôm sau chứng thực tình báo của La Chấn Ngọc. Phùng Ngọc Tường không thể không đồng ý quyết định của Trương Tác Lâm đề Đoàn Kỳ Thụy xuất hiện. Sau đó mấy ngày, Trương Tác Lâm và

Đoàn Kỳ Thụy đều đến Bắc Kinh.

Sau khi hai người đến Bắc Kinh; các vương công cử đại biểu cùng Trịnh Hiếu Tế đi tìm Đoàn Kỳ Thụy. Trương Văn Trị, quản gia Bắc Phủ đi tìm anh họ là Trương Tác Lâm. Bắc Phủ vui mừng nhất là việc Trương Tác Lâm uỷ thác Trương Văn Trị mời Johnston đến. Kết quả, Johnston đến hai lần. Mục đích của Trương Tác Lâm tìm Johnston là để thăm dò thái độ của Đông Giao Dân đảng đối với ông ta, còn Bắc Phủ thì hy vọng qua Johnston thăm dò thái độ của Trương Tác Lâm. Tôi nhờ Johnston mang tặng Trương một tấm ảnh có chữ ký của tôi và một chiếc nhẫn kim cương lớn. Trương nhận ảnh và trả lại nhẫn, tỏ ý đồng tình. Cùng lúc đó Trịnh Hiếu Tế bày tỏ với Trương Tác Lâm rằng có thể xem xét việc khôi phục điều kiện ưu đãi. Đã có sự “đồng tình” của Đông Giao Dân đảng, lại có sự ủng hộ của hai nhân vật đương quyền, tuy quân Dân quốc của Phùng Ngọc Tường vẫn còn ở trong thành Bắc Kinh mà người Bắc Phủ đã cảm thấy có sự “phản công” rồi.

Ngày 28/11, tức là ngày thứ hai sau khi quân Dân quốc rút khỏi cửa lớn, Phùng Ngọc Tường gửi điện từ chức. Với danh nghĩa Phủ nội vụ Bắc phủ gửi một công hàm cho Bộ Nội vụ Dân quốc như sau:

“.. Xét: nguyên tắc pháp lý quy định về luật hình, phạm là những người dùng bạo lực bức hiếp người khác cần phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại. Về nguyên lý dân pháp, phạm là những hành vi cưỡng bạo bức hiếp lừa dối đe dọa đều không có hiệu lực về mặt luật pháp.

Công hàm đặc biệt này tuyên bố: năm điều kiện mà nội các nhiếp chính tuy tiện sửa đổi, căn cứ pháp lý nhà Thanh không thể cho rằng có hiệu lực...”

Đồng thời, Bắc phủ còn gửi công hàm cho các sứ quán nước ngoài kêu gọi chi viện. Đối với “Ủy ban xử lý công việc nhà Thanh” do nội các Nhiếp chính thành lập, tuy đại biểu nhà Thanh đã tham dự mấy lần họp nay cũng phủ nhận.

Ngày hôm đó, phóng viên tờ “Thuận Thiên thời báo” do Nhật Bản thành lập đã đến phỏng vấn tôi. Lời phát biểu của tôi với phóng viên hoàn toàn khác với những lời phát biểu khi ra khỏi cung.

“Hành động của quân Dân quốc lần này, đã giả mạo tổ chức tuần cảnh của Dân quốc dùng vũ lực buộc tôi phải ký. Tôi quyết không phải hân hoan vui vẻ như bên ngoài tuyên truyền...”. (43)

“Thuận Thiên thời báo” là tờ báo của nhà buôn Nhật do sứ quán Nhật Bản chi phối. Nói đến “nhiệt tình” của người Nhật đối với tôi khi đó quyết không thể không chú ý đến tờ báo này. Nó không giống như Takemoto, mọi hoạt động đều tiến hành bí mật, mà là dựa vào đặc quyền báo chí la lối ầm ỹ, làm hết mọi khả năng kích động giật gân. Bắt đầu từ ngày thứ hai sau khi tôi vào Bắc phủ, “Thuận Thiên thời báo” liên tiếp đưa ra những bình luận và tin tức đồng tình “vô hạn đối với “nhà vua”, vô cùng “phản nộ” đối với Nội các Nhiếp chính và quân đội Dân quốc. Trong đó dùng rất nhiều từ “buộc rời cung điện”, “lừa bịp” cũng như “lấy thịt đè người”, “bát nạt quả phụ cô nhi”, “bắt cóc”... ra sức tung ra những chuyện “người Kỳ tự sát hàng loạt”, “Mông Tạng phát sinh hoài nghi”, thậm chí đã bịa ra những tin kinh người “Thái phi nộ đổ máu chết vì triều Thanh”, “Thục phi cắt tay lấy máu viết thư, quyết lấy thân mình bảo vệ cửa cung” và “Thục phi nắm bánh xe ngăn chặn lên xe”. Các báo chí ngoại văn khác cũng đăng một số tin bài loại đó nhưng không đậm đặc như “Thuận Thiên thời báo”.

Ngã ba đường

Người Bắc Phủ tuy có niềm phấn khởi chung nhưng lại có cách nghĩ khác nhau. Nhật ký của Kim Lương sau đó viết: “Sau khi Đoàn, Trương tới Bắc Kinh họ đều chỉ hứa suông, thực ra chẳng có biện pháp gì. Bị lừa dối, mọi người cho rằng sắp phục tích đến nơi. Song sự thật chưa thấy mà ý kiến lại nảy sinh. Có người chủ trương phải giữ nguyên điều kiện, một chữ cũng không được sửa. Có người chủ trương phải về cung, phục hồi tên hiệu. Có người chủ trương sửa đổi đề hiệu. Có người chủ trương chuyển đến Di Hòa Viên... thực ra chủ quyền thuộc người ta, mơ tưởng hão huyền chẳng ai biết có thực

hiện được hay không.

Cơn lốc ngày mùng 5 tháng 11 năm 1924 đã thổi bay tôi ra khỏi Tử Cấm Thành, rơi vào ngã ba đường.

Tôi đứng trước ngã ba con đường; một đường là “điều kiện mới”, rồi bỏ tên hiệu đế vương làm một “dân thường” có nhiều tài sản và điền trang. Một đường là tranh thủ sự chỉ viện của “những người đồng tình”, thủ tiêu đến tận gốc rễ của quân Dân quốc, khôi phục toàn bộ điều kiện cũ thời Viên Thế Khải, hoặc là “phục hiện hoàn cung” (khôi phục tên hiệu trở về cung), trở về Tử Cấm Thành sống cuộc đời như trước. Một đường khác là con đường khúc khuỷu nhất, nó thông với hải ngoại, sau đó quay hướng Tử Cấm Thành nhưng phải là Tử Cấm Thành trước Tân Hợi. Khi đó, con đường này là “mượn thế lực bên ngoài mưu đồ khôi phục”.

Đứng trên ngã ba đường đó, tôi bị mọi loại người bao vây, nghe đủ mọi cuộc tranh cãi vô cùng vô tận.

Các vương công đại thần đứng đầu là cha tôi một lòng một ý muốn khôi phục nguyên trạng, tranh thủ khôi phục tôn hiệu trở về cung. Họ căm thù quân đội Dân quốc nhưng hy vọng tôi có thể nén chịu, chờ đợi. Quân Dân quốc thủ tiêu tôn hiệu hoàng đế của tôi nhưng họ cho rằng tôi có thể làm hoàng đế ở nhà. Nền thống trị của quân Dân quốc vừa bộc lộ triệu chứng không ổn định (Trương Tác Lâm và Phùng Ngọc Tường bất hoà, nội các Hoàng Phủ bị đoàn ngoại giao cự tuyệt) ảo tưởng của họ lại ngóc đầu dậy. Một mặt họ khuyên tôi bình tĩnh đợi tin lành, mặt khác ra sức công kích những người chủ trương ra khỏi phủ hoặc ra nước ngoài. Kim Lương đọc báo thấy lời phát biểu của tôi với Lộc Trung Lâm, sau khi cửa cấm vừa mở lòng đã mắng tôi một bản “tuyên ngôn thư” do ông ta thay tôi viết, ra sức ca ngợi những câu nói của tôi, đề nghị tôi “trao công việc bên trong cho những nhân sĩ trung thành trước hết ra nước ngoài du học. Khi có thời cơ lập tức về nước. Luận điểm của ông ta là nên bỏ hoàng đế giả hiện nay để hy vọng hoàng đế thật tương lai.

Sau khi cha tôi biết đã nổi giận đùng đùng, gọi ông ta là “thằng điên”, yêu cầu ông ta từ sau lưng vào nữa.

Sau khi đuổi Kim Lương, để đề phòng ảnh hưởng của người khác đối với tôi, mỗi khi có người không đáng tin cậy đến thăm tôi, nếu không ngăn cấm thì ông cũng đứng cạnh theo dõi. Do đó một người khác chủ trương ra nước ngoài là La Chân Ngọc không có cách nào nói chuyện với tôi. Chỉ với Johnston, cha tôi không dám sử dụng uy phong vương gia của mình song quân lính ở cửa lớn đã vô hình chung giúp cha tôi. Từ ngày thứ hai, Johnston không vào được nữa.

Sự phong toả của cha tôi gây phản cảm trong lòng tôi. Mặc dù chưa có tính toán rõ ràng gì đối với tiền đồ của mình, song có một điều đã rõ sau khi tôi tìm vào cửa lớn Bắc phủ: dù thế nào tôi cũng phải đi khỏi nơi này. Tôi không thể ra khỏi Tử Cấm Thành lớn lại chui vào Tử Cấm Thành nhỏ, huống chi nơi đây cũng không an toàn. Sau đó tôi bày tỏ sự bất mãn đối với cha tôi, yêu cầu ông đừng có mặt khi tôi tiếp khách cũng như đừng cản trở những người muốn gặp tôi. Cha tôi nhượng bộ do đó tình hình có thay đổi, các loại người dẫn đường đều mang tới những gợi ý tốt nhất. Bạn cũ của tôi là Hồ Thích tới khuyên khích tôi ra nước ngoài. Johnston cũng trở về bên cạnh tôi truyền đạt sự quan tâm của Trương Tác Lâm, hoan nghênh tôi đến Đông Bắc. Tôi nghĩ, trước hết đến Đông Bắc ở một thời gian, tới được Đông Bắc tôi lúc nào cũng có thể ra nước ngoài. Tôi vừa xác định chủ ý lại xuất hiện vấn đề mới.

Sau khi quân Dân quốc rút khỏi cửa lớn, tình hình vốn đã lắng dịu. Tôi đã dám có gan mắng quân đội Dân quốc trước các nhà báo, bỗng nhiên Trịnh Hiếu Tế vẻ mặt nghiêm trang xuất hiện hỏi tôi đã đọc báo chưa?

- Đọc rồi, không có chuyện gì.

- Hoàng thượng hãy đọc “Thuận Thiên thời báo” - ông rút tờ báo, chỉ vào đầu đề “Bài ca tự trị của phong trào đồ hoá bình dân” để tôi đọc. Bản tin này nói: sau khi quân Phùng Ngọc Tường vào Bắc Kinh, chủ nghĩa đồ hoá” nhân cơ hội hoạt động, gần đây xuất hiện mấy vạn tờ truyền đơn chủ trương “không cần chính phủ tự trị thật không cần pháp luật đại tự do”. Khi đó từ miệng Trịnh Hiếu Tế, Trần Bảo Thám và Johnston và tờ “Thuận Thiên thời báo” tôi thường nghe thấy, đọc thấy những lời quý quái Đảng Cộng sản là chủ nghĩa quá khích, chủ nghĩa đồ hoá. Đồ hoá, quá khích là hồng thủy, mãnh thú, cộng tài sản, cộng vợ, quân phiệt. Phùng Ngọc Tường và đồ hoá, quá khích có liên quan... Hiện nay, căn cứ vào sự giải thích của Trịnh Hiếu Tế thì thiên hạ sắp loạn to, “chủ nghĩa đồ hoá” diệt tôi là vấn đề càng không nghi ngờ gì nữa.

Lời Trịnh Hiếu Tế đang khiến tôi kinh hoàng táng đảm thì La Chân Ngọc âu sầu xuất hiện.

Tôi luôn luôn rất coi trọng những tin tức của La Chấn Ngọc từ phía Nhật Bản. Lần này ông báo cáo: người Nhật được tin Phùng Ngọc Tường và các phần tử “quá khích chủ nghĩa” sẽ có hành động không có lợi đối với tôi. Ông nói: “hiện nay quân Phùng Ngọc Tường chiếm Di Hoà Viên, việc xảy ra có thể trong một vài ngày tới, Hoàng thượng phải sớm rời nơi này, đến Đông Giao Dân cảng ẩn nấp mới được.”

Lúc đó, Johnston cũng tới, mang lại tin tức trên báo chí phương tây nói: Phùng Ngọc Tường sẽ có hành động lần thứ ba tới Bắc Kinh.

Từ đó, tôi thở không ra hơi, ngay Trần Bảo Thám cũng kinh hoàng. Trần Bảo Thám đồng ý với ý kiến đó, cần tranh thủ lúc quân Phùng Ngọc Tường không có mặt đến lánh ở Đông Giao Dân cảng; trước tiên vào bệnh viện Đức vì bác sĩ Đức quen tôi. Tôi và hai thầy thì thậm bàn một kế sách, kế sách này không những tránh không để nhà đương cục Dân quốc biết, cũng cần đề phòng cha tôi.

Chúng tôi tiến hành theo kế hoạch bí mật đó. Bước thứ nhất, tôi cùng với thầy Trần Bảo Thám đi thăm hai thái phi Kính Từ và Vinh Huệ, ra khỏi cung sau tôi mấy ngày đang ở ngõ bia Kỳ Lân sau khi thăm lại trở về Bắc Phủ gây ấn tượng tin cậy với Bắc phủ. Làm xong bước này, ngày hôm sau chúng tôi tính làm bước thứ hai, mượn cớ đến ngõ Biều Giai xem một nhà ở chuẩn bị thuê, sau đó lượn một vòng đến Đông Giao Dân cảng trước lúc vào bệnh viện Đức. Bước thứ ba sẽ vào ở sứ quán. Chỉ cần đến được Đông Giao Dân cảng, thực hiện bước thứ tư đưa Uyển Dung tới là công việc xong xuôi. Tuy nhiên khi tiến hành bước thứ hai lúc chúng tôi vừa lên xe cha tôi cử quản gia Trương Văn Trị cùng đi với tôi. Tôi và Johnston ngồi xe đầu, Trương Văn Trị ngồi xe thứ hai.

- Tình hình hơi phức tạp - Johnston dùng tiếng Anh nói với tôi.

- Mặc kệ nó - tôi bực bội bảo lái xe nổ máy.

Xe ra khỏi Bắc phủ. Tôi thật sự nghĩ rằng suốt đời sẽ không bao giờ bước vào nơi này nữa.

Johnston cho rằng, mặc kệ Trương Văn Trị là không xong, cần nghĩ ra cách thoát khỏi hạm ta. Trên đường ông nghĩ ra một cách: trước hết chúng tôi dừng ở trước cửa hàng Ôliver giả vờ mua đồ, sai Trương Văn Trị quay về.

Cửa hàng Ôliver mở ở cửa phía Tây vào Đông Giao Dân cảng, là nơi người nước ngoài mua bán đồng hồ, máy ảnh. Chúng tôi vào Ôliver, tôi đến quầy hàng chọn một chiếc đồng hồ đeo tay bằng vàng, lần nữa một lúc tuy nhiên Trương Văn Trị vẫn đứng ở bên ngoài. Không có ý bỏ đi. Đến lúc đó, Johnston phải đưa ra biện pháp cuối cùng, nói với Trương Văn Trị rằng tôi cảm thấy khó chịu cần đến bệnh viện Đức kiểm tra. Về bản khoản nghi ngờ, Trương Văn Trị cùng chúng tôi đến bệnh viện Đức. Đến bệnh viện, chúng tôi bỏ rơi anh ta. Johnston nói rõ với Dipper, bác sĩ Đức về ý tứ của chúng tôi, trước lúc đưa chúng tôi đến nghỉ ngơi ở một phòng bệnh. Trương Văn Trị thấy không ổn lập tức quay về. Chúng tôi biết hẳn sẽ về Bắc Phủ báo tin cho cha tôi. Johnston không dám chậm trễ, lập tức đến sứ quán Anh giao thiệp. Ai ngờ, lần đi này liên tục vô âm tín khiến tôi nóng lòng chờ đợi. Tôi sợ Trương Văn Trị lại đưa cha tôi tới. Chính lúc đang rối bời như vậy, Trần Bảo Thám và Trịnh Hiếu Tế tới.

Nhật ký của Trịnh Hiếu Tế có đoạn ghi như sau:

“...lên gác, chỉ thấy hoàng thượng nói: Johnston đã đến sứ quán Anh. Tôi bàn: Hoàng thượng nên đến sứ quán Nhật. Hoàng thượng bảo tôi đến nói trước với người Nhật. Tôi lập tức đến gặp Takemoto. Takemoto báo cáo với công sứ Kobashizawa Kenyoshi. Công sứ bảo tôi “mời Hoàng thượng đến mau”. Lúc đó gió lớn, cát vàng mù trời, ngoài mấy bước không thấy mặt nhau. Tôi đến bệnh viện, sợ xe ô tô không vâng lệnh, đề nghị đi xe ngựa. Lại sợ ngoài cửa nhiều người nên dẫn xe ngựa đến cửa sau. Một hộ lý đưa xuống gác, bác sĩ Đức cầm chìa khóa đi theo mở cửa, lên xe ngựa.

Từ bệnh viện Đức đến sứ quán Nhật có hai ngã, một từ Đông Giao chuyển lên Bắc Phủ, hai là từ đường Trường An xuống phía Nam. Tôi bảo người đánh xe: “Đến sứ quán Nhật”. Người đánh xe lợi dụng lối phía Bắc gần nên đánh xe qua đường Trường An. Hoàng thượng sợ hãi nói: “đường có cảnh sát, sao lại ra đó”. Thấy xe đã chạy nhanh, tôi nói: “một lát tới ngay, ai dám ngờ trong xe có hoàng đế, xin đừng sợ”.

Đến sứ quán Nhật, Takemoto đón, đưa hoàng thượng vào doanh trại”...

Về Johnston, trong nhật ký Trịnh Hiếu Tế chỉ ghi một câu: “tại sứ quán Nhật, tôi có gặp ông thầy đi không quay lại này. Ông giải thích: “tôi đến sứ quán Anh, Maccoli nói: ở đó rất chật chội, không tiện đón tiếp. Nay bề hạ được công sứ Nhật đón tiếp thế là tốt rồi.”

Từ “khu sứ quán” đến “Tô giới”

Ở thời đại ấy, “khu sứ quán” và “tô giới” đúng là nơi rất “hiếu khách”. Vào sứ quán Nhật Bản rồi tôi mới hay mình không phải là khách duy nhất ở đây. Lúc ấy còn có một nhân vật tên gọi Trương Dực Chi, mưu sĩ tâm phúc của Tào Côn, đại tổng thống trong cuộc bầu cử mua phiếu. Tào Côn không kịp trốn vào sứ quán, bị quân Dân quốc giam lỏng. Còn Trương Dực Chi nhanh chân hơn nên đã chạy được, vào đây làm khách trọ. Còn nhớ, khi tôi lên làm vua lần thứ hai hồi bảy năm trước, Lê Nguyên Hồng bị Trương Huân đuổi gấp cũng đã ở nơi này. Sau khi tôi thoái vị lần thứ hai, Trương Huân bị Đoàn Kỳ Thụy rượt theo cũng làm khách trọ ở sứ quán Hà Lan. Mỗi khi công sứ quán phải tiếp đón khách đến thì khách sạn và bệnh viện trong khu sứ quán cũng tung bừng, náo nhiệt lên bởi vì mỗi lần như thế, dù sao cũng có những người yếu bóng vía mà giá trị con người ấy lại không thuộc loại đủ tiêu chuẩn để vào ở. Sứ quán mới đồ đồn đến đây làm cho nơi này đông như nêm cối, thậm chí đến cả găm câu thang cũng có người tình nguyện bỏ tiền và thuê. Trong các vụ Đình Hối, Đình Ty và đến lượt tôi bị đuổi ra khỏi Tử Cấm Thành lần này, có rất nhiều quý tộc Mãn Châu tranh nhau, xô lấn nhau đến đây ở trọ. Đã có lần chủ khách sạn dám ra một bản yết thị láo xược thế này.

- Xét rằng người trọ trong khách sạn tới quá đông, găm câu thang cũng ở chật ních, tình trạng vệ sinh rất kém, có lắm người còn khắc nhổ bừa bãi rất không văn minh. Nay quy định ai khắc nhổ xuống đất phải phạt 10 đồng bạc, nhất quyết không tha!

Mặc dù chủ quán vô lễ như vậy, thế mà bao nhiêu người vẫn đổ đến đây như thiêu thân say lửa, lưu luyến đến quên cả đường về.

Nhiệt tình ở đây đối với tôi thật thắm thiết chưa từng có mà có lẽ sau này cũng không bao giờ có nữa. Khi tôi cho người trở lại Bắc Kinh đón Uyên Dung, Văn Tú bọn cảnh sát ở đây không chịu để cho họ đi. Sứ quán đã cử một viên bí thư đặc cách đi can thiệp việc này nhưng cũng không thành công. Cuối cùng công sứ Kabashizawa Kenoyshi thân hành đến tìm Đoàn Kỳ Thụy nói chuyện thì Uyên Dung, Văn Tú mới được thái giám và cung nữ của họ đưa đến nơi tôi ở.

Chủ nhân sứ quán thấy xung quanh tôi có một đám đông người như vậy rõ ràng là ba gian nhà không thể chứa xuê nên đã dành riêng một tòa nhà lâu để tôi sử dụng. Thế là toàn bộ quân tướng của tôi - quan hành tẩu Nam thư giám, cung nữ, nữ tỳ, đầu bếp... ai nấy có nơi ăn, chốn ở của mình. Trong công sứ quán Nhật Bản, Phòng tàu việc và phòng trực ban của “Hoàng đế Đại Thanh” lại được phục hồi toàn bộ.

Điều quan trọng là công sứ Kobashizawa Kenoyshi đã tranh thủ được sự hiểu biết và thông cảm của phủ chấp chính đối với tôi. Ngoài việc biểu thị rõ ràng với công sứ Kobashizawa Phủ chấp chính còn phái trung tướng lục quân Khúc Hồng Phong thân hành đến tận nơi đại tá Takemoto ở doanh trại quân đội Nhật Bản một lần nữa xác định.

Phủ chấp chính hết sức tôn trọng ý chí tự do của vua thoái vị và trong phạm vi có thể làm được tình nguyện giữ gìn an toàn về tính mạng, tài sản của nhà vua thoái vị cùng những người có liên quan với nhà vua.

Các vương công đại thần do cha tôi đứng đầu khuyên tôi trở về, nói rằng hiện nay Bắc Phủ đã an toàn. Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Lâm có mặt ở đây nhất định quân quốc dân không dám giở trò bậy bạ và còn nói Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Lâm đã đảm bảo với họ như vậy. Nhưng tôi tin lời bọn La Chân Ngọc nói: Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Lâm phải đảm bảo thế vì tôi đã vào ở trong sứ quán nên mới nói đại bộ. Nếu tôi còn ở Bắc Phủ, quân Dân quốc còn ở Bắc Kinh thì đảm bảo gì cũng không chắc. Tôi từ chối, sự thật thì các vương công cũng đang tìm nhà ở khu sứ quán, và sau có người vào doanh trại quân đội Đức, có người vào Lục Quốc phạn điểm. Cha tôi thì một mặt khuyên tôi, mặt khác lại thuê các kho hàng ở nhà thờ Tây Thập Khố để cất giấu của cải, châu báu của mình. Về sau, các em trai, em gái tôi ở Bắc Phủ cũng chạy vào ở Tây Thập Khố.

Thấy sứ quán Nhật Bản ân cần chăm sóc tôi ngay những di lão không có tên tuổi gì cũng.

hoạt động hẳn lên. Họ từ các nơi điện cho Đoàn Kỳ Thụy yêu cầu phục hồi chế độ ưu đãi; họ gửi tiền đến (gọi là “tiền phụng”) cho tôi chi dùng. Có người từ tỉnh ngoài lặn lội tới Bắc Kinh để thỉnh an tôi, đề bí mật trình bày kế lớn. Như được uống thang thuốc kích thích, các vương công Mông Cổ gửi điện, đưa đơn chất vấn Phủ chấp chính định giải quyết chế độ ưu đãi ra sao. Phủ chấp chính phải vội vã trả lời là vẫn theo như tục lệ cũ, không thay đổi gì hết. Thái độ của các vương công đại thần cũng cứng rắn lên, từ chối không dự “Ủy ban giải quyết những việc của nhà Thanh”.

Các di lão, quan lại cũ hết tỏ lòng khí khái, thỉnh an lại đưa “tiền phụng” bí mật trình bày các loại “kế hoạch trung hưng to lớn”. Thậm chí còn chất vấn Phủ chấp chính, tập nập ra vào sứ quán Nhật Bản ngày một đông. Đến ngày tết nguyên đán âm lịch, trong căn phòng nhỏ của tôi bỗng nhiên mọc lên chỉ chít những bím tóc đuôi sam. Thay cho ngai vàng, tôi ngồi trên chiếc ghế kiểu Tây lưng quay về phía Bắc, mặt hướng về phía Nam tiếp nhận lễ mừng của quân thần.

Rất nhiều di lão lòng tràn ngập cảm kích đối với chủ nhân của sứ quán. Qua sự chiêu đãi của sứ quán, họ đã thấy có hy vọng hay ít nhất về tâm lý cũng được thoả mãn nào đó. Trong số tâu Vương Quốc Duy nói:

- Công sứ Nhật.Bản... không phải chỉ vì sự tôn nghiêm của hoàng thượng mà còn vì coi Hoàng thượng là vị chủ chung của Trung Quốc sau này. Như vậy, phạm là kẻ bẽ tôi, ai mà không vui mừng, sung sướng.

Qua tết nguyên đán âm lịch lại sắp đến ngày sinh của tôi thọ lặn thứ 22. Tôi vốn không muốn làm tiệc thọ ở nhà người ta, không ngờ chủ nhân nằng nặc đòi chiêu bằng được ý tôi mới nghe, đòi đề cả gian lễ đường của sứ quán để tôi làm nơi tiếp nhận lễ mừng. Lễ đường đã bày biện xong, mặt đất trải thảm lông lầy, trên chiếc ghế bành dùng làm ngai vàng phủ đệm gấm vàng, bức bình phong sau ghế dán giấy vàng, những người hầu đều đội mũ loe ngũ đỏ của triều Thanh. Đến hôm sinh nhật, những di lão của các tỉnh, thành phố Thiên Tân, Thượng Hải, Quảng Đông, Phúc Kiến v.v.. kéo về tới hơn một trăm người. Nhân viên các sứ quán ở Đông Giao cũng có người tới dự, cộng với vương công, đại thần, di lão các địa phương nhiều tới năm, sáu trăm người. Vì đông người quá đành phải theo thể lệ cũ, viết ra chương trình thứ tự chia ban mà lần lượt làm lễ mừng.

Hôm ấy tôi mặc áo thụng lụa nâu hoa tím, ngoài phủ áo chên đoạn đen, vương công đại thần và di lão ở các nơi cũng mặc tương tự như thế. Ngoài diêm đồ ra, về nghi lễ không có gì khác trong cung. Không khí của màu vàng chói, bím tóc và lễ “ba quỳ, chín lạy” làm cho tôi bỗng vô cùng buồn đau, sâu não. Sau khi làm xong mọi nghi thức, do sự thúc đẩy nào đó, tôi ứng khẩu đọc bài diên văn trước năm sáu trăm người ngay ở trong sân. Bài diên văn đó được các báo ở Thượng Hải đăng lên. Không hoàn toàn đúng nhưng đoạn này thì những nét lớn không sai:

“Ta năm nay hai mươi hai tuổi, còn non trẻ, không đủ để nói là thọ. Huống chi, hiện giờ là lúc lâm nan phải ăn đậu nành nhờ, thì lại càng không có lòng nào bày vẽ tiệc thọ. Nhưng các khanh từ xa tới đây, ta rất muốn nhân dịp này gặp các khanh, và càng muốn nhân dịp này, nói chuyện với các khanh. Theo thể lớn của thế giới, đế vương là không thể tồn tại được nữa, ta rất biết rõ, nhất quyết không phiêu lưu theo sự nguy hiểm đó. Hàng ngày ở sâu trong đại nội, khác nào kẻ bị tù đày, bao nhiêu cái ràng buộc mất hết tự do, đó là điều ta không muốn chút nào. Từ lâu ta đã có ý định xuất dương du học, nên hàng ngày chuyên tâm nghiên cứu Anh văn, vốn là để chuẩn bị cho việc xuất dương. Song vì trong đó có nhiều cái gò bó nên không thể thực hiện ngay được. Còn điều kiện ưu đãi có tồn tại hay không, đối với ta thật không đáng kể. Nhưng việc đó phải do ta tự động xoá bỏ mới được, nhất định không được do người khác cưỡng bức. Điều kiện ưu đãi do hai bên ký kết với nhau khác nào điều ước quốc tế, tuyệt nhiên không phải một bên ra mệnh lệnh mà đôi thay đi được. Lần này, Phùng Ngọc Tường phải quân đội vào cung quá ư cưỡng bức, quả thật không hợp lý, hợp tình. Nếu việc này đưa ra bàn bạc tử tế, thiết nghĩ cũng có thể làm được đến nơi đến chốn. Ta không muốn bo bo giữ danh hiệu hão ấy, đó là thành tâm thiện ý của ta từ lâu, nếu dùng uy lực quân đội bức hiếp, ta cảm thấy không vui lòng chút nào. Đối với Dân quốc hành động đã man áy cũng làm nhà nước mất thể diện không ít, mặt uy tín không ít, huống hồ đuổi ta ra khỏi cung cảm là có tác dụng khác. Không cần ta nói rõ chắc các khanh cũng biết cả rồi. Lần này ta là người không có chút thế lực nào, Phùng Ngọc Tường dùng thủ đoạn ấy với ta, thắng đã không vinh dự, huống chi tình hình bức hiếp lúc rời khỏi cung, khác nào một sự lăng nhục, một đôi lời khó mà nói hết được. Đuổi ta ra khỏi cung còn lý mà nói được nhưng tại sao lại giữ cả quân áo, đồ dùng, giấy tờ của bao đời tiên tổ ta để lại, thậm chí đến cả chén cốc bát đĩa và đồ dùng thời nấu trong bếp cũng không cho mang đi. Đó cũng là vật đáng tiền ư. Hành động như thế e rằng so với lũ giặc

cướp tội tù cũng chưa chắc đã đến nỗi phải khe khắt đâu vậy. Chỉ riêng phía họ nói rằng việc phục tích năm Đinh Tỵ là phá vỡ điều kiện ưu đãi, cần phải hiểu rằng năm Đinh Tỵ ta mới 12 tuổi có năng lực tự động phục tích hay không, không cần rườm rà bàn cãi. Nhưng từ khi thành lập điều kiện ưu đãi đến nay, cái gọi là khoản tiêu phí hàng năm đã từng được phát đúng hạn lần nào chưa? Rõ ràng chịu trách nhiệm phá vỡ đó trước tiên là Dân quốc. Thế mà nay họ lờ tất không đã động đến, chỉ một mục đồ tội cho việc phục tích năm Đinh Tỵ. Như vậy là không công bằng. Hôm nay ta nói đây không phải là vì bức dọc mà vì trong lòng uất ức, không thể không nhân cơ hội này nói hết ra. Được cái may là có quốc hội phát hiện, nếu như lòng người còn chưa hằn đen tối, chắc là phải có sự giải quyết công bằng, ta chỉ bình tĩnh chờ đợi mà thôi. Ta còn trình trọng thanh minh rằng, có người đưa ra kiến nghị khuyên ta vận động ngoại giao đứng ra can thiệp hộ. Ta đến chết cũng không nghe theo, nhất quyết không bao giờ mượn thế lực người nước ngoài can thiệp vào nội chính của Trung Quốc”...

Khoảng thời gian trước và sau khi tôi làm sinh nhật, trên nhiều báo đã xuất hiện dư luận công kích nhóm người chúng tôi, phản ánh sự công phần của nhiều người trong xã hội do việc tôi bán mình cho người Nhật, do hành động láo xược của tiêu triều đình được nhà cầm quyền nuông chiều dung túng và được người ngoài bao che, nâng đỡ. Ngay lúc ấy, khi “Ủy ban giải quyết các việc tồn tại của nhà Thanh” kiểm điểm tài sản ở trong cung tìm thấy một sổ tài liệu như lời bát của Viên Thế Khải lúc làm vua đã tự tay viết ra điều kiện ưu đãi; các văn bản, chứng từ của Phủ nội vụ về việc cầm cố, bán hạ giá, chuyển chở đồ cô ra nước ngoài v.v.. đều được công bố rộng rãi. Thế là dư luận sôi sục lên. Cố nhiên, điều làm người ta căm phẫn hơn cả là mối quan hệ của triều đình với người Nhật cùng cuộc vận động “yêu cầu phục hồi điều kiện ưu đãi” do các di lão khuấy lên. (Khi tôi làm sinh nhật, trên báo đăng là có trên 300 người ở 15 tỉnh; chia làm 13 nhóm ký tên chung vào đơn thỉnh nguyện). Đê đôi phó lại tiêu triều đình, ở Bắc Kinh xuất hiện một đoàn thể gọi là “Đại đồng minh phản đối ưu đãi nhà Thanh” tiến hành những hoạt động chống đối gay gắt. Sự công phần đó của xã hội biểu hiện trên báo chí bằng những tiêu phẩm châm biếm, cũng có những bài lên án chính diện một cách nghiêm túc; có bài khuyên can tôi một cách đầy thiện ý. Cũng có bài viết theo kiểu cạnh cáo đối với công sứ quán Nhật Bản và nhà cầm quyền Dân quốc. Ngày nay mới thấy việc tôi chỉ tiếp thu một ý kiến trong số những bài đó thôi cũng không đến nỗi làm cho nửa đời trước của tôi sa đọa đến vậy. Còn nhớ mấy bài tố cáo âm mưu đen tối của người Nhật Bản mà nay tôi đã tìm thấy. Đó là một tin của “Tân văn phiên định xã” đăng trên tờ Kinh báo trong đó có một đoạn nói rõ dự định của người Nhật đối với tôi. Bài đó sao mà khớp với những việc xảy ra sau này đến thế khiến tôi vô cùng kinh ngạc.

“Sự ám muội cực lớn là đặc cách nuôi dưỡng hãn, đợi đến khi tình X xảy ra, sự đột biến gì là lập tức dùng sức mạnh hộ tống hãn đến đó khôi phục lại địa vị, tôn hiệu xa xưa của tổ tiên hãn, tách rời khỏi Dân quốc, chịu sự bảo hộ của nước X. Bước thứ hai là cũng thực hiện cùng một biện pháp ấy để X và hãn gộp hai nước làm một”.

Đoạn sau bài báo do còn nói: “Sự hoảng sợ và việc đi trốn của Phổ Nghi lặn này vì có người cố tâm dọa nạt mà rơi vào cạm bẫy ắt hẳn là có kế hoạch từ lâu... Người ta vung tiền bạc, cung cấp đầy đủ mọi thứ ưu đãi hiện nay nên bao nhiêu nhân viên tùy tùng đều được nước X mua chuộc cả. Những người này không biết rằng họ đã rơi vào vòng lung lạc của người ta mà sau này trở thành con rối”. Lúc đó có nhiều bài rõ ràng tác giả không phải là đảng viên Cộng sản mà cũng không phải là đảng viên Quốc Dân đảng, ví dụ như bài bình luận ngắn của “Kinh báo”, có lẽ còn là tay người một lòng trung nghĩa với phong kiến mà viết ra biểu hiện sự quan tâm đến quyền lợi của tôi, sự việc nói đến cũng là thật.

“Di lão có hận thù gì với họ Ái Tân Giác La cơ sao phải làm cho của hết, nhà tan mới hả dạ?

Kết quả cuộc kiểm kê tài sản trong cung cấm nhà Thánh mới biết rằng một phần rất lớn trong số những đồ cổ đồ đã bị cầm cố, bán chác ngay cả Kim bảo, Kim sách của các đời vua cũng đều ở trong kỳ hạn cầm cố. Dù những dân thường đến lúc khôn khó, cùng cực cũng không đến nỗi bán đá bia trên mộ, hoành phi nhà thờ tổ tiên, tại sao Kim sách chói lợi của bao đời Hoàng hậu cũng đều lọt vào tay con buôn bụng phê, áo dài...

Tôi kính xin bày đặt kế hoạch cho lớp trung thân, hãy đẩy lên lòng trung nghĩa, mưu đồ an ninh cho con côi của chủ cũ, chớ có khoe khoang âm ỹ suông mà để bọn con buôn trục lợi, vớ bẫm những món hàng lời. Khiến những vật trân thiết lý lịch không rõ ràng được bày đầy các phòng, các sảnh”.

Đọc bài báo như vậy, tôi không còn cảm thấy người ở Phủ nội vụ là không đáng tin nhiệm như hồi tôi còn ở cung cấm đối với tờ Kinh báo và tác giả bài bình luận gần đây tôi dứt khoát coi là kẻ thù của mình. Còn với các bài chỉ trích khác, phản ứng của tôi chỉ là thù hận.

Ở sứ quán Nhật Bản, vì tính hiếu kỳ mà tôi cùng mấy người hầu cưỡi xe đạp nửa đêm ra ngoài chơi (về sau sứ quán Nhật khoá cổng chính không để cho tôi ra nữa), có một lần tôi cưỡi xe đạp đến sông Ông ở ngoài Tử Cấm Thành mà tôi mới rời khỏi không bao lâu, nhớ đến ngai vàng và các thứ đồ vật của tôi đều một màu vàng chói, ý chí phục thù và phục tích đã tràn ngập tim tôi, bất giác người tôi nóng ran như lửa đốt, mặt rung rung lệ. Tôi ngầm thề rằng sau này tôi nhất định phải trở lại đây với tư thế một ông vua chiến thắng như tổ tiên đời thứ nhất của tôi.

- Tạm biệt!

Tôi khe khẽ nói lên hai tiếng mang hai ý nghĩa đó rồi nhảy lên xe đạp phóng đi.

Ba tháng ở sứ quán, cái mà tôi tiếp xúc hàng ngày là sự chăm sóc ân cần của chủ nhân Nhật Bản, lời thề thốt trung thành của các di lão và sự phản kháng gay gắt ở ngoài xã hội đối đến. Tham vọng và hận thù của tôi ngày đêm không ngừng phát triển dưới ba loại ảnh hưởng khác nhau ấy. Tôi nghĩ cứ nằm khàn thế này là không được, đã đến lúc tôi cần phải tiến hành chuẩn bị cho tương lai của tôi, sự dự tính từ hồi trước kia nay lại trở lại đầu óc tôi - tôi cần phải xuất dương sang Nhật Bản.

Đối với ý định của tôi, sứ quán đều tỏ ý ủng hộ, công sứ quán không chính thức bày tỏ ý gì nhưng viên bí thư thì công khai tỏ ý nhiệt tình.

Sau sinh nhật tôi không lâu, La Chân Ngọc đến nói với tôi: ông ta ' cùng Jkebe bàn bạc xong xuôi. Việc xuất dương phải đến Thiên Tân làm công việc chuẩn bị, ở đây không được tiện lắm. Đến Thiên Tân, tốt nhất tìm một ngôi nhà trong tô giới Nhật Bản để ở, toà nhà tậu trước kia trong tô giới Anh, địa điểm không thích hợp. Thấy ông ta nói có lý và bản thân tôi cũng muốn xem cái thành phố to lớn ấy nên đã đồng ý ngay. Tôi phái "Nam thư phòng hành tẩu" tìm nhà ở tô giới Nhật Bản, kết quả đã chọn được biệt thự "Trương Viên".

Mấy hôm sau La Chân Ngọc lại đến nói "Trương Viên đã chuẩn bị tươm tất, hiện nay quân Quốc Dân đảng đang dời đến, trên đường sắt chỉ có lèo tèo một ít quân đội Phụng Thiên, chính là cơ hội tốt, có thể khởi hành ngay". Tôi đem việc này nói với công sứ Kobashizawa, ông ta tỏ ý tán thành tôi đi Thiên Tân. Về việc di chuyển của tôi, công sứ Nhật Bản đã cho người đến báo cho Đoàn Kỳ Thụy biết. Đoàn Kỳ Thụy cũng tỏ ý bằng lòng và còn muốn cho quân đội hộ tống nữa. Nhưng công sứ Kobashizawa đã từ chối sự quan tâm ấy. Ông ta quyết định cho viên trưởng ty cảnh sát và cảnh sát mặc thường phục của sứ quán Nhật ở Thiên Tân đến Bắc Kinh để hộ tống tôi đi, còn Uyển Dung và những người khác đi sau. Như vậy là công việc đã bàn xong.

Bảy giờ tối ngày 23 tháng 2 năm thứ 14 Dân quốc, tôi từ biệt vợ chồng công sứ Kobashizawa. Chúng tôi chụp ảnh chung, tôi ngỏ lời cảm ơn họ. Họ chúc tôi đi đường bình yên rồi dưới sự che chở của Jkebe Masatoba và cảnh sát Nhật, tôi ra công sau sứ quán Nhật Bản đi bộ đến ga Tiễn Môn Bắc Kinh. Trên xe tôi đã thấy cha con La Chân Ngọc. Suốt con đường xe chạy, mỗi khi đến ga đỗ lại, lại có vài tên cảnh sát Nhật Bản mặc thường phục lên xe. Lúc đến Thiên Tân, quá nửa xe là những người như thế. Viên tổng lãnh sự Yoshida Abagemi của Nhật Bản ở Thiên Tân cùng sĩ quan binh lính đồn trú chừng mấy chục người đã đến đón tôi xuống xe.

Ba hôm sau, lời tuyên bố của sứ quán Nhật Bản xuất hiện trên "*Thiên Tân nhật báo*":

"Trong lúc vua Tuyên Thống triều Thanh tạm trú ở sứ quán chúng tôi, đêm 23 đột nhiên khởi hành đi Thiên Tân. Ngay chiều 24 sứ quán chúng tôi đã thông báo cho Đoàn chấp chính cùng tổng trưởng ngoại giao biết sự việc. Vua Tuyên Thống vốn có ý định rời Bắc Kinh từ lâu. Chính phủ chấp chính đã sớm biết rõ nhưng không hề có ý cản trở. Đó là điều mà sứ quán chúng tôi cũng hiểu biết nhưng đành nhìn là từ dự định đến ngày thực hành chắc còn phải một thời gian lâu. Không ngờ lại rời Bắc Kinh nhanh chóng như vậy. Ý hận là vì mấy hôm nay báo chí luôn luôn đăng những tin tình hình không ổn định nên nhà vua phải đi gấp v.v..."

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG Ở THIÊN TÂN

Cố gắng của La Chấn Ngọc

Đến Thiên Tân mới biết không phải như La Chấn Ngọc nói “nơi ở đã chuẩn bị thỏa đáng”. Vì đầu tiên tôi ở một ngày trong khách sạn Đại Hòa. Ngày hôm sau, Uyển Dung, Văn Tú và những người của sứ quán Nhật Bản đều tới mới chuyển đến Trương Viên, nơi bố trí một cách vội vã.

Trương Viên là một khu vườn rộng khoảng hơn một hecta trong đó có một ngôi nhà mà người Thiên Tân gọi là lầu Bát giác. Đây là nơi vui chơi của Trương Bru, Thông chế trần thứ 8 đóng ở Vũ Xương triều nhà Thanh trước đây. Khi khởi nghĩa Vũ Xương, Trương Bru sợ hãi đến vứt cả ấn tín, ôm châu báu vàng bạc cùng gia đình chạy đến Thiên Tân làm kẻ lựu vong ở khu tô giới Nhật bản. Tôi vừa đến Trương Viên, vị “danh tướng” triều Thanh này kiên quyết không thu tiền thuê nhà, mỗi buổi sáng đến mang một chiếc chổi, đích thân đến quét nhà cho tôi, đại thể là bày tỏ lòng trung thành của mình. Sau đó, không rõ có ai khuyên can, ông ta mới vứt cái chổi đi. Tôi ở nơi này 5 năm. Sau khi Trương Bru chết, con trai ông ta đòi tiền thuê nhà. Tôi cũng thấy thiếu tiền nhà của hãn không tiện do đó lại chuyển đến “Tĩnh Viên” của Lục Tôn Hưng.

Mục đích tôi đến Thiên Tân vốn là để ra nước ngoài. Kết quả đã ở đó bảy năm. Trong bảy năm đó, tôi sống trong sự ngả nghiêng giữa các phái di lão, các loại chủ trương. Khi đó, lực lượng các vùng bên cạnh tôi đã sút giảm rất nhiều. Lúc mới đầu, cha tôi không hay đến Thiên Tân, sau đó đã đến luôn (ở tại căn phòng nhà tôi mua từ trước ở khu tô giới Anh). Đối với tôi ông cũng không có tác dụng gì. Trong thời gian đó thầy Johnston bỏ tôi đến làm chuyên viên ở Uy Hải Vệ⁽⁴⁴⁾. Sau là tô giới Anh trong 25 năm. Sau khi chính phủ Trung Quốc thu hồi Uy Hải Vệ, năm 1926 ông đến Thiên Tân và gặp tôi một lần. Ông chạy vạy cho tôi với đám Ngô Bội Phu nhưng không có kết quả gì. Sau đó ông về nước Anh nhận tước vị Huân tước, làm giáo sư Hán học trường đại học Luân Đôn kiêm cố vấn Bộ Ngoại giao Anh. Trong 7 năm đó, những nhân vật gần bó chúng tôi đại thể chia làm mấy phái.

Một phái gồm đám cự thân do Trần Bảo Thâm đứng đầu, lúc đầu đặt hy vọng vào việc khôi phục quyền ưu đãi, sau cọ lại thành duy trì nguyên trạng, có thể gọi là phái “Hoàn cung”.

Một phái đứng đầu là La Chấn Ngọc trong đó có một số di thần già, trẻ, cũng có vương công cá biệt như Phổ Vĩ, đặt hy vọng vào việc liên lạc, mua chuộc bọn quân phiệt tức cái gọi là phái “dùng vũ lực”. Các nhân vật của phái này rất phức tạp; có di lão triều Thanh trước, cũng có cả chính khách Quốc Dân Đảng, nhân vật trung tâm là bản thân tôi. Sau đó, Trịnh Hiếu Tế lại về bên cạnh tôi. Mới đầu ông ta cũng không thuộc phái nào, hầu như đã từng tán thành và cũng đã phản đối chủ trương của bất cứ phái nào. Sau đó, khi khẳng định chủ trương dựa vào Nhật Bản, ông ta đã chiến thắng mọi đối thủ. Không những ông ta đã chiến thắng họ, trong giai đoạn giành giật này ngay những thành quả kinh doanh trong nhiều năm của La Chấn Ngọc, thủ lĩnh cũ của phái “Liên Nhật”, đối thủ cũ của ông ta cũng dần dần bị ông ta thôn tóm. Song đó là chuyện sẽ nói sau, ở đây trước hết hãy nói về La Chấn Ngọc.

Khi La Chấn Ngọc vào cung mới hơn năm mươi tuổi. Người tầm thước, đeo kính cận gọng vàng (trước mặt tôi ông bỏ kính ra). Cuối triều Thanh ông làm tới Học bộ tham sự, vốn không thể tiếp cận với tôi. Sau khi tôi kết hôn, do sự tiến cử thăng chức, cũng do ông nổi tiếng về khảo cổ học, tôi

tiếp thụ đề nghị của Trần Bảo Thám, giữ làm Hànhtầu Nam thư phòng, mời tham gia giám định các loại đồ cổ trong cung. Một số học giả nổi tiếng thỉnh thoảng qua lại với ông ta có anh em rể Vương Quốc Duy và Kha Cật Mân, nổi tiếng về sửa Nguyên sử. Trần Bảo Thám cho rằng Nam thư phòng có mấy người đó tăng thêm uy tín cho nhà Thanh. Đương nhiên, tiếng tăm của La Chân Ngọc về mặt hoạt động phục tích được tôi chú ý hơn là về mặt học thuật. Năm cách mạng Tân Hợi, ông sang phía Đông, sống lưu vong ở Nhật bản 10 năm, viết sách khảo cổ. Thăng Sung và Thiện Kỳ đến Nhật bản hoạt động tìm kiếm viện trợ phục tích đã cùng ông ta kết thành bè bạn. Sau đó Thăng Sung chán nản về ở Thanh Đảo một thời gian rồi chạy về sống lưu vong ở khu tô giới Nhật tại Thiên Tân. Thiện Kỳ định cư ở Lữ Thuận - Đại Liên được người Nhật nuôi dưỡng. So với hai người, La Chân Ngọc hoạt bát hơn. Năm 1919, ông ta về nước, đầu tiên ở Thiên Tân, kết giao với người Nhật. Sau đó mở một cửa hàng đồ cổ ở bến tàu Đại Liên tên là Hắc Duyên Đường, vừa mua bán đồ cổ, vừa tiếp tục lôi kéo người Nhật, tìm kiếm những người đồng minh phục tích.

Nghề kinh doanh kiếm tiền bằng đồ cổ, tranh vẽ, vàng, đá quý... của La Chân Ngọc đã có từ lâu ông xuất thân tại một nhà bán sách cũ ở huyện Thượng Lư tỉnh Chiết Giang. Đến tuổi trưởng thành ông dạy học ở một nhà thân sĩ lớn họ Khâu tỉnh Giang Tây. Vị thân sĩ lớn này là một nhà bảo tàng sách. La Chân Ngọc dạy học được ba năm thì ông chủ đột ngột qua đời. Lợi dụng con gái ông chủ không biết gì, La Chân Ngọc một mặt làm ra vẻ rất đau thương, từ chối không nhận một năm tiền học để góp vào việc tang lễ, mặt khác tỏ ý muốn được giữ lại của chủ nhà một số sách và tranh vẽ cũ làm kỷ niệm. Con gái chủ nhà cho rằng tâm lòng ông thầy này quá tốt nên đề nghị ông tự đến lầu chứa sách tùy ý lựa chọn. Do đó, ông thế từ buôn sách này liền chọn ra mấy hòm “Kỷ niệm phẩm” trong đó có hơn một trăm cuốn Kinh do người đời nhà Đường viết, hơn 500 bức tranh vẽ đời Đường, Tống, Nguyên, Minh chất đầy mang về. Trên cơ sở đó, do ông ta khắc các cuốn sách Tam tự Kinh, Bách gia tính... nên trở thành nhà buôn đồ cổ, tranh cổ, buôn bán ngày càng phát đạt, danh tiếng là nhà kiểm định tranh vẽ, đồ cổ ngày càng lớn. Sau đó cũng thông qua con đường mua bán các loại văn vật cổ, ông ta lập được quan hệ với người Nhật. Trong những năm ở Nhật bản, kết giao với một số nhân vật có tên tuổi, nhiều người Nhật coi ông ta là giới có thẩm quyền về học thuật văn vật cổ Trung Quốc thường đưa tranh vẽ đến đề ông giám định. Ông ta khắc một số con dấu “La Chân Ngọc giám định”, “La Chân Ngọc thẩm định”. Các nhà buôn đồ cổ Nhật bản mỗi lần đưa tranh đến đề ông ta đóng dấu phải trả 3 đồng Yên (Nhật), sau đó mang đi lừa dối người. Về sau, ông ta còn phát triển đến mức theo mẫu dấu nổi tiếng của người xưa, trên các bức vẽ vô danh, thêm vào dấu “La Chân Ngọc giám định”, bán với giá cao. Thường lấy có bận rộn, ông ta giữ lại những thứ đồ dùng quý giá người ta mang tới nhờ ông giám định, ra sức in một số mảnh in đề bạn.

Sách bản in đời Tống do Hắc Duyên Đường của ông ta bán ra, nghe nói có một số làm giả bằng giấy phi công của Cổ Cung. Khi đó, tôi hoàn toàn không biết chuyện này. Có người nói: nhân phẩm La Chân Ngọc cổ nhiên không tốt, tài học còn được. Theo tôi, tài học của ông ta có bao nhiêu cũng rất đáng hoài nghi. Trong thời kỳ ngụy Mãn, một lần ông ta mang tới một số ngọc đời Hán mời tôi xem. Đối với Hán ngọc tôi không thể nói có nghiên cứu gì chỉ vì tôi vô cùng ưa thích, thu nhập không ít. Cái gọi là không sợ không biết hàng, chỉ sợ hàng so sánh với hàng, đương nhiên, gọi là Hán ngọc cũng không phải nhất định là triều Hán mà chỉ là quen gọi đồ ngọc cổ. Xem qua Hán ngọc do La Chân Ngọc mang tới tôi ngẫm giật mình về “tài học” của ông ta vì rằng toàn bộ đều là đồ giả...

Điểm nút tranh luận giữa hai phái lúc mới đầu là có ra nước ngoài hay không? Sau khi tôi từ sứ quán Nhật Bản tại Bắc Kinh chạy xuống tô giới Nhật Bản ở Thiên Tân, sự đả kích của xã hội đạt tới cao trào mới. Thiên Tân xuất hiện một “Đồng minh chống đại Thanh” đối chọi với tôi. Đám người của La Chân Ngọc nhân cơ hội đó nói với tôi: dù để an toàn hay phục tích ngoài việc ra nước ngoài, không còn con đường nào khác. Thanh thế của đám này một thời lớn mạnh, ngay một nguyên lão ở Quảng Đông là Trần Bá Đào cũng gửi lời tâu nói: “Không ra nước ngoài khó giữ được an toàn, càng khó mưu đồ khôi phục”, đồng thời chủ trương: sau khi du lịch Âu - Mỹ có thể định cư ở Nhật bản để đợi thời cơ thay đổi.

Đám Trần Bảo Thám thì cho rằng: điều đó hoàn toàn là hành động nông nổi.

Họ cho rằng: một là Phùng Ngọc Tường chưa chắc đã đứng vững, nguy hiểm cũng không lớn; mặt khác, xuất dương đến Nhật bản, Nhật bản chưa chắc hoan nghênh. Nếu như ở Nhật bản không xong, mà trong nước lại không dung càng không thể mong đám Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Lâm cho tôi về Tử Cấm Thành. Khôi phục tình hình như trước. Tôi cảm thấy không ủng hộ ý kiến của đám người Trần Bảo Thám song sự cảnh cáo mà họ nêu ra khiến tôi chú ý. Tôi do dự đôi với chủ trương của Trần

Bảo Thám.

Năm 1926, chính cuộc đã có lúc xảy ra biến động như đám Trần Bảo Thám hy vọng. Trương Tác Lâm chuyển sang liên hợp với Ngô Bội Phu, cuối cùng Trương Tác Lâm và Phùng Ngọc Tường nổi ra xung đột. Quân của Phùng Ngọc Tường bị quân Phùng Thiên công kích. Phùng Ngọc Tường rút quân đội ở Thiên Tân. Quân của Phùng ở Bắc Kinh ở vào thế bị bao vây. Đoàn Kỳ Thụy cầu kết với Trương Tác Lâm bị quân Phùng Ngọc Tường phát hiện. Đoàn Kỳ Thụy bỏ chạy, tiếp đó quân của Phùng Ngọc Tường không trụ được ở Bắc Kinh, rút lui về Nam Khẩu. Quân Phùng Thiên của Trương Tôn Xương tiến vào Bắc Kinh. Khoảng tháng 7, “hai đại soái” Trương Tác Lâm và Ngô Bội Phu gặp nhau ở Bắc Kinh khiến phái “hoàn cung” vô cùng lạc quan. Phái “hoàn cung” lại hoạt động nhộn nhịp. Trần Bảo Thám ở bên cạnh tôi đã đích thân về Bắc Kinh, tìm Đỗ Tích Khuê, bạn cũ của mình mới được cử làm thủ tướng nội các để hoạt động. Bên ngoài, Khang Hữu Vi gửi điện cho Ngô Bội Phu, Trương Tác Lâm và Trương Tôn Xương kêu gọi khôi phục điều kiện ưu đãi. Khang Hữu Vi gửi một bức thư dài cho Ngô Bội Phu, ca ngợi “công đức” của triều Thanh, lấy lý do “Trung Hoa làm Dân quốc do triều Thanh nhường cho, không phải là Dân quốc tự mình giành được”, đề nghị Ngô Bội Phu nhân thời cơ phục tích. Ông ta nói với Ngô Bội Phu: đám Trương Tác Lâm không có vấn đề, về mặt ngoại giao cũng có sự đồng lòng, thậm chí “người Quốc Dân Đảng khi nói chuyện riêng tư cũng không lấy việc phục tích làm ngạc nhiên”, “sĩ phu toàn quốc không ai không nghi ngờ Quốc Dân và chủ trương phục tích”, vì vậy “nay chờ mình công quyết định”.

Thực ra, tuy các hệ quân nhân phía Bắc bỗng nhiên lại hợp tác, Trương Tác Lâm lại được tôn làm Tổng tư lệnh An quốc quân, trong năm 1924 bắt đầu sự hợp tác lần thứ nhất giữa Quốc Dân Đảng và cộng sản. Quân tiên phong Bắc phạt thế như chẻ tre. Quân tiên duyên của Tôn Truyền Phương, Ngô Bội Phu, Trương Tác Lâm không đứng vững, tan rã và thất bại. Bọn chúng đang không lo nổi mình, còn lòng dạ nào tính chuyện điều kiện ưu đãi? Hoạt động của Trần Bảo Thám chẳng có kết quả gì. Thư Ngô Bội Phu trả lời Khang Hữu Vi cũng rất đơn giản, biện bạch nói: “Vàng đá không đổi thay, khúc cao không hòa được”.

Một năm sau, Khang Hữu Vi ôm hận chết ở Thanh Đảo. Hy vọng “hoàn cung” tiêu tan, đám Trần Bảo Thám chán nản, phía La Chân Ngọc lại nhộn nhịp. Tháng 3/1926, trong lúc tôi đang lo lắng về việc quân đội Bắc phạt đang đến gần, từ Lữ Thuận Phô Vỹ cử người đưa tới lời chào và một bức thư gửi La Chân Ngọc, nội rằng ông đã móc nối tốt với phía Nhật bản, mong tôi chuyển đến ở Lữ Thuận, “trước hết xạ nguy hiểm, sẽ mưu tính chuyện lớn”, “đi đông đi Tây, trước hết cần có nơi định cư”. Do đã nghe nhiều lời nói suông của La Chân Ngọc nên tôi cũng có chút không yên tâm đối với họ, tuy nhiên tôi có ấn tượng tốt đối với Phô Vỹ. Tôi đến Thiên Tân chưa bao lâu, Phô Vỹ đã từ Lữ Thuận đến thỉnh an. Lần đầu gặp mặt, vị “Cung thân vương” này nói với tôi một câu rất cảm động: “Phô Vỹ còn, đại Thanh không thể mất”. Đọc thư ông ta khuyên tôi đến Lữ Thuận tự nhiên tôi có chút động tâm. Vì ông ta thông qua La Chân Ngọc đề khuyên tôi, nên sự nghi ngờ của tôi đối với La Chân Ngọc cũng giảm nhiều. Sau đó, quân Bắc phạt chiếm lĩnh Vũ Xương, toàn tuyến quân đội phía Bắc dao động, La Chân Ngọc càng tuyên truyền với tôi rằng quân cách mạng đây là “hồng thủy, mãnh thú”, “giết người đốt nhà”, nếu rơi vào tay họ ắt không có đường sống. Nghe những lời đó, tôi đã quyết định theo họ đến Đại Liên. Song do Trần Bảo Thám khuyên can lại, quyết định tạm hoãn. Từ công sứ quán Nhật bản, Trần Bảo Thám được tin: tình hình có vẻ không đến nỗi bi quan. Tôi ngóng chờ không bao lâu, quả nhiên tin tức thanh đảng của Quốc Dân Đảng đã tới. Tưởng Giới Thạch tàn sát hàng loạt người bị gọi là người cộng sản “hồng thủy mãnh thú”. Trước và sau thời gian đó còn liên tiếp truyền tới những tin: quân hạm nước Anh bắn đại bác vào Nam Kinh, Nhật bản ra quân ở Sơn Đông ngăn cản quân phía Nam lên phía Bắc. Những tin tức đó khiến tôi tin vào sự vững vàng của đám Trần Bảo Thám, cảm thấy tình hình không đến nỗi nghiêm trọng như đám La Chân Ngọc nói. Tưởng Giới Thạch cố nhiên giống như Viên Thế Khải, Đoàn Kỳ Thụy. Trương Tác Lâm sợ người nước ngoài, tôi ở trong tô giới nước ngoài chẳng phải là được bảo hiểm như trước sao?

Lý tưởng cuối cùng của hai phái “hoàn cung” và “xuất dương” thực ra không mâu thuẫn. Họ nhất trí hy vọng phục tích. Sau khi hy vọng “hoàn cung” của đám Trần Bảo Thám bị tan vỡ, lại chủ trương áp dụng chính sách “yên lặng đợi xem sự thay đổi”, song về mặt “liên Nhật” cũng không phản đối chủ trương của bọn La Chân Ngọc. Ví dụ: một vị di lão Hành tẩu Nam thư phòng tên là Ôn Túc (Khi Trương Huân phục tích đã làm Phó đô ngự sử Viện đô sát trong 12 ngày) đã tâu: “Trần Bảo Thám có tài không ai có thể so sánh được, rất thân với Kobashizawa Kenyoshi” (công sứ Nhật bản - ND). “Hành tẩu” (nơi ở tạm thời của vua) đặt ở Thiên Tân, có thể do Trần cùng Kobashizawa liên hệ gần

gửi, lấy “liên kết chặt chẽ với bên ngoài, ngầm xây dựng thế lực”, “Bắc Kinh và Thiên Tân gần nhau, đi lại có thể không để dấu vết”. Hiện nay tôi có thể nhớ lại, di lão kiên quyết phản đối xuất dương nhất chỉ là cá biệt. Thậm chí cũng có người đã nói: “Nhật bản chỉ có lợi thì làm, không thể nghĩa khí hiệp trợ phục tích”. Họ cho rằng, phục tích chỉ có thể gửi gắm vào bản thân các “di thần, di dân”. Trong các “di thần, di dân” của họ, phải gạt La Chấn Ngọc ra ngoài.

Hai đám người này cố nhiên cũng không phải tranh chấp về chủ trương biện pháp mà là tranh chấp giữa người và người. Vì vậy ngoài việc công khai bàn luận, điều trần, sự đấu đá ngầm bên trong cũng quyết liệt. Về mặt này, mặc dù có nhiều thủ đoạn, kết quả La Chấn Ngọc vẫn là kẻ thất bại.

Một hôm, La Chấn Ngọc được tôi gọi tới, đến căn phòng nhỏ nơi tôi gặp những người gọi tới. Ông ta mang theo một túi vải dài nói với tôi:

- Tội thân muôn vạn đáng chết, không dám làm rối loạn lòng thiên tử. Song nếu thần vì giao thiệp riêng tư, chỉ dấu cái ác, dương cái thiện thì lại bất trung bất nghĩa.
- Ông nói cái gì thế?

Tôi nhìn ông ta chẳng hiểu gì cả. Chỉ thấy ông ta gật gà gật gờng như viên thái giám già rửa mặt chải đầu, lấy tay mở chiếc túi. Túi được mở ra, bên trong là một đôi câu đối. Ông ta từ từ mở ra, chưa mở hết tôi đã nhận ra, đó là đôi câu đối tôi viết cho Trần Bảo Thám.

- Thần phát hiện bản chữ viết của hoàng thượng ngoài chợ, nghĩ thật là may mắn, được thần mang về đây...

Lúc đó tôi chưa biết đám người La Chấn Ngọc chuyên làm một số việc buôn bán xấu xa, chỉ nghĩ đến sự bất kính của Trần Bảo Thám đối với “ân thưởng” của hoàng thượng, dám mang bản ngự bút ra bày ở ngoài chợ, lòng tôi thật không vui, một lúc đầu óc rối bời chẳng biết nói gì, chỉ biết xua xua tay bảo La Chấn Ngọc nhanh chóng lui ra.

Lúc đó, Trần Bảo Thám đi Bắc Kinh. Hồ Từ Viện biết sự việc này kiên trì nói: đây quyết không phải là lỗi của Trần Bảo Thám. Ông không tin là người hầu của nhà họ Trần dám mang thứ đó ra chợ bán. Song cũng có khả năng người hầu của nhà họ Trần lấy cắp mang bán. Vậy ai là người đem ra chợ bán, tại sao lại rơi vào tay La Chấn Ngọc? Ông ta không nói ra được. Bị tôi truy hỏi, ông chỉ kể một câu chuyện:

“Tùng Duân, đại học sĩ triều Gia Khánh là một vị trung thần, hoàng thượng chắc đã biết. Câu chuyện của Tùng Duân, nếu Hoàng thượng muốn nghe thần sẽ kể. Năm thứ 24 Gia Khánh, Nhân Tôn Huệ Hoàng đế muốn xuất quan ngự giá tuần du. Đại học sĩ Tùng Duân biết trong lòng rất lo lắng, chỉ sợ Nhân Tôn đi chuyên này chẳng lành. Những lời trong lòng Tùng Duân không thể nói rõ với bề trên, chỉ tâu bằng những lời vòng vo, nói đêm xem thiên tượng không nên xuất du. Nghe tâu, Nhân Tôn cả giận ra một đạo dụ nói: từ xưa lấy hiếu trị thiên hạ, trăm xuất quan tể to tiên lễ sao lại chẳng lành. Do vậy Tùng Duân bị tước quan giáng làm Hiệu phiên ký. Sau đó Nhân Tôn băng hà ở hành cung tại Nhiệt Hà, Nghi Tôn (Đạo Quang) nối ngôi về triều. Vừa tiến vào Tây Trục Môn trông thấy Tùng Duân mang quần đẹp đường, nhớ lại những lời Tùng Duân tâu can hoàng đế Nhân Tôn mới rõ hàm ý trong lời nói, biết rõ đó là trong thần có lòng trung thành vô hạn, lập tức khôi phục cho nguyên chức...”

Tôi vội hỏi:

- Người nói gì thế? Điều đó có gì quan hệ đến Trần Bảo Thám?
- Thần nói là Trần Bảo Thám như Tùng Duân, có lời không thể nói rõ.
- Thế thì ta là Nhân Tôn hay Nghi Tôn?
- Không, không... - Hồ Từ Viện sợ quá không biết nói thế nào. Tôi không nhịn được nói :
- Người là người thẳng thắn, đừng có học những lời vòng vo như thế, hãy nói thẳng ra?
- Dạ, thần nói Trần Bảo Thám chính là lòng trung thành vô hạn, chẳng qua là những lời tâu can của ông đối với bề trên luôn luôn không đạt, luôn luôn bị trả về. Hoàng thượng thiên tư thông minh tự nhiên có thể thấy được.
- Được, ta biết thầy Trần là người thế nào?

Tôi tuy không hiểu rõ hàm ý câu chuyện về Tùng Duân, cũng vui vẻ nghe Hồ Từ Viện nói những lời tốt đẹp về thầy Trần, ít nhất cũng có thể gạt bỏ việc câu đối khiến lòng tôi không thoải mái, và mong rằng nó thật sự bị đánh cắp là tốt rồi.

Qua những thất bại liên tiếp, đặc biệt là một sự việc khác về sau La Chấn Ngọc mất hết sự tín nhiệm của tôi. Cuối năm 1928, ông ta rời đến Lữ Thuận tìm con đường khác.

Ở đây tạm thời không nói về cuộc đấu tranh giữa các di lão, trước hết nói một chút về nguyên nhân khiến tôi ở lại Thiên Tân mà không ra nước ngoài, đó là hy vọng của tôi đối với đám

quân phiệt.

Quan hệ giữa tôi và các tướng hệ Phụng Thiên

“Ngày mùng 5 tháng 8, 7 giờ sáng dậy. Tiệp Bính Viêm bắt mạch. 8 giờ, Trình Hiếu Tế nói về “Thông giám”. 9 giờ, tản bộ trong vườn, tiếp kiến Khang Hữu Vi. Hơn 10 giờ Khang cáo từ ra, Trương Hiên và Trương Khánh Sưởng đến, giữ lại ăn sáng, ban cho mỗi người một tờ chữ thọ, cùng chụp ảnh trong vườn. Trương Hiên là tướng mạnh của Lý Cảnh Lâm, Trương Khánh Sưởng là hiệu tướng của Tôn Truyền Phương. 12 giờ họ cáo từ ra về. Tiếp kiến Tế Hú, một lát liền đi, nghỉ ăn quả, uống trà. Nữ sĩ Anh Giên nờ tới cùng trò chuyện⁽⁴⁵⁾. Nữ họa sĩ do hoàng hậu gọi cũng tới. Xong vào phòng ngủ nghỉ.

Đạp xe vận động trong vườn. Gần tối đi xe ô tô ra khỏi trang viên đến nơi nhà mới mua, một lúc quay về. Hơn 8 giờ ăn cơm tối. Nghỉ và tiếp kiến bác sĩ Kết Bảo Xuyên. 11 giờ đi ngủ.

Ngày mùng 6 tháng 8: hơn 8 giờ dậy. 10 giờ triệu kiến Viên Lệ Chuẩn. 11 giờ ăn sáng và gặp Kết. Bảo Xuyên. 12 giờ tiếp kiến Khang Hữu Vi đến 1 giờ chiều Khang cáo từ. Thầy Trần đến gặp. 3 giờ nghỉ ngơi. Lỗ quân Quân trưởng Tatsurō cùng anh rể Lữ trưởng Thường Chi Anh đến thăm. Một lát cáo từ. Lát sau Ngô Trung Tài đến, giao khi xuống phía Nam hỏi thăm Ngô Bội Phu. 6 giờ Tatsurō đến thăm. 6 giờ hơn cáo từ. Tản bộ trong vườn, một lát Vinh Nguyên tới. Nói chuyện một chút, vào nhà nghỉ ngơi”.

Đây là một trang nhật ký năm 1927. Có thể thấy rõ khi đó sinh hoạt ngày tháng của tôi và những nhân vật tôi tiếp kiến. Từ năm 1926 đến 1928, những người như Tatsurō, Trương Tôn Xương... là khách thường xuyên của Trương Viên. Ngoài họ ra, tôi còn đã tiếp kiến Trương Học Lương, Chử Ngọc Hầu, Từ Nguyên Toàn, Lý Cảnh Lâm... là các tướng lĩnh hệ Phụng Thiên. Người đầu tiên gặp tôi là Lý Cảnh Lâm. Khi tôi tới Thiên Tân, đúng vào lúc quân hệ Phụng Thiên chiến thắng Ngô Bội Phu chiếm lĩnh Thiên Tân. Đốc ban Trục hệ Phụng Thiên Lý Cảnh Lâm lập tức với danh nghĩa quan địa phương đến thăm tôi, tỏ ý bảo hộ tôi. Mặc dù ông ta cũng như bất cứ ông tướng Trung Quốc nào, chính lệnh quân pháp của họ cũng không thể vào “tô giới” được. Trong 7 năm ở Thiên Tân, tôi đã lôi kéo một số quân phiệt mà tôi muốn lôi kéo, họ đến gây cho tôi ít nhiều ảo tưởng. Ngô Bội Phu đã từng giu thủ xưng bề tôi, Trương Tác Lâm đã rạp đầu trước tôi, Đoàn Kỳ Thụy chủ động xin tôi tiếp kiến. Trong số đó, gây nhiều ảo tưởng cho tôi nhất cũng là những người tôi tôn sức lôi kéo nhất, thời gian dài nhất là đám tướng lĩnh hệ Phụng Thiên. Điều đó bắt đầu từ khi Trương Tác Lâm rạp đầu trước tôi.

Tháng 6 năm tôi đến Thiên Tân, một hôm Vinh Nguyên rất phấn khởi nói với tôi: Trương Tác Lâm cử Diêm Trạch Phổ, thân tín của mình gửi cho tôi 10 vạn đồng và nói rằng Trương Tác Lâm muốn gặp tôi ở hành quán của ông ta. Trần Bảo Thám biết việc này lập tức tỏ ý phản đối cho rằng hoàng thượng đến nhà tướng lĩnh Quốc Dân Đảng mà nơi đến lại ngoài tô giới là điều hoàn toàn không nên. Tôi cũng nghĩ không nên hạ mình như thế và mạo hiểm như thế nên đã cự tuyệt. Không ngờ đêm hôm sau, Vinh Nguyên bỗng nhiên đưa Diêm Trạch Phổ tới nói Trương Tác Lâm đang đợi tôi tại nơi ông ta ở đồng thời nói: trong địa giới Trung Quốc quyết không có gì nguy hiểm. Bản thân Trương Tác Lâm không tiện vào tô giới, do đó mời tôi đi một chuyến. Qua Vinh Nguyên ra sức tuyên truyền về lòng trung thành của Trương Tác Lâm, thêm vào việc tôi nhớ lại sự quan tâm của ông ta cách đó không lâu, khi tôi còn trong cung, lại nghe nói: ngoài Trương Huân (hai họ Trương là thông gia) Trương Tác Lâm là người rất có cảm tình với triều Thanh. Vì vậy tôi không nói với ai khác, lên xe ra đi.

Đó là một đêm đầu mùa hạ, lần đầu tiên tôi ra khỏi tô giới Nhật bản, đến “hành quán” của Trương Tác Lâm ở hoa viên nhà họ Tào. Ngoài cửa hoa viên có đội nghi trượng rất kỳ quái - mặc lễ phục màu xám, tay cầm đao, súng, kiếm, kích thời cổ đại và súng trường hiện đại, xếp hàng từ ngoài

vào trong cửa lớn. Xe ô tô đi qua hàng ngũ đó tiến vào trong vườn.

Tôi xuống xe được người dẫn vào đại sảnh rực rỡ ánh đèn. Lúc đó, một người nhỏ bé, mặc quần áo dân sự, đề chòm râu chữ bát tiến đến. Tôi nhận ra ngay là Trương Tác Lâm. Tôi do dự không biết dùng nghi thức gì với ông ta, đây là lần đầu tiên tôi ra ngoài hội kiến một nhân vật cỡ lớn của Quốc Dân Đảng mà Vinh Nguyên lại không sắp đặt trước cho tôi - điều bất ngờ là ông ta không chút do dự, tiến đến trước tôi quỳ trên sàn gạch rập đầu nói: “Kính chào Hoàng thượng”.

“Kính chào Thượng tướng quân”, tôi vội vàng nâng ông ta dậy, cùng tiến vào phòng khách. Lòng tôi rất vui mừng và ít nhiều - tuy nhiên đã không giống như tâm lý một hoàng thượng - có chút cảm kích về hành động của ông ta vừa rồi. Đương nhiên, tôi càng phấn khởi là nhân vật hết sức quan trọng này xem ra không quên cũ.

Trong phòng khách bày bàn ghế gỗ cứng, sô pha kiểu châu Âu, bình phong thủy tinh, rất ngăn nắp lịch sự. Chúng tôi ngồi xuống cạnh một chiếc bàn tròn đối diện. Trương Tác Lâm hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác bắt đầu nói. Ông ta cứ mở miệng là chửi mắng thậm tệ Phùng Ngọc Tường “bức rời cung”, nói Phùng Ngọc Tường lảm nhảm như thế để lấy những của báu trong cung, còn ông ta hết sức chú ý giữ gìn tài sản quý và văn hóa cô. Do nguyên cớ đó, ông ta không những đã chú ý giữ gìn cung điện ở Phụng Thiên rất tốt mà lần này còn mang được bốn kho toàn thư của Bắc Kinh đi, giữ gìn chu đáo. Ông ta còn nói với giọng lầy lăm lã rằng, sau khi ông ta mang quân tới Bắc Kinh tôi không nên chạy vào sứ quán Nhật bản vì ông ta đã có lực lượng để bảo vệ tôi. Ông ta hỏi về đời sống của tôi sau khi ra khỏi cung, bảo tôi thiếu thứ gì cứ bảo ông ta.

Tôi nói, tình cảm sâu sắc của thượng tướng quân đối với tôi, tôi hoàn toàn biết rõ. Khi đó, do quân của Phùng Ngọc Tường còn ở đó, thật sự bắt buộc dĩ mới vào sứ quán Nhật Bản. Tôi lại nói thêm, từ lâu tôi đã biết tôn miếu, lăng tẩm và cung điện ở Phụng Thiên được bảo vệ rất tốt. Tôi rất hiểu tâm lòng của Trương thượng tướng quân.

- Hoàng thượng nếu vui lòng đến Phụng Thiên của chúng tôi, ở trong cung điện, có tôi ở đó việc gì cũng xong.

- Trương thượng tướng quân thật quá tốt...

Tuy nhiên vị thượng tướng họ Trương này cũng không nói tiếp kiểu nói đó nữa mà chuyển sang nói về mặt sinh hoạt của tôi: “Sau này thiếu thứ gì xin viết thư cho tôi.”

Tôi thiếu cái gì? Thiếu cái ngai vàng. Song tối hôm đó, tôi không có cách nói rõ ra, đó là việc hiển nhiên.

Khi chúng tôi nói chuyện, không ai có mặt. Cùng với chúng tôi, chỉ có ruồi nhặng trong nhà. Tôi lập tức nhận ra, ban đêm vẫn có ruồi nhặng bay, hiện tượng này không có trong tô giới.

Sau đó, có một phó quan tiến đến nói: “Dương tham mưu trưởng xin gặp” (Dương Đình). Trương Tác Lâm xua tay nói: “Không vội gì đợi một chút hãy nói”. Tôi vội đứng dậy nói: “Thượng tướng quân rất bận, tôi xin cáo từ”. Ông ta vội nói: “Không bận, không bận gì”. Lúc đó hình như có khuôn mặt một người đàn bà thoáng sau tấm bình phong (sau đó nghe nói là vợ thứ năm của Trương Tác Lâm), tôi cảm thấy ông ta thật sự bận, lại cáo từ. Lúc đó ông ta không ngăn lại nữa.

Mỗi lần tôi đi ra ngoài, cảnh sát thường phục Nhật Bản ở Trương Viên đều nhất định bám theo, lần đó cũng không loại trừ. Tôi không biết Trương Tác Lâm có nhìn thấy một người Nhật bản mặc ậu phục đứng cạnh xe ô tô hay không, lúc tiến tôi lên xe, ông nói to với tôi: “Nếu bọn nhóc Nhật Bản bắt nạt Hoàng thượng, Hoàng thượng cử bảo tôi, tôi có thể trị bọn chúng”.

Xe ô tô lại chạy qua đội nghi trượng kỳ quái ra khỏi Hoa viên nhà họ Tào, quay về khu tô giới. Bảy hôm sau, tổng lãnh sự Nhật Bản Arido Hachino cạnh cáo tôi:

“Nếu bệ hạ còn tự mình đi ra địa giới Trung Quốc, Chính phủ Nhật Bản không thể đảm bảo an toàn cho bệ hạ”.

Tuy rằng Trương Tác Lâm nói rằng ông ta có thể trị bọn nhóc Nhật Bản, tuy rằng lãnh sự Nhật Bản đưa ra lời phản đối như vậy, trong khi đó, bất cứ ai cũng đều biết về quan hệ giữa người Nhật và Trương Tác Lâm. Nếu như không phải là người Nhật cung cấp súng đạn cho Trương Tác Lâm, Trương Tác Lâm vị tất đã có nhiều quân như vậy. Cho nên, do cuộc hội kiến này đã tăng thêm hy vọng cho tôi, tôi không bị ảnh hưởng về lời phản đối càng không nói đến sự phản đối của phái Trần Bảo Thám.

Hy vọng phục tích của tôi càng được những sự việc sau này khích lệ. Đó là thái độ của nội các Tanaka Giôichi lên cầm quyền năm 1927 thể hiện qua lời tâu nổi tiếng của Tanaka.⁽⁴⁶⁾

Lời tâu Tanaka mãi đến 1929 mới bị vạch ra tuy thực ra nội dung của nó đã được tiết lộ từ

năm 1927. Ở đây, tôi dẫn một đoạn trình bày (47) của “Bản án phán xét của tòa án quân sự quốc tế Viễn Đông” đối với tình hình khi đó:

“Chính sách tích cực” mà thủ tướng Tanaka Giôchi đề xướng là lấy cơ hợp tác với nhà đương cục Mãn Châu đặc biệt là Trương Tác Lâm, Tổng tư lệnh quân biên phòng Đông Bắc, thủ trưởng Hành chính Nhiệt Hà để mở rộng và phát triển quyền lợi đặc biệt mà Nhật Bản cho rằng đã giành được ở Mãn Châu. Thủ tướng Tanaka còn tuyên bố: mặc dù Nhật Bản tôn trọng chủ quyền của Trung Quốc đối với Mãn Châu và bằng mọi cách thực hành “chính sách mở cửa” đối với Trung Quốc. Song Nhật Bản có đầy đủ quyết tâm tuyệt đối không cho phép xảy ra quấy rối sự bình yên và quyền lợi lớn lao của Nhật Bản ở nơi này. Nội các Tanaka nhấn mạnh việc sẽ coi Mãn Châu hoàn toàn khác với các nơi khác ở Trung Quốc, đồng thời tuyên bố nếu như khi cuộc rối loạn từ các nơi ở Trung Quốc lan đến Mãn Châu và Mông cổ, Nhật bản sẽ dùng vũ lực bảo vệ quyền lợi của mình ở nơi đó.

Trương Tác Lâm rap đầu trước tôi. Sau khi được nội các Tanaka ủng hộ trở thành lãnh tụ của các hệ quân ở phía Bắc, làm Tổng tư lệnh An quốc quân, sau đó lại làm Đại nguyên soái quân chính phủ. Khi quân đội của Tưởng Giới Thạch lên phía Bắc, quân đội Nhật Bản “bảo hộ” quyền lợi khu vực Mãn - Mông đã tràn tới Tế Nam cách Mãn - Mông mấy nghìn kilômét, gây nên vụ “thảm án Tế Nam” kinh người. Viên tư lệnh quân đội Nhật Bản Okamura Jsaku còn ra một bản cảnh cáo Tưởng Giới Thạch. Đề tỏ ý quan tâm đã với tôi, Viên tham mưu quân đội Nhật bản đóng ở Thiên Tân còn sao gửi cho tôi một bản. Đề lấy lòng chủ nghĩa đế quốc vừa mới giết hại công nhân, học sinh và những người cộng sản, sau khi xem bản bố cáo, Tưởng Giới Thạch đã ngoan ngoãn rút quân khỏi Tế Nam đồng thời cấm chỉ dân chúng có những hành động chống Nhật.

Cùng lúc này, tiếp xúc giữa tôi và các tướng lĩnh hệ Phụng Thiên cũng tăng lên.

Những cuộc qua lại thù tạc công khai bắt đầu từ sau khi tôi gặp Trương Tác Lâm. Trương Văn Trị, đại quân gia của cha tôi có khá nhiều anh em kết nghĩa trong đám tướng lĩnh hệ Phụng Thiên. Khi đó lại mọc nổi với Trương Tôn Xương trở thành một trong những người dẫn tiên các tướng lĩnh quân Phụng. Lý Sĩ Khuê, nguyên đội trưởng đội quân nhạc quân bảo vệ thành nội khi đó cũng trở thành nhân vật quân Phụng. Chữ Ngọc Hầu và Tất Thử Đãng cũng do ông ta dẫn tiên. Hồ Nhược Ngu còn đưa Trương Học Lượng đến với tôi. Những tướng lĩnh đó đến Trương Viên cũng đã có chỗ khác so với việc vào Tử Cấm Thành trước kia. Họ không dùng thỉnh an cúi đầu, chỉ vái tôi một vái hoặc bắt tay, sau đó cùng ngồi cùng đứng. Tôi viết thư cho họ cũng không quá xưng cái vai hoàng đế. Sự qua lại thân, sơ giữa tôi và các tướng lĩnh quân Phụng quyết định ở thái độ của họ đối với phục tích. Tất Thử Đãng là người khiến tôi có cảm tình sớm nhất, vì nhiệt tâm của ông ta đối với sự nghiệp tương lai của tôi, nào là “lòng người nhớ cũ”, “tương lai chỉ có để chế mới cứu được Trung Quốc, hiện nay là đàn răn không đầu”, nói không khác gì lời các di thiêu, di lão. Ông ta là một quân trưởng của Trương Tôn Xương, kiêm tư lệnh hạm đội Bột Hải đã từng mời tôi tới tham quan hạm đội của ông ta, sau đó khi nghe tin ông ta bị Chữ Ngọc Hầu bắn chết tôi rất thương cảm. Sau khi ông ta chết, hy vọng của tôi lại chuyển sang Trương Tôn Xương. Trương Tôn Xương tự Hiệu Khôn người huyện Dịch tỉnh Sơn Đông. Khi tôi gặp ở Thiên Tân ông ta đã hơn 40 tuổi, mới nhìn là một người đàn ông vạm vỡ, mặt bự thịt, nếu nhìn kỹ sẽ có thể thấy trên da mặt tái tái của người đàn ông vạm vỡ này có màu xám xanh trúng độc thuốc phiện. Năm 15, 16 tuổi, hần đến Doanh Khẩu làm người hầu sòng bạc. Suốt ngày giao du với bọn lưu manh trộm cắp ở đó, ở Quan Đông đã từng làm một tiểu đầu mục thổ phỉ, sau đó lại lưu lạc đến Vladivôttôc của Sa hoàng, làm đầu mục gác cửa cho Tổng hội Hoa thương. Do tháo vát lanh lợi lại khéo giao thiệp đưa đón, có thể hợp tác chặt chẽ với hiến binh Sa hoàng hần đã trở thành thủ lĩnh của xã hội lưu manh ở Vladivôttôc trở thành một tên trùm bao các quán gái điếm, bao sòng bạc, tiếm hút thuốc phiện.

Sau khởi nghĩa Vũ Xương, quân cách mạng phía Nam cử người đến biên giới Trung - Nga tranh thủ Lưu Đan Tử, đầu mục thổ phỉ địa phương đi theo cách mạng. Hai bên đàm phán thành công, tổ chức bộ hạ của Lưu thành một trung đoàn kỵ binh do Lưu làm trung đoàn trưởng. Trương Tôn Xương là người giới thiệu giữa hai bên cùng về Thượng Hải, chưa rõ làm thế nào bạn thân trở thành trung đoàn trưởng quân cách mạng. Lưu Đan Tử trái lại thành một tiểu đoàn trưởng cấp dưới của hần. Cuộc “cách mạng lần thứ hai” nổ ra. Trương Tôn Xương chạy sang bọn phản cách mạng, có công tàn sát quân cách mạng được Phùng Quốc Chương dùng làm tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn bảo vệ của Phùng. Sau đó, do những vận động liên tiếp, lại chiếm được vị trí Sư trưởng Sư đoàn 11. Không lâu do bại trận ở Giang Tô, An Huy, hần chạy lên phía Bắc theo Trương Tác Lâm làm Lữ đoàn trưởng. Từ đó về sau, dựa vào thế quân Phụng. Từ ngày quân Phụng tiến vào trung nguyên, dần dần leo cao, từ Sư

trưởng, Quân trưởng đến Đốc ban quân vụ Sơn Đông, Tổng tư lệnh tiểu phi cho đến Tư lệnh liên quân Trục - Lô, trở thành một thứ hoàng đế chiếm cứ một vùng. Dọ bản tính lưu manh, báo chí phía Nam đã đặt cho hắn một biệt hiệu “Trưởng thịt chó”. Sau đó thấy hắn cứ bại trận là bỏ chạy lại đặt cho một biệt hiệu “Trưởng cẳng dài”.

Ngày mùng 2 tháng 4 năm 1928, dọ Trưởng Giới Thạch và Trương Học Lương kẹp đánh, Trương Tôn Xương bại trận ở Loan Hà chạy đến Lữ Đại. Sau đó lại chạy đến cơ quan của Nhật Bản được vài người Nhật che chở. Năm 1932, lấy danh nghĩa về nhà tảo mộ, ông ta về đến Sơn Đông, ngầm vận động bộ hạ của Lưu Trân Niên phản biến, lấy đội ngũ phản biến làm cơ sở lại dựng cờ gióng trống chiếm lấy địa bàn của Hàn Phục Cừ chủ tịch tỉnh Sơn Đông, khôi phục sự thống trị đối với Sơn Đông. Ngày 3/9/1932, ông ta bị một người tên là Trịnh Kế Thành bắn chết tại chỗ ở ga xe lửa Tế Nam. Hung thủ đó tự thú nói là để trả thù cho chú (chú ông ta bị Trương Tôn Xương bắn chết là Trịnh Kim Thanh, Quân trưởng, bộ hạ của Phùng Ngọc Tường). Thực ra, đây là do Hàn Phục Cừ, chủ tịch tỉnh Sơn Đông sai ám sát. Nghe nói, sau khi bị bắn chết, xác của Trương nằm ở ngoài trời. Bí thư trưởng của ông ta chi tiền mà không thuê được người mang thi thể Trương đi. Chủ hiệu quan tài cũng không muốn bán quan tài cho hắn. Tên ác bá mà mọi người đều nói đáng giết ấy lại là khách quen thuộc của Trương Viên, là nhân vật mà tôi gửi gắm hy vọng lớn.

Khi tôi ở Bắc Phủ, Trương Tôn Xương đã hóa trang đến thăm tôi, bày tỏ sự quan tâm đối với tôi. Sau khi tôi đến Thiên Tân, mỗi khi ông ta đến Thiên Tân đều đến thăm tôi; mỗi lần đến đều vào đêm khuya vì ban ngày ông ta ngủ, buổi tối hút nhiều thuốc phiện, tinh thần no đủ, bắt đầu nói là núi Nam, biển Bắc thao thao bất tuyệt.

Năm 1926, Trương Tôn Xương và Ngô Bội Phu liên hợp đánh Phùng Ngọc Tường, kịch chiến với quân đội của Phùng ở Nam Khẩu. Sau khi quân Phùng rút lui, chiếm lĩnh Nam Khẩu trước tiên là đội ngũ Trương Tôn Xương. Vừa nghe được tin đó, tôi tự viết ngay cho Trương Tôn Xương một bức nửa là thư, nửa là dụ:

Gửi:

Hiệu Khôn Đốc ban mạnh khỏe.

Lâu chưa được tin, rất lấy làm nhớ. Việc quân Nam Khẩu lần này đã kết thúc, công diệt đồ 10 phần đã hoàn thành 8, 9. Với binh 10 vạn, tướng quân chuyên chiến Trục - Lô đập tan kẻ địch mạnh, lúc mùa hạ nóng nực, gian hiểm vô cùng, kiên trì trừng phạt quân giặc, chỉ trong mấy ngày, đánh thắng sào huyệt giặc lập công lao vĩ đại, cứu nguy Trung Quốc, diệt cộng sản đã thành. Nay quân đồ tuy đã chạy xa song gốc rễ chưa nhổ, sợ sẽ là mối lo về sau vẫn mang tâm trừ kẻ ác, một sớm đẹp yên, thật may cho Trung Quốc, thật may cho nhân dân.

Nay cử Tô Ngọc Sơn tặng tướng quân một đôi lọ bạc làm kỷ niệm lần công phá Nam Khẩu này, mong thu nhận.

Hán Khanh, Phương Chấn, Uẩn Sơn (48) đều gửi lời thăm.

Ngày 13 tháng bảy năm Bính Dần

Tôi nhận được tin thắng lợi của Trương Tôn Xương cũng không chậm hơn tin tức đăng trên báo chí vì tôi có công tác tình báo của mình. Có một số người thu lượm tin tức cho tôi, có người dịch báo chí nước ngoài cho tôi. Căn cứ tin tức báo chí trong, ngoài nước và những tin tình báo của tôi, biết thắng lợi và thanh thế của Trương Tôn Xương khiến lòng tôi như hoa nở. Tôi hy vọng Trương Tôn Xương giành được thắng lợi toàn diện sẽ đặt cơ sở phục tích cho tôi. Song vì “trưởng thịt chó” này trong lúc cất cánh bay cao thì không bao giờ muốn nói rõ ràng những việc nó, hầu như chỉ khi nào biến thành “ông trưởng cẳng dài” mới lại nghĩ tới việc đó.

Năm 1928, Trưởng Giới Thạch, Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn tuyên bố hợp tác, quay lại địa bàn phía Bắc, theo tuyến đường Tân Phô, vòng qua người Nhật Bản giúp đỡ Trương Tôn Xương, thôn tính căn cứ Sơn Đông của Trương Tôn Xương. Quân Trương Tôn Xương thất bại như núi lở, chạy thẳng ra Sơn Hải Quan, quân đội của Trương Tôn Xương bị vây chặt ở tuyến Lữ Đại, Nhạc Châu, bị tấn công phía trước phía sau ngày đêm nguy ngập. Ngày hôm đó, Kim Trác, tham mưu trưởng của ông ta đến tìm tôi, mang tới một bức thư của ông ta, nói huyênh hoang rằng ông ta còn nhiều quân, súng ống, đại bác, khôi phục Kinh - Tân không phải việc khó. Tiếp đó lại nói: ông ta đang huấn luyện quân đội, mỗi tháng cần 250 vạn đồng, ông ta “cầu xin sáng suốt ban cho”... Đảm đương nhiệm vụ liên lạc, Kim Trác nói đi nói lại rằng Trương Tôn Xương sắp thắng lợi, chỉ đợi sự chi viện của tôi. Lúc đó, Trần Bảo Thám, Hồ Tử Viện nghe nói tôi lại sẽ chi tiền đều đến khuyên ngăn tôi. Kết quả tôi chỉ

viết một bức thư có tính chất động viên. Không lâu, Trương Tôn Xương hoàn toàn sụp đổ, chạy sang Nhật Bản. Ông ta càng cách xa tôi, càng có người ở giữa chúng tôi tự động chuyển thư, chuyển lời. Thư của Trương Tôn Xương càng ngày càng thể hiện ông ta mất sự trung thành với nhà Thanh, song lại có chung một đặc điểm là xin tiền tôi. Những người đưa thư ngoài Kim Trác đã nói ở trên (sau này làm vũ quan tùy tùng của tôi ở Ngụy Mãn) còn có Tạ Giới Thạch sau là Bộ trưởng Ngoại giao Ngụy Mãn, Vương Kế Hùng, tri huyện Đức Châu, Chu Điện, Cục trưởng đường Tân Phô, Lưu Tương Nghiệp, cháu ngoại Trần Bảo Thám và Từ Quan Chính tự xưng là thư ký của Trương. Họ đưa tới tôi các loại tin tức về Trương Tôn Xương. Tôi cũng không nhớ là đã đưa họ mang đi bao nhiêu tiền.

Qua Trần Bảo Thám, Hồ Từ Viện can ngăn, tôi cũng không gửi thư đi nữa. Song, đồng thời tôi cũng không thể quên tình nghĩa đối với hệ Phụng Thiên. Tuy nhiên khi đó Trương Tác Lâm đã chết. Cái chết của Trương Tác Lâm (49) ai cũng đều biết là do người Nhật mưu sát. Về sau tôi nghe nói, người Nhật mưu sát Trương vì Trương ngày càng không vâng lời, muốn vứt bỏ Nhật Bản kết duyên mới với Mỹ. Do đó, người Nhật nói ông ta là người “quên ơn bội nghĩa, không đáng là bè bạn”. Ông ta bị hại trong lúc đó khiến tôi chú ý tấm gương đó. Song sau đó tôi chẳng để ý những lời của các dị lão vì tôi tự cho rằng mình là người khác với Trương Tác Lâm. Người như thế ngoài ông ta có thể tìm người khác. Còn tôi là hoàng đế, là người Trung Quốc, người Nhật khó tìm được người thứ hai. Khi đó những người bên cạnh tôi có một luận điểm như sau: “người Quan Đông căm thù người Nhật đến tận xương tủy, Nhật Bản căm Quan Đông thỏa hiệp với quân đảng (chỉ Trương Học Lương và Quốc Dân đảng) đủ sức giành lấy nhưng người Nhật dù chiếm Quan Đông cũng không thể tự cai trị được, nên không phải là Hoàng thượng trị vì thì mọi việc đều khó”. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng người Nhật thừa nhận điều này. “Tôi muốn mượn sức người Nhật ắt trước hết phải được lòng người Quan Đông”, đó là sách lược theo thời thế. Vì vậy, tôi tìm kiếm những đầu mục cũ của Trương Tác Lâm từ hệ Phụng Thiên sử dụng cho việc phục tích của tôi. Có một dị lão tên là Thương Diên Doanh, người Quảng Đông, trước đã làm tới Hàn lâm, khi đó là người nổi tiếng biết chữ Phạn ở Đông Bắc, khi đó ra giúp tôi hoạt động với các tướng lĩnh hệ Phụng Thiên. Do Trương Học Lương đã rõ ràng tỏ ý hợp tác với Tưởng Giới Thạch cho nên những hoạt động của Thương Diên Doanh rất kín đáo. Nói thật cách đơn giản, những hoạt động cuối cùng nay cũng chẳng có kết quả gì.

“Tiểu Gia Cát” Xê-mi-nốp

Về mặt lợi kéo, mua chuộc đám quân nhân, tôi tốn bao nhiêu tiền, gửi bao nhiêu châu báu, ngọc quý tôi không thể nhớ hết được, chỉ nhớ một số mục tương đối lớn trong đó do Bạch Nga Xê-mi-nốp mang đi.

Xêminốp là một viên tướng của Sa hoàng, sau khi bị Hồng quân Liên Xô đánh tan ở Viễn Đông đã mang tàn quân chạy sang vùng biên giới Mãn-Mông của Trung Quốc, đốt nhà cướp của, hãm hiếp phụ nữ, không từ một hành động tàn ác nào. Đám thô phi này một đạo đã muốn xâm nhập nước CHND Mông Cổ. Sau khi bị đánh tan, lại muốn lập căn cứ ở biên giới Mông - Trung, lại bị quân đội Trung Quốc ở địa phương càn quét. Đến năm 1927 trên thực tế đã thành đám thô phi quân số không nhiều. Trong thời gian này, Xêminốp qua lại Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải... hoạt động nhằm vào đám quân phiệt Trung Quốc và các chính khách nước ngoài tìm chủ mướn. Cuối cùng, do chẳng ai dùng, hắn trở thành một kẻ thuần túy đi lừa bịp bịa đặt.

Sau đại chiến thế giới lần thứ hai, Xêminốp bị quân đội Liên Xô bắt đi. Thời kỳ tôi bị giam giữ ở Liên Xô đã nghe tin về việc hắn bị xử tử hình. Trong 7 năm tôi ở Thiên Tân, đã luôn luôn qua lại với tên đạo phủ hại tay nhuộm đầy máu nhân dân ba nước Trung Quốc, Liên Xô, Mông Cổ. Tôi đã tốn với hắn rất nhiều tiền, gửi gắm vào hắn biết bao hy vọng,

Mới đầu, Xêminốp do Thặng Sung và La Chân Ngọc tiến cử, do Trần Bảo Thám phân đội, tôi không tiếp hắn. Sau đó, do La Chân Ngọc giới thiệu, Trịnh Hiếu Tế đã gặp Xêminốp, cho rằng hắn là nhân tài “khách khanh” rất có thể sử dụng, giúp hắn kế hoạch “dùng khách khanh” tìm được mục tiêu

thứ nhất. Trịnh Hiếu Tề tăng bậc với tôi, chủ trương đừng ngại việc Xêminốp hợp lực với Trương Tôn Xương. Khi đó đúng là lúc tôi ôm hy vọng đối với Trương Tôn Xương do đó đồng ý với biện pháp của Trịnh Hiếu Tề. Như vậy, với sự hoạt động trực tiếp của Trịnh Hiếu Tề, Trương Tôn Xương tiếp nhận lính đánh thuê nước ngoài do Xêminốp cung cấp, mở rộng quân đội Bạch Nga. Sau đó, Trương Tôn Xương và Xêminốp còn ký một “hiệp định Trung - Nga trừng phạt quân đỏ”. Qua sự môi giới của Trịnh Hiếu Tề, tháng 10 năm 1925 tôi gặp Xêminốp ở Trương Viên, Đócđôten (tên Hán là Bao Văn Uyên) người Mông Cổ do hân mang đến làm phiên dịch. Khi đó, tôi rất hài lòng về cuộc nói chuyện này, tin vào sự nghiệp chống đỏ phục quốc của hân ắt có thể thực hiện, cho ngay 5 vạn đồng để giúp thực hành. Sau đó Trịnh Hiếu Tề, Xêminốp, Tất Dụ Chương, Lưu Phụng Trì... cùng chụp ảnh kết nghĩa anh em bày tỏ một lòng tận trung với nhà Thanh.

Khi đó đúng là lúc 14 nước liên quân thất bại trong cuộc tiến quân vào Liên Xô, trên thế giới xuất hiện một cao trào chống Liên Xô, chống cộng sản. Tôi còn nhớ, Trịnh Hiếu Tề và Xêminốp đã nói với tôi: các nước Anh - Mỹ - Nhật quyết định lấy Xêminốp làm tiên phong chống Liên Xô, sẽ giúp vũ khí, tiền bạc cho Xêminốp. “Hoàng thất nước Nga” đang đặt rất nhiều hy vọng vào Xêminốp. Đại biểu hoàng thất đã có sự qua lại với Trịnh Hiếu Tề. Song tình hình cụ thể thì tôi không nhớ được, điều tôi nhớ là Xêminốp và Đócđôten có kế hoạch quan hệ, làm ăn lớn với tôi, đó là sẽ dùng quân đội và vây cánh ở Mãn-Mông chiếm lấy khu vực Mãn-Mông xây dựng căn cứ “chống đỏ” của chúng, do tôi lên ngôi thống trị ở đó. Để cung cấp chi phí hoạt động cho Xêminốp, tôi chuyên lập cho hân một tài khoản ở Ngân hàng do Trịnh Hiếu Tề làm chủ tài khoản sẵn sàng chi dùng cho hân. Số tài khoản lần thứ nhất là một vạn đồng. Xêminốp đã tỏ ý: hân vốn không cần tôi cung cấp chi phí hoạt động cho hân vì hân sẽ được kiều dân Bạch Nga quyên giúp 180 triệu rúp (sau đó lại nói là 300 triệu) sau đó còn có thể có sự chi viện tài chính của các nước Anh - Mỹ - Nhật. Tuy nhiên, những khoản tiền này tạm thời vẫn chưa nhận được nên phải dùng trước một số tiền của tôi. Sau đó nhiều lần lấy lý do “chưa nhận được tiền” luôn tìm Trịnh Hiếu Tề chi tiền mà mỗi lần dùng tiền đều có một lô lý do cạm động. Còn nhớ có một lần hân nói: Takada Fujii, tư lệnh quân đội Nhật ở Thiên Tân đã giúp hân liên hệ với Trương Tác Lâm, hân phải gấp đi Thiên Tân để bàn kế lớn, tạm thời không có tiền đi đường; lại có lần nói: lãnh sự Liên Xô ở Thượng Hải được lệnh cấp trên tìm hân để tìm cách thỏa hiệp, tỏ ý cho hân khu vực Viễn Đông để hân xây dựng khu tự trị vì vậy hân cần một số tiền đi đường để có thể đến Tokyo nghiên cứu việc này. Rút cục, Xêminốp lấy của tôi bao nhiêu tiền tôi cũng không có cách nào thống kê được, chỉ nhớ rằng cho đến trước “sự biến 18 tháng 9” 3 tháng, hân vẫn còn lấy 800 đồng.

Trong thời gian Xêminốp và tôi qua lại, xuất hiện không ít nhân vật liên lạc Trung Quốc, trong đó có người tên là Vương Thúc. Theo nhân vật này tự khoe, không những Xêminốp rất tín nhiệm y mà người Nhật và quân phiệt Trung Quốc đều có quan hệ chặt chẽ với y. Từ miệng ông ta tôi thường xuyên nghe thái mấy câu: “đây là giờ phút quan trọng nhất”, “đây là cơ hội cuối cùng”, “là cơ hội nghìn năm có một quyết không thể để mất”, “thời cơ không thể mất, thời gian không quay lại”...

Công kích Vương Thúc mạnh nhất là Hồ Từ Viện. Cuối triều Thanh, Hồ Từ Viện là Hàn Lâm, khi Trương Huân phục tịch cùng Vạn Thắng Thúc làm Các thừa nội các. Sau khi tôi đến Thiên Tân ông ta đến Trương Viên được mọi người đặt cho biệt hiệu là “Hồ đại quân cơ” vì phạm là có người muốn gặp tôi hoặc gửi lời tâu cho tôi ắt phải qua ông ta lọc một chút. Đó là vì tôi tin ông ta là người “thật thà” mà giao chức vụ đó, danh nghĩa là quản lý “nơi làm việc ở Thiên Tân”. Ông ta rất phản đối việc tôi tiếp xúc với Trịnh Hiếu Tề và La Chấn Ngọc. Xem lời tâu của Vương Thúc, ông ta liền có lời tâu lên tôi phân tích kỹ những chỗ mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của Vương Thúc và Tạ Giới Thạch, vạch rõ đó chỉ là một trò hoàn toàn lừa bịp. Trần Bảo Thám nhìn tôi lắc đầu, thở dài không hài lòng việc tôi giao thiệp với Trịnh Hiếu Tề và những nhân vật đó, nói rằng: “Ô Kham (tên tự Trịnh Hiếu Tề), Ô Kham hân thật quá nông cạn”.

Nghe lời họ, tôi động tâm quyết định không chấp nhận bất cứ đại biểu nào của Vương Thúc và Xêminốp nữa nhưng Trịnh Hiếu Tề cứ về đến Thiên Tân, qua ông ta nói đi nói lại, tôi lại tin lời ông ta, lại chi tiền cho các vị khách khanh chi dùng.

Tôi nhớ, về sau Trịnh Hiếu Tề còn tiễn cử một người Ôxtralia tên là Adi và một người Anh là Lôtxư. Adi nguyên là một quý tộc, đã từng làm việc ở Cục Bộ Công nghiệp ở tô giới Ôxtralia ở Thiên Tân. Ông ta tự khoe rất có địa vị ở Châu Âu, có thể triển khai hoạt động ở Châu Âu giành sự giúp đỡ cho phục tịch. Vì vậy tôi cử ông ta làm cố vấn, bảo ông đến Châu Âu hoạt động và một lần chi cho vị khách khanh này 1800 đồng tiền chi phí hoạt động nửa năm. Lôtxư là nhà báo, nói rằng muốn hoạt động phục tịch cần ra báo, yêu cầu tôi chi 2 vạn đồng để ra báo. Tôi đưa ông ta 3000 đồng, sau

đó báo có ra tên là “Thành báo” song được vài ngày là đóng cửa.

Sự thật là như vậy, mặc dù có cung chặn cửa của “Hô đại quân cơ” vẫn có nhiều người chỉ cần mang vé vào cửa “quân nhân liên lạc ủng hộ phục tích” là có thể vào Trương Viên. Đặc biệt là bắt đầu từ năm 1926, môn khách của tôi lại càng đông. Trong số các nhân vật đó, đáng nói là “Tiểu Gia Cát” Lưu Phượng Trí. Tôi biết Lưu Phượng Trí là do sự giới thiệu của Hứa Lan Uyên, một quân phiệt cũ hệ Phụng Thiên thủ hạ của Trương Huân. Lưu là bộ hạ cũ của Hứa, qua miệng Hứa, Lưu là “Gia Cát Lượng hiện đại”, “được người này bằng được Ngọa Long, Phượng Sồ, đã nắm chắc đại nghiệp phục tích”. Năm đó, Lưu Phượng Trí trạc 40 tuổi, khi gặp tôi, sau khi tự khoe tài năng của mình, lập tức đề nghị tôi lấy một số đồ cổ, tranh cổ, đồng hồ vàng cho ông ta để ông ta đi liên lạc với các nhân vật trên trường hoạt động. “Đối với loại nhân vật đó, chữ Phúc - Thọ, Xuân là không được”, câu nói này lần đầu tiên tôi nghe từ miệng ông ta, tuy có chút khó tin, nhưng lại cho rằng con người này thẳng thắn. Tôi cho rằng ông ta dám nói những điều người khác không dám nói, có thể thấy lời nói của ông ta là đáng tin cậy. Do đó tôi khảng khái mở hòm, bảo ông ta lấy đi hết thứ này đến thứ khác đầy túi. Sau đó ông ta còn chỉ tên nói thứ này, thứ kia. Ví dụ có lần ông ta nói cần hoạt động với Trần Tác Hoa, bộ hạ của Trương Tác Lâm đã biên thư cho tôi nói:

“Họ Trần có tài lớn, khi Trương Tác Lâm thắng trận, công ông ta rất lớn, Trương đãi rất trọng thể. Đồ vật nhỏ không thể lay động lòng ông ta, cần gửi trân châu, đá ngọc quý, hoặc kim cương, thứ đáng giá khoảng một vạn đồng. Sẽ có lợi gấp mấy chục lần”.

Đề lôi kéo Vinh Trần, Mã Chiêm Sơn, Trương Tác Tương của hệ Phụng Thiên, ông ta chỉ rõ phải gửi cho mỗi người, mười hạt ngọc trai. Đề lôi kéo một nghìn họ Mục, ông ta chỉ rõ phải gửi hạt châu nào trên mũ đỉnh trân châu. Loại thư này cứ 4, 5 ngày lại có một bức. Trong đó phần lớn lại những câu: “Muốn người có thực tài phải tốn nhiều tiền, làm việc lớn không ngại tiêu tiết”, “Cần gửi nghiên đá Quảng Đông, lọ tinh xảo, những thứ bên ngoài khó kiếm được”. Nếu như những báo cáo về tình hình hoạt động đều như thật thì hầu như các lý trưởng hệ Phụng Thiên trở lên (thậm chí cả trung đoàn trưởng như khi Phú Song) cho đến các thủ lĩnh của 40 vạn Hồng Thương Hội, anh hùng giặc cỏ do Chiêm Sơn là vua... đều nhận được trân châu, ngọc quý, kim cương của tôi, đều rất cảm động dưới sự “không ngại tiêu tiết” của tôi, chỉ đợi tôi hạ lệnh là có thể ra tay. Tuy nhiên ông ta đã lấy bao nhiêu thứ, song chẳng thấy động tĩnh gì cả. Sau đó, do Trần Bảo Thâm can ngăn, tôi hoang mang, không tích cực cho tiền nữa. Song Tiểu Gia Cát dù là nói trước mặt hay gửi thư tới đều là những câu:

“Tình hình hiện muôn phần cấp bách, thành bại ở lần này, dù sao cũng xin tiếp tế 2 vạn đồng”, “khoản tiền hết sức cấp bách, mong dù thế nào cũng ban cho khoản tiền đó để tránh lỡ thời cơ”. Sau đó tôi cảm thấy sự việc không đúng, không muốn lại cho tiền, không lâu liền nhận được thư ông ta như sau: “Hoàng thượng nêu mỗi ngày không biết nghiên cứu, cũng không thật chú ý thời cuộc, há dám mong thành công sao? Nếu không tiền mạnh, cũng không thể hy vọng sẽ thành công...”

Lịch sử Trung Quốc đã mở, nếu là chủ mở nghiệp trung hưng, lại có người lãnh đạo như thế sao?”. Tôi đã quên việc “Tiểu Gia Cát” đó lừa dối tôi như thế nào. Chỉ nhớ sau đó ông ta khóc lóc trước tôi, chỉ xin mười đồng cứu tế. Về sau nghe nói ông ta đi ba hoa ở các vùng Đông Bắc bị Vạn Phúc Lân bắn chết.

Giống như nhận vật kiểu Lưu Phượng Trí tôi có thể đưa ra hàng loạt tên như: Tất Hận Chương, Lưu Duy Sâm... đều dùng thủ đoạn như vậy kích thích tôi lại lên ngôi báu, lấy đi nhiều tiền bạc, đồ cổ, trân châu, ngọc quý... Những nhân vật đó cuối cùng chia tay với tôi, mỗi người mỗi kiểu, có người do “Hô Đại Quân Cơ” hoặc người khác ngăn chặn, có người do tôi không gọi vào. Trong số đó, có một chính khách nhỏ tên là Phi Dục Giai, có biệt hiệu là “anh béo phì” thường báo cáo với tôi rằng hắn đã liên hệ được với Okamoto người nổ mìn giết chết Trương Tác Lâm, đã tổ chức được các thị vệ của Trương Học Lương, sẽ tổ chức bạo động, tiến hành vũ trang phục tích ở Đông Bắc đón tôi “lên ngôi”. Lời khoát lác chân động khó tin ấy đến tai Trần Bảo Thâm, tất nhiên ông lại ra sức can ngăn, ngay Vinh Nguyên bố vợ tôi cũng phản đối việc tôi lại giao thiệp với hắn. Cuối cùng chia tay với Trương Viên “anh béo phì” có màn kịch khác người. Khi bị cự tuyệt không cho vào, hắn lập tức cả giận hung hăng gào thét với Vinh Nguyên: “Ta tốn bao nhiêu công sức thể mà coi thường ta. Được, ta sẽ dẫn chính phủ Quốc Dân tố cáo tội trạng lật đổ Dân quốc của Hoàng thượng các người”.

Vinh Nguyên đã giao thiệp với đủ mọi hạng người nên nghe nói chẳng coi ra gì, trái lại cười nói: “Ta khuyên mi hãy thôi đi. Những thứ mi viết đến còn trong tay Hoàng thượng”. Tên “béo phì” nghe xong chỉ còn hậm hực rút lui.

Sự biệt tăm của những nhân vật đó quanh tôi đã là lúc gần đến sự biến “mười tám tháng

chín” cũng tức là sau khi bọn quân phiệt ở phía Bắc đổi sang cờ thanh thiên bạch nhật. Khi đó, tôi đã thật sự bỏ ảo tưởng đối với họ, đồng thời do những nguyên nhân khác nói sau, tôi đã đặt hy vọng vào nơi khác rồi.

Sự kiện Đông Lăng

Năm 1928 là năm đầy sự kiện kích thích tôi cũng là năm thâm thù đối với tôi. Trong năm đó một mặt nội các Tanaka của Nhật bản ra tuyên bố không cho phép quân đội Trung Quốc tiến vào Mông, Mãn, đồng thời xuất quân ra Tề Nam chặn bước tiến của quân đội phía Nam. Mặt khác Trương Tác Lâm, Ngô Bội Phu, Trương Tôn Xương và những quân đội có quan hệ với tôi do thất bại liên tiếp mà tan rã, không thành quân đội nữa. Các nhà hoạt động giúp tôi liên lạc với đám quân phiệt vừa báo lại những tin tức kích động lòng người, tôi lập tức lại đọc được những tin tức mà những quân nhân tương đối trung thành với tôi bỏ chạy và bị bắn chết.

Tôi nghe nói: Chính phủ Nam Bắc Trung Quốc đều tuyệt giao với Liên Xô. Anh và Liên Xô cũng tuyệt giao. Quốc dân đảng ra sức thanh lọc đảng. Con “Hong Thủy mãnh thú” mà Trịnh Hiếu Tế, Trần Bảo Thám cũng như người Nhật nói với tôi hầu như giảm bớt sự đe dọa đối với tôi song cũng theo những người này nói, nguy hiểm đang đến gần tôi, khắp nơi có hoạt động của những người thù ghét tôi. Tôi đọc được những tin tức trên báo chí về Quảng Đông có bạo động đồng thời, Phùng Ngọc Tường kẻ luôn luôn bị tôi coi là phần tử “quá khích”, “đỏ hóa” đã hợp tác với Tưởng Giới Thạch, đang từ tuyên Nam Kinh và Vũ Hán đánh tới. Nửa cuối năm 1928 những tin tức khiến người ta hoang mang chán nản ngày càng nhiều. Trương Tác Lâm chết, Công sứ Mỹ làm môi giới cho Trương Học Lương và Tưởng Giới Thạch... Ngoài những sự kiện đã nói ở trên, năm đó còn xảy ra sự kiện kích động nhất là Tôn Điện Anh đào trộm Đông Lăng.

Đông Lăng ở Mã Lan Du, huyện Tuần Hóa tỉnh Hà Bắc, là lăng tẩm của Càn Long và Tây Thái Hậu. Tôn Điện Anh là một quân nhân xuất thân lưu manh, đầu trộm đuôi cướp đã làm sư trưởng, quân trưởng bộ hạ của Trương Tôn Xương.

Năm 1927, Tôn Điện Anh chịu sự sắp xếp của Tưởng Giới Thạch làm quân trưởng quân đoàn 41.

Năm 1928, Tôn mang bộ đội đến vùng huyện Kế, Mã Lan Du tiến hành đào trộm một cách có kế hoạch. Trước hết hấn ra thông báo, nói là tiến hành diễn tập quân sự, phong tỏa đường giao thông xung quanh. Sau đó do Tôn Tử Du, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn công binh của hấn mang quân đào bới, dùng thời gian ba đêm vét sạch các thứ của báu chôn theo Càn Long và Từ Hy.

Càn Long và Từ Hy là những người sống xa xỉ nhất trong cuối triều đại nhà Thanh. Từ một bản tư liệu văn sử, tôi thấy một đoạn miêu tả Đông Lăng của họ:

“Đường hầm trong mộ toàn dùng Hán bạch ngọc ghép thành. Có bốn cửa đá tiến vào cũng toàn là Hán bạch ngọc điêu khắc. Tầm cung hình tám cạnh bên trên là vòm cuốn đắp chín con rồng vàng lập lánh tỏa sáng. Diện tích tầm cung tương đương với điện Trung Hòa ở Cố cung.

Quan tài Càn Long làm bằng gỗ trầm, đặt trên một cái giềng tám cạnh. Các thứ đồ vật chôn theo hai ngôi mộ ngoài vàng bạc châu báu và các đồ dùng đều là những thứ của báu hiếm thấy. Các đồ vật chôn theo Từ Hy phần lớn là châu báu kim cương. Mũ phượng quan của bà dùng rất nhiều hạt trai lớn xuyên bằng chỉ vàng cấu thành. Trên tấm phủ liệm có một đóa hoa mẫu đơn to cũng dùng toàn hạt trai kết thành. Vòng tay dùng kim cương lớn nhỏ kết thành một đóa hoa cúc lớn và sáu bông hoa mai nhỏ, trong suốt tinh xảo. Chấn bà ta đi một đôi giày hạt trai. Ngoài ra trong quan tài còn có 17 chuỗi hạt kết bằng châu ngọc và mấy đôi vòng ngọc thủy. Những vật chôn theo Càn Long đều là một số tranh vẽ, thư kiếm và những thứ điêu khắc bằng đá ngọc, ngà voi, san hô cũng như tượng Phật bằng vàng trong đó những sản phẩm bằng tơ đều đã mục nát không phân biệt được”.

Khi nghe quan đại thần giữ Đông Lăng báo cáo tin Tôn Điện Anh đào trộm Đông Lăng, tôi bị kích động còn nặng nề hơn lúc bị buộc phải ra khỏi cung.

Các di lão và hoàng tộc đều bị chấn động. Trần Bảo Thám, Chu Ích Phan, Trịnh Hiếu Tế, La Chấn Ngọc, Hồ Từ Viện, Vạn Thăng Thức, Cảnh Phụng Sương, Viên Lệ Chuẩn, Dương Chung Nghĩa, Thiết Lương, Viên Đại Hóa, Thăng Sùng... chẳng kể là người thuộc phái nào, chẳng kể đã mất tinh thần hay chưa mất tinh thần đều tới tập đến chỗ tôi bày tỏ sự phẫn nộ đối với quân đội của Tưởng Giới Thạch. Di lão ở các nơi tới tập gửi tôi tiền chi phí cho việc sửa lăng mộ. Với sự đề nghị và sắp xếp của những người nói trên, tại Trương Viên bày hình vị Càn Long và Từ Hy cùng hương án chiếu tề, giống như làm lễ tang, mười ngày ba lần tế lễ, các di lão đi thiếu nối nhau đến làm lễ cúng vái khóc lóc sụt sùi. Nhà Thanh và các di lão liên tiếp gửi điện cho Tưởng Giới Thạch và tư lệnh quân bản vệ Bình - Tân, Diêm Tích Sơn cũng như các tòa báo yêu cầu trừng phạt Tôn Điện Anh, yêu cầu nhà đương cục sửa trả lăng mộ quyết định sẽ đặt linh đường ở Trương Viên tới khi nào lăng mộ được xây lại mới thôi.

Lúc đầu, phản ứng của chính phủ Tưởng Giới Thạch còn khá, hạ lệnh Diêm Tích Sơn tra xét và giải quyết việc này. Một sư trưởng do Tôn Điện Anh cử tới Bắc Bình bị Diêm Tích Sơn giữ lại. Sau đó không lâu, có tin viên sư trưởng do Diêm Tích Sơn giữ lại đã được thả ra, Tưởng Giới Thạch quyết định không tra xét nữa. Lại có tin nói Tôn Điện Anh gửi biếu Tổng Mỹ Linh, vợ mới cưới của Tưởng Giới Thạch một số đồ trang sức. Những hạt trai trên mũ phượng quan của Từ Hy trở thành vật trang sức trên đôi giày của Tổng Mỹ Linh.

Lòng tôi bốc lên ngọn lửa hận thù khôn xiết, đi tới trước linh đường âm thầm phát ra lời thề làm mọi người trong hoàng tộc rần rụa nước mắt:

- Không báo thù này thì không phải là con cháu Ái Tân Giác La!

Lúc đó, nhớ lại lời Phổ Vĩ trong lần đầu gặp tôi ở Thiên Tân: “Có Phổ Vĩ còn sống, đại Thanh không thể mất được!”, tôi cũng thề:

- Tôi còn sống, đại Thanh sẽ không thể mất!

Tư tưởng phục tịc, phục thù của tôi lúc đó đạt tới đỉnh cao mới.

Trong những ngày đó, Trịnh Hiếu Tế và La Chấn Ngọc là những người gần gũi nhất của tôi. Mỗi sự tích lịch sử và tin tức đương thời mà họ nói đến khiến tôi bị kích động và phần khải không thôi, đều tăng cường quyết tâm phục tịc và phục thù của tôi. Đấu tranh đến cùng với chính phủ của Quốc Dân Đảng, đặt linh đường cho tới khi sửa chữa và khôi phục lăng mộ mới thôi; đó là chủ ý của họ nghĩ ra. Tuy nhiên, tình hình về sau ngày càng bất lợi. Bọn đào trộm mộ không bị tra xét, tình hình giữa Bắc Kinh - Thiên Tân hoàn toàn thay đổi. Trong giới đương quyền không còn những bạn bè cũ như loại Đoàn Kỳ Thụy, Vương Hoài Khánh. Cha tôi cũng không dám trở lại Bắc Kinh, cả nhà đều đã rời tới trong tô giới ở Thiên Tân. Vì vậy tâm tình của tôi cũng từ căm giận chuyển thành lo âu. Hai nhà Tưởng - Tống kết thông gia khiến Trương Viên hiểu rõ sự kết hợp giữa các nhà mại bản Anh - Mỹ, chứng tỏ Tưởng Giới Thạch có chỗ dựa càng vững hơn so với đám quân nhân đã sụp đổ như Đoàn Kỳ Thụy,

Trương Tác Lâm, Tôn Truyền Phương, Ngô Bội Phu. Cuối năm đó, chính phủ Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch được các nước trong đó có Nhật Bản công nhận. Thế lực và địa vị của ông ta đã vượt bất cứ tên quân phiệt nào trước đó. Tôi cảm thấy tiền đồ của mình vô cùng âm đạm, cho rằng dưới sự thông trị của nhân vật đầy dã tâm này, đừng nói đến phục tịc, ngay việc có thể chiếm một chỗ trong phạm vi thế lực của hắn hay không, e rằng cũng thành vấn đề.

Từ đáy lòng, tôi thốt ra những lời nguyện rửa chính phủ Tưởng Giới Thạch và vận mệnh của mình, tôi bói hết quẻ này đến quẻ khác, rút hết thẻ này đến thẻ khác. Tôi đã từng bói xem Chính phủ Dân quốc có thể kéo dài hay không, được quẻ viết: “Thiên hạ đồng nhân biến lý, chủ thân niên hóa sung nhi tán”, đại ý là chính phủ Tưởng Giới Thạch bị quần chúng phản đối, người thân xa lìa, đến năm 1932 sẽ tiêu vong. Đương nhiên, nếu chính phủ Tưởng Giới Thạch sụp đổ có thể giải mọi thù hận của tôi khiến tôi vô cùng sung sướng... Nhưng bất cứ ai có dục vọng mạnh mẽ và hận thù tất cả cũng đều không nên chỉ nhớ câu nói “Thành sự tại trời” mà quên “Cầu sự tại người”. Đặc biệt là lịch sử làm nên của Tưởng Giới Thạch cho tôi một tín niệm quan trọng. Đó là muốn nên việc ắt phải nắm binh quyền. Có binh quyền, thực lực, người nước ngoài tự nhiên sẽ đến giúp đỡ. Như tôi, một “Hoàng đế đại Thanh” chính thống, nếu như có quân đội, tự nhiên cũng được sự trọng thị của người nước ngoài hơn là bọn cướp biên hoặc bọn tướng soái xuất thân lưu manh. Vì vậy tôi quyết định cử anh em thân tộc, thân tín nhất cạnh tôi đi Nhật Bản học lục quân. Tôi cảm thấy điều đó còn cần thiết hơn là tự tôi đi nước ngoài.

Tôi nảy ra cách nghĩ đó còn có một nguyên nhân đó là Phổ Kiệt đang thôi học, theo quân

đội, gây rối loạn trong gia đình. Động cơ theo quân đội của em tôi cũng rất tức cười, nói rằng chịu ảnh hưởng của lời căn dặn của mẹ tôi, lập chí hướng muốn khôi phục triều Thanh, lại còn nói y hâm mộ những tướng soái trẻ tay nắm hồ phù, tự mình cũng muốn làm quan võ nổi tiếng. Sau khi Trương Tác Lâm chết, trước khi trở về Phụng Thiên Trương Học Lương có nói với Phổ Kiệt: “Tôi sẽ gửi ông đến võ đường” (trường học sĩ quan của quận hệ Phụng). Do đó em tôi cùng gia quyến Trương Học Lương rời Thiên Tân. Cha tôi đọc thư của y để lại, sợ muốn chết, yêu cầu tôi dù thế nào cũng nghĩ cách kéo y trở về. Tổng lãnh sự Nhật Bản ở Thiên Tân đáp ứng yêu cầu của tôi gửi điện cho Đại Liên. Tại cảng Đại Liên, Phổ Kiệt vừa ở trên tàu bước xuống liền bị quân cảnh Nhật Bản giữ lại. Y được người của tôi cử đi đưa về Thiên Tân, vừa gặp tôi liền nói chí hướng vào quân đội là để khôi phục cơ nghiệp của tổ tiên. Lời nói của y thôi thúc ý nghĩ của tôi gửi y đi học lục quân ở Nhật Bản.

Tôi quyết định phái Phổ Kiệt và Nhuận Kỳ, chồng em gái thứ ba tôi tới Nhật Bản học lục quân. Để chuẩn bị cho các em tôi lưu học, tôi đề nghị tổng lãnh sự Nhật Bản ở Thiên Tân giới thiệu một thầy dạy họ học tiếng Nhật. Tổng lãnh sự Nhật Bản tiến cử một người Nhật tên là Enzan Takiô, sau này mới biết đó là một hội viên Hội Hắc Long Nhật Bản, quen biết nhiều chính khách Nhật Bản. Người này về sau cũng vì lý tưởng phục tích của tôi, thay tôi bốn ba đến Nhật Bản. Sau khi tôi đến Đông Bắc. Vì ông ta không phải hệ thống quân đội nên bị loại bỏ và xa rời tôi. Ông thầy này dạy Phổ Kiệt và Nhuận Kỳ tiếng Nhật một ít ngày đã về Nhật Bản một chuyên đề lo việc lưu học của họ. Theo ông ta, tạm thời vẫn chưa thể vào học trường sĩ quan Nhật Bản nhưng có thể vào học tập ở học viện chuyên dành cho con em quý tộc Nhật Bản, và còn được Okura Hachirô đại tài phiệt Nhật Bản giúp đỡ.

Tháng 3/1929 tức bảy tháng sau xảy ra sự kiện Đông Lăng, hai vị tướng võ tương lai đã cùng Enza Takiô đến Nhật Bản.

Lãnh sự quán, Bộ Tư lệnh, Hội Hắc Long

...Đối với Nhật Bản, nên bí mật liên hợp mà bề ngoài thì tuyên bố cự tuyệt. Người Quan Đông căm thù Nhật Bản đến tận xương tủy. Nhật Bản căm Quan Đông hòa hiệp với Quốc Dân đảng mà đủ sức để chiếm lấy, tuy nhiên Nhật Bản dù lấy được Quan Đông không thể tự trị, không được...

Hoàng Thượng lên ngôi sẽ bó chân bó tay. Nay thế người Nhật rất khản trương, Quan Đông đã không thể giữ được, người Nhật không có cách ổn định về sau. Do đó Tanaka phải mấy lần tỏ thiện ý. Hoàng thượng không một thành, một lũy, không dùng Nhật Bản lấy gì khôi phục? Thời cơ khó được mà dễ mất, trời cho không lấy sau hối không kịp. Cô nhiên đối với Nhật Bản chỉ có thành ý liên hợp, muôn vàn không có lý cự tuyệt. Cái khó là ta mượn sức Nhật Bản mà ắt phải trước tiên, được lòng Quan Đông. Nếu nay người Quan Đông nghi ta hợp với người Nhật mưu tính họ, thì sau này muốn do Đông tam tỉnh ủng hộ thế sẽ khó. Ý này không ngại nói rõ với người Nhật.

Hoàng thượng khôi phục địa vị, Nhật Bản giành quyền ở Đông tam tỉnh, bề trên cần nhượng bộ mới dễ làm việc....

Đây là một đoạn trong một bản sớ tâu mà tôi nhận được năm 1928. Đoạn nói này đại biểu cho cách nghĩ của đa số người trong Trương Viên cũng là kết luận ngày càng tin phục sau nhiều năm hoạt động của tôi.

Phần trên tôi đã nói: Từ khi tôi vào Bắc Phủ được sự “quan tâm” của người Nhật đến nay, đã có một số tin cậy đến với người Nhật. Tôi đã ở một số ngày trong lãnh sự quán Nhật Bản, sau khi đến Thiên Tân, tôi ngày càng tin rằng người Nhật là lực lượng hàng đầu giúp đỡ từ bên ngoài đến với sự phục tích của tôi trong tương lai.

Năm đầu tiên tôi đến Thiên Tân, Tổng lãnh sự Nhật Bản Oshida Abagemi mời tôi tham quan một trường tiểu học kiều dân Nhật Bản. Trên đường về các học sinh nhỏ Nhật Bản tay cầm cờ giấy, xếp hàng đứng hai bên đường hướng tôi hoan hô muôn năm.

Cảnh tượng đó khiến tôi trào nước mắt suýt xoa mãi. Khi ngọn lửa nội chiến lan tới sát Thiên Tân, quân các nước đóng ở tô giới đã tổ chức liên quân tuyên bố sẽ đối phó với quân Dân Quốc

dám đến gần tô giới. Trung tướng Koizumi Rokuichi thủ lĩnh quân đội Nhật Bản đóng tại Thiên Tân báo cáo với tôi: “Xin Hoàng đế Tuyên Thống yên tâm, chúng tôi quyết không cho phép lính Trung Quốc tiến một bước vào tô giới”. Tôi nghe rồi rất đắc ý.

Mỗi khi năm mới tới hoặc mừng thọ tôi, lãnh sự quán và các tướng tá đến chúc mừng tôi. Đến tiết “Thiên trường” Nhật Bản, họ còn mời tôi xem lễ duyệt binh. Còn nhớ có một lần duyệt binh tiết “Thiên trường”, Uedakenyoshi tư lệnh quân đội Nhật Bản mời nhiều nhân vật lưu vong cao cấp ở tô giới như Tào Nhữ Lâm, Lục Tiên Hưng, Cạn Vân Bằng... đi dự. Khi tôi đến nơi tư lệnh Uedakenyoshi đặc biệt cưỡi ngựa đến chào. Khi duyệt binh xong, các vị khách Trung Quốc chúng tôi tụ lại một nơi, cùng người Nhật đồng thanh hô to “Thiên Hoàng muôn năm”.

Bộ tư lệnh quân đội Nhật thường xuyên cử một viên tham mưu cấp tá đến nói thời sự với tôi trong nhiều năm rất cố gắng nghiêm túc, có khi còn mang đến cả những biểu đồ chuyên môn. Người thứ nhất đến nói là tham mưu tên là Kawatari. Sau khi y được điều di nơi khác, người tiếp tục đến nói là Kinsutatsu, tiếp đến là Yoshioka Anchicur, sau này làm “ngự dụng quải” (Cải mặc áo của vua) cho tôi ở Ngụy Mãn. Con người này đã ở với tôi tại Ngụy Mãn trong mười năm, phần sau tôi sẽ dành một tiết nói về hắn.

Thời sự mà tham mưu quân đội Nhật nói chủ yếu là tình hình nội chiến, trong lúc giảng giải thường phân tích như sau: “Sự rối loạn của Trung Quốc căn bản là do “quân long vô thủ” (đàn rắn không đầu) không có Hoàng đế”. Đồng thời từ đó nói đến tính ưu việt của thể chế Thiên Hoàng của Nhật Bản; nói đến “lòng dân” của Trung Quốc chỉ có “hoàng đế Tuyên Thống” mới tập hợp được. Quân đội Trung Quốc hủ bại hèn yếu là khóa đề không thể thiếu được, tự nhiên cũng lấy hoàng quân Nhật Bản để so sánh. Còn nhớ sau khi xảy ra vụ thảm án Tế Nam, Yoshioka đã dành ít nhất một tiếng đồng hồ miêu tả với tôi về sự yếu kém của quân đội Trung Quốc Tưởng Giới Thạch. Bản sao thông cáo của Nhật Bản cũng là hắn mang tới cho tôi lần đó.

Lần nói chuyện đó cùng với ấn tượng về mấy lần duyệt binh của quân đội Nhật khiến tôi tin tưởng sâu sắc rằng quân đội Nhật lớn mạnh, tin tưởng sâu sắc vào sự ủng hộ của quân đội Nhật đối với tôi.

Một lần tôi đến bờ sông Bạch Hà để dạo chơi, nhìn xuống binh hạm của Nhật Bản đậu giữa dòng sông. Không rõ vì sao hạm trưởng binh trạm biết bỗng nhiên tự lên bờ kính cần mời tôi xuống tham quan hạm đội của ông ta. Đến chiến hạm, hải quân Nhật xếp hàng chào tôi. Lần đó, do vội vã hai bên đều không chuẩn bị phiên dịch, chúng tôi dùng bút đàm một hồi. Tên binh hạm này là “Đăng”, hạm trưởng họ Hoda. Sau khi tôi quay về, Hoda và một số sĩ quan đến thăm lại tôi. Theo yêu cầu của ông ta, tôi tặng một tấm ảnh có chữ ký. Ông ta bày tỏ đây là vinh hạnh rất lớn của ông ta. Qua sự kiện trên, tôi cảm thấy người Nhật Bản thật sự tôn kính tôi. Sau khi tôi lôi kéo quân phiệt, mua chuộc chính khách, nhiệm vụ khách khanh đều không có hiệu quả gì, vị trí người Nhật Bản trong tâm lý tôi càng thêm quan trọng.

Mới đầu, “Người Nhật Bản”, ba từ đó trong tâm lý tôi là một chỉnh thể. Đó đương nhiên không bao gồm thường dân Nhật Bản, mà là người Nhật Bản của công sứ quán Nhật Bản, tổng lãnh sự quán Nhật ở Thiên Tân và Bộ Tư lệnh quân Nhật Bản đóng ở Thiên Tân cho đến những người Nhật lang thang không phải văn, không phải võ giao thiệp với La Chân Ngọc, Thăng Sung. Tôi coi họ thành một chỉnh thể vì họ đều “bảo hộ” tôi, coi tôi là một hoàng đế, đều coi thường Dân quốc, ca ngợi đại Thanh. Khi mới đầu tôi nêu ý kiến cần xuất dương đến Nhật Bản, họ đều tỏ ý tán thành và ủng hộ. Năm 1927, do sợ hải quân Bắc phạt đã đến gần, một dạo tôi đã tiếp thu lời khuyên của La Chân Ngọc, quyết định sang Nhật. Qua sự môi giới của Tổng lãnh sự quán Nhật Bản, Tổng lãnh sự quán xin ý kiến trong nước, nội các Tanaka tỏ ý hoan nghênh và quyết định tiếp đãi tôi theo nghi lễ quân chủ. Theo La Chân Ngọc nói: Phía quân đội Nhật Bản đã chuẩn bị dùng quân đội bảo hộ tôi khởi hành. Chỉ vì do tình thế hòa dịu, cũng còn do Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế phối hợp can ngăn nên việc đó không thành. Sau đó, chính phủ Quốc dân Đảng ở Nam Kinh được thành lập. Khẩu hiệu chính thức “đả đảo chủ nghĩa đế quốc”, “bãi bỏ hiệp ước bình đẳng” không còn nữa. Tôi dần dần phát hiện: mặc dù sự “tôn kính”, “bảo hộ” của Nhật Bản vẫn chưa thay đổi song trên loại vấn đề như tôi xuất dương, thái độ của họ có sự khác nhau. Sự khác nhau đó thậm chí tới mức tôi hết sức căm phẫn.

Nửa cuối năm 1927, một hôm La Chân Ngọc nói với tôi: “Tuy tô giới Nhật tương đối an toàn song rút cục là vàng thau lẫn lộn. Theo Bộ Tư lệnh Nhật Bản nói: bọn mật vụ của đảng cách mạng (đó là cách gọi ở Trương Viên gộp Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản làm một) lẫn vào không ít. Sự an toàn của “thánh giá” đáng lo ngại. Thân thấy rằng, vẫn là tạm đi sang phía Đông là hơn, có thể

trước hết đến Lữ Thuận. Ở đó, Cung thân Vương có sự chuẩn bị thỏa đáng. Phía quân đội Nhật Bản cũng sẵn sàng giúp đỡ đảm đương trách nhiệm hộ giá. Khi đó tôi lo lắng bàng hoàng về những lời đồn đại về “bọn mặt vụ”, nghe lời La Chân Ngọc, đặc biệt là Phô Vỹ lại gửi thư tới nên tôi lại một lần hạ quyết tâm xuất hành. Bất chấp lời phản đối của Trần Bảo Thám và Trịnh Hiếu Tế, tôi lập tức bảo Trịnh Hiếu Tế tới Tổng lãnh sự Nhật Bản, tôi muốn đích thân gặp và bàn với ông ta. Nghe tôi bảo, Trịnh Hiếu Tế cũng người hỏi:

- Hoàng thượng gặp Kato Tobametsu, ai làm phiên dịch? là Tạ Giới Thạch ư?

Tôi hiểu ý ông ta. Tạ Giới Thạch là người Đài Loan do Thăng Sung giới thiệu, khi ở Bắc Kinh đã ra vào trong cung. Khi Trương Huân phục tịch, đã 12 ngày làm quan chức Bộ Ngoại giao sau đó do người Nhật Bản tiền cử đã làm thư ký bộ hạ Lý Cảnh Lâm. Khi đó, Tạ Giới Thạch theo sát La Chân Ngọc không những cung cấp tin tức cho tôi về “hành động của bọn mặt vụ thường phục”, đảng cách mạng tiên hành ám sát tôi v.v... Khuyên tôi đến Lữ Thuận lánh nạn cũng có ý kiến của hắn. Trịnh Hiếu Tế rõ ràng không thích người của La Chân Ngọc làm phiên dịch cho tôi, mà đồng thời tôi biết rằng trên vấn đề quan trọng này... La Chân Ngọc cũng không thích Trịnh Thủy, con trai Trịnh Hiếu Tế hoặc Lưu Nhượng Nghiệp, cháu ngoại Trần Bảo Thám làm phiên dịch. Nghĩ một chút tôi quyết định:

- Dùng phiên dịch tiếng Anh, Kato biết tiếng Anh.

Tổng lãnh sự Kato và các phó lãnh sự Okamoto, Issaku, Shirai đều tới. Nghe tôi nói xong, Kato trả lời.

- Vấn đề bề hạ nêu ra, tôi chưa thể trả lời ngay, vấn đề này cần phải xin ý kiến của Tokyo.

Tôi nghĩ thầm: đây vốn là việc mà Bộ Tư lệnh Nhật Bản nói với La Chân Ngọc rằng không có vấn đề. Lại nói, tôi không phải đi Nhật Bản, sao lại phải hỏi Tokyo? Các nhà lưu vong cao cấp ở Thiên Tân cũng có người đến Lữ Thuận nghỉ hè. Họ đi cũng không cần báo Tổng lãnh sự quán Nhật Bản, với tôi sao lại tăng phần phiền phức như vậy? Tôi không hoàn toàn nói ra những điều tôi thầm nghĩ, Kato đã lại nêu thêm một vấn đề nữa:

- Xin hỏi, đây là ý của bề hạ ư?

- Là ý kiến của tôi. - Tôi trả lời một cách không vui vẻ. Tôi lại nói: - Hiện nay có nhiều tin tức không có lợi với tôi. Tôi ở đây không được yên tâm. Theo Bộ Tư lệnh Nhật Bản nói: hiện nay đảng cách mạng phải tới nhiều mặt vụ. Tổng Lãnh sự quán nhất định có tin này chứ?

- Đó là tin đồn, bề hạ đừng có tin.

Khi nói, Kato mặt không vui. Ông ta nói tình báo Bộ Tư lệnh là tin đồn, khiến tôi cảm thấy rất lạ lung. Tôi đã từng căn cứ vào những tình báo đó yêu cầu ông ta tăng thêm cảnh vệ. Cảnh vệ đã tới ông ta rút cục có tin hay không tin những tin tức đó? Tôi không nhịn được liền nói:

- Tình báo của phía Bộ Tư lệnh sao lại có thể là tin đồn?

Nghe câu nói đó, Kato im lặng hồi lâu. Hai vị phó lãnh sự, không rõ họ có hiểu tiếng Anh không, cò quây một hồi trên ghế sofa.

Cuối cùng Kato nói: “Bề hạ có thể tin chắc rằng, an toàn không thể có vấn đề, đương nhiên vấn đề xin đến Lữ Thuận tôi xin vâng mệnh đi xin ý kiến chính phủ chúng tôi”.

Hắn nói chuyện này khiến tôi lần đầu tiên cảm thấy giữa Tổng lãnh sự quán và Bộ Tư lệnh Nhật Bản không có sự ăn ý. Tôi cảm thấy lạ lùng và cũng rất bức mình. Tôi gọi La Chân Ngọc và Tạ Giới Thạch tới hỏi lại. Họ khẳng định nói: phía Bộ Tư lệnh và những người gần gũi Bộ Tư lệnh đều nói như thế. Họ nói:

- Tình báo của Bộ Tư lệnh là rất đáng tin cậy. Về nhất cử nhất động của đảng cách mạng từ trước tới nay là rất rõ ràng. Dù nói thế nào, dù ám sát chỉ là lời đồn cũng cần đề phòng.

Sau đó mấy ngày, Vinh Nguyên, bố vợ tôi báo cáo với tôi: Bọn bề bên ngoài nói với ông, thích khách mặt vụ của Phùng Ngọc Tường từ tô giới Anh đến, tình hình rất đáng lo ngại.

Khâu Kế Trung, “người hầu” tôi cũng báo cáo: hắn phát hiện gần cửa lớn có một số người dáng vẻ khả nghi, ngó nghiêng nhìn vào trong vườn.

Nghe những tin đó, tôi vội gọi Đồng Tế Hy, người quản lý tạp vụ và Tô Ngọc Sơn người quản quân bảo vệ..., bảo họ báo với quân cảnh Nhật tăng cường kiểm soát, dẫn dò quân bảo vệ chú ý những người lảng vảng bên ngoài và cầm ra vào ban đêm. Ngay hôm sau, tôi nghe một người hầu nói: tối hôm trước vẫn có người ra vào không tuân thủ lệnh cấm của tôi. Tôi lập tức hạ lệnh ghi một lần lỗi lớn của Đồng Tế Hy và phạt tiền lương⁽⁵⁰⁾ những người trái lệnh ra vào để nhắc nhở.

Tóm lại, thần kinh của tôi khá căng thẳng. Có một đêm, trong giấc mộng, tôi bỗng bị một phát súng đánh thức, tiếp đó, lại một phát súng nữa. Tiếng nổ chuyển từ phía sau ngoài cửa sổ tới. Tôi

lập tức nhảy khỏi giường, gọi người triệu tập quân bảo vệ. Tôi cho rằng nhất định là mật vụ của Phòng Ngọc Tường tới. Toàn bộ người ở Trương Viên đều thức dậy, quân bảo vệ được bố trí khắp nơi. Quân tuần tiêu Nhật Bản (người Hoa), canh gác cửa lớn tăng cường cảnh giới. Cảnh sát Nhật Bản đóng trong trang viên ra ngoài xem xét. Kết quả, bắt được người bắn súng, tôi không ngờ tới kẻ bắn súng đó là người Nhật.

Hôm sau, Đồng Tế Hy báo cáo với tôi: Người Nhật đó tên là Iwada là phần tử Hội Hắc Long. Cảnh sát Nhật đã giải hẩn đến cơ quan cảnh sát Bộ Tư lệnh Nhật Bản lập tức mang hẩn đi. Nghe nói như thế, tôi đã hiểu sự việc đến bảy, tám phần.

Đối với nhân vật Hội Hắc Long tôi đã có lần tiếp xúc: Mùa đông năm 1923, tôi đã tiếp kiến Tsukuda Shinotto, nhân vật quan trọng của Hội Hắc Long. Đầu mỗi lần tới cùng là do sự hô hào của La Chân Ngọc. La Chân Ngọc nói với tôi: Khắp Nhật Bản đều rất đồng tình với tôi sau khi bị buộc phải ra khỏi cung và tỵ nạn. Nhiều nhân vật quyền thế ở Nhật Bản, bao gồm cả quân đội đều đang vạch kế hoạch giúp tôi phục tích. Hiện nay, Tsukuda Shinotto, đại biểu của họ đã được cử tới, muốn đích thân bàn bạc với tôi ông ta nói: “quyết không để mất cơ hội, cần lập tức triệu kiến nhân vật này. Tsukuda Shinotto là người thế nào, tôi vẫn chưa hề nghe tới. Trong phủ Nội vụ có người biết ông ta, nói sau Cách mạng Tân Hợi, ông ta thường lui tới các vương phủ, có một số giao thiệp với các vương công tôn thất. Tin tức của La Chân Ngọc thúc đẩy tôi song tôi cảm thấy Tổng lãnh sự Nhật Bản là đại biểu chính thức của Nhật, lại là người bảo hộ tôi, lẽ tất nhiên cần mời họ đến cùng bàn bạc. Do đó tôi gọi người thông báo Tổng lãnh sự Nhật Aridahachiro, mời ông ta đến dự. Ai ngờ khi Shinotto tới, thấy có mặt Aridahachiro lập tức quay người đi ra, khiến Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế có mặt đều vô cùng kinh ngạc. Sau đó Trịnh Hiếu Tế đến trách hỏi ông ta sao lại dám “Vô lễ trước Thánh thượng” như thế, ông ta trả lời: “Mời Aridahachiro tới chẳng phải là không thật lòng đối với tôi hay sao? Đã như vậy, đôi ngày sẽ bàn luận”.

Nay xem lại, hoạt động đó của La Chân Ngọc cũng như việc nổ súng tạo không khí khủng bố của Iwada là sự tiếp tục hoạt động của Tsukuda. Kiểu hoạt động đó rõ ràng là có Bộ Tư lệnh quân đội Nhật đứng đằng sau.

Sau đó tôi gọi Trần Bảo Thám và Trịnh Hiếu Tế tới nghe quan điểm của họ đối với sự kiện này.

Trịnh Hiếu Tế nói: “Xem ra, hai giới chính trị và quân sự Nhật Bản đều muốn xin bệ hạ ở trong phạm vi thế lực của mình để bảo hộ. Họ tuy không hợp tác cũng không thiệt hại gì cho ta. Tuy nhiên, La Chân Ngọc làm việc khó tránh hoang đường, cách làm đó của ông ta chỉ có thất bại mà không thể thành công, muôn vạn không thể trọng dụng”.

Trần Bảo Thám nói: “Chẳng kể là Bộ Tư lệnh quân Nhật hay Hội Hắc Long, họ làm việc đều hoàn toàn không có trách nhiệm. Ngoài Công sứ và Tổng Lãnh sự Nhật, ai nói cũng chớ có nghe!”. Tôi cân nhắc một chút, cảm thấy lời họ nói rất có lý nên không nghĩ đến việc yêu cầu Tổng Lãnh sự rời Thiên Tân nữa. Từ đó, tôi cũng không còn hứng thú đối với La Chân Ngọc. Năm sáu, ông ta bán nhà ở Thiên Tân, chạy lên Đại Liên.

Kể cũng lạ, La Chân Ngọc vừa đi, tin đồn cũng ít đi. Ngay Vinh Nguyên và Khâu Kế Trung cũng không có tin báo kinh người nữa. Mãi rất lâu về sau, tôi mới biết rõ một đầu mối trong đó.

Đó là người phiên dịch tiếng Anh của tôi nói với tôi. Ông ta là anh em đồng hao của Vinh Nguyên. Do mối quan hệ đó, cũng do ông ta có giao tiếp về công việc phiên dịch đối với Bộ Tư lệnh quân đội Nhật, thăm dò được một chút tình hình bên trong, sau đó tiết lộ với tôi. Thì ra, Bộ Tư lệnh quân đội Nhật chuyên đặt một cơ quan mật vụ, công tác rất lâu ở Trương Viên. Quan hệ với cơ quan này, ít nhất là mấy người La Chân Ngọc, Tạ Giới Thạch, Vinh Nguyên phiên dịch tiếng Anh của tôi đã được ba người đưa tới một nơi bí mật của cơ quan đặc vụ. Nơi đó bề ngoài gọi là “Sanno công quán”.

Ông ta được họ đưa đi là sau hôm tôi tiếp Kato. Sau khi ông ta làm xong công việc phiên dịch, bị ba người La - Tạ - Vinh giữ lại, thăm dò tình hình hội đàm. La Chân Ngọc và mấy người nghe nói Kato hoàn toàn không nhiệt tình đối với việc ra đi của tôi, lập tức hoảng hốt. Qua bàn bạc của họ, phiên dịch tiếng Anh nghe được hoàn toàn khác với có người phía Bộ Tư lệnh bày tỏ thái độ đối với La Chân Ngọc, đó là nói: được, cần đưa tôi đến ở Lữ Thuận. Để báo cáo với người của bộ Tư lệnh về lời nói của Kato, đám ba người La Chân Ngọc đưa phiên dịch tiếng Anh đến. “Sanno Công quán” tìm người đó. Kết quả không tìm thấy mà phiên dịch tiếng Anh lại phát hiện ra nơi bí mật này. Sau đó qua Vinh Nguyên và phía khác, ông ta được biết đó là nơi có khói thuốc phiện, đàn bà và tiền bạc. Vinh Nguyên là khách thường xuyên của nơi này, có lần ông ta thậm chí làm nhục một người được gọi là

Okuma, người Nhật Bản. Okuma báo cáo việc đó với Bộ Tư lệnh Nhật Bản cũng không dùng được tới ông ta. Còn về Vinh Nguyên và mấy người cùng “Sanno công quán” có những hoạt động cụ thể như thế nào, Vinh Nguyên cũng không chịu tiết lộ.

Tên đầy đủ của Sanno là Sanno Tomoyoshi. Tôi biết người này, hẳn là một thiếu tá của Bộ Tư lệnh thường đi với viên tư lệnh quân đội Nhật đến làm khách của Trương Viên. Khi đó tôi tuyệt nhiên không nghĩ tới, chính là con người này, qua “công quán” của hắn thiết lập quan hệ qua lại rất thân thiết với một số người ở Trương Viên, nắm chắc tình hình trong Trương Viên, khiến bọn người như Vinh Nguyên trong Trương Viên rất vâng lời cho đến về sau qua họ, đưa tin đồn đến tận tai tôi, khiến tôi mấy lần muốn chạy đến Lữ Thuận. Sau khi nghe phiên dịch của tôi tiết lộ một số tình hình của “Sanno công quán” tôi chỉ nghĩ tới việc Bộ Tư lệnh Nhật tốn công lôi kéo đám Vinh Nguyên chẳng qua là để giành giật tôi với lãnh sự quán, sự giành giật của hai phía như vậy đúng đúng như Trịnh Hiếu Tế nói là rất có ích, không có hại đối với tôi.

Sự thật là, hiện tượng cuộc giành giật tôi thấy được cũng như thế. Cuộc giành giật kịch liệt và phức tạp giữa lãnh sự quán và Bộ Tư lệnh không kém những điều xảy ra giữa các di lão xung quanh tôi. Ví dụ: Bộ Tư Lệnh cử tham mưu mỗi tuần đến nói thời sự với tôi, lãnh sự quán cũng cử Enzan Takeo làm thầy dạy học ở hoàng thất. Mỗi lần lãnh sự quán mời tôi ăn đồng thời mời Trịnh Hiếu Tế, trong lời mời của Bộ Tư lệnh thì không thể thiếu La Chân Ngọc.

Lãnh sự quán cử sĩ quan cảnh sát Nhật Bản đóng ở Trương Viên còn Bộ Tư lệnh đặt “Sanno công quán” chuẩn bị đàn bà, thuốc phiện, ... cho đám người Vinh Nguyên, La Chân Ngọc, Tạ Giới Thạch, v.v...

Còn về Hội Hắc Long, tôi hiểu được muộn nhất, vẫn là Trịnh Hiếu Tế nói với tôi. Đây là đoàn thể lớn nhất của những người lang bạt Nhật Bản, tiền thân gọi là “Huyền Dương xã” thành lập sau chiến tranh Trung - Pháp do Kisaoka, một người Nhật lang bạt sáng lập, là tổ chức đặc vụ tiên hành hoạt động gián điệp lớn nhất ở Trung Quốc. Mới đầu ở Phúc Châu, Yên Đài, Thượng Hải đều có cơ quan lấy Lãnh sự quán, trường học, quán chụp ảnh làm nơi che dấu như “Đồng dương học hiệu” ở Thượng Hải và sau đó là “Đồng văn thư viện” đều như thế. Tên “Hội Hắc Long” có nghĩa là “Vượt qua Hắc Long Giang” xuất hiện năm 1901. Trong chiến tranh Nhật Nga, tổ chức này cũng đã có tác dụng rất lớn, nghe nói lúc đó hội viên Hội Hắc Long lên tới mấy chục vạn người, có số tiền vốn hoạt động rất lớn. Trumuri Yama là Lãnh tụ nổi tiếng của Hội Hắc Long. Dưới sự chỉ huy của hắn, vây cánh của hắn đã thâm nhập vào các tầng lớp ở Trung Quốc, tức bên cạnh các vương công đại thần cuối Nhà Thanh như bọn Thăng Sung đến bọn đầu cơ tay sai như trong đoàn người hầu ở Trương Viên không có nơi nào không có bọn chúng tiến hành những công việc mưu sâu tính xa. Nhiều nhân vật Nhật Bản nổi tiếng như Toihara, Hiroda, Hiramuma, Aridachiro, Kakozuku... đều là học trò của Trumuri Yama. Theo Trịnh Hiếu Tế nói: Trumuri Yama là tín đồ Phật giáo, có bộ râu bạc dài, nét mặt “hiền từ”, bình sinh rất thích hoa hồng, suốt năm không muốn rời vườn hoa của ông ta. Chính là một tín đồ đạo Phật, trong mùi thơm ngào ngạt của hoa hồng, vuốt chòm râu bạc, nét mặt “hiền từ” đã đặt ra những âm mưu hại người và những hung án chưa từng thấy của con người. Trịnh Hiếu Tế về sau có thể thấy được lực lượng của Hội Hắc Long và hệ thống quân đội Nhật Bản cần phải quy công cho La Chân Ngọc. Trịnh Hiếu Tế, Trần Bảo Thám là ba loại tư tưởng khác nhau. La Chân Ngọc cho rằng: các quân nhân cũng như các nhân vật Hội Hắc Long đều đáng tin cậy. Trần Bảo Thám cho rằng ngoài Tổng Lãnh sự quán đại biểu chính phủ Nhật Bản, lời những người Nhật Bản đều không thể tin cậy được. Trịnh Hiếu Tế công khai phụ họa Trần Bảo Thám để phản đối La Chân Ngọc. Mới đầu ông ta cũng hoài nghi đối với Bộ Tư lệnh và Hội Hắc Long song ông ta dần dần qua sự huyền hoặc của La Chân Ngọc và những việc làm sai trái của Hội Hắc Long thấy rõ động hướng của một số thế lực phía Tokyo, thấy rõ ý đồ thực tại của nhà cầm quyền Nhật Bản, thấy được lực lượng mà ông ta có thể dựa. Vì vậy, cuối cùng ông ta quyết định: tạm thời bỏ kế hoạch mưu tìm các nước cùng quản lý, chuẩn bị hành trang sang phía Đông, đến Nhật Bản tìm Hội Hắc Long và Bộ Tổng tham mưu.

Đề nghị đến Tokyo hoạt động của ông ta được tôi tán thành, được công sứ Kobashizawa đồng ý. Cùng đi với ông ta có một người Nhật tên là Datohô, một người có quan hệ giữa quân chủng và triều đình. Qua sự xấp xệp của con người lang bạt này, ông đã tiếp xúc được với quân đội Hội Hắc Long. Sau đó, ông ta rất hài lòng nói với tôi: triều đình và dân chúng Nhật đều tỏ ý “quan tâm” và “đồng tình” đối với việc phục tịch của tôi, và cảm thấy hứng thú đối với chính sách mở cửa của chúng tôi trong tương lai.. Tóm lại, nếu thời cơ đến, chúng ta có thể đưa ra yêu cầu chi viện.

Ở Nhật Bản, ông ta là đại biểu của tôi, được những nhân vật nhiệt tình khôi phục triều

Thanh tiếp đãi, trong đó có nhiều người là quen cũ của tôi, ví dụ như Tokada Fujū, nguyên là Tư lệnh quân Nhật đóng ở Thiên Tân, phó lãnh sự Shirai, Takemoto Ohichi là Đại tá, khi ở Bắc Kinh đưa tôi đến doanh trại quân đội Nhật, Iwada, hội viên Hội Hắc Long, là người nổ súng ngoài cửa của tôi, Tsukuda Shimotto, nhân vật quan trọng của Hội Hắc Long, không chịu bàn việc “cơ mật” trước tổng lãnh sự... Chẳng kể ở Trung Quốc họ bất hòa như thế nào, khi đó trái lại đã cùng tiếp đãi rất thận mật “Trịnh đại thân”. Ngoài những nhân vật trước đó đã trực tiếp có mặt, một số nhân vật cỡ lớn vẫn còn trong bí mật nhưng sau đó giữ những chức vụ quan trọng thủ tướng, bộ trưởng... như Ukaki Ichiguchi, Konoe, Yonuchi, Hiramachi, Suzuki, Nanjiro cho đến Yoshida Abagemi, còn có một số chính khách tài phiệt nổi tiếng khi đó đều lộ mặt. Có lẽ khi hội đàm với những nhân vật đó “chính sách mở cửa cả nước” của Trịnh Hiếu Tế dần tới phản ứng khiến ông ta quá vui mừng. Cho nên sau khi Ngụy Mãn thành lập, đám “khách” đầu tiên đến “mở cửa” ông ta vẫn không quên lý tưởng “cùng quản lý”, khi có dịp là tuyên truyền với bên ngoài về “mở cửa, cơ hội như nhau”. Điều đó giống như người ở ném dây thừng cho kẻ cướp, mở cửa lớn của chủ nhà cho một toán cướp tiến vào, làm người coi việc cho bọn cướp; cảm thấy chưa đủ, còn phát giấy mời cho các toán cướp khác. Như vậy, tự nhiên chọc tức bọn cướp đã vào cửa, co chân đạp ông ta ngã lăn chiêng.

Cuộc sống “hành tại” (51)

Sau một thời gian sống ở Trương Viên, tôi cảm thấy hoàn cảnh ở đây thoải mái hơn nhiều so với Tử Cẩm Thành ở Bắc Kinh. Tôi cho rằng trừ phi thời cơ phức tạp đã chín muồi, hoặc xảy ra lực lượng bên ngoài không thể chống cự được, tôi ở đây vẫn hơn. Đó cũng là nguyên nhân khiến ý muốn xuất dương của tôi tiêu tan.

Trương Viên (và sau này là Tĩnh Viên) đối với tôi không có những thứ mà tôi không thích như ở Tử Cẩm Thành lại hầu như vẫn giữ được mọi thứ cần thiết. Ở Tử Cẩm Thành, tôi không thích nhất trước hết là sự gò bó, lúc nào cũng ngồi trên xe, ra phố không được tự do; sau đó là đám người Phủ Nội vụ mà tôi bức mình. Nay tôi đã được tự do, muốn làm gì thì làm, người khác chỉ có việc tâu can chứ không có cách nào can thiệp. Tại Tử Cẩm Thành, tôi cho rằng điều cần thiết là sự uy nghiêm của tôi thì ở đây vẫn tồn tại. Tuy nhiên tôi đã không mặc bộ long bào hoàng đế nặng nề, thường xuyên mặc áo thụng, nhiều hơn là mặc âu phục. Song điều đó không ảnh hưởng gì đến việc người khác đến vái chào tôi. Nơi tôi ở, trước đã từng là nơi vui chơi giải trí không có ngôi lưu ly, cũng không có cột xà trạm trở, song vẫn có người gọi đó là “hành tại” (tôi cảm thấy thiết bị phun nước và hơi ẩm của nhà lầu dễ chịu hơn nhiều so với điện Dưỡng Tâm). Những người trong tôn tộc ở Bắc Kinh còn muốn trốn đến đây để “trực ban” cho tôi. Gian phòng bán vé của nhà giải trí Trương Viên trước kia cũng như “Phòng thủ vệ của Cẩm Thành”. Tuy rằng nơi này không có những căn nhà nổi tiếng như Nam thư phòng, Mao Cần điện, Phủ nội vụ song mọi người vẫn coi tâm biên “Phòng làm việc của Nhà Thanh ở Thiên Tân” là hóa thân của những nhà đó. Còn sự sùng hộ của mọi người đối với tôi, niên hiệu Tuyên Thống sử dụng trong viện càng được giữ gìn chặt chẽ, đối với tôi cũng là sự cần thiết tự nhiên.

Trong thời đại Trương Viên, đại thân Phủ nội vụ chỉ còn lại có một mình Vinh Nguyên, những người khác hoặc ở Bắc Kinh lo liệu, hoặc cáo lão về hưu. Sau khi tôi đến Thiên Tân, những chỉ dụ phát ra đầu tiên có hai bản: “Trịnh Hiếu Tế, Hồ Từ Viện, Dương Chung Nghi, Ôn Túc, Cảnh Phương Hằng, Nghiêm Bích Viêm, Trần Tăng Thọ, Vạn Thắng Thức, Lưu Nhượng Nghiệp đều ở Thiên Tân làm cố vấn”. “Đặt Tổng vụ xử do Trịnh Hiếu Tế, Hồ Từ Viện phụ trách, Thư vụ xử do Đồng Tế Hy phụ trách, thu chi xử do Cảnh Phương Hằng phụ trách, Giao thiệp xử do Lưu Nhượng Nghiệp phụ trách”. “Trần Bảo Thám, La Chấn Ngọc là “cận thân” gặp hàng ngày”. Họ và các cố vấn mỗi buổi sáng đến một lần, ngồi ở một gian phòng phía Tây nhà là đợi “triệu kiến”. Ở cạnh cửa lớn có một gian phòng là nơi dành cho những người xin gặp ngồi đợi. Những người đã từng tới đây có quân nhân, chính khách, di lão, các nhân vật “kiêu mới”, tao nhân mặc khách, cho đến thầy thuốc, thầy bói. Như thủ lĩnh đảng Thanh niên Khôi Tăng Kỳ, danh thủ quần vợt Lâm Bảo Hoa, chủ bút “Thiên Tân nhật báo” Lưu Tải Công, ủy viên giám sát Quốc Dân Đảng Cao Hữu Đường... đều đã từng gia nhập hàng ngũ Trương Tôn Xưởng, Lưu Phương Trì, tại đây đã đợi “Quan tâu việc” “dẫn kiến”. Cảnh sát Nhật đứng trong trang viên, người Thiên Tân gọi bọn “mũ trắng” đứng ở một gian phòng đối diện, hàng ngày đăng ký những nhân vật lui tới. Mỗi lần tôi ra ngoài là có một cảnh sát Nhật mặc thường phục đi theo.

So với Tử Cẩm Thành, tình hình kinh tế ở Trương Viên tất nhiên kém nhiều tuy nhiên tôi vẫn có một khoản tài sản khá lớn. Tôi đã lấy từ trong cung một số lớn đồ vật, một phần đổi thành tiền, gửi ngân hàng nước ngoài lấy lãi, một phần biến thành nhà ở, thu tiền hàng tháng. Ở trong và ngoài cửa quan, tôi lại còn rất nhiều đất đai, tức là sau khi nhà Thanh vào trung nguyên, đã “đua ngựa khoanh đất” tạo ra cái gọi là “tài sản nhà vua”; con số tôi không rõ, đọc tư liệu qua một tờ báo lịch sử, chỉ riêng tài sản nhà vua ở tỉnh Trực Khang đã có khoảng 12 vạn khoảnh. Để xử lý tô tức và tiền bán những đất đai này, Đốc ban tỉnh Trực Khang của chính phủ Dân quốc cùng nhà Thanh lập ra “Tư sản quản lý xứ”, hai bên ngồi tại chỗ chia của, bán một khoảnh, chia một khoản tiền, cũng là một khoản thu nhập. Ngoài ra, như trên tôi đã nói, tôi và Phô Kiệt mất nửa năm tốn công chuyên ra rất nhiều tranh vẽ, đồ cổ quý giá nay đều trong tay tôi.

Sau khi tôi đến Thiên Tân, ở Bắc Kinh, Phụng Thiên, Thiên Tân vẫn có nhiều nơi cần tiếp tục chi tiêu hàng tháng vì vậy phải đặt ra “Lưu kinh biện sự xứ”, “Lăng miếu thừa biện sự vụ xứ”, “Trụ Liêu Ninh biện sự xứ”, “Tôn nhân phủ”, “tư sản quản lý xứ” (cùng nhà đương cục Dân quốc hợp tác tổ chức), “Đông Lăng thủ hộ đại thần” và “Tây Lăng thủ hộ đại thần” ... chia nhau quản lý. Tôi tìm được một bản tài liệu trong đó chỉ tính số tiền chi cố định mỗi tháng mấy nơi ở Bắc Kinh và Đông Lăng đã tới 15.837 đồng 8 hào 4 xu. Còn về chi tiêu ở Thiên Tân mỗi tháng khoảng 1 vạn đồng. Số tiền chi lớn nhất là lôi kéo và thu nạp đám quân phiệt vẫn chưa tính vào đây, cũng chưa tính cái khoản xe ô tô, kim cương... Số tiền chi để mua các vật phẩm trong thời kỳ ở Thiên Tân lớn hơn nhiều so với thời kỳ ở Bắc Kinh mà mỗi tháng mỗi tăng như đàn dương cầm, đồng hồ chuông, máy thu thanh, âu phục, giày da, kính đeo mắt mua liên tục, chẳng biết bao nhiêu. Uyên Dung vốn là một tiểu thư ở Thiên Tân tung tiền mua đồ vật còn nhiều hơn tôi. Cô ta mua thứ gì, Văn Tú cũng nhất định đòi mua. Tôi mua cho Văn Tú, Uyên Dung nhất định lại đòi, mà tiêu tiền càng nhiều thì mình mới tỏ ra là hoàng hậu. Kiêu thi đua mua sắm đó khiến tôi không thể không qui định mức chi tiêu của họ hàng tháng, tất nhiên mức quy định cho Uyên Dung phải nhiều hơn Văn Tú một chút; nhớ được lúc đầu Uyên Dung 1000 đồng, Văn Tú là 800 đồng, sau đó khó khăn giảm xuống còn 300 và 200 đồng. Còn như số tiền tôi đã tự chi tiêu đương nhiên không hạn chế (52).

Do kiểu vùng tiền bạc quá xá như vậy, Trương Viên lại xuất hiện tình trạng như Tử Cẩm Thành, có lúc không tổ chức được lễ tiết, không trả được tiền thuê nhà, sau đó ngay tiền thù lao “cận thân” và cô vẫn cũng không chi được.

Tôi đã tiêu không biết bao nhiêu tiền bạc, mua rất nhiều thứ không dùng đến, cũng đồng thời mua được quan niệm còn mạnh mẽ hơn so với việc Johnston dạy cho tôi đó là mọi thứ của người nước ngoài đều tốt mà so sánh một chút tôi cảm thấy ở Trung Quốc, ngoài đế chế ra, cái gì cũng không tốt.

Mấy thứ giá mấy xu như viên kẹo thơm nhãn hiệu Lưu Lan Hương cũng khiến tôi xuýt xoa cho rằng người Trung Quốc quá ngu xuẩn, người nước ngoài đầy thông minh nhất. Đương nhiên, tôi nghĩ đến người Trung Quốc không phải bao gồm bản thân tôi cho rằng, tự mình đã ngự trên mọi thần dân. Tôi thấy rằng ngay những người nước ngoài thông minh cũng coi tôi như vậy.

Khi đó, tôi ở trong tô giới của người nước ngoài, được sự ưu đãi mà người Trung Quốc tuyệt đối không được hưởng. Ngoài người Nhật Bản, các Tổng lãnh sự Mỹ, Anh, Pháp, Italia, các sĩ quan đóng quân, các ông chủ nước ngoài đối với tôi cũng rất tôn kính, gọi tôi là “hoàng đế bệ hạ”, mời tôi đi duyệt binh trong ngày quốc khánh của họ, tham quan trại lính, tham quan loại máy bay mới, chiến hạm, vào ngày tết năm mới và ngày sinh của tôi đến chúc mừng.

Trước khi rời Thiên Tân, Johnston đã giới thiệu tôi với Tổng lãnh sự và tư lệnh quân đội Anh, sau đó họ luân chuyển giới thiệu các viên tư lệnh các nhiệm kỳ đều không ngớt cùng tôi thù tạc. Hoàng tử thứ ba quốc vương Anh đến Thiên Tân đã đến thăm tôi, mang tấm ảnh tôi gửi tặng cho ông. Sau đó vua Anh gửi thư cảm ơn và gửi thư trao cho Tổng lãnh sự Anh mang ảnh của ông đến tặng tôi. Qua tổng lãnh sự Italia, tôi và quốc vương Italia cũng gửi tặng ảnh nhau.

Tôi đã thăm nhiều trại lính, tham dự nhiều cuộc duyệt binh của quân đội nước ngoài. Những quân đội này đóng trên lãnh thổ Trung Quốc là căn cứ theo “Hiệp ước Mậu Tý” của Tây thái hậu - tổ tiên tôi đã thừa nhận. Khi họ diễu võ dương oai đi qua trước mặt tôi, tôi cảm thấy rất đặc ý, cho rằng người nước ngoài đối đãi với tôi như vậy có thể thấy họ vẫn coi tôi là hoàng đế.

Ở Thiên Tân có một người Anh tổ chức một câu lạc bộ “Hương nghệ hội” (Country Club) là nơi ăn chơi sang trọng chỉ cho phép các ông chủ tư bản lớn nước ngoài ra vào, người Trung Quốc hoàn toàn không được bước vào cửa này, chỉ có tôi là ngoại lệ (53). Tôi có thể tự do lui tới, ra vào, có thể đưa người nhà đi theo cùng hưởng mùi vị “Người Trung Hoa đặc biệt”.

Đề trang điểm mình giống như một người châu Âu, tôi ra sức lợi dụng quần áo, kim cương của các tiệm buôn bán như công ty Huây-lơ, Long Mậu đương hàng... trang điểm cho mình như kiểu một quý tộc nước ngoài trên tạp chí các ông lớn. Mỗi khi ra bên ngoài, tôi mặc âu phục hàng dệt nổi tiếng của Anh, trên cà-vạt cài kim nam kim cương, cửa tay áo gài khuy kim cương, ngón tay đeo nhẫn kim cương, tay cầm “gậy văn mình”, mặt đeo kính Đức, do hãng Jess sản xuất, khắp người sức nức mùi nước hoa, đi theo bên người còn có vài ba con chó béc giê Đức và một thê, một thiếp trang phục lòe loẹt...

Kiểu sống đó của tôi ở Thiên Tân đã gây nên không ít lời bàn tán của Trần Bảo Thám, Hồ Từ Viện và các di lão.

Họ chưa bao giờ phản đối tôi vung tiền mua sắm đồ đạc, cũng không phản đối tôi giao thiệp với người nước ngoài. Nhưng, khi tôi đến cắt tóc ở Công ty Trung nguyên hoặc ngẫu nhiên đi xem kịch, hoặc mặc quần âu phục đến làm khách của trại lính nước ngoài thì họ đều cho rằng quá mất quyền nghi đế vương, không thể không can ngăn. Có lần do can ngăn mà tôi không nghe, Hồ Từ Viện đã viết lời tâu xin cáo lui... Qua mấy lần tôi an ủi giữ lại, thậm chí lấy hai tấm da cáo ban thưởng, bày tỏ quyết tâm nghe lời tâu can ông mới chuyển ý, ca ngợi tôi là “anh chủ” chịu nghe lời tâu can, kết quả hai bên đều hài lòng.

Năm tôi mới tới Thiên Tân, nhân dịp 20 năm ngày sinh của Uyển Dung, Vinh Nguyên bố vợ tôi muốn mời một đội nhạc Tây đến diễn tấu. Di lão Đinh Nhân Trường nghe tin vội vã đến can, nói rằng “Tiếng nhạc Tây trong có giọng buồn”, muôn vạn không thể nghe “trọng ngày thiên thụ của hoàng hậu”, kết quả bãi bỏ nhạc Tây, Đinh Nhân Trường được thưởng 200 đồng bạc trắng. Lấy vật chất thưởng bẻ tôi can, đại thể là bắt đầu từ lần đó.

Từ đó về sau, cho đến khi tôi vào trại giam, tôi không hề ra ngoài xem kịch, cắt tóc. Tôi nghe theo ý kiến của Hồ Từ Viện cũng không phải vì sợ ông lại gây rối mà thật sự do tiếp xúc sự giáo dục của ông, coi việc đến rạp hát xem kịch là việc làm mất tự thể của mình. Có một ví dụ có thể chứng tỏ sự “tiên bộ” của tôi. Sau đó, có một vị Vương tử Thụy Điển đến Thiên Tân, muốn cùng tôi gặp mặt. Do thấy trên báo có ảnh ông ta chụp với Mai Lan Hương (nghệ sĩ Kinh kịch nổi tiếng chuyên đóng vai nữ), cho rằng ông ta mất tự thể, tôi cự tuyệt đề nghị của ông ta, không gặp ông ta.

Các di lão Hồ Từ Viện, Đinh Nhân Trường của phái Trần Bảo Thám, đến thời kỳ sau, hầu như tuyệt vọng đối với việc phục tích, không muốn thăm dò bất cứ suy nghĩ mạo hiểm nào, đó là chỗ khác nhau giữa họ với Trịnh Hiếu Tế, La Chân Ngọc. Song, đối với sự uy nghiêm của đế vương, họ trái lại hầu như càng xem trọng hơn so với đám Trịnh Hiếu Tế. Đó cũng là nguyên nhân khiến tôi tin cậy các vị lão thần này. Mặc dù ý kiến của họ thường bị coi là câu nệ, khi gặp lúc họ có biểu hiện một lòng trung thành, tôi vẫn luôn thu nhận ý kiến của họ. Vì vậy, trong cuộc tổng kết hết sức mới mẻ của phương Tây, tôi trước sau vẫn không quên thân phận của mình, ghi nhớ vững vàng “quy tắc” của “hoàng đế”.

Năm 1927, Khang Hữu Vi chết, học trò ông là Từ Lượng xin tôi ban thưởng tên hiệu (54), mới đầu tôi nghĩ sẽ ban cho ông ta. Một năm trước khi chết, Khang Hữu Vi thường đến Trương Viên thăm tôi, lần đầu tiên gặp tôi, đã dầm dìa nước mắt rạp đầu trước tôi. Sau đó ông ta tiếp tục vì tôi chạy chọt các nơi, tìm kiếm người ủng hộ phục tích, bảo học trò tuyên truyền rộng rãi trong Hoa kiều ở nước ngoài: “muốn cứu Trung Quốc, phải do vua Tuyên Thông cai trị thiên hạ lập lại đế quốc”. Không lâu trước khi chết, còn hô hào Ngô Bội Phu cũng như các phái đương quyền khác phục tích... Qua những việc làm đó, tôi cho rằng rất đáng đặt cho tên hiệu. Song Trần Bảo Thám đứng ra phản đối. Khi đó theo ông, phân biệt trung hay gian không thể chỉ xem búi tóc, ngay hành động phục tích, thực tế cũng chưa đủ là căn cứ. Ông nói: “Tôn chỉ của Khang Hữu Vi không thuận, có thuyết giữ Trung Quốc, không giữ Đại Thanh. Còn năm xưa ông ta đã chống đối Hiếu khâm Thái hoàng hậu (Tứ Hy) không thể tha thứ được”.

Hồ Từ Viện và những người khác hoàn toàn phụ họa với Trần Bảo Thám. Trịnh Hiếu Tế cũng nói: Quang Tự năm xưa cũng bị Khang Hữu Vi làm hại. Như vậy, tôi lại một lần nữa được “lên lớp” về phân biệt trung, gian, cự tuyệt việc ban tên hiệu cho Khang Hữu Vi. Nghe nói, sau đó Từ Lượng tuyên bố sẽ “lấy năm đâm gập gối” Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế...

Năm 1931, Văn Tú bỗng nhiên đưa ra yêu cầu ly hôn, sau khi được giải quyết các di lão vẫn không quên một điều: cần ra dụ của hoàng thượng: phạt Thục phi làm dân thường, tôi tất nhiên làm theo.

Nói về đoạn Văn Tú và tôi ly hôn. Tôi nhớ lại sinh hoạt gia đình không bình thường giữa vợ

chồng tôi. Đây là nói vấn đề bí mật tình cảm chứ không phải do cuộc sống trống rỗng ở Trương Viên. Thực ra, dù tôi chỉ có một người vợ, người vợ đó cũng không thể cảm thấy có ý nghĩa gì. Vì rằng, sự ham muốn của tôi, ngoài phục tịch vẫn là phục tịch. Nói thật ra, tôi không hiểu tình yêu là thế nào; với người khác là vợ chồng bình đẳng, còn ở tôi, quan hệ vợ chồng là quan hệ chủ và đầy tớ, thể thiếp là công cụ phục vụ quân vương.

Từ nhỏ Văn Tú được sự giáo dục về tam tòng, tứ đức, chưa đến 14 tuổi bắt đầu cuộc sống “cung phi”, vì vậy quan niệm rất sâu sắc về “quyền vua” và “quyền chồng”. Trong hoàn cảnh đó cô dám đưa ra yêu cầu ly hôn, không thể nói vấn đề đó không phải là việc làm đòi hỏi vô cùng dũng cảm. Văn Tú gạt bỏ muôn vàn khó khăn, thực hiện yêu cầu ly hôn. Sau khi ly hôn, vẫn phải chịu nhiều sức ép. Có người nói, cô đưa ra ly hôn là do sự thúc đẩy của gia đình, là do tham một khoản tiền nuôi dưỡng đáng kể. Sự thật là sự bức hại của gia đình về mặt tinh thần đối với cô ta không ít hơn sự bức hại của bên ngoài. Nghe nói, khoản tiền phí nuôi dưỡng 5 vạn đồng mà cô nhận được, qua sự bớt xén, chiếm dụng, xin giúp đỡ... của luật sư, người trung gian cũng như của người trong gia đình, số còn lại chẳng được bao nhiêu. Còn sự tổn hại về tinh thần mà cô vẫn phải chịu đựng càng lớn. Một người anh cô đã từng đăng một bức thư ngỏ trên “Thương báo” ở Thiên Tân gửi cô, trong đó có đoạn như sau:

“Gia đình tôi chịu ơn sâu của Thánh đế hơn 200 năm, tổ tông tôi làm đại quan đến nhất phẩm. Còn nhà vua đối với cô không hề có việc gì ngược đãi; mà nếu họ có, ngược đãi, cô cũng cần phải chấp nhận đến chết... Cô theo hầu nhà vua, mình mặc lụa là, miệng ăn thịt cá, có người hầu hạ; tiền lương, tiền mua sắm đồ vật có nơi chi trả, mỗi tháng có tới 200 đồng chi tiêu. Thử hỏi cô. Một người con gái khuê các còn thiếu thứ gì? Là phận vợ lẽ, còn oan nỗi gì?”.

Bức thư ngỏ này một dạo được chuyển đọc trong các di lão. Không rõ tình hình Văn Tú sau này ra sao, chỉ nghe nói cô ta làm một giáo viên tiểu học ở Thiên Tân, mất năm 1950, cuối đời không lấy ai nữa.

Nhìn hiện tượng bên ngoài, Văn Tú bị trong cung xua đuổi. Tuy nhiên, không phải toàn bộ, cũng là một trong những nguyên nhân. Trạng thái tâm lý của Uyển Dung khi đó có thể thấy rõ qua một lời phán truyền khi phụ đồng của cô ta (trong lời phán Kim Vinh Thị là Uyển Dung, Đoan Thị là Văn Tú).

Lời phán truyền khi phụ đồng của Uyển Dung: (55)

“Ngô tiên sư gọi Kim Vinh Thị nghe ta khuyên: Vạn tuế (tức Phổ Nghi) cùng Vinh Thị thật lòng, không có ý khác. Vinh Thị không nên quá nghi ngờ Ngô tiên sư bảo hộ vạn tuế. Vinh Thị sao này có con cháu, vạn tuế sau này có hy vọng lớn. Vinh Thị nghe lời tiên sư của ta. Vạn tuế cùng Đoan Thị không thật lòng thật ý, Vinh Thị, người hãy yên tâm”.

Nhân thể nói một chút: kiêu phụ đồng khiến người ta buồn cười này cùng với việc xem tướng, bói toán, phê tám chữ... khi đó là hiện tượng xã hội không gì lạ, ở Trương Viên càng là trò chơi không thể thiếu trong đời sống hàng ngày. Sau khi tôi đến ở Tĩnh Viên lại có “đàn cầu đảo” do Lục Tân Hưng đặt trong phòng. Nói một cách đơn giản, khi đó đàn phụ đồng và bói toán đã cho tôi sức mạnh tinh thần, có tác dụng chỉ đạo đối với tôi, chỉ sau sự dạy bảo của các thầy và các bạn thân khác. Từ mặt này tôi thấy được sự cổ vũ và dự báo “năm nào nhập vận”, “tuổi nào đại hiển”. Tôn Học Nhiệm, hội trưởng Thương hội Bắc Kinh tự xưng là người tinh thông bói toán đã dự đoán “ngự dụng” của tôi khi nào sẽ “nhập vận”, khi nào sẽ nắm “quyền lớn”. Một vị thầy tướng Nhật Bản trong lãnh sự quán Nhật cũng nói rằng đến năm nào tôi ắt thành việc lớn. Tất cả những cái đó là động lực của tôi quay ngược bánh xe.

CHƯƠNG V

TRỐN ĐI ĐÔNG BẮC

“Tĩnh Viên” không yên tĩnh

Tháng 7 năm 1929, tôi từ Trương Viên trong tô giới Nhật Bản chuyển đến “Tĩnh Viên” ở đường Hiệp Xương. Nơi đây là nhà thuê của Lục Tôn Hưng, chính khách hệ Phúc An, vốn tên là “Càn viên”, tôi đổi tên cho nó là do có dụng ý.

Sau Bắc phạt, thế lực Quốc Dân Đảng vươn tới phương Bắc, các quân phiệt có quan hệ với tôi liên tiếp sụp đổ. Đông tam tỉnh (Liêu Ninh - Cát Lâm - Hắc Long Giang) mà tôi gửi gắm hy vọng tuyên bố “đổi cờ”. Vì vậy từ trên xuống dưới ở Trương Viên một dạo tôi cảm thấy thất vọng, bi quan. Một bộ phận di lão và môn khách tẩu tán đi. Những cận thân cô thủ với tôi, ngoài Trịnh Hiểu Tế, La Chân Ngọc, hầu như không còn thường bàn bạc về phục tích nữa. Những người như Trần Bảo Thám trước kia luôn miệng nói “Trời và người quay về”, “năm gai nếm mật” cũng không nói nữa. Mọi người chỉ cần nhắc một vấn đề là đến vương triều mới của đất nước sẽ có thể đối xử như thế nào đối với tôi - hoàng đế cuối cùng... Bản thân tôi đắm chìm trong sự lo lắng sâu sắc. Cờ 5 màu vừa kéo xuống, cờ thanh thiên bạch nhật lại xông tới. Hôm nay A - B liên hợp chống C, ngày mai B - C hợp tác chống A. Sự “thống nhất” mà Tưởng Giới Thạch đạt được ngày càng xem chẳng ra sao. Giang sơn mà Tưởng Giới Thạch giầy đạp xem ra ngày càng không được ổn định như dự đoán. Trương Viên lại cảm thấy có ánh sáng cuối đường hầm, không tránh khỏi dần dần hăm lại giấc mộng cũ, cảm thấy sự nghiệp lớn “định về một mối” hầu như vẫn không có tôi không xong. Không những các di lão và môn khách sau đó khôi phục lại luận điệu này, ngay các viên tham mưu Nhật Bản mỗi lần đến “báo cáo, thời cuộc cũng không lẩn tránh quan điểm đó. Ý tứ của tôi đợi chờ ở nơi mới “Tĩnh Viên” không phải là muốn yên tĩnh mà là muốn ở nơi này “lẳng lẳng xem sự thay đổi, lẳng lẳng đợi thời cơ”.

Tại Tĩnh Viên, ngày ngày ngóng đợi, tháng tháng chờ mong. Mùa hè năm 1931, tin tức chờ mong đã tới.

Hai tháng trước sự kiện “18 tháng 9”, học tập ở “Viện học tập” ở Tokyo Nhật Bản, Phổ Kiệt đang đợi về nước nghỉ hè, bỗng nhận được bức thư của Yoshioka Anchiocur, nguyên là sĩ quan tham mưu của Nhật ở Thiên Tân thường đến Trương Viên thông báo thời cuộc cũng có quen biết Phổ Kiệt, Yoshioka mời Phổ Kiệt đến nơi đang đóng quân chơi mấy ngày. Vợ chồng thiếu tá Yoshioka ân cần tiếp đón Phổ Kiệt. Đến lúc từ biệt, riêng Yoshioka trịnh trọng nói với Phổ Kiệt một cách rất bí mật: “Ông đến Thiên Tân, có thể báo cho lệnh huynh: hiện nay, Trương Học Lương gây rối, chẳng còn ra sao, tại Mãn Châu sắp tới có thể xảy ra chuyện gì đó... mong hoàng đế Tuyên Thông hết sức giữ gìn, không phải là nhà vua không có hy vọng”.

Ngày 10 tháng 7, Phổ Kiệt đến Thiên Tân, báo cáo với tôi tin này. Ngày 27 tháng 7, tử tước Mizaro, người Nhật gốc Hoa đến thăm tôi, tôi tiếp ông tá có sự tham dự của Trịnh Hiểu Tế và Phổ Kiệt. Vị khách đã tặng tôi một lễ vật không bình thường - một chiếc quạt Nhật Bản trên quạt đề một câu thơ:

Trời không bỏ Câu Tiễn

Thì phải có Phạm Lãi,

Vốn là trước khi Phổ Kiệt về nước, tử tước Mizaro đã tìm em tôi thương lượng việc tặng quạt vì vậy Phổ Kiệt hiểu rõ lai lịch hai câu thơ này và lập tức viết thư báo cáo với tôi. Đây là câu chuyện xảy ra trong nội chiến Nam - Bắc Nhật Bản đại thể là: Vua Nhật bị Mộ phủ khống chế, phát động một cuộc lật đổ Mộ phủ nhưng thất bại, bị Mộ phủ bắt đày ra một hòn đảo. Trong khi bị đày, có một số võ sĩ khắc hai câu thơ nói trên ngậm tỏ ý với vua. Sau đó vì “Câu Tiễn” Nhật Bản này quả nhiên được sự phò tá của một nhóm “Phạm Lãi” lật đổ Mộ phủ trở về kinh đô bắt đầu thời kỳ “Kiến vũ trung hưng...”.

Đương nhiên, khi đó tôi cũng chẳng có bụng dạ nào nghiên cứu lịch sử Nhật Bản. Điều quan trọng là sự ám chỉ của người Nhật này vào lúc “*Mưa núi sắp tới gió đầy lầu*”, tình hình Đông Bắc ngày càng căng thẳng, giấc mộng đẹp “*lại lên ngôi báu*” của tôi đã liên tiếp trong mấy đêm. Vào lúc đó sự ám chỉ như vậy - dù là do sự quan tâm của cá nhân hay là do sự gợi ý của phía nào đó - đối với tôi mà nói, thật sự có tác dụng phát tín hiệu.

Tình hình ở Tĩnh Viên mấy ngày trước và sau “18 tháng 9”, nhật ký của Trịnh Hiểu Tế có ghi lại như sau.

“Ngày mùng sáu Ất Hợi (17 tháng 9) đến hành tại.

Được vời vào bàn việc cử Lưu Nhượng Nghiệp, Trịnh Thùy đi Đại Liên...

Ngày mùng bảy Bính Tý (18 tháng 9) đến hành tại.

Được vời vào bàn bạc công việc xuất hành...

Ngày mùng tám Đinh Sửu (19 tháng 9) báo “Mainhichi Silnhun” Nhật Bản gửi tới tờ truyền đơn phụ trương nói: theo điện từ Phụng Thiên hồi 3 giờ 23 phút Trung - Nhật đã đánh nhau. Triệu gấp Lưu Nhượng Nghiệp, Trịnh Thùy, lệnh Lưu Nhượng nghiệp đi Đại Liên trước. Viết giấy. Bàn bạc với Trần Bảo Thám, dự tính chiến sự e rằng trở thành chiến tranh Nhật - Nga. Lưu Nhượng Nghiệp tới yêu cầu viết hai trang giấy, gửi Uchida, tổng tài đường sắt Mãn Châu và Honyo Shige, tư lệnh quân đội Nhật. Trịnh Thùy đến lãnh sự quán Nhật Bản. Nói: ngày hôm trước quân Nhật đã chiếm Phụng Thiên, quân Trung Quốc tự rút lui. Trường Xuân cũng có chiến sự...

Ngày mùng chín Mậu Dần (20 tháng 9), đến hành tại. Báo cáo bề trên: báo chí nói quân Nhật đã chiếm Thẩm Dương đồng thời chiếm Trường Xuân, Doanh Khẩu, An Đông, Liêu Dương...

Ngày mùng mười Kỷ Ty (21 tháng 9), đến hành tại. Tưởng Giới Thạch quay về Nam Kinh, kháng nghị đối với Nhật Bản. Trương Học Lương ra lệnh cho quân Phụng Thiên không kháng cự... Đồng Tề Hy tới, tự nói muốn đi Phụng Thiên, lo toan sự nghiệp phục tích. Tôi nói: nếu được hơn 100 quân nhân và thương nhân đề nghị, thoát ly họ Trương, lấy 3 tỉnh Nội Mông làm nước độc lập, gửi thư thỉnh nguyện cho Nhật Bản là việc cần làm ngay.

Từ khi nghe được tin về sự biến, mỗi giờ phút tôi đều nghĩ đến việc đi Đông Bắc. Song tôi biết nếu không có sự đồng ý của người Nhật thì không thể thực hiện được. Trịnh Hiếu Tế nói với tôi: tình hình Thẩm Dương vẫn chưa sáng tỏ, không cần quá vội vã, sớm muộn người Nhật sẽ đến mời hoàng thượng, tốt nhất là liên lạc với các nơi. Vì vậy, tôi quyết định cử Lưu Nhượng Nghiệp đi tìm Uchida và Honyo Shige là những người thông tri cao nhất của Nhật Bản ở Đông Bắc. Mặt khác tôi giao Đồng Tề Hy đầu mục quận gia của tôi đi Đông Bắc xem xét tình hình các đi lão ở đó. Lúc đó, Thương Diển Doanh cũng muốn đi tìm một số tướng lĩnh có quân lực ở Đông Bắc. Sau khi những người “kịp thời làm việc cần làm” đi rồi, chẳng bao lâu lời Trịnh Hiếu Tế ứng nghiệm, quân Quan Đông cử người đến tìm tôi.

Chiều 30 tháng 9, Yochida Chutaro, sĩ quan phiên dịch của Bộ Tư lệnh quân đội Nhật đóng ở Thiên Tân đến Tỉnh Viên, nơi trung tướng tư lệnh Kuchii mời tôi đến Bộ tư lệnh bàn một việc quan trọng. Ông ta bảo tôi không nên mang người đi theo, đi một mình. Tôi mang cảm tưởng việc tốt lành sắp đến trại binh của Nhật ở Hải Quang Tự. Kachii đứng đợi tôi ở phòng khách của ông. Ở đây tôi thấy có hai người cung kính đứng sẵn, một là La Chân Ngọc trong áo thụng ngoài áo chèn, một người khác mặc âu phục là một người dân thường, qua tư thế khom lưng của ông ta có thể thấy rõ đây là một người Nhật. Kachii giới thiệu nói: ông ta do đại tá tham mưu quân Quan Đông Ytagaki cử đến gặp tôi tên là Kamitsumo Riichi. Sau khi giới thiệu xong Kachii ra ngoài.

Trong phòng chỉ còn lại ba người. La Chân Ngọc cung kính hỏi thăm sức khỏe tôi, lấy ra một bức thư lớn và đưa cho tôi. Đây là thư của Hy Hiệp, họ tôn thất chi họ xa của tôi, tham mưu trưởng của Trương Tác Tương, Phó tư lệnh bảo an Đông Bắc. Trương Tác Tương kiêm chức chủ tịch tỉnh Cát Lâm, vì đến Cần Châu làm ma cho cha, không ở Cát Lâm. Hy Hiệp bèn lợi dụng chức quyền, thừa cơ hạ lệnh mở cửa thành đón quân Nhật, vì vậy quân đội của sư đoàn trưởng, thầy cũ của hân trong thời kỳ hân học ở trường sĩ quan Nhật Bản đã chiếm Cát Lâm không tốn một viên đạn nào. Trong thư hân nói: đây là cơ hội hân chờ đợi 20 năm qua, ngày nay đã đến, mong tôi đừng để lỡ thời cơ, đến ngay “nơi tôn tôn nổi lên” để chủ trì kẻ lớn. Thư còn nói: có thể dưới sự giúp đỡ của Nhật Bản, trước chiếm lấy Mãn Châu, lại mưu tính việc quan nội, chỉ cần tôi về tới Thẩm Dương, Cát Lâm sẽ lập tức tuyên bố phục tích.

La Chân Ngọc đợi tôi đọc xong bức thư, ngoài việc nhắc lại ý tứ trong thư, lại nói nhiều về việc ông ta đi vận động sự “hiệp trợ tương nghĩa” của quân đội Quan Đông. Theo ông ta nói “quang phục” toàn giải Đông Bắc đã trong tầm tay, 30 triệu “con dân” mong đợi tôi về. Quân Quan Đông muốn tôi đi phục vị, đặc biệt cử Kamitsumo Riichi đến đón tôi. Tóm lại là mọi mặt đều đã sắp xếp tốt, chỉ đợi tôi khởi hành, cho tàu chiến Nhật đưa tôi đến Đại Liên. Ông ta nói một cách hăng hái, mặt mày đỏ rựng, toàn thân chân động, con người hầu như muốn bật ra khỏi vỏ mắt. Sự hưng phấn của ông này là có nguyên nhân. Ông ta không những chỉ có dục vọng của Hy Hiệp mà còn có lòng hăng hái của Lã Bất Vi (56). Ông ta hiện đã tin rằng chẳng bao lâu nữa ông ta sẽ thấy được lợi nhuận của món “hàng lợi” gấp nghìn vạn lần “Hắc Duyên đường”.

Về những hoạt động của La Chân Ngọc cuối năm 1928 sau khi chuyển đến Lữ Thuận, ông ta đã có thư nói đại thể với tôi. Khi đó, qua sự tuyên truyền của Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế và những người khác, đối với con người “nói quá sự thật, lá mặt lá trái” này tôi cũng không đặt hy vọng quá lớn. Cũng may là mấy tháng trước, ông ta mới đề lại cho tôi một ấn tượng xấu. Mấy tháng trước, ông ta bỗng nhiên hùng hổ từ Đại Liên tới, mang theo bản “lời khuyên” của Tano Yutaka, một người Nhật Bản lưu vong nói với tôi: Tano Yutaka là người có nhiều tay chân trong quân đội Nhật Bản, gần đây cùng hoạt động với Tahayami Kotori, người gần gũi giới quân đội Nhật Bản, được giới quân đội ủy thác, vạch ra một kế hoạch, căn cứ vào những tình báo về “hoạt động của đảng đỏ”, của Ximônốp dẫn quân Nga trắng được sự chi viện của quân Nhật thừa cơ chiếm lấy “Phụng Thiên”, đồng thời sẽ liên lạc với quan lại tại chỗ ở Đông Bắc “đón xa giá trở về Mãn Châu, tuyên chiến thu phục Mãn - Mông, phục tích Đại Thanh”. Để thực hiện kế hoạch này, mong tôi đưa cho ông ta một số kinh phí. Nghe kế hoạch này, tôi cảm thấy rất rắc rối chưa dám tin tưởng. Hai ngày sau, Mori, võ quan Nhật Bản ở Bắc Kinh bỗng nhiên đến tìm Trịnh Hiếu Tế, yêu cầu tôi chớ có tin vào kế hoạch của Tanyo. Trịnh Hiếu Tế vội vã báo cáo với tôi đồng thời công kích La Chân Ngọc một trận. Sự việc này mới xảy ra chưa lâu, nay La Chân Ngọc lại đến cùng tôi bàn về vấn đề ngênh giá, tôi tự nhiên không thể không cảnh giác. Tôi nhìn La Chân Ngọc, lại nhìn Kamitsumo, trong lòng do dự không quyết định. Rõ ràng, sự xuất hiện của La Chân Ngọc lần này khác với bất cứ lần nào trước đây; một là nơi nói chuyện là Bộ Tư lệnh quân đội Nhật, cùng tới còn có đại biểu của đại tá Ytagaki, hai là tay chân ông ta mang tới là bức thư chữ viết của Hy Hiệp. Mặt khác trước đó một ngày qua báo chí từ Đại Liên, tôi thấy tin “các giới ở Lạc Dương chuẩn bị lập hoàng đế Tiền Thanh”, báo chí Thiên Tân liên tiếp đăng tin quân đội Trung Quốc liên tiếp rút lui, tin tức Anh - Mỹ ủng hộ việc làm sai trái của Nhật Bản tại Liên minh quốc tế. Xem ra, sự thông tri của quân Nhật ở Đông Bắc là có thể thực hiện được, tất cả những cái đó đều là điều mong mỏi của tôi. Tất nhiên, tôi cảm thấy việc này tốt hơn là là bàn bạc một chút với Trần Bảo Thám và Trịnh Hiếu Tế. Tôi nói với La Chân Ngọc và Kamitsumo hãy đợi tôi xem xét một chút rồi sẽ trả lời họ. Lúc đó, không rõ núp ở đâu, Kashiji đã xuất hiện. Ông ta bày tỏ với tôi: tình hình trị an ở Thiên Tân không tốt, mong tôi hãy xem xét ý kiến của đại tá quân Quan Đông Ytagaki lên đường đi Đông Bắc. Mấy câu nói của ông ta khiến tôi sau khi ngồi vào xe ô tô càng nghĩ càng thấy sự việc không giả tạo, cảm tưởng nghi ngờ của tôi đã hoàn toàn thay bằng sự vui mừng. Không ngờ, tôi về tới Tỉnh Viên, lập tức bị dội nước lạnh.

Đi đầu phái phản đối là Trần Bảo Thám theo đuôi ông ta là Hồ Từ Viện, Trần Tăng Thọ (thầy dạy Uyên Dung). Nghe tôi thuật lại, họ lập tức cho rằng La Chân Ngọc lại phạm sai lầm xa xa lỗi mẫm cũ, cho rằng một đại biểu của đại tá quân Quan Đông thì không thể tin cậy được. Họ nói: tình hình Đông Bắc thay đổi, thái độ thật sự của các cường quốc trên thế giới cũng như chiều hướng của “lòng người”, v.v... hiện nay vẫn chưa thấy rõ ràng, ít nhất cần đợi sau khi Lưu Nhượng Nghiệp tìm hiểu được sự thật sau đó mới quyết định hành động. Nghe những lời xì hơi ấy, tôi chỉ bồi rồi lắc đầu.

- Thư của Hy Hiệp quyết không thể nói sai.

Nghe tôi nói, Trần Bảo Thám 84 tuổi, vẻ rất đau khổ, sau một hồi lặng thinh đã nói rất thống thiết.

- Trời và người quay về, thế ắt như vậy, quang phục sự nghiệp há chẳng phải là nguyện vọng suốt đời của tiêu thân. Duy có tình hình trắng đen chưa rõ, vội vã hành động, chỉ sợ đi dễ, trở về khó!

Thấy nói không được mấy ông già này, tôi lập tức gọi Trịnh Hiếu Tế tới. Tuy đã 71 tuổi, Trịnh Hiếu Tế vẫn rất linh hoạt minh mẫn. Nhiều ý kiến, kế hoạch của ông ta khiến tôi khâm phục. Trước đó không lâu, theo ý kiến của ông, tôi đã viết một bức hoành “Quốc sĩ vô song” cho thủ tướng Italia Mutsolini mà ông ta rất sùng bái. Ông ta đã từng nói: “Italia sẽ trở thành một bá chủ ở phương Tây, đế quốc Đại Thanh sẽ dựng lại ở phương Đông, hai nước chia nhau làm bá chủ ở phương Đông và phương Tây chẳng phải là ý trời hay sao?”. Để động viên vị tể tướng áo đen tương lai của tôi, mùa xuân năm đó, theo ý kiến của cha tôi đã cho em gái thứ hai của tôi đính hôn với cháu trưởng của Trịnh Hiếu Tế, ban cho vinh dự đặc biệt “hoàng thân”. Tôi cho rằng, hiện nay ông ta nghe được tin tức về Hy Hiệp và quân Quan Đông yêu cầu tôi ra ngoài cõi “chủ trì kế lớn” ắt sẽ phản ứng khác với Trần Bảo Thám, sẽ hết sức vui mừng. Không ngờ, ông ta cũng không tỏ ra hăng hái như tôi dự đoán.

- Tình hình chuyển biến, đã có ngày nay. Mãn Châu thế ắt quang phục trước tiên. Nhật Bản không đến thánh giá cũng không thể đạt được kết quả. - Trầm ngâm một lát ông nói: - Tuy nhiên, khi nào lên đường, đợi Đông Tế Hy trở về sẽ quyết định. Càng thỏa đáng.

Y tứ như vậy cũng như Trần Bảo Thám, cũng là cho rằng thời cơ chưa chín mùi.

Thật ra, điều mà Trịnh Hiếu Tế suy nghĩ, trong đầu cũng không phải là vấn đề thời cơ mà là đối phó với sự khiêu khích mới của La Chấn Ngọc như thế nào...

Trịnh Hiếu Tế sợ tôi bị La Chấn Ngọc lừa đoạn. Về điều này, khi đó tôi tất nhiên chưa nhận rõ được. Tôi cảm thấy mọi người đều chủ trương đợi người đi Đông Bắc một chút, mà người đi Đông Bắc cũng sắp về rồi. Khi đó, sợ tôi lại thay đổi chủ ý, Trần Tăng Thọ vội viết một bản tâu dâng tôi, lời tâu là tài liệu điển hình đại biểu cho tư tưởng của phái Trần Bảo Thám khi đó.

Lời tâu có đoạn viết: “Từ xưa đến nay chưa có ai chuyên dựa vào sức bên ngoài mà có thể dựng nước. Tình thế hiện nay, trước hết phải có sự biểu thị quay trở về của các thân sĩ, tướng soái ở Đông tam tỉnh và sau đó có chỗ dựa là Nhật Bản làm nguồn phụ trợ. Thời cơ này hầu như chưa tới”... Với các kiểu suy nghĩ khác nhau, Tỉnh Viên ngày càng không thể yên tĩnh. Cùng lúc đó, lại xảy ra một sự việc hầu như bất ngờ.

Ý kiến người Nhật Bản khác nhau

Chưa đợi trong Tỉnh Viên bàn bạc ra ý kiến nhất trí, Goto, phó tổng lãnh sự Tổng lãnh sự quán Nhật Bản ở Thiên Tân ngày hôm sau đã tìm đến. Họ hoàn toàn biết rõ việc tôi đến trại binh Nhật Bản: Tổng lãnh sự quán tỏ ý: họ hoàn toàn thông cảm về tâm tư và hoàn cảnh của tôi song tốt nhất là tôi cần hành động thận trọng, lúc này không nên rời Thiên Tân, họ có trách nhiệm bảo vệ nên không thể không đưa ra lời khuyên này.

Bắt đầu từ hôm đó, Goto, vị phó tổng lãnh sự này không trực tiếp đến gặp tôi nữa mà tìm cháu trai Trần Bảo Thám hoặc cha con Trịnh Hiếu Tế tiến hành khuyên ngăn. Mặt khác, Yoshida, sĩ quan phiên dịch quân đội Nhật Bản lại tiếp tục tuyên truyền với tôi nói rằng phía quân đội Nhật quyết tâm ủng hộ tôi lên ngôi, tốt nhất là tôi ra đi ngay.

Lúc đó, tôi có cách nhìn mới về hai phía quân sự và chính khách Nhật Bản, có sự bất đồng với cách nhìn của Trần Bảo Thám và cánh của ông. Trần Bảo Thám luôn cho rằng chủ trương chính trị của các văn nhân là luôn đứng đắn do đó ông chỉ liên lạc với công sứ Kobashizawa. Cháu ngoại ông ta chỉ qua lại với lãnh sự quán và các nhân vật chính trị ở Tokyo. Khi đó ông kiên quyết chủ trương nếu phía Tokyo không có biểu thị gì, muôn vạn không nên nghe lời các quân nhân. Cách nhìn của tôi lại khác, cho rằng hiện nay, có thể quyết định số phận của tôi không phải là các chính khách Nhật Bản mà là các quân nhân. Tôi cũng không có sự tìm hiểu về tình báo sâu xa nào mà từ tình hình thực tế hiện tại dễ nhận ra. Tôi thấy rõ, người Nhật một mặt tuyên bố về mặt ngoại giao chuẩn bị cùng chính phủ Nam Kinh giải quyết sự giành giật Trung - Nhật bằng con đường hòa bình, mặt khác quân đội Quan Đông không ngừng tiến lên tiến công đẩy lui quân đội Trung Quốc. Lúc đó, tôi tuy chưa thật biết rõ. Phía Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ, một mặt hò hét chống cự, mặt khác lại mang đất đai của đất nước nhường cho kẻ thù vốn chỉ là thủ đoạn lừa dối hai mặt. Song tôi có thể nhận rõ quyết định vấn đề vẫn là các quân nhân Nhật Bản. Trần Bảo Thám chỉ rõ: thái độ mập mờ của các cường quốc quốc tế là đáng lo, điều đó cũng khác với cảm giác của tôi. Sau ít ngày tôi đến trại binh Nhật Bản, chuẩn tướng Niusântơ, tư lệnh quân đội Anh đang ở Thiên Tân vẫn đến thăm Tỉnh Viên. Đối với sự biến “19 tháng 9” tạo ra cơ hội cho tôi, ông ta tỏ ý “chúc mừng riêng và nói: “nếu như bệ hạ có thể lại lên ngôi ở Mãn Châu vĩ đại, Niusântơ, người hầu của bệ hạ sẵn sàng làm một tên lính dưới cờ rồng của bệ hạ”. Câu nói đó khiến tôi càng tin vào tin tức của Trịnh Hiếu Tế nói: phía Anh ủng hộ người Nhật. Sau cuộc thăm viếng của Niusântơ, Johnston cũng bỗng nhiên cùng tôi hội ngộ, theo ông nói thì lần này ông là đại biểu của Bộ Ngoại giao Anh đến giải quyết vấn đề tồn tại của việc trả Uy Hải Vệ nhân thế đến thăm tôi. Ông tỏ ý vui mừng về tiền đồ của tôi đồng thời đề nghị tôi đề tựa cho bản thảo tác phẩm “Hoàng hôn ở Tử cấm thành” của ông. Ông nói: ông sẽ thêm vào phần cuối cùng của cuốn sách một chương gọi là “Rồng về tổ cũ”.

Những tin tức do Lưu Nhượng Nghiệp và Đông Tế Hy từ Đông Bắc mang tới cũng là sự cổ vũ đối với tôi. Đông Tế Hy về trước nói: ông cùng Viên Kim Đăng và các di lão ở Thẩm Dương gặp

mặt đều cho rằng thời cơ đã đến, không nên chần chừ. Tiếp đó Lưu Nhượng Nghiệp cũng tới, tuy ông ta không thể gặp được Uchida và Honyo Shige, hai điều đó khiến người ta thất vọng, song ông ta gặp được Ytagaki và Kim Lương, chứng thực La Chấn Ngọc và Kamitsumo không phải là lừa dối. Kim Lương tỏ ý hết sức lạc quan “Mọi việc ở Phụng Thiên đã chuẩn bị chu đáo, chỉ cần chờ hạnh phúc dấy lên”. Ông ta cũng đến Cát Lâm, chứng thực La Chấn Ngọc nói không sai. Quân đội Nhật đã khống chế toàn tỉnh, Hy Hiệp và mọi người sẵn sàng chuẩn bị hưởng ứng phục tịch.

Ngoài những điều nói trên, khi đó xuất hiện một số lời đồn đại thúc tôi gấp rút khỏi hành. Khi đó tin tức của giới báo chí Thiên Tân vô cùng nhạy bén. Việc tôi đến trại lính Nhật Bản rất nhanh chóng được truyền ra xã hội. Có tờ thậm chí còn đưa tin tôi đã đi tàu tới Đông Bắc. Cùng lúc đó, không rõ từ đâu truyền đi lời đồn đại nói rằng người Trung Quốc sẽ có hành động không có lợi cho tôi, vì vậy tôi càng cảm thấy không thể ở lại ở Thiên Tân được.

Tôi cử Trịnh Thủy đến gặp Tổng lãnh sự Nhật Bản nói do thời cơ chưa tới, tôi không nhất định đến thẳng Phụng Thiên, có thể trước hết ở tạm ở Lữ Thuận, ở đó an toàn hơn một chút so với Thiên Tân. Tổng lãnh sự Nhật lập tức tỏ ý: cũng không cần đến Lữ Thuận. ông ta báo Trịnh Thủy nói lại với tôi: Uchida, Tổng tài Mãn Châu cũng không đồng ý tôi ra đi lúc này. Uchida là lão tiền bối của chính giới Nhật Bản giới quân sự Nhật Bản cũng tôn trọng ông ta, vì vậy hành động cần thận vẫn tốt hơn. Còn về vấn đề an toàn, tổng lãnh sự quán chịu hoàn toàn trách nhiệm. Cuối cùng ông nói: ông muốn trao đổi ý kiến một chút với Kashii, viên tư lệnh quân đóng ở đây. Ngay hôm sau, phó lãnh sự đến gặp Trịnh Thủy nói: Tổng lãnh sự đã thương lượng với Kashii, ý kiến nhất trí, đều không chủ trương lúc này tôi rời Thiên Tân.

Nghे những tin đó tôi cảm thấy rất bối rối, để làm rõ sự thật, không thể không mời viên sĩ quan phiên dịch của Bộ Tư lệnh tới. Không ngờ sự trả lời của Yoshida lại là: căn bản không có cái gọi là cuộc gặp gỡ giữa Tổng lãnh sự và viên tư lệnh. Tư lệnh Kashii chủ trương tôi ngay lập tức đi với Kamitsumo. Ông ta bày mưu cho tôi: do tôi tự tay viết thư gửi Bộ Tư lệnh, nói rõ thái độ kiên quyết muốn đi. Tôi viết thư này trong cơn bối rối. Song không rõ tại sao, Tổng lãnh sự Nhật lại biết vội vã đến tìm Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế tìm hiểu xem có việc đó không, bức thư đó là thật hay giả?...

Tôi vô cùng tức giận trước sự giành giật của hai giới quân chính Nhật Bản, tuy nhiên lại không thể nghĩ ra cách nào. Vào lúc đó Lưu Nhượng Nghiệp đi Đông Bắc lần thứ hai gửi thư về nói đã thăm dò được ý kiến thật sự của Honyo Shige viên tư lệnh quân Quan Đông. Hiện nay chưa kiểm soát được toàn bộ ba tỉnh Đông Bắc. Đợi “3 tỉnh đoàn kết vững chắc, sẽ do Honyo mời hoàng thượng lên Thâm Dương”. Cố nhiên, quyền lực tối cao quyết định vận mạng của tôi đã tỏ ý như vậy, tôi chỉ vâng lệnh đợi chờ.

Từ đó về sau, tôi ít nhiều biết rõ, không chỉ lãnh sự quán và quân chiếm đóng ở Thiên Tân bất đồng ý kiến, ngay đến bộ điều quân Quan Đông cũng không thật nhất trí. Có một số hiện tượng tôi không thể không quan tâm. Nguyên Cung Thân vương Phổ Vĩ, được sự bảo hộ của Nhật Bản đi lễ ở Bắc Lăng tại Thâm Dương, Liêu Ninh xuất hiện tổ chức “Hội duy trì địa phương Đông Bắc”; Tang Thức Nghi, nhân vật quan trọng của hệ Đông Bắc cũ được quân Quan Đông “ưu đãi”, tin tức về tung tích Đoàn Kỳ Thụy, nguyên chấp chính Dân quốc lại xuất hiện trên báo chí, đưa tin người Nhật Bản muốn dùng tổ chức chính quyền phương Bắc của ông ta. Nếu như khi đó tôi biết người Nhật đã từng có lúc muốn dùng Đoàn Kỳ Thụy, lại có lúc muốn dùng bộ khung “Ủy ban hành chính Đông Bắc” cũng như những chi tiết đáng sợ khác, tâm tư tôi càng thêm khó chịu.

Sau khi trả lời “Tạm thời không xuất hành” cho La Chấn Ngọc và Kamitsumo, tôi ngồi đợi tin tức. Trong khi chờ đợi, tôi liền tiếp phát “chỉ dụ” cho hai người cháu mới tốt nghiệp sĩ quan từ Nhật Bản về là Hiến Nguyên và Hiến Cơ đến Tuyên Vũ ở Đông Bắc ban thưởng ngọc quý cho một số Vương công Mông Cổ như Trương Hải Bằng, Quý Phúc... đã đầu tiên đi theo quân chiếm đóng Nhật Bản. Căn cứ vào lời thỉnh cầu của Mori võ quan Nhật Bản viết thư cho Mã Chiếm Sơn đang đối kháng với Trương Hải Bằng và một số Vương công Mông Cổ có khí tiết khác khuyên họ quy hàng. Tôi phong Trương Hải Bằng làm quan tư lệnh quân Mãn - Mông độc lập, Mã Chiếm Sơn làm Tổng tư lệnh lộ phía Bắc, Quý Phúc làm Tổng tư lệnh phía Tây, ban quân hàm đại tá cho Hiến Nguyên, Hiến Cơ. Tôi viết hàng loạt tờ không chỉ về các loại quân hàm, dụ chỉ để sẵn sàng điền tên vào...

Đặc biệt cần nói đến một việc là theo ý kiến của Trịnh Hiếu Tế, tôi trực tiếp cử người đến Nhật Bản hoạt động. Từ lúc La Chấn Ngọc bị tôi cự tuyệt hăm hực rút lui, Trịnh Hiếu Tế bề ngoài thay đổi thái độ thận trọng, từ chủ yếu chờ xem biến thành phản đối chờ xem, chủ trương tích cực hành động. Khi đó, ông ta cho rằng tại Nhật Bản, Suzuki Kantaro và Najiuro cũng như về phía Hội Hắc Long

nói về thời cơ đã đến là lúc đưa ra yêu cầu rồi, đồng thời, đại thể ông ta cũng thấy rõ có người đang cạnh tranh với tôi, do đó chủ trương cử người đi Tokyo hoạt động. Đối với sự thay đổi đột nhiên như vậy, tôi cũng không những không lấy làm lạ mà ngược lại rất vui mừng.

Tôi không nghe Trần Bảo Thám, thu nhận ý kiến của Trịnh Hiếu Tế, cử Enzan Takoa, một người Nhật Bản đi Nhật, tìm Nanjiro mới lên nắm quyền và Toyama Mitsuru, thủ lĩnh Hội Hắc Long tiến hành liên lạc. Theo bản thảo của Trịnh Hiếu Tế, tôi dùng lụa vàng đích thân viết cho mỗi nhân vật một bức thư. Sau này, tại tòa án Quốc tế ở Tokyo năm 1946, Nanjiro đã đưa bức thư đó ra để luật sư làm chứng bào chữa cho hắn. Do sợ sau này trở về Tổ quốc bị xét xử, tôi đã phủ nhận bức thư này, gây nên một trận sóng gió. Rất tiếc hiện nay nguyên văn bức thư không còn, chỉ có thể tạm dịch từ sách báo Nhật Bản như sau:

“Sự biến Đông tam tỉnh lần này, chính phủ Dân quốc đã phạm sai lầm, khiêu khích nước bạn, gây ra đau thương sinh linh, tôi thật đau buồn. Triều đình chúng tôi không thể nhắm mắt trước cảnh thống khổ của muôn dân, từ khi nhường chính quyền cho người Hán, càng ngày càng loạn, thật không phải sự mong muốn của triều đình chúng tôi. Nay muốn Đông Á vững mạnh, phải dựa vào sự đoàn kết Nhật - Trung, nếu không không thể hoàn thành được. Nếu như không giải quyết triệt để những trở ngại trên con đường trước mắt ắt sẽ có bọn đồ hoành hành, tại vậy không thể nà o lường được. Ngày 11 tháng 10 (tháng 9 Tân Mùi)”.

Cứ như thế, tôi vừa chờ đợi vừa hoạt động 3 tháng sau khi Enzan Takoa mang bức thư đi, cuối cùng tôi đợi đến một ngày mà Trịnh Hiếu Tế ghi trong nhật ký như sau:

Ngày Tân Dậu 23 tháng 9 (2/11) đến hành tại. Triệu vào nói chuyện. Hoàng thượng nói: “Thương Diễn Doanh đến gặp, nơi Phụng Thiên, Cát Lâm đều mong nhanh chóng hưng phục. Itagaki gửi thư, Toihara đến Thiên Tân thương lượng đối mặt với Bộ tư lệnh nói rằng nên đi sớm”.

Tâu rằng: Toihara là tham mưu của Honjo Shige, một nhân vật quan trọng của Quan Đông nếu đến đón thì không nên trì hoãn. Ngày mai báo cho lãnh sự quán, đêm triệu tập Toihara.

Đêm gặp Toihara

Thời kỳ mới bắt đầu xử lý công việc ở đây, Toihara nguyên là đại tá lục quân Nhật Bản. Tháng 4/1941 lên cấp tướng, cư trú ở Trung Quốc khoảng 18 năm trước sự kiện “18 tháng 9” được xem là người thông hiểu về nội bộ lục quân Trung Quốc. Đối với việc tại Mãn Châu phát động và triển khai cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc cũng như sau đó thiết lập nước Mãn Châu do Nhật Bản chi phối hẳn đều có quan hệ mật thiết.

Toihara có nhiệm vụ rất rõ ràng trong việc đảm nhiệm thúc đẩy và chỉ đạo nhiều mưu mô chính trị, gây sức ép bằng vũ lực, hòng dùng vũ lực thực hiện chiến tranh xâm lược mà phái bộ quân đội Nhật áp dụng đối với các nơi khác của Trung Quốc.

“Toihara nguyên là kẻ thiết kế và chỉ đạo các phái bộ quân đội khác, chuẩn bị và thực hành khi Đông Á và Đông Nam Á đặt dưới sự chi phối của Nhật Bản sẽ cùng với họ giữ liên hệ chặt chẽ mà hành động.

“Khi trí thức đặc biệt đối với Trung Quốc và khả năng, tiến hành âm mưu hành động tại Trung Quốc không còn cần thiết nữa, hẳn liền dựa vào địa vị cấp tướng ở tại chỗ ngăn cản việc thực hiện những mục đích mà bản thân hắn đã từng mưu mô và tham gia. Hắn không những đã tham gia thực hành chiến tranh xâm lược đối với Trung Quốc đồng thời cùng tham gia thực hành chiến tranh xâm lược đối với Liên Xô cũng như các nước, tức là tham gia cuộc chiến tranh xâm lược của Nhật Bản đối với các nước từ năm 1941 đến năm 1945, trừ nước Pháp...”

(Bản phán xử của Tòa án quân sự lục quân Quốc tế Viễn Đông)

Toihara là một trong hai người bị phán xét nhiều tội nhất trong 25 tên tội phạm chiến tranh bị xét xử tại “Tòa án quân sự lục quân quốc tế ở Viễn Đông”. Tội trạng của hai tên như nhau, đều phạm 7 điều về tội “phá hoại hòa bình”, vi phạm quy tắc pháp luật chiến tranh và phạm tội phản nhân

đạo trong đó nặng nhất là một điều: tội hạ lệnh cho phép hành động trái công ước.

Đối với những tên tội phạm này, mãi đến tháng 11 năm 1948 tòa án quân sự quốc tế mới xử tội Toihara cùng Itagaki và 5 tội phạm chiến tranh bị tử hình. Toihara là quân nhân Nhật Bản hoàn toàn nhờ xâm lược Trung Quốc mà phát lên. Sau khi tốt nghiệp trường sĩ quan khóa 16 khoa bộ binh và đại học quân sự hần đã từng làm thành viên bộ tham mưu Nhật bản, Liên đội trưởng Liên đội bộ binh thứ 13, đến Trung Quốc bắt đầu từ năm 1913, phục vụ trong đội quân Quan Đông, hơn 10 năm làm phó quan cho trung tướng cố vấn quân phiệt Đông Bắc Sakamishi Rihachirô. Hần quan hệ rất mật thiết với Trương Tác Lâm, trong chiến tranh Trực Phụng, năm 1924, hần huy động quân Quan Đông giúp đỡ Trương Tác Lâm. Năm 1928 quân Quan Đông quyết định tiêu diệt Trương Tác Lâm, trong âm mưu nổ bom giết chết Trương Tác Lâm tổ chức ở Hoàng Cô Đồn cũng có hần tham gia. Không bao lâu, do lập công, hần được thăng cấp đại tá, đảm nhiệm chức vụ trưởng cơ quan đặc vụ tại Thẩm Dương. Từ đó bắt đầu những tội ác đã bị kết tội nói trên, bắt đầu tiến lên như điều. Thực ra, nhiều “kiệt tác” của Toihara “bản kết tội” đã không đề cập tới. Ví dụ sự kiện gây rối loạn ở Thiên Tân năm 1931, bùng nổ chiến tranh Nhiệt Hà năm 1932, sự kiện Phong Đài tháng 5 năm 1935, cuộc bạo động của lưu manh Hương Hà tháng 11 và sự xuất hiện chính quyền đặc biệt của Đái - Sát... đều không tách rời những hoạt động của Toihara. Có thể nói, trong thời gian đó, Toihara đi đâu tai họa đáng đến đấy. Đại thể sự thất bại của hần chỉ có một lần đó là: dưới sự lôi kéo của hần Mã Chiếm Sơn đã phản quốc, sau lại chống Nhật. Tuy nhiên điều đó cũng không ảnh hưởng gì đến sự thăng tiến của hần sau này. Hần bị điều đi làm lữ đoàn trưởng, không bao lâu lại được điều về làm trưởng cơ quan đặc vụ quân đội Quan Đông. Cho đến sự biến ngày “mùng 7 tháng 7”, các tổ chức nguy quyền mà người Nhật muốn thành lập đều đã được thành lập Thủ đoạn bạo động, gây rối... đã thay thế bằng những cuộc tiến công vũ trang, Toihara mới bỏ đôi găng tay trắng, nắm ngọn đao chỉ huy, với chức vụ sư đoàn trưởng, quân đoàn trưởng, tổng tư lệnh phương diện quân... thống soái quân Nhật tại đại lục Trung Quốc và Đông Bắc Á tiến hành tàn sát và cướp đoạt. Cứ như vậy, từ trong máu và xác chết, chưa đến 10 năm, từ sự biến “18 tháng 9” hần đã từ đại tá leo lên cấp đại tướng.

Khi đó về những truyền thuyết đầy rẫy màu sắc thần bí, báo chí phương Tây gọi hần là “Laurence của phương Đông” (tên một trùm đặc vụ nước Anh). Báo chí Trung Quốc nói: hần quen mặc trang phục Trung Quốc, thông thạo những phương ngôn Trung Quốc. Theo hiểu biết của tôi, những hoạt động của hần ở Trung Quốc nếu cũng giống như cách hần khuyến khích tôi xuất quan thì hần cũng không cần phải khôn ngoan và lừa lọc như truyền thuyết về Laurence mà chỉ cần có bộ mặt trên bàn đánh bạc, có thể biến lời nói dối thành lời nói thật là được.

Lần đó gặp tôi, hần cũng không mặc trang phục Trung Quốc, chỉ mặc bộ âu phục kiểu Nhật Bản. Tiếng Trung Quốc của hần cũng không thật thông thạo, để tránh nói sai và nghe sai, hần còn dùng Yoshida Chitaro làm phiên dịch cho chúng tôi.

Khi đó hần 48 tuổi, cơ thịt gần mắt đã xuất hiện dấu hiệu nặng húp, dưới mũi có chòm ria nhỏ, nét mặt từ đầu đến cuối mang vẻ tươi tỉnh, ôn hoà và lễ độ. Về tươi tỉnh này cho người ta một cảm giác duy nhất là những lời người này nói ra đều có căn cứ.

Hần hỏi thăm sức khỏe của tôi, sau đó chuyển vào đề tài chính, trước hết giải thích hành động của quân Nhật là chỉ đội phó cá nhân Trương Học Lương, nói nào là Trương Học Lương “làm loạn Mãn Châu khiến dân hết đường sống”, quyền lợi và sinh mạng, tài sản của người Nhật không được bất cứ sự đảm bảo nào. Do đó, người Nhật mời bắt đắ dĩ phải ra quân”. Hần nói: quân Quan Đông không có dã tâm nào đối với lãnh thổ Mãn Châu, chỉ là thành tâm thành ý muốn giúp đỡ nhân dân Mãn Châu, xây dựng nhà nước mới của mình”, mong rằng tôi đừng bỏ lỡ thời cơ này, nhanh chóng trở về với đất mà tổ tiên đã dựng nên cơ nghiệp, đích thân lãnh đạo nhà nước này. Nhật Bản sẽ lập đồng minh công, thủ cùng nhà nước này, chủ quyền lãnh thổ của nhà nước này sẽ được Nhật Bản hoàn toàn bảo hộ. Là nguyên thủ quốc gia đó, tôi có thể tự chủ mọi việc.

Giọng điệu thành khẩn của hần, vẻ tươi cười lễ độ của hần và tiếng tăm, vai vế của hần hoàn toàn không cho phép tôi dùng thái độ đối với La Chấn Ngọc và Kamitsumo để đối xử với hần. Hai vấn đề mà Trần Bảo Thám quan tâm là lo La Chấn Ngọc và Kamitsumo không thể đại biểu cho quân Quan Đông, sợ quân Quan Đông không thể đại diện cho chính phủ Nhật Bản, tôi cho rằng cũng không tồn tại nữa. Bản thân Toihara là nhân vật có vị trí quyết định của quân đội Quan Đông, hơn nữa hần còn nói như đinh đóng cột: “Thiên hoàng bề hạ rất tin tưởng vào quân Quan Đông!”

Tâm tư của tôi vẫn còn một vấn đề cực kỳ quan trọng, tôi hỏi:

- Nhà nước mới này là nhà nước thế nào?

- Tôi đã từng nói: là nhà nước độc lập, tự chủ, do hoàng đế Tuyên Thống hoàn toàn làm chủ.

- Không phải tôi hỏi vấn đề đó, tôi muốn biết nhà nước này là cộng hòa hay là đế chế, có phải là đế chế không?

- Về vấn đề này, đến Thảm Dương có thể giải quyết.

- Không, - tôi nói một cách kiên trì, - nếu là phục tích, tôi sẽ đi, nếu không tôi sẽ không đi.

Hắn cười, giọng không thay đổi nói:

- Đương nhiên là đế chế, điều đó không thành vấn đề.

- Nếu quả là nhà nước đế chế, tôi có thể đi! - tôi tỏ ý hài lòng.

- Như vậy xin hoàng đế Tuyên Thống sớm khởi hành, dù sao cũng phải đến Mãn Châu trước ngày 16. Biện pháp chi tiết đến Thảm Dương sẽ bàn. Biện pháp khởi hành do Yoshida sắp xếp.

Cũng như lúc đến, hắn cung kính chúc tôi lên đường bình an, vái chào xong liền cáo từ.

Sau khi Toihara đi rồi, tôi tiếp Kim Lương cùng đến với Toihara. Kim Lương báo cáo tin tức về các di lão Đông Bắc do Viên Kim Đăng đứng đầu, nói rằng họ có thể kêu gọi quân Đông Bắc cũ qui phục. Tóm lại, tôi cho rằng hoàn toàn không có vấn đề gì nữa.

Sau khi Toihara đi rồi, Yoshida nói với tôi: không cần phải nói chuyện này với Tổng lãnh sự quán. Về việc lên đường đến Đại Liên, hắn sẽ tự sắp xếp thỏa đáng cho tôi. Lúc đó tôi quyết định, ngoài Trịnh Hiếu Tế sẽ không tìm ai bàn bạc nữa.

Tuy nhiên, tin này còn truyền đi nhanh hơn tin tôi đến trại lính Nhật Bản. Ngày hôm sau, báo chí đều đăng tin về cuộc gặp gỡ giữa tôi với Toihara và còn vạch rõ mục đích chuyến đi này của Toihara. Mấy hôm đó, Trần Bảo Thám vốn không ở Thiên Tân được tin vội vã từ Bắc Kinh quay về, vừa xuống xe lửa thì chạy đến nhà Trịnh Hiếu Tế thăm dò tin tức. Sau đó, chạy tới Tỉnh Viên. Khi đó, đúng lúc Lưu Nhượng Nghiệp vừa gửi một bức điện từ Tokyo tới nói phía quân đội Nhật Bản cho rằng thời cơ tôi ra đi vẫn chưa tới.

Đọc bức điện, tôi thấy không thể không nói lại với Trần Bảo Thám về tình hình cuộc gặp Toihara, đồng thời đồng ý cùng mọi người bàn bạc một chút.

Hôm đó là ngày mùng 5 tháng 11, tại Tỉnh Viên mở một cuộc “Ngự tiền hội nghị” rất mới lạ. Còn nhớ, được mời tới họp, ngoài Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế, Hồ Tự Viện ra còn có Viên Đại Hóa và Thiết Lương sống lưu vong ở Thiên Tân, (Thăng Sung khi đó đã chết). Tại lần họp này, Trần Bảo Thám và Trịnh Hiếu Tế mở cuộc tranh luận rất quyết liệt. Trần Bảo Thám nhìn Trịnh Hiếu Tế nói: “Hiện nay đại cục chưa định, không cần thận và manh động chỉ có hại mà không ích lợi gì. Hành động đón hoàng thượng của La Ngọc Chân là vội vã. Hiện nay định khởi giá há chẳng phải là vội vã hay sao?”

- Dù phía quân đội Nhật Bản nhiệt thành song nội các Nhật Bản vẫn chưa có ý đó. Sự việc không phải trò đùa, vậy xin hoàng thượng suy xét kỹ hãy định đoạt.

- Nội các Nhật Bản không đáng kể. Bộ Tư lệnh quân Nhật Bản có quyền định đoạt tại trận. Suy đi tính lại cũng đến thế mà thôi.

- Tôi nói là xin hoàng thượng suy nghĩ cân nhắc chứ không phải xin ông!

- Cân nhắc! Cân nhắc! Đợi người Nhật đưa Phổ Vỹ lên, đám bề tôi chúng ta sẽ hãm hoàng thượng đến mức nào?

- Phổ Vỹ múa may quay cuồng, chẳng qua vẫn là Phổ Vỹ. Hoàng thượng đứng ra chỉ có thể thành công chứ không thể thất bại. Nếu như không thành công, càng hãm hoàng thượng đến mức nào?

- Xem ra đã hết đường rồi! Đến quan ngoại, lại khôi phục sự nghiệp tổ tiên, lại không phải sống lo lắng, có gì lỗi với tổ tiên?

Trước giọng thao thao bất tuyệt của Trịnh Hiếu Tế, Trần Bảo Thám mặt trắng bệch, run run nắm chặt mép bàn, dướn người lên, đối mặt với Trịnh Hiếu Tế, cười nhạt nói:

- Ông có sự tính toán của ông, sự hăng hái của ông, thành bại có thể nào, hoàn toàn không có gì đáng nói!

Viên Đại Hóa không lên tiếng, Thiết Lương cúi đầu ngồi im. Hồ Tự Viện, do thân phận không được luận bàn cũng cảm thấy không thể im lặng được nữa do đó đều phát biểu ý kiến. Thiết Lương nói một số điều về “bàn kế lâu dài” lộ rõ là ông ta ủng hộ Trần Bảo Thám. Viên Đại Hóa nói mấy câu ngay ý tứ cũng không rõ. Hồ Tự Viện muốn ủng hộ Trần Bảo Thám song nói không rõ ràng. Tại cuộc họp, tôi không tỏ thái độ song trong lòng cho rằng Trần Bảo Thám là “lòng trung thành đáng khen ngợi”.

Tôi cảm thấy, biện pháp tốt nhất là chưa nên bày tỏ cách suy nghĩ của mình, chưa bộc lộ ý đồ của mình. Đối với người xung quanh mình cần như vậy, đối với xã hội càng cần phải như vậy ở đây tôi cần nói thêm một chút về việc tôi tiếp Cao Hữu Đường, khoảng hai ba ngày sau khi tôi gặp Toihara.

Mấy hôm đó mấy người xin gặp tôi rất nhiều.. Tôi cho rằng nên từ chối hết, chỉ cần chứng thực sự thăm dò của báo chí, càng không có lợi cho tôi. Còn về nhân vật Cao Hữu Đường, càng cần phải có sự gặp gỡ. Trước kia ông ta là khách của Trương Viên. Trương Viên coi ông ta như di lão vì ông xuất thân học quán triều Thanh, đã làm quan nhà Thanh. Sau đó ra mấy tờ báo, làm ủy viên viện giám sát của Quốc dân Đảng, đã từng tác động yêu cầu Nam Kinh “chi tiền hàng năm” cho tôi (không có kết quả). Tôi nghĩ có lẽ ông ta sẽ tiết lộ tin tức gì đó cho tôi, do đó tiếp ông ta. Không ngờ ông ta lại đến làm thuyết khách cho Tưởng Giới Thạch. Ông ta nói: Chính phủ Quốc dân Đảng đánh điện cho ông ta, bảo ông ta là nói với tôi: Chính phủ Quốc Dân Đảng hứa khôi phục điều kiện ưu đãi, hàng năm phát khoản chi phí ưu đãi hoặc là chi cả khoản tiền cũng được, đề nghị tôi đưa ra số mục. Còn về nơi ở mong tôi chọn Thượng Hải, nếu như tôi muốn ra nước ngoài thì hoặc đến một nơi nào ngoài Đông Bắc và Nhật Bản đều có thể được.

Nghe ông ta nói tôi cười nhạt mà rằng:

- Chính phủ Dân quốc sao không làm gì sớm hơn? Điều kiện ưu đãi đã bỏ bao nhiêu năm rồi, Tôn Điện Anh xâm phạm lăng tẩm tiên tôi, ngay quân cũng không quản. Hiện nay sợ tôi ra đi người của Tưởng Giới Thạch cũng rơi nước mắt nghĩ đến ưu đãi... Bản thân tôi không nhận bất cứ ưu đãi nào. Tôi cũng không định đi bất cứ nơi nào. Ông vốn là cựu thần triều Thanh việc gì phải đi nói thay cho họ!

Cao Hữu Đường lấy thân phận di lão, với giọng điệu hoàn toàn lo tính cho tôi mà nói với tôi. Ông nói: “Điều kiện của chính phủ Dân quốc rất có lợi đối với tôi. Hiện nay lời nói của họ thường không chắc chắn, song nếu như tôi thấy cần thiết, có thể do ngân hàng nước ngoài bảo đảm. Ông nói: “Nếu như có người nước ngoài bảo đảm, Tưởng Giới Thạch lần này quyết không dám lừa dối”. Ông ta hầu như có hiểu được tâm ý của tôi, nói khôi phục điều kiện ưu đãi đương nhiên cũng khôi phục để hiệu, nếu như muốn về Bắc Kinh cũng có thể thương lượng.

Tôi cũng không tin vào những lời nói của ông ta. Từ lâu tôi đã nghe nói thủ đoạn của Tưởng Giới Thạch rất lợi hại. Có người nói, đề lôi kéo Anh Mỹ mà ông ta lấy Tống Mỹ Linh, đến cả vợ hán ta cũng bỏ, hoàn toàn không nói đến tín nghĩa. Loại người này chuyện mềm nắn, rắn buông. Vì hán sợ người Nhật, nay thấy người Nhật tiếp xúc với tôi thì điều kiện nào hán cũng đáp ứng, đợi tôi tách khỏi người Nhật, đại thế sẽ lại đối phó với tôi. Dù mọi lời nói của hán đều chắc chắn, hán cho tôi một đề hiệu cũng là làm sao so sánh được với đề vị mà Toihara đã đáp ứng với tôi. Số tiền mà hán có thể cho tôi, làm sao so sánh được với cả vùng Đông Bắc. Tưởng Giới Thạch lại tốt với tôi, hán có thể trao lại cả giang sơn cho tôi ư? Nghĩ đến đó tôi thấy không muốn tiếp tục nói chuyện với Cao Hữu Đường nữa.

- Thôi, những lời ông nói ta đều đã rõ cả. Cuộc nói chuyện này có thể kết thúc ở đây.

Nhìn tôi sau một lúc suy nghĩ nói như thế, Cao Hữu Đường lại hiểu lầm cho rằng tình hình còn có hy vọng vội vã nói: “Vâng! Vâng! Hoàng thượng tiếp tục suy nghĩ, mấy ngày nữa Thân sẽ quay lại.”

- Ủ, lại đến nhé!

Ông ta tràn đầy hy vọng đi ra. Sau đó nghe nói ông ta sau khi hoạt động với chú bảy của tôi đã từ Bắc Kinh quay lại, gặp “sự biến Thiên Tân”, bị chặn ở phía ngoài khu tô giới. Sau khi ông ta tìm cách vào tô giới Nhật Bản tôi không còn ở Tĩnh Viên nữa.

Trong hai ngày đó, còn có một số người liên tiếp đến thăm dò tin tức hoặc đưa ra lời can ngăn, tôi còn nhận được nhiều thư gửi tới, đối với tôi mọi người đều có lời khuyên trung thực, có lời cảnh cáo thậm chí có người họ Ái Tân Giác La khuyên tôi chớ nhận giặc làm cha, phải gìn giữ sự tôn nghiêm của người Trung Quốc. Bị giấc mộng phục tịch hoàn toàn làm mê mẩn tâm thần, bất cứ lời khuyên nào đối với tôi đều không có kết quả. Tôi quyết định, đối với bên ngoài không nói bất cứ lời thật lòng nào.

Có một phóng viên một tờ báo nhỏ ở Thiên Tân tên là Lưu Tài Công, cũng là khách thường tới Trương Viên và Tĩnh Viên, thường viết bài ca tụng tôi trên báo của ông ta khi đó đến thăm dò ý tứ của tôi có xuất quan hay không? Thấy tôi cực lực phủ nhận, nên lại thay tôi làm nhiệm vụ bịt lời đồn đại. Ông ta không ngờ, cùng với ngày trên báo ông ta đăng tin bịt lời đồn đại cho tôi, tôi bước lên hạm tàu Nhật Bản đi Doanh Khâu.

Trước hai ngày tôi rời Thiên Tân, không thể không nói một việc. Hôm đó, tôi đang ngáp ngủ nghe thấy lời giảng giải:

“Chớ để mất lòng nhiệt thành của nước bạn, chớ cự tuyệt sự vui mừng của người dân nước... đó mới là sự nghiệp anh hùng, quyết không phải là điều mà thư sinh văn sĩ hiểu được...”

- Hồng rồi! - Kỳ Kế Trung, người hầu cận của tôi bỗng hoảng hốt chạy vào “Lựu đạn, hai quả lựu đạn!...”

Tôi ngồi trên ghế sô-pha sợ đến mức không đứng lên được. Trong cơn rối loạn, một lúc mới rõ: Vừa đó, có một người không quen biết gửi tới một tặng phẩm kèm theo một tấm danh thiếp của Triệu Hoạn Bá, nguyên cố vấn Bộ tổng tư lệnh Bảo an Đông Bắc. Người đó đặt tặng phẩm xuống đàng hoàng quay ra. Theo quy định, Kỳ Kế Trung kiểm tra tặng phẩm, phát hiện trong giỏ quả tươi có hai quả lựu đạn.

Từ trên xuống dưới ở Tỉnh Viên bàng hoàng lo sợ. Cảnh sát Nhật bản và sĩ quan Bộ Tư lệnh quân Nhật tới, mang lựu đạn đi. Ngày hôm sau, sĩ quan phiên dịch Yoshida báo cáo với tôi: qua kiểm nghiệm hai quả lựu đạn đó do công binh xưởng của Trương Học Lương chế tạo.

Yoshida nhắc nhở: “Hoàng đế Tuyên Thống không nên tiếp kiến người ngoài nữa, khởi hành sớm một chút là hơn”.

- Được ông hãy thu xếp nhanh lên.

- Vâng lệnh, xin bệ hạ không nên nói với người không có liên quan.

- Không nói. Lần này tôi chỉ mang cha con Trịnh Hiếu Tế và hai người hầu.

Hai ngày đó, tôi nhận được nhiều thư đe dọa. Có bức thư rất ngắn mà lời lẽ lại rất đáng sợ. Có thư chỉ có một câu: “Nếu ông không rời nơi này, hãy cẩn thận cái đầu ông!” Càng đáng sợ hơn là Kỳ Kế Trung nhận được một cú điện thoại. Theo anh ta nói: đối phương là một người hầu bàn ở nhà ăn Nây-tô-li-a cảnh cáo tôi hôm đó chớ có đến ăn cơm vì một số người “hình dáng đáng ngờ” đến nơi này thăm dò tôi. Người bạn quan tâm tới tôi còn nói: có lẽ trong túi áo họ còn có dao điện. Điều kỳ lạ là anh ta nhận ra những người đó là do Trương Học Lương phái tới.

Anh hầu bàn đó là người thế nào tôi cũng không nói rõ được còn Kỳ Tế Trung thì tôi không bao giờ quên được anh ta. Anh ta là người hầu tôi mang từ Bắc Kinh tới. Sau khi trong cung di tán thái giám, anh ta vào cung lúc đó còn là một thiếu niên rất được tôi tin cậy. Trong thời kỳ ở Thiên Tân, anh ta là một trong những người hầu tôi ưng nhất. Trong thời kỳ nguy Mãn, tôi gửi anh ta sang bồi dưỡng ở trường sĩ quan Nhật Bản. Tuy nhiên về sau tôi phát hiện anh ta là nhân vật “mật thám xấu xa” trong cung đình. Lúc đó may mắn là nghe nói ở Nhật Bản, anh ta cãi nhau với bạn học, tôi vin cớ “phá hoại bang giao Nhật - Mãn” yêu cầu người Nhật khai trừ anh ta khỏi trường học. Sau đó do người Nhật giới thiệu, anh ta đến Hoa Bắc làm sĩ quan nguy quân. Về sau lại lẩn mình biến thành thương tá Quốc dân Đảng, sau giải phóng, do án phản cách mạng bị trấn áp. Khi tôi rời Thiên Tân anh ta là một trong ba người hầu của tôi, không có hành động nào của tôi mà anh ta không biết. Đến mãi về sau tôi mới biết rõ, người Nhật Bản và Trịnh Hiếu Tế khi đó hiểu rõ mọi động tĩnh của tôi, nắm rất kịp thời và chuẩn xác tâm tính của tôi đã diễn cho tôi xem màn kịch - tuy các diễn viên diễn tương đối vụng về - song hiệu quả lại tốt như thế. Kỳ Kế Trung thật sự là người rất có liên quan gần với lựu đạn, thư đe dọa, gọi điện thoại là việc nổ ra “sự kiện Thiên Tân”. Người Nhật Bản tổ chức các đội Hán gian, mật vụ ra sức gây rối loạn đối với khu vực người Trung Hoa. (Đây cũng là một “kiệt tác” do Toihara đạo diễn); tôi giới Nhật Bản tuyên bố giới nghiêm, cắt đường giao thông với khu vực người Trung Hoa. Ngoài cửa Tỉnh Viên ra vào có xe bọc thép đến đảm nhiệm “bảo hộ”. Do đó Tỉnh Viên cũng bị cắt đứt với bên ngoài. Chỉ có hai cha con Trịnh Hiếu Tế là nhận được giấy ra vào.

Về sau tôi nhớ lại, Toihara vội vã thúc tôi đến Đông Bắc như thế, nếu như không phải là phái trẻ quân Quan Đông vì phải đối phó với phái chống đối trong nội bộ hoặc vì nguyên nhân nào khác mà chỉ là do tôi thay đổi ý định thì họ đã đánh giá quá cao ảnh hưởng của bên ngoài tôi đối với tôi. Sự thật là không những khi tôi đã hạ quyết tâm, ngay đến những người chịu ảnh hưởng của Trần Bảo Thám như Hồ Tự Viên, Trần Tăng Thọ cũng đã thay đổi thái độ. Họ không còn kiên trì chờ xem nữa, bắt đầu tính toán chủ động tiến hành tiếp xúc với Nhật Bản. Tuy nhiên họ vẫn sợ không thể dựa vào quân Nhật, cho rằng tin chính phủ Nhật vẫn hơn. Sự thay đổi của những người này cũng giống như tôi tức là: đã sợ lỗ cơ hội, lại sợ chưa ăn được thịt cừu mà khắp mình đã sức mùi cừu. Đối với điều kiện giao thiệp với người Nhật, điều họ quan tâm là có được làm quan to hay không; vì vậy chủ trương “quyền dùng người” ắt phải là tôi. Còn như thế nào là vinh dự dân tộc, quyền lợi kinh tế... hoàn toàn có thể là thứ trao đổi trả giá cho địa vị của bản thân mình. Sau khi tôi gặp Toihara, Trần Tăng Thọ đã

lập tức tâu trình lời tâu như sau:

“Hiện nay, Nhật Bản bị các cường quốc phản đối nên bế tắc, không thể thay đổi tình hình Đông Tam tỉnh để gỡ thế bí đối với các cường quốc, do đó có hành động khuyến khích như vậy là cơ hội ngàn năm có một. Gặp cơ hội mà không nắm lấy thì càng về sau còn có cơ hội nào? Tuy nhiên nắm cơ hội nếu không được gì thì cái hại còn hơn là cái lợi cơ hội... Nay con đường ta đang tự xử lý có thể quyết bằng hai câu: có thể định ước với Nhật Bản nhường cái lợi của đường mỏ, buôn bán mà quyền dùng người làm việc hoàn toàn tự chủ thì có thể hành động ngay. Nếu không, muôn vạn không thể hành động. Hiện nay báo chí xôn xao, kẻ thù nghi kỵ, Thiên Tân đã vào thế không thể ở yên. Muốn đừng sợ có lợi cho Nhật Bản, muốn tĩnh lại sợ mất thời cơ tốt này, tiến lui đều khó, xin hoàng thượng cử trọng thần sang Nhật Bản, tiếp xúc với Chính phủ và các nguyên lão Tây Viên Tự, trực tiếp định ước sau đó mới đi Thâm Dương thì vẹn toàn mà không sai lầm. Ý kiến mạo muội của hạ thần có đúng đắn hay không, xin thánh thượng xem xét!”.

Trốn vượt sông Bạch Hà

Ngày khởi hành là ngày 10 tháng 11. Theo kế hoạch, chiều tối hôm đó, tôi phải tránh được mọi tai mắt, lặng lẽ lén ra khỏi cửa lớn Tĩnh Viên. Tôi cho rằng việc này phải tính toán kỹ lưỡng. Mọi đầu tôi dự định không đi cửa lớn, Sách Hưng lái xe từ nhà xe đi ra. Tôi ra lệnh cho Lý lớn, người hầu thân cận nhất ra xem có thể mở cửa nhà xe hay không; anh ta báo cáo: cửa nhà xe lâu nay không sử dụng, cửa ngoài đã bị dán kín giấy quảng cáo chào hàng. Sau đó, lại cho Kỳ Kế Trung đưa ra biện pháp. Đó là, dấu tôi vào thùng sau của một chiếc xe chở hàng. Sau đó chọn một trong những người hầu biết tạm lái xe lái tạm thời, người đó ngồi cạnh lái xe, áp tải chiếc “xe không” mang tôi ra khỏi Tĩnh Viên.

Tại một nơi không xa cửa lớn Tĩnh Viên, Yoshida đợi sẵn trên một chiếc xe lớn, thấy xe ô tô của tôi ra khỏi cửa lớn, xe của hắn liền lặng lẽ theo sau.

Lúc đó; chính là ngày thứ ba sau sự kiện gây rối loạn ở Thiên Tân. Vùng tô giới Nhật Bản và khu vực Trung Quốc quản lý bị giới nghiêm suốt ngày. Tôi không đoán định được lần này gây rối loạn và giới nghiêm này là sự bố trí cố ý hay là sự ngẫu nhiên, nói chung đã tạo nên hoàn cảnh rất thuận lợi cho việc tôi chuồn đi. Trong tình hình xe của bất cứ người Trung Quốc nào cũng không được đi qua, xe ô tô của tôi trôi chảy đến trước mở hàng rào dây thép gai ở ngã tư nào, khi gặp lính Nhật Bản chặn lại, Yoshida đi phía sau chỉ khoát tay là lập tức được đi ngay. Do đó, tuy kỹ thuật của hai anh lái xe do Kỳ Kế Trung kiếm được rất tồi. (Vừa ra khỏi cửa lớn Tĩnh Viên đã va phải cột điện, đầu tôi va mạnh vào nắp hòm xe, trên đường còn xóc, tôi vô cùng khô sở), tuy nhiên cuối cùng cũng đến được địa điểm dự định một cách thuận lợi - trạm xử lý Phu Đảo.

Sau khi xe dừng bánh, Kỳ Kế Trung chỉ cho người lái xe đứng ra một bên, Yoshida tiến đến mở cửa thùng xe đỡ tôi ra cùng tiến vào trạm Phu Đảo. Một đại úy quân đội Nhật Bản tên là Bujirô đã đợi sẵn ở đây, lấy ra một áo khoác và một chiếc mũ của quân đội Nhật nhanh chóng mặc cho tôi sau đó cùng Yoshida đưa tôi lên ngồi trên một chiếc xe quân sự của Bộ tư lệnh quân đội Nhật Bản. Chiếc xe này chạy trên bờ sông Bạch Hà không gặp trở ngại gì chạy thẳng đến bên cảng. Sau khi xe dừng lại Yoshida và Bujirô đỡ tôi xuống xe. Rất nhanh chúng tôi thấy rõ, đây không phải là tô giới Nhật Bản, bất giác cảm thấy hoảng hốt. Yoshida nói thầm an ủi tôi: “Đừng sợ, đây là tô giới Anh”. Tôi được Yoshida và Bujirô dìu đi bộ trên một quãng đường lát xi măng. Một chiếc tàu nhỏ không có ánh đèn đã xuất hiện trước mắt. Tôi bước xuống khoang tàu, thấy hai cha con Trịnh Hiệu Tế đã đợi sẵn ở trong đó tôi mới yên tâm. Ngồi trong khoang tàu còn có ba người Nhật Bản. Một, là: Kamitsumo Riachi, hai là Kotoletsu Sauro, một người Nhật lưu vong đã từng là thủ hạ của Thăng Sung. Còn một người nữa là Ôtani, đến nay tôi quên lai lịch của hắn. Tôi đã gặp thuyền trưởng Nishinagara, được biết trên tàu còn có 10 người lính Nhật Bản đảm nhiệm việc hộ tống. Tàu này thuộc bộ phận vận tải của hải quân Nhật Bản. Do nhiệm vụ “vận tải” đặc biệt lần này, trên tàu đã có chất bao cát và sắt tấm. Hai mươi năm sau,

tôi đọc được một đoạn hồi ký của Kotolitsusanro đăng trên tạp chí “Văn nghệ xuân thu” của Nhật bản nói trên tàu còn dấu một thùng dầu xăng lớn chuẩn bị vận nhất bị quân đội Trung Quốc phát hiện, khi không có cách nào chạy thoát, quân đội Nhật sẽ châm lửa đốt để thủ tiêu chúng tôi và các nhân chứng cùng với chiếc tàu. Khi đó, ngồi cạnh thùng xăng không quá 3 mét tôi cảm thấy “hạnh phúc” ngày càng đến gần!

Yoshida và đại úy Bujirô rời con tàu, con tàu rời bến cảng. Đèn điện bật sáng. Qua cửa kính tôi ngắm quang cảnh ban đêm của sông, không nên được cảm khái trong lòng. Tôi đã mấy lần đến Bạch Hà vào ban ngày, trên pháo hạm hải quân Đông Bắc của Tatsurō cùng với khu trục hạm của Nhật Bản. Tôi đã từng nảy ảo tưởng: coi Bạch Hà là bến sông, sau này tôi chạy ra biển cả tìm kiếm con đường bên ngoài giáp đỡ phục tích. Nay tôi thật sự đang đi trên con sông này. Không ngăn nổi sự đặc ý, vui mừng nghĩ đến một số điều để nói.

Song, tôi vui mừng quá sớm. Trịnh Thùy bảo tôi: “Đã qua tô giới nước ngoài, phía trước là thế lực của người Trung Quốc. Kho lương thực của quân đội phía bên kia, có thể có người Trung Quốc coi giữ”.

Nghe câu nói đó, tôi nhìn cha con họ Trịnh và mấy người Nhật Bản, tất cả đều dăm chiêu, không ai nói một lời. Mọi người trầm lặng trong hai giờ đồng hồ, bỗng nghe tiếng hô từ trên bờ: “Dừng tàu lại!”.

Như thần kinh bỗng bị đứt, tôi hầu như ngã lảo ra. Mấy tên lính Nhật Bản vội vã lên sàn tàu. Trên sàn tàu truyền tới khẩu lệnh khe khẽ và những bước chân loạn xạ. Tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ nhìn thấy sau mỗi bao cát đều có người mai phục dương súng chuẩn bị tư thế bắn. Lúc đó, tôi cảm thấy tốc độ con tàu nhanh chóng giảm, hướng tàu như là vào gần bờ. Tôi đang chưa hiểu ra sao bỗng mọi đèn điện vụt tắt, tiếng súng trên bờ vang lên hầu như đồng thời, tiếng máy bỗng nhiên nổ to, con tàu bỗng tăng tốc, chỉ cảm thấy rùng một cái giống như nó nhảy lên cướp bờ mà vượt đi.

Tiếng hô trên bờ, tiếng súng dần dần xa. Thì ra, người Nhật Bản đã sớm chuẩn bị thủ đoạn này, lúc đầu làm như vờ nghe lệnh. Sau đó thừa lúc trên bờ không chuẩn bị phứt khỏi vượt đi.

Một lúc sau, đèn điện lại bật sáng, không khí trong tàu lại sống lại. Đến nửa đêm đến cửa khẩu Đại Cô. Khi đợi chiếc tàu buôn “Đàm Lộ Hoàn” ra ngoài cửa khẩu đón chúng tôi, lính Nhật Bản lấy ra nước chấm, dưa cải trắng và rượu Nhật Bản. Trịnh Hiếu Tế hoạt bát hẳn lên, cao giọng miêu tả giờ phút vượt qua nguy hiểm thành một “sự nghiệp anh hùng”. Ông ta cạ chén với lính Nhật, vui mừng phấn chấn ngâm ngay một bài thơ.

*Đồng châu nhị đế⁽⁵⁷⁾ dục đồng tôn
Thức khách động chu thức cộng luân
Nhân định thắng thiên phi lãng ngữ
Tương khán ứng tại bất đa ngôn.*

Tạm dịch:

Cùng miền hai đế muốn lên ngôi
Bây khách trong thuyền thử bàn chơi
Người định thắng trời là sự thật
Cùng xem hiệu quả khỏi nhiều lời.

Sự vui mừng của Trịnh Hiếu Tế tối hôm đó ngoài việc ông ta trở thành người thắng lợi, có thể còn do một nguyên nhân không tiện nói ra. Đó là, qua sự bất đồng ý bề ngoài của giới quân sự và chính trị Nhật Bản, so với bất cứ ai khác, ông ta sớm nhận rõ sự nhất trí của họ. Một ngày sau khi tôi gặp Toihara ông ta ghi trong nhật ký (ngày mùng 3 tháng 11):

“Đại Thất (tức Trịnh Thùy) đến lãnh sự quán Nhật bản. Goto Rokino nói: Toihara lần này đến để đón hoàng thượng đến Phụng Thiên, lãnh sự quán biết nhưng làm như không biết”.

Hồ sơ của Bộ Ngoại giao Nhật Bản được phát hiện sau đại chiến thế giới thứ hai có một bức điện mật mà bộ trưởng Ngoại giao Nhật Otatonoseo gửi Tổng lãnh sự quán Nhật ở Thiên Tân nói rõ màn kịch “Trốn vượt Bạch Hà”. Nội dung bức điện như sau:

“Về phong trào tôn lập hoàng đế Tuyên Thông: thấy rằng nếu như câu thúc quá độ tự do của hoàng đế, quan hệ nội, đối ngoại đều sẽ không tốt. Đã trao đôi ý kiến này về mặt đối ngoại. Phía đối ngoại tuy cũng đồng ý song về tình hình hiện nay ở Mãn Châu, các mặt đều có phong trào tôn lập hoàng đế. Do đó, đối với mặt chấp hành chính sách đế quốc khó tránh khỏi khó khăn. Đồng thời, sự

bảo hộ bên cạnh hoàng đế cũng cần thiết nên phải có sự chuẩn bị tương đối. Thêm nữa, phía ngoại vụ cũng bày tỏ hiện nay tình hình các mặt chính trị ở Mãn Châu cũng yên ổn một chút. Ý chí chung của dân chúng Đông tam tỉnh cũng muốn tôn lập Hoàng đế. Nếu như không có trở ngại gì cho việc chấp hành quốc sách, cũng có thể thuận theo”.

Trong vòng phong tỏa

Trên tàu “Đạm lộ hoàn”, Trịnh Hiếu Tế nói suốt ngày về chí hướng trị quốc bình thiên hạ. Sáng sớm ngày 13, chúng tôi đến cảng “Mãn thiết” của thành phố Doanh Khẩu, tỉnh Liêu Ninh.

Tại sao đi Thẩm Dương phải cập bến từ Doanh Khẩu. Về vấn đề này tôi chưa từng cân nhắc đến. Tôi chỉ nghĩ nhân dân Đông Bắc sẽ đến đón tôi tại Doanh Khẩu như thế nào. Trong trí tưởng tượng của tôi ở độ nhất định có cảnh một đám dân chúng hoan hô gần như quang cảnh tôi đã thấy ở trường tiểu học kiều dân Nhật trong tô giới ở Thiên Tân; mọi người vẫy những lá cờ nhỏ hướng về tôi hô to muôn năm. Tuy nhiên thân tàu càng áp dân vào bên cảng càng không thấy có chuyện đó. Ở đó không có quần chúng, càng không có cờ quạt gì. Đợi đến khi lên bờ mới biết rõ: không những số người đón tiếp rất ít mà toàn là người Nhật Bản.

Qua giới thiệu của Kamitsumo tôi mới biết những người đó đều do Itagaki phái đến dụ Ama Kashita đứng đầu. Người này, ở Trung Quốc ít người biết, sống ở Nhật Bản lại rất nổi tiếng. Hắn vốn là một đại úy hiến binh, khi Nhật Bản bị động đất lớn, lợi dụng sự hỗn loạn do động đất gây ra, Bộ Tư lệnh quân đội Nhật Bản ra sức bức hại những nhân sĩ tiến bộ. Vợ chồng Osugi Sakai và đứa con bảy tuổi đã chết trong tay hắn. Sau vụ thiên tai, thẩm án này bị người ta tố cáo, trước sức ép của dư luận xã hội, Bộ tư lệnh quân đội Nhật Bản buộc phải đưa hắn ra làm vật hy sinh, giao cho tòa án quân sự xét xử xử tội tù chung thân. Sau đó không lâu, hắn được thả ra, được gửi sang Pháp học tập. Ở Pháp hắn học mỹ thuật và âm nhạc. Sau mấy năm, nhà nghệ thuật này trở về Nhật Bản, lập tức được cử đến cơ quan đặc vụ quân Quan Đông. Theo một cuốn sách do Nhật Bản xuất bản sau đại chiến thế giới thứ hai, vụ nổ bom đường sắt Liêu Điều Câu, tín hiệu của sự biến “18 tháng 9” chính là một “kiệt tác” của hắn. Ở cảng Doanh Khẩu, tôi không thể nghĩ rằng con người đeo kính cận rất lễ phép này sao lại có một lịch sử không bình thường như vậy. Nếu như không có “kiệt tác” của hắn, cũng có thể tôi vẫn chưa đến được Đông Bắc.

Ama Kashita đưa tôi và cha con Trịnh Hiếu Tế lên chiếc xe ngựa đã chuẩn bị sẵn, chở chúng tôi đến ga xe lửa. Ngồi xe lửa khoảng trên một giờ đồng hồ lại chuyển sang đi xe ngựa. Trên đường đi không nghe thấy bất kỳ lời giải thích nào, gập gềnh gường đến khu an dưỡng nước suối nóng Dương Cương Tử. Tôi bước vào nhà khách suối nước nóng Đồi Thúy Các với tư tưởng hoài nghi.

Nhà khách Đồi Thúy Các thuộc xí nghiệp “gang thép Mãn Châu” của Nhật Bản. Nhà lầu kiểu châu Âu, phong cách Nhật Bản, thiết bị khá sang trọng, chỉ có các sĩ quan quân đội Nhật Bản, nhân viên cao cấp thép Mãn Châu và các quan chức Trung Quốc được phép vào ở. Tôi được đưa lên một phòng khách rất lịch sự trên gác, trong đó thấy có La Chân Ngọc, Thương Diễn Doanh và Đông Tế Hy. Sau khi hỏi thăm sức khỏe của tôi, La Chân Ngọc lập tức nói với tôi: ông ta đang thương lượng với quân Quan Đông về việc phục tích, lại nói: trước khi thương lượng kết thúc, không nên đề tin tức về việc tôi đến đây lọt ra ngoài. Hèn nào không có cảnh nhiệt liệt hoan nghênh vì mọi người vẫn chưa biết tôi đã đến. Tôi tin rằng đàm phán với quân Quan Đông là việc dễ dàng, chẳng bao lâu sẽ có thể tuyên bố tin tức về hoàng đế Đại Thanh phục tích tại cô cung ở Thẩm Dương. Khi đó chắc sẽ không thể yên yên lặng lặng như hiện nay, càng nghĩ tôi càng vui mừng, hoàn toàn không chú ý đến thần sắc khác thường của cha con Trịnh Hiếu Tế. Tôi sáng khoái ăn một bữa cơm phong vị Nhật Bản, qua cửa sổ ngắm một lúc cảnh sắc ban đêm của khu này và đi ngủ một cách thoải mái.

Qua một đêm, tôi mới biết rõ lần vui này hơi quá sớm.

Tắm rửa xong, tôi gọi người hầu Kỳ Kế Trung nói, tôi muốn đi dạo một chút xem phong cảnh xung quanh.

- Không được ạ, không được phép ra ngoài.

Kỳ Kê Trung nói với về mặt đau khổ.

- Sao lại không được? - tôi ngạc nhiên hỏi: - Ai nói? Xuống nhà hỏi xem?

- Ngay xuống nhà cũng không được ạ!

Lúc đó tôi mới biết, nhà khách Đồi Thúi Các đã bị phong tỏa. Không những không cho phép người bên ngoài vào phạm vi nhà khách, ngay những người ở dưới nhà cũng đừng hòng lên gác (trên gác chỉ có mấy người chúng tôi). Đặc biệt, người ta không hiểu được là tại sao ngay người trên gác cũng không được phép xuống nhà. Tìm La Chấn Ngọc cũng không biết ông ta đi đâu. Cha con Trịnh Hiếu Tế đều rất tức giận, đề nghị tôi tìm người Nhật hỏi tại sao có chuyện như vậy. Những người Nhật cùng ở với chúng tôi ở đây, đứng đầu là Kamitsumo và Ama Kashita. Kỳ Kê Trung tìm được Kamitsumo tới, hân cười hi hi nói tiếng Trung Quốc giọng Nhật Bản:

- Đó là vì sự an toàn, sự an toàn của Hoàng đế Tuyên Thống.

- Chúng tôi ở đây đến bao giờ? - Trịnh Hiếu Tế hỏi.

- Điều đó phải hỏi đại tá Itagaki.

- Còn La Chấn Ngọc?

- Đến Thẩm Dương tìm đại tá Itagaki. Hiện nay vẫn còn bàn vấn đề nhà nước mới, bàn được ý kiến nhất trí sẽ đến mời hoàng đế Tuyên Thống đi.

- Hừ! - Trịnh Thùy khoát tay hăm hăm bước sang một bên.

Hành động “thất lễ trước vua” đó khiến tôi rất khó chịu. Song khi đó càng khiến tôi chú ý là việc Kamitsumo: vấn đề “nhà nước mới” còn đang thảo luận. Điều đó quá lạ lùng. Chẳng phải là Toihara và Hy Hiệp đều nói: tất cả đều không có vấn đề, chỉ còn mời tôi đến chủ trì kế lớn đó sao? Kamitsumo nói: “Vẫn đang thảo luận”, điều đó có ý gì? Tôi nêu vấn đề này, Kamitsumo trả lời một cách hàm hồ:

- Việc lớn như thế, làm sao nói thực hiện là thực hiện ngay được. Xin hoàng đế Tuyên Thống không nên nóng vội, đến lúc, tự nhiên sẽ mời hoàng đế Tuyên Thống đi.

- Đi đến đâu? - Trịnh Thùy vội vã quay lại chen vào hỏi: - Đến Phụng Thiên ư?

- Điều đó phải đợi đại tá Itagaki.

Tôi rất bức bối tránh bọn họ, đến một gian phòng khác gọi Đông Tế Hy đến hỏi việc hân đánh điện từ Thẩm Dương nói, “mọi việc đã sắp xếp xong” là ý thế nào? Đông Tế Hy nói: đó là Viên Kim Đăng nói, không rõ tại sao lại rắc rối như vậy. Tôi lại hỏi Thương Diễn Doanh xem ông ta nhận xét điều này như thế nào? Ông ta cũng không nói ra được lý lẽ vì sao, chỉ oán hận ở đây không có “đàn bói”, nếu không nhất định có thể được thần tiên giải đáp.

Khi đó tôi vẫn chưa biết người Nhật cũng đang bần lên. Trên quốc tế, Nhật Bản ở thế cô lập, trong nội bộ, đối với việc dùng hình thức nào thống trị mảnh thực dân địa này ý kiến vẫn chưa thống nhất. Quân Quan Đông tất nhiên cũng chưa tiện đề tôi lộ mặt. Tôi chỉ cảm thấy rằng, đối với tôi người Nhật không kính trọng như ở Thiên Tân. Kamitsumo cũng không phải là Kamitsumo ở Bộ tư lệnh quân đang đóng ở Thiên Tân nữa. Trong dự cảm lo lắng, tôi chờ đợi một tuần lễ bỗng nhận được điện thoại của Itagaki mời tôi chuyển đến Lữ Thuận.

Tại sao không đi Thẩm Dương? Kamitsumo cười hi hi giải thích: việc đó vẫn còn phải đợi đại tá Itagaki thương lượng xong xuôi mới quyết định được. Tại sao đến đợi ở Lữ Thuận? Theo Kamitsumo nói: vì ở gần vùng Thang Cương Tử này có “thổ phỉ”, rất không an toàn, không bằng ở Lữ Thuận tốt hơn. Lữ Thuận là địa phương lớn, mọi mặt đều thuận tiện. Do đó, tôi hôm đó lên xe lửa, sáng sớm hôm sau đến Lữ Thuận.

Nơi ở Lữ Thuận là khách sạn Đại Hòa, cũng lại như cung cách ở Đồi Thúi Các. Toàn bộ tầng trên dành cho mấy người chúng tôi sử dụng, bảo chúng tôi không được xuống lầu, người dưới lầu cũng không được phép lên. Kamitsumo và Kashita nói với chúng tôi vẫn là mấy câu: Vấn đề nhà nước mới còn đang thảo luận. Không nên nóng ruột, đến lúc sẽ có người đến mời chúng tôi đi Thẩm Dương. Ở nơi này không lâu, cha con Trịnh Hiếu Tế được đãi ngộ như La Chấn Ngọc. Không những đi ra ngoài không bị ngăn cản mà còn có thể đến Đại Liên. Khi đó nét mặt trầm trầm không vui của Trịnh Hiếu Tế không còn nữa. Giọng điệu cũng giống như La Chấn Ngọc, nói nào là “Hoàng thượng thiên uy không tiện xuất đầu lộ diện, mọi việc nên do “tôi con” đi làm; đợi “bê tôi” sắp xếp xong khi đó Hoàng thượng tự nhiên có thể đăng hoàng ngoảnh mặt về phía Nam nhận lễ chúc mừng”. Lại nói: trước khi công việc hoàn thành, không nên nói ra, vì vậy cũng không cần tiếp kiến mọi nhân viên; quân Quan Đông hiện nay là người chủ nơi này, trước khi tôi “lên ngôi” tạm thời tôi là người khách, khách nghe

theo, thuận tiện cho chủ cũng là lẽ đương nhiên. Nghe họ nói, tuy trong lòng rất nôn nóng, tôi cũng phải nhẫn nại đợi chờ.

Sự thực là, những lời ngoài miệng gọi tôi là Hoàng thượng ấy, những người đồ mồ hôi trán, không nề gian khổ chạy chọt cho tôi ấy, trong tư tưởng họ, tôi chỉ là kẻ bài hoàng đế. Tác dụng của loại hoàng đế này chẳng qua chỉ là có thể diệt con bài của người khác để giành phần thắng trong một canh bạc mà thôi. Đề đối phó với sức ép của dư luận trong nước và sự chỉ trích của phương Tây, người Nhật mới chuẩn bị ván bài này. Trước khi đánh quân bài ra, tự nhiên họ cần giữ kín một cách nghiêm mật. Đề ứng phó trong cuộc sống giành giật này độc quyền được người Nhật ban thưởng, bọn Trịnh Hiếu Tế, La Chân Ngọc cũng đều muốn độc chiếm con bài tôi, đều dốc hết tâm cơ nắm lấy tôi. Do đó đã hình thành sự phong tỏa đối với tôi, khiến tôi lâm vào cảnh bị cách ly. Ở Thang Cương Tử, La Chân Ngọc muốn lợi dụng sự quy định hạn chế của người Nhật Bản để cắt đứt sự qua lại của những người khác với tôi, đã từng ngăn cản tôi và Trịnh Hiếu Tế tiếp xúc với quân Quan Đông của Nhật Bản, để đảm bảo cho ông ta bao tất cả. Đến Lữ Thuận, Trịnh Hiếu Tế và phía người Nhật lại có quan hệ, cùng La Chân Ngọc đối đáp trong màn kịch, vì vậy ông ta chỉ còn cách mặt bò lo sửa chuồng, tìm cách không cho người thứ ba dính vào. Về mặt canh giữ tôi, La và Trịnh phối hợp với nhau, do đó xuất hiện tình trạng một mặt Trịnh, La phối hợp với nhau lưng đoạn tôi, mặt khác lại giành giật quyết liệt với phía người Nhật.

Nhưng sự thật bên trong của màn kịch này tất nhiên khi đó tôi không biết. Tôi chỉ cảm thấy La Chân Ngọc và cha con Trịnh Hiếu Tế câu kết với người Nhật muốn cách ly tôi với những người khác. Đối với Đông Tế Hy và Thương Diễm Doanh chỉ biết bói toán cầu thần họ không chú ý lắm đối với những người đi từ Thiên Tân tới muốn gặp tôi thì họ canh giữ rất chặt, thậm chí ngay với Uyển Dung cũng không nể nang gì.

Trước khi tôi rời Tĩnh Viên đã để lại một đạo dụ viết tay, trao cho một người hầu chuyển cho Hồ Từ Viện, lệnh cho ông ta sau đó tìm đến tôi, lệnh cho Trần Tăng Thọ đưa Uyển Dung đến. Nghe nói tôi ở Lữ Thuận, ba người liền đến Đại Liên. La Chân Ngọc cử người tìm nơi ở cho họ, nói rằng quân Quan Đông ra lệnh không cho phép họ đến Lữ Thuận. Uyển Dung sinh nghi về mệnh lệnh này, cho rằng tôi xây chuyện gì liền kêu gào khóc lóc, không đến không được, như vậy mới được phép đến Lữ Thuận thăm tôi một lần. Sau đó khoảng 1 tháng quân Quan Đông đưa tôi đến ở nhà con trại Thiện Kỳ (khi đó đã chết) mới cho phép Uyển Dung và sau đó là em gái thứ hai, thứ ba của tôi chuyển đến ở cùng tôi.

Tôi vốn muốn để Hồ Từ Viện, Trần Tăng Thọ cùng chuyển đến ở cạnh tôi song Trịnh Hiếu Tế nói: quân Quan Đông quy định, ngoài mấy người là cha con ông ta, La Chân Ngọc, Vạn Thắng Thúc ra, không cho phép bất cứ ai đến gặp tôi. Tôi yêu cầu ông ta đi thương lượng với Kamitsumo và Kashita kết quả cho phép Hồ Từ Viện gặp một lần với điều kiện là ngay ngày hôm đó phải quay về Đại Liên. Trong tình hình đó Hồ Từ Viện vừa trông thấy tôi đã khóc rống lên, nói rằng ông ta không nghĩ rằng ở cạnh tôi bao nhiêu năm nay rơi vào cảnh chỉ một lần gặp cũng bị hạn chế, nói đến mức lòng tôi rất bối rối. Một nỗi sợ hãi cô lập không nơi bầu vịu đè nặng lên tôi, tôi chỉ có thể an ủi Hồ Từ Viện mấy câu, bảo ông ta hãy đợi đến khi tôi nói chuyện được nhất định sẽ “truyền dụ” gọi ông ta và Trần Tăng Thọ đến với tôi. Nghe tôi nói Hồ Từ Viện nín khóc, thừa lúc trong nhà không có ai kể với tôi mọi tội lỗi của hai người Trịnh - La, công kích họ là những kẻ “đội trên lừa dưới, loại bỏ trung lương”.

Sau hai tháng tôi đến Lữ Thuận, Trần Bảo Thám cũng tới. Khi đó, Trịnh Hiếu Tế đã trở thành người tin cậy của quân Quan Đông, La Chân Ngọc nhìn thấy sẽ thất bại trong tay ông ta, chính vào lúc ông ta sắp giành thắng lợi hoàn toàn. Sự giao dịch tiếp cận giữa ông ta và quân Quan Đông đã rất thành thực, thấy “ông thầy vua”, uy vọng vượt ông ta xuất hiện ở Đại Liên, lập tức khiến ông ta cảnh giác. Ông ta sợ người đồng hương của mình có thể khiến người Nhật càng ủng hộ hơn, vội vã muốn đẩy Trần Bảo Thám quay trở về. Do đó, Trần Bảo Thám ở Lữ Thuận chỉ có hai tối, chỉ gặp tôi hai lần liền bị Trịnh Hiếu Tế vin có người Nhật sẽ họp ở nhà khách mà đẩy Trần Bảo Thám đi.

Đồng thời một số di lão ở Bắc Kinh và Thiên Tân muốn làm quan, vin có phục vụ tôi chạy tới Lữ Thuận cũng bị Trịnh Hiếu Tế và Kashita ngăn cản. Ngay đến Cung Thân Vương Phổ Vỹ muốn gặp tôi cũng bị ngăn chặn. Đến ngày sinh nhật của tôi, họ không tìm được có gì mới bắt đặc dĩ để một số người gặp tôi, chúc mừng tôi, trong đó có Bảo Hy, Thương Diễm Doanh, Thẩm Kế Hiền, Kim Trác, Vương Quy Liệt, Trần Tăng Thọ, Dục Thiện..., những người sau này khi thành lập ngụy Mãn đều trở thành quan lớn nhỏ.

Khi đó giành giật lẫn nhau, anh tranh tôi không những chỉ có di lão, giữa những người Nhật lưu vong và đặc vụ cũng không loại trừ. Được thể đương nhiên là bọn Kamitsumo và Itagaki tay chân của Yoshida. Lúc đó Ezan Takeo đã từng là giáo sư trong gia đình cha tôi, muốn đến bên tôi dựa dẫm, do không phải người thuộc hệ thống bộ tông tư lệnh quân đội, cuối cùng đều bị Kamitsumo và Kashita đuổi đi.

Cuộc đấu tranh giữa Trịnh Hiếu Tế và La Chân Ngọc nổ ra là quyết liệt nhất. Đây là cuộc chiến một mất một còn giữa hai tên oan gia vì vậy họ đều sử dụng sức mạnh toàn thân. La Chân Ngọc lợi dụng thế lực của Kamitsumo và Kashita phong tỏa Trịnh Hiếu Tế ngay cả khi ông ta vừa tới Đồng Bắc, đó là hiệp đầu tiên của ông ta. Ông ta dựa vào công “nghinh lập” đầu tiên, tin rằng chỉ cần lũng đoạn được tôi trong tay, dùng tôi làm con bài đi đàm phán với Nhật Bản, nhất định có thể đạt tới mục đích đứng hàng đầu. Tuy nhiên trong đàm phán, mới mở đầu ông ta đã đòi phục tịch đại Thanh. Phía Nhật Bản cảm thấy không thích ý kiến đó của ông ta. Cũng như tôi, ông ta không biết rằng cách làm của phục tịch là không khớp với cách nói của người Nhật tuyên truyền “quần chúng nhân dân yêu cầu độc lập tự trị”. Khi đó trên quốc tế người Nhật hết sức bị cô lập, vẫn chưa thể đưa màn kịch bù nhìn lên ngay sân khấu. Vì vậy quân Quan Đông chưa vội quyết định phương án, tạm thời vẫn sử dụng cái gọi là “Bộ chỉ đạo tự trị”, “Hội duy trì”... để nắm giữ. La Chân Ngọc cho rằng, Trịnh Hiếu Tế đã bị ông ta phong tỏa chặt, những người khác càng không có cách nào dựa gần cạnh tôi. Không thể thay tôi để nói chuyện với người Nhật, ông ta có thể sử dụng hoàn toàn địa vị một mình kinh doanh, đảng hoàng giao thiệp với người Nhật, Phục tịch đại Thanh và cuộc giành giật lập nhà nước riêng bị gác lại chưa quyết định, tôi và Trịnh Hiếu Tế đến Lữ Thuận là việc bất ngờ đối với La Chân Ngọc. Sự phong tỏa của ông ta đối với Trịnh Hiếu Tế không có hiệu quả. Phía quân Quan Đông mời Trịnh Hiếu Tế đi hội đàm. La Chân Ngọc đã không biết quan hệ của Trịnh Hiếu Tế với Bộ tư lệnh quân đội Nhật ở Tokyo, cũng không ngờ rằng trước khi rời Thiên Tân, Trịnh Hiếu Tế đã làm quen với Kamitsumo. Cũng giống như năm tôi ra khỏi cung, quan hệ giữa La Chân Ngọc và đại tá Nhật Bản Takemoto biến thành quan hệ của Trịnh Hiếu Tế, lần này Kamitsumo do La Chân Ngọc mang tới cũng nhanh chóng biến thành bạn bè của Trịnh Hiếu Tế, thành cái cầu giữa Trịnh Hiếu Tế và quân Quan Đông. Cha con họ Trịnh đến Doanh Khâu, Lữ Thuận, đã mấy lần tâm sự với Kashita, quân Quan Đông do đó đã hiểu rõ cha con họ Trịnh “linh hoạt” hơn La Chân Ngọc rất nhiều, không phải như La Chân Ngọc: Không mũ mặng, triều phục, ba lần quỳ, chín lần lạy thì không đã con nghiện, vì vậy dùng cha con họ Trịnh làm đối thủ giao dịch. Sau khi Trịnh Hiếu Tế được lựa chọn, lần đầu tiên gặp Itagaki (ngày 28/1/1932 tại Lữ Thuận) nghe Itagaki muốn bảo tôi làm “Đại tổng thống nước cộng hòa Mãn - Mông”, lúc đầu rất ngạc nhiên, sau đó biết phía quân đội Nhật Bản quyết không cho tôi cái mũ hoàng đế, liền lập tức thay đổi ý định, do con trai là Trịnh Thùy ra mặt tìm phía quân đội bày tỏ: Nhật Bản nếu như cho rằng tôi gọi “đế quốc” không thích hợp với nhà nước mới này, chỉ cần đồng ý ông ta đứng đầu nội các tượng lai này thì tất cả đều không thành vấn đề, ông ta có thể đảm nhiệm thuyết phục “hoàng đế Tuyên Thống” nhận cái xưng hiệu nguyên thủ khác. Nhân tiện nói thêm giành giật cái ghế hàng đầu này còn có nhiều người khác, không những chỉ có La Chân Ngọc, còn có Trương Cảnh Huệ, Tang Thức Nghị, Hy Hiệp... Hy Hiệp mấy lần cử người đến đưa tiền cho tôi tổng cộng tới mười mấy vạn đồng, yêu cầu tôi trao cho ông ta chức “thủ tướng”. Trịnh Hiếu Tế tất nhiên rất lo lắng do đó đã vội vã cho con là Trịnh Thùy đi trình trước “giá cả” với Honyo Shige và Itagaki, vì vậy Trịnh Hiếu Tế liền trở thành người khách của quan tư lệnh quân Quan Đông. Như vậy đối thủ thứ nhất của quân Quan Đông từ La Chân Ngọc, biến thành Trịnh Hiếu Tế.

Tất nhiên, trong khi bị phong tỏa tôi không thể nhận rõ những bộ mặt thật đó. Tôi có thể thấy được là ở chỗ khác.

Những điều trông thấy và suy nghĩ

Sau khi đến Lữ Thuận, tôi cảm thấy rất lo lắng bàng hoàng, không chỉ vì bị phong tỏa, cách

ly mà từ Kamitsumo và mấy người Nhật nghe thấy: vấn đề quốc thể của nhà nước, quân Quan Đông hầu như chưa quyết định.

Đôi với tôi điều đó càng chán nản hơn so với việc không có người đón tiếp ở bên cạnh. Không có người tiếp đón còn có thể lấy lý do “chưa chuẩn bị kịp”; “vẫn chưa công bố” để giải thích. “Chưa quyết định thể chế quốc gia” là thế nào? Thể chế quốc gia đã chưa quyết định, Tại sao Toihara lại phải yêu cầu tôi đến Mãn Châu?”

Trịnh Hiếu Tế và Kamitsumo giải thích với tôi: Toihara không nói vu vơ. Những lời: quân Quan Đông ủng hộ tôi khôi phục địa vị và chủ trì kế lớn hoàn toàn đúng. Song, đây là việc của Mãn Châu. Trước khi chưa thương lượng xong gọi là “chưa quyết định”.

Khác với ở Thang Cương Tử tôi đã không còn dễ tin về những người này, song tôi không tìm ra được bất cứ ai để bàn bạc tình hình công việc. Đây còn là lần đầu tiên tôi xa rời các ông thầy dạy tôi. Trong tình hình không có thầy chỉ dẫn, tôi chỉ còn cách áp dụng biện pháp của Thương Diễn Doanh, tìm sự giúp đỡ của thần tiên để giải đáp vận đề. Tôi lấy cuốn “Thuật đoán biết tương lai” mang từ Thiên Tân đến, lật được bài “Kim tiền chân khóa”. Còn nhớ lại tôi đã lật được quẻ “Càn càn”, quẻ bói không xấu. Do đó, dưới sự chỉ dẫn khuyên bảo của Trịnh Hiếu Tế, La Chân Ngọc và Gia Cát Lượng (58) tôi dần lòng chờ đợi.

Có một hôm, Kamitsumo đến hỏi tôi: Có quen Mã Chiêm Sơn hay không. Tôi nói, khi ở Thiên Tân, ông ta có đến Trương Viên, cũng coi là có quen. Kamitsumo nói: Itagaki mong tôi có thể viết một bức thư khuyên Mã Chiêm Sơn quy thuận. Tôi nói: Ở Thiên Tân, tôi đã viết một bức thư, nếu cần tôi có thể lại viết. Bức thư khuyên đầu hàng thứ hai này chưa dùng tới thì Mã Chiêm Sơn đã đầu hàng rồi. Tuy rằng bức thư của tôi chưa có tác dụng, song việc quân Quan Đông yêu cầu tôi viết thư mang lại sự an ủi đôi với tôi. Trong lòng tôi tự giải thích: điều này rõ ràng là người Nhật bản thừa nhận uy tín của tôi, thừa nhận mảnh giang sơn này phải do tôi thống trị mới được. Tôi là ai, chẳng phải là hoàng đế đại Thanh hay sao?

Nghĩ như vậy tôi hơi yên tâm.

Đời như thế 3 tháng, sau ngày kỷ niệm sinh nhật của tôi 19 tháng 2 năm 1932, bỗng nhiên có tin đồn: “Ủy ban hành chính Đông Bắc” vừa mới được khôi phục và thông qua một bản nghị quyết: sẽ xây dựng ở Mãn Châu một nước “cộng hòa”. Cái gọi là Ủy ban hành chính Đông Bắc được phục hồi ngày 18 tháng 2. Ủy ban này do: Trương Cảnh Huệ nguyên đại khu trưởng Cấp Nhĩ Tân đã đầu hàng, Tạng Thúc Nghi chủ tịch tỉnh Liêu Ninh (khi đó gọi là Phụng Thiên), Mã Chiêm Sơn, quyền chủ tịch Hắc Long Giang và Hy Hiệp được ủy ban này truy nhập là chủ tịch tỉnh Cát Lâm tổ chức ra. Trương Cảnh Huệ làm ủy viên trưởng. Ngày 19 tháng 2, dưới sự đạo diễn của Itagaki, ủy ban này thông qua nghị quyết đó, tiếp đó là công bố một bản Tuyên ngôn độc lập. Sau khi những tin này được truyền đến, ngoài cha con họ Trịnh, mọi người xung quanh tôi kể cả La Chân Ngọc đều rất hoang mang, tức giận. Khi đó điều chứa chất trong lòng tôi không phải là nhân dân Đông Bắc chết bao nhiêu người, không phải là người Nhật dùng biện pháp nào thống trị mảnh đất thực dân này. Họ cần dùng bao nhiêu quân, cần khai mỏ gì... tôi đều không quan tâm. Điều tôi quan tâm nhất chỉ là phục tích, muốn họ phải thừa nhận tôi là hoàng đế. Nếu như không vì điều này, việc gì tôi phải từ nghìn dặm đến nơi này. Nếu như tôi không làm hoàng đế, sự tồn tại của tôi trên cõi đất này còn có ý nghĩa gì nữa? Ông già Trần Bảo Thám, mang cái thân hơn 80 tuổi chả còn sống được bao lâu khi đến Lữ Thuận đã nói đi nói lại với tôi: “nếu không phục tích với hệ chính thống thì ănnói làm sao với tổ tiên thiêng liêng trên trời!”.

Lòng tôi căm thù Toihara và Itagaki muốn chết. Hôm đó, một mình ở trong phòng khách của Túc Thân Vương, tôi đi đi lại lại như phát điên, hút hết điều thuốc lá này lại đến điều khác. Cuốn “Thuật dự đoán tương lai” bị tôi quăng trên thảm. Tôi bỗng nghĩ đến Tĩnh Viên của tôi, nghĩ đến nếu như tôi không trở thành Hoàng Đế, thì không bằng cuộc sống lưu vong dễ chịu của tôi trước kia vì ở đó tôi vẫn có thể bán một phần đồ trang sức, tranh vẽ, ra nước ngoài hưởng phúc. Nghĩ như vậy, tôi có chủ ý: tôi cần bày tỏ thái độ với quân Quan Đông. Nếu như không tiếp nhận yêu cầu của tôi, tôi liền quay về Thiên Tân. Tôi nói ý định này với La Chân Ngọc và Trịnh Hiếu Tế họ đều không phản đối.

La Chân Ngọc đề nghị trước hết tôi gửi một chút tặng phẩm cho Itagaki. Tôi đồng ý, lấy mấy thứ trong những thứ quý giá tôi mang theo để ông ta đưa đi. Đúng lúc đó Itagaki gọi điện thoại đến mời La Chân Ngọc và Trịnh Hiếu Tế đến hội đàm do đó tôi gọi Trần Tăng Thọ thay tôi viết một bản lý do phải là “hệ chính thống” (tức là một nhà nước độc lập, theo đế chế), giao cho họ đưa cho Itagaki, bảo họ phải kiên trì nội rõ thái độ của tôi với Itagaki.

Trịnh Hiếu Tế biết rằng lần đi Thẩm Dương này là then chốt quyết định số phận của bản

thân mình vì trước khi quân Quan Đông bảo ủy ban hành chính Đông Bắc thông qua “thể chế nhà nước” phải trước tiên sắp đặt vị trí “Khai quốc nguyên huân”. Do đó trước khi khởi hành ông ta ra sức bày tỏ sự phục tùng đối với tôi để tránh gây sự nghi ngờ của tôi đối với ông ta. Tuy nhiên, đợi đến khi mục đích của ông ta đã đạt được lúc từ Thẩm Dương trở lại, tình hình liền thay đổi. Ông ta khuyên tôi không nên tranh luận với quân Quan Đông, khuyên tôi chấp nhận chế độ công hòa, đứng ra “chấp chính”.

Chấp chính thể nào? Bảo tôi chấp chính nước cộng hòa ư? Tôi phản ứng.

- Việc này đã quyết định. Thân tranh luận mãi với phía quân Quan Đông mà không có kết quả: Phía quân Quan Đông tỏ ý: chấp chính tức là nguyên thủ...

Tôi mặc kệ ông ta quay hỏi La Chấn Ngọc: thế này là thế nào? La Chấn Ngọc nói: “Thần chỉ gặp Itagaki còn do Trịnh Hiếu Tế cùng Itagaki bàn”.

Sau này Trần Tăng Thọ nói: Cha con Trịnh Hiếu Tế hoàn toàn không lấy ra bản 12 điều “Hệ chính thống” của tôi để trao cho Itagaki mà còn bảo đảm với Itagaki: “Việc của Hoàng thượng tôi hoàn toàn có thể đảm nhiệm”, “Hoàng thượng như trang giấy trắng, Bộ tư lệnh quân đội các ông muốn vẽ gì cũng được” v.v... Khi đó tôi vẫn chưa biết rõ việc này, chỉ cho rằng ông ta không biết làm việc, đều bị người Nhật lừa dối.

- Các người thật vô tích sự! - tôi quát to - Tại sao các người không nói, nếu đòi hỏi của ta không đạt được, ta sẽ quay về Thiên Tân.

- Hoàng thượng hãy xem xét kỹ thì hơn - Trịnh Hiếu Tế nói: - Phục tích phải dựa vào Nhật Bản, nay trái mặt họ, hy vọng rằng tương lai cũng mất, tương lai phục tích cũng không có hy vọng.

Ông ta lại còn kể một số chuyện lịch sử khuyên tôi đáp ứng. Song những chuyện lịch sử đó tôi đã nghe từ lâu rồi...nói lại dù là Lưu Quý hay là Trung Nhĩ cũng đều không bỏ tôn hiệu quân chủ. Cuối cùng ông ta nói:

- Buổi trưa Itagaki sẽ đến bệ kiến xin Hoàng thượng hãy nói với ông ta.

- Cho hắn đến! - Tôi thờ phỉ phò trả lời.

Hội kiến SEISHIRO ITAGAKI

Năm 1929, Seishiro Itagaki được điều đến làm tham mưu quân Quan Đông. Theo tố cáo của tòa án quân sự quốc tế Viễn Đông tháng 5 năm 1930 hắn nói với mọi người: đối với việc giải quyết “vấn đề Mãn Châu” hắn có “cách suy nghĩ rõ ràng” hắn cho rằng phải dùng vũ lực giải quyết vấn đề quan hệ Trung-Nhật. Ít nhất một năm trước sự biến “18 tháng 9” hắn chủ trương đuổi Trương Học Lương xây dựng một “nhà nước mới” ở Đông Bắc. Bản phán quyết viết: bắt đầu từ năm 1931, với địa vị đại tá tại bộ tham mưu quân Quan Đông, hắn tham gia âm mưu lúc đó dùng vũ lực chiếm Mãn Châu làm mục đích trực tiếp. Hắn tiến hành kích động ủng hộ mục tiêu này, hỗ trợ việc kiềm cố gây ra cái gọi là “sự biến Mãn Châu”. Hắn áp chế một số ý đồ muốn ngăn ngừa hành động quân sự này. Sau đó, trong phong trào cô động “Mãn Châu độc lập” cũng như trong âm mưu thành lập “nước Mãn Châu” bù nhìn hắn đều gánh nhiệm vụ cho yêu.

Năm 1934, hắn đảm nhiệm phó tham mưu quân Quan Đông; sau sự biến “mùng 7 tháng 7” là sư đoàn trưởng. Năm 1938 làm bộ trưởng lục quân. Năm 1939 làm tham mưu trưởng quân đội Nhật ở Trung Quốc, sau đó đã làm tư lệnh ở Triều Tiên; tư lệnh phương diện quân thứ 7 đóng ở Singapo. Trong các sự kiện quan trọng: lập nguy quyền ở Hoa Bắc, Nội Mông; tiến công nội địa Trung Quốc; lập nguy quyền Uông Tinh Vệ, phát động cuộc tấn công quân đội Liên Xô ở Hasanhu... hắn đều đóng vai trò chủ yếu.

Chiều 23 tháng 2, tôi hội kiến Itagaki do sĩ quan phiên dịch của quân Quan Đông Nahashima làm phiên dịch. Itagaki vóc người nhỏ bé, đầu hói, bộ mặt trắng xanh cạo rất nhẵn, lông mày và bộ râu nhỏ đen nhánh. Trong các sĩ quan quân đội Nhật Bản mà tôi đã gặp trang phục của hắn chỉnh tề và sạch sẽ nhất, túi áo thò ra mùi soa trắng muốt, ông quần là thẳng tắp, thêm vào động tác

thối quen xoa tay nhẹ nhàng gây cho tôi một ấn tượng vẫn nhả nhuan nhĩ. Trước hết Itagaki biểu tôi tặng phẩm bày tỏ sự cảm ơn. Sau đó nói rõ: hãn vâng lệnh quan tư lệnh quân Quan Đông Honyo Shige báo cáo với tôi về vấn đề “xây dựng nhà nước Mãn Châu mới”.

Hãn thông thả nói nào là “chính quyền họ Trương không được lòng người, quyền lợi của Nhật Bản ở Mãn Châu hoàn toàn không được đảm bảo”, nhấn mạnh về “tính chất chính nghĩa” trong hành động của quân Nhật, “chân thành giúp đỡ nhân dân Mãn Châu xây dựng Vương đạo lạc thổ”. Nghe hãn nói, tôi không ngừng gật đầu, trong bụng hy vọng hãn nhanh chóng nói ra đáp án mà tôi quan tâm. Thật không dễ dàng, hãn cuối cùng mới vào đề chính: “Tên gọi của nhà nước mới là “nước Mãn Châu” quốc độ đặt ở Trường Xuân, vì vậy Trường Xuân đổi tên thành Tân Kinh, Nhà nước này do năm dân tộc chủ yếu tổ chức nên, tức: dân tộc Mãn, dân tộc Hán, dân tộc Mông Cổ, dân tộc Nhật Bản và dân tộc Triều Tiên. Người Nhật Bản đã tôn mười bảy năm tâm huyết, địa vị luật pháp và địa vị chính trị tự nhiên cũng giống như các dân tộc khác, cũng có thể làm quan lại nhà nước mới này...”

Không đợi Nahaşhima dịch xong, hãn lấy từ cặp da ra bản “Tuyên ngôn của nhân dân Mông Mãn” cũng như quốc kỳ lấy nước Mãn Châu năm màu đặt trên bàn sa lông trước mặt tôi. Tôi giận như muốn vỡ lồng ngực. Tay tôi run rẩy gạt những thứ đó hỏi:

- Đây là nhà nước nào? Chẳng lẽ đó là đế quốc đại Thanh sao?

Giọng tôi lạc đi. Itagaki vẫn từ tốn như thường trả lời: “Tất nhiên, đây không phải là phục tịch đế quốc đại Thanh, đây là một nước mới. Uy ban hành chính Đông Bắc thông qua nghị quyết nhất trí cử Ngài làm nguyên thủ nhà nước này, tức là “chấp Chính”.

Nghe từ miệng Yoshika thốt ra lời “ngài” tôi cùng thấy máu trọng người dồn lên mặt. Đây là lần đầu tiên nghe người Nhật bản gọi tôi như thế. “Hoàng đế Tuyên Thống” hoặc “Hoàng đế bệ hạ”. Vốn xưng hô đã bị họ thủ tiêu rồi. Điều đó làm sao chấp nhận được? Trọng lòng tôi, đất đai 2 vạn dặm vuông Đông Bắc và 30 triệu nhân dân đều không thể ngăn chặn một tiếng “bệ hạ”. Tôi xúc động hân như ngồi không vững lớn tiếng nói:

- Danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành! Lòng người Mãn Châu hướng về không phải là cá nhân tôi mà là hoàng đế đại Thanh. Nếu như thủ tiêu cương vị này, lòng người Mãn Châu ắt mất. Vấn đề này xin quân Quan Đông xem xét lại.

Itagaki xoa tay nhẹ nhàng tươi cười nói:

- Nhân dân Mãn Châu cử ngài làm nguyên thủ nhà nước mới, đó tức là lòng người quay về, cũng là điều mà quân Quan Đông đồng ý.

- Tuy nhiên, Nhật Bản cũng là đế quốc của chế độ Thiện hoàng, tại sao quân Quan Đông lại đồng ý lập chế độ cộng hòa?

- Nếu như ngài cho rằng chế độ cộng hòa không thỏa đáng, sẽ không dùng từ này. Đây không phải là chế độ cộng hòa, là chế độ chấp chính.

- Tôi rất cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt thành của quý quốc, song điều khác có thể nói, duy có chế độ chấp chính thì không thể tiếp thu. Xưng vị hoàng đế do tổ tiên tôi để lại. Nếu tôi thủ tiêu nó, tức là bất trung, bất hiếu.

- Gọi là chấp chính, chẳng qua là quá độ mà thôi.

Itagaki tỏ ý hoàn toàn đồng tình “hoàng đế Tuyên Thống là hoàng đế bệ hạ thứ 12 của đại Thanh đế quốc, đó là điều rất rõ ràng. Trong tương lai, sau khi thành lập quốc hội, tôi tin rằng nhất định sẽ thông qua hiến pháp khôi phục đế chế. Vì vậy việc chấp chính hiện nay chẳng qua là biện pháp của thời kỳ quá độ thôi”.

Nghe đến hai từ “quốc hội” tôi như bị lửa đốt vội lắc đầu nói: “quốc hội không tốt. Hoàng đế đại Thanh mới đầu cũng không phải do quốc hội phong”.

Chúng tôi tranh cãi mãi, nói chung là không nhất trí được. Thái độ Itagaki bình tĩnh, nhẹ nhàng, không hề nóng nảy, bộ mặt tái xanh vẫn tươi tỉnh, hai bàn tay xoa đi xoa lại. Tôi kiên trì nhắc đi nhắc lại 12 điều lý lẽ không thể không phải hệ chính thống, không thể bỏ qua địa vị hoàng đế. Chúng tôi hội đàm hơn 3 giờ đồng hồ, cuối cùng, Itagaki sắp xếp lại cặp da của hãn, tỏ ý không muốn bàn nữa. Giọng nói của hãn không thay đổi, song mặt càng tái xanh hơn, vẻ tươi cười cũng không còn nữa, có lúc từ Tuyên Thống hoàng đế xưng hô trên miệng lại thành ngài: “Ngài hãy xem xét lại thêm, ngày mai lại bàn”. Hãn lạnh lùng nói xong liền cáo từ.

Tối hôm đó, căn cứ ý kiến của cha con Trịnh Hiệu Tế và Kamitsumo, tôi tổ chức một bữa tiệc mời Itagaki tại khách sạn Đại Hòa, theo họ nói, đây là để gây cảm tình.

Tại buổi tiệc, tâm tư của tôi rất phức tạp. Tôi sợ dĩ dâm cự tuyệt danh nghĩa chấp chính, ít

hiều đo chịu ảnh hưởng của một số người như Trần Tăng Thọ, Hồ Từ Viện vì cho rằng người Nhật làm cho tình hình Đông Bắc hiện nay như thế không có tôi đứng ra không thu xếp được. Vì vậy chỉ cần tôi kiên trì một chút người Nhật sẽ có thể nhượng bộ. Tuy nhiên, sau khi tôi cự tuyệt Itagaki, Trịnh Hiếu Tế liền nhắc tôi: Dù thế nào cũng không thể làm tổn thương đến cảm tình của phía quân đội Nhật Bản, tổn thương cảm tình nhất định không hay gì. Sự sụp đổ của Trương Tác Lâm là một tấm gương. Vừa nghe câu nói đó, tôi lại sợ hãi. Tôi vốn cho rằng, Trương Tác Lâm xuất thân thổ phỉ không thể so sánh với “giống rồng”, “khác với người thường” như tôi. Hiện nay tôi thấy rõ, người Nhật không đối xử với tôi như “giống rồng”. Vì vậy tôi luôn luôn chú ý bộ mặt tái xanh của Itagaki. Bộ mặt này là bộ mặt không có xuân, hạ, thu, đông. Hắn uống rượu từng ngụm lớn, bất cứ ai chúc rượu đều tỏ ra rất hào hiệp, miệng không hề nói gì đến cuộc tranh luận ban ngày, hầu như hoàn toàn không hề xảy ra chuyện gì như thế. Tôi hôm đó, hầu như đã thỏa thuận với nhau, ngồi trên bàn tiệc, ngoài phong hoa, tuyết nguyệt, chúc rượu, ăn uống không có ai nói chuyện gì khác, cho đến 10 giờ tôi kết thúc bữa tiệc tôi vẫn không thấy được sự thay đổi thời tiết trên nét mặt của Itagaki.

Tuy nhiên tôi chẳng cần phải tốn thì giờ thăm dò, sáng sớm hôm sau, Trịnh Hiếu Tế, La Chân Ngọc, Vạn Thăng Thực và Trịnh Thùy đều được Itagaki gọi đến khách sạn Đại Hòa bảo họ truyền đạt “thời tiết” của hắn cho tôi.

- Yêu cầu của Bộ tư lệnh quân đội không thể có sự thay đổi. Nếu không tiếp thu, chỉ có thể coi là thái độ chống đối, sẽ dùng thủ đoạn đối xử với kẻ thù để trả lời. Đây là những lời cuối cùng của Bộ tư lệnh quân đội.

Nghe câu trả lời đó, tôi sững người. Chân tôi nhũn ra ngã trên ghế sa lông, hồi lâu không nói ra lời.

La Chân Ngọc cúi đầu hết hồn không nói một lời, Vạn Thăng Thực kinh hoàng lo lắng đứng một bên, những người khác đều không nói gì. Yên lặng một lúc, chỉ nghe thấy Trịnh Hiếu Tế nói: “Từ lâu thần đã nói, không thể xúc phạm cảm tình của Nhật Bản... song hiện nay vẫn còn kịp, thần đã ra sức đảm bảo trước Itagaki là hoàng thượng ắt sẽ nghe theo”.

Mọi người im lặng.

- Không vào hang hổ làm sao bắt được hổ con?

Trịnh Thùy mặt mày rạng rỡ bước tới nói:

- Biết tùy thời là người tuân kiệt. Người Nhật đang thử lòng vua tôi chúng ta, không thể quyết liệt với họ được, chỉ bằng hãy tương kế tựu kế, bằng cách tùy nghi để đạt tới việc lớn sau này.

Tối hôm trước, tại bữa tiệc, Trịnh Thùy là một trong những người hoạt bát nhất, y cùng Itagaki cạ chén liên tục, sau buổi tiệc còn kéo Itagaki uống rượu. Hôm nay, hắn nói một cách thao thao bất tuyệt về luận thuyết tương kế tựu kế, tùy nghi, tôi không liên hệ với động thái của y tối hôm trước thì lấy làm lạ, chạ con y trước khi đi Thẩm Dương còn nói: không phục tích đại Thanh không được, sao nay lại thay đổi nhanh chóng như vậy?

Thấy tôi không nói gì, Trịnh Hiếu Tế lại chuyển sang giọng xúc động nói: “Người Nhật Bản nói là làm, trước mắt không thể nhượng bộ, hướng hờ người Nhật vốn có ý tốt, để hoàng thượng làm nguyên thủ, như vậy cũng như làm hoàng đế. Thần hầu hạ hoàng thượng ngàn ấy năm há chẳng vì hôm nay sao? Nếu như quyết định không nhận, thần chỉ còn thu xếp khăn gói về nhà”. Nghe ông ta nói tôi đâm hoảng. Con ông ta lại nói: “Hiện nay đáp ứng quân đội Nhật Bản, tương lai xây dựng thực lực không lo không có cách làm theo cách nghĩ của mình”. Lúc đó, La Chân Ngọc chán nản nói: “Việc đã như vậy, hội cũng không kịp, chỉ có tạm thời định kỳ hạn một năm, nếu như quá hạn vẫn không thực hành thì để chế khi đó sẽ thoái vị, coi đó là điều kiện Itagaki sẽ nói như thế nào?”

Tôi không còn cách gì, thở dài bảo Trịnh Hiếu Tế đi nói với Itagaki xem sao.

Không bao lâu, Trịnh Hiếu Tế hớn hờ trở về nói rằng Itagaki đã đồng ý và tối nay sẽ tổ chức một bữa tiệc nhỏ mừng việc “chấp chính” sắp ra đời.

Tôi ở vào tình thế một mặt chẳng có thế lực gì, mặt khác vẫn ảo tưởng “phục tích lên ngôi” trong tương lai, công khai bước vào con đường xấu xa nhục nhã, xác định thân phận tên Hán gian đầu sỏ, làm cái khố cho bọn thống trị đầm máu. Dưới mảnh vải che đó bắt đầu từ ngày 23 tháng 2 năm 1932, Đông Bắc của Tổ quốc hoàn toàn biến thành đất thực dân: 30 triệu đồng bào bắt đầu cuộc sông khổ nạn đầy máu và nước mắt. Đồng thời tôi cũng làm cho bọn Honyo Shige, Itagaki tăng thêm lòng tin, định được cơ sở “thăng quan tiến chức” của chúng.

Trong nhật ký Trịnh Hiếu Tế đã ghi như sau về giờ phút then chốt số phận của bọn Honyo Shige, Itagaki:

“Hoàng thượng đã quyết, Vạn Thắng Thúc vâng lệnh đi mời, Itagaki đồng ý đôi bốn chữ “Tạm thời duy trì”. Itagaki rất vui mừng ra về. Hôm trước Honyo Shige hai lần gọi điện thoại hỏi tình hình... Việc này không thành thì Honyo và Itagaki sẽ phải từ chức, mà chính sách của lục quân Nhật Bản sẽ thất bại”.

CHƯƠNG VI

MƯỜI BỐN NĂM NGUY MÃN

Tấn kịch bù nhìn mở màn

Trong bữa tiệc của Itagaki, tư tưởng của tôi rối bời và có mâu thuẫn. Tôi không biết nên vui mừng hay lo buồn về số phận của mình. Tối hôm đó, Itagaki gọi đến một đám đông kỹ nữ Nhật Bản, cho mỗi người dự tiệc có một cô dâng rượu mua vui. Bản thân hẳn, tay nắm tay ôm, mắt sạch vẻ nghiêm trang văn nhã, lúc nâng chén nốc rượu, lúc cười ha hả, hoàn toàn không che dấu tâm trạng đặc ý. Mới đầu, khi còn tỉnh táo hẳn hết sức cung kính chúc rượu tôi với vẻ mặt tươi cười, chúc tôi “tiền đồ thuận lợi; đạt tới ý nguyện”. Lúc đó tôi cảm thấy hầu như có thể vui mừng một chút, về sau cùng với tửu lượng tăng lên, mặt hẳn ngày càng tái xanh, tình hình liền thay đổi. Một kỹ nữ Nhật Bản nổi tiếng Trung Quốc giọng the thé hỏi tôi một câu: “Ông có phải nhà buôn không?”. Itagaki nghe thấy bỗng cười lớn. Lúc đó tôi lại nghĩ, thực ra tôi chẳng có gì đáng vui mừng cả.

Tâm tư vui buồn lẫn lộn, tiền đồ mờ mịt, của tôi kéo dài cho đến khi Hồ Từ Viện, Trần Tăng Thọ quay về bên cạnh. Mấy ông già này được quân Quan Đông cho phép có thể trở về cạnh tôi đều rất vui mừng. Sự vui mừng này thật ra là do vua tôi lại hợp mặt chứ không phải ham muốn quan tước bổng lộc. Một mặt họ tỏ ra buồn bực vì tôi hạ mình chấp chính, mặt khác họ kể với tôi về những chuyện lịch sử chứng minh các vua dựng cơ nghiệp ai cũng phải tạm lánh mình để tìm chỗ dựa cần thiết. Có những lời chỉ dẫn đó lại thêm Thương Diễn Doanh mang tới cuốn “Lão tổ giáng đàn huấn giới” tâm tư của tôi dần dần ổn định. Ngày 26 tháng 2, tôi ra lệnh cho những người hầu chuẩn bị hương án để tôi tế tổ tiên.

Một ngày cuối tháng hai, với sự đạo diễn của quân Quan Đông, cái gọi là “Hội nghị toàn Mãn Châu” thông qua nghị quyết, tuyên bố Đông Bắc độc lập, cử tôi ra làm “chấp chính nhà nước”. Kamitsumo và Trịnh Hiếu Tế nói với tôi: các “đại biểu” của hội nghị này sẽ đến Lữ Thuận xin ý kiến tôi, trước hết phải chuẩn bị lời đáp. Lời đáp cần chuẩn bị hai bản, bản thứ nhất tỏ ý cự tuyệt. Đợi các “đại biểu” tha thiết thỉnh cầu lần thứ hai, sẽ lập ra bản thứ hai tỏ ý tiếp nhận. Ngày mùng 1 tháng 3, Trương Yên Khanh, Tạ Giới Thạch và 7 người khác đến Lữ Thuận.

Trịnh Hiếu Tế thay mặt tôi tiếp, lấy ra lời đáp thứ nhất tỏ ý cự tuyệt. Sau đó tôi tiếp kiến. Hai bên nói một hồi, toàn là những lời được người khác căn dặn trước chẳng qua là một bên “khẩn thiết thỉnh cầu”, một bên “từ chối khéo”. Thời gian không quá hai mươi phút, hai bên rút lui. Ngày 5

tháng 3, theo kế hoạch của quân Quan Đông, số “đại biểu” lên tới 29 người, lần thứ hai đến “khẩn thiết thỉnh cầu”. Lần này các “đại biểu” hoàn thành nhiệm vụ. Đoạn cuối lời đáp của tôi như sau:

“Vì trọng trách đại nghĩa, há dám thần nhiên, cứ tĩnh toàn mãi, lại trái với nguyện vọng của quân chúng... cố gắng tạm giữ chấp chính một năm, sau một năm, thành lập hiến pháp, thể chế quốc gia ổn định, nếu chỉ hướng cùng hợp, sẽ lại xem xét...”

Diễn xong màn kịch này, ngày hôm sau tôi và Uyển Dung cùng Trịnh Hiếu Tế và những người khác quay về Thang Cương Tử. Trương Cảnh Huệ, Triệu Hân Bá cùng một số người đã đợi ở đây từ lâu tỏ ý “đến mừng”. Chúng tôi nghỉ ở đó một đêm, hôm sau cùng đi Trường Xuân.

3 giờ chiều ngày mùng 8 tháng ba, xe lửa đến ga Trường Xuân. Xe chưa dừng bánh đã nghe thấy quân nhạc và tiếng hoan hô trên sân ga. Tôi được Trương Cảnh Huệ, Hy Hiệp, Cam Bách, Kamitsumo đỡ xuống sân ga, nhìn thấy khắp nơi là đội hiến binh Nhật bản và các đội ngũ sắc phục khác nhau. Trong các đội ngũ đó, có áo thụng áo chên, có âu phục và y phục Nhật Bản, người nào trong tay cũng có một lá cờ nhỏ, tôi không nén được xúc động, trong bụng nghĩ đến cảnh không diễn ra ở cảng Doanh Khẩu ngày nay cuối cùng đã diễn ra. Tôi đi qua trước các đội ngũ đó, bỗng nhiên Hy Hiệp chỉ cho tôi nhìn một đội cờ rồng vàng kẹp giữa những cờ mặt trời và nói: “Đây đều là người dân tộc, họ đợi Hoàng thượng đã hai mươi năm”, nghe câu nói đó, tôi không cầm được nước mắt, cũng cảm thấy tôi rất có hy vọng.

Ngồi trên xe ô tô, đầu óc tôi chỉ nhớ lại Tử Cấm Thành của tôi, nhớ lại tình hình năm tôi bị quân Quốc dân của Phùng Ngọc Tường đuổi khỏi kinh thành, cũng nghĩ đến “sự kiện Đông Lăng” và lời thề tôi đã thốt ra. Lòng tôi lại bị hận thù và dục vọng nung đốt, hoàn toàn không chú ý gì tới cảnh sắc đường phố Trường Xuân như thế nào. Nhân dân thành phố cùng một nỗi hận thù làm cho họ trầm lặng đã nhìn tôi bằng con mắt như thế nào. Thời gian không lâu, xe chạy vào một khu nhà cổ cũ: Đó là “Phủ chấp chính” của tôi.

Căn nhà này là nhà quan Đạo doãn trước đây tại Trường Xuân không phải là nơi rộng nhất mà đã cũ nát, nghe nói do thời gian cấp bách chỉ có thể tạm thời đến đây. Ngày hôm sau, trong một gian phòng lớn được sắp xếp vội vàng đã cử hành nghi lễ nhận chức của tôi. Các nhân vật quan trọng: Tổng giám đốc “sắt thép Mãn Châu” của Nhật Bản ở Đông bắc Uchida, Tư lệnh quân Quan Đông Honyo Shige, Tham mưu trưởng quân Quan Đông Santaku Hikariji, tham mưu Kamitsumo... đều tới. Các cự thân tham gia nghi lễ, ngoài những Trịnh, La, Hồ, Trần... còn có Quý Phúc, vương công Mông Cổ và con ông là Lăng Thăng; vương công Mông Cổ Tề Mặc Đắc v.v... Ngoài ra, còn có các nhân vật Phụng Thiên cũ: Trương Cảnh Phúc, Tang Thúc Nghị, Hy Hiệp, Trương Hải Bằng, Lâm Đình Thám, luật sư tại Thiên Tân đã từng giúp tôi trong vụ án ly hôn, Kim Trác, người đã từng làm tham mưu cho Trương Tôn Xương khi đó cũng đến làm võ quan tùy tùng cho tôi.

Hôm đó tôi mặc âu phục đại lễ, cử hành lễ vái. Dưới sự chứng kiến của các nhân vật Nhật Bản quan trọng, các “nguyên luận” vái tới ba vái, tôi đáp lễ một vái. Tang Thúc Nghị và Trương Cảnh Huệ thay mặt “dân chúng Mãn Châu” dâng “ấn chấp chính” bọc trong lụa vàng. Trịnh Hiếu Tế thay tôi đọc tuyên ngôn chấp chính”. Tuyên ngôn viết:

“Nhân loại vốn trọng đạo đức, do có phân biệt chủng tộc, áp bức người, đề cao mình, mà đạo đức suy đồi. Nhân loại vốn trọng nhân ái, do có giành giật quốc tế, hại người lợi mình mà nhân ái suy đồi. Nay ta lập nước, lấy đạo đức nhân ái làm chính, gạt bỏ phân biệt chủng tộc, giành giật quốc tế, vương đạo thực hành khắp đất nước có thể thấy sự thật... Phàm là người dân nước mong hãy cố gắng sức.”

Nghi lễ xong, khi tiếp kiến khách nước ngoài, Uchida đọc “lời chúc mừng”. La Chân Ngọc thay tôi đọc “lời đáp”. Sau đó ra vườn kéo cờ chụp ảnh, cuối cùng cử hành tiệc chúc mừng.

Chiều hôm đó, tại “văn phòng chấp chính” Trịnh Hiếu Tế trình một “việc công”: “... Quan tư lệnh Honyo Shige đã cử thân ra nhận nhiệm vụ thủ tướng quốc vụ, tổ chức nội các”. Ông ta khom mình, giọng mềm mỏng: “Đây là bản đặc nhiệm và danh sách các bộ trưởng xin ký ngự danh”.

Đây vốn là việc người Nhật Bản Ama Kashira đã nói với tôi ở Lữ Thuận. Tôi lặng lẽ cầm bút làm một việc công đầu tiên sau khi nhận chức.

Tôi ra khỏi văn phòng gặp Hồ Từ Viện và Trần Tăng Thọ. Nét mặt hai ông già đều buồn rầu vì biết rằng trong danh sách các quan đặc nhiệm hoàn toàn không có tên họ. Tôi nói với họ: Tôi muốn họ ở bên tôi, để Hồ Từ Viện làm chánh văn phòng của tôi. Trần Tăng Thọ làm thư ký. Hồ Từ Viện thở dài tạ ơn. Trần Tăng Thọ nói nhà ông ta ở Thiên Tân có việc, xin tôi cho phép được trở về.

Ngày hôm sau, La Chân Ngọc tới, chức quan mà ông ta được phong là một vị “tham nghị”.

Ông ta đến để “từ chức quan không vui lòng ấy”. Tôi tỏ ý giữ lại, ông ta nói: “Hoàng thượng buộc phải chấp chính. Đáng lẽ vua nhục, bề tôi phải chết, thần muôn vàn không thể nhận chức tham nghị”. Sau đó ông ta nhận một nhiệm kỳ “Viện trưởng Viện giám sát” rồi quay về Đại Liên tiếp tục bán đồ cổ giả của ông ta cho tới khi chết.

Tuy nhiên tư tưởng của tôi lại khác họ. Cờ rồng và quân nhạc ở ga Trường Xuân, nghi thức lễ nhận chức cũng như những lời chúc tụng khi tiếp khách nước ngoài đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc. Khiến tôi không nén được có chút hưng phấn. Mặt khác, tôi đã công khai lộ mặt, lên đài, không còn đường rút. Dù cho Itagaki hôm nay nói với tôi: ngài không làm thì tùy ngài, tôi cũng không thể đảo ngược được. Đã như thế, tôi chỉ còn “khuất thân phục tùng” đến cùng. Lại nói, nếu như ứng phó được với người Nhật cũng có thể họ ủng hộ tôi khôi phục tôn hiệu hoàng đế. Hiện nay tôi đã là nguyên thủ một nước, sau này có vốn liếng, càng có thể thương lượng với người Nhật. Do tôi chỉ nghĩ về phía hải lòng do đó không những không còn cảm thấy làm “chấp chính” là việc chịu khuất phục mà còn coi việc “chấp chính” thành bậc thang để tới “ngai vàng hoàng đế”.

Tôi tự an ủi như thế và bị tư tưởng chứa chan ảo tưởng chi phối, làm sao lợi dụng “cái thang” đó, bước lên, “ngai vàng” một cách thuận lợi đã trở thành vấn đề trung tâm mà tôi suy tính. Sau mấy ngày suy nghĩ, một buổi tối, tôi nói với Trần Tăng Thọ và Hồ Từ Viện kết quả sự suy tính của tôi.

- Hiện nay, tôi có ba điều thề nguyện nói với các ông: thứ nhất tôi sẽ sửa đổi một số khuyết điểm trước đây, hơn 10 năm trước Trần Bảo Thám đã nói tôi lười biếng khinh bạc, tôi thề từ nay không bao giờ tái phạm. Thứ hai, tôi sẽ chịu đựng mọi gian khổ, hết lòng gắng sức thề khôi phục sự nghiệp của tổ tiên, dù khó khăn gian khổ cũng không nản chí, chưa đạt được mục đích chưa thôi. Ba là: cầu trời cho một hoàng tử để thừa kế cơ nghiệp đại Thanh. Thực hiện được ba điều này, tôi chết cũng nhắm mắt.

Khoảng một tháng sau khi tiến hành nghi lễ, “Phủ chấp chính” chuyển đến nơi mới được sửa chữa, vốn là nhà của Cục Vận tải Cát Lâm - Hắc Long Giang trước kia.

Tôn nghiêm và chức quyền

Trong “Luật tổ chức nước Mãn Châu, chương thứ nhất “chấp chính” có 13 điều, điều này cũng quy định uy quyền của tôi. Điều thứ nhất là “chấp chính thống trị nước Mãn Châu”, điều thứ hai đến điều thứ tư quy định do tôi “điều khiển quyền lập pháp”, “chấp hành quyền hành chính”, “chấp hành quyền tư pháp”, các điều dưới đó quy định do tôi “công bố những huân lệnh khẩn cấp có hiệu lực cùng với pháp luật”, “định ra quan chế, bổ nhiệm quan lại”, “thống soái hải, lục, không quân”, cũng như nắm quyền “đặc xá, đại xá, giảm hình phạt và khôi phục quyền công dân”. v.v...

Trên thực tế ngay quyền tôi tự quyết định đi ra khỏi cửa cũng không có.

Một hôm, tôi bỗng nhiên muốn đi ra bên ngoài dạo chơi cùng Uyển Dung và hai em gái đến “công viên Đại Đồng” tên đặt theo niên hiệu của tôi. Không ngờ vào công viên không lâu xe ô tô của đội hiến binh Nhật Bản và “Phòng cảnh bị Phủ chấp chính” liền đuổi tới mời tôi quay về. Thì ra, họ phát hiện không thấy tôi trong Phủ chấp chính liền báo cáo với Bộ tư lệnh hiến binh Nhật Bản. Bộ tư lệnh hiến binh liền huy động rất nhiều quân cảnh đi tìm ở khắp nơi, làm chấn động cả thành phố. Sau việc này viên cố vấn Phủ chấp chính Kamitsumo nói với tôi: vì an toàn và tôn nghiêm của tôi, từ nay về sau tôi không nên tự mình đi ra ngoài. Từ đó, ngoài sự sắp đặt của quân Quan Đông, tôi không ra ngoài lần nào.

Khi tôi được khuyên quay về nghe người Nhật Bản giải thích: đây đều là vì sự an toàn và tôn nghiêm của tôi, tôi cảm thấy cũng có lý. Song phải đến sau một số ngày làm việc ở lầu Cần Dân tôi mới nghĩ ngờ về sự an toàn và tôn nghiêm đối với bản thân mình.

Từ sau khi đưa ra lời thề nguyện, mỗi buổi sáng tôi đến lầu Cần Dân làm việc đúng giờ. Nhìn bề ngoài, tôi thật bận rộn, từ sáng đến tối luôn có người xin gặp. Trong những người xin gặp ngoài số ít bề tôi cũ hoặc người họ tôn thất Giác La đến thăm hỏi, đa số là các nhân vật chức sắc đương nhiệm như bộ trưởng, các bộ tham nghị cấp đặc nhiệm... Những người đó gặp tôi đều bày tỏ lòng trung thành, hiến dâng công vật, song không bàn việc công với tôi. Mỗi lần tôi hỏi về “việc công” họ nếu không trả lời “thứ trưởng đang làm” thì là “việc này còn phải hỏi thứ trưởng”. Thứ trưởng là người Nhật Bản, họ không tìm đến tôi.

Hồ Từ Viện mới đầu tỏ ý căm tức. Ông ta nêu ra với Trịnh Hiếu Tế: chủ quyền các bộ phải trong tay Bộ trưởng. Việc quan trọng cần do chấp chính đưa ra quyết định trước, sau đó các bộ mới làm. Không thể thứ trưởng nói thế nào là thế này, Trịnh Hiếu Tế trả lời: “Chúng ta thực hành chế độ nội các trách nhiệm, công việc hành chính cần do “Hội nghị quốc vụ” quyết định. Nội các trách nhiệm chịu trách nhiệm chấp chính; nội các trách nhiệm mỗi tuần do thủ tướng báo cáo một lần những vấn đề mà hội nghị thông qua, xin chấp chính quyết định. Ở Nhật Bản là như thế, “còn như vấn đề bộ trưởng cần có chủ quyền, ông ta cùng đồng cảm, ông ta nói: việc này đang chuẩn bị nêu ra với Bộ Tư lệnh quân Quan Đông để giải quyết. Thì ra quan hệ giữa ông thủ tướng này với chánh văn phòng thủ tướng cũng đang có vấn đề.

Tôi không biết Trịnh Hiếu Tế sau đó nói như thế nào với quân Quan Đông. Song sau đó Hồ Từ Viện nói với tôi về tình hình một lần hội nghị quốc vụ khiến tôi hiểu rõ cái gọi là “chế độ nội các trách nhiệm” là cái gì và quan hệ Bộ trưởng và Thứ trưởng là thế nào.

Đây là một hội nghị quốc vụ bàn vấn đề tiêu chuẩn tiền lương của các quan lại. Cũng như trước, nghị án do Văn phòng thủ tướng chuẩn bị trước, in gửi Bộ trưởng các bộ. Đối với mấy nghị án trước như tiếp quản tài sản của Chính phủ Đông Bắc trước, cung cấp lương thực cho quân đội Nhật Bản, tịch thu bốn ngân hàng lớn ở Đông Bắc để thành lập ngân hàng trung ương .v.v. đều không tốn chút công sức nào để tán thành. Tuy nhiên, nghị án lần này quan hệ trực tiếp đến quyền lợi của bản thân mình do đó không lơ mơ được. Các bộ trưởng nghiên cứu kỹ nghị án, lập tức thảo luận sôi nổi, tỏ ý bất mãn. Nguyên do là bản thân dự thảo pháp lệnh quy định tiền lương “quan lại Nhật Bản” và “hệ Mãn Châu” khác nhau. Người Nhật cao hơn người Mãn khoảng 40%. Bộ trưởng Tài chính Hy Hiệp không nhận được, phát biểu ý kiến đầu tiên nói “nghị án này thật không ra sao cả”. Chúng ta đã làm nhà nước phức hợp dân tộc, các dân tộc nhất loạt bình đẳng, tại sao người Nhật Bản đòi được đãi ngộ đặc biệt. Nếu như nói là quốc dân nhà nước thân thiện thì nên tỏ ý thân thiện, tại sao lại đặc biệt nhận lương cao? Bộ trưởng thương nghiệp Trương Hy Khanh cùng nói: Nhật Mãn thân thiện, đồng tâm đồng đức,

có phúc cùng hưởng, có khó khăn cùng gánh vác. Nếu như đãi ngộ khác nhau, e rằng không phải ý kiến của quân tư lệnh Honyo.

Các bộ trưởng khác như Bộ Trưởng Giao thông Định Kiều Tu và những người khác cùng tới tập bày tỏ hy vọng tôn trọng lẫn nhau không bên trọng bên khinh. Chánh văn phòng tổng vụ không cho các bộ trưởng phát biểu nữa, yêu cầu người dự thảo là Furu Umi Tadano giải thích. Tadano bình tĩnh đưa ra một lô đạo lý đại thể là: muốn bình đẳng trước hết phải xem năng lực có bình đẳng hay không? Năng lực người Nhật lớn đương nhiên tiền lương phải cao, mà mức sống của người Nhật cao, sinh ra ăn gạo trắng, không như người “Mãn” ăn cao lương cũng sống được. Hắn còn nói: muốn nói thân thiện, yêu cầu người Nhật nhận lương nhiều hơn, đó chính là nói thân thiện!”. Nghe xong, các bộ trưởng đều tỏ ý bất mãn, chánh văn phòng Tổng vụ không thể không tuyên bố nghỉ họp, dời sang hôm sau lại bàn.

Ngay hôm sau khi họp lại, Tokuno Komada nói với mọi người: “hắn cùng các thứ trưởng đã nghiên cứu, quân Quan Đông cũng đồng ý, đưa tiền lương các bộ trưởng nhất loạt bằng tiêu chuẩn các thứ trưởng” tuy nhiên hắn bổ sung “các quan chức Nhật Bản xa quê hương đến Mãn Châu giúp nhân dân xây dựng đất nước vương đạo, điều đó nên cảm kích vì vậy cần cấp cho người Nhật tiền phụ cấp đặc biệt. Đây là quyết định cuối cùng, không nên tranh cãi nữa”. Nhiều bộ trưởng nghe câu nói đó biết rằng có tranh cãi nữa cũng chẳng được, điều tốt là đã được tăng thêm tiền do đó không lên tiếng nữa.

Tuy nhiên, Hy Hiệp tự cho rằng mình có chút quan hệ - với Honyo Shige, coi thường Tokuzo nên khi đó lại nói mấy câu: “Tôi không phải tranh chấp mấy đồng tiền, song tôi muốn hỏi: Người Nhật giúp xây dựng đất nước Vương đạo ở đâu? Không phải là ở Mãn Châu ư? Không có người Mãn Châu, làm sao xây dựng được?”.

Nghe xong Tokuzo Komada cả giận, đập bàn quát: “Ông có biết lịch sử Mãn Châu không? Mãn Châu là do người Nhật đổ máu dôi lấy giành lại từ tay người Nga, ông có hiểu không?”. Hy Hiệp tái mặt hỏi: “Ông không cho nói phải không? Quan tư lệnh Honyo Shige cũng chưa từng quát tháo với tôi!”. Tokuzo Komada vẫn quát lớn: “Tôi muốn bảo ông rõ: đây là quyết định của tư lệnh quân đội!”. Câu nói này rất có hiệu quả, Hy Hiệp quả nhiên không nói nữa, cả hội nghị im lặng.

Sau khi xảy ra sự kiện này, cái gọi là “Chế độ nội các” và “hội nghị quốc vụ” không còn che dấu được ai nữa.

“Thủ tướng thật sự của Quốc vụ viện không phải là Trịnh Hiếu Tế mà là Chánh văn phòng Tổng vụ Tokuzo Komada. Thực ra, người Nhật cũng không thể dấu sự thật này: Khi đó, tạp chí “Cải tạo” của Nhật Bản ngang nhiên gọi hắn là “Thủ tướng quốc vụ viện Mãn Châu” và “Tổng lý đại thần nội các nhà nước mới”.

Tôi và Trịnh Hiếu Tế là chấp chính và thủ tướng trên danh nghĩa, các bộ trưởng là bộ trưởng trên danh nghĩa, cái gọi là hội nghị quốc vụ đều là thứ mà “hội nghị thứ trưởng” đã quyết định, đó mới là hội nghị quốc vụ thật sự. Đương nhiên, đó chỉ là hội nghị chịu trách nhiệm đối với “thái thượng hoàng” quan tư lệnh quân Quan Đông. Mỗi lần hội nghị đều có quân Quan Đông tham gia, nhiều nghị án đều vạch ra theo căn cứ yêu cầu của quân Quan Đông.

Tình hình sau này không còn là điều bí mật đối với ai nữa. Lẽ ra, tôi cũng cần tỉnh ngộ nhận ra song tôi lại không phải là người như thế. Bên cạnh tôi có Hồ Từ Viên hay nói, do ông ta ngày thường nhắc nhở, tôi cũng không bao giờ quên thân phận duy ngã độc tôn của mình, càng không thể quên từ khi còn ở Trương Viên đã xác lập một loại tư tưởng, tức là “nếu không thực sự lập tôi làm hoàng thượng, Nhật Bản sẽ khó làm ăn”. Thái độ bề ngoài của người Nhật Bản đối với tôi cũng thường xuyên gây cho tôi cảm giác đó khiến tôi thường coi đó là thật, cho rằng hoàn cảnh của tôi khác với Hy Hiệp, người Nhật Bản không tôn trọng tôi không xong. Ví dụ trong vấn đề lập “Hội hiệp hoà” tôi đã nghĩ như thế.

Sau khi tôi nhận chức hơn một tháng, một hôm Trịnh Hiếu Tế báo cáo một số việc, đề cập đến việc quân Quan Đông muốn thành lập một chính đảng, gọi là “Đảng hiệp hoà”. Nhiệm vụ của đảng này là “tổ chức dân chúng hợp sức xây dựng đất nước, bồi dưỡng tinh thần, tôn trọng lễ giáo, vâng nghe mệnh trời”. Mỗi lần nghe thấy có người nhắc đến “đảng” tôi luôn có cảm giác sợ như cọp vì vậy nghe Trịnh Hiếu Tế báo cáo càng căng thẳng hơn nghe tin Tokuzo Komada đập bàn, vội vã ngắt lời ông ta, xua tay phản đối nói: “Muôn đảng gì? Tân Hợi mất nước chẳng phải do đảng gây rồi đó sao?”. Trịnh Hiếu Tế sùm mặt nói: “Lời hoàng thượng rất đúng song đây là do Bộ tư lệnh quân đội quyết định”. Ông ta cho rằng câu nói đó có thể chặn họng tôi. Không ngờ đến lần này, tôi coi việc đó thành vấn đề quan hệ đến sinh mạng của tôi, nói thế nào tôi cũng không đồng ý. Với việc ông ta luôn mồm nói: “Bộ tư lệnh quân đội quyết định” từ lâu tôi đã ngán, không muốn lại nghe nữa nên bực tức nói:

“Ông không đi nói với người Nhật thì để ta gọi họ đến!”.

Trịnh Hiếu Tế đi rồi, tôi nói với Hồ Từ Viện việc này. Vị chánh văn phòng này ca ngợi cách làm này của tôi và nói;

- Thân nhận thấy không thể như Trịnh Hiếu Tế nói, mọi việc đều do Bộ tư lệnh quân đội quyết định. La Chấn Ngọc đã từng nói: Trịnh Hiếu Tế dựa vào Bộ tư lệnh quân đội, tùy tiện phạm thượng. Nếu hoàng thượng theo lý đấu tranh với Bộ tư lệnh quân đội họ vị tất đã dám lộng hành. Huống chi đảng không có lợi cho ta, càng không có lợi cho Nhật Bản, phía quân đội Nhật Bản sao lại không rõ lý lẽ này.

Nghe ông ta nói có lý, lại càng có ý riêng. Hai ngày sau, Katagura tham mưu quân Quan Đông trợ lý của tham mưu trưởng Hashimoto Toramojo liên tiếp với gặp tôi giải thích đều không thuyết phục được tôi. Sự việc bị gác lại.

Ba tháng sau tức tháng 7 năm đó, tôi tin rằng mình đã thắng lợi. Quân Quan Đông quyết định không thành lập “Đảng Hiệp hoà” chỉ thành lập một “Hội Hiệp hoà” làm tổ chức “vây cánh” của chính phủ. Hội này cụ thể là: phạm đàn ông đủ 20 tuổi đều là hội viên, phụ nữ đều là hội viên “Hội phụ nữ”, thanh niên 15 đến 20 tuổi là đoàn viên “đoàn thanh niên”, thiếu niên 10 đến 15 tuổi là đoàn viên “đoàn thiếu niên”. Sự thực là quân Quan Đông đổi “Đảng” thành “Hội” cũng không phải có sự nhượng bộ đối với tôi mà là cho rằng tổ chức một chính đảng đầu Ngô mình Sở như vậy càng dễ thống trị nhân dân Đông Bắc, qua tổ chức lừa mọi nhân khẩu như vậy càng tiện việc tuyên truyền nô dịch hoá, đặc vụ theo dõi và nô dịch nhân dân.

Tôi không nhận thấy sự thật đó, chỉ cảm thấy người Nhật rút cục phải nghe tôi. Có sự cảm nhận sai lầm như vậy, tôi khó tránh lại va đầu vào đá. Đó là việc sau khi thiết lập “Một nước Nhật Mãn”.

Sau khi lập mật ước

Khi ở Lữ Thuận, Trịnh Hiếu Tế đã cùng Honyo Shige thoả thuận điều kiện sau khi tôi xuất nhiệm chấp chính và ông ta giữ chức thủ tướng quốc vụ viện. Sự việc này mãi đến trước ngày Honyo Shige thôi chức, Trịnh Hiếu Tế mới đến lầu Cần Dân đưa ra một đồng văn kiện nói với tôi :

- Đây là thân cùng quan tư lệnh Honyo soạn một hiệp định, xin bề trên duyệt.

Xem hiệp định đó, tôi nổi nóng:

- Ai bảo người ký?

- Đây là những điều kiện mà Itagaki đã nói rõ ở Lữ Thuận - ông ta lạnh lùng trả lời. - Itagaki cũng đã nói vớt bề trên.

- Itagaki nói với ai? Ta chưa nghe ông ta nói, người ký tên trước cũng phải nói với ta chứ!

- Đây cũng là Itagaki dặn dò. e rằng Hồ Từ Viện cùng những người khác không hiểu đại cục, sớm dựa vào đó gây rắc rối.

- Rút cục ai là người làm chủ? là người hay là ta?

- Thân đâu dám, những hiệp định này thực ra là kế ứng phó, hoàng thượng muốn tìm chỗ dựa, sao lại không coi đó là điều kiện. Vốn ra những điều ước này cũng đã thành sự thực, sau này có thể ký những điều ước khác, qui định mấy năm sẽ thu hồi quyền lợi ích.

Thật ra, ông ta nói cũng không sai. Những quyền lợi mà Nhật Bản đòi hỏi trong Hiệp định vốn ra đã là những thứ mà họ đã nắm trong tay. Hiệp định này có 12 điều khoản, còn có những hiệp định phụ, chủ yếu nội dung là toàn bộ “quốc phòng, trị an” của nước Mãn Châu giao phó cho Nhật Bản. Nhật Bản quản lý đường sắt, bờ biển và hải cảng, đường thủy, đường không của nước “Mãn Châu” và có thể sửa chữa và xây dựng thêm các loại vật tư, thiết bị mà quân đội Nhật Bản cần do “nước Mãn Châu” phụ trách cung ứng. Nhật Bản có quyền khai mỏ, tài nguyên, người Nhật Bản được làm quan lại “nước Mãn Châu” v.v.. Cuối cùng bản hiệp định quy định nó sẽ là cơ sở của hiệp ước chính thức giữa hai nước sau này. Lý lẽ mà Trịnh Hiếu Tế nói cũng đúng, đã muốn dựa tại sao lại không phải trả giá. Song mặc dù sự việc đã rõ ràng như thế, tôi vẫn không thể không cảm thấy bức bối.

Tôi bức là vì Trịnh Hiếu Tế lộng hành, dám tự ý mang “giang sơn” của tôi, đi trao đổi với Nhật Bản. Tôi cũng cảm người Nhật lừa đảo quá mức, chưa cho tôi cái “ngai vàng hoàng đế” trái lại đã đòi bao nhiêu thứ như vậy.

Tôi bức tức mà lại không biết làm thế nào, truy nhận sự thực đã rồi. Trịnh Hiếu Tế cảm bản “mật ước” mà tôi đã ký đi rồi. Hồ Từ Viện theo lệ liền đi tới. Tôi mang chuyện đó nói với ông ta, ông ta lập tức công phần nội:

- Trịnh Hiếu Tế thật chẳng còn ra gì! Từ lâu Trần Bảo Thám đã nói: ông ta quen cái khẳng khái của người khác. Nay ông ta dám lộng hành đến như thế.

- Hiện nay vãn đã đóng thuyền! - tôi nói một cách chán nản.

- Cũng có thể chưa hoàn toàn như thế, để xem tin tức phía Tokyo.

Trước đó nhiều ngày, chúng tôi đã biết quan tướng quân Quan Đông sẽ đổi người và Nhật Bản sẽ thừa nhận “nước Mãn Châu”. Hồ Từ Viện rất coi trọng tin tức này. Theo quan điểm của ông ta, Nhật Bản thay đổi quan tư lệnh quân Quan Đông rất có thể thay đổi một chút thái độ, cần nhân dịp này cử người sang hoạt động ở Nhật Bản. Ông ta nói: Không nhường người Nhật là không xong như mỏ, đường sắt, tài nguyên cũng như quốc phòng đều có thể để người Nhật kinh doanh và quản lý, song về mặt quan chế, quyền nhiệm miễn phải là ta. Tôi tiếp thu ý kiến của ông ta đồng thời theo đề cử của ông ta tôi cử Lâm Đình Thám đã từng làm luật sư và Thái Pháp Bình người Đài Loan đến Tokyo tìm Hứa Bình, bạn của ông ta là người Đài Loan, thông qua Hứa Bình tìm nhân vật cấp cao trong quân đội để hoạt động.

Tại Tokyo, Lâm Đình Thám và Thái Pháp Bình gặp được tổng tham mưu trưởng lục quân Jinsaburo Mazaki và Kashia, nguyên tư lệnh quân đội Nhật đóng ở Thiện Tân và cả Buto Shingi, người sắp kế nhiệm quan tư lệnh quân Quan Đông, nêu với họ gia câu cụ thể của tôi:

1. Chính phủ chấp chính căn cứ luật tổ chức điều hành chính quyền.

2. Cải tổ quốc vụ viện do chấp chính đề cử danh sách.

3. Cải tổ quan chế các bộ, chủ quyền quy về các bộ trưởng, bãi bỏ chế độ chánh văn phòng nội các.

4. Huấn luyện tân binh, mở rộng quân đội.

5. Viện lập pháp triệu tập hội nghị đúng kỳ hạn, quyết định quốc thể.

Những điều này do Hồ Từ Viện thảo ra cho tôi. Theo ý tứ của ông ta, cũng không hy vọng Nhật Bản tiếp thu toàn bộ. Tuy nhiên, vẫn phải nêu nhiều điều kiện một chút để chuẩn bị mà cả với đối phương.

Hai ngày sau, Hồ Từ Viện vui mừng phấn chấn nói với tôi: có tin tức tốt từ Tokyo. Qua thư của các ông Lâm, Thái trong phái nguyên lão và quân đội ở Tokyo có một số người đồng tình với tôi, không hài lòng về thái độ của Honyo Shige đối với tôi, tỏ ý sẵn sàng ủng hộ các yêu cầu của tôi. Hồ Từ Viện nói: từ đó xem ra, sau khi quan tư lệnh mới đến, tình hình có thể thay đổi, tôi sẽ có thể điều hành chức quyền của mình theo quy định, cai trị nhà nước của mình. Song, muốn cai trị tốt nếu không có thủ tướng biết vâng lời thì không thể làm được. Tôi nghe ông ta nói có lý, liền quyết định thay thế Trịnh Hiếu Tế. Tôi và ông ta nghiên cứu cảm thấy Tang Thúc Nghị tương đối thích hợp, nếu cử ông ta làm thủ tướng, nhất định ông ta sẽ cảm ơn, báo đức, nghe tôi chỉ huy. Thương lượng xong, tôi ra lệnh Hồ Từ Viện cùng Hứa Bảo Hoành đi tìm Tang Thúc Nghị.

Thái độ của Tang Thúc Nghị còn do dự, thì Trịnh Thuý con Trịnh Hiếu Tế đến.

- Nghe tin hoàng thượng cử người đi Tokyo tìm Buto Shinge. - Hận đứng trước mặt tôi nói một câu bạng quơ như thế. Nói xong, hận nhìn tôi chờ phản ứng của tôi. Chẳng nói, hận cũng thấy tôi không muốn thừa nhận sự việc đó nên hận lại nói tiếp: - Tokyo đã truyền lan việc này, nói bẽ trên định cải tổ quốc vụ viện. Thần nghe thấy, không thể không trình với bẽ trên. Song mong đó là tin đồn.

- Sao lại mong đó là tin đồn?

- Mong là như vậy. Dự định này là không thể thực hiện được, dù cho có thực hiện được, tất cả do người Mãn làm chủ, các bộ trưởng cũng không thể điều hành được. Dù là Tang Thúc Nghị hay là ai cũng không được?

- Người muốn nói là như thế phải không?

- Thần nói là thực tình...

- Nói xong người đi đi!

- Vâng.

Trịnh Thuý đi rồi, một mình tôi bức bối trong văn phòng, một lát, Hồ Từ Viện biết, lại vĩnh

râu lên.

- Cha con họ Trịnh, thật là cha nào con ấy. Trịnh Thùy càng thật đáng giận. Trước đây Hy Hiệp gửi tới các đồ dùng trong nhà bằng gỗ đỏ. Hẳn khuyên bề trên tiết kiệm, chỉ là sự ghen ghét, sợ Hy Hiệp được lòng bề trên. Lần này hẳn lại đề phòng Tang Thức Nghị tới.

- Thật không phải là người! - Tôi càng nghe càng giận, quyết tâm lại càng lớn, liền hỏi Hồ Từ Viện: - Đã nói với phía Tang Thức Nghị chưa?

- Ông ta không muốn.

Trịnh Hiếu Tế biết Tang Thức Nghị không dám, có căn cứ để không sợ ngang nhiên dùng biện pháp năm xưa, Dịch Khuông đối với cha tôi để đối với tôi, lấy lùi để tiến, cáo ốm xin tôi cho nghỉ. Tuy nhiên ông ta không ngờ rằng có tin tốt ở Tokyo tôi cũng có căn cứ để không sợ. Thấy ông ta xin nghỉ, tôi cũng coi là cơ hội nói thẳng:

- Ông cũng đến lúc dưỡng lão rồi, ta không ép, ông hãy cử một người.

Cái đầu hói của ông ta không bóng nữa.

- Ý thân là xin nghỉ mấy ngày.

- Thế cũng được.

Trịnh Hiếu Tế vừa đi, tôi lập tức lệnh Hồ Từ Viện đi tìm Tang Thức Nghị để ông ta trước hết hãy làm quyền thủ tướng, sau đó sẽ tìm cơ hội để loại bỏ Trịnh Hiếu Tế. Song qua 5 ngày, không đợi Tang Thức Nghị bày tỏ thái độ, Trịnh Hiếu Tế trở lại phòng làm việc.

Hồ Từ Viện biết Trịnh Hiếu Tế đã quay về Quốc vụ viện, thở dài nói với tôi: “Ông ta dùng “Hiệp ước bí mật” đổi lấy chức ấn thủ tướng. Tự nhiên không thể buông ra”, lời có vẻ cay đắng.

Tôi cũng có chỗ cay đắng, điều đó đương nhiên không phải vì chiếc ấn thủ tướng mà là uy quyền chấp chính của tôi dù với ai cũng không thi hành được. Lần thất bại này cho tôi bài học rất quan trọng. Đó là do câu nói cay đắng của Hồ Từ Viện gợi ra.

“Trịnh Hiếu Tế dùng Hiệp ước bí mật đổi lấy ấn lớn thủ tướng, hiệp ước bí mật trở thành tiền vốn của ông ta, có cái lý ấy thật sao? Mật ước sao không thể là tiền vốn của tôi, đổi với người Nhật những điều tôi cần?”

Tôi quyết định đợi đến khi nào viên tư lệnh Quan Đông mời tôi tới nhận chức sẽ lại đưa ra 5 yêu cầu. Hồ Từ Viện ủng hộ biện pháp đó và nhắc tôi đừng quên yêu cầu người Nhật đối Trịnh Hiếu Tế. Từ khi Trịnh Hiếu Tế lên làm thủ tướng, ông ta đã luôn luôn có ý đó.

Đây là việc của thượng tuần tháng 9. Trung tuần tháng 9 viên tư lệnh quân Quan Đông mới kiêm đại sứ nhiệm kỳ thứ nhất ở “Mãn” Buto Shingi đến Trường Xuân. Ngày 15, trong lầu Cần Dân, Buto Shingi cùng Trịnh Hiếu Tế ký “Nghị định thư Nhật Mãn”. Đây là hiệp nghị công khai lấy bản mật ước làm cơ sở.

Cử hành xong nghi thức, uống xong sâm banh tôi lập tức tiến hành hội đàm riêng với Buto Shingi. Lúc đó tôi vững lòng tin vì trước đó mấy ngày Lâm Đình Thám và Thái Pháp Bình từ Nhật Bản trở về đã báo cáo với tôi: ở Tokyo Buto Shingi không những đã đồng ý yêu cầu của tôi mà xem xét cả việc đáp ứng yêu cầu khôi phục tôn hiệu của tôi.

Trong thời đại đại chính Nhật bản, Buto Shingi được thăng đại tướng lục quân, đã làm thứ trưởng bộ tham mưu, Tổng giám đốc giáo dục, tham nghị quân sự. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất đã soái lĩnh quân Nhật chiếm lĩnh Sibêria của Liên Xô. Lần này, ông ta đến Đông Bắc với tư cách đại tướng, bản thân kiêm ba chức: tư lệnh trưởng quân Quan Đông, (trước đều là hàm trung tướng), tổng đốc Quan Đông (trước sự kiện 18 tháng 9, Nhật Bản đặt tổng đốc thực dân ở bán đảo Liêu Đông) và “đại sứ ở nước Mãn Châu”. Đến nhận chức không lâu lại được thăng hàm nguyên soái. Trên thực tế là kẻ thống trị cao nhất trên giải đất này, thái thượng hoàng của “nước Mãn Châu”. Báo chí Nhật Bản gọi ông ta là “thần rồng coi Mãn Châu”. Đối với tôi, ông già bạc đầu 65 tuổi này thật sự như một ông thần linh thiêng. Khi ông ta rất lễ phép khom mình chào tôi, tôi liền có cảm giác như mình sắp bay bổng lên mây xanh. Đợi tôi nói xong, ông ta rất lễ phép trả lời:

- Đối với ý kiến của ngài, tôi sẽ mang về nghiên cứu cẩn thận.

Ông ta mang Hồ Từ Viện và mấy yêu cầu của tôi đi, song ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, không thấy kết quả nghiên cứu của ông ta.

Theo qui định, mỗi tháng tôi ba lần hội kiến với đại sứ kiêm tư lệnh quân Quan Đông. 10 ngày sau, hội kiến ông ta lần thứ hai, tôi hỏi kết quả nghiên cứu, ông ta vẫn nói:” đang nghiên cứu”.

Mỗi lần gặp tôi, ông ta rất lịch sự, lễ phép, cúi rạp mình trước tôi, miệng mỉm cười, cất lời là “Ngài”, đồng thời với thái độ sùng kính nói đến mỗi vị tổ tiên tôi. Song tuyệt nhiên không nhắc đến

mỗi yêu cầu của tôi. Nếu như tôi lái câu chuyện sang phía đó, ông ta quay nói sang phía khác. Tôi hai lần bị ứng phó nhạt nhẽo như vậy nên không còn can đảm hỏi ông ta nữa.

Cho đến tháng 7 năm 1933, khi Buto Shingi chết, mỗi lần gặp ông ta tôi chỉ nói về Phật học, Nho học, “thân thiện”. Trong thời gian này, với bất cứ ai, uy quyền của tôi không tăng thêm, còn trong lòng tôi uy quyền của ông ta mỗi ngày một tăng, chỉ có tăng mà thôi.

Lần thứ ba làm hoàng đế

“Các bề tôi cũ ở Bắc Kinh và Thiên Tân nghe tin Hoàng thượng nhận chức chấp chính ngờ rằng tôn hiệu từ nay bị thủ tiêu, đều đau buồn và công phần sâu sắc. Ngay những người đã từng làm quan lại Dân quốc như Tào Nhữ Sâm, Uông Vinh Bạo... cũng lấy danh nghĩa quan hệ rất quan trọng mà nói. Thân lấy việc Hoàng thượng mấy lần kiên quyết cự tuyệt, sau bắt đầu dặc dĩ phải chấp nhận một cách khổ tâm để giải thích. Người nghe bước đầu biết sự thật trong đó nhưng cuối cùng cũng không loại bỏ được sự nghi ngờ”...

Đây là một đoạn trong thư của Trần Tăng Thọ về nghỉ ở Thiên Tân sau một tháng tới nhận chức chấp chính. Những lời tâu như thế từ Bắc Kinh, Thiên Tân gửi tới còn có mấy bản khiến tôi hết sức đau đầu.

Theo ước định, hết thời kỳ tôi chấp chính một năm, nếu như quân Quan Đông không thực hành đế chế, tôi có thể từ chức. Song tôi không làm như vậy, không có can đảm như vậy vì nếu như quân Quan Đông cho từ chức, tôi có thể đi đâu?

Mấy ngày đầu sau một năm nhận chức, ngoài dự tính của tôi, tại một cuộc hội kiến, Buto Shingi nêu trước với tôi vấn đề này. Ông ta nói: Nhật Bản hiện đang nghiên cứu vấn đề quốc thể nước Mãn Châu, khi thời cơ chín mùi, vấn đề này tự nhiên có thể giải quyết. Sau đó không lâu, từ 27 tháng 3; đề càng thuận tiện cho việc tự do hành động, Nhật Bản rút khỏi liên minh quốc tế. Đồng thời, quân Nhật Bản đẩy mạnh các hoạt động quân sự tấn công các cửa vào Trường Thành, hình thành thế bao vây đối với Bắc Bình và Thiên Tân. Cuối tháng 5, Nam Kinh chỉ lo việc nội chiến đã càng thoả hiệp với Nhật Bản, ký “hiệp định Đường Cố” quy vùng phía Nam Trường Thành, khu vực Đái - Đông là khu không có vũ trang, rút quân đội Trung Quốc đi khiến thế lực Nhật Bản càng không chế Hoa Bắc. Trong tình hình đó, những người hăng hái phục tích đều được cổ vũ rất lớn, đều cho rằng thời cơ đã chín mùi, tới tập hoạt động. Trong tháng 3, Hy Hiệp đã thúc đẩy người tin cậy của ông ta là Lâm học Tuyên, tập hợp một đám “di dân” tộc Mãn và các nghị viên Đông tam tỉnh cũ, tụ hội ở Trường Xuân mưu toan đưa ra một bản tuyên bố, nhưng bị hiến binh Nhật Bản ngăn chặn, khi đó lại khôi phục hoạt động. Một số nhân vật thuộc hệ Trục cũ ở Hoa Bắc và một số đặc vụ lưu vong Nhật Bản chuẩn bị “suy tôn” Ngô Bội Phu lộ mặt; một số di lão ở Bắc Bình - Thiên Tân vì thế cử người đến liên lạc phục tích ở Hoa Bắc, Đông Bắc. Trong tháng 7, chánh văn phòng tổng vụ Tokuzo Kamada rút lui, nhận một triệu đồng tiền từ chức, ngoài ra còn muốn có một khoản tiền “cơ mật phí” rất lớn, đi tìm Hoàng Phủ vận động Hoa Bắc độc lập. Lúc sắp đi, hắn bày tỏ với Trịnh Hiếu Tế vẫn muốn đến Thượng Hải giúp tôi hoạt động việc phục tích trong toàn quốc sau này. Tóm lại, trong một số ngày đó, thường xuyên có thể nghe thấy những lời đồn về phục tích hoặc đế chế. Những lời đồn đó cổ vũ tôi, cổ vũ những người có dã tâm như tôi. Tiết Trùng dương năm đó Trịnh Hiếu Tế viết một bài thơ trong đó có những từ “Chí khí” khôi phục “hậu Thanh”... khiến ác cảm của tôi đối với ông ta giảm nhiều. “Mộng hoàng đế” của tôi lại diễn lại. Tôi hết sức quan tâm tin tức các mặt. Tôi càng đặt hy vọng vào quân đội Nhật Bản những kẻ tàn sát đồng bào mình. Sau khi quân đội Nhật chiếm lĩnh toàn bộ Nhiệt Hà, tôi đã mở tiệc linh đình chúc mừng, thăm hỏi Buto Shingi và các tướng lĩnh quân đội Nhật Bản tham gia tác chiến, chúc họ “Vũ vận trường cửu”, “thắng lợi này tiếp thắng lợi khác”. Sau đó, một cánh quân Nhật Bản chiếm lĩnh Mật Vân chỉ cách Bắc Kinh một trăm dặm liền án binh bất động, đối với việc đó tôi cảm thấy rất thất vọng. Khi đó Trịnh Hiếu Tế nói với tôi: quân Nhật chiếm lĩnh Hoa Bắc cũng như Hoa Nam chỉ là việc sớm hay muộn. Việc khẩn cấp hiện nay vẫn là cần giải quyết trước vấn đề thể chế nước Mãn Châu. Ông ta lại nói: quyết định việc này không phải ở quân đội Quan Đông mà là ở phía

Tokyo. Ông ta đã nghe nói nhiều người trong phái nguyên lão Tokyo đều chủ trương tôi lên ngôi. Nghe lời ông ta, tôi cảm thấy cần cử người đi Tokyo hoạt động, ít nhất cũng cần thăm dò tin tức.

Nhận sự mạng này là Kotoletsu Trunng, sĩ quan cảnh vệ của tôi. Kotoletsu Sanro đã đi theo tôi từ Thiên Tân đến Đông Bắc. Từ cuối triều Thanh y đã theo hầu Thang Sung. Trong hoạt động phục tích của Thang Sung sau đó, y là kẻ tích cực tận trợ. Khi tôi ở Lữ Thuận, y không xuất hiện với tư cách đại biểu phía quân đội như Amakashira và Kamitsumo mà là đứng cạnh tôi nói chuyện thậm chí và tỏ ý bất mãn sau lưng đối với quân Quan Đông. Có một lần, tôi thấy nước chè trong chén có vẻ khác màu, sợ có người đầu độc, muốn gọi người đưa đi hoá nghiệm, lúc đó Kotoletsu lập tức bưng chén uống một ngụm. Sau khi tôi làm chấp chính, y là người Nhật Bản duy nhất gọi tôi là Hoàng thượng và thường xuyên tỏ ý không hài lòng đối với sự ngang ngược của quân Quan Đông, thường tỏ ý tin rằng tôi nhất định có thể khôi phục danh vị “hoàng đế Đại Thanh”. Lòng trung thành của y đã biểu hiện không kém các di lão tiêu chuẩn nhất vì vậy tôi cho y đổi tên thành “Trung”, đối xử như người nhà mình, y cũng cảm động rơi nước mắt, thề chết vẫn trung thành, mãi mãi không thay đổi. Nhận sự mạng tôi giao phó, đi không bao lâu liền trở về. Ở Nhật Bản, y đã gặp Nanjirō và các nhân vật quan trọng của Hội Hắc Long, thăm dò được nhận vật đương quyền phái quân đội đồng ý thực hành kế chế. Theo tin tức của y, tôi tin rằng thời cơ sẽ đến nhanh.

Tháng 10/1933, tin tức của Kotoletsu đã được chứng thực. Kế nhiệm tư lệnh quân Quan Đông Hishi chính thức thông báo nói: Chính phủ Nhật Bản chuẩn bị thừa nhận tôi làm “hoàng đế đế quốc Mãn Châu”.

Nhận được thông báo đó, tôi vui mừng vô hạn. Việc thứ nhất tôi nghĩ tới là phải chuẩn bị một bộ long bào.

Long bào do thái phi mang từ Bắc Kinh tới, song quân Quan Đông lại nói với tôi: Nhật Bản thừa nhận là “hoàng đế nước Mãn Châu” chứ không phải là “Hoàng đế Đại Thanh”. Vì vậy, tôi không thể mặc long bào Đại Thanh, chỉ được mặc “lễ phục đại nguyên soái hải, lục, không quân nước Mãn Châu” do quân Quan Đông quy định.

- Sao lại như thế được? - tôi nói với Trịnh Hiếu Tế - ta là người thừa kế họ Ái Tân Giác La, sao lại không mặc chế phục của tổ tiên? Lại nói họ tôn thất Giác La ở Bắc Kinh đều sẽ tới, nhìn thấy ta mặc trang phục kiểu Tây như thế thì lên ngôi còn có ý nghĩa gì?

- Hoàng thượng nói đúng. - Trịnh Hiếu Tế gật đầu, nhìn long bào để trên bàn. Con người luôn luôn muốn là thừa tướng “hậu Thanh” này có thể đáng tính toán cái mũ lông công, chớp san hô chánh nhất phẩm giờ đây đối với tôi khá vâng lời. Ông ta gập đầu nói: - Hoàng thượng nói đúng song nói như thế nào với phía quân Quan Đông?

- Ta cử ông đi.

Trịnh Hiếu Tế đi rồi tôi một mình ngắm bộ long bào do thái phi Vinh Huệ cất giữ 22 năm qua, lòng đầy xúc cảm. Đây là bộ long bào mà tôi đã mong đợi 22 năm qua. Tôi phải mặc để lên ngôi, đây là điềm đầu tiên khôi phục triều Thanh.

Đầu óc tôi chưa bình tĩnh trở lại thì Trịnh Hiếu Tế đã về. Ông ta báo cáo rằng quân Quan Đông vẫn giữ ý kiến khi lên ngôi phải mặc lễ phục nguyên soái. _

- Ông có đi giao thiệp không?

- Thần sao dám không đi. Đó là do Itagaki đích thân nói với thần.

- Như thế sao được? - tôi biết vậy - trước khi lên ngôi phải làm lễ tế trời, chẳng lẽ bảo tôi mặc trang phục nguyên soái đội mũ tế trời ư?

- Thần lại đi nói với Itagaki!

Trịnh Hiếu Tế đi rồi, Hồ Từ Viện tìm đến nhắc tôi: Cần đấu tranh không phải là chế phục, quan trọng là nói với phía quân Quan Đông về quyền quyết định bổ nhiệm và bãi miễn quan lại. Nếu như vấn đề này được giải quyết thì Hồ phục cưỡi ngựa bắn cung của Triệu Vũ hưng Vượng cũng tốt.

Thực ra, Hồ Từ Viện cũng như tôi, đều không biết rõ Nhật Bản muốn chế này chẳng qua để tôi càng bù nhìn hơn, càng thuận lợi cho việc họ thống trị mảnh đất thực dân này. Danh nghĩa hoàng đế cũng chẳng mang lại cho tôi quyền lực gì. Người như tôi lại làm sao học được cưỡi ngựa bắn cung? Ngoài việc dựa vào cái ủng dạ của quân Quan Đông tôi thật ra chẳng biết làm cái gì, nghĩ cái gì cho nên sau đó, quân Quan Đông đồng ý tôi mặc hoàng bào tế trời tôi cũng không còn tranh chấp gì nữa.

Sáng sớm 1/3/1934, tại thôn Hạnh Hoa ngoại ô Trường Xuân, trên “Thiên đàn” đắp bằng đất, tôi mặc long bào làm lễ cổ tế trời lên ngôi...

Khi đó Phủ chấp chính đổi thành “Phủ nội cung”. Nơi tôi ở này vì kiêng gọi “hoàng cung”

của Thiên hoàng Nhật Bản nên gọi là “đế cung” sau đó nhà cửa bên trong, ngoài việc xây thêm một “điện Đồng đức” còn lại đều là sửa chữa lại, trên lầu vẫn như cũ. Nghi lễ lên ngôi cử hành tại lầu Càn dân.

Hôm đó, phòng lớn lầu Càn dân trải một thảm đỏ lớn, tường phía bắc dùng màn lụa đỏ trang trí thành một nơi như bàn thờ thần phật, ở giữa đặt một chiếc ghế tựa cao chế tạo đặc biệt, bên trên khắc hoa lan. Tôi đứng trước ghế này, xếp hàng đứng hai bên là Bảo Hy, đại thần Phủ nội cung, chánh Võ quan tùy tùng Trương Hải Bằng, vũ quan tùy tùng Ishimaru và Kim Trác, Xứ trưởng thị vệ, Kotoetsu Trung, quan thị vệ Hy Luân Hoán (em Hy Hiệp), Nhuận Lương (anh Uyên Dung) và một số người khác.

Trăm quan văn võ do “Tổng lý đại thần” Trịnh Hiếu Tế đứng đầu xếp hàng làm lễ vái tôi ba vái, tôi nửa cúi mình đáp lại. Tiếp đó là đại sứ Nhật Bản Hishi trình quốc thư và chúc mừng tôi. Cử hành xong những nghi thức này, những người Giác La từ Bắc Kinh tới cũng như những người ở Phủ nội vụ trước lại làm lễ ba lần quỳ, chín lần vái. Đương nhiên, tôi ngồi trên ghế nhận lễ.

Di lão các nơi ở quan nội như Trần Quý Long, Diệp Nhĩ Đẳng, Lưu Thừa Hiên, Thẩm Tăng Trục, Thẩm Tăng Đồng, Chương Sâm, Lê Thâm Kỳ, Trần Bá Đàn, Ung Diệu Phổ... đều gửi biểu đến chúc mừng. Thường Ngọc Thanh, đàn sỏ lưu manh ở Thượng Hải cũng gửi lời tâu tới xưng là bề tôi. Ngày 6 tháng 6 Chichibu Nomiya, em Thiên hoàng Nhật Bản đến chúc mừng, tặng huân chương Huân vị Cúc hoa. Tháng 7, cha tôi mang các em trai, em gái tới đền Trường Xuân thăm tôi. Khi ông đến Trường Xuân, tôi cử các quan Cung nội phủ do Bảo Hy dẫn đầu và một đội bảo vệ do Đồng Tế Hy dẫn đầu đến ga Trường Xuân xếp hàng đón tiếp. Tôi và Uyên Dung đứng đợi ở trong “đế cung” và cửa ngoài. Uyên Dung trang điểm trang phục trong hoàng cung. Tôi mặc quân phục, ngực đeo đầy huân chương.

Huân chương của tôi có 3 chiếc, một chiếc do Nhật bản tặng, một chiếc của “đế quốc Mãn Châu”, một chiếc khác “đế quốc đại Thanh” do tôi ngâm cử người vào cửa quan chế ra. Chiếc thứ ba này tất nhiên không thể sử dụng trước mặt quân Quan Đông, chỉ có thể lợi dụng dịp này để đeo.

Xe ô tô của cha tôi tới, tôi đứng nghiêm, cạnh xe của ông, chào ông theo quân lễ. Uyên Dung quỳ thỉnh an. Sau đó tôi đưa ông vào phòng khách, lúc đó trong nhà không có người ngoài, tôi chưa cởi bỏ quân phục, quỳ lạy thỉnh an.

Tôi hôm đó, mở tiệc lớn. An cơm tây, xếp đặt chỗ ngồi hoàn toàn theo quy củ phương Tây, do tôi và Uyên Dung ngồi ghế chủ nhân nam, nữ.

Ngoài ra, theo sự sắp đặt của tôi, khi tôi bước vào phòng tiệc, đội nhạc bắt đầu tấu nhạc.

Khi tiệc đến lúc uống sâm banh, theo sắp đặt của tôi, Phô Kiệt đứng lên nâng chén hô to: “Hoàng đế bề hạ muôn năm, muôn năm, muôn năm”. Cả gia tộc tôi đều hô theo kê cả cha tôi. Nghe những tiếng hô này dù người không say rượu cũng cảm thấy say say.

Ngày hôm sau, Bảo Hy, đại thần Phủ nội cung nói với tôi: Bộ tư lệnh quân Quan Đông cử người tới lấy danh nghĩa đại sứ quán đưa ra kháng nghị đối với tôi rằng, hôm trước quân bảo vệ ra ga xe lửa là vi phạm hiệp nghị mà nhà đương cục Đông Bắc trước đã ký với Nhật Bản về nghĩa vụ mà “đế quốc Mãn Châu” gánh vác. Hiệp nghị này quy định: trong phạm vi nhất định của hai bên đường sắt là đất phụ thuộc “đường sắt Mãn Châu”, ngoài quân Nhật, bất cứ lực lượng vũ trang nào cũng không được vào. Quan tư lệnh quân Quan Đông - không, đại sứ Nhật bản yêu cầu từ nay về sau không xảy ra những việc như thế.

Sự việc này lẽ ra đủ để tôi tỉnh táo lại, song khi đó người Nhật còn biết giữ thể diện cho tôi trước hết là không phản đối công khai, sau nữa là khi tôi cho người đi xin lỗi và cam kết, họ không nói gì nữa. Song điều chủ yếu là họ quy định cho tôi nhiều hình thức rất thoả mãn lòng hiếu danh của tôi khiến tôi lại chìm đắm trong mê muội.

Điều tôi say sưa nhất là “Ngự lâm hạnh” và “tuần thú”.

Theo sắp xếp của quân Quan Đông, mỗi năm tôi sẽ đi ra ngoài hai lần gọi là “tuần thú”. Ở “Tân Kinh” (Trường Xuân) mỗi năm tôi sẽ tham gia 4 lần nghi thức đội ngũ: một lần đi “tháp trung linh” tế vong hồn quân Nhật chết trong cuộc chiến tranh xâm lược; một lần đến Bộ tư lệnh quân Quan Đông chúc thọ Nhật hoàng; một lần đến “Hội Hiệp hoà” tham dự hội hàng năm; một lần đến “Kiến quốc trung linh đường” tế vong linh quân ngự Mãn. Những cuộc đi ra ngoài như thế gọi là “Ngự lâm hạnh”.

Cái gọi là “sắp xếp thứ tự khi thiên tử đi ra” là như sau: đi đầu là xe đi dẹp đường của quân cảnh, sau đó một quãng là một xe màu đỏ cắm một lá cờ nhỏ, ngồi trong xe là “Tổng giám đốc cảnh

sát”, tiếp đó là “xe chính” tôi ngồi, toàn màu đỏ, hai bên có xe mô tô hộ tống, cuối cùng là xe của nhân viên tùy tùng và nhân viên bảo vệ.

Trước một ngày tôi đi ra, hiện binh và quân cảnh Trường Xuân vin có bắt “những phần tử khả nghi” và “dân lang thang” chương mắt. Căn cứ vào những dấu hiệu đó, dân thành phố biết là tôi sẽ đi ra. Đến ngày tôi đi ra, ven đường bố trí đầy quân cảnh, cấm người đi đường qua đường, cấm người ở các cửa hàng và nhà hai bên đường ra vào, cấm nhìn theo dõi qua cửa sổ. Tại cửa lớn “Hội Hiệp hoà” treo dây cờ vàng.

Trước khi xa giá lăn bánh, đài phát thanh lập tức thông báo toàn thành phố “hoàng đế bệ hạ khởi giá xuất cung” nói bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Nhật. Khi đó toàn thể người trong “Hội Hiệp hoà” đứng dậy, các quan đặc nhiệm “thủ tướng” trở xuống đều xếp hàng ở bên ngoài ngoài “phụng nghênh”. Xa giá đến, mọi người khom mình 90 độ đồng thời đội nhạc cử “quốc ca”. Tôi tiến vào trong nhà, trước hết nghỉ một lát sau đó tiếp kiến các đại thần Phủ nội cung, chánh võ quan tùy tùng, xử trưởng thị vệ, xử trưởng lễ nghi, võ quan tùy tùng... đứng hai bên. Bàn ghế và khăn trải bàn đều từ Phủ nội cung mang tới. Các quan viên có tư cách từ thủ tướng trở xuống lần lượt làm lễ trước tôi và lui ra. Cảnh đó diễn xong, tôi đứng lên rời chỗ, đội nhạc lại vang lên cho đến khi tôi tiến vào hội trường, bước lên bục nói mới thôi. Trong thời gian đó, mọi người trong hội trường đều khom mình 90 độ. Viên tư lệnh Quan Đông lúc đó đứng ở một góc bục nói, thấy tôi bước lên cúi mình chào, tôi quay lại đáp lễ, những người đứng bên dưới đều đứng thẳng lên, khi đó đại thần Phủ Cung nội hai tay dâng “lời chiêu”. Tôi đến lấy mở ra, hướng cả hội trường truyền đọc. Những người dưới hội trường đều nhất loạt đứng cúi đầu. Không được nhìn lên, đọc xong, khi tôi ra khỏi hội trường, tiếng nhạc lại vang lên, mọi người lại khom mình 90 độ, tôi về phòng khách nghỉ ngơi, các quan đặc nhiệm lại ra bên ngoài chuẩn bị “phụng tiễn”. Sau khi đưa tôi về, loa phóng thanh trên đường phố toàn thành phố lại phát ra bằng hai thứ tiếng “hoàng đế bệ hạ khởi giá về cung”. Tôi về đến nhà, loa phóng thanh còn một lần nói “hoàng đế bệ hạ về cung bình yên”.

Nghe nói, đây là phương thức những biện pháp áp dụng cho Thiên hoàng Nhật Bản, ghi lời trên ảnh của tôi cũng bắt chước từ Nhật Bản. Ảnh của tôi gọi là “Ngự dung”. Theo quy định ở những nơi quy định đặc biệt của các cơ quan, trường học, quân đội và mọi đoàn thể công cộng như phòng họp cơ quan, phòng hiệu trưởng trường học, đặt một thứ như khám thờ thần phật, bên ngoài có màn che, bên trong treo ảnh và “chiếu thư” của tôi. Bất cứ ai bước vào những phòng đó đều phải trước tiên làm lễ trước nơi che màn đó. Tại nhà dân cư, tuy không có pháp lệnh cưỡng chế treo ảnh “Ngự dung”, song Hội Hiệp hoà đã ép mua ảnh của tôi và Uyên Dung và chỉ định phải treo ở nhà chính.

Trọng điểm của việc thi hành sùng bái ngu muội đó là ở quân đội và trường học. Mỗi buổi sáng, quân đội, nguy Mãn ở khắp nơi và trường học đều cử hành triều hội, phải cử hành lễ vái hai lần tức là trước hết hướng về nơi “vua ở” phía đông (nơi của Thiên Hoàng ở Tokyo), sau đó hướng về phía đế cung ở Trường Xuân cử hành lễ chào cúi 90 độ. Ngoài ra khi gặp “ngày công bố chiếu thư” còn phải đọc chiếu thư.

Ngoài ra, còn có nhiều quy định khác, như nghi thức “tuần thú” ở các nơi, tôi không nói hết ở đây. Tóm lại là, bọn quân phiệt Nhật Bản rất coi trọng thực hành những trò chơi đó. Theo thể nghiệm của tôi, điều đó không những để huấn luyện người Trung quốc, tạo thành tập quán phục tùng mù quáng và tư tưởng mê tín phong kiến mà đối với người Nhật lớp dưới cùng như thế. Quân Quan Đông Nhật Bản đã mấy lần lợi dụng tôi đi cổ vũ thân dân của họ. Một lần tôi đến mỏ than Trung Tân, người Nhật tập trung những độc công Nhật lại để tôi nói mấy lời khuyến khích. Những độc công được “vinh dự đặc biệt” này đã cảm động đến rơi nước mắt. Đương nhiên, khi đó tôi cũng cảm thấy mình có giá.

Điều khiến tôi có cảm giác sai lầm lớn nhất tự nhận mình có quyền uy rất cao là sau chuyến đi thăm Nhật Bản tháng 4 năm 1935.

Thực ra, trong chuyến đi thăm Nhật Bản này, hoàn toàn do quân Quan Đông sắp đặt. Họ nói: để cảm ơn Nhật hoàng đã cử ngự đệ đến chúc mừng tôi “lên ngôi”, cũng là để tôi đích thân làm điển hình cho sự “thân thiện Nhật - Mãn” yêu cầu tôi phải như thế.

Chính phủ Nhật Bản tổ chức một uỷ ban đón tiếp 14 người do Nam tước Hayashi Kenjia đứng đầu, cử chiến hạm Tỳ Nhuệ hoàn đón tiếp, còn có các chiến hạm Bạch Vân, Tùng Vân, Bạc Vân hộ tống. Khi tôi lên tàu ở Đại Liên đã đi duyệt các đội khu trục hạm thứ 12, 15.

Khi đến cảng Yokohama, có biên đội 100 máy bay hoan nghênh. Nhớ lại trong cuộc hành trình được chiều chuộng đến u mê đầu óc này, tôi đã viết một bài thơ 4 chữ:

Hải binh như kính

*Vạn lý viễn hành,
Lưỡng bang huê thủ
Vĩnh cố Đông phương.*

Tạm dịch:

*Biển phẳng như gương
Vạn dặm đi xa
Hai nước nắm tay
Vững mãi Đông phương.*

Ngày thứ tư trên tàu, một lần tôi được xem cuộc diễn tập của 70 tàu chiến. Trong cơn say tàu tôi nôn nao, tôi viết một bài thơ 7 chữ tuyệt cú:

*Vạn lý hùng hàng phá phi đào
Bích thương nhật sắc thiên địa giao
Thử hành kỳ cản lam sơn thủy
Lưỡng quốc thân mình nhật nguyệt chiếu.*

Tạm dịch:

*Vạn dặm sóng còn vượt biển khơi
Xanh xanh một giải nối chân trời
Chuyến đi đâu phải ngao sơn thủy
Hai nước tình thân rạng đất trời.*

Nói chung vẫn còn chưa lên bờ tôi đã bị u mê đầu óc. Tôi không những khiếp sợ khi nhìn thấy uy lực của Nhật Bản mà còn coi đó là sự thật lòng tôn kính đối với tôi. Tôi chỉ tự trách mình đã sai lầm với những điều không vui trước kia.

Đến Tokyo Nhật Bản, Nhật hoàng Hirohito đích thân ra ga đón tôi và mở tiệc chiêu đãi tôi. Sau khi tôi đến chào họ, ông ta lại đến chào lại. Tôi đã tiếp kiến các nguyên lão, trọng thần Nhật Bản, được họ chúc mừng; lại cùng Hirohito duyệt binh. Tôi còn đi thăm “Minh trị thân cung”, thăm hỏi một số sĩ quan, binh lính đã bị thương khi xâm lược Trung Quốc tại bệnh viện lục quân. Tôi đến nơi ở của mẹ Hirohito dâng lễ vật. Báo chí Nhật Bản đã đưa tin về việc tôi cùng bà ta tản bộ, nói có một lần lên dốc, tôi đã lấy tay đỡ hoàng thái hậu Nhật Bản, điều đó cũng giống như tình cảm của tôi khi ở trong nội phủ Trường Xuân khi tôi đỡ cha tôi lên bậc thềm. Thực ra, từ trước tới nay tôi chưa đỡ cha tôi bao giờ, nếu như hỏi tình cảm của tôi khi đỡ mẹ Hirohito tôi thẳng thắn nói, điều đó thuần túy là vì nịnh nọt.

Ngày cuối cùng, em trai Hirohito thay mặt anh ra ga tiễn tôi, ông ta đọc lời tiễn:

“Đến Nhật Bản lần này, hoàng đế bệ hạ đã công hiến rất lớn cho sự thân thiện Nhật - Mãn. Thiên hoàng bệ hạ nước tôi cảm thấy hết sức hài lòng. Mong hoàng đế bệ hạ về nước với niềm tin vững chắc rằng Nhật Mãn thân thiện sẽ có thể thật sự đạt được. Đó là mong muốn của chúng tôi”

Tôi lại hết sức nịnh nọt đáp lời:

“Đối với sự đón tiếp long trọng của hoàng thất Nhật Bản và sự hoan nghênh nhiệt tình của quốc dân Nhật Bản, tôi vô cùng cảm kích. Hiện nay tôi hạ quyết tâm, nhất định sẽ dốc sức cố gắng cho sự thân thiện lâu dài Nhật-Mãn. Đối với sự việc này, tôi vốn có niềm tin thật sự”.

Lúc sắp lên tàu ra đi, tôi yêu cầu Hayashi Kenya người phụ trách đón tiếp chuyển lời cảm ơn tới Thiên hoàng Nhật Bản và mẹ Hirohito. Lúc đó hai hàng nước mắt nhục nhã đã ứa đầy mắt tôi và ông già này cũng khóc.

Sự tiếp đãi của hoàng thất Nhật Bản đối với tôi lần này khiến đầu óc tôi càng cuồng nhiệt, cảm thấy từ sau khi làm hoàng đế, ngay không khí cũng thay đổi mùi. Đầu óc tôi xuất hiện một lô gích: Thiên hoàng và tôi bình đẳng. Địa vị Thiên hoàng tại Nhật Bản cũng là địa vị của tôi tại nước Mãn Châu. Người Nhật Bản đối với tôi cũng như đối với Thiên hoàng vậy.

Trong sự hôn mê như vậy tôi về tới Trường Xuân lập tức phát biểu “hồi loạn huân dân

chiêu thư” (Chiêu huân thị dân chúng sau khi vua trở về), đồng thời mời đại tướng Nanjiro tư lệnh quân Quan Đông mới nhận nhiệm vụ bày tỏ với ông ta cảm tưởng của tôi. Ngày hôm sau (tức 29/4) tôi vô cùng vui vẻ tham gia cuộc họp chúc mừng sinh nhật Nhật hoàng Hirohito; ngày tiếp đó liền vội vã xuống dự triệu tập toàn thể các quan lại chức có giản (59) trở lên không kể là người Trung Quốc hay người Nhật Bản đến nghe tôi huân thị nói về cảm tưởng đi thăm Nhật Bản. Việc này tôi hoàn toàn không thương lượng với người Nhật Bản cũng không chuẩn bị bài nói, tới lúc đó lại thao thao luyến luyến. Tôi nói về quá trình đi thăm Nhật Bản, miêu tả chi tiết sự tiếp đãi của Thiên hoàng Nhật Bản đối với tôi nói về sự tôn kính của Nhật Bản đối với tôi. Sau đó cao hứng bình luận:

“Vì sự thân thiện Nhật Bản tôi tin tưởng chắc chắn rằng nếu người Nhật Bản có điều gì không có lợi cho người Mãn Châu tức là không trung thành với Thiên hoàng bệ hạ; nếu như người Mãn Châu có điều gì không có lợi cho người Nhật Bản cũng tức là không trung thành với hoàng đế Mãn Châu. Nếu không trung thành với hoàng đế Mãn Châu cũng là không trung thành với Thiên hoàng, Nhật Bản, không trung thành với Thiên hoàng Nhật Bản cũng là không trung thành với hoàng đế Mãn Châu”.

Những điều tôi nghĩ thật quá ngây thơ.

Về tới Trường Xuân chưa đến một tháng, Nanjiro tư lệnh quân Quan Đông trong một cuộc hội kiến đã nói với tôi: “Thủ tướng Trịnh Hiếu Tế mệt mỏi muốn rút lui, cần để ông ta nghỉ dưỡng lão, thay một thủ tướng đại thần khác”. Về việc Nhật Bản không hài lòng với Trịnh Hiếu Tế, tôi đã nghe qua, đang tìm dịp để đuổi ông ta, nay Nanjiro nêu việc này ra, tôi lập tức không cân nhắc nói ngay: Để Trịnh Hiếu Tế nghỉ, tôi hoàn toàn đồng ý. Chức thủ tướng có thể để Tang Thúc Nghị thay thế. Tôi cho rằng nghe tôi hai lần nói rõ về “Nhật Bản thân thiện” Nanjiro nhất định sẽ tuân lệnh, nào ngờ ông lắc đầu nói: “Không, quân Quan Đông đã cân nhắc chọn người thích hợp, hoàng đế bệ hạ không phải quan tâm, hãy để Trương Cảnh Huệ làm thủ tướng đại thần tốt hơn”.

Trước đó không lâu, tại “thư viện Vương đạo” Trịnh Hiếu Tế đã thốt ra lời bất mãn. Ông nói với những người nghe giảng: “Nước Mãn Châu nay không còn là đứa trẻ con nữa, nên để cho nó tự đi, không nên chèn ép nào cũng không buông tay”. Câu nói đó chọc tức ông chủ Nhật Bản vì vậy đã bị ông chủ gạt bỏ. Sau đó ngay “tiên lao công kiến quốc” của ông ta ở ngân hàng, ông ta cũng không rút được, muốn rời khỏi Trường Xuân cũng không được phép. Dưới sự giám sát của hiền binh Nhật, Trịnh Hiếu Tế chỉ có thể ở nhà viết chữ, làm thơ. Ba năm sau, kết cục ô mồm ước mong chưa thỏa mắc bạo bệnh chết ở Trường Xuân. Trịnh Thúy con ông ta cũng mắc bệnh cấp tính chết trước 3 năm. Nghe đồn, cha con ông đều chết vì sự ám hại của Nhật Bản. Dù tin đồn không đúng, sự sụp đổ của ông ta cũng đã đập tan ảo tưởng khôi phục sự nghiệp tổ tiên của tôi, song mãi một năm sau, trước trước ngày Nhật Bản xâm lược toàn diện Trung Quốc tôi mới dần dần thấy rõ.

Ảo tưởng bị tan vỡ

Sau khi rút khỏi Liên minh quốc tế đầu năm 1933, Nhật bản càng tha hồ mở rộng quân bị để chuẩn bị chiến tranh, nhất là khẩn trương bố trí kế hoạch xâm lược toàn diện Trung Quốc và chuẩn bị hậu phương. Trước sự biến mệnh 7 tháng 7 (60) Nhật bản liên tiếp dùng vũ lực và gây sự biến tại vùng Hoa Bắc, chính quyền Quốc dân Đảng Nam Kinh từng bước khuất phục, đã ký “Hiệp định Hà Ưng Khâm - U-nơ-du”, “Hiệp định Tần Đức Thuần - Toihara” và các hiệp định khác nhường quyền kiểm soát Hoa Bắc cho Nhật, chấp nhận sự tồn tại và hoạt động của các tổ chức nguy như “Chính phủ tự trị phòng cộng miền đông Hà Bắc”, “Chính phủ quân sự tự trị Nội Mông” v.v., mấy lần bày tỏ với Nhật “không những không có hành động và tư tưởng chống Nhật, mà vốn cũng không có lý do gì để chống Nhật”, hơn nữa còn ra lệnh “hoà thuận với láng giềng”, nhấn mạnh sẽ nghiêm trị những ai chống đối với Nhật Bản. Vì thế, thế lực của Nhật Bản tại miền Hoa Bắc được tăng cường nhanh chóng, mọi người đều có thể nhận thấy rằng chỉ cần tới một thời gian nào đó là 5 tỉnh của Trung Quốc sẽ hoàn toàn

mất đứt.

Phần trước tôi đã nói, thời kỳ này là lúc bọn mê muội phục hồi ở trong và ngoài Trường thành đang muốn thử sức thực hiện ý muốn của mình, và cũng là thời gian trước sau khi tôi hý hửng lên làm vua lần thứ ba. Song, trong khi Nhật Bản nhe nanh múa vuốt ở phía Trường thành Trung Quốc, thì chúng đồng thời cũng ngày càng có nhiều biện pháp ở “nước Mãn Châu” của chúng. Các biện pháp đó cuối cùng là nhằm chia vào tôi lúc đó đang làm “hoàng đế”.

Quá trình thuộc địa hoá hoàn toàn vùng Đông Bắc Trung Quốc phải nói cho công bằng là bọn Hán gian cũng được lợi nhiều bề. Chẳng hạn như việc khôi phục lại chế độ quân chủ, biện pháp này không những khiến bọn mê muội phục hồi được vừa ý với một mức độ nào đó về mặt tâm lý mà còn là một dịp để bọn chúng phát tài. Các đại thần Hán gian kể từ Trịnh Hiếu Tế trở xuống, mỗi người đều được một khoản tiền thưởng từ 5 vạn đến 60 vạn đồng “công lao dựng nước”, tổng cộng bọn chúng được tất cả là 8 triệu đồng, sau đó cứ mỗi đợt vơ vét lớn chẳng hạn như “dự trữ lương thực”, “quyên góp yêu nước”.. thì từ “tổng lý đại thần” tới áp trưởng lại một lần nữa được chia “tiền thưởng”. Ở đây tôi không muốn nhắc lại toàn bộ các biện pháp của Nhật Bản mà chỉ muốn nói sơ qua quá trình tư tưởng khôi phục lại sự nghiệp tổ tiên của tôi bị tiêu tan và những sự việc đã làm tôi hết sức ghê rợn.

Lẽ ra, khi quân Quan Đông Nhật Bản chính thức cho tôi biết: khôi phục chế độ quân chủ không phải là khôi phục nhà Thanh, không cho phép tôi mặc áo long bào khi “lên ngôi” và không đem xĩa gươm ý kiến của tôi khi quyết định người làm “tổng lý đại thần”, thì tôi phải biết cái “tôn nghiêm” của mình chỉ là thứ giả tạo, song vì quá “say mê” ngôi vua, nên tôi không vì thế mà tỉnh ngộ. Sự việc khiến tôi bắt đầu nếm mùi vị bị tan vỡ phải nói là vụ “Lăng Thăng”.

Lăng Thăng là con của Quý Phúc, thống đốc Mông Cổ, cuối đời Thanh, vốn là cố vấn tổng tư lệnh quân bảo an 3 tỉnh Đông Bắc thuộc Trương Tác Lâm và cố vấn quan Thử sử Tuyên phủ Mông Cổ. Y là một trong những “đại biểu thỉnh nguyện” ở Lữ Thuận hoạt động cho tôi lên làm vua, vì vậy được liệt vào hàng ngũ những người “có công dựng nước”. Hồi xảy ra vụ này, y là tỉnh trưởng tỉnh Hưng An của ngụy Mãn, mùa xuân năm 1936, bỗng nhiên bị quân Quan Đông Nhật Bản bắt giữ. Theo Yoshioka Anchicư là người do quân Quan Đông phái đi bắt nói thì nguyên nhân Lăng Thăng bị bắt là vì có hoạt động chống “nước Mãn Châu” và Nhật Bản. Song theo tin của Đông Tế Hy nghe được thì trong một cuộc họp liên tịch các tỉnh trưởng, y đã phát biểu những lời kêu ca, do đó khiến người Nhật nổi giận. Nghe nói trong cuộc họp đó y oán trách quân Quan Đông nói và làm không nhất trí. Y nói, hồi ở Lữ Thuận, chính tại y đã được nghe thấy Itagaki nói Nhật Bản sẽ thừa nhận “nước Mãn Châu” là một nước độc lập nhưng sự thật về sau thì việc gì cũng bị quân Quan Đông can thiệp. Y nói, y ở tỉnh Hưng An có chức chứ không có quyền, mọi việc đều phải do người Nhật định đoạt. Họp xong, vừa trở về tới Hưng An thì y ắt bị bắt. Nghe tin này, tôi rất không yên tâm, vì mới nửa năm trước đây thôi tôi đã cùng y kết thành thông gia; em gái thứ tư của tôi đính hôn với con trai của y. Tôi đang do dự có nên nói với bên quân Quan Đông thông cảm cho không thì Kenkichi Ueda, tư lệnh quân Quan Đông vừa nhậm chức và là đại sứ tại nước Mãn Châu tìm đến tôi và nói:

- Mấy hôm trước chúng tôi khám phá ra một vụ án, tội phạm là Lăng Thăng, tỉnh trưởng tỉnh Hưng An mà bệ hạ quen đây. Y câu kết với nước ngoài, âm mưu làm phản chống lại Nhật Bản. Toà án quân sự đã điều tra tội chống nước Mãn Châu và chống lại Nhật Bản của y, và tuyên bố y bị tử hình.

- Tử hình? - tôi kinh ngạc.

- Đúng, tử hình. - Y gật đầu nói lại một lần nữa cho phiên dịch của y, có ý nói rõ cho tôi biết rồi quay lại nói với tôi:

- Giết một đề răn trăm, bệ hạ ạ. Giết một đề răn trăm là điều cần thiết.

Sau khi y về, tham mưu quân Quan Đông lại thông tri cho tôi biết, nên lập tức từ bỏ việc hôn nhân giữa con trai của Lăng Thăng với em gái thứ tư của tôi. Tôi vội vàng tiến hành ngay.

Lăng Thăng bị hành quyết chém đầu. Cùng bị chém còn có vài người thân thuộc của y. Đó là nhân viên quan trọng đầu tiên mà tôi được biết bị người Nhật giết hại, hơn nữa lại là người mới kết thông gia với tôi. Bằng hành động kết thành thông gia với tôi, tôi rất biết Lăng Thăng là người sùng bái tôi nhất và cũng là người trung thành với tôi nhất. Thế nhưng tiêu chuẩn thước đo duy nhất của quân Quan Đông đối với mọi người là thái độ đối với Nhật Bản như thế nào; và khỏi nói, họ cũng lấy tiêu chuẩn thông nhất ấy đối xử với tôi. Nghĩ đến đây, tôi càng thấy câu nói “giết một đề răn trăm” của Ueda Kenkichi thật là nham hiểm và đáng sợ.

Việc này làm tôi lại nghĩ đến một việc cách đó không lâu. Ấy là cuối năm 1935, có một số nhân vật như Nhiệm Tổ An, đồ đệ của Khang Hữu Vi, Ngô Thiên Bồi, quan tâm việc của tôi trước

kia... vì muốn phục hồi nhà Thanh nên thường lui tới hai miền Nam Bắc Trường thành tiên hành hoạt động, đã khiến quân Quan Đông chú ý. Về việc này quân Quan Đông cũng đã từng hỏi tôi để điều tra. “Vụ Lăng Thăng” đã nhắc nhở tôi rằng người Nhật không thích những việc tương tự như thế, hãy nên cẩn thận một chút thì hơn.

Người Nhật thích gì? Tự nhiên tôi lại nghĩ ngay đến một người hoàn toàn khác với số mệnh của Lăng Thăng, đó là Trương Cảnh Huệ. Người Nhật thật sự muốn lấy hai người này làm hai gương cho chúng tôi xem. Một họa, một phúc đối chiếu rõ rệt. Sở dĩ Trương Cảnh Huệ được người Nhật ưa chuộng và được thay thế Trịnh Hiểu Tế là vì y có bài bản của y.

Một lần, viên quan Bộ tổng vụ phát biểu cái lý thuyết quái đản “Nhật-Mãn cùng một lòng, một đạo đức” trong một buổi họp quốc vụ để làm căn cứ cho hành động của Nhật Bản cướp bóc tài nguyên khoáng sản của Trung Quốc, sắp hết buổi họp, “Tổng lý đại thần” Trương Cảnh Huệ được mời phát biểu mấy câu. Y nói: “Tôi là ông già thô kệch, không biết chữ, nhưng cũng xin nói vài câu thô kệch vậy. Hai nước Nhật-Mãn ví như hai con chuồn chuồn buộc chung một sợi chỉ”, câu nói đó liền được người Nhật tán tụng một dạo và được lấy làm “câu cách ngôn” để nhắc nhở những quan viên “nước Mãn Châu”. Khi Nhật Bản thi hành chính sách “mở mang đất đai và di dân” ở Đông Bắc (61), “hội nghị quốc vụ” phải thông qua một đạo luật quy định Nhật Bản chỉ cần bỏ ra một phần tư hay một phần năm giá tiền đất đai là có thể mua ruộng đất ở vùng Đông Bắc. Có một số đại thần như Hàn Văn Giai... một là vì sợ dân “nô loạn”, hai là vì tự mình có nhiều ruộng đất không muốn bị thiệt nên đã tỏ ý phản đối. Lúc ấy Trương Cảnh Huệ đứng ra nói: “Đất đai nước Mãn Châu thiếu gì người Mãn Châu đều là những người quê mùa, không có kiến thức, để người Nhật tới vỡ hoang và dạy cho kỹ thuật, chẳng phải lợi cả đôi bên hay sao? Thế là đạo luật này được thông qua. Câu nói “lợi cả đôi bên” từ đó lại được người Nhật thường xuyên nhắc đến. Về sau, vì tiến hành khẩn trương chính sách “dự trữ lương thực”, lương thực của nông dân Đông Bắc bị trưng mua hết sạch, một số “đại thần” cũng vì giá trưng mua quá thấp mà trực tiếp thiệt hại đến lợi ích của mình nên vin cớ nông dân bị đói kém, yêu cầu “hội nghị quốc vụ” bàn việc nâng cao giá trưng mua. Tất nhiên người Nhật không chịu; và Trương Cảnh Huệ lại nói với mọi người: “Quân đội Nhật Bản không tiếc xương máu, người Mãn Châu chúng ta đóng góp chút lương thực thì có thâm vào đâu. Đói thì thắt chặt dây lưng lại một chút là qua khỏi thôi”. Câu “thắt chặt dây lưng” lại được người Nhật thích nhắc đến nhất, dĩ nhiên họ không phải nói để họ nghe.

Tư lệnh quân Quan Đông thường hay khen ngợi Trương Cảnh Huệ là “thừa tướng tốt” và “người thực hiện Nhật-Mãn thân thiện” trước mặt tôi. Lúc bấy giờ tôi ít nghĩ đến lời nói đó có ý nghĩa gì đối với tôi, nay có “tâm gương” Lăng Thăng so sánh với Trương Cảnh Huệ, và tôi đã hiểu.

“Vụ Lăng Thăng” đã qua, nhưng việc gặp gỡ giữa tôi và Đức Vương càng làm tôi không yên lòng.

Đức vương tức Đơn chúc Đông rúp, người tổ chức ra “chính phủ quân sự tự trị Nội Mông” do Nhật thao túng. Ông vốn là một vương công Mông Cổ. Hồi tôi ở Thiên Tân, ông từng cho tiền tôi, tặng giồng ngựa tốt Mông Cổ cho Phô Kiệt, tìm nhiều cách tỏ ý trung thành với tôi. Lần này ông có việc tìm đến quân Quan Đông cho phép đến thăm tôi. Ông kể tình hình của mình mấy năm qua và tình hình thành lập “chính phủ quân sự tự trị Nội Mông”, bất giác thốt ra những lời kêu ca oán trách người Nhật ở chỗ chúng quá hống hách chuyên quyền. Ông nói trước khi thành lập chính quyền tự trị” quân Quan Đông hứa hẹn nhiều điều, nhưng rồi sau chẳng thực hiện điều nào. Điều làm cho ông khó nỡ nhất là ông không tự chủ được việc gì cả. Nghe ông nói, tôi cũng phàn nàn kêu ca, thông cảm với ông cùng cảnh huống và an ủi một hồi. Không ngờ hôm sau, Yoshioka, tham mưu liên lạc của quân Quan Đông phái đến làm liên lạc bên cạnh tôi, về sau làm “tùy viên nhà vua” mà tôi sẽ nói ở phần sau, hàm hàm nét mặt tới gặp tôi, hỏi:

- Hôm qua bệ hạ nói gì với Đức Vương thế nhỉ?

Tôi thấy có điểm không tốt, bèn chối bay chối biến rằng đó chỉ là chuyện hàn huyên bình thường thôi.

Y không buông tha, truy hỏi: “Câu chuyện hôm qua tỏ ý gì bất mãn người Nhật không?”.

Trống ngực tôi đánh thình thình. Tôi biết chỉ có cách duy nhất là chối phăng và cách tốt hơn hết là lấy thế lúi thay thế công.

“Có lẽ Đức Vương bịa ra lời gì đó chẳng?”.

Yoshioka không hỏi dồn nữa. Song mấy ngày liền, tôi đã rợn tóc gáy, lo lắng vô cùng. Tôi nghĩ việc này chỉ có hai khả năng, nếu không phải là người Nhật đã gài máy nghe trộm trong phòng tôi

thì là Đức Vương đã nói hết sự thật với người Nhật rồi. Để tháo gỡ mọi lo lắng rồi bởi ấy, tôi ra công lục tìm xem có chiếc máy nghe trộm đặt trong phòng không, nhưng rút cục chẳng có gì hết. Tôi lại nghĩ hoặc có lẽ Đức Vương bán rẻ tôi, nhưng cũng chẳng có chứng cứ gì. Hai khả năng này đều không đoán được, nhưng cũng không phủ định được, vì vậy cứ âm ảnh tôi mãi.

Sau này, những việc tôi hiểu càng nhiều hơn “vụ Lăng Thăng” đã dạy cho tôi. Từ đó tôi không tâm sự với bất cứ người nào từ ngoài tới. Đối với bất kỳ người khách nào đến thăm tôi cũng cảnh giác. Sự thật là từ khi tôi diễn thuyết sau khi đi thăm nước Nhật trở về thế ngày càng có ít người chủ động đến gặp tôi, và sau cuộc gặp gỡ với Đức Vương hình như không còn ai đến gặp tôi nữa. Đến năm 1937, quân Quan Đông lại nghĩ ra một qui định mới nghĩa là mỗi lần tôi tiếp ai đều phải có “tùy viên nhà vua” đứng bên cạnh.

Bước sang năm 1937, tôi ngày càng lo lắng.

Trong sáu tháng đầu năm, trước sự biến “mùng 7 tháng 7” xảy ra, Nhật bản đã tăng nhanh tốc độ chuẩn bị chiến tranh xâm lược toàn diện Trung quốc. Để củng cố ách thống trị ở căn cứ hậu phương của chúng, chúng đàn áp toàn diện phong trào yêu nước chống Nhật của nhân dân Đông Bắc. Ngày 4 tháng giêng, “Hình pháp của đế quốc Mãn Châu” được ban bố theo lệnh của “Hoàng đế Mãn Châu quốc”, kẻ đó bắt đầu tiến hành các đợt “tổ giác” “trừng trị” ráo riết thực hành “liên gia giám sát”, cưỡng bức mọi người phải vào “Hội liên hiệp thân thiện”, bắt dân sửa đường, xây lô cốt, sát nhập thôn ấp... Nhật-bản điều đến 20 sư đoàn quân để đối phó với 45.000 liên quân chống Nhật và không bỏ qua những người chúng cho là “không kiên định”. Cuộc “tổ giác” và “trừng trị” ấy không giành được hiệu quả lắm, song tư lệnh quân Quan Đông vẫn khoe với tôi “uy thế và chiến công hiển hách” của quân đội Nhật Bản.

Chưa tới một năm sau, Nhật Bản lại điều binh khiển tướng ào ạt tới (sau này được biết gồm có 70 vạn quân Nhật và 30 vạn quân ngụy) mở đợt “càn quét trừng trị” mới. Cùng thời gian này, theo tâm phúc của tôi là Trưởng ty cảnh vệ Đông Tê Hy cho biết thì, các nơi thường có người bị “mất tích”, hình như những phần tử chống nước Mãn Châu và kháng chiến chống Nhật bắt mãi mà vẫn không hết.

Tôi không bao giờ được nghe thấy tin thật trong những cuộc nói chuyện với tư lệnh quân Quan Đông cũng như trong những báo cáo thường lệ của “Tổng lý đại thần”, chỉ có Đông Tê Hy mới có thể cho tôi biết được một vài sự thật. Y từng nói cho tôi biết, tư lệnh quân Quan Đông nói với tôi tin thắng lợi về “càn quét trừng trị” chưa chắc là đúng. Tin tức cho là “thô phỉ” cũng khó nói là những người như thế nào. Y nói, y có một vài người bà con bị bắt làm lao công, từng tham gia xây dựng một công trình bí mật, theo người bà con này cho biết, sau khi công trình này hoàn thành, những người lao công đều bị giết sạch, chỉ có người bà con này và người khác may mắn sống sót, trốn được ra ngoài. Theo Đông Tê Hy thì có một lần báo chí thổi phồng một nơi nào đó tiêu diệt được bao nhiêu “thô phỉ”, nhưng người ấy chính là những lao công bị giết hại.

Câu chuyện của Đông Tê Hy kể xảy ra không lâu thì Ngô Hăng Nghiệp, người từng làm phiên dịch tiếng Anh cho tôi bị mất tích. Có một hôm Phô Kiệt đến nói với tôi: Ngô Hăng Nghiệp bị bắt vì đi lại với người Mỹ khi còn làm việc của “nước Mãn Châu” tại Tôkyô, và bây giờ đã chết trong trại huấn binh Nhật. Phô Kiệt còn nói, trước khi chết, Ngô Hăng Nghiệp có nhờ cai tù mang cho Phô Kiệt một bức thư, nhờ Kiệt xin tôi đi nói hộ, song Kiệt lúc ấy không dám nói với tôi. Nghe vậy, tôi bảo Kiệt đừng nói tiếp nữa.

Trong đoạn thời gian này, tất cả những chính sách và luật pháp do tôi đồng ý ban hành trong đó có nhiều biện pháp cho Nhật Bản tăng cường chuẩn bị chiến tranh và kiểm soát vùng thuộc địa này như “kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về khai thác tài nguyên”, “luật kiểm soát tài sản”, hoặc “cải tổ cơ cấu chính phủ” nhằm thích ứng hơn nữa nhu cầu kiểm chế hay quy định tiếng Nhật làm tiếng “quốc ngữ”... đều không làm tôi bị kích động bằng việc hôn nhân của Phô Kiệt.

Sau khi tốt nghiệp trường con em quý phái Nhật Bản, Phô Kiệt chuyển vào học trường sĩ quan lục quân. Mùa đông năm 1935, Phô Kiệt từ Nhật Bản về Trường Xuân với quân hàm trung úy “cầm vệ”. Từ đó, những người trong quân Quan Đông quen biết Phô Kiệt thường bàn luận với Kiệt về vấn đề hôn nhân, nào là đàn ông phải có đàn bà hầu hạ, nào là phụ nữ Nhật Bản là người vợ lý tưởng nhất trên thế giới. Thoạt đầu nghe Phô Kiệt nói đến việc này, tôi chỉ cười xoa chứ không để tâm. Không ngờ về sau quân Quan Đông phái Yôshijôka Anchiôcur, người làm việc ngay bên cạnh tôi đến gặp tôi nói rằng, đề xúc tiến quan hệ thân thiết giữa hai nước Nhật Mãn, ý của quân Quan Đông là mong muốn Phô Kiệt lấy vợ người Nhật Bản. Lúc ấy tôi không tỏ ra đồng ý hay không, nhưng trong lòng rất không yên, tôi vội vàng tìm gặp em gái thứ hai của tôi cùng tìm cách đối phó. Chúng tôi đều

nhất trí đây là âm mưu của người Nhật định lôi kéo Phổ Kiệt, muốn Kiệt có một đứa con trai cõ dòng máu Nhật Bản để khi cần thiết có thể thay thế tôi. Để thủ tiêu ý đồ của quân Quan Đông, tôi quyết định bắt tay ngay vào việc tổ chức lễ cưới cho Phổ Kiệt. Tôi gọi Phổ Kiệt đến, trước hết huân thị một hội, sau đó cảnh cáo Kiệt là tôi nhất định tìm cho y một người vợ tốt, nên nghe lời tôi, đừng có nghĩ đến con gái Nhật Bản làm gì nữa. Phổ Kiệt cung kính vâng lời. Tôi bèn phái người đi Bắc Kinh để hỏi vợ cho Kiệt. Về sau, người nhà của bố vợ tôi tìm được một đám cho Kiệt ở Bắc kinh. Kiệt cũng tỏ ra vừa ý nhưng Yoshioka Anchiocur bỗng tìm đến Phổ Kiệt can thiệp một cách ngang ngược. Y nói: quân Quan Đông mong Kiệt lấy vợ Nhật để tăng thêm một tình thân thiện Nhật Mãn, nói Kiệt là em vua thì phải đi đâu làm gương “thân thiện”, đó là ý muốn của quân Quan Đông, tướng Hôngiô ở Tôkyô sẽ đích thân làm mối cho Kiệt, vì vậy không nên tiếp nhận việc hôn nhân ở Bắc Kinh mà nên chờ tin ở Tôkyô. Rút cục, Phổ Kiệt buộc phải phục tùng quân Quan Đông.

Ngày 3 tháng 4 năm 1937, Phổ Kiệt thành hôn với Saga Hirô con gái của hầu tước Saga tại Tôkyô. Chưa đầy một tháng sau, theo mệnh lệnh của quân Quan Đông, “Quốc vụ viện nước Mãn Châu” thông qua “luật thừa kế ngôi vua”, lời văn quy định rõ ràng là: sau khi vua mất thì con nối ngôi, nếu không con, không cháu nội thì em trai nối ngôi.

Sau khi Phổ Kiệt và vợ về Đông Bắc, tôi quyết định trọng thâm tâm: Không nói một lời tâm sự nào của mình với Phổ Kiệt nữa. Vợ Phổ Kiệt đem thức ăn đến biếu, tôi không ăn miếng nào. Giả sử có ngồi ăn cùng bàn với Phổ Kiệt thì với thứ ăn trên bàn do vợ Kiệt làm, tôi chờ Kiệt gấp ăn trước rồi mới ăn chút ít.

Về sau, khi Phổ Kiệt sắp làm bố, tôi thường thấp thỏm bói quẻ cho mình, thậm chí cũng lo lắng cho em Kiệt của tôi. Tôi biết, những câu trước trong “luật thừa kế ngôi vua” chẳng có gì đáng tin cậy cả; chỉ có câu “con trai của em trai nối ngôi” là có giá trị thôi. Quân Quan Đông chỉ muốn có một vua nước Mãn Châu có huyết thống Nhật Bản, vì vậy hai anh em chúng tôi có thể là vật hy sinh của chúng. Sau nghe nói Phổ Kiệt được con gái, lúc ấy tôi mới thở phào.

Lúc bấy giờ tôi cũng từng nghĩ, nếu như tôi có con trai thì có được an toàn không? Nghĩ cho cùng thì giả sử có con trai thật tôi cũng chưa chắc được lợi ích gì, vì vậy quân Quan Đông đã bảo tôi viết sẵn giấy cam đoan: nếu hoàng tử ra đời thì khi lên 5 tuổi phải đưa sang Nhật cho quân Quan Đông nuôi dưỡng.

Sự việc đáng sợ không phải kết thúc ở đây. Ngày 28 tháng 6, tức là 9 ngày trước khi xảy ra vụ “hộ quân”.

Cái gọi là “hộ quân” là một đội ngũ do tôi tự bỏ tiền ra nuôi dưỡng. Đội ngũ này không như “cấm vệ quân” thuộc biên chế của “Bộ quân chính”. Lúc đầu xây dựng đội quân này, tôi không phải chỉ nhằm mục đích bảo vệ tôi mà cũng giống như động cơ của tôi phái Phổ Kiệt và các người khác sang Nhật học lục quân là để bồi dưỡng cốt cán quân sự của tôi, nhằm chuẩn bị cho việc xây dựng đội quân do tôi làm lấy. Toàn bộ “hộ quân” gồm 300 người này đều được huấn luyện theo tiêu chuẩn sĩ quan. Đông Tế Hy phụ trách quản lý đội quân này đã sớm cho tôi biết, quân Quan Đông rất không thích đội quân này. Đối với sự nhậy bén của Đông Tế Hy trước đây, tôi vẫn không hiểu nổi, mãi đến khi xảy ra sự việc tôi mới hiểu.

Ngày 28 tháng 6 đó, một số đội viên hộ quân đi chơi công viên vì mướn thuyền bơi đã cãi nhau với một số người Nhật mặc thường phục. Lúc ấy có một đám người Nhật kéo đến chẳng nói chẳng rằng ầu ả luôn: Hộ quân bắt buộc phải dùng đến võ thuật chống lại. Người Nhật thấy không làm gì được bèn thả chó ra cắn. Hộ quân đá chết chó, thoát khỏi vòng vây chạy về dọn vị. Họ không ngờ việc này dẫn đến tai họa lớn. Một lát sau một đám hiến binh Nhật đến bên ngoài công viên Đông Tế Hy phải nộp toàn bộ những hội viên “hộ quân” đi chơi công viên hôm đó. Đông Tế Hy sợ quá vội nộp số “hộ quân” ấy cho hiến binh Nhật bắt đi. Hiến binh bắt họ phải nhận có hoạt động “chống Mãn Châu, chống Nhật Bản”. Họ không nhận liền bị nhận cực hình tàn khốc. Lúc đó hội viên “hộ quân” ấy mới hiểu ra sự việc này là do quân Quan Đông cố tình gây nên. Những người Nhật mặc thường phục ấy chính là những người do quân Quan Đông phái đi, trong khi hai bên ầu ả thì có hai sĩ quan tham mưu của quân Quan Đông bị thương. Chó bị đá chết là chó béc giê của quân Quan Đông. Khi được tin một số “hộ quân” bị bắt, tôi tưởng họ vô ý gây sự vội nhờ Yoshioka Anchiocur nói hộ với quân Quan Đông Yoshioka đi được một lát trở lại đem theo ba điều kiện của tham mưu trưởng quân Quan Đông Toihata:

1. Đông Tế Hy phải đi xin lỗi hai sĩ quan tham mưu quân Quan Đông bị thương.
2. Trục xuất những Hộ quân đã gây sự.

3. Đảm bảo sau này không xảy ra những việc tương tự như thế nữa.

Sau khi tôi chấp nhận mọi điều kiện của Toihata, quân Quan Đông kể đó lại buộc tôi phải cất chức Trưởng ty cảnh vệ của Đông Tê Hy và đề Nagayoshigôrô, sĩ quan người Nhật thay thế. Hơn nữa, biên chế độ quân thuộc Ty cảnh vệ quản lý phải thu hẹp, súng trường của Hộ quân phải đổi thành súng ngắn.

Trước kia, tôi từng phái mấy đợt thanh niên sang Nhật học lục quân để về gây dựng thực lực tôi nhưng không ngờ sau khi về nước, những người này, kể cả Phó Kiệt đều bị “Bộ quân chính” sắp xếp công việc, còn tôi thì chẳng chỉ phối được người nào. Và giờ đây, “hộ quân” do tôi nuôi dưỡng làm cốt cán lại hoàn toàn rơi vào tay người Nhật. Từ đó, tôi không còn mộng đẹp nực cười ấy nữa.

Sự biến “mùng 7 tháng 7” bùng nổ quân Nhật đánh chiếm Bắc Kinh, lúc bấy giờ có một số vương công hờn trước ở Bắc Kinh lại muốn hoạt động để được đội mũ quan đời Thanh, song lúc này tôi đã hiểu rõ việc ấy không thể nào thực hiện được. Tư tưởng duy nhất của tôi lúc đó chỉ là làm thế nào để được an toàn trước người Nhật, làm thế nào ứng phó cho tốt “tùy viên nhà vua” Yoshioka Anchiocur, hoá thân của quân Quan Đông.

Yoshioka Anchiocur

Quân Quan Đông giống như một dòng điện có điện thế mạnh, tôi như một động cơ điện nhạy, tinh xảo và chính xác, Yoshioka Anchiocur như một dây dẫn điện tính năng cực tốt.

Con người trán dô, râu thưa, người thấp bé ở đảo Lộc Nhi Nhật Bản này, đến cạnh tôi bắt đầu từ năm 1935 cho đến khi Nhật Bản đầu hàng năm 1945, cùng với tôi bị Liên Xô bắt làm tù binh, trước sau không hề rời tôi. Trong vòng 10 năm, từ một trung tá lục quân hần dần leo lên cấp trung tướng. Hần có hai thân phận: một là tham mưu cao cấp cho quân Quan Đông, hai là “Tùy viên nhà vua nước Mãn Châu”. Thân phận thứ hai là tên gọi của Nhật Bản, nghe nói y giống như “nội đình hành tẩu” lại giống như “thư ký hoàng thân”, rút cục việc dịch ra như thế nào cho phù hợp tôi thấy điều đó chẳng có gì quan trọng vì hàm ý chữ nghĩa bề ngoài dù thế nào đều cũng không nói rõ được chức năng thực tế của Jtagaki. Chức năng thực tế của hần là một sợi dây điện. Mọi ý nghĩ của quân Quan Đông đều qua sợi dây điện này truyền tới tôi. Tôi đi tuần du, tiếp khách khứa, làm lễ huân thị thân dân, nâng cốc chúc mừng cho đến gật đầu mỉm cười đều tiến hành theo sự chỉ thị của Jtagaki. Tôi có thể gặp ai, không gặp ai. Khi gặp nói gì với họ, đến lúc nào tôi dự hội nghị nào, tại hội nghị phát biểu thế nào... đều phải nghe lời dặn dò của hần. Những lời tôi nói, đều do hần dùng tiếng Trung Quốc kiểu Nhật Bản viết sẵn trên giấy.

Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh toàn diện với Trung Quốc, cần nguy Mãn cung cấp lương thực, người và của cải, tôi liền phân phối nhiệm vụ tước đoạt tại “hội nghị tỉnh trưởng” theo giấy của Yoshioka. “Kêu gọi” các tỉnh trưởng hết sức hoàn thành nhiệm vụ, ủng hộ cuộc chiến tranh thần thánh”. Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh xâm lược Thái Bình Dương, binh lực không đủ, yêu cầu quân đội nguy Mãn thay thế nhiệm vụ trên một bộ phận chiến trường Trung Quốc. Tại buổi tiệc của quan tư lệnh khu quân quản, tôi liền theo giấy bày tỏ quyết tâm với Nhật Bản, cùng sống, cùng chết, một lòng một dạ gắng sức đập tan thế lực Anh - Mỹ.

Ngoài ra, mỗi lần Nhật Bản tiến công chiếm được một thành phố tương đối lớn, ở trong cửa quan, sau khi báo cáo kết quả chiến đấu, Yoshioka cùng tôi đứng dậy, hướng về phía chiến trường khom lưng mặc niệm những sĩ quan và binh lính chết trong chiến đấu. Qua mấy lần huân luyện của hần, khi Vũ Hán thất thủ tôi không cần nhắc nhở, đợi khi hần vừa báo cáo xong kết quả chiến đấu đã tự đứng lên khom lưng mặc niệm.

Cùng với thành tích tiến bộ không ngừng của tôi, hần cũng không ngừng tăng thêm những bài học cho tôi. Ví dụ, lần Vũ Hán thất thủ này, hần lại chỉ thị cho tôi tự viết thư chúc mừng Okamura Neyi, tên đại đao phủ tiến công Vũ Hán, ca ngợi chiến công của hần và chỉ thị tôi gửi điện chúc mừng Thiên hoàng.

Về sau xây dựng “Kiến quốc thân miếu”, mỗi tháng tôi đến đó làm lễ chúc mừng thắng lợi của quân đội Nhật Bản cũng là tiên hành theo ý của “dây điện” này.

Trước sự biến “ngày 7 tháng 7” những việc riêng, việc nhà cửa của tôi, quân Quan Đông ít hỏi đến. Song, sau sự biến, tình hình lại khác.

Trước sự biến “mùng 7 tháng 7” gia tộc tôi ở trong cửa quan, theo lệ mỗi năm có một số người đến để chúc thọ tôi, lúc bình thường cũng có lúc qua lại. Sau sự biến “mùng 7 tháng 7”, quân Quan Đông đưa ra quy định, chỉ cho phép mấy người trên danh sách, trong một thời gian nhất định đến Trường Xuân. Lại còn qui định, ngoài những người thân tộc gần gũi tôi, những người khác chỉ được làm lễ, không cho phép nói chuyện với tôi.

Dòng thời thư từ từ bên ngoài gửi cho tôi cũng nhất loạt gửi trước cho quan lại hệ Nhật của Phu Cung nội, lâu la của Yoshioka xem. Cuối cùng do Yoshioka quyết định có đưa cho tôi hay không.

Đương nhiên, quân Quan Đông cũng biết tôi cũng không đến mức chống Mãn, chống Nhật, song, họ vẫn lo ngại tôi có thể câu kết với những người trong cửa quan khôi phục triều Thanh mà điều đó không phù hợp với yêu cầu của họ.

Có lúc, muốn dẫu Yoshioka gặp gỡ riêng người bên ngoài hoặc nhận một bức thư rõ ràng là không thể được. Khi đó, tại Phủ cung nội đặt một “Phòng hiển bình” do một tiểu đội hiến binh Nhật Bản sắc phục xanh thẫm, không những bất cứ ai ra vào cũng không lọt qua được mắt chúng mà ngay từ trong viện xảy ra việc gì cũng không thoát được tai mắt chúng. Thêm vào đó những người Nhật là thứ trưởng trở xuống trong Phủ cung nội cũng đều là tay chân của Yoshioka. Điều đó tạo thành sự không chế nghiêm khắc đối với tôi.

Sở dĩ Yoshida có thể làm hóa thân của Quan Đông, làm tới mười năm là do hắn có một bản lĩnh.

Có cuốn sách nói, Yoshioka nguyên là bạn tốt của tôi ở Thiên Tân. Sau đó làm quan tham mưu quân Quan Đông, đứng vào lúc quân Quan Đông muốn chọn một “người liên lạc” giữa quân Quốc Dân Đảng và nhà vua, để thay thế cho võ quan tùy tùng Joshimaru do đó liền chọn hắn. Thực ra, khi ở Thiên Tân, hắn chẳng qua chỉ có một thời gian nói thời sự cho tôi, không thể nói là bạn tốt được. Hắn được cử làm “người liên lạc” với tôi ở đó cũng không phải là làm tham mưu quân Quan Đông mọi gặp thời. Nếu như nói hắn là bạn tốt của Phổ Kiệt, một nửa là thật. Sau khi thành lập ngụy Mãn, Phổ Kiệt vào học trường lục quân Nhật Bản. Yoshioka đang là sĩ quan dạy lịch sử chiến tranh ở trường này. Hầu như hàng tuần, hắn đều mời Phổ Kiệt đến nhà, ân cần tiếp đãi. Sau khi hai người trở thành bạn thân, han tiết lộ với Phổ Kiệt: quân Quan Đông có ý mời hắn đến Mãn Châu làm người liên lạc giữa phía quân đội và cá nhân tôi. Phổ Kiệt viết thư báo cho tôi. Sau đó lại báo cho hắn thư tôi trả lời tỏ ý hoan nghênh. Việc đó hắn có bày tỏ đó là điều vinh hạnh của hắn. Tuy nhiên, nếu như hắn không đạt tới chức vụ tham mưu cao cấp của quân Quan Đông thì sẽ không muốn làm vị tử trước Nahashima và Jshimaru làm nhiệm vụ đó đều không trụ được ở Mãn Châu vì đã không cảm rở được trong quân Quan Đông.

Sau đó không rõ hoạt động như thế nào hắn đã đạt được nguyện vọng. Trước khi khởi hành đi Mãn Châu, hắn yêu cầu Phổ Kiệt viết thư báo cho tôi, đồng thời nói: “Nếu như anh ngài chuẩn bị tốt cho tôi một gian phòng làm việc tôi càng cảm thấy vinh hạnh”. Với việc đó, tôi đáp ứng đầy đủ “vinh hạnh” của hắn. Sau đó ít lâu tôi mới biết rõ: vốn ra hắn có ý đề quân Quan Đông thấy, dưới con mắt quân Quan Đông hắn đã có quan hệ khác thường đối với tôi. Trong mắt tôi, lại có oai cộ tham mưu cao cấp quân Quan Đông, tự nhiên và ăn khớp được cả mọi bề.

Yoshioka rất thích vẽ tranh thủy mặc. Một lần hắn vẽ một bức mặc trúc, đề nghị Trịnh Hiếu Tế đề thơ, tôi đề chữ (đề chữ gì tôi đã quên từ lâu) mang về Nhật Bản tặng Hoàng thái hậu Nhật Bản, mẹ của Hirohito. Sau đó không lâu báo chí Nhật Bản đăng bức tranh đó và ca ngợi Yoshioka là “họa sĩ quân nhân”. Tiếng tăm nghệ thuật của Yoshioka có phải vì thế xuất hiện hay không tôi không rõ, song điều tôi dám khẳng định là hắn chỉ mong bức tranh đó mang tới cho hắn không phải là xưng hiệu nghệ thuật nào mà là số tiền có giá hơn là xưng hiệu đó. Từ khi đi thăm Nhật Bản về, Hoàng thái hậu Nhật Bản và tôi thường có sự trao đổi, không ngừng gửi tặng nhau một số tặng phẩm nhỏ, người trung gian là Yoshioka. Từ sau lần hắn tặng mặc trúc, sự qua lại của Tokyo và Trường Xuân càng thêm nhộn nhịp.

Hầu như mỗi năm hắn về Tokyo vài lần, mỗi lần trước khi đi, hắn thường yêu cầu tôi làm một số thức ăn loại điểm tâm mang về làm quà biếu Hoàng thái hậu. Lúc trở lại, lại mang quà biếu của Hoàng thái hậu Nhật Bản trong đó tất nhiên không thể thiếu điểm tâm của Nhật bản, may mà bà già này và tôi đều có thợ làm điểm tâm giỏi, người này biếu người nọ đều không khó khăn gì. Tuy nhiên, do bệnh đa nghi của tôi, mỗi lần Yoshioka mang điểm tâm về tôi đều gọi người khác ăn trước mới dám

ăn.

Đương nhiên thời gian mỗi lần Yoshioka đi về hoàng thất Nhật - Mãn, điều đó quyết không phải do hắn tự quyết định. Song nội dung mỗi lần đi, về tôi tin rằng chủ yếu do hắn tự sáng tạo, thiết kế. Ví dụ, một lần, hắn nhìn chiếc máy thu thanh 4 tác dụng của tôi bỗng như phát hiện một kỳ tích hồi tôi:

- Máy này có thể record (ghi âm)?

Tiếng Trung Quốc của hắn tôi, song chúng tôi nói với nhau vẫn không khó khăn lắm vì hắn biết một ít tiếng Anh, thêm vào bút đàm nên hắn có thể nói rõ ý tứ.

- Record rất tốt, rất tốt - tôi nói và lấy ra một đĩa ghi âm cho hắn xem thử.

- Tốt, tốt - hắn cười vui mừng, nhìn tôi lắp đĩa xong liền nói: - Tôi dạy bệ hạ mấy câu tiếng Nhật! Ấy, tiếp đó dùng tiếng Nhật nói. Tôi chúc thiên hoàng bệ hạ mạnh khỏe.

Theo tiếng Nhật của hắn, tôi nói “Tôi chúc thiên hoàng bệ hạ mạnh khỏe”. Câu nói này được ghi vào đĩa. Hắn mang đĩa đó phát hai lần, lấy ra một cách hài lòng.

- Tốt, lần này về Tokyo, ấy, gửi biểu Thiên hoàng bệ hạ.

Yoshioka nói chuyện luôn xem mấy tiếng “ấy”, “hà”, lông mi đồng thời dướn lên, tất này càng về sau càng nhiều, tôi cũng cảm thấy ngày càng khó hiểu. Cùng xảy ra sự thay đổi ấy, còn có sự giải thích về quan hệ giữa tôi và hắn.

Năm 1934 tôi đi thăm Nhật Bản, Hoàng thái hậu Nhật Bản viết cho tôi mấy bài hát khi đó lời nói của Yoshioka là lúc tôi nghe thuận tai nhất.

- Hoàng thái hậu bệ hạ cũng như mẹ bệ hạ nếu là gia thuộc của bệ hạ, tôi cảm thấy vinh dự!

Có lúc hắn nói với Phổ Kiệt: “Tôi và ông có quan hệ như tay với chân, tôi và hoàng đế bệ hạ tuy không thể nói là tay chân như thế, cũng coi là quan hệ ngón chân và ngón tay, chúng ta là gia tộc thật sự”.

Tuy nhiên đến trước năm 1936, lời nói của hắn có thay đổi:

“Nhật bản như cha của bệ hạ - Ấy? quân Quan Đông là đại biểu của Nhật Bản - Ấy! Quan tư lệnh quân Quan Đông cũng như cha của bệ hạ, hà!”

Tình hình quân đội Nhật Bản ở tiền tuyến ngày càng xấu, thân phận của tôi trước quân Quan Đông và Yoshioka cũng ngày càng thấp. Sau đó, hắn ngang nhiên nói:

“Quân Quan Đông là cha của ngài, tôi là đại diện của quân Quan Đông”.

Về sau Yoshioka mỗi ngày vào “cung” càng đông dập, có thể hắn đến không quá 10 phút đã đi, đi chưa đầy 5 phút lại đến. Lý do đi lại rất vớ vẩn: ví dụ quên nói câu gì hoặc quên hỏi tôi ngày hôm sau có việc gì bảo hắn làm, v.v.. Vì vậy tôi không thể không quan tâm, phải chăng hắn dùng biện pháp đột kích để khảo tra tôi.

Việc trong gia đình

Tôi không được hỏi nhiều về việc chính quyền, không được tự ý đi ra ngoài, không được tự ý gọi “đại thân” nói chuyện cho nên khi dòng điện của phía quân Quan Đông không chuyển tới tôi chẳng có việc gì để làm. Dần dần tôi hình thành một thói quen: ban đêm, tới sau nửa đêm, thậm chí quá 3 giờ mới ngủ. Sáng sớm, 11 giờ mới dậy. Mỗi ngày 2 bữa ăn: bữa sáng từ 12 giờ đến một, hai giờ chiều, bữa tối từ 9 giờ đến 11 giờ có khi tới 12 giờ đêm. Từ 4 giờ đến 5,6 giờ chiều ngủ trưa. Sinh hoạt hàng ngày của tôi ngoài ăn, ngủ dùng 8 chữ có thể khái quát đánh mắng..., bói toán, uống thuốc, sợ hãi.

Bốn điều này có mối quan hệ với nhau. Cùng với dấu hiệu Nhật Bản tan vỡ ngày càng rõ tôi càng khiếp sợ, sợ Nhật Bản trước khi sụp đổ có thể giết tôi để bịt miệng. Dưới sự chi phối của tâm lý đó, với người Nhật Bản tôi lựa ý chiều chuộng, liếc mắt đưa tình, đối với người nhà thì tính khí ngày càng thô bạo, động một chút là đánh mắng. Tư tưởng mê tín của tôi cũng càng phát triển, suốt ngày ăn chay niệm Phật, bói toán xin quẻ, cầu thần phật phù hộ. Với tinh thần khủng hoảng, và tập quán sinh

hoạt không bình thường, thân thể vốn đã rệu rã khi đó càng thêm suy nhược. Vì vậy lại tiêm chích uống thuốc chí mạng. Nói tóm lại bốn điều đó kết thành cuộc sống đêm ngày hỗn loạn của tôi.

Sự tàn bạo và đả nghị của tôi đã có gốc rễ từ thời thơ ấu ở “Tử Cẩm Thành”, đến Thiên Tân phát triển lên một bước. Ở Thiên Tân, tôi đã định ra “quy tắc trong nhà” đối với người hầu như sau:

- Không cho phép người này tùy tiện nói chuyện với người khác, đề đề phòng kết bè kết đảng.

- Không cho phép bệnh vực bao che lẫn nhau.
- Không cho phép dối trá kiêu tiền.
- Khi đồng sự phạm lỗi phải lập tức báo.
- Những người cấp trên đối với người cấp dưới phạm lỗi sau khi phát hiện phải đánh mắng ngay.

- Nếu lời lỏng kiểm tra và quản lý tội tăng một mức.

Sau khi đến Đông Bắc lại thêm một lời thề: “Nếu vi phạm cam lòng chịu trời phạt, chịu trời đánh, sét đánh”.

Trong khu tôi ở, hành vi tàn nhẫn, bạo ngược của tôi về sau phát triển đến mức thường xuyên đánh người, thậm chí cả hình cụ.

Rất nhiều cách đánh người đều là sai người khác thay tôi thi hành. Những người được ủy thác không phải chỉ là một hai người mà là tất cả những người có mặt. Khi họ ra tay, ắt phải đánh thật nặng nếu không có thể khiến tôi nghi ngờ cho rằng họ bao che lừa dối vì vậy mà tạm thời chuyển mục tiêu thành đánh người không muốn đánh người khác.

Đối tượng đánh mắng của tôi, ngoài vợ, em trai và em rể ra, hầu như gồm mọi người trong nhà. Tôi có mấy đứa cháu, học tập ở trong cung đồng thời cũng là những người hầu chuyện và phục dịch tôi, là những người thân tín do tôi bồi dưỡng. Tuy nhiên tôi cũng đánh mắng họ như thế. Khi đó, họ rất sợ tôi nói một câu, đó là: “cho hăn xuống!”, ý tức là xuống nhà chịu đòn.

Những hành động ấy của tôi, ngoài việc nổi lên tính cách ngang ngược, điên cuồng, tàn bạo và vui giận thất thường đáng xấu hổ của tôi không thể nói lên vấn đề nào khác. Có lần, một người hầu trẻ ngồi lện chiếc ngai của tôi một chút, người khác căn cứ vào gia pháp của tôi đã đi tố cáo anh ta. Tôi cho rằng như thế là xúc phạm tôi, lập tức ra lệnh đánh cho anh ta một trận như tử. Thực ra chiếc ngai vàng này chẳng phải là tôi cũng sợ hãi, run rẩy ngồi vào đó sao.

Ở Trường Xuân, vì tôi mắc bệnh mụn nhọt, mua khá nhiều loại thuốc. Một cháu tôi trông thấy loại thuốc rất lạ, vô ý nói: “rất giống đạn súng”, lập tức đụng vào điều kiềng kỵ của tôi - “Không phải là rửa ta ăn đạn sao?” - Theo lệnh tôi các cháu khác nện cho hăn một trận đòn.

Dưới sự thông trị của tôi như thế, lâm vào cảnh thê thảm nhất là đám hầu nhỏ. Đây là một số trẻ mồ côi do cái gọi là đoàn thể từ thiện từ Trường Xuân đưa tới, khoảng hơn 10 đứa. Bọn chúng phần lớn là những đứa trẻ sống sót sau khi cha mẹ bị người Nhật giết hại. Người Nhật sợ thế hệ sau này nhớ thù nên bảo chính quyền Hán gian dùng danh nghĩa đoàn thể từ thiện gom nuôi, thay tên đổi họ cho chúng, tiến hành giáo dục nô dịch, dùng lao động nô dịch chà đạp chúng. Khi chúng nghe nói được gửi đến cho tôi, có một số vẫn mang hy vọng rất lớn, cho rằng cuộc sống nhất định sẽ khá hơn hội từ thiện. Trên thực tế, không những không có gì cải thiện mà trái lại càng xấu hơn. Ở đây chúng ăn hạt cao lương xấu nhất, mặc quần áo rách nát, mỗi ngày phải làm lụng 15 đến 16 giờ, ban đêm còn phải canh gác. Mùa đông, do vừa rét vừa đói lại mệt nhọc có một đứa trong lúc quét dọn đã mê mẩn phục trên lò sưởi ngủ, thậm chí nóng đến da sưng thịt nát. Bị đòn roi là việc thường xuyên đối với chúng. Ngủ khi làm việc sẽ phải đòn. Quét không sạch sẽ phải đòn. Nói chuyện to sẽ phải đòn. Những người hầu khi không vui cũng lấy chúng để giải sầu. Để xử phạt chúng, người hầu phụ trách quản lý chúng đã đặt một phòng giam đặc biệt. Chịu mọi kiểu dày dạn như vậy, những đứa trẻ mồ côi này lớn đến 17, 18 tuổi vẫn còn nhỏ bé như đứa trẻ con.

Đến cuối thời kỳ nguy Mãn, hiện tượng thua trận của Nhật Bản ngày càng rõ, dù là tin tức của đài phát thanh đồng minh, tin vô tuyến điện hay là Yoshioka lộ ra, tâm tư chán nản đều mỗi ngày càng ăn sâu tư tưởng tận số của tôi. Tính nết tôi càng xấu, thét lát, ra oai trọng nhà càng hăng. Đầu năm 1944, một vị trưởng bối theo lệ đến chúc thọ tôi, đã không may trở thành đối tượng ra oai của tôi.

Hôm đó, để chúc mừng ngày sinh tôi, Phủ nội cung tổ chức một tối trượt băng, tìm một số người biết trượt băng đến biểu diễn. Khi mọi người xem trượt băng, vị trưởng bối từ trong cửa quan tới trông thấy Yoshioka và các quan chức Nhật Bản, để tỏ ra lịch sự đã chào họ trước tôi. Việc này đối với mọi người xem ra là rất bình thường, song lúc đó, trước mọi người tôi cho là việc làm trái lễ

“đại bất kính”. Vì “thiên tử” mới là “chí tôn”, trước mặt “thiên tử” không có ai tôn quý hơn cho nên bất cứ ai cũng không thể chào hỏi lẫn nhau, tỏ ý nhận lễ. Người trong nhà đều biết tôi tuyệt đối không cho phép xảy ra sự việc như vậy và căn cứ theo lời dạy của tôi, nếu có người phát hiện bất cứ hành vi bất kính nào, không báo cáo cho tôi đều coi là bất trung. Do đó bao lâu, tức là khi biểu diễn trượt băng kết thúc cử hành tiệc gia đình thì có một đứa cháu báo cáo tôi tại bữa tiệc. Lúc đó tôi đang phấn khởi, thêm vào đó nghĩ tới ông ta là người già cả không muốn truy xét bèn ra hiệu cho người cháu trung thành ấy lui ra. Không ngờ ông già vừa phạm tội “đại bất kính” ấy lại phạm tính hiếu kỳ muốn biết người cháu nói gì bên tai tôi, quay đầu đi hỏi người cháu, lại một lần phạm tội “đại bất kính”. Tôi không nén giận được nữa, đập mạnh xuống bàn quát: “Giữ thể diện cho ông, ông không giữ, ông còn chưa đủ sao?”. Ông già đó mới biết mình “quá sai” sợ tái mặt, hốt hoảng quỳ mọp xuống. Còn tôi càng nghĩ càng bức, rời chỗ ngồi quát ông ta: “Ông có coi tôi ra gì không? Ông không coi tôi ra gì tức là không có đạo đức bên cạnh hoàng đế, không có tôn nghi hoàng đế!”. Cả bàn tiệc im lặng như tờ.

Tôi sợ dĩ hay nổi giận như vậy, nói thẳng ra chẳng qua vì lòng hư vinh bị tổn thương. Tôi thậm chí cảm thấy ông già này không bằng người Nhật. Ngay người Nhật có xúc phạm tôi cũng là tiến hành sau lưng, còn ông già này đã xúc phạm tôi ngay trước mặt.

Từ sau khi đến Trường Xuân, tôi đọc rất nhiều sách mê tín quỷ thần, đọc đến mù người. Qua đọc sách nói mọi sinh vật đều có tính Phật, tôi đâm sợ ăn thịt là người thân sau khi chết biến thành, do đó ngoài mỗi ngày sáng tôi hai lần niệm kinh, mỗi bữa ăn lại niệm thêm một lần “vãng kinh chú” chiêu sinh chủ thịt mà tôi ăn.

Tôi biết ruồi nhặng mang vi trùng truyền bệnh. Món ăn có ruồi nhặng rơi vào tôi đều không ăn. Nếu bậu vào miệng tôi, tôi lấy bông tăm còn lan (trong người tôi luôn luôn mang một hộp sắt nhỏ đựng bông tăm còn), nêu phát hiện trong món ăn có chân ruồi nhặng sẽ phạt tiền bếp nấu. Mặc dù như vậy, tôi lại không cho phép ai đánh chết một con ruồi. Một lần tôi trông thấy một con mèo đang tha một con chuột tôi hạ lệnh cả nhà đi đuổi mèo.

Tôi còn thường hỏi quẻ, tính quẻ cho mình, không được quẻ tốt chưa thôi. Sau này tôi ngày càng sợ quân Quan Đông hại tôi, phát triển đến mức khi Yoshioka tìm tôi, tôi liền bói một quẻ xem lành, dữ. Tìm lành, tránh dữ, hầu như trở thành tư tưởng trung tâm chi phối mọi cử động của tôi đến mức đi đứng, mặc áo, ăn cơm, trong đầu cũng nghĩ đến lành dữ thế nào. Còn như tiêu chuẩn lành dữ, cũng không có quy tắc nhất định, luôn luôn là thấy cảnh sinh tình, lâm thời tư định. Ví dụ: lúc đi đường, phía trước có một hòn gạch, trong bụng liền quy định: “đi qua từ phía trái tốt lành, từ phía phải không tốt lành”, sau đó bèn đi qua phía trái. Bước qua bậu của dùng chân phải hay chân trái trước, gấp rau: gấp rau xanh trước hay rau trắng trước thật vô cùng vô tận. Uyên Dung cũng theo tôi nhập vào mê tín. Cô ta tự quy định cho mình: đối với việc cho là không lành liền chớp chớp mắt một hồi, hoặc là từ miệng phát ra những tiếng “phì, phì, phì” giống như người bị động kinh.

Qua sự quản chế và giáo dục của tôi, các cháu tôi, đám thanh niên khoảng 20 tuổi, người nào cũng giống như ân sĩ tu khô hạnh. Có người hàng ngày “nhập định”, có người sau tân hôn không về nhà. Có người đầu giường treo tranh “xương trắng”, có người niệm chú y như thầy ma quỷ...

Tôi còn hàng ngày “định thiên”, khi “định thiên” không cho phép có tiếng động. Lúc đó mọi người đều thở mạnh cũng không dám thở ra. Trong sân của tôi nuôi một con hạc, nó chẳng theo quy ước gì, khi cao hứng lên kêu một hồi. Tôi bảo người phụ trách, nếu hạc kêu một tiếng sẽ phạt 5 hào. Người hầu sau khi bị phạt nhiều tiền đã tìm ra một cách, hạc vươn cổ hẳn liền đánh vào cổ cho một cái, thế là nó không kêu nữa.

Vì sợ chết nên tôi rất sợ ốm, tôi ưa thuốc thành nghiện. Tôi ưa thuốc không những uống mà còn đóng gói cất giữ. Thuốc Trung y có kho thuốc thuốc Tây y có phòng thuốc. Có lúc vì khâu vị món ăn kém một chút liền bắt trừ cả người nấu bếp mấy hào, song mua một số thuốc không dùng đến có thể chi mấy nghìn đồng, mấy vạn đồng, đặt mua ở nước ngoài. Một số cháu tôi, ngoài giờ học phải trông nom kho thuốc nhà thuốc của tôi. Mỗi ngày các cháu và thầy thuốc thuê đặc biệt đã bận rộn vì tôi mấy giờ đồng hồ.

Trước kia ở Tử Cấm Thành, tôi “bệnh tướng” nay không phải là tướng nữa mà thật sự khắp người tôi là bệnh. Thân thể suy nhược lại thêm tư tưởng căng thẳng khiến tôi luôn cảm thấy cái chết đang đến gần.

Do suốt ngày mù trời tối đất, dờ dờ, diên diên, tôi càng không có chút hứng thú nào trong cuộc sống gia đình... Trước sau tôi có 4 người vợ, theo cách nói thời ấy, đó là một hoàng hậu, một quý phi, hai quý nhân. Nếu nói trên thực chất, chẳng có ai trong họ là vợ tôi. Tôi căn bản không có một

người vợ, có chăng qua là sự bày biện. Tuy cảnh ngộ cụ thể của mỗi người trong họ khác nhau, song họ đều là vật hy sinh như nhau.

Uyển Dung, chịu lạnh nhạt thời gian dài, lịch sử của cô ta thì ngay đến thanh niên hiện đại của nước Trung Hoa mới cũng không thể hiểu được. Nếu cô ta không phải là vừa sinh ra đã bị quyết định số phận cũng là vừa kết hôn đã sắp đặt sự kết thúc. Về sau tôi vẫn thường nghĩ, nếu như khi ở Thiên Tân, cô ta có thể như Văn Tú ly hôn với tôi, rất có thể không có kết cục như thế. Đương nhiên, cô ta khác Văn Tú. Trong tủ tường Văn Tú có một thứ so với thân phận phong kiến và lễ giáo càng được xem trọng, đó là muốn có một gia đình bình thường. Còn Uyển Dung, trái lại đã xem trọng thân phận “hoàng hậu” của mình. Do đó, thà chịu làm một người vợ hờ chứ không chịu để mất chiều bài đó.

Từ sau khi cô ta đuổi Văn Tú đi, tôi càng có phản cảm đối với cô ta, rất ít khi nói chuyện, cũng không để tâm đến tình hình của cô ta, cho nên càng không thể nghe từ miệng cô ta nói về tâm tình, nói về đau khổ và nguyện vọng của mình. Chỉ biết rằng về sau cô ta nghiện hút (thuốc phiện) hành vi mà tôi không thể chấp nhận được.

Sau ngày “15/8”, khi chia tay với tôi, nghiện thuốc đã quá nặng lại thêm suy nhược yếu ớt năm sau cô ta ốm chết ở Cát Lâm.

Năm 1937, để tỏ ý trừng phạt Uyển Dung, để có sự bày biện không thể thiếu, tôi tuyển thêm một vật hy sinh: Đàm Ngọc Linh. Qua sự giới thiệu của một người họ hàng ở Bắc Kinh, cô trở thành “quý nhân” mới của tôi. Cô vốn họ Thathana thị, là một học sinh cấp II ở Bắc Kinh, khi kết hôn với tôi 17 tuổi. Cô cũng là một người vợ hờ, tôi nuôi cô ta trong “cung” như nuôi một con chim, nuôi đến khi cô ta chết năm 1942 mới thôi.

Nguyên nhân cô chết, đến nay vẫn là một mối nghi ngờ đối với tôi. Bệnh của cô, theo chẩn đoán của Trung y là bệnh thương hàn, song cũng không cho là bệnh không chữa được. Sau đó Hoàng Tử Chính bác sĩ của tôi giới thiệu một bác sĩ Nhật Bản đến chữa trị. Khi đó Yoshioka nói là “chăm sóc” đã phá lệ chuyên đến lâu Lê Dân Phủ nội cung. Như vậy dưới sự giám sát của Yoshioka, bác sĩ Nhật Bản tiến hành chữa bệnh cho Đàm Ngọc Linh, không ngờ chữa bệnh đến ngày thứ hai cô đột ngột chết.

Điều khiến tôi lấy làm lạ là khi bắt đầu chữa bệnh, bác sĩ Nhật Bản biểu hiện vô cùng sốt sắng, túc trực bên cạnh cô, tiêm thuốc cho cô, để y tá truyền máu cho cô, bận rộn không lúc nào ngơi. Tuy nhiên, khi Yoshioka gọi ông ta sang một gian buồng khác, đóng cửa lại, nói chuyện rất lâu thì không thấy ông ta sốt sắng nữa. Ông ta không còn bận rộn tiêm thuốc, truyền máu, trở nên trầm mặc, yên lặng. Trong lâu Lê Dân Yoshioka hôm đó suốt đêm không ngừng gọi hiến binh Nhật Bản gọi điện thoại cho y tá ở phòng bệnh hỏi tình hình bệnh tật. Qua một đêm như vậy sáng sớm hôm sau Đàm Ngọc Linh chết. Tôi không thể không lấy làm lạ, tại sao khi chữa chạy Yoshioka gọi bác sĩ nói chuyện trong thời gian dài như thế? Tại sao khi nói chuyện, thái độ bác sĩ thay đổi như thế?

Tôi vừa nghe tin Đàm Ngọc Linh chết, Yoshioka tới, nói hẩn thay mặt tư lệnh Quan Đông tỏ lời chia buồn với tôi và lập tức mang vòng hoa của quân Quan Đông. Tôi càng lấy làm lạ tại sao lại chuẩn bị nhanh đến thế?

Do nghi ngờ, tôi nhớ lại Đàm Ngọc Linh khi còn sống, cô thường cùng tôi bàn chuyện về người Nhật Bản. Khi cô học ở Bắc Kinh biết nhiều chuyện về người Nhật hoành hành ngang ngược ở quan nội. Từ sau khi xảy ra sự kiện Đức Vương, có lúc tôi nghi ngờ Đức Vương nói lung tung, có lúc tôi nghi ngờ người Nhật nghe trộm cuộc nói chuyện của chúng tôi. Đàm Ngọc Linh chết, tôi lại nghĩ những điều ấy.

Một cử chỉ của Yoshioka sau khi Đàm Ngọc Linh chết không lâu càng khiến tôi liên tưởng: dù không phải Yoshioka làm điều gì xấu, cái chết của cô vẫn có liên quan đến quân Quan Đông. Đàm Ngọc Linh vừa chết, Yoshioka liền mang tới cho tôi một đồng ảnh con gái Nhật Bản để tôi lựa chọn.

Tôi cự tuyệt. Tôi nói: di thể Đàm Ngọc Linh chưa lạnh, tôi không có lòng nào nói chuyện này. Hẩn lại nói: chính vì muốn giải tỏa sự đau buồn của tôi cho nên hẩn muốn tiến hành sớm việc lớn này. Tôi chỉ còn nói: đây đúng là một việc lớn, song nói chung là phải hợp lý tưởng của bản thân mình, không thể quá hấp tấp hướng hồ ngôn ngữ không thông cũng là vấn đề.

- Ngữ ngôn thông, ày, họ đều biết tiếng Mãn, Hà!

Tôi sợ hẩn thấy rõ ý nghĩ của tôi nên vội nói: “dân tộc không thành vấn đề, song về tập quán, hứng thú đều cần thích hợp mới tốt”.

Tôi đã khẳng định chủ ý: quyết không lấy vợ Nhật Bản, vì như thế khác gì đặt một tai mắt trên giường tôi - song không thể nói ra như vậy, chỉ còn cách đưa đẩy từ chối, tìm mọi cơ để ngăn cản.

Không ngờ “viên thư ký của nhà vua” này thật như bám lấy tôi, mặt tro trắng hồng, ngày ngày thúc dục. Tôi sợ nếu chọc tức hẳn, lại cũng không thể ngậm miệng. Sau đó, có lẽ hẳn biết rõ tôi nhất định không lấy vợ người Nhật, có lẽ quân Quan Đông có cách suy nghĩ khác, lại đưa đến một số ảnh học sinh Trung Quốc học ở trường Nhật Bản tại Lữ Thuận. Em gái thứ hai tôi nhắc tôi: đây là những người được Nhật Bản huấn luyện kỹ, cũng như người Nhật. Song tôi cảm thấy, cứ từ chối mãi cũng không hay. Do đó nếu như quân Quan Đông ép tôi chọn một cô gái tôi cũng phải nhận. Cuối cùng tôi quyết định chọn một cô còn ít tuổi, trình độ văn hóa thấp. Đối với tôi đối tượng như thế, mặc dù người Nhật đã huấn luyện cũng còn dễ đối phó; và lại chỉ cần tôi bỏ công sức cũng có thể huấn luyện lại cho cô ta. Sau khi quyết định, tôi nói với Yoshioka.

Như vậy một em gái nhỏ 15 tuổi được gọi là phúc quý nhân” của tôi (62) trở thành vật hy sinh thứ tư.

Cô tôi chưa được hai năm, cũng tức là cô chưa đến tuổi thành niên thì nguy Mãn sụp đổ. Trong cuộc tan vỡ lớn đó, tôi trở thành tù binh, cô được đưa về với gia đình ở Trường Xuân.

Sụp đổ hoàn toàn

Qua máy thu thanh tôi dần dần nghe và hiểu rõ, tin thua trận của quân Nhật ở các chiến trường ngày càng nhiều. Tình hình vật tư thiếu thốn nghiêm trọng dù tôi ở bao tầng bưng bít cũng vẫn thấy được. Bọn thống trị Nhật Bản “lớn mạnh vô địch” bắt đầu lộ tẩy. “Hoàng quân không biết sợ là gì” đã trở thành sợ tất cả.

Vì sợ tôi biết chất lượng lương thực cung cấp cho quân đội quá tồi tệ, quan tư lệnh quân Quan Đông đặc biệt mở cuộc triển lãm khẩu phần lương thực quân dụng mời tôi đến xem. Vì sợ qua máy thu thanh tôi tin những lời đã nghe được của đài nước ngoài, quân Quan Đông đưa phim tuyên truyền thành tích chiến đấu của quân Nhật đến cho tôi xem. Không cần phải nói tôi không tin mà ngay đến đứa cháu bé nhất của tôi cũng không tin.

Nỗi lo sợ mà quân nhân Nhật Bản đã để lộ ra, gây cho tôi ấn tượng sâu sắc hơn cả. Sau khi chiếm được Xin-ga-po, Yamashima Hobun đến Đông Bắc giữ chức tư lệnh phương diện quân X của quân Quan Đông. Khi đó thái độ cực kỳ ngông cuồng, kiêu căng ngạo mạn của hắn còn hẳn rõ trong trí óc tôi. Thế mà năm 1945, khi nhận được lệnh điều đi Indônêxia lần thứ hai, hắn đến từ biệt tôi ôm mặt khóc và nói:

- Đây là lần chào vĩnh biệt, đi chuyến này chắc tôi không thể trở về nữa.

Tại một cuộc tiễn đưa “đạn thịt” tôi lại nhìn thấy càng nhiều nước mắt. “Đạn thịt” là những binh sĩ được tuyển lựa trong quân đội Nhật Bản, sẵn sàng dùng thân xác mình đương đầu với xe tăng máy bay đối phương.

Lúc này quân Quan Đông bảo tôi đến khích lệ quân “đạn thịt”, gọi là chúc phúc cho họ. Vừa đứng hôm trời âm u ảm đạm, gió cát mịt mù. Địa điểm tiễn hành lễ tiễn đưa là sân điện Đông Đức. Ở đây lỏng lỏng những bao cát phòng không. Cảnh tượng ngao ngán, nặng nề. Mười mấy “đạn thịt” xếp hàng ngang trước mặt tôi. Tôi theo lời chúc viết sẵn của Yoshioka mà đọc một lượt rồi nâng cốc chúc họ. Lúc đó tôi mới trông rõ mặt mũi những “đạn thịt ấy” đều xám ngắt, nước mắt đầm đìa.

Nghi thức kết thúc sơ sài trong gió cát. Tâm tư rối bời, tôi muốn về nhà ngay để rửa mặt. Nhưng Yoshioka lặng lẽ đi theo. Tôi biết là hẳn nhất định muốn nói gì nên chờ hẳn một bước. Yoshioka háng giọng:

- Chúc tử của bộ hạ hay quá, cho nên những người ấy cảm động, nước mắt những chàng trai Nhật Bản mới chảy ra.

Nghe câu nói ấy, tôi nhủ thầm “chính là mày cũng sợ đấy. Mày đã sợ tạo lại càng sợ hơn”.

Tháng 5 năm 1945, nước Đức bại trận, tình thế nước Nhật bị đánh bốn bề lại càng rõ rệt. Việc Liên Xô xuất quân tham chiến chỉ còn là giờ phút mà thôi.

Sáng sớm ngày 9/8/1945, Otozô Yamada viên tư lệnh cuối cùng của quân Quan Đông và Saburô Yasnhitô, tham mưu trưởng của hắn đến điện Đông Đức báo cáo với tôi rằng Liên Xô đã tuyên

chiến với Nhật Bản.

Viên tư lệnh này là lão già thấp bé, gầy gò, lúc bình thường cử chỉ rất thận trọng, nói năng từ tốn. Hôm đó hắn hoàn toàn thay đổi, hấp tấp giảng giải cho tôi rằng quân đội Nhật đã chuẩn bị đầy đủ ra sao, có đủ lòng tin tất thắng như thế nào... Hắn chưa hết lời bỗng nhiên còi báo động phòng không rú lên. Chúng tôi cùng chạy xuống hầm trú ẩn ngoài sân điện. Vào hầm chưa bao lâu đã nghe tiếng bom nổ gần, Tôi thâm tụng kinh Phật. Hắn yên lặng không nói một lời cho đến lúc còi báo yên, hắn không còn nhắc đến lòng tin nào nữa.

Bắt đầu từ đêm ấy, tôi ngủ với cả quần áo ngoài, trong túi luôn luôn thủ một khẩu súng ngắn và đích thân quy định khẩu lệnh ở trong nhà. Hôm sau, viên tư lệnh và tham mưu trưởng lại đến tuyên bố quân Nhật sẽ lui về giữ vùng Nam Mãn Châu, “quốc đô” phải rời đi Thông Hóa và bảo tôi ngay hôm đó phải đi. Tôi chỉ nghĩ đến của cải và người nhà tôi quá nhiều, làm sao thu dọn hết trong một ngày.

Từ hôm đó, tôi bị dẫn dắt vì câu nói của viên tư lệnh:

- Nếu bộ hạ không đi, ắt sẽ bị quân đội Liên Xô giết hại trước tiên.

Qua giọng nói, dáng hắn hung hãn, tôi đoán ra rằng người Nhật nghi ngờ tôi không muốn đi, ẩn ở hai lòng với họ.

“Chúng sợ ta là nhân chứng quan trọng này lọt vào tay quân đội Đồng minh. Liệu chúng có giết để bịt đầu mối không?” Vừa mới chớm nghĩ về các vấn đề này tôi đã sồn tóc gáy.

Nhớ lại thủ đoạn của mình hơn 10 năm qua, tôi nghĩ cách bày tỏ sự trung thành trước mặt Yoshioka, vừa nghĩ tới, tôi gọi người tìm thủ tướng quốc vụ viện Trương Cảnh Huệ trưởng phòng tổng vụ Buhô Rokuzô đến hạ lệnh cho họ:

- Phải hết sức cố gắng chỉ viện thân bang tiến hành cuộc chiến đấu thần thánh, phải chống quân Liên Xô đến cùng, đến cùng.

Nói xong tôi quay lại nhìn nét mặt Yoshioka song viên “thư ký hoàng thất” cũng không biết khi nào ra đi.

Tôi đi đi lại lại trong nhà, một lúc như thế bỗng nhìn thấy ngoài cửa sổ có mấy hiến binh Nhật mang súng, đi về phía Đồng Đức. Hồn vía tôi như bay mất, cho rằng đã đến lúc chúng ra tay giết hại. Tôi cảm thấy không biết nấp vào đâu đơn độc đi đến cửa bậc thềm, đón chúng. Mấy hiến binh Nhật trông thấy tôi liền quay đi.

Tôi cho rằng đó là chúng đến theo dõi tôi có bỏ chạy không, tôi càng nghĩ càng sợ, cảm ông điện thoại tìm Yoshioka, gọi thế nào cũng không được. Tôi cho rằng Nhật Bản đã bỏ rơi tôi mà đi rồi. Điều đó càng làm tôi sợ hãi.

Sau đó tôi lại gọi điện thoại cho Yoshioka. Điện thoại hỏng, tiếng Yoshioka rất yếu ớt nói hẩn hẩn. Tôi vội vàng bày tỏ mối quan tâm đối với hắn, nói một lô lời mỹ miều. Nghe hắn nói “Cảm ơn bộ hạ” tôi đặt máy xuống, thở phào.

Lúc đó tôi cảm thấy bụng rất đói, thì ra cả ngày chẳng ăn uống chút gì. Tôi gọi Lý lớn, người hầu cận còn lại cho tôi ăn. Lý lớn nói: đầu bếp đã đi hết rồi. Tôi chỉ còn cách ăn chút bánh bích quy.

Hơn 9 giờ tối ngày 11, Yoshioka đến. Lúc đó các em trai, em gái, em rể và các cháu đều đã đi trước ra ga xe lửa rồi. Trong những người này chỉ còn lại tôi và hai vợ tôi. Bằng giọng mệnh lệnh, Yoshioka nói với tôi và mấy người đi theo:

- Dù đi bộ hoặc lên xe, do Hashimoto Torunôjô bùng “thần khí” (63) đi phía trước. Ai đi qua “thần khí” đều phải khom mình 90 độ làm lễ.

Tôi biết đó thật sự đến lúc khởi hành.

Tôi cung kính đứng nhìn Hashimoto bùng “thần khí” lên chiếc xe đầu, sau đó tự mình bước vào chiếc xe thứ hai. Xe ô tô rời “đế cung” tôi quay đầu nhìn lại trên bầu trời “kiến quốc thần miếu” vọt lên chớp lửa trên đường đi Thông hóa Đại lật tử câu xe lửa chạy mất hai ngày ba đêm. Lễ ra cần đi từ Thẩm Dương, để tránh bị máy bay tập kích, đổi đi tuyến đường sắt Cát Lâm - Mai Hà Khẩu. Trong hai ngày chỉ ăn hai bữa cơm và một ít bánh bích quy. Vén đường, chỗ nào cũng là xe lính Nhật Bản, hàng ngũ chẳng ra hàng ngũ, dân tỵ nạn chẳng ra dân tỵ nạn. Ở Mai Hà Khẩu, xe dừng lại, tư lệnh quân Quan Đông lên xe lửa báo cáo rằng quân Nhật thắng trận, bắn hỏng nhiều máy bay và xe tăng của quân đội Liên Xô, đang ở ga Cát Lâm, tôi nhìn thấy một cảnh tượng trái lại, từng đám dân và con trẻ Nhật Bản kêu gào chen chúc theo xe lửa van xin, kêu khóc trước những hiến binh Nhật ngăn họ, ở khắp ga xe lửa, hiến binh và binh lính đang đánh đập họ.

Đại-lật-tử-câu là một mỏ than ở eo núi, cách Triều Tiên một con sông; sáng sớm mây trắng phủ kín dãy núi, sau khi mặt trời mọc, non xanh núi biếc, chim hót hoa thơm, cảnh đặc biệt đẹp. Lúc đó, mọi thứ trước mặt tôi đều u ám. Nơi tôi ở là nhà ở của giám đốc mỏ Nhật Bản, có 7,8 phòng. Những gian phòng kiểu Nhật Bản này cách âm không tốt nên suốt ngày âm ỉ.

Ngày 13 tháng 8 đến nơi này, qua hai ngày sống bâng hoàng lo lắng, ngày 15 tháng 8 Nhật Bản tuyên bố đầu hàng.

Khi Yoshioka nói với tôi: “Thiên hoàng bệ hạ đã tuyên bố đầu hàng, chính phủ Mỹ đã tỏ ý sẽ đảm bảo an toàn và địa vị của Thiên hoàng bệ hạ”

Tôi lập tức quỳ xuống khấu đầu lay trời đất mấy lay lắm bảm khấn: “Con xin cảm tạ trời đất phù hộ cho Thiên hoàng bệ hạ bình yên”. Yoshioka cũng quỳ xuống dập đầu lay theo. Sau đó hắn nói với tôi: quân Quan Đông Nhật Bản đã liên hệ với Tokyo quyết định đưa tôi sang Nhật nhưng lại nói: “Thiên hoàng bệ hạ cũng không thể đảm bảo an toàn tuyệt đối cho bệ hạ. Đến giai đoạn này phải tùy theo ý của quân đồng minh”.

Tôi nhận thấy thân chết đã vậy gọi tôi.

Trương Cảnh Huệ, Tokuzô Takube và một đoàn “đại thần”, “tham nghị” đã tìm đến tôi. Thì ra còn một màn kịch phải diễn. Họ mang đến một bản “chiếu thoái vị”. Tôi đứng trước một đám đại thần tham nghị đọc một lần.

Cùng với việc quyết định tôi đi Nhật Bản người Nhật bố trí Trương Cảnh Huệ và Rokuzô Takube trở về Trường Xuân sắp xếp việc về sau. Họ đến Trường Xuân do Trương Cảnh Huệ lộ mặt qua đài phát thanh liên hệ với Tưởng Giới Thạch đồng thời tuyên bố thành lập “Hội duy trì trị an”. Chuẩn bị đón quân đội Tưởng Giới Thạch tiếp quản. Họ mưu toan trước khi quân đội Liên Xô tới, nhanh chóng biến thành đại biểu của “Trung Hoa dân quốc”. Tuy nhiên họ không ngờ quân đội Liên Xô thân tốc đến và quân đội do Đảng Cộng sản lãnh đạo cũng đã loại bỏ sự chống trả của quân Nhật, tiến sát thành phố. Quân đội Liên Xô đến Trường Xuân, sĩ quan chỉ huy Liên Xô nói với họ một câu: “Hãy đợi xem xét”. Đám Trương Cảnh Huệ cho rằng Hội duy trì đã được công nhận, không khỏi ảo tưởng đối với Liên Xô.

Ngày hôm sau, các đại thần bù nhìn được mời đến Bộ tư lệnh Liên Xô đợi sự sai phái của quân đội Liên Xô. Không ngờ sĩ quan quân đội Liên Xô tuyên bố: “đến đủ rồi ư? tốt, máy bay sẽ đưa các ông đi Liên Xô”.

Ngày 16 tháng 8, người Nhật nghe tin ở Trường Xuân quân cấm vệ và quân Nhật đã nổ ra xung đột, chúng tức tốc tước vũ khí của đội quân cấm vệ cùng đi với tôi.

Lúc này Yoshioka thông báo cho tôi: ngày mai sẽ khởi hành đi Nhật Bản. Tôi tất nhiên vội vàng gặt đầu làm ra vẻ vui mừng.

Yoshioka bảo tôi chỉ lựa chọn mấy người đi thôi vì máy bay nhỏ, không thể chở nhiều. Tôi chọn Phở Kiệt, hai em rể, ba cháu, một bác sĩ và người hầu Lý lớn.

Phúc Quý nhân (Ngọc Cẩm) khóc lóc:

- Em làm thế nào đây?
- Máy bay nhỏ quá, mọi người chờ đi xe lửa - tôi nói.
- Xe lửa cũng chạy được đến Nhật Bản ư?
- Xe lửa đến được. Chậm nhất là ba ngày, quý nhân cùng hoàng hậu và mọi người lại sẽ gặp nhau.
- Nhỡ xe lửa không đến được thì sao? Em chẳng có ai là họ hàng thân thích ở đây.
- Chỉ hai hôm nữa là gặp nhau thôi mà!

Tâm tư tôi rối như canh hẹ, suy tính làm sao thoát chết, còn bụng dạ nào nghĩ đến xe lửa nữa.

Mục tiêu thứ nhất của máy bay trên chặng này là Thẩm Dương. Ở đó, chúng tôi sẽ phải đổi máy bay cỡ lớn. Xuất phát từ Thông Hóa cùng với tôi có Yoshioka, Hashimoto, Phở Kiệt và một nhà tu Nhật Bản (đi theo Hashimoto bung “Thần khí”). Những người khác và một hiến binh Nhật trên một máy bay khác. 11 giờ sáng hôm đó tôi đến sân bay Thẩm Dương trước, nghỉ ở phòng nghỉ sân bay đợi một máy bay khác.

Chờ đợi không lâu, bỗng nhiên có tiếng động cơ nổ rầm trời, chấn động màng tai. Thì ra máy bay Liên Xô hạ cánh. Từng đội lính Liên Xô mang tiểu liên xuống sân bay, lập tức tước khí giới quân Nhật trên sân bay. Không bao lâu khắp sân là quân đội Liên Xô. Đó là những đại diện quân đội Liên Xô đến tiếp nhận quân Nhật đầu hàng.

Do sự thay đổi đột ngột này, chúng tôi không đi Nhật Bản được. Ngày hôm sau, được máy bay Liên Xô đưa đi Liên Xô.

CHƯƠNG VII

TẠI LIÊN XÔ

Hoài nghi và Ảo tưởng

Máy bay đến Chita, trời đã gần tối, chúng tôi là một đám tội phạm chiến tranh nguy Mãn được đưa tới Liên Xô. Cùng đi với tôi có Phô Kiệt, hai em rể, một bác sĩ và một người hầu. Chúng tôi lên một chiếc xe ô tô nhỏ do Liên Xô đã chuẩn bị sẵn rồi sẵn bay.

Từ trong xe nhìn ra ngoài, hầu như xe chạy trên cánh đồng hoang, hai bên tối mò mò không nhìn thấy gì. Đi được một hồi, lên qua mấy hàng cây, bò lên một quãng dốc, đường sá trở nên gập ghềnh chật hẹp, tốc độ xe chậm lại và đột ngột dừng bánh. Từ bên ngoài chuyên lại một cân bằng tiếng Trung Quốc:

- Muốn xả hơi xin xuống xe.

Tôi bất giác hết sức kinh hãi cho rằng người Trung Quốc đón tôi về. Thực ra người nói là một sĩ quan Liên Xô gốc Trung Quốc. Trong nửa đời trước của tôi, bệnh đa nghi của tôi đã làm bản thân mình khổ sở, luôn luôn dày vò mình. Rõ ràng vừa mới ngồi trên máy bay Liên Xô, từ Trung Quốc bay đến Liên Xô thì làm sao có thể chuyển giao cho người Trung Quốc ở đây! Nếu còn có một tia hy vọng, nếu rơi vào tay người Trung Quốc thì chắc chắn cái chết.

Chúng tôi nghỉ ngơi xong lại lên xe tiếp tục chạy khoảng hai giờ đồng hồ nữa thì đi vào một eo núi, đỗ trước một căn nhà đèn sáng rực. Cả toán xuống xe. Nhìn thấy công trình xây dựng lịch sự này, có người nói nhỏ: “đây là một khách sạn”, mọi người đều vui mừng.

Đi vào “khách sạn”, một người khoảng hơn 40 tuổi, mặc thường phục bước tới trước chúng tôi theo sau có mấy sĩ quan Liên Xô. Ông ta trang nghiêm tuyên bố:

- Chính phủ Liên Xô hạ lệnh, từ nay bắt đầu thực hành câu lưu đối với các ông.

Thì ra đây là “Tư lệnh quân bảo vệ thành phố Chita, một vị thiếu tướng lục quân Liên Xô. Sau khi tuyên bố xong mệnh lệnh, ông rất hoà nhã bảo chúng tôi: có thể yên tâm ở đây, đợi xử lý. Nói xong, ông chỉ bình nước trong trên bàn nói:

- Nơi này có một suối nước khoáng, nước khoáng là thứ nước uống rất có ích cho sức khỏe.

Loại nước khoáng này có chút vị khó uống sau này lại trở thành thứ nước tôi rất thích.

Chúng tôi lại bắt đầu cuộc sống câu lưu với điều kiện ưu đãi ở trạm điều dưỡng này. Mỗi ngày ba bữa ăn Nga thịnh soạn, một lần uống trà kiểu Nga. Có nhân viên phục vụ chăm sóc, có bác sĩ, y tá thường xuyên đến kiểm tra sức khỏe chữa trị bệnh tật, có máy thu thanh, sách báo, các loại dụng cụ giải trí, thường xuyên còn có người đưa đi tản bộ. Tôi cảm thấy hài lòng ngay về cuộc sống như thế này.

Ở đó không lâu, tôi nảy ra một ảo tưởng: tuy rằng Liên Xô và Mỹ - Anh là những nước đồng

mình, cũng có thể tôi từ đây rời sang Anh-Mỹ làm người lưu vong. Khi đó, tôi đã mang được rất nhiều châu báu, đồ trang sức, đủ tiêu dùng cho nửa đời sau của tôi. Muốn đạt tới mục đích này, trước hết tôi phải xác định cần phải ở Liên Xô. Vì vậy trong 5 năm ở Liên Xô, ngoài nói miệng, tôi đã ba lần viết đơn gửi nhà cầm quyền Liên Xô cho phép tôi vĩnh viễn ở Liên Xô. Ba lần gửi đơn hoàn toàn không có câu trả lời.

Tôi đến Chita được mấy ngày, Trương Cảnh Huệ, Tăng Thiệu Nghi, Hy Hiệp... đều tới khoảng mấy ngày sau, Trương, Tăng, Hy đến nơi tôi ở thăm tôi. Tôi cho rằng họ đến thỉnh an tôi. Không ngờ là đến yêu cầu tôi. Trương Cảnh Huệ mở miệng trước nói:

- Nghe nói bề trên muốn ở lại Liên xô, nhưng chúng tôi đều ở Đông Bắc, đều được tự mình lo liệu; lại nói, còn có một số việc công chưa làm xong, mong bề trên nói với Liên Xô cho chúng tôi sớm trở về Đông Bắc. Bề trên xem có được không?

Họ có việc công nào chưa làm xong, tôi không biết, cũng không quan tâm, do đó tôi hoàn toàn không hứng thú gì với những lời thỉnh cầu của họ.

- Tôi làm sao làm được? ngay tôi ở lại hay đi vẫn còn xem quyết định của những người Liên Xô.

Đám người này thấy tôi không nhận liền khẩn thiết van xin: “Mong bề trên hãy nói, bề trên nhất định làm được”. “Đây là ý muốn của mọi người. Mọi người cử chúng tôi làm đại biểu đến thỉnh cầu”. “Việc của mọi người không cầu xin cụ còn có thể cầu ai?”

Hiện nay, tôi không thể còn gọi là “hoàng thượng”, “bệ hạ” nên gọi lung tung. Tôi không còn cách nào nên phải tìm người phụ trách quản lý chúng tôi là trung tá Unôlốp.

Unôlốp nghe tôi thông báo về yêu cầu của các đại thần ngự Mãn bèn nói: “Vâng, tôi sẽ truyền đạt”.

Khi tôi viết đơn xin ở lại Liên Xô ông ta cũng trả lời như vậy. Về sau tình hình cũng như thế, không có câu trả lời.

Tuy nhiên, những đại thần ấy và tôi không cam lòng, sau khi đến ngoại ô thành phố Bali, tôi xin ở lại Liên xô, bọn họ xin trở về Đông Bắc, vẫn ép tôi nói thay họ.

Khi đó tôi vẫn chưa biết rõ, sợ với tôi họ hiểu được bí mật chính trị của Quốc Dân đảng, biết Quốc Dân đảng có nhu cầu đặc biệt đối với họ, vì vậy tin rằng trở về không những an toàn mà còn kiếm chác được. Cũng có lẽ sự căm dỗ đó quá lớn do đó có người muốn trở về đến mức phát điên.

Khi ở ngoại ô thành phố Bali, có một lần, một tù binh Ngụy Mãn làm nhiệm vụ quét dọn có lẽ mắc bệnh thần kinh, ngã lăn ra đất, nói lung tung. Có một đại thần ngự tin sùng đàn lễ nhận định đây là thánh nhập, nên vội vàng quỳ trước mặt người tù binh đó cúi đầu lạy, miệng còn lầm bầm, vái xin “đại thánh” chỉ cho bao giờ ông ta được rời Liên Xô.

Tại Liên Xô, ngoài người phiên dịch Liên Xô thường xuyên thông báo tin tức cho mọi người, chúng tôi còn thường xuyên được đọc báo “Cuộc sống thực” do quân đội Liên Xô phát hành tại Lữ Thuận. Nghe được tin tức chiến sự trong nước. Tôi không quan tâm những cái đó, cho rằng chẳng kể ai thắng, ai bại, đối với tôi rút cục cũng như thế, đều muốn giết tôi. Hy vọng duy nhất của tôi là vĩnh viễn không về nước. Các ngự đại thần trái lại rất quan tâm tình hình trong nước. Họ đặt hy vọng vào nền thống trị của Tưởng Giới Thạch. Họ tin rằng, có sự giúp đỡ của họ, Tưởng Giới Thạch có thể đánh bại quân giải phóng nhân dân, do đó khi mới nghe tin tức thắng lợi của quân giải phóng nhân dân ai cũng không tin. Về sau, sự thực ngày càng rõ họ lại đâm hoảng. Khi nước Trung Hoa mới tuyên bố thành lập, có người vốn tự cho mình có kinh nghiệm phong phú, đưa ý kiến gửi điện chúc mừng. Ý kiến này được sự hưởng ứng rộng rãi.

Không dứt được gánh

Trong cuộc sống câu lưu 5 năm ở Liên Xô, tôi trước sau không dứt được gánh. Sau đó chúng tôi chuyển đến Sở thu dung Bali. Nơi này tuy không có nhân viên phục vụ, tôi vẫn có người phục dịch như trước. Người nhà tôi gấp chăn cho tôi, dọn dẹp nhà cửa, bưng cơm và giặt quần áo. Họ không dám công khai gọi tôi là “hoàng thượng” nên đổi gọi là “bê trên”. Mỗi sáng sớm, họ vào phòng tôi, theo lệ thỉnh an tôi.

Khi mới tới ngoại ô Bali, có một hôm tôi muốn đi tản bộ từ trên gác xuống. Một đại thần trước đây ngồi trên ghế ở tầng trệt nhìn thấy tôi nét mặt không hề thay đổi. Tôi trong bụng rất tức giận, từ đó không muốn xuống gác nữa. Hàng ngày ngồi ở lý trên gác, phần lớn thời gian dành cho tụng kinh. Tuy nhiên, nói chung các quý đại thần phần lớn vẫn giữ sự kính trọng đối với tôi. Nói ví dụ: trong năm năm ở Liên Xô, mỗi tết âm lịch, mọi người làm bánh chèo (64) để ăn bát đầu tiên bao giờ cũng giành mời tôi.

Tôi tự mình không làm gì, còn không muốn người nhà tôi làm giúp người khác. Có lặn ăn cơm, em trai và em gái tôi giúp mọi người dọn bàn bị tôi ngăn cấm. Người nhà tôi làm sao có thể hạ người khác!

Từ 1947 đến 1948, người nhà tôi một dạo được chuyển đến một sở thu dung ở thành phố khác. Đây là lần đầu tiên tôi cách rời người nhà cảm thấy rất không thuận tiện. Nhà đương cục Liên Xô rất chiều cố tôi, cho phép tôi ăn cơm một mình. Song ai bưng cơm cho tôi, may mà hồ vợ tôi tự giác nhận trách nhiệm, ông không chỉ bưng cơm cho tôi, đến giặt quần áo cũng thay giúp tôi.

Để đảm “ký sinh trùng” chúng tôi làm ít lao động nhẹ, Sở thu dung tìm cho chúng tôi một số mảnh đất trong khu nhà để chúng tôi trồng rau. Tôi và người nhà tôi được chia một mảnh nhỏ, trồng đậu, cà chua, rau cải... Đương nhiên tôi thường nghĩ điều đó rút cục không thuận lợi bằng mua ở quầy hàng.

Để chúng tôi học tập, Sở thu dung phát cho chúng tôi một số sách Trung văn và có một thời gian bảo em trai, em gái và em rể tôi theo sách nói về “vấn đề chủ nghĩa Lê Nin”, “Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô”. Người nói chẳng hiểu gì, người nghe lơ mơ lơ mơ, tâm trạng bản thân tôi chỉ là nhàm chán. Những điều đó có gì quan hệ với tôi. Nếu không cho tôi ở lại Liên Xô, hãy trả tôi về. Tôi đọc hai cuốn sách này dùng để làm gì.

“Học tập”, hai tiếng đó đối với tôi khi đó lại không bằng rau cải, cà chua hiện thực hơn. Mỗi lần học tập, tôi ngồi ở một chỗ đặc biệt cạnh bục giảng thường là một mặt nghe “giáo viên” nói tràng giang đại hải về những điều tôi không hiểu và cũng không muốn hiểu: Mensêvich, nhà nước Duma,... mặt khác suy nghĩ lung tung: “nếu như có thể ở lại Matscova hoặc là Luân Đôn, số châu báu trang sức đó tôi dùng được mấy năm?”.

Tuy nhiên, tôi vẫn có thể làm ra vẻ rất chú ý nghe song có người lại khác, ngáy, khò khò. Sau bữa cơm tối, là thời gian tự do hoạt động, lại là một dạng khác. Một đầu hành lang là mấy bàn cờ tướng, đầu bên kia có cửa sổ, có người hướng phía ngoài cửa sổ vãi trời lớn tiếng niệm “Nam mô a di đà phật! Quan thế âm bồ tát!”. Trên gác, nơi các tội phạm chiến tranh Nhật Bản truyền tới giọng kịch điệu Nhật “U, U, U” càng ly kỳ hơn là có người bày bải đoán chữ, một đám người vây xung quanh hỏi đến bao giờ có thể về nhà, gia đình có xảy ra chuyện gì không? Lại có một số người nằm trong phòng bói quẻ đều là hỏi về vấn đề trở về nhà. Một ngày đầu, lính gác Liên Xô bị tiếng huyền não kinh động đã hết sức kinh ngạc nhìn đám người như thế chỉ lắc đầu về sau này họ cũng quen đi.

Trong những lúc đó, tôi thường ở trong nhà một mình lắc khoá kim tiền của tôi, niệm kinh kim cương của tôi.

Tôi không nhận tội

Đã không dứt được gánh, lại không chịu học tập, tư tưởng của tôi căn bản không có gì thay đổi, tất nhiên càng không nói đến nhận tội. Tôi biết, trước luật pháp, tôi phạm tội phản quốc. Song đối với việc này, tôi chỉ coi là sự sắp đặt ngẫu nhiên của số phận. “Cường quyền là công lý” và “được làm vua, thua làm giặc” đó là tư tưởng của tôi khi đó. Tôi căn bản không nghĩ về trách nhiệm nào của mình; đương nhiên, càng không nghĩ đến tư tưởng nào chỉ phối tôi phạm tội, cung chưa từng nghe nói tư tưởng nào phải cải tạo.

Để tránh số phận bị trừng phạt, biện pháp mà tôi áp dụng vẫn là một kiểu: rõ ràng trước mắt Liên Xô là người quyết định vận mệnh của tôi thế thì tôi phải làm vừa lòng Liên Xô. Do đó, tôi lấy có chỉ viện Liên Xô xây dựng kinh tế sau chiến tranh, tôi xin hiến cho Liên Xô châu báu, trang sức của tôi.

Tôi cũng không hiến tất cả, chọn một phần tốt nhất để lại, và giao cho cháu tôi giữ phần đó, giấu ở tầng dưới đáy chiếc va li da màu đen, do tầng đáy hẹp, không thể giấu hết, tôi liền giấu ở những nơi có thể giấu được, thậm chí giấu cả trong xà phòng, vẫn giấu không hết, cuối cùng chỉ còn cách vứt đi.

Một hôm, phiên dịch Liên Xô và một sĩ quan đi vào phòng lớn, tay cầm một vật rất đẹp hỏi mọi người:

- Cái này của ai? Ai vứt trong đồng mảnh lò sưởi bỏ đi ở trong sân?

Mọi người trong phòng lớn xúm lại nhìn rõ vật trong tay viên sĩ quan là đồ trang sức trên đầu. Có người nói: “bên trên vật đó còn có dấu in “Bắc Kinh ngân lâu”. Là thật, ai vứt ra vậy?”

Tôi nhận ra ngay vật đó do tôi bảo cháu vứt đi. Lúc đó họ đều ở một Sở thu dung khác. Tôi cũng không nhận trách nhiệm, vội vã lắc đầu nói:

- Là thật, là thật, cái này ai vứt đi?...

Không ngờ trong tay người phiên dịch vẫn còn một chiếc lược gỗ, anh ta mang nó đến trước mặt tôi nói:

- Trong đồng còn có cái này, tôi nhớ chiếc lược gỗ này có thể là của ông?

Tôi đâm hoảng, vội vã phủ nhận nói: “không phải, không phải, lược gỗ cũng không phải của tôi”, khiến hai người không còn cách nào, đứng sững hồi lâu, cuối cùng chỉ còn rút lui. Có thể đến nay họ vẫn chưa rõ rút cục tâm trạng con người tôi là thế nào? Thực ra tôi chỉ có một tâm trạng đó là sợ thừa nhận việc đó sẽ dẫn đến sự ngờ vực của họ, do đó tôi áp dụng biện pháp gạt phắt đến mức ngốc nghếch như vậy khiến họ sững người.

Không những tôi vứt đi một số đồ trang sức trên đầu lại còn ném vào lò đốt đi một số hạt trai. Trước khi sắp rời Liên Xô, tôi gọi Lý lớn, người hầu của tôi mang một số còn lại vứt vào ống khói trên nóc nhà.

Tôi oán hận người Nhật. Khi Liên Xô qua tôi điều tra về những tội ác của giặc Nhật ở Đông Bắc, tôi tích cực cung cấp nhiều tài liệu, sau đó, tôi được gọi tới “Toà án quân sự quốc tế Viễn Đông” ở Tokyo làm nhân chứng. Tôi vạch tội các tội phạm chiến tranh Nhật Bản một cách thông khoái lâm ly. Song mỗi lần nói đến đoạn lịch sử này, tôi chưa bao giờ nói về tội lỗi của mình mà lại hết sức làm cho mình thoát khỏi vị tôi sợ bản thân mình bị xét xử.

Tôi đến làm nhân chứng ở “Toà án quân sự quốc tế Viễn Đông” tại Tokyo vào tháng 8 năm 1946. Tôi ra toà án cộng 8 ngày. Nghe nói đây là một lần thời gian làm chứng dài nhất trong toà án. Trong những ngày ấy tin tức về toà án trở thành tin tức giật gân hàng đầu trên báo chí một số nơi trên thế giới.

Chứng thực bộ mặt thật của Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, nói rõ Nhật Bản lợi dụng tôi - hoàng đế cuối đời Thanh làm bù nhìn như thế nào để thống trị và xâm lược bốn tỉnh Đông Bắc, đó là yêu cầu của việc làm chứng của tôi.

Ngày nay, nhớ lại lần làm chứng đó, tôi cảm thấy rất lấy làm tiếc. Do lúc đó tôi sợ tương lai sẽ bị Tổ quốc trừng phạt, tâm tư nặng trĩu lo lắng, tuy rằng đã nói ra một phần sự thật về tội ác của bọn xâm lược Nhật Bản, song để giữ thoát cho bản thân mình, trong khi che giấu tội ác của mình, tôi đồng thời cũng che giấu một phần bộ mặt thật lịch sử có liên quan đến tội ác của mình. Thậm chí không vạch trần một cách đầy đủ, triệt để những tội ác của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản.

Bọn đế quốc Nhật Bản câu kết bí mật với các tập đoàn do tôi đứng đầu vốn đã bắt đầu từ trước sự kiện “18 tháng 9”. Sự dung dưỡng gây dựng của người Nhật đối với bọn người này vốn là

chuyện bí mật công khai. Sau sự kiện “18 tháng 9” bọn người chúng tôi công khai đầu hàng kẻ thù tức là kết quả của sự câu kết lâu dài với người Nhật. Để giải thoát cho mình, tôi đã lần tránh vấn đề này, chỉ chuyên nói về tôi bị o ép và chịu hãm hại như thế nào.

Cũng như mọi bè đảng đen tối, sự câu kết của chủ nghĩa đế quốc bên ngoài và các thế lực bên trong, sự cò xát nội bộ là khổ tránh, còn tôi lại nói việc đó như là sự xung đột giữa cái thiện và cái ác.

Tại toà án, tôi mấy lần tỏ ra bị kích động khi nói đến chuyện đón tiếp “Thiên chiếu đại thần”. Một luật sư Nhật Bản hướng tôi nêu ý kiến: tôi công kích tổ tiên Thiên Hoàng, điều đó rất không phù hợp vì đạo đức phương Đông. Tôi lớn tiếng thét một cách kích động: “Tôi không cưỡng ép họ coi tổ tiên của mình làm tổ tiên của họ!”. Điều đó gây trận cười lớn ran hội trường còn tôi cảm tức mãi. Nói đến cái chết của Đàm Ngọc Linh, tôi mang sự hoài nghi của mình làm sự thật đã được khẳng định và nói một cách căm phẫn: “Ngay cô ấy cũng bị Nhật Bản giết hại!”. Cố nhiên tâm tư của tôi lúc đó bị kích động song đồng thời, tôi muốn mọi người coi tôi là một kẻ bị bức hại.

Đề giảm nhẹ tội của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đã sử dụng nhiều biện pháp để đối phó với tôi, mưu toan hạ thấp giá trị những lời làm chứng của tôi, thậm chí muốn phủ định tư cách làm chứng của tôi. Đương nhiên, họ thất bại. Dù cho họ thật sự hoàn toàn phủ định tôi cũng không có cách nào thay đổi số phận của bọn bị cáo. Tuy nhiên nếu như họ lợi dụng tâm lý sợ bị trừng phạt của tôi, khiến tôi ít nói về sự thật thì họ đã đạt một phần mục đích. Tôi còn nhớ, khi tôi kiểm kê tội ác của bọn tội phạm chiến tranh Nhật Bản, một luật sư Mỹ đã quát lớn: “ông đưa mọi tội ác đổ lên đầu người Nhật, song ông cũng là tội phạm, rút cục ông cũng sẽ bị chính phủ Trung Quốc phán quyết”. Câu nói của ông ta đánh trúng chỗ yếu của tôi, nói đến chỗ tôi sợ hãi nhất. Tôi nảy ra tâm lý đó mới coi việc đầu hàng bán nước là kết quả của bị bắt. Tôi hoàn toàn phủ nhận sự câu kết của tôi với Nhật Bản, thậm chí tại toà án đưa ra bức thư tôi gửi Nanjiro tôi cũng kiên quyết phủ nhận nói là người Nhật Bản bịa ra. Tôi che giấu việc này cũng là che giấu một âm mưu, thủ đoạn của bọn quân phiệt Nhật Bản cho nên ngược lại vẫn là thuận lợi cho bọn quân phiệt Nhật Bản.

CHƯƠNG VII

TỪ NGHI NGỜ, SỢ HÃI ĐẾN NHẬN TỘI

Tôi chỉ nghĩ đến cái chết

Ngày 31 tháng 7 năm 1950, tàu hỏa Liên Xô áp giải tội phạm chiến tranh nguy Mãn Châu tới ga Tuỳ Phần Hà biên giới Liên Xô - Trung Quốc. Đại úy A-xnit phụ trách áp giải nói cho tôi biết việc bàn giao cho chính phủ Trung Quốc phải chờ tới sáng hôm sau mới tiến hành được khuyên tôi yên tâm ngủ một giấc.

Khi ở Khabarốp lên tàu hỏa, tôi được xếp vào toa sĩ quan Liên Xô để tách rời với người thân. Các sĩ quan Liên Xô chuẩn bị bia và bánh kẹo mời tôi và nói chuyện tẻ nhạt với tôi suốt dọc đường, mặc dù vậy, tôi vẫn nghĩ là họ đang dẫn tôi tới chỗ chết. Tôi đinh ninh rằng khi đặt chân lên

đất Trung Quốc, cuộc đời của tôi cũng sẽ kết thúc.

Trên ghê nằm đôi diện, đại úy Axnit vẫn ngáy đều đều. Mắt tôi mở trâng trâng, nỗi lo sợ sắp bị giết làm tôi không tài nào ngủ được. Tôi ngồi dậy niêm mây hồi kinh, vừa định nằm lại thì nghe có tiếng giấy nện rầm rập trên sân ga và càng ngày càng rõ. Hình như một đội lính đi tới. Tôi ghé sát cửa sổ nhòm ra ngoài nhưng không thấy bóng người nào cả, tiếng giấy ủng nhỏ dần. Tôi thở dài, thu mình ngồi xuống góc ghê nằm, nhìn chằm chằm vào chiếc cốc rồng đặt bên cửa sổ, bất giác nhớ lại mấy lời nói của đại úy A-xnit trong khi uống rượu: “Trời sáng, ông sẽ thấy được Tổ quốc của ông rồi. Ông cứ yên tâm, chính quyền của Đảng cộng sản là văn minh nhất thế giới, độ lượng của Đảng và nhân dân Trung Quốc lớn lắm”.

“Bíp”, tôi tự nhủ và căm ghét nhìn A-xnit đang nằm ngáy trên ghê. Lờ mi nói, bia mi mời, bánh kẹo mi cho, toàn là bíp hết. Tính mạng của ta chẳng qua như hạt sương dính bên ngoài cửa sổ mặt trời mọc lên là tiêu tan hết, vậy mà mi vẫn ngủ ngon được ư.

Lúc bấy giờ, trong óc tôi chỉ có tổ tông chứ nào có Tổ quốc, còn Đảng cộng sản thì chỉ có thể gắn với “tai hoạ” chứ nói chi đến văn minh. Tôi biết Liên Xô cũng là một nước cộng sản đối xử với tôi không có gì gọi là không nhân đạo; nhưng Liên Xô là một nước đồng minh, phải chịu sự ràng buộc của hiệp nghị quốc tế nên không thể làm ầu được, còn Trung Quốc thì khác. Đảng Cộng sản Trung Quốc đánh đổ Tưởng Giới Thạch, không thừa nhận bất kỳ “chính thống” nào, đối với tôi tất nhiên muốn làm gì thì làm chẳng cần kiêng nể gì hết. Những lời tuyên truyền mà tôi được nghe trong thời gian mấy chục năm tôi ở Bắc Kinh, Thiên Tân, Trường Xuân đều cho rằng Đảng Cộng sản là hoá thân của những từ ngữ ‘tàn khốc’, ‘hung ác’. Hơn nữa, họ thù ghét tôi còn hơn Tưởng Giới Thạch hàng trăm lần. Rơi vào tay những con người ấy, tôi làm sao còn có đường sống?

Tư tưởng “chết thớm không bằng sống nhục” từng chi phối tôi mười mấy năm, nhưng lúc này tôi nghĩ: “sống nhục” cố nhiên là điều ảo tưởng, mà “chết thớm” cũng là niềm mơ ước hão huyền.

Cả đêm hôm ấy tôi đã nghĩ rất nhiều về những việc khủng khiếp sẽ đến với tôi. Trời hửng sáng, khi đại úy A-xnit bảo tôi đi theo để gặp đại biểu của chính phủ Trung Quốc, trong óc tôi chỉ nghĩ có một điều: trước khi chết mình có dựng cảm hô lên một câu: “Thái tử hoàng đế muôn năm” không?

Tôi bước theo A-xnit mà đầu óc căng thẳng như muốn nứt vỡ ra. Vào tới một gian buồng ở toa khác, đã thấy hai người Trung Quốc ngồi ở đây, một người mặc bộ đại cán, một người mặc quân phục màu xanh ủa không đeo quân hàm, trên ngực áo có dính phù hiệu viết bảy chữ “Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc”. Hai người đứng dậy nói vài câu với đại úy A-xnit xong, người mặc đại cán quay lại nhìn chúng tôi một lượt rồi nói:

- Theo mệnh lệnh của thủ tướng Chu Ân Lai, chúng tôi đến đây để tiếp nhận các ông. Bây giờ các ông về đến Tổ quốc rồi...

Tôi cúi đầu, chờ người mặc quân phục bước tới còng tay nhưng người quân nhân ấy chỉ đứng nhìn tôi mà không nhúc nhích.

“Ông ta biết mình chạy cũng chẳng thoát”. Tôi nghĩ vậy. Độ hơn một tiếng đồng hồ sau, tôi theo A-xnit xuống sân ga. Trên sân ga, hai hàng lính bông súng đứng thành hàng dọc, một bên là quân đội Liên Xô, một bên là quân đội Trung Quốc đeo phù hiệu “Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” trên ngực áo. Chúng tôi đi vào giữa hai hàng lính và lên tàu hỏa đồ phía trước mặt. Trong khoảnh khắc đó, tôi nghĩ ngay đến 8 triệu quân của Tưởng Giới Thạch chính là bị những người đeo phù hiệu này tiêu diệt hết, giờ đây trong mắt họ, có lẽ tôi không bằng một con sâu bọ.

Lên tàu, tôi lại gặp đám ngục Mẫn, người nhà của tôi. Họ đều ngồi ngay ngắn và cũng không một ai bị còng tay hoặc bị trói. Tôi được dẫn đến chỗ ngồi gần cuối toa, một người lính giúp tôi đặt vali lên giá hành lý. Tôi ngồi xuống và nhìn ra ngoài cửa sổ định xem những người lính trên sân ga đang làm gì, lúc đó mới biết là tất cả cửa sổ đều đã được dán kín bằng giấy báo. Quay lại nhìn hai đầu toa thấy mỗi đầu có một lính hồng súng tiêu liên đứng gác. Tôi lặng người. Không khí nặng nề như thế chứng tỏ là họ đưa chúng tôi ra pháp trường chứ còn gì nữa. Tôi nhìn quanh một lượt, các tù nhân xung quanh sắc mặt ai nấy đều xám xịt.

Lát sau, một quân nhân hình như là sĩ quan không mang theo vũ khí gì bước vào giữa toa tàu và nói:

- Tốt. Bây giờ các ông đã về đến Tổ quốc rồi.

Sĩ quan nhìn qua một lượt các tù nhân nói tiếp:

- Chính phủ nhân dân Trung Hoa đã sắp xếp thoả đáng cho các ông rồi, các ông hãy yên tâm... Trên tàu có nhân viên y tế, ai ốm đau có thể ghi tên và được khám bệnh.

Thế là nghĩa lý gì? Tổ quốc, sắp xếp, yên tâm, ốm đau được khám bệnh? À, tôi hiểu rồi, chẳng qua là họ muốn làm chúng tôi vững bụng để khỏi xảy ra việc gì trên dọc đường chứ gì. Sau đó có mấy người lính đem tới một rổ to, bát đũa phát đều cho mọi người, vừa phát vừa nói:

- Tự mình giữ gìn cẩn thận, đừng làm vỡ vì đi đường bổ sung thêm có khó khăn đây.

Tôi nghĩ bụng: xem ra con đường dẫn tới pháp trường không phải gần, nếu không thì sao phải nói như vậy.

Bữa ăn sáng hôm ấy có rau cải muối, trứng muối và cháo. Bữa ăn mùi vị quê hương đã lâu không được hưởng làm mọi người cảm thấy rất ngon miệng, chỉ một lúc thùng cháo đã hết sạch. Những người lính thấy vậy bèn nhường cả thùng cháo của mình cho chúng tôi. Tôi biết trên xe không có thiết bị nấu nướng, họ phải chờ đến ga tới mới nấu được, vì vậy hành động của họ tôi không tài nào hiểu nổi, cuối cùng chỉ tự kết luận: dù sao họ cũng chẳng thế có ý tốt gì với chúng tôi.

Sau bữa ăn sáng, nỗi lo sợ buồn rầu trên nét mặt một số không ít người đã vơi đi ít nhiều. Có người nói: qua việc nhường bữa sáng đã thấy được những người đi áp giải có sự rèn luyện rất khá, kỷ luật rất tốt, và ít nhất là dọc đường họ sẽ không ngược đãi chúng ta. Song lúc đó, tôi không có cách nghĩ như vậy, ngược lại, tôi cho là người cộng sản căm thù tôi nhất, chắc gì nửa đường lại không giết tôi để trả thù. Thật như bị ma ám, vừa mới thoáng nghĩ như vậy mà tôi cứ có cảm giác sự việc ấy nhất định sẽ xảy ra, hơn nữa có lẽ không qua khỏi ngày hôm nay. Có người sau bữa cơm sáng ngồi ngủ gật, còn tôi thì đang ngồi không yên, thầy phải đi tìm người nói ra mới được, phải gặp nhân viên áp giải giải bày là mình không đáng tội chết mới được.

Ngồi phía trước tôi là một chiến sĩ công an trẻ măng, đây là đối tượng gần nhất để tôi nói chuyện. Tôi quan sát kỹ anh chiến sĩ, cuối cùng tìm được đầu câu chuyện từ phù hiệu “Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” trên ngực áo anh:

- Ông là quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (lần đầu tiên tôi dùng danh từ “ông”). Giải phóng, hai chữ này ý nghĩa đẹp quá. Tôi là người theo đạo Phật, trong kinh Phật cũng có nghĩa này. Phật chúng tôi từ bi, mong muốn giải phóng tất cả sinh linh...

Chiến sĩ trẻ tròn mắt lắng yên nghe tôi lải nhải. Khi tôi nói đến việc tôi chưa bao giờ sát sinh, cả đến con ruồi cũng chưa từng đập chết thì thái độ trên mặt chiến sĩ làm tôi khó mà đoán được. Tôi chán nản không nói tiếp được nữa. Tôi có biết đâu, chính bản thân anh chiến sĩ trẻ này cũng không thể đoán được tâm trạng của tôi lúc bấy giờ.

Tôi càng tuyệt vọng. Tiếng tàu hỏa nghiêng đường sắt khiến tôi có cảm giác ngày càng gần cõi chết. Tôi rời khỏi ghế ngồi, bước tới đầu bên kia toa xe đứng tần ngần mấy giây trước cửa buồng vệ sinh rồi lại quay về. Tới giữa toa, thấy thằng Tú, cháu tôi đang nói chuyện “dân chủ” gì gì đó. Tôi dừng lại quát nó:

- Thời thế này còn nói quân chủ cái gì nữa. Đứa nào mà nói dân chủ không tốt thì tao quyết định sống mái với nó.

Mọi người trở mắt nhìn tôi. Tôi như phát khùng:

- Các người nhìn tôi làm gì, có xử bắn cũng chỉ mình tôi thối, các người chớ sợ.

Một chiến sĩ bước tới bảo tôi về chỗ cũ và khuyên tôi: “Ông nên nghỉ ngơi một chút”. Tôi như bị ma quỷ nhập hồn kéo anh chiến sĩ đó lại rí tai: “Thằng đó là cháu tôi, tư tưởng xấu lắm chống dân chủ. Còn lão họ Triệu nữa, trước nó là tướng, hồi ở Liên Xô nó đã nói nhiều điều xấu”.

Về đến chỗ ngồi, tôi vẫn còn lải nhải, anh chiến sĩ bảo tôi nằm xuống. Tôi bắt đắc dĩ phải nằm xuống ghế, nhắm mắt lại nhưng mồm vẫn lải nhải mãi. Sau đó, có lẽ vì đã mấy đêm không ngủ nên tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Tỉnh giấc thì đã là buổi sáng hôm sau. Nhớ lại việc hôm trước, tôi rất muốn biết vận mệnh của hai người mà tôi đã tố giác ra sao. Tôi ngồi dậy tìm kiếm, thấy thằng Tú và lão họ Triệu vẫn ngồi ở chỗ cũ, sắc mặt thằng Tú vẫn bình thường, lão họ Triệu thì hình như hơi khác. Tôi đến gần cạnh nhìn càng thấy sắc mặt hẩn thẩn thương: hẩn đang ngậm ngĩa bàn tay mình, hét lạt ngửa lại úp xuống. Tôi đoán chắc hẩn biết mình sắp chết nên đang luyện tiệp đời mình. Lúc đó tự nhiên tôi nhớ đến câu chuyện quỷ báo oán, sợ hẩn ta chết rồi hoá quỷ tìm đến mình để thanh toán. Nghĩ vậy tôi bỗng bước tới trước mặt hẩn và thỉnh linh thục xuống vái hẩn một vái. Sau khi làm xong lễ “siêu độ” đó, tôi vừa quay về chỗ cũ vừa lẩm bầm đọc kinh “vãng sinh thân chú”.

Tàu hỏa giảm dần tốc độ và ngừng hẳn. “Trường Xuân”. Không biết ai khẽ kêu lên một tiếng khiến tôi bật dậy và chồm tới cửa sổ đã bị giấy báo bịt kín. Tôi ức quá chỉ muốn khoét được một lỗ thủng nhìn ra ngoài xem sao. Tôi chẳng nhìn thấy gì, chỉ nghe thấy tiếng hát của nhiều người cách đó

không xa. Tôi nghĩ, đã tới nơi chết của mình rồi. Đây từng là nơi tôi làm vua, có lẽ người ta đến đông đủ chờ công khai xử tôi rồi. Hồi còn ở Liên Xô, tôi đã từng đọc trên báo “Nói thật” những bài miêu tả các cuộc mít tinh đấu cường hào, ác bá, biết được chương trình xử công khai; trước hết là quần dân áp giải người bị xử ra trước quần chúng. Vừa lúc ấy có hai người lính từ cửa toa bên bước tới khiến tôi hoảng hồn vì sợ hãi, thì ra họ đem cháo sáng đến cho chúng tôi. Cùng lúc ấy, tàu lại chuẩn bị chuyển bánh.

Tàu tới Thẩm Dương. Tôi nghĩ, lần này ắt không đi nữa rồi, nhất định là tôi sẽ phải chết. Ở nơi tổ tiên tôi phát tích. Tàu ngừng được một lát thì có người lạ mặt bước vào toa xe cầm tờ giấy nhỏ tuyên bố với mọi người: “Trời nóng nực quá người nào lớn tuổi hãy theo tôi đi nghỉ một lát”. Tiếp đó ông ta đọc danh sách tôi không những nghe thấy có tên tôi trong danh sách mà còn có cả thằng Tú cháu tôi nữa. Thật lạ lùng. Tôi - 44 tuổi, nếu miễn cưỡng thì cũng có thể cho là lớn tuổi chứ thằng Tú mới hơn 30 tuổi mà cũng là lớn tuổi à! Tôi chắc mẩm đó chỉ là lừa bịp. Tôi là vua, những người có tên trong danh sách đều là đại thần, còn thằng Tú thì vì bị tôi tố giác hôm qua nên bị liên lụy. Thôi, thế là hết! Chúng tôi được ngồi vào cùng một chiếc xe ô tô du lịch loại lớn, có lính bông súng tiểu liên đi theo xe. Tôi nói với thằng Tú: “Thôi thế là hết. Tao dẫn mày đi gặp tổ tiên đây”. Sắc mặt thằng Tú thoáng trắng bệch. Người cầm danh sách cười nói: “Ông đừng sợ, chả đã nói là các ông đi nghỉ một lát hay sao!”. Tôi im lặng, bụng vẫn nghĩ: “Trò bịp! trò bịp, trò bịp!”.

Ô tô đỗ trước một toà lâu, bên cửa lại có lính bông súng tiểu liên đứng gác. Một quân nhân không mang vũ khí bước ra đón và dẫn chúng tôi vào cửa chính nói: “Lên gác!” Tôi bất chấp tất cả vì đã sắp chết thì mau chết cho xong, bèn cởi áo ngoài vò kẹp vào nách bước theo lên cầu thang. Tôi càng bước càng nhanh, vượt cả người dẫn đường khiến ông ta phải bước vượt lên trước tôi. Lên tới trên lầu, ông bước nhanh tới cửa một phòng rồi ra hiệu bảo tôi vào. Phòng rất rộng, chính giữa kê chiếc bàn dài và một số ghế, trên bàn đặt một số trái cây, thuốc lá và bánh ngọt. Tôi vút áo ngoài đánh phịch một tiếng lên bàn và tiện tay lấy một quả táo cắn luôn, bụng bảo dạ “Tiệc tổng mạng đây, mau mau ăn đi thôi”. Tôi đã ăn hết một quả táo rồi mấy người đi sau mới lần lượt tới. Chỉ chốc lát trong phòng đã chật người; ngoài mười mấy người chúng tôi có tên trong danh sách còn có khá đông người mặc quân áo đại cán và quân phục.

Một người trung niên mặc đại cán đứng cách tôi không xa bắt đầu nói chuyện. Tôi đang cố nuốt cho trôi thức ăn trong miệng nên chẳng nghe rõ lời nào. Sau khi cố sức ăn hết quả táo, tôi đứng dậy cắt ngang lời ông ta:

- Thôi, đừng nói nữa, đi đi thôi!

Vài người mặc đại cán cười, người đang nói chuyện cũng cười theo:

- Ông đừng hấp tấp quá, đừng sợ, tới Phủ Thuận nghỉ cho khỏe rồi cố gắng mà học tập.

Tôi ngạc nhiên, đứng như phỗng. Chẳng lẽ không bắt tôi chết nữa ư? Sao thế nhỉ? đúng lúc ấy người dẫn chúng tôi đến đây, tay cầm tờ danh sách bước tới báo cáo với người đang nói chuyện rằng, ngoài Hy Hiệp vì ốm không đến được còn những người cần nghỉ ngơi đều đến đủ. Để xác minh điều đó, tôi bất chấp tất cả, bước tới giật phăng tờ danh sách xem. Tuy hành động này khiến mọi người cười ô nhưng tôi cũng đã biết được đó là danh sách thật chứ không phải tờ quyết định hành quyết như tôi nghĩ. Đang lúc ấy thì tiểu Trương con của Trương Cảnh Huệ cũng vừa đến. Anh ta cùng với nhóm tội phạm chiến tranh khác đã về trước trong đợt đầu giới thiệu cho chúng tôi biết tình hình hiện nay của những tội nhân về nước đợt đầu, đồng thời cho một số người trong chúng tôi biết tình hình gia quyến của họ hiện nay. Mọi người nghe nói những tội phạm chiến tranh về nước đợt đầu vẫn còn sống, tình hình gia đình rất tốt, con cái người đi học, kẻ đi làm, ai nấy mặt mày rạng rỡ hẳn lên. Lúc đó, nước mắt tôi như suối, chảy ròng ròng.

Mới đến Phủ Thuận

Trước khi tàu đến Phủ Thuận trên đường có thể nghe thấy sự đánh giá các kiều về tiền cảnh tốt đẹp. Trên tàu, không khí hoàn toàn thay đổi. Mọi người hút thuốc lá từ Thẩm Dương mang đến, nói

năng rất vui về phần chân. Có người nói, ông ta đã từng đến Câu lạc bộ lịch sử nhất ở Phủ Thuận, và tin rằng nơi đó nhất định là nơi đón tiếp chúng tôi. Có người nói: chúng tôi có thể ở Phủ Thuận rất lâu, nghỉ ngơi mấy ngày, đọc sách Đảng Cộng sản mấy ngày sẽ có thể về nhà. Có người nói, đến Phủ Thuận ông ta sẽ gửi cho gia đình bức điện báo bình yên để gia đình chuẩn bị một chút. Lại có người nói, đến Phủ Thuận có thể tắm suối nước nóng rồi đi. Những ảo tưởng muôn màu muôn vẻ chẳng có cơ sở nào. Nhớ lại sự khiếp sợ trước đây - mọi người đều như tôi - không thể không bật cười.

Tuy nhiên, vừa tới Phủ Thuận, xuống tàu hỏa. Khi nhìn thấy bốn bề là các tiêu binh vũ trang, chẳng còn ai khua môi múa mép nữa.

Xuống tàu, dưới sự giám sát của các tiêu binh vũ trang, chúng tôi được đưa lên mấy chiếc xe ca lớn. Bắt đầu từ lúc đó, đầu óc tôi lại mù đi, không biết qua bao thời gian, chỉ biết sau đó, khi xe dừng mình đã ở trong một toà nhà màu vàng thẫm, tường gạch lớn. Lại là tường lớn! mà bên trên lại mắc giầy thép gai, góc tường lù lù vọng gác. Tôi xuống xe, theo số người xếp hàng, đi một đoạn đường ngắn dừng trước một dãy phòng. Những phòng này, mỗi cửa sổ đều có chấn song sắt. Tôi hiểu rõ đây là nhà giam.

Chúng tôi được quân lính dẫn vào cửa dãy phòng, qua một hành lang hẹp tiến vào một gian phòng lớn. Ở đó, chúng tôi qua kiểm tra sau đó do quân đội có vũ khí chia nhau dẫn đi. Tôi và mấy người khác theo một quân nhân đi một đoạn vào một gian phòng. Tôi còn chưa nhìn rõ hình thể trong phòng, phía sau lưng đã vang lên tiếng kéo cửa nhức tai. Gian phòng này có một bệ hàm khá dài, một chiếc bàn dài và hai chiếc ghế dài. Cùng tôi vào đây có mấy viên tướng ngự Mãn lúc đó chưa quen biết. Tôi không muốn nói chuyện với họ, không rõ họ cũng lo sợ như tôi hay là vì trước mặt tôi họ cảm thấy gò bó, cũng đều im hơi lặng tiếng cúi đầu đứng ở một phía. Đứng sững một lúc bỗng tiếng cửa sắt nhức tai lại vang lên. Cửa phòng được mở ra, một nhân viên coi giữ bước vào đưa tôi theo anh ta sang một phòng khác. Tôi không ngờ, tại gian phòng này tôi lại gặp ba cháu tôi, em trai Phổ Kiệt và bố vợ Vinh Nguyên. Thì ra vẫn là để chúng tôi cùng ở với nhau. Họ vừa mới lĩnh chăn gối và đồ dùng rửa mặt đánh răng và mang giúp tôi một bộ.

Trước hết khiến tôi được an ủi là Vinh Nguyên qua sự từng trải của mình đã phân tích:

- Đây là một nhà giam quân sự - ông sờ chấn song sắt nói: - toàn mặc quân phục, đúng rồi, không phải lập tức xây nguy hiểm, nếu không việc gì phải phát bản chải răng, khăn mặt. Vừa rồi lúc kiểm tra, để lại tài sản vàng bạc, đưa giấy biên nhận, điều đó cũng không giống như đối với phạm nhân thường. Lại thêm ăn uống cũng khá.

- Ăn uống cũng khá, chẳng phải là tiệc táng mệnh hay sao? - Cháu tiểu Cố nói một cách khẳng định.

- Không, bữa cơm kiểu đó có rượu, song ở đây không có rượu - bố vợ tôi nói một cách chắc chắn.

- Chúng ta hãy xem bữa sau. Nếu bữa sau vẫn khá như thế thì không phải. Không nghe nói ăn mấy bữa như thế.

Ngày hôm sau, tôi bắt đầu tin một chút vào lời nói của bố vợ tôi. Không phải vì ăn uống và ngày hôm trước không ra sao, mà vì các quân y tiến hành kiểm tra sức khỏe chúng tôi, kiểm tra hết sức kỹ. Ngay trước kia đã sinh bệnh gì, thường ăn gì, kiêng kỵ thứ gì cũng đều hỏi, Đồng thời còn phát quần áo đen và may ô trắng. Điều khiến mọi người ngạc nhiên là còn phát thuốc lá. Rõ ràng không giống như đối đãi với tử tù.

Qua mấy ngày, một người thô thấp, tuổi trạc trên dưới bốn mươi vào phòng chúng tôi. Ông ta hỏi tên mọi người, ở Liên Xô đọc sách gì, ở đây đêm ngủ được không, sau khi nghe chúng tôi trả lời ông gật gật đầu nói:

- Tốt, lập tức phát sách báo cho các ông, các ông hãy học tập tốt.

Mấy giờ đồng hồ sau, chúng tôi liền nhận được sách, báo chí, còn có các loại cờ và bài, từ hôm đó, mỗi ngày chúng tôi nghe đài phát thanh hai lần, loa phóng thanh mặc ngay hành lang, một lần nghe tin tức, lần khác là âm nhạc hoặc các tiết mục ca kịch. Ngoài ra mỗi buổi chiều còn có nửa giờ đi tản bộ trong sân. Tại cuộc đi ra tản bộ lần đầu tiên ấy, cháu tiểu Cố thăm hỏi ra người bảo chúng tôi học tập “tốt” ấy là trại trưởng trại quản lý tội phạm chiến tranh.

Người mang sách đến cho chúng tôi họ Lý. sau biết đó là một trưởng phòng.

Khi đó, ngoài Trại trưởng, chúng tôi nhất loạt gọi các nhân viên sở quản lý là “ông” (vì khi đó không biết gọi cách nào khác), ông Lý mang đến cho chúng tôi ba cuốn sách: “Bản về chủ nghĩa dân chủ mới”, “Lịch sử Trung quốc 100 năm gần đây” và “Lịch sử cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới”.

Ông nói: hiện nay chưa đủ sách, mọi người có thể lần lượt chuyển nhau đọc, hoặc một người đọc, mọi người nghe. Trong sách có nhiều danh từ, chúng tôi cảm thấy rất mới nhưng càng mới là bảo bọn chúng tôi đọc sách.

Đối với những sách này, tiểu Cố là người trước tiên thấy thích thú. Hắn đọc nhanh hơn mọi người và lập tức đưa ra những vấn đề khó hiểu yêu cầu mọi người giải đáp. Người khác không giải đáp được hắn liền đi hỏi nhân viên quản lý. Vinh Nguyên cười nhạo hắn nói: “Mi đừng coi đây là trường học, đây là nhà tù”. Tiểu Cố nói: “Chẳng phải là trại trường nói muốn chúng ta học tập hay sao?”. Vinh Nguyên nói: “Học tập, cũng là nhà tù. Hôm qua, lúc đi tản bộ ta nghe nói: nơi này trước đây là một trại giam. Trước kia là như thế, nay có sách, có báo vẫn như thế”. Phô Kiệt nói theo: “Nghe nói nhà tù Nhật Bản cũng có sách báo đọc, song vẫn chưa nghe thấy nói Trung Quốc có “nhà tù văn minh” như vậy”. Vinh Nguyên lắc đầu gằn cổ nói: “Nhà tù là nhà tù, văn minh cũng là nhà tù. Học những cái đó, chẳng bằng niệm Phật”. Tiểu Cố muốn tranh luận với ông ta, ông ta lạnh nhạt nhắm mắt thâm niệm Phật.

Hôm đó, chúng tôi tản bộ từ sân quay về, tiểu Cố báo một tin mới nghe được. Lão Cốc, Thứ trưởng Tổng vụ ngục Mãn trước lấy một chiếc đồng hồ tặng nhân viên coi giữ (khi đó chúng tôi vẫn chưa biết tên gọi chức danh này, trước mặt chúng tôi gọi là ông, sau lưng gọi là “quản người”), kết quả bị chính một trận. Tin tức này dẫn tới cuộc tranh luận của mấy người trẻ tuổi.

Tiểu Tú nói: nước nóng tắm lần trước cũng không phải nước nóng ở đây. Lò vẫn chưa sửa chữa xong nên nước là do các ông “quản người” gánh từng gánh về. “Gánh nước cho phạm nhân, chưa hề thấy ai nói”. Tiểu Thụy cũng cho rằng các “quản người” và “ngục tốt” trong truyền thuyết khác nhau. Không mắng người, không đánh người. Lúc đó Vinh Nguyên đang chuẩn bị ăn bữa tối, vừa niệm xong “Văng sinh thân chú” cười nhạt nói nhỏ:

- Các người trẻ tuổi rất không từng trải, chẳng lạ cũng cho là lạ. Người tặng đồng hồ nhất định là tặng không đúng lúc, người khác trông thấy, trước mặt người khác làm sao dám lấy. Không đánh, không mắng, anh cho là họ không thù chúng ta. Xin lỗi, chịu tội ở sau này!

- Gánh nước thì nói thế nào? - Tiểu Cố ngang ngạnh nói, - gánh nước cho chúng ta tắm tức là bảo chúng ta chịu tội ư?

Dù nói thế nào, giọng nói của Vinh Nguyên càng hạ thấp: “Đảng Cộng sản không thể của loại người chúng ta!”

Nói xong ông sờ túi một hồi bỗng hốt hoảng nói: “Tôi để quên thuốc ở bên ngoài bệ cửa sổ rồi. Thật tiếc, từ Thâm Dương mang đến chỉ còn một bao”. Ông không vui vẻ mở một bao thuốc rỏ tiền do trại quản lý phát còn lâm bầm “ở đây, quản người đều hút thuốc tôi coi như biểu không rồi”.

Thật đúng như kịch đã nói: “Không khéo không thành sách”, câu nói của ông ta vừa dứt, cửa phòng có người mở ra, một nhân viên coi giữ họ Vương tay dơ một vật nói: “Ồ đây có ai đánh rơi thuốc lá không?”, mọi người nhìn rõ vật mà người coi giữ cầm chính là bao thuốc lá Thâm Dương của Vinh Nguyên.

Vinh Nguyên nhận bao thuốc luận miệng nói: “Cảm ơn ông Vương, cảm ơn ông Vương”. Nghe bước chân nhân viên coi giữ đã xa, tiểu Cố không nhịn được cười hỏi ông vừa niệm chú gì, tại sao vừa niệm đã niệm được bao thuốc trở lại. Vinh Nguyên châm thuốc lặng lẽ hút một hồi bỗng nhiên như tỉnh ngộ vỗ đùi một cái.

- Những người “quản người” đúng là có chuyên môn lựa chọn, vì phải đối phó với chúng ta tự nhiên phải chọn một số người văn minh một chút.

Tiểu Cố cười, Phô Kiệt gật đầu liên tiếp, ngoài ra hai cháu tôi cũng bị sự từng trải của Vinh Nguyên át đi. Tôi cũng như Phô Kiệt hoàn toàn đồng ý sự giải thích của Vinh Nguyên.

Sau này, xảy ra một việc khiến sự giải thích của Vinh Nguyên rất không đúng. Hôm đó chúng tôi tản bộ trong sân quay về. Phô Kiệt vừa vội vã tìm tôi báo, mặt khác phấn khởi nói, y mới nghe thấy người ở phòng khác cũng đang bàn tán về một bài đăng trên báo hôm nay. Bài báo này khiến chúng ta đoán ra ý tứ của nước Trung Hoa mới bảo chúng ta học tập. Mọi người vừa nghe, đều vây xung quanh Phô Kiệt, xem y tìm bài nào. Tìm thấy bài rồi, tôi quên đầu đề bài báo chỉ nhớ được khi Phô Kiệt đọc đến đoạn nói Trung Quốc bức thiết cần các loại nhân tài, phải bồi dưỡng số lớn nhân tài, mạnh dạn đề bạt cán bộ. Trừ Vinh Nguyên mọi người đầu đầu xúm vào mặt báo. Theo Phô Kiệt nghe được sự phán đoán của phòng khác, chính phủ cho chúng ta học tập, ưu đãi chúng ta tức là do nhà nước thiếu nhân tài, muốn sử dụng một số người của chúng ta. Ngày nay nhớ lại, sự phán đoán ấy tức cười biết bao nhiêu. Song khi đó, nó rõ ràng là cách suy nghĩ của nhiều người. Trong gian phòng của

chúng tôi mặc dù Vinh Nguyên tỏ ra hoài nghi, nhưng người khác lại càng nghĩ càng cảm thấy đó là một việc gì đó.

Tôi nhớ, từ ngày hôm đó, từng phòng có sự thay đổi rõ ràng. Mọi người đều thật sự học tập. Trước kia, ngoài tiểu Cô, những người khác đều không thấy hứng thú với những cuốn sách nhỏ đầy danh từ mới. Mỗi ngày đọc sách nửa ngày, chủ yếu là để nhân viên coi giữ ở hành lang nhìn. Hiện nay dù nhân viên coi giữ có mặt hay không học tập vẫn tiến hành. Khi đó còn chưa có cán bộ trại quản lý giảng bài, gọi là học tập cũng chỉ chẳng qua chỉ là đào bới danh từ mà thôi. Đương nhiên Vinh Nguyên vẫn như cũ, không tham gia, khi người khác học, ông nhắm mắt tụng kinh.

Sự lạc quan mù quáng này không kéo dài khi phía trại quản lý tuyên bố điều chỉnh nhà cửa, tách tôi khỏi họ hàng, nó giống như bông hoa vừa nở đã tàn.

Tôi tách khỏi họ hàng

Tại sao lại tách tôi và họ hàng tôi? đến mãi về sau tôi mới biết rõ. Trong cái tạo của tôi điều đó thật sự là một bước cực kỳ quan trọng. Song khi đó tôi trại lại coi đó là hành động của Đảng Cộng sản thể không đội trời chung với tôi. Tôi cho rằng đó là muốn qua họ hàng của tôi điều tra việc làm trước kia của tôi để tiến hành xét xử tôi.

Sau khi tôi bị bắt, ở Liên Xô tôi luôn nói việc làm bán nước của tôi là bị ép buộc, bắt đắ dĩ, là tiến hành dưới sức ép bạo lực. Tôi biện cuộc hội đàm với Toihara thành sự trối buộc bằng vũ lực. Tôi hoàn toàn che dấu những việc làm câu kết với đế quốc Nhật Bản và sau đó là những thủ đoạn xấu xa lầy lòng kẻ thù. Các thành viên trong gia tộc biết rất rõ nhưng đều giúp tôi che giấu bộ mặt thật. Hiện nay về tới Trung Quốc, tôi càng cần họ giữ bí mật cho tôi, tôi tiếp tục phải quản lý họ tránh không để họ lỡ lời nói ra những điều không cần nói, đặc biệt là tiểu Tú, cần phải chú ý ngăn ngừa.

Ngày đầu tiên đến Phủ Thuận, tôi phát hiện tiểu Tú vì chút “thù trừng mắt” trên xe lửa, thái độ có chút không bình thường. Hôm đó, tôi vào phòng giám thị không lâu bỗng cảm thấy có cái gì bò trên cổ, tôi vội gọi tiểu Tú xem giúp tôi. Nếu như trước kia, hần đến ngay, song hôm đó lại làm như không nghe thấy, không đụng đậy gì. Không những như thế, sau khi tiểu Thụy đến từ sau cổ tôi tìm thấy một con sâu róm vút xuống đất. Tiểu Tú ở bên cạnh còn hầy một tiếng: “Hiện nay còn phóng sinh, phóng sinh để nó đi hại người khác!”. Tôi nghe rồi khắp người nhũn ra.

Mấy hôm sau, tiểu Thụy giúp tôi sắp xếp chăn gối, tôi bảo hần mang chăn ra đập, việc làm này không ai bằng lòng, làm cho khắp nhà bụi mù mịt. Phô Kiệt bung miệng lạnh sang một bên. Tiểu Cô bịt mũi nói với tiểu Thụy: “làm tốt đi, đừng chết người ta đi!”. Tiểu Tú giằng lấy chiếc chăn vút lên sàn nói: “Trong phòng này không phải chỉ có các người ở, người khác cũng ở, các người không quan tâm đến người khác là không được”. Tôi sầm mặt hỏi:

- Thế nào là các người, chúng ta? mị còn hiểu qui tắc không?

Hần không trả lời tôi, quay đầu ngồi trên cạnh ghế, chẳng nói chẳng rằng. Một lát sau, thấy hần hí hoáy vẽ, tôi muốn xem hần vẽ cái gì, không ngờ vừa đi qua, hần cầm giấy xé ra, một thoáng tôi nhìn thấy một hàng chữ: “Chúng ta đi thôi”.

Nhớ lại chuyện trên xe lửa, ném mùi vị mình làm mình chịu, từ hôm đó, tôi hết sức tỏ cảm tình tốt với hần, tươi tỉnh với hần. Tôi tìm dịp đơn độc giải thích với hần về việc trên xe lửa cũng không phải có ác ý gì, đối với hần tôi luôn yêu quý. Sau đó, có dịp tôi liền nói với ba đứa cháu về luân thường không thể phê bỏ, trước khó khăn lớn hiện nay, phải đồng lòng hợp sức vượt qua khó khăn là rất cần thiết. Khi tiểu Tú không có mặt, tôi dặn dò người khác “phải rất cẩn thận với tiểu Tú! Chú ý đừng để hần hành động ngoài khuôn phép”.

Qua một thời gian nỗ lực, tiểu Tú không xảy ra vấn đề gì. Sau đó, bài trên báo gây ảo tượng trong đầu óc tôi. Thái độ của Tiểu Tú cũng hoàn toàn bình thường. Tuy nhiên, tôi vừa yên lòng về hần lại có chuyện điều chỉnh phòng giam. Nhân viên coi giữ bảo một mình tôi chuyển sang một phòng khác tiểu Cô và tiểu Thụy thay tôi thu xếp chăn nệm đồ đạc vali đưa tôi sang phòng mới. Chúng đặt các thứ xuống và đi. Tôi cô đơn đứng trước một đám người lạ cảm thấy vô cùng xấu hổ. Phòng này vốn có 8

người ở, thấy tôi đến đều trầm ngâm không nói, thái độ gò bó. Sau đó, có người đỡ lấy chăn nệm của tôi đặt tại nơi sát đầu tường. Về sau tôi mới rõ, nơi này mùa đông ấm, mùa hè mát, mùa đông được sưởi ấm, mùa hè có cửa sổ. Lúc đó, đối với những ý đồ tốt đẹp đó, kể cả về mặt kinh tế của họ tôi cũng không chú ý, trong lòng chỉ nghĩ rằng lần chia ly này nguy hiểm đối với tôi. Tôi im lặng ngồi một lúc cảm thấy nơi này, ngay ván trên bệ nằm cũng rất cứng.

Tôi nghĩ ra một cách, đến cửa phòng gõ cửa:

- Có việc gì thế? - một người thấp bé mở cửa hỏi.
- Xin hỏi ông? tôi có thể nói với ông trại trưởng một việc không?
- Loại việc gì?

- Tôi muốn nói, từ trước tới nay tôi chưa bao giờ tách khỏi người nhà, nay xa rời họ tôi rất không quen.

Anh ta gật gù đầu, bảo tôi đợi một chút. Đi một lúc, anh ta quay lại nói trại trưởng cho phép tôi quay về.

Tôi mừng quá, ôm chăn nệm, nhân viên coi giữ giúp tôi xách vali quay về, ở hành lang tôi gặp trại trưởng.

- Để chiều có ông và một số người tuổi cao cho ông tiêu chuẩn ăn cao hơn một chút - trại trưởng nói: - cần nhắc việc các ông cùng ở một nơi, tiêu chuẩn ăn cũng khác nhau sợ ảnh hưởng đến họ do đó mới...

Tôi hiểu rõ trại trưởng muốn cân nhắc như vậy, không đợi ông nói hết, tôi vội vàng nói:

- Không sao, tôi bảo đảm họ không bị ảnh hưởng.

Suýt nữa thì tôi nói ra: “Họ vốn phải như thế”.

Trại trưởng mỉm cười:

- Ông nghĩ thật đơn giản. Phải chăng ông đã từng nghĩ, ông tự mình cũng sẽ học để chăm sóc mình.

- Đúng, đúng - tôi vội vàng nói - song rồi tôi tập dần dần, một chút, một chút.

- Được thôi - trại trưởng gật đầu nói - ông hãy luyện tập đi.

Về lại gian phòng mà người nhà ở, tôi cảm thấy xa cách nửa ngày mà giống như một năm. Gặp mặt, mọi người đều rất vui mừng. Tôi nói với họ lời trại trưởng bảo tôi hãy “luyện tập” đi, từ câu nói đó mọi người cảm thấy chính phủ hầu như không vội xử lý, tâm tư của tôi lại càng vui mừng.

Nhưng, người nhà tôi vẫn không để tôi luyện tập. Bản thân tôi cũng không muốn luyện tập. Tôi chỉ suy nghĩ ý tứ câu nói của trại trưởng, sớm muộn vẫn có thể gọi tôi phân khai, vì vậy phải nghĩ ra biện pháp để đối phó vấn đề này. Tôi cũng không ngờ trại trưởng cho thời gian ngắn như thế, mới qua mười ngày, biện pháp tôi còn chưa nghĩ ra. nhân viên coi giữ đã đến bảo tôi thu xếp chăn nệm.

Tôi quyết định tranh thủ lúc tiểu Thuy giúp tôi thu xếp đồ đạc tôi dọn dò gia tộc mấy câu. Vì sợ nhân viên coi giữ nghe thấy không tiện nói miệng, liền viết ra một trang giấy; lại vì trong phòng khi đó còn có hai người của nguy quân Uông Tinh Vệ, do đó tờ viết đặc biệt hàm xúc. Đại ý là: chúng ta cùng ở với nhau rất tốt, sau khi tôi đi vẫn phải đồng tâm hiệp sức vượt qua khó khăn, đối với mọi người tôi đều rất quan tâm. Viết xong, tôi trao cho Phô Kiệt bảo y chuyển cho mọi người đọc. Tôi tin rằng sau khi đọc, tất nhiên ý tôi là không muốn họ nói lung tung. Tôi tin rằng hai người của nguy quyền Uông Tinh Vệ không nghi ngờ gì cử chỉ của tôi.

Cháu tôi lại mang giúp chăn nệm, vali, đưa tôi sang phòng lần trước. Mọi người lại đỡ chăn nệm của tôi, sắp xếp ở chỗ tốt cũng như lần trước, tôi ngồi trên bệ, xoa đầu gối một hồi sau đó đi gõ cửa.

Lại vẫn là viên coi giữ thấp bé mở cửa. Khi đó tôi đã biết anh ta họ Lưu và có chút cảm tình với anh ta. Điều đó do ăn bánh bao dần đến. Trước đó không lâu, chúng tôi lần đầu tiên ăn bánh bao. Mọi người ăn rất ngon, một nhúng đã ăn hết sạch. Nhân viên coi giữ họ Lưu cảm thấy việc đó rất mới lạ, tươi cười bước tới hỏi chúng tôi ăn có đủ không. Có người không nói, có người ập a ập ứng nói “đủ rồi”. Anh ta nói: “Việc gì phải ngượng ngượng, ngừng ngừng như thế. Phải ăn no”. Nói xong, anh ta đi như cơn lốc, một lúc một thùng bánh bao nóng nghi ngút xuất hiện trước cửa phòng chúng tôi. Tôi cảm thấy con người này thật nhiệt tình, cùng anh ta nói ra ý nghĩ mới cùng không ngại xảy ra chuyện gì.

- Ông Lưu, tôi có chút việc....
- Tìm trại trưởng? - anh ta hỏi trước
- Tôi muốn cùng ông Lưu thương lượng một chút. Tôi, tôi...

- Vẫn là chưa quen? - anh ta cười. Lúc đó tôi cảm thấy sau lưng hình như có người bật cười, không ngăn được mặt đỏ ửng, vội vàng giải thích nói:

- Không, tôi muốn nói không phải là lại chuyện về. Tôi nghĩ, có thể cho tôi mỗi ngày gặp người nhà một lần không. Chỉ cần gặp gỡ là tôi cảm thấy tốt nhiều rồi.

- Hàng ngày tản bộ ở sân chẳng phải là có thể gặp hay sao? như vậy có vấn đề gì?

- Tôi muốn cùng họ nói chuyện, trại trưởng có cho phép không? Theo quy định, không cùng một phòng không được nói chuyện với nhau.

- Tôi sẽ đi hỏi cho ông.

Tôi được cho phép. Từ hôm đó, hàng ngày khi tản bộ trong sân đều có thể gặp người nhà một lần, nói chuyện một lúc. Hàng ngày các cháu tôi đều thông báo cho tôi tình hình trong phòng của chúng; người của trại nói gì với họ chúng lại đến nói với tôi; từ trong tiếp xúc, tiểu Cố vẫn lúng khùng, tiểu Tú cũng không có gì khác, tiểu Thụy vẫn giặt áo, và tất cho tôi một cách lễ phép.

Vấn đề tôi quan tâm được giải quyết, không ngờ vấn đề mới lại xuất hiện. Đó là, thói quen sống hơn 40 năm “cơm đến há miệng, áo đến giơ tay” nay mang lại cho tôi khổ tâm rất lớn.

Hơn 40 năm qua, tôi chưa hề đập một lần chân, trại một lần giường, đổ một lần nước rửa mặt. Tôi thậm chí chưa tự rửa chân mình, chưa tự buộc dây giày cho mình. Những thứ như muỗng ăn, dao, kéo, kim, chỉ... từ trước tới nay tôi chưa hề bỏ tới. Sáng sớm dậy, mọi người đã rửa mặt xong thì tôi mới mặc xong quần áo. Đợi đến lúc tôi chuẩn bị đi rửa mặt, có người nhắc nhở tôi gấp chăn trước, tôi cuộn vội cái chăn mới đi rửa mặt, mọi người đã rửa xong. Khi tôi súc miệng, đưa bàn chải răng vào miệng mới phát hiện chưa có thuốc đánh răng, tôi vội vàng làm xong những việc đó, mọi người đã nhanh chóng ăn xong bữa sáng. Mỗi ngày, tôi luôn đi sau mọi người, vội vã đến u mê đầu óc.

Nếu chỉ là vội vã cũng còn được, khổ tâm là những người cùng phòng cười thâm. Cùng phòng có 8 người đều là tướng ngụy Mãn, có “Tur lệnh khu quân quản”, “lữ trưởng”, còn có “đoàn trưởng quân cảnh vệ”. Trước kia họ là những nhân vật đều không thể ngẩng đầu trước mặt tôi. Khi tôi mới đến gian phòng này, họ tuy nhiên không như gia tộc tôi, gọi tôi là “bê trên” song vẫn chưa dám dùng từ “nì” (đại từ nhân xưng rất chung chung - ND) nếu không gọi là “ông” thì cũng bỏ xưng hô “nì” để bày tỏ sự tôn kính đối với tôi. Khi đó không phải họ công nhiên cười chế diễu song việc họ cố ý làm như không nhìn mà nhìn trộm thường khiến tôi cảm thấy rất khó chịu.

Điều tôi cảm thấy rất khó chịu không chỉ như vậy, bắt đầu từ ngày đầu tiên chúng tôi tới Phủ Thuận, các phòng giam đều có chế độ trực nhật, mọi người mỗi ngày luân lưu quét dọn sân nhà, lau bàn ghế và đổ thùng nước giải. Khi chưa tách khỏi gia tộc, những việc đó đương nhiên tôi không phải làm. Sau khi tôi chuyển sang phòng mới, khó khăn đã đến, luân chuyển đến ngày tôi trực nhật thì làm thế nào? Tôi cũng đi đổ thùng nước giải cho người khác ư? Khi tôi lập hiệp ước bí mật với quân Quan Đông còn không cảm thấy làm sao, mà hiện nay coi việc đổ thùng nước giải thành việc làm nhục tổ tiên, xấu hổ muôn chết. May sao phía trại giải vây cho tôi. Ngày hôm sau, một vị cán bộ họ Giả của trại đi tới nói với mọi người: “Phổ Nghi có bệnh, không cần bảo ông tham gia trực nhật”. Nghe câu nói tôi như người đường cùng thấy lối, lần thứ nhất trong lòng nảy sinh tình cảm cảm kích.

Việc trực nhật được giải quyết, không ngờ lại xảy ra một việc khác. Một hôm, chúng tôi đang tập hai, tập ba tản bộ trong sân. Trại trưởng xuất hiện. Mỗi lần chúng tôi tản bộ ông nhất định xuất hiện và thường tìm phạm nhân nói mấy câu. Lần đó tôi phát hiện ông chú ý đến tôi. Ông nhìn tôi từ đầu đến cuối nhìn ngắm đến lòng tôi như lửa đốt.

- Phổ Nghi - ông gọi tôi một tiếng. Từ sau khi tôi về nước bắt đầu nghe người khác gọi tên mình, cảm thấy chưa quen, lúc đó cũng cảm thấy nhức tai, thấy rằng chẳng tha cứ gọi số hiệu còn dễ chịu hơn. Lúc nói đến nơi này, nhân viên coi giữ nói chung gọi số hiệu (số hiệu của tôi là 981).

- Vâng, Trại trưởng - tôi bước tới.

- Quần áo của ông phát cùng với người khác tại sao mình ông không như người khác? - giọng nói của ông ta rất hoà nhã.

Tôi cúi đầu nhìn quần áo mình, lại nhìn mọi người. Vẫn là trên mình mọi người chỉnh chỉnh tề tề, sạch bong mà tôi thì trái lại nhăn nhăn nhúm nhúm, lồi thoi lệch thẹo, túi toạc một nửa, áo trên thiếu một cái nấp dây một đám mực đen. Chẳng biết làm sao, hai ống quần cũng bên dài bên ngắn. Giày còn tốt nhưng hai chiếc giày chỉ có một cái rưỡi dây giày.

- Tôi sẽ chỉnh lý một chút - tôi nói nhỏ - tôi về sẽ vá miệng túi, đính khuy áo.

- Tại sao quần áo ông luộm thuộm? - Trại trưởng mỉm cười nói - ông có thể nên lưu tâm một chút, người khác sống như thế nào. Học chỗ mạnh của người khác mới có thể tiến bộ.

Trại trưởng nói rất nhẹ nhàng mà tôi cảm thấy không chịu nổi, rất đau đầu. Lần đầu tiên tôi bị người ta công khai chỉ rõ tôi chẳng biết làm cái gì, trở thành vật bỏ đi trước mặt mọi người. Tôi trở thành tiêu bản để mọi người nghiên cứu. Tôi khó chịu quay mình, tách khỏi con mắt các “đại thần” và “quan, tướng” mong sắc trời tối nhanh.

Tôi lết đến chân tường, nhìn bức tường lớn màu xám lòng muôn vàn cảm khái. Cuộc đời tái sinh ra không tách khỏi sự bao vây của bức tường. Trước kia ở trong bức tường, tôi còn có sự tôn nghiêm nào đó. Ngay trong tường vây nhỏ ở Trường Xuân, tôi cũng giữ được đặc quyền trong sinh hoạt. Song ngày nay, trong bức tường này mọi thứ đều không có. Tóm lại một câu: khi đó không phải tôi cảm thấy mình vô năng mà đau buồn mà là do bị người ta xem là vô năng mà đau đầu tức giận.

Tối hôm đó, tôi phát hiện người khác trước khi ngủ, cởi quần áo, gấp ngay ngắn, đặt dưới gối nằm, còn tôi lại tiện tay vứt một đồng dưới chân. Nhớ lại câu nói của trại trưởng, rõ ràng có lý nên chú ý một chút chỗ mạnh của người khác - Nếu như tôi sớm biết câu này, hôm nay sẽ không gặp phải cảnh khó chịu hay sao?

Tôi sống như thế ở Phủ Thuận qua hai tháng. Cuối tháng 10, trại quản lý chuyển đến Cáp Nhĩ Tân.

Chuyển đến Cáp Nhĩ Tân

Trên xe lửa chuyển đến Cáp Nhĩ Tân, chỉ có mấy người trẻ tuổi còn có chút hứng thú cười nói, muốn cùng nhân viên coi giữ đánh “trăm điểm” (một kiểu chơi bài tú lơ khơ), những người khác rất ít nói chuyện, có nói cũng không nói to. Không ít người đêm không ngủ được, ngày không ăn được. Tôi tuy không lo sợ như khi về nước nhưng vẫn căng thẳng so với bất cứ người nào khác. Khi đó, chính là trên chiến trường Triều Tiên, quân đội Mỹ đã đến gần sông Áp Lục. Quân chí nguyện Trung Quốc đã sang chi viện Triều Tiên chưa lâu. Có một đêm, tôi thấy Phò Kiệt cũng không ngủ được như tôi, liền hỏi quan điểm của y đối với chiến cuộc. Y chán nản trả lời: “xuất quân ra nước ngoài tham chiến, rõ ràng là đốt hương dẫn quỷ xem ra sẽ hết”. Tôi lĩnh hội ý tứ “sẽ hết”, một mặt chỉ Trung Quốc sẽ thua trận, ít nhất Đông Bắc sẽ bị quân Mỹ chiếm đóng; mặt khác lo rằng Đảng Cộng Sản nhìn thấy “thế lớn đã mất, giang sơn khó giữ” sẽ ra tay trước dọn dẹp đám người chúng tôi để tránh khỏi rơi vào tay người Mỹ, sau này mới biết, đó cũng là cách nghĩ của mọi phạm nhân.

Đến Cáp Nhĩ Tân, nhìn thấy nhà cửa của trại quản lý, tôi càng tuyệt vọng. Nhà cửa của Trại quản lý vốn là nhà tù ngục Mãn để lại. Nhìn thấy nó, chợt có mùi vị “lây cái đạo của người, phải trị cái thân của người”. Nhà tù này do Nhật Bản thiết kế, là nơi chuyên giam “tội phạm chống Mãn, chống Nhật”, có hai tầng. Trung tâm là vọng gác. Bao quanh trạm gác là các nhà giam hai tầng hình quạt, trước và sau là lan can sắt dày, tường màu xám, ngăn nhà giam thành những phòng nhỏ, mỗi phòng chứa được 7, 8 người. Phòng tôi ở có 5 người không đến nỗi chen chúc, song do kiểu Nhật chỉ có thể ngủ trên sàn. Tôi ở đây khoảng hai năm, sau này nghe nói đã dỡ bỏ. Khi mới bước vào, tôi vẫn chưa biết rằng những “phạm nhân” ngục Mãn bị giam cầm ở đây rất ít người sống sót. Tuy nhiên cứ nghe thấy tiếng mở cửa song sắt thì đã quá sức chịu đựng của tôi rồi. Tiếng vang của loại kim loại này luôn khiến tôi liên tưởng đến tra tấn và bắn giết.

Chúng tôi được đãi ngộ cũng như ở Phủ Thuận, nhân viên coi giữ vẫn hoà nhã như trước. Tiêu chuẩn ăn uống không có chút gì thay đổi. Mọi thứ báo chí, đài phát thanh, hoạt động văn hoá văn nghệ như thường. Thấy những điều đó lòng tôi tuy có bớt sợ hãi song vẫn chưa ổn định được. Tôi luôn nghĩ rằng mình không chết trong tay người Trung Quốc cũng sẽ chết trong oanh tạc của máy bay Mỹ.

Tôi còn nhớ rất rõ, qua báo chí chúng tôi thấy tin tức về quân chí nguyện nhân dân Trung Quốc giành được thắng lợi trong chiến dịch thứ nhất trên chiến trường Triều Tiên. Lúc đó chẳng ai tin. Đến cuối năm, tin tức thắng lớn trong chiến dịch thứ hai lại đến. Chúng tôi vẫn mang mỗi hoài nghi lớn. Năm sau, có một hôm, một vị cán bộ trại đứng trên vọng gác, đọc cho mọi người nghe tin đặc biệt về quân đội Trung- Triều khôi phục Hán Thành. Các phòng giam vang lên tiếng vỗ tay nhiệt liệt. Lúc

đó, bụng tôi mới nửa tin, nửa ngờ.

Khoảng tháng hai, trên báo công bố “các điều trừng trị bọn phản cách mạng”. Sự dẫn tới sự kinh hoàng sợ hãi của chúng tôi nên ngừng việc chúng tôi đọc báo. Chúng tôi không biết nội dung liên đoàn rằng thua trận trên tiền tuyến, hoài nghi những tin mừng trước đó đều là giả dối. Do đó, tôi tự cho rằng vận may của tôi sắp đến.

Một hôm, vào nửa đêm, tôi bỗng nhiên bị tiếng cửa sắt đánh thức, thấy nhiều người đến bên ngoài chân song, từ một phòng giam liên tường có một người đi ra. Tôi cho rằng chắc là quân đội Mỹ đến gần Cáp Nhĩ Tân, Đảng cộng sản cuối cùng giết chúng tôi. Sáng hôm sau nghe mọi người cùng phòng bàn luận mới biết rõ thật là sự nhầm lẫn ngớ ngẩn. Vốn là bệnh tiểu tràng của lão Khúc nguyên là một “tình trạng” phát ra, sau khi phát hiện, nhân viên coi giữ báo cáo trại trưởng, trại trưởng đưa bác sĩ quân y và y tá đến kiểm tra một chút, cuối cùng đưa ông ta vào bệnh viện. Lúc đó, do sợ hãi và liên tường tôi đã điên rồ lẫn lộn, cho nên chỉ nhìn thấy ông quân quân trang mà không thấy áo trắng của bác sĩ và y tá.

Gạt bỏ sự lầm lẫn mà cũng chưa an ủi tôi bao nhiêu.

Ngoài tiếng cửa sắt ban đêm, tôi còn sợ nghe tiếng ô tô ban ngày. Mỗi lần nghe bên ngoài có tiếng xe ô tô, tôi ngỡ là đến mạng tôi đi xét xử. Ban ngày, tôi tập trung tinh lực vào nghe ngóng, quan sát mọi động tĩnh bên ngoài chân song sắt, ban đêm thường bị ác mộng kinh hoàng. Tình hình bốn viên “trưởng” nguy Mẫn cùng phòng cũng chẳng khác gì tôi. Họ cũng như tôi, sức ăn ngày càng ít đi. Tôi nhớ trọng những ngày đó, mỗi khi cầu thang có tiếng động, mọi người đều quay đầu nhìn về phía chân song sắt. Nếu như cầu thang xuất hiện khuôn mặt người lạ, trong các phòng giam nhất định tự động ngừng mọi hoạt động, giống như mọi người đứng trên sự tuyên phán ngày cuối cùng. Đứng vào lúc mọi người cảm thấy tuyệt vọng, một thủ trưởng công an đến nhà giam, thay mặt chính phủ nói chuyện với chúng tôi. Nghe lần nói chuyện đó, chúng tôi mới thấy có thể sống.

Vị thủ trưởng này đứng trước vọng gác nói chuyện với các phòng giam luôn một giờ đồng hồ. Ông thay mặt chính phủ nói với chúng tôi một cách chính xác và rõ ràng: chính phủ nhân dân không muốn bảo chúng tôi chết mà là muốn chúng tôi qua học tập tỉnh ngộ, được cải tạo. Ông nói: đảng cộng sản và chính phủ nhân dân tin rằng, dưới chính quyền nhân dân địa sở tội phạm có thể cải tạo thành người mới. Ông nói: lý tưởng Cộng sản chủ yếu là muốn cải tạo thế giới, cải tạo xã hội và cải tạo nhân loại. Ông nói xong, trại trưởng lại nói một hồi. Nhớ được ông nói một đoạn như sau: “Các ông chỉ nghĩ đến cái chết. Hãy xem đã sắp xếp những gì để các ông chết? Các ông có thể nghĩ xem: nếu chính phủ nhân dân định xử quyết các ông, việc gì lại phải để các ông học tập?”

“Đối với cuộc chiến tranh Triều Tiên, các ông có rất nhiều cách nghĩ kỳ lạ. Có người cho rằng, quân chí nguyện nhất định không đánh nổi quân đội Mỹ, quân Mỹ nhất định sẽ đánh vào Đông Bắc, do đó lo rằng Đảng Cộng sản sẽ ra tay giết hại các ông. Có người cò thể còn mê tín sức mạnh quân sự Mỹ, cho rằng không thể chiến thắng bọn xâm lược Mỹ. Tôi có thể rõ ràng và chính xác nói với các ông, nhân dân Trung- Triều sẽ đánh bại đế quốc Mỹ, chính sách cải tạo tội phạm của Đảng cộng sản cũng nhất định giành được thắng lợi. Người cộng sản chưa bao giờ nói suông, sự thực là sự thực.

“Các ông có lẽ sẽ nói: không muốn giết chúng tôi thì hãy thả chúng tôi ra có tốt không? Không tốt. Nếu chưa qua cải tạo đã thả các ông ra, không những các ông sẽ có thể phạm tội mà nhân dân cũng không đồng tình. Thấy các ông, nhân dân không thể tha thứ. Cho nên, các ông cần học tập, cải tạo tốt”.

Đối với lời nói của vị thủ trưởng và trại trưởng tôi tuy không hiểu hết, thậm chí không hoàn toàn tin, song về câu nói chính phủ không muốn xử quyết chúng tôi thì tôi lại thấy ngày càng có đạo lý. Đúng nếu quả là có ý định giết chúng tôi, khi ở Phủ Thuận việc gì phải mở rộng nhà tắm của trại giam? Đến Cáp Nhĩ Tân việc gì phải cấp cứu người bệnh nguy cấp? Việc gì liên tục chiếu cố những người tuổi cao về mặt ăn uống?

Những đãi ngộ về việc chữa bệnh, tắm rửa, sau này chúng tôi mới biết rõ, tại các nhà giam ở nước Trung Hoa mới không phải là chuyện hiếm lạ. Song khi đó, chúng tôi thật sự cảm thấy rất mới lạ, coi đó là sự chiếu cố đặc biệt đối với chúng tôi. Vì vậy, nghe câu nói chính phủ nhân dân chính thức nói ra là không muốn tiêu diệt chúng tôi, chúng tôi từ đó cảm thấy thoải mái hơn.

Về việc học tập cải tạo mà thủ trưởng và trại trưởng nói, khi đó không ai trong chúng tôi bày tỏ ý kiến. Với tôi, bảo chúng tôi đọc sách, đọc báo chẳng qua để chúng tôi giết thời gian, tránh suy nghĩ lung tung. Nói rằng đọc mấy cuốn sách có thể thay đổi tư tưởng của một con người tôi cảm thấy

không thể tưởng tượng được. Về lời nói có thể đánh bại đế quốc Mỹ, tôi càng không tin. Bôn viên “tướng” tự cho là mình hiểu quân sự ở cùng phòng thì nhất trí cho rằng nước Mỹ chỉ dùng vũ khí thông thường cũng đủ để xưng bá chủ thế giới, thiên hạ vô địch. Nói có thể đánh bại quân đội Mỹ chỉ chẳng qua là câu nói suông.

Tuy nhiên về sau, chúng tôi dần dần cảm thấy người Cộng sản không phải là những người nói suông. Sau đó không lâu, chúng tôi lại đọc báo chí, cảm thấy những tin tức về chiến trường Triều Tiên không phải là giả dối. Một số viên “tướng” cũng nói: xưa nay bia đặt tin chiến sự, có thể bia số người chết và bị thương của hai bên, còn về được, mất đất, thành phố thì không bia trong thời gian dài được. Đặc biệt là tin tức về tổng tư lệnh quân đội Mỹ muốn đàm phán đình chiến còn có thể nói là vô địch sao? “Tướng, sĩ quan” đều hoài nghi. Khỏi phải nói, tôi càng giải thích không thông.

“Việc binh không ngại lừa dối”, một tội phạm chiến tranh đã từng là lữ trưởng nói: “có lẽ bên trong còn đó vấn đề. Tôi không tin nước Mỹ là con hồ giấy”.

Tuy nhiên, chẳng kể tin hay không tin, chiến tranh Triều Tiên ngày càng không như chúng ta nghĩ lúc ban đầu, nước Mỹ càng đánh càng không giống con hồ thật. Tình hình ngoài dự đoán ngày càng rõ rệt. Trái lại, tôi cảm thấy yên tâm vì tôi cho rằng nếu Đảng cộng sản không bị thất bại, thì cũng chẳng vội gì tiêu diệt tôi, con người vô dụng này.

Học tập lúc này cũng khác trước. Trước kia học tập là tự đọc, phía trại không hỏi tới. Hiện nay cán bộ phụ trách học tập của trại đích thân lãnh đạo chúng tôi học tập, ông nói chuyện chuyên đề với chúng tôi về thế nào là “xã hội phong kiến”, sau đó cho chúng tôi thảo luận, mỗi người còn phải viết bút ký học tập.

Một hôm, cán bộ giảng bài nói với chúng tôi:

- Tôi đã từng nói, cải tạo tư tưởng trước hết phải hiểu rõ tư tưởng vốn có của mình là thế nào. Tư tưởng của mọi người không tách rời xuất thân, lịch sử của mình. Vì vậy, phải từ xuất thân, lịch sử của mình mà nghiên cứu. Đề tiên hành cải tạo tư tưởng, mỗi cá nhân phải phân tích một cách khách quan, không bảo lưu lịch sử của bản thân mình, viết một bản tự truyện...

Tôi tự nói với mình: “thế là cải tạo ư? đó chẳng phải muốn cố cải tạo để lừa mình cung khai sao?”

Đó là tư tưởng của tôi khi đó. Dưới sự chi phối của tư tưởng đối lập, tôi viết một bản tự truyện đầu tiên của tôi.

Viết tự truyện và hiến “Của Báu”

Tôi cho rằng viết tự truyện là khúc dạo đầu của xét xử. Đã phải xét xử tức là nói sống chết vẫn chưa định, về mặt này, tôi cần ra sức giành một con đường sống.

Đề đối phó xét xử, tôi sớm có tính toán đã định. Ngày vừa tới Cáp Nhĩ Tân, chúng tôi xuống xe, còn chưa vào phòng giam, lúc đó tiểu Cô cháu tôi đến gần tôi, nói nhỏ vào tai tôi: “Hỏi ra, vẫn là cách nói ở Liên Xô”. Tôi khẽ gật đầu.

Cái gọi là cách nói ở Liên Xô là che dấu việc đầu hàng kẻ địch của tôi, nói bản thân mình là người hoàn toàn lương thiện, yêu nước, yêu nhân dân. Tôi biết hoàn cảnh hiện nay khác với thời kỳ ở Liên Xô, tôi cần phải bia dựng một cách rất nghiêm mật, quyết không để lộ chút sơ hở.

Lời tiểu Cô hôm đó là đại biểu cho các cháu khác cùng ở với y và Lý lớn người hầu của tôi. Câu nói đó chứng tỏ bọn chúng đã sớm chuẩn bị tốt đồng thời cũng chứng tỏ lòng trung thành của chúng đối với tôi như trước kia. Tuy nhiên, muốn không có sơ hở chỉ dựa vào lòng trung thành vẫn chưa đủ, tôi cảm thấy vẫn còn phải dằn dò một chút đặc biệt là đối với Lý lớn vì hẳn là chứng nhận thực tế tận mắt bộ phận then chốt nhất trong bản tự truyện của tôi - Tôi từ Thiên Tân đến Đông Bắc như thế nào?

Trước khi tôi từ Tĩnh Viên trốn đi, y là người trước tiên chuẩn bị hành lý đồ đạc cho tôi. Tôi chui vào hòm sau xe, y là người đẩy nắp. Những việc đó nếu để lộ ra thì câu chuyện Toihara dùng

sức mạnh bắt đi sẽ chẳng có ai tin được.

Việc này chỉ có lúc nghỉ ngơi, lợi dụng lúc tôi và gia tộc gặp gỡ hợp pháp mới làm được. Tình hình lúc đó so với trước cũng khác. Một số phạm nhân tuổi tương đối trẻ bắt đầu làm một số việc vặt như gánh nước, đưa cơm, giúp nhà bếp v.v.. Gia tộc tôi, ngoài Vĩnh Nguyên khi đó đã chết, thấy thuộc họ Hoàng do chứng phong thấp viêm khớp thường xuyên nghỉ, số còn lại đều tham gia lao động có tính chất phục vụ này. Thời gian nghỉ, tôi không dễ gặp toàn thể họ. Không người này đi giúp nhà bếp thì người kia đi đưa nước sôi. Tuy nhiên, cũng có mặt tốt tức là họ hành động tương đối tự do, có thể chuyển lời tôi tìm người, tôi đã lợi dụng thuận lợi đó đề tiêu Thụy bảo Lý lớn tìm đến.

Lý lớn đến, lễ phép đến gần tôi dáng điệu đợi nghe dặn dò. Tôi hỏi nhỏ hẩn:

- Người còn nhớ việc từ Thiên Tân rời nhà chứ?

- Là nói đến quan ngoại ư? cháu là người thu xếp đồ đạc phải không?

- Nếu phía trại hỏi ta rời Thiên Tân như thế nào, người nói hoàn toàn không biết nhé. Người thu xếp đồ đạc là sau khi ta đi biết không?

Lý lớn gật đầu, tỏ ý hoàn toàn lĩnh hội lẳng lẽ đi.

Ngày hôm sáu, ở trong sân tiêu Thụy cho tôi biết: Lý lớn nhờ báo cáo: tối hôm trước, y và cán bộ họ Giả của trạm nói chuyện phiếm. Y nói với cán bộ họ Giả rằng khi ở Đông Bắc, tôi đối xử với người dưới rất hậu, chưa bao giờ đánh mắng người; lại nói khi ở Lữ Thuận, suốt ngày đóng cửa không gặp người Nhật. Nghe nói như thế, tôi cảm thấy Lý lớn quá bốc, tại sao lại nói đến việc Lữ Thuận! tôi bảo tiêu Thụy nói với hẩn: đừng nói nhiều, nếu được hỏi về tình hình Lữ Thuận thì nói không biết gì cả.

Tôi rất hài lòng về sự trung thành của Lý lớn. Tôi đã nắm được vấn đề quan trọng, lại đã dặn dò các cháu, như vậy mới bắt đầu viết bản tự truyện của tôi. Trong bản tự truyện này, tôi viết gia thế của mình, việc Tây thái hậu đã cho tôi làm hoàng đế như thế nào, tôi đã trải qua những năm thơ ấu ở Tử Cấm Thành như thế nào, tôi “hoàn toàn bất đắc dĩ” trôn vào công sứ quán Nhật Bản như thế nào, cuộc sống ẩn dật ở Thiên Tân ra sao, sau đó theo truyền thuyết bên ngoài vút thánh “bị bắt” và những năm “bất hạnh” ở Trường Xuân. Tôi còn nhớ, cuối cùng tôi viết:

“Thấy nhân dân chịu khổ nạn như thế tự mình không có cách gì, lòng tôi vô cùng đau buồn. Tôi mong quân đội Trung Quốc có thể đánh tới, cũng mong trên quốc tế có sự thay đổi khiến Đông Bắc được giải phóng. Sự mong mỏi đó cuối cùng đã được thực hiện năm 1945”.

Bản tự truyện đó, qua gọt dũa và sửa chữa nhiều lần, cuối cùng gửi lên trên. Từ bài viết này, tôi tin rằng bất cứ ai cũng có thể thấy rõ tôi là một người rất hối hận về tội lỗi.

Sau khi gửi bản tự truyện đi, tôi lại nghĩ chỉ có bản viết đó chưa đủ, cần phải nghĩ cách để phía chính phủ tin rằng tôi “thành thật” và “tiên bộ” mới được. Làm thế nào? dựa vào Lý lớn và bọn chúng thôi phỏng ư? điều đó rõ ràng chưa đủ, quan trọng nhất là tự mình phải có thành tích thực tế.

Cứ nghĩ đến thành tích, tôi không ngăn được có chút lo lắng. Từ khi về nước đến nay, không tính lúc trên xe lửa cũng không tính lúc ở Phủ Thuận, chỉ nói từ lúc đến Cáp Nhĩ Tân tôi tham gia trực nhật ở phòng giam đến nay, về thành tích, ngay tự mình cũng không hài lòng, càng không cần nói tới phía trại.

Vốn là các phạm nhân và trưởng trại nói chuyện, mỗi người đều tìm cách chứng minh bản thân mình có “giác ngộ”, coi đó là cách tìm đường sống. Hiện nay nhớ lại, cảm thấy thật đáng cười. Một người khi đó coi sự việc quá đơn giản, hình như chỉ cần giả vờ rất khéo là có thể lừa được chính phủ. Khi tôi mang ảo tưởng này, điều đau buồn nhất là ở chỗ cái gì cũng không bằng người khác.

Khi đó, qua ba mặt: học tập, trực nhật và sinh hoạt, cố gắng thể hiện mình mong giành lòng tin của phía trại. Tổ chúng tôi, về mặt học tập “thành tích” tốt nhất phải kể lão Vương, tổ trưởng của chúng tôi. Ông ta nguyên là thiếu tướng quân pháp nguy Mãn, học qua mấy năm pháp chính ở Bắc Bình, trình độ văn hoá tương đối cao, đối với danh từ lý luận mới hiểu tương đối nhanh. Ba viện “trưởng” khác lúc đầu cũng như tôi, đến “chủ quan”, “khách quan” cũng không phân rõ, tuy nhiên “tiên bộ” cũng nhanh hơn tôi. Khi mở hội nghị thảo luận, họ đều có thể nói một hồi. Sợ muộn chết là sau khi đọc xong chuyên đề “thế nào là xã hội phong kiến”, mọi người phải viết một bài tâm đắc (hoặc gọi là tổng kết học tập) tự mình nói ra cảm tưởng, sự lĩnh hội đối với vấn đề này. Khi thảo luận, tôi còn có thể nói một cách đơn giản, biết đến đâu nói đến đấy, còn viết điều mình tâm đắc thật không dễ dàng. Trong tâm trạng không ổn định, một chữ tôi cũng không viết ra được.

Sau khi đến Cáp Nhĩ Tân, tôi tự động tham gia trực nhật, đây là điều duy nhất chứng minh điểm “tiên bộ”. Công tác trực nhật chỉ là nhận từ ngoài phòng đưa vào ba bữa cơm, nước sôi và lau

sản nhà. Tôi không còn cảm thấy khó chịu, khi đến lượt tôi bắt tay làm ngay. Từ khi sinh ra, lần đầu tiên tôi phục vụ người khác nên cũng xảy chuyện. Khi bưng cơm ăn hầu như đồ cả bát canh xuống đầu người khác. Vì vậy, về sau mỗi lần đến lượt tôi, luôn có người tự động giúp đỡ. Họ một phần do ý tốt, phần khác là do không muốn bị nước canh đổ vào đầu.

Về mặt sinh hoạt, tôi cũng không so sánh được với người khác. Quần áo tôi vẫn không chỉnh tề, sạch sẽ, vẫn phải nhờ tiểu Thụy giặt, vá. Tôi đã từng thử luyện tập tự chăm sóc mình, tự giặt quần áo, song khi tôi làm cho đầy mình ướt át vẫn không không chế được xả phòng và bàn giặt. Khi tôi đứng trong sân chờ tiểu Thụy, mắt người khác nhìn vào tay tôi cầm quần áo đợi giặt tôi lại cảm thấy xấu hổ.

Nộp bản tự truyện không lâu, tôi bỗng hạ quyết tâm lại thử một lần. Tôi còn nhiều châu báu, đồ trang sức, không kể số tôi giấu ở đáy hòm, ngay số để bên ngoài cũng rất có giá trị. Trong số đó, có một bộ cửa “báu” do hoàng đế Càn Long khi làm Thái thượng hoàng sử dụng là thứ của báu vô giá. Đó là ba quả ấn điều khắc bằng đá Điện hoàng thạch liên kết với nhau bằng ba dây xích cũng bằng đá quý, điều khắc cực kỳ tinh xảo. Tôi không muốn động tới những thứ quý báu giấu dưới đáy hòm, quyết định lấy ba quả ấn ra để chứng minh sự “giác ngộ” của tôi.

Quyết định rồi liền làm ngay. Tôi còn nhớ trước đó có một lần nhân viên trại trên vọng gác tuyên bố tin lược quân chí nguyện giành thắng lợi trong chiến dịch lần thứ năm, không rõ phạm nhân nào đó sau khi nghe lập tức hướng cán bộ yêu cầu sang Triều Tiên tham gia chiến đấu, tiếp đó có một người cũng yêu cầu như vậy, còn có người viết giấy thỉnh nguyện. Đương nhiên phía trại không tiếp nhận. Sau đó tôi có chút oán hận: những người này đã biểu hiện “giác ngộ”, lại thực tế dám nhận sự nguy hiểm, thật có tấm lòng. Nghĩ đến sự việc này, tôi quyết định việc này tôi không thể lác hậu hơn người khác, không nên để họ làm trước mình. Vừa dịp hôm đó nhân viên phụ trách của chính phủ đến kiểm tra qua chân song sắt nhìn thấy đó là người ở Thâm Dương bảo tôi đừng lo sợ. Căn cứ việc trại trưởng đi theo sau, tôi đoán rằng ông nhất định là cấp trên của trại trưởng. Tuy nhiên ông ta không mặc quân phục. Tôi cảm thấy đưa công vật đối với người như thế thì hiệu quả càng tốt. Đợi khi ông đi đến trước phòng giam chúng tôi, tôi vái ông một vái nói:

- Báo cáo ông thủ trưởng, tôi có một thứ muốn hiến dâng chính phủ nhân dân...

Tôi lấy ra chiếc ấn Điện hoàng thạch của Càn Long đưa cho ông ta. Ông ta không đón nhận, chỉ gật gật đầu:

- Ông là Phổ Nghi phải không? Việc này tôi sẽ bàn với trại.

Ông ta lại hỏi mấy câu rồi đi.

Tôi nghĩ, nếu ông nhìn thấy đồ vật của tôi, biết giá trị của nó sẽ không thể lạnh nhạt như thế. Không còn cách nào, tôi chỉ còn gặp trại tiến hành việc này. Tôi viết một bức thư, bọc mấy quả ấn giao cho nhân viên coi giữ nộp trại trưởng.

Sau khi gửi ấn Điện hoàng thạch đi, như đá chìm biển cả, nhiều ngày sau không có tin tức gì. Tôi không nén được sự nghi ngờ: phải chăng nhân viên coi giữ làm đi?

Tôi lại phạm bệnh cũ, bụng nghi ngờ thế nào thì tin như thế. Tối hôm đó, người khác đánh cờ, đánh tú lơ khơ còn tôi ngồi một mình nghĩ ngợi ấn Điện hoàng thạch đi đâu, khẳng định rằng nó đã bị tham ô rồi. Tôi cân nhắc xem có nên trực tiếp hỏi trại trưởng không. Lúc đó người coi giữ thấp bé họ Lưu từ phía ngoài đi qua, đứng lại.

- Sao ông không chơi gì? - anh ta hỏi.

- Tôi không biết chơi - tôi đáp.

- Ông học đi, đánh trăm điểm học là biết - anh ta nhiệt tình nói tiếp: - giao ban xong tôi đến dạy ông.

Sau đó một lúc, anh ta quả nhiên mang cỗ bài tú-lơ-khơ đến, ngồi xôm ngoài chân song sắt hăng hái trang bài.

Bộ ấn Điện hoàng thạch là tôi trao cho anh ta. Tôi vốn có ấn tượng tốt với anh ta song nay hoàn toàn không còn nữa. Tâm tính tôi lúc đó - nay nhớ lại vẫn thấy khô tâm - đầy căm ghét.

- Tôi không tin là cái này không học được - Lưu giám thị chia bài nói. Anh nói tiếp: - không biết chơi làm sao được? sau này ông lại làm người, sống cuộc sống mới, không biết chơi thì sống làm sao!

Tôi thầm nghĩ: mi thật khéo nói, khéo giả vờ!

“Phổ Nghi cũng không tốt”, chơi cao bằng lão Vương cũng thắng được, chỉ cần học là học được.

Anh ta châm thuốc, cách tường có người hỏi:

- Ông Lưu, thuốc lá của ông thơm quá.
- Thế nào, chắc là ông lại hết thuốc lá rồi?

Anh ta nhìn về phía tường ngăn. Không biết ai đó lại cười nói: “Tôi hút thuốc rất không có kế hoạch”. Lưu giám thị cười cười, cởi túi thuốc vứt sang: “Được thôi, lấy giấy cuộn một điếu!”

Nếu khi gặp phạm nhân hút hết thuốc lá quy định, viên coi giữ họ Lưu đều cởi túi thuốc đưa cho họ cuộn hút. Việc làm đó vốn khiến tôi không hiểu và nay có sự giải thích: “các người đều là bọn lừa bịp! Ta chẳng tin bộ điệu đó của các người”

Sự thật là luôn luôn nghĩ cách lừa dối người khác, chẳng ai khác, chính là bản thân tôi làm cho người khác không thể tin được cũng chính là tôi. Sau đó không lâu, trại trưởng nói với tôi ở ngoài sân: “Thư và ân Điền hoàng thạch của ông tôi đã xem. Những thứ trước kia ông đã đưa ra ở Liên Xô hiện nay cũng đang ở đây, song, với nhân dân mà nói, thứ càng có giá trị hơn là con người, là người đã được cải tạo”.

Tai họa và hận thù của nhân dân Đông Bắc

Về những tai họa mà bọn xâm lược Nhật Bản gây ra đối với nhân dân Đông Bắc, trước kia tôi chưa bao giờ nghe nói thật cụ thể, chưa bao giờ đề tâm đến vấn đề này. Tôi cũng biết ít nhiều về sự oán hận của nhân dân Đông Bắc song tôi chỉ nghĩ rằng đó là những việc giữa người Nhật Bản và nhân dân Đông Bắc, không quan hệ gì với tôi. Qua 10 năm, đến ngày nay tôi mới bừng tỉnh, mới cảm thấy thật sự nghiêm trọng.

Nhân viên đoàn công tác đã giành một buổi nói chuyện với chúng tôi về kết quả điều tra một phần tội ác mà bọn xâm lược Nhật Bản đã gây ra tại Đông Bắc.

Khi đó, nghe xong tôi vẫn có chút hoài nghi. Nhân viên đoàn công tác đã đưa ra một số thống kê chưa đầy đủ như: số vụ thảm án, số người bị tàn sát tập thể trong những vụ thảm án, diện tích trồng cây thuốc phiện, số người nghiện thuốc phiện cũng như số lợi nhuận giành được trong buôn bán thuốc phiện v.v... đều là những số liệu mà người ta đã nghe thấy. Tình tiết về những vụ thảm sát, thảm án cũng khiến mọi người kinh sợ. Khi nghe, một mặt tôi cảm thấy dựng tóc gáy, mặt khác lại nghĩ: “Quả thật như vậy sao? Nếu như vậy, không rõ tại sao các em trai, em gái, các cháu và những người hầu không có ai nói gì với tôi?”.

Cho đến sau khi tham gia cuộc họp học tập của các tội phạm chiến tranh Nhật Bản tôi mới không còn hoài nghi về những sự thật đầm máu ấy.

Đó là lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy những tội phạm chiến tranh Nhật Bản. Về sau, qua báo chí mới biết, số tội phạm chiến tranh Nhật Bản ở Phủ Thuận chỉ là một bộ phận tội phạm chiến tranh Nhật Bản bị giam giữ tại Trung Quốc. Tại cuộc họp này, tuy có mặt nhân viên “đoàn công tác” và trại, trên thực tế do “ủy ban” của bản thân họ tổ chức. “Ủy ban” do phần lớn các tội phạm chiến tranh Nhật Bản sau khi có giác ngộ về tư tưởng đã bầu ra để quản lý sinh hoạt và học tập của mình. Tại hội nghị này, có mấy chiến phạm Nhật Bản đã nói về kết quả học tập của mình, thành khẩn nói ra nhiều tội ác của mình. Có người còn tố cáo tội ác của người khác. Bằng sự thật, họ trả lời một vấn đề trọng tâm của học tập: chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản có phạm tội ác ở Trung Quốc hay không? Toàn thể tội phạm chiến tranh nguy Mãn chúng tôi dự nghe tại hội nghị. Những lời bộc lộ, và tố cáo gây ấn tượng sâu sắc nhất đến với chúng tôi, khiến chúng tôi cảm thấy bị xúc động là bộc lộ của Furumi Tadano, nguyên thủ trưởng Phòng Tổng vụ nguy Mãn và một đội trưởng hiến binh nguy Mãn.

Furumi Tadano là một người thân tín của Bộ tư lệnh quân đội Nhật bản, hắn và Rokuzo Takebe (chánh văn phòng tổng vụ) nhận chỉ thị của quân Quan Đông, với địa vị thống trị trên thực tế chính quyền nguy Mãn đã vạch ra và thực hiện toàn bộ sự thống trị và tước đoạt toàn bộ Đông Bắc. Hắn đã nói một cách cụ thể chính sách di dân khai phá chiếm đoạt ruộng đất của nông dân Đông Bắc, “kế hoạch 5 năm mở mang sản nghiệp” tước đoạt tài nguyên Đông Bắc, chính sách thuốc phiện đầu độc nhân dân Đông Bắc cũng như những bí mật về vợ vét lương thực và các loại vật tư khác của Đông

Bắc để chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương v.v... Hãn cũng đã nói ra những bí mật bên trong của một số hội nghị, nêu ra những con số khiến nhiều người lè lưỡi. Những hậu quả của một số chính sách mà hãn nói tới, mỗi ví dụ đều là một thảm án... Ví dụ năm 1944, trưng dụng hơn 15.000 lao công ở các huyện xây dựng công trình quân sự ở Vương An Lĩnh, do lao động và điều kiện sinh hoạt rất tồi tệ, ăn không no, mặc không ấm dưới trời rét buốt, hơn 6.000 người đã bỏ mạng. Lại ví dụ, để chuẩn bị tác chiến với Liên Xô, tu bổ đường sông Mực Lãng Hà chảy vào hồ Hưng Khai, cũng do những nguyên nhân như thế, hơn 1700 công nhân đã chết.

Tôi nhớ rằng điều hãn nói rõ ràng nhất là chính sách thuốc phiện.

Đầu năm 1933, trước khi phát động hành động quân sự ở Nhiệt Hà, để chuẩn bị cho việc chi tiêu quân sự, quân đội Nhật bản quyết định thi hành chính sách thuốc phiện. Khi đó, chưa kiểm soát được tình hình sản xuất thuốc phiện ở Đông Bắc, số lượng hàng hoá trong tay chưa đủ, quân đội Nhật phải nhập từ nước ngoài hơn hai triệu lạng, đồng thời dùng máy bay rải truyền đơn khắp Nhiệt Hà kêu gọi trồng thuốc phiện.

Sau đó, khoảng năm 1936, chúng mở rộng diện tích trồng ở 7 tỉnh ngụy Mãn, ra sức sản xuất về sau còn bằng hình thức luật pháp xác định độc quyền bán thuốc phiện. Để khuyến khích hút thuốc, các địa phương đều mở quán thuốc phiện có “nữ chiêu đãi viên” lôi cuốn mạnh thanh niên. Năm 1942, “Viện Hưng A” của Nhật Bản triệu tập “Hội nghị về nhu cầu cung cấp thuốc phiện” ra nghị quyết “do nước Mãn Châu”, và Mông Cổ, Tân Cương cung cấp thuốc phiện trong phạm vi “khối thịnh vượng đại Đông Á”, do đó lại mở rộng diện tích trồng ở Ngụy Mãn tới 3.000 héc-ta.

Theo thống kê của Tadano, cho đến khi sụp đổ ngụy Mãn đã sản xuất hơn 300 triệu lạng thuốc phiện. Năm 1938 lợi nhuận thuốc phiện chiếm 1/6 thu nhập tài chính của ngụy Mãn. Năm 1944, lợi nhuận lên tới 300 triệu đồng, gấp 100 lần thời kỳ đầu ngụy Mãn, là một trong những nguồn quan trọng về chi phí quân sự của cuộc chiến tranh xâm lược của Nhật Bản. Số người nghiện thuốc phiện, chỉ một tỉnh Nhiệt Hà đã lên tới khoảng 30 vạn người. Toàn Đông Bắc bình quân 100 dân cư có 5 người nghiện thuốc phiện.

Những điều bộc lộ của đội trưởng hiến binh đều là những sự việc hết sức cụ thể. Mỗi sự kiện mà hãn cung khai đều là một bức tranh đậm máu.

Hãn đã từng làm đội trưởng hiến binh khu Tây Nam ngụy Mãn. Để đàn áp nhân dân, đội hiến binh thi hành mọi biện pháp khủng bố. Giết người, luôn luôn là tàn sát tập thể, sau khi tàn sát còn triệu tập quần chúng đến xem xác chết. Có lúc, chúng bắt những người mà chúng nghi ngờ đến, xếp thành hàng, bất thành lĩnh chọn ra một người, dùng kiếm chém chết trước mặt mọi người. Riêng bằng cách này bản thân hãn đã giết hơn 30 người.

Những người bị bắt đều chịu mọi hình phạt tra tấn, đánh bằng gậy, bơm nước lạnh, dầu hoả, nước ớt vào mũi, dùng đầu thuốc lá đốt, kim nung lửa cặp, treo lộn đầu v.v..

Trong tố cáo của một số tội phạm chiến tranh Nhật Bản, tính không xiết những thảm kịch kinh hồn bạt vía. Những tên gây ra những thảm kịch ấy còn tàn bạo hơn cả dã thú. Có một chuyện tôi nhớ được như sau: một bà mẹ trẻ đang ngồi cạnh nồi bếp, cho con bú, một tên hiến binh giằng lấy đứa bé thuận tay ném vào nồi nước sôi trên bếp sau đó hãm hiếp người mẹ, cuối cùng dùng gậy thọc vào âm đạo giết người mẹ chết tươi. Những câu chuyện như vậy, trong thời kỳ đó tại Đông Bắc đã thường xảy ra ở những nơi mà quân Nhật chiếm đóng.

Sau này, nhân viên kiểm sát không n-gừng gửi tới những tài liệu mà nhân dân Đông Bắc tố cáo. Cảnh tượng địa ngục của khu vực Đông Bắc những năm đó ngày càng rõ ràng trước mắt tôi. Cuối cùng tôi hiểu rõ: cùng với việc tôi phục tùng, ve vãn quân Quan Đông, cùng với việc tôi ra sức tìm cách bảo tồn “tôn hiệu” của mình, đã có biết bao người lương thiện không may chết oan uổng, đồng thời cũng hiểu rõ trong khi tôi hết bụng phục vụ kẻ thù, đã có biết bao chiến sĩ yêu nước ngã gục đầu, sục sôi nhiệt huyết tiến hành cuộc kháng chiến chống quân thù.

Sự thiệt hại của nhân dân Đông Bắc, nếu như không tính những thứ bọn thống trị Nhật bản trực tiếp lấy đi, mà chỉ tính những thứ chúng lấy được qua ngụy quyền Hán gian cũng có thể không phải mất công sức đưa ra nhiều ví dụ và số liệu. Ví dụ do hàng loạt pháp lệnh, chính sách, số lượng thực mà nhân dân Đông Bắc thu hoạch được hàng năm đều bị tước đoạt hết; đặc biệt là vào cuối thời kỳ ngụy Mãn, nhân dân Đông Bắc chỉ còn cách sống qua ngày bằng bột lợ ngô, khô đậu... Số lương thực bị tước đoạt ngoài phần dành cho quân đội sử dụng, đều vận chuyển về Nhật Bản, số lượng chuyển về Nhật Bản ngày càng tăng. Theo số thống kê chính thức của ngụy quyền Mãn Châu, trong một năm 1944 đã vận chuyển sang Nhật bản 8 triệu tấn. Trong vòng 6 năm cuối cùng của ngụy Mãn số

lương thực vận chuyển sang Nhật. Bản tổng cộng là 66 triệu 62 vạn tấn. Với pháp lệnh về lương thực, vải bông, kim thuộc và các loại vật tư khác, nhân dân động một chút là “phạm tội kinh tế”. Ví dụ: tuyệt đối không cho phép người dân thường ăn gạo, dù cho bị phát hiện ăn gạo trong khi nôn mửa cũng bị coi là “phạm tội kinh tế” và bị trị tội. Chỉ trong vòng một năm từ 1944 đến 1945, đã có 31 vạn 7100 người bị coi là “phạm tội kinh tế”. Đương nhiên, những người bị bắt chịu một trận đòn như tử rồi được tha không tính vào số này.

Cùng với việc bị tước đoạt, trưng thu lương thực đất trồng trọt của nông dân Đông Bắc cũng không ngừng bị xâm chiếm. Theo “Điều ước khai thác cây trồng Nhật Bản” Nhật Bản đặt kế hoạch trong vòng 20 năm sẽ di dân từ Nhật Bản đến Đông Bắc 5 triệu người. Kế hoạch này chưa được thực hiện toàn bộ Nhật Bản đã sụp đổ, song trong hai năm cuối cùng đã di dân đến Đông Bắc 39 vạn người, qua nguy quyền Đông Bắc đã chiếm đoạt từ tay nông dân 36 triệu 50 vạn héc-ta ruộng đất.

Để xây dựng Đông Bắc thành căn cứ hậu phương, qua nguy quyền Mãn Châu bọn thống trị Nhật Bản còn thực hành chế độ lao động nô dịch rất dã man gây nên số tử vong kinh người. Từ năm 1938, sau khi lấy danh nghĩa của tôi thực hành “pháp chế thống nhất lao động”, mỗi năm trưng tập 250 vạn người (chưa kể số trưng tập bên trong cửa quan) cưỡng bức lao động không công. Phần lớn đều lao động ở các mỏ và công trình quân sự, điều kiện vô cùng tồi tệ gây nên hàng loạt tử vong. Như năm 1944 trong “xây dựng công lộ” ở thị trấn Liêu Dương 2500 thanh niên lao động quá sức chưa đến một nă đã có 170 người bị đẩy đoạ đến chết.

Quân đội, cảnh sát, toà án, nhà tù nguy Mãn đàn áp nhân dân Đông Bắc cũng đầm máu, gây ra không biết bao nhiêu thảm án. Theo một phân tài liệu còn sót lại tìm thấy từ những vụ án chính thức của nguy Mãn đã thống kê ra hơn 6 vạn quân dân chống Nhật bị nguy quyền Mãn Châu giết hại, hơn 8.800 cư dân bị giết hại, hơn 3.000 ngôi nhà của dân bị thiêu huỷ. Số thường dân bị cảnh sát, đặc vụ nguy Mãn giết hại thì không thể thống kê được. Theo thông kê có thể kiểm tra được của 36 vụ án, trong số 5098 nhân sĩ yêu nước và quần chúng không may bị bắt, chỉ có 3 người được tha, 421 người bị tuyên án tử hình, chưa bị xử tử hình đã chết trong nhà tù 213 người, xử tội tù 2177 người; số 2.284 người còn lại mất tích. Thời kỳ nguy Mãn, Đông Bắc là thế giới của cảnh sát, hầu như thôn nào cũng có cảnh sát. Một cơ quan cảnh sát của huyện là một điện Diêm Vương. Những thảm kịch do nơi này gây ra cũng chẳng khác gì ở địa ngục.

Trong địa ngục sống ấy, dưới cái mũ “chấp chính” “Khang đức hoàng đế”, “Vương đạo lạc thổ” tồn tại trong 14 năm, mọi hành vi tàn bạo đều tiến hành dưới nhãn hiệu “chấp chính” và “hoàng đế”. Mỗi người bị hãm hại đều buộc phải hướng về “lệnh vua” lay lục, đọc thuộc “chiếu thư”, cảm ơn “thân bang” và ơn ban của hoàng đế.

CHƯƠNG IX

TIẾP THỤ CẢI TẠO

Làm người như thế nào?

“Năm mới bắt đầu rồi, ông có suy nghĩ gì không?”

Trưởng trại hỏi tôi như vậy nhân dịp Nguyên đán năm 1955.

Tôi trả lời là chỉ có cách bó mình chịu tội, chờ phán xử. Nghe xong, trưởng trại lắc đầu lia lịa tỏ ý không phải như vậy:

- Chả phải tiêu cực thế! Phải tích cực cải tạo tranh thủ trở lại làm người chứ!

Cuối năm 1954, khi nhân viên kiểm sát cầm tập hồ sơ cuối cùng đến bảo tôi ký tên vào đây, tôi cũng được nghe những lời tương tự như vậy: “Cố gắng mà cải tạo đi, tranh thủ làm một con người mới!”

Những lời đó làm tôi yên tâm, song vẫn không làm tôi thay đổi được về căn bản thái độ tiêu cực và bi quan. Tôi đã rơi vào vực thăm tử và nỗi lo âu về việc phán xử đã tụt xuống hàng thứ yếu.

Một hôm tôi đang ngồi nghỉ ngoài sân, thấy một phóng viên cầm chiếc máy ảnh bước vào sân bóng chụp ảnh. Sau đợt “tô giác và nhận tội” kết thúc, trại quản lý tội phạm chiến tranh khôi phục lại cách làm như trước, nghĩa là không phải chia từng tổ lần lượt nghỉ mà là toàn thể cùng được nghỉ một lúc, và thời gian nghỉ cũng kéo dài thêm nửa tiếng. Ngoài sân rất náo nhiệt, người thì chơi bóng chuyền, bóng bàn, người thì truyện trò, ca hát, làm gì cũng có, đều được phóng viên thu hết vào ống kính. Phóng viên hết chĩa máy sang bên này lại chĩa máy sang bên nọ, cuối cùng chĩa thẳng ống kính vào tôi. Lúc ấy có một nhân viên nguy Mãn đang đứng bên cạnh tôi xem đánh bóng biết ý đồ của phóng viên, vội quay mình bỏ đi chỗ khác và buông lại một câu: “Tôi không muốn chụp chung với hân!” Kế đó, những người khác cũng lần đi hết.

Giữa tháng 3, một số tướng lĩnh cao cấp Quân giải phóng tới Phủ Thuận thị sát trại quản lý tội phạm chiến tranh do Quân khu Thẩm Dương quản lý. Trưởng trại cho gọi tôi và Phô Kiệt đi hỏi chuyện. Vừa bước vào phòng tôi thấy trong phòng chật ních những người đeo quân hàm lập lánh trên vai. Thoạt đầu tôi tưởng là sắp mở toà án quân sự rồi, sau đó mới biết các tướng lĩnh muốn nghe tình hình học tập của tôi. Thái độ của họ đều hoà nhã, và hình như nghe kể một cách rất hứng thú. Các tướng lĩnh còn hỏi tôi về đời sống thuở bé và hồi thời kỳ nguy Mãn. Cuối cùng, một vị thủ trưởng có râu nói: “Cố gắng học tập cải tạo, sau này ông sẽ được thấy tận mắt tình hình thật sự xây dựng chủ nghĩa xã hội đó!”. Trên đường về, tôi nghĩ người nói đó có lẽ là một vị nguyên soái, nhưng Phô Kiệt nói với tôi là trong những tướng lĩnh đó không chắc chỉ có một vị nguyên soái. Tôi rất phấn khởi, những người cộng sản mà tôi từng cho là không ai có thể dung thứ tôi, thì sự thật từ nhân viên trông giữ tôi cho đến nguyên soái ai cũng đối xử với tôi như một con người, thế mà chính những tội phạm cũng như tôi lại cảm thấy không thể dung thứ tôi được dù là chỉ đứng bên cạnh tôi, dường như tôi chẳng phải còn là con người nữa.

Về tới buồng, tôi kể lại lời nói của nguyên soái cho đồng bạn nghe. Lão Nguyên, từng làm đại sứ của Nguy Mãn tại Nhật Bản là con người có bộ óc nhạy cảm nhất, nói: “Xin chúc mừng ông Phô! Nguyên soái bảo ông sẽ thấy được chủ nghĩa xã hội, thế nghĩa là ông được đảm bảo rồi đấy!”.

Mọi người nghe vậy đến sôi nổi hẳn lên, vì tên Hán gian đầu sỏ như tôi còn có thể đảm bảo được thì tất nhiên họ càng được đảm bảo.

Sau đợt “tô giác và nhận tội”, nhiều người phấp phỏng tương lai của mình. từ khi bắt đầu tiến hành đợt “tô giác và nhận tội” tới nay chưa hề thấy lão Hiên cười lần nào, lúc này lão ta cũng nhoèn miệng cười và thân mật vỗ vai tôi nói: “Xin chúc mừng ông nhé, ông Phô!”

Sau đợt “tô giác và nhận tội”, giờ nghỉ ở ngoài sân không những không còn cấm nói chuyện với nhau, mà ban ngày cũng không thấy khoá cửa phòng giam nữa, đôi khi còn có đồng bạn sang thăm hỏi lẫn nhau chơi. Tin mừng này truyền nhanh tới các tổ khác, thế là cả trại đều biết. Tôi nghĩ, vẫn còn có người bàn tán ngoài sân. Lúc này tôi nghĩ đến các cháu tôi và Lý lớn, từ đợt tô giác và nhận tội tới nay chúng nó chẳng đứa nào thêm đêm xía gì đến tội, nếu được tin này ắt hẳn chúng cũng mừng. Tôi nghĩ bụng sẽ tìm đến nói cho chúng biết. Tôi nghe tiếng hát của tiểu Cố, cậu thanh niên sôi nổi nhất, đã đòi nhân viên trông giữ và lính gác dạy cho nhiều bài hát... đang hát bài “Hai trẻ chăn trâu”, tôi lần theo tiếng hát tìm thấy nó cùng thằng Tú đang đứng dưới gốc cây to ở góc sân bóng. Nhưng vừa thoát thấy tôi bước đến chúng đã tránh đi nơi khác.

Giữa tháng 4, lãnh đạo trại bảo trại 1 chúng tôi bắt chước tội phạm chiến tranh Nhật Bản ở trại 7 bầu ra Ban học tập. Ban học tập là tổ chức tự quản của phạm nhân đặt dưới sự chỉ đạo của phía trại để quản lý về đời sống và học tập của mình. Ban này có trách nhiệm tập trung các vấn đề trong học tập cũng như trong đời sống, tình hình thảo luận trong buổi học tập cũng như trong buổi họp kiểm

điểm về đời sống rồi phản ánh cho phía trại và xin phía trại nhận xét góp ý, Ban học tập có 5 uỷ viên do phạm nhân bầu ra và được phía trại thừa nhận. Trừ uỷ viên chủ nhiệm, bốn uỷ viên khác được phân công quản lý về học tập, đời sống, thể dục thể thao và vui chơi giải trí. Tổ trưởng quản lý về học tập và tổ trưởng quản lý về đời sống của mỗi tổ hàng ngày phải liên hệ một lần với uỷ viên học tập và uỷ viên sinh hoạt để báo cáo tình hình. Các phạm nhân rất phấn khởi trước việc thành lập tổ chức này, họ cảm thấy đây là một bằng chứng nói lên niềm tin tưởng của phía trại đối với việc cải tạo chúng tôi, và có một số phạm nhân càng nhận thức được cải tạo tư tưởng chính là công việc của bản thân mình. Về sau sự thật đã chứng tỏ tổ chức này có tầm quan trọng đối với việc cải tạo cho chúng tôi. Song, trong đoạn thời gian Ban học tập mới thành lập, tôi lại có sự suy nghĩ khác với mọi người. Trong số 5 uỷ viên này có hai người thuộc gia tộc của tôi: lão Vạn làm uỷ viên chủ nhiệm và cậu Thụy làm uỷ viên quản lý về đời sống. Họ là những người khi tôi giác tôi chẳng hề chữa mặt và khiến tôi không còn chỗ dung thân được nữa.

Ban học tập thành lập không bao lâu thì thông qua một nghị quyết: làm một sân vận động. Sân vận động mà chúng tôi thường sử dụng trước đây là do các tội phạm chiến tranh Nhật Bản xây đắp, bây giờ chúng tôi phải san bằng một mảnh đất để làm sân vận động của trại 1 chúng tôi. Tiêu Thụy là người chịu trách nhiệm tổ chức lao động đợt này. Ngày đầu lao động tôi đã bị nó sạt cho một chập ngay trước mặt mọi người. Chẳng là lúc xếp hàng điểm tên, tôi quên mất là vì việc linh tinh gì đấy và cũng như mọi khi lại đến muộn hơn mọi người. Tôi vừa cài khuy áo vừa chạy tới hàng ngũ, thỉnh thoảng nghe thấy tiếng gọi: “Phổ Nghi!”.

“Tôi rồi tới rồi!” Tôi lên tiếng và chạy vội đến cuối hàng.

“Lần nào tập hợp ông cũng đến muộn, từng này người phải chờ có một mình ông, thật không tự giác tí nào cả!”. Tiêu Thụy đành mặt lại lớn tiếng xoi mồm: “Ông hãy nhìn từ trên xuống dưới xem đã, ăn mặc lôi thôi lóc thóc thế ư? Trông khuy kia, cài vậy hử?”. Tôi cúi xuống nhìn qua một lượt, thì ra khuy này đã cài vào với lỗ khuy nọ! Lúc ấy cả đội ngũ đều quay đầu lại nhìn tôi, ngón tay cứ run run lần mãi vẫn chưa mò được khuy áo.

Thậm chí tôi còn lơ là sổ ghi chép về buổi họp kiểm điểm về đời sống đến tay bọn chúng, chúng sẽ ghi thêm vào vài dòng ghi chú không có lợi cho tôi. Đạo ấy những buổi họp kiểm điểm về đời sống của tổ chúng tôi đã rất ít hiện tượng hoặc cãi vã lung tung hoặc tăng bốc một chiều như trước nữa, mà có thể họp với nhau ăn nói có chừng có có, ít nhất là mọi người có thái độ tương đối thận trọng so với trước. Nguyên nhân thứ nhất là vì có một ít nhận thức về cải tạo, nên bắt đầu tích cực lên; nguyên nhân khác là cái lỗi kiểm điểm kiểu gãi ngứa như trước kia thì giờ đây không thể nào thông qua được sau khi lên đến Ban học tập. Lúc này do mọi người hoàn toàn không chữa mặt khi phát biểu về tội, và nhất là trong số đồng bạn mới được sắp xếp vào tổ tôi lại có người hiểu rõ tôi nhất và lại làm tổ trưởng tổ sinh hoạt nữa, vì vậy tôi cảm thấy các buổi họp kiểm điểm về đời sống đã khiến tôi có sự thay đổi. Người khác phê bình khuyết điểm của tôi thì Lý lớn lại giới thiệu và phân tích thêm, thế là càng đánh trúng chỗ hiểm của tôi điểm trúng căn bệnh của tôi. Có thêm Lý lớn phân tích và giới thiệu, lại qua ghi chú của lão Vạn và tiêu Thụy trong Ban học tập, thì tôi còn ra cái thẳng gì nữa?!

Trước đây hề bị kích thích từ bên ngoài, tội thấy chán nản và thất vọng vô cùng, nhiều khi tự oán trách mình, cho là mình làm mình phải chịu, nhiều khi lại oán hận trời đất, ghét bỏ người đời, oán cả vận mệnh, giận người khác cố tình làm khó dễ mình. Trước đó nữa thì oán hận Đảng Cộng sản, oán hận Chính phủ nhân dân, oán hận trại quản lý. Lúc này tôi tuy cũng oán trời trách người, song cũng giận mình hơn và không còn có cơ gì để oán hận Đảng Cộng sản, Chính phủ và trại quản lý nữa. Trong thời tự giác và nhận tội, sau khi tôi xem tài liệu tố giác của người khác viết về tôi, tôi biết những điều mà tôi không muốn để cho người ta biết thì lúc này đã lộ tẩy hết, và phía chính phủ trước đây vốn không biết nay cũng biết tởm rồi, họ sẽ không ngờ tôi lại là con người như thế, theo đạo lý nếu không trả thù thì cũng sẽ vứt bỏ ý định cải tạo tôi. Song, từ nhân viên kiểm sát, trưởng trại cho đến nguyên soái vẫn nói với tôi là phải cố gắng học tập và cải tạo, trở lại làm người, hơn nữa ý nghĩ đó đã được xuyên suốt tư tưởng của tất cả nhân viên công tác, thể hiện trên mọi sự việc cụ thể.

Sân vận động làm xong, Ban học tập lại quyết định tổ điểm thêm sân vườn, trồng cây, trồng hoa, nhổ cỏ, san lấp hồ, chuẩn bị chào mừng ngày lễ mừng 1 tháng 5. Mọi người ai nấy đều vui vẻ, hăng hái lao động. Lúc đầu tôi tham gia công việc lấp hồ, nhân viên trông coi họ Giang nói mắt tôi kém, sợ ngã xuống hồ, bèn đòi cho tôi đi nhổ cỏ. Tôi được phân công nhổ cỏ bên một mảnh vườn hoa, nhổ được một lúc thì lão Chính người dân tộc Mông Cổ bước tới, bắt thần giật phăng mấy “cọng cỏ” từ trên tay tôi vừa mới nhổ xong quát lên:

- Ông nhô cái gì đấy hử? Hử?
- Chả bảo là tôi nhỏ cò ư?
- Đây là cò à? ông thật biết chọn nhỉ, nhỏ rất là cây hoa con!

Và tôi lại trở thành tiêu điểm hứng mọi ánh mắt về mình. Tôi cảm đầu gối như phồng, thật là chỉ mong cả hoa lẫn cò trên quả đất này phút chốc tiêu tan hết cho rồi.

- Ông thật là đồ vô dụng! - Lão Chính cầm lấy cây hoa chõ vào mặt tôi mà nhיעc.

Vừa lúc ấy, nhân viên trông coi họ Giang bước đến, tiếp lấy cây hoa con từ tay lão Chính xem qua rồi vứt xuống đất:

- Anh mắng ông ấy làm gì vô ích, anh phải giúp đỡ ông ấy, bảo cho cách nhỏ thì lần sau ông ấy mới không làm được chứ!

- Thật không ngờ vẫn có người không phân

biệt được hoa nữa - lão Chính mĩa mai.

- Thì tôi trước đây cũng thật không ngờ mà, nói làm chi nữa. Bây giờ chúng ta đã trông thấy rồi thì phải nghĩ cách giúp đỡ ông ấy chứ!

Hồi trước, ba chữ “thật không ngờ” trong óc tôi nó cứ gắn liền với các kết luận đáng sợ: “Thật không ngờ Phở Nghi giả dối đến thế, xấu xa đến thế! Hết cái tạo được!”, “Thật không ngờ Phở Nghi có nhiều người thù ghét đến thế! Chết đi cho xong”. Nhưng giờ đây cũng đằng sau ba chữ “thật không ngờ” ấy, tôi lại được nghe “bây giờ chúng ta đã trông thấy rồi thì phải nghĩ cách giúp đỡ ông ấy chứ”.

Vả lại không chỉ nghe thấy một lần, không phải chỉ nghe thấy từ miệng một người, và cũng không phải nghe nói chỉ giúp đỡ một mình tôi.

Một hôm, cái kính đeo của tôi lại hỏng. Tôi do dự mãi, cuối cùng vẫn chỉ còn cách tìm đến nhờ Lý lớn chữa hộ:

- Cậu giúp hộ tôi cái, - tôi nói với giọng rất nhẹ - tôi chữa mãi vẫn không xong, người khác cũng chẳng khéo tay gì mấy, nhờ cậu chữa hộ vậy.

- Ông còn bảo tôi hầu ông à? - Lý lớn trợn trừng - bộ tôi hầu hạ ông còn chưa đủ hay sao? Ông sai bảo người ta vẫn chưa đủ à? - Dứt lời cậu ta hăm hăm nét mặt, từ phía bên này bàn vòng sang bên kia bàn định bỏ đi.

Tôi đứng lạng người, âm ức chỉ muốn đập đầu vào tường cho xong.

Chưa đầy hai phút, vẫn nét mặt hăm hăm ấy Lý lớn quay trở lại tiếp lấy kính đeo của tôi nói:

- Được, chữa hộ ông, nhưng tôi phải nói trước không phải vì cái gì khác, mà là vì giúp ông trong cái tạo. Nếu không phải là vì điều này thì tôi chẳng hơi sức đâu!

Hôm sau, nhân giờ nghỉ, tôi tới thư viện nhỏ mới xây dựng xong định tâm đạo bước một mình cho khuây khoả, bất chợt gặp Phở Kiệt cũng ở đây. Tôi tâm sự với Phở Kiệt rằng mấy người trong dòng họ đã có thái độ không tốt đối với tôi, làm tôi tủi nhục mất ngủ suốt đêm. Phở Kiệt nói: “Sao anh không tâm sự với phía bên trại?” Tôi nói: “Nói gì bây giờ? Trước đây người ta đã bị tôi làm khổ nhiều rồi, tất nhiên phải căm thù tôi chứ.” Phở Kiệt nói: “Em nghe nói phía bên trại cũng từng khuyên dẫn họ, không nên nhớ mãi hận cũ, mà phải giúp đỡ anh.” Lúc ấy tôi mới hiểu vì sao Lý lớn lại quay trở lại.

Đạo ấy tôi chia sự giúp đỡ làm hai loại: một loại là bằng hành động, y như Lý lớn chữa kính hộ tôi và người khác khâu chặn đệm hộ tôi sau khi tôi tháo giặt và phơi khô, nếu không tôi sẽ phải khâu mất trọn một ngày, và như vậy sẽ ảnh hưởng hoạt động của tập thể; một loại khác là bằng lời nói, tôi coi những lời phê bình của người khác đối với tôi quy vào loại này. Phía bên trại thường nói, phải thông qua phê bình và tự phê bình, trao đổi ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng tôi ít khi nào “giúp đỡ” người khác như vậy hơn nữa đạo đó càng không muốn nhận “sự giúp đỡ” của người khác. Tóm lại, mặc dù Lý lớn nói mục đích chữa kính đeo hộ tôi là giúp tôi cải tạo mặc dù phía bên trại nói phê bình là một hình thức hỗ trợ trong việc cải tạo tư tưởng, song tôi vẫn chưa nhận thức được bất kỳ loại giúp đỡ nào có quan hệ gì đối với tôi trong việc cải tạo tư tưởng và trở lại làm người. Hơn nữa, tôi cho rằng chữa kính đeo hoặc khâu chặn đệm cho tôi, chỉ có thể nói lên tôi là một thằng vô dụng, bị người đời khinh ghét, phê bình tôi chỉ có thể càng bộc lộ vết thương và nỗi đau khổ của tôi mà thôi. Không giúp đỡ còn hơn, càng giúp tôi càng không có mặt mũi nào mà làm người nữa.

Mỗi khi nói đến “làm người”, nhân viên chính quyền bao giờ cũng liên hệ đến “cải tạo tư tưởng” và “rửa lòng, rửa mặt”. Song, tôi cứ nghĩ đến cái “mặt mũi” của tôi, cứ nghĩ rồi đây những

người trong dòng họ và trong xã hội sẽ đối xử với tôi như thế nào, có dung thứ cho tôi không? Thậm chí tôi nghĩ dù cho Đảng cộng sản và Chính phủ nhân dân có cho phép tôi sống ở trên đời đi nữa, nhưng vào xã hội vẫn chưa chắc sẽ được yên lành; dù cho không có ai đánh đập tôi, nhưng cũng sẽ có người chửi rủa tôi.

Mỗi khi nói đến cải tạo tư tưởng, nhân viên phía bên trại vẫn thường nói: Hành động của con người đều do một tư tưởng nhất định chi phối, vì vậy phải tìm cho ra gốc rễ tư tưởng phạm tội và giải quyết căn bản về mặt tư tưởng, thì mới không phạm tội nữa. Song tôi lại cứ nghĩ bụng, những việc mà trước kia tôi làm nhất quyết là sau này không bao giờ làm nữa, nếu nhân dân nước Trung Hoa mới dung thứ tôi tôi sẽ bảo đảm vĩnh viễn không tái phạm, hà tất cứ phải truy tư tưởng làm gì?

Tôi cho vấn đề “làm người” chủ yếu là ở chỗ: người khác đối xử với tôi như thế nào, chứ không phải tôi phải làm như thế nào! Nhưng trại thì lại nói với tôi: Nếu như cải tạo tốt thì sẽ được nhân dân khoan hồng, cải tạo không tốt hoặc không chịu cải tạo thì nhân dân sẽ không dung thứ. Tóm lại, vấn đề vẫn là ở mình.

Phải nói là tôi hiểu được một chút ít về vấn đề làm người là sao biết bao ngày tháng khổ não và từ một sự việc nhỏ bắt đầu.

Vấn đề là ở mình

Chủ nhật, chúng tôi giặt quần áo như thường lệ. Tội vừa giặt xong thì tới giờ bắt đầu hoạt động thể dục thể thao, tôi không có bụng dạ nào đi chơi, bèn đến thư viện nhỏ định xem sách một mình. Mọi ngời xuống thì nghe thấy bên ngoài có tiếng người nói chuyện:

- ... Các cậu đều quen biết chơi quần vợt hay sao?
- Tôi không biết chơi, cậu tìm Phô Nghi đi, ông ta biết chơi đấy.
- Ông ta biết chơi nhưng không chơi được đâu vì chẳng biết đến kiếp nào ông ta mới giặt xong mớ quần áo của mình.
- Đạo này ông ta giặt nhanh hơn trước rồi.
- Tôi chẳng tin.

Thật tức chết người được. Rõ ràng là tôi đã giặt xong cả rồi, và lại quần áo cũng chẳng ít ỏi hơn chúng nó, vậy mà vẫn còn có người không tin, chẳng lẽ trời sinh ra tôi không có được một chút tiến bộ nào hay sao?

Tôi tìm lấy vợt và bước ra sân. Không phải tôi muốn chơi quần vợt, mà đúng hơn là để mọi người trông xem có phải tôi đã giặt xong quần áo hay chưa?

Ra tới sân quần vợt, tôi không tìm được người nói chuyện ban nãy, và vừa đúng gặp một cậu đang muốn chơi bóng, tôi bèn chơi với cậu ta một vài ván. Dần dà một số người đến xem, tôi chơi rất hứng thú, mồ hôi vã cả người.

Chơi xong đang rửa tay bên máy nước thì gặp trưởng trại- Chủ nhật gặp trưởng trại không phải là hiếm, vì chủ nhật ông vẫn thường đến.

- Phô Nghi, ông hôm nay có tiến bộ đấy.
- Lâu lắm rồi tôi chưa chơi. - Tôi hơi đặc ý.
- Không, tôi nói là nói cái này này, - trưởng trại chỉ dấy quần áo treo trên dây phơi, - vì ông có tiến bộ, thời gian giặt quần áo không nhiều hơn mọi người vì thế ông có thể nghỉ ngơi như mọi người, hưởng thụ được cái vui trong hoạt động thể dục thể thao.

Tôi vội gật đầu, và cùng dạo với ông trong vườn.

- Hồi trước, người khác đều nghỉ ngơi, đều tham gia hoạt động văn nghệ, vui chơi giải trí, còn ông thì vẫn bận túi bụi, không bình đẳng được như mọi người, trong bụng rất tủi, bây giờ ông đã biết giặt giũ, mới có sự bình đẳng về mặt này với mọi người, trong bụng tất nhiên thấy vui. Và như vậy, mâu chốt của vấn đề vẫn là ở mình. Chẳng cần phải lo lắng người khác đối xử với mình ra sao.

Ngưng một lát, ông cười nói tiếp:

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã biến ông từ vua trở thành một người tù. Ngày nay, trong

tư tưởng ông lại xảy ra một cuộc chiến tranh lớn. Cuộc chiến tranh lớn này là phải biến vua thành một người lao động bình thường. Ông đã hiểu được chút ít về bản chất của vua, song, cuộc chiến tranh này chưa kết thúc, ông vẫn chưa cảm thấy bình đẳng như mọi người, phải tự hiểu mình mới được.

Sau khi trưởng trại về, tôi nghĩ rất lâu. Tôi thừa nhận một nửa lời nói trước: xem ra thì vấn đề quả thật là ở mình; nhưng một nửa lời nói sau thì khó mà tiếp nhận được, vì chẳng nhẽ tôi vẫn khư khư giữ cái bộ tịch của vua hay sao?

Song, chỉ cần thừa nhận nửa lời trước thì nửa lời sau cũng dần hiểu được, vì thực tế trong đời sống đã giải đáp vấn đề này. Thật đúng như trưởng trại đã nói, “cuộc chiến tranh” này chưa kết thúc.

Hôm đó sau khi tổ tôi quét dọn xong rác mới về đến buồng, uỷ viên sinh hoạt phê bình chúng tôi:

- Các ông rửa tay xong không đóng máy nước để máy nước cứ chảy ròng, thật là vô trách nhiệm, bận sao phải để ý đấy.

Nghe xong, Lý lớn lập tức hỏi tôi:

- Phở Nghi, hình như ông là người rửa tay cuối cùng thì phải?

Tôi ngậm chốc lát, ừ nhỉ, đúng là mình:

- Có lẽ tôi quên đóng vòi nước thật chẳng?

- Ông bao giờ mà chả quên.

- Cũng có lúc không quên

Có tiếng cười giòn tan, trong đó có lão Nguyên. Lão hỏi:

- Như vậy là cũng có lúc ông quên, và đã mấy lần quên không đóng máy nước chứ gì?

Tôi phớt lờ hần ta. Lý lớn nói với tôi với vẻ hăm hăm:

- Ông thật không biết xấu hổ, có biết là thói quen đó từ đâu mà có không? Đó là thói quen hồi ông làm vua, ắt hẳn hồi trước ông không bao giờ tự tay đóng máy nước cả thì phải. Đến cái nắm tay mở cửa ông cũng chẳng bao giờ cần mớ đến mà, chả là sẵn người khác mở cửa đóng cửa cho ông mà. Cho tới bây giờ ông ra vào cửa, chỉ mở thôi, có thấy ông đóng bao giờ đâu. Chỉ vì cái bộ tịch vua của ông tới nay vẫn chưa bỏ được đó!

- À, tôi nhớ ra rồi, - lão Nguyên nói - nhiều lúc tôi thấy ông lấy giấy báo đệm tay gài kéo then cửa, ấy là cái nghĩa lý gì?

- Sợ bạn à, phải không? - Lý lớn nội chen.

- Chỗ ấy mọi người đều mớ đến, bạn ôi là bạn.

Câu nói chế giễu ấy tức thì làm cho một số người càng bất mãn, mỗi người một lời ầm cả lên:

- Sa người ta không sợ bạn, chỉ mỗi ông là sợ bạn, hử?

- Chả nhẽ để mỗi mình ông ăn ở sạch sẽ, còn người khác thì đáng đời hay sao?

- Ông sợ của bạn hay là sợ người khác bạn, hử?

- Có phải ông cao cấp hơn người khác không? Có quyền coi thường mọi người à?

Tôi bất buộc phải cố hết sức giải thích, rằng quả thật là không có ý khinh ghét người khác. Song tôi cảm thấy rất khổ não, sao mình lại vậy nhỉ? Mình đã nghĩ thế nào nhỉ? Sạo cứ là không giống như mọi người. Sau đó lại có người nói đến lần đi tắm, tôi thường nhảy xuống bể tắm trước tiên, chờ khi người khác xuống thì tôi lại nhảy lên ngay. Lại có người nhắc đến hội còn ở Liên Xô, ngày tết thường gặp “xúi cảo” trước vào bát ăn và chỉ ăn bát đầu tiên thôi. Nghe nhắc lại những sự việc lật vật mà tôi không bao giờ để tâm tới, khiến tôi phải ngẫm nghĩ về lời Lý lớn phân tích:

- Có gì đâu Phở Nghi vẫn chưa bỏ cái vẻ làm vua mà!

Giờ đây nghĩ lại, Lý lớn hỏi bấy giờ thật là một giáo viên rất nghiêm khắc đối với tôi. Hồi đó dù cậu ta có nghĩ gì đi nữa, nhưng lời nói của cậu ta bao giờ cũng làm tôi phải suy nghĩ đến những lý lẽ mà ngày thường tôi đã không nghĩ tới. Cuối cùng tôi không thể nào không thừa nhận là những điều làm tôi khổ não phần lớn là phải tự trách mình.

Một hôm, lúc súc miệng rửa mặt buổi sáng, Lý lớn nhắc nhở mọi người phải để ý đừng để nước súc miệng nhỏ giọt xuống đất, nếu nhỏ xuống đất thì phải chùi ngay, vì hôm nay kiểm tra vệ sinh. Đây là thi đua, bản một tí thì trừ điểm.

Tôi cúi xuống nhìn chỗ mình thấy có nhiều giọt thuốc đánh răng rơi dưới chân. Tôi cho là cũng không nom thấy rõ lắm, chưa coi là bẩn được. Lý lớn đi tới thấy vậy bảo tôi chùi ngay. Tôi lấy gót giày đập qua loa cho xong chuyện.

Tối giờ kiểm tra vệ sinh, tổ kiểm tra liên hợp gồm các tổ trưởng sinh hoạt và cậu Thụy uy viên sinh hoạt của Ban học tập lần lượt vào từng buồng kiểm tra và cho điểm theo tiêu chuẩn đã bàn trước. Khi kiểm tra tới buồng chúng tôi, tổ kiểm tra phát hiện vết thuốc đánh răng tôi chưa xoá sạch còn dính dưới đất, cho là vết bẩn và trừ mất vài điểm. So với các tổ, tổ chúng tôi đạt điểm khá, song Lý lớn không vì vậy mà quên vết bẩn kia, cậu ta cầm giẻ lau đến, vừa vào buồng đã hỏi tôi ngay:

- Tại sao ông không lấy giẻ lau mà chùi?
- Tôi không nghĩ đến...
- Không nghĩ đến? - Lý lớn to tiếng - thế ông nghĩ những gì? Ngoài ông ra, ông còn thêm nghĩ gì khác nữa! Ông chẳng thêm nghĩ đến tập thể! Trong óc ông chỉ nghĩ đến quyền lợi, chứ có nghĩ đến nghĩa vụ đâu!

Vừa nói, cậu ta vừa định chùi, bỗng thay đổi ý nghĩ, chìa giẻ lau cho tôi nói:

- Ông nên tự giác một chút, chùi đi!

Tôi ngoan ngoãn làm theo mệnh lệnh của cậu ta.

Từ khi ở Triều Tiên và Đông Bắc Trung Quốc phát hiện bom vi trùng của đế quốc Mỹ và toàn quốc đẩy mạnh phong trào vệ sinh yêu nước, trại giam mỗi năm định kỳ tổ chức mấy đợt tổng vệ sinh quy mô lớn diệt ruồi, muỗi, chuột... Hoạt động này đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc, đáng kể là sự việc xảy ra giữa tôi và Lý lớn trong một lần diệt ruồi.

Lần ấy, Lý lớn đem lại mấy chục vỉ ruồi, không đủ chia, có nhiều người nhanh tay mạnh ai nấy lấy. Tôi không chủ động, nhưng Lý lớn đưa cho tôi một cái trước. Lần ấy là lần đầu tiên tôi cầm cái thứ này, dường như có cảm giác ngò ngò, thú thực là tôi chưa hề đánh chết một con ruồi bao giờ cả!

Lúc bấy giờ, trong trại giam đã không còn bao nhiêu ruồi nữa, nếu như theo tiêu chuẩn ở “kinh đô mới” (65) thì có thể cho là tiết rồi. Tôi tìm hồi lâu mới thấy một con đang đậu ở thành cửa sổ cửa sổ đang mở, tôi bèn lấy chiếc vỉ ruồi huơ một cái xua nó bay ra khỏi cửa sổ.

- Ông làm cái trò chi thế? - Lý lớn ở đằng sau lưng hét - diệt ruồi hay phóng sinh hử?

Người khác có lẽ tưởng cậu ta nói đùa, nhưng tôi thì tôi biết ý của cậu ấy. Bất giác tôi đỏ mặt, vẻ không tự nhiên:

- Ai mà phóng sinh làm gì? - Tuy trả lời vậy, nhưng trong bụng tôi cũng nghĩ sao mình kỳ quặc thế sao lại xua nó bay mất nhỉ?
- Ông không sát sinh là sợ báo ứng gì? - Cậu ta trợn tròn mắt chất vấn. Tôi đuối lý, nhưng vẫn cố biện bạch:
- Báo ứng gì chứ! Ruồi tự nó bay đó chứ!
- Thì ông cứ tự suy nghĩ đi!

Buổi họp kiểm điểm tối hôm ấy lúc đầu mọi người không để ý gì đến chuyện này, nhưng sau được Lý lớn giới thiệu, mọi người đều biết hỏi tôi ở Trường Xuân từng ra lệnh không cho phép đánh ruồi và câu chuyện có lần thì bao nhiêu người moi con chuột từ trong miệng mèo đang tha ra, ai nấy được một trận cười tức bụng. Cười xong, mọi người đều phê bình óc mê tín của tôi. Tôi tiếp thu, nhưng buột mồm lại nói:

- Tôi mà vẫn còn mê tín à? Năm ngoái tôi chẳng đập ruồi đó sao?
- À tôi nhớ ra rồi! - Lão Nguyên không nhịn được cười - ông không nói năm ngoái thì tôi cũng chẳng nhớ tới. Tôi nhớ là năm ngoái ông nhường vỉ ruồi cho người khác, còn mình thì lấy tờ báo quạt lia lia, ruồi bị ông xua bay mất hết còn đâu nữa mà đánh nữa!

Chỉ có Lý lớn vẫn hăm hăm nét mặt trong tiếng cười chế giễu:

- Người khác phóng sinh để làm gì thì tôi không dám nói, nhưng ông phóng sinh thì tôi biết rõ, ông hoàn toàn là người ích kỷ, với cái giá như vậy muốn được phật tổ phù hộ. Người khác có thể chết hết, chỉ độc mình ông phải bảo hộ, vì ông coi ông là người cao quý nhất mà!
- Cậu nói hơi quá đáng! - Tôi cự lại.
- Phô Nghi cũng có lúc rất tự ti. - Lão Nguyên nói.
- Đúng thế! - Tôi ngắt lời - bất kỳ là điểm nào, tôi cũng tự thấy kém cỏi hơn mọi người.
- Có lẽ có lúc tự ti - Lý lớn tỏ vẻ đồng ý, nhưng lại nói tiếp - có lúc ông lại tự coi mình cao quý hơn mọi người, quan trọng hơn mọi người. Sao ông lại vậy, thật tôi chẳng hiểu.

Thật sự thì dần dần tôi cũng đã tự hiểu ra. Vì tôi đã sống 40 năm mãi tít ở trên, nay bỗng rơi xuống đất bằng, nên cứ cảm thấy oan uổng, bức dọc, thậm chí không phục; và cũng có nhiều sự thật đã chứng tỏ tôi thật sự không bằng người, nên lại cảm thấy nản lòng, hồi hận, tự ti và bi quan. Tóm lại,

cái thể của tôi đã bị đánh tan, nhưng thước đo của tôi đối với bên ngoài vẫn còn lại ở trong tôi. Sở dĩ tôi nhận thức được điều này là vì sau này tôi đã phát hiện có những người mà tôi đã khó lường được theo như thước đo của tôi. Trước khi nhận thức được điều này, trong đoạn thời gian cùng ở với Lý lớn, tôi chỉ hiểu được lời nói của trưởng trại, dần dần hiểu được quan hệ giữa mình với người khác là không bình đẳng, chính vì thế nên người khác mặc cảm với tôi, và tôi không được người khác đối xử bình đẳng và tôn trọng. Nói tóm lại thì vấn đề là ở mình. Cho tới khi tôi tận mắt thấy những người không thể lường được và chịu ân huệ của họ, thì tôi càng hiểu rõ tôi là người như thế nào.

Gặp gỡ người thân

Nhân dân có thể khoan dung, vấn đề là ở bản thân mình có “làm người chính đáng” hay không - qua cuộc tham quan (66) tôi đã hiểu đạo lý này và vẫn không chỉ là đạo lý này. Trước đó, tức là ngày bắt đầu đi tham quan, tôi còn bằng con mắt cũ xem xét chính phủ ngày nay quan hệ với quần chúng như thế nào, cho rằng bất cứ chính phủ nào quan hệ với nhân dân cũng không tin cậy lẫn nhau như những điều nói trên sách. Tôi luôn cho rằng Đảng Cộng sản có quân đội lớn mạnh và chính phủ có hiệu lực như vậy là kết quả của thủ đoạn “cao minh” và khéo “lấy lòng người”. Cũng do cách nhìn nhận như vậy, tôi lo rằng khi quần chúng bị kích động sẽ hy sinh tôi.

Hiện nay tôi hiểu rõ, nhân dân sở dĩ ủng hộ Đảng thực ra là do Đảng Cộng sản làm nhiều việc tốt cho nhân dân. Những việc tốt đó, bất cứ triều đại nào trong lịch sử đều không thể và cũng không muốn làm. Thiết kế nơi nghỉ ngơi cho công nhân mỏ trước kia gọi là “những tên nhọ nhem”, độc toàn bộ tinh lực của tổ chức đảng tuyên chiến với hơi (Gas) để đảm bảo an toàn cho công nhân, biến “Đại quan lữ quán” thành nơi đánh cờ, thưởng hoa, ngắm cảnh, để 80% chàng trai độc thân từ “phòng lớn” chuyển về nhà ở mới, xóa bỏ cái sông bạc, ô nhiễm hút tòn tại hàng thể kỷ nay... Có chính phủ nào có thể và dám làm những việc đó.

Trước kia, có lúc tôi cũng nghĩ: có lẽ trong xã hội mới chỉ có người nghèo mới được lời, còn những người giàu có, những người có địa vị trong xã hội cũ, những người họ hàng với những người như tôi cho đến các dân tộc thiểu số ngoài người Hán e rằng không thể nói là hài lòng. Sau khi tham quan không lâu, mắt thấy những người thân thuộc của mình, tôi mới thấy rõ đó là cách nhìn lỗi thời.

Từ mùa hè năm 1955, chúng tôi bắt đầu được thông tin với những người thân thuộc của mình. Qua thư nhà, mọi người biết rằng những người thân thuộc của mình không bị khinh rẻ vì những tội phạm của chúng tôi, biết rằng các con cái người đi học, người đang công tác, có người trở thành chuyên gia, có người tham gia đoàn thanh niên, thậm chí có người tham gia Đảng Cộng sản. Nhiều người, qua thư nhà được khích lệ rất lớn, càng thấy ý nghĩa của sự thay đổi xã hội đối với bản thân mình.

Ngày 10 tháng 3, tức ba ngày sau khi đi tham quan, nhân viên coi giữ báo cho tôi và Phô Kiệt cùng với chồng, em ba, em năm và ba cháu đến chỗ trưởng trại. Chúng tôi vào phòng khách của trưởng trại, ở đây bất ngờ trông thấy chú bảy Tải Đào cùng em ba, em năm từ hơn 10 năm cách xa không gặp.

Nhìn thấy em ruột khỏe mạnh như xưa và các em gái mặc áo dài cán tôi như bước vào cõi mộng.

Tải Đào là người duy nhất còn lại của chi trưởng họ tôi. Trong cuộc bầu cử năm 1954, chú được bầu làm đại biểu đại hội nhân dân toàn quốc thay mặt cho 2 triệu dân tộc Mãn, đồng thời là ủy viên Ủy ban chính trị hiệp thương toàn quốc. Chú nói với tôi: trước mấy ngày đi thăm tôi, tại hội nghị lần thứ hai đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, thủ tướng Chu Ân Lai đã giới thiệu chú với chủ tịch Mao Trạch Đông: “Đây là ông Tải Đào, chú ruột Phô Nghi”. Chủ tịch Mao đã bắt tay chú, nói: “Nghe nói Phô Nghi học tập tốt, ông có thể đi thăm họ”.

Nói đến đây, giọng chú bảy nghẹn ngào, tôi không cầm được nước mắt...

Từ cuộc gặp gỡ người trong gia tộc, tôi hiểu rõ không những tôi được cứu vãn mà cả dân tộc Mãn và tộc họ Ái Tân Giác La cũng được cứu vãn.

Chú bảy nói với tôi: trước giải phóng, nhân khẩu tộc Mãn đăng ký là 8 vạn người, còn ngày nay, con số tăng gấp 30 lần.

Tôi biết rõ ý nghĩa của sự thay đổi số liệu này. Tôi biết, sau cách mạng Tân Hợi, dưới sự thống trị của chính phủ Bắc Dương và chính phủ Quốc Dân Đảng, số phận người Kỳ như thế nào. Khi đó, người tộc Mãn nếu không mạo nhận là người tộc Hán sẽ rất khó tìm việc làm. Bắt đầu từ đó con cháu họ Ái Tân Giác La tới tập lấy họ Kim. Sau giải phóng thừa nhận bản thân mình là dân tộc thiểu số ngày càng nhiều. Sau khi Hiến pháp được công bố, toàn thể tộc Mãn đều đăng ký do đó mới có 2 triệu 40 vạn, đây là con số bất ngờ ngay với người tộc Mãn.

Sự thay đổi mang tính lịch sử này bao hàm thế hệ sau của họ Ái Tân Giác La, bao hàm cả “Tải bồi lạc”, “Tam các các”, “ngũ các các” trước kia.

Chú bảy năm đó là 69 tuổi, khoẻ mạnh minh mẫn, hầu như tôi không nhìn thấy vẻ già nua của ông. Tôi thậm chí cảm thấy thói quen nói chuyện của ông và tôi cũng không có gì thay đổi. Sau giải phóng, bằng tuổi gần “xưa nay hiếm” của mình, ông tham gia công tác của quân giải phóng ở cao nguyên Tây Bắc.

Khi nói đến những hoạt động này mặt ông lộ vẻ phấn chấn. Ông cho biết, ông đang dự định xuống địa phương thị sát công tác của dân tộc thiểu số để làm tròn trách nhiệm của đại biểu quốc hội. Nói đến đây, mặt ông càng rạng rỡ.

Khi quân giải phóng vừa mới tiến vào thành phố Bắc Kinh, nhiều di lão tộc Mãn rất lo lắng đặc biệt là những người thuộc họ Ái Tân Giác La.

Sau khi đọc chương 8 của Hiến pháp (chương này nói về chính sách dân tộc) vẫn lo lắng buồn phiền.

Những ông già này sống ở Bắc Kinh, phần lớn chưa từng làm “Tân quý” của nước Mãn Châu và Chính phủ Ưông Tinh Vệ, song cũng có người chưa quên được thân phận “thiên hoàng quý trụ” (con cháu nhà vua) của mình, chưa vứt bỏ được sự mê tín đối với tôi, vì vậy sau khi tôi trở thành tội phạm, họ càng không yên tâm, chưa từng mang “ảo tưởng” gì đối với quân giải phóng nhân dân. Điều bất ngờ đầu tiên đối với họ là nghe tin chính phủ nhân dân Đông Bắc xây dựng trường học dành cho con em tộc Mãn, sau đó lại thấy dân tộc Mãn có đại biểu bước vào Hoài Nhân Đường⁽⁶⁷⁾ cùng các giới nhân sĩ ngồi tại hội trường của hội nghị ủy ban chính trị hiệp thương toàn quốc tham gia thảo luận cương lĩnh chung. Tiếp đó, nhiều gia đình trong họ có cán bộ của chính phủ nhân dân đến thăm hỏi, mời họ làm đại biểu Ủy ban chính trị hiệp thương của địa phương, đề nghị họ bày tỏ ý kiến của mình về dân tộc Mãn, mời họ cống hiến tài năng cho công cuộc xây dựng xã hội mới.

Tại Bắc Kinh, con cháu cụ nội tôi (vua Đạo Quang) cũng như con cháu ba chi Thuần Thân Vương, Cung thân Vương và Đôn thân vương đời chữ Phô, ngoài mấy em con chú bảy còn tương đối trẻ, những người khác đều đã trên 60 tuổi. Anh tôi là Phô Cận (tự Tuyết Trai) là cháu. Thuần thân Vương Dịch Tôn, (con Bồi Lạc Tải Doanh) giỏi hội họa, thư pháp và cô cầm (đàn Cổ) khi đó đã hơn 60 tuổi. Ông không ngờ một hôm bên bờ Bắc Hải đã có thể cùng bè bạn thân thuộc say sưa thưởng thức nghệ thuật cô cầm. Ông được bầu làm phó hội trưởng Hội nghiên cứu cô cầm, Hội trưởng Hội nghiên cứu thư pháp, được mời vào Ủy ban chính trị hiệp thương một khu lại là thầy dạy ở Viện hội họa Trung Quốc. Phô Giản, em ruột Phô Cận là một họa sĩ khi đó cũng được cử làm thầy dạy ở Viện họa Trung Quốc tại Bắc Kinh. Ông già tuổi gần “xưa nay hiếm” lại vung bút truyền dạy cho thế hệ trẻ về Trung Quốc họa.

Anh em thúc bá với ông là Phô Tu đã từng làm “hành cung Càn Thanh”, khi tôi ở Trường Xuân đã từng uỷ thác cho ông quản lý và trông coi nhà cửa ở Thiên Tân, sau đó bị loà hai mắt, mất hết mọi khả năng hoạt động, cuộc sống không nơi nương tựa.

Sau giải phóng, sự từng trải cũng như tư liệu lịch sử sống trong óc của ông ấy được xã hội mới coi trọng, cử làm nhân viên Quán Văn Sử. Loại Quán Văn Sử này được thành lập khắp nơi tại Trung Quốc, trong đó các cử nhân, tú tài nhà Thanh trước, cũng có cả những người chứng kiến những sự kiện của các thời kỳ của các triều đại từ chính phủ Bắc Dương đến Tưởng Giới Thạch... Qua họ, đã thụ thập được rất nhiều tài liệu lịch sử quý báu. Anh hai Tu bị loà mắt có lòng tin với cuộc sống, đã hồi ức một cách cụ thể, chi tiết những tư liệu lịch sử triều Thanh, nhớ được đoạn nào, miệng thuật lại đoạn đó cho người khác ghi lại.

Những hiện tượng đã được xã hội mới cho là bình thường này đến với tôi lại vô cùng mới

mẽ là những tin tức tận mắt thấy sự thay đổi của các em gái tôi.

Nửa năm trước, tôi và các em trai, em gái ở Bắc Kinh đã gửi thư cho nhau, qua thư từ tôi đã cảm thấy gia tộc của tôi đang có sự thay đổi song tôi chưa từng suy xét kỹ càng về sự thay đổi đó. Trong thời ngụy Mãn, trừ em trai thứ tư và các em gái thứ sáu, thứ bảy, các em trai em gái khác đều ở Trường Xuân. Khi sụp đổ lớn đều theo tôi chạy đến Thông Hoá. Sau khi tôi làm tù binh, thường lo lắng cho các em gái mình bị khinh rẻ vì thân phận người nhà Hán gian. Chồng em hai là cháu trai Trịnh Hiếu Tế, chồng em ba, em năm, một người là em trai “hoàng hậu”, một người là em trai tham mưu trưởng của Trương Huân, cả hai đều là trung tá của ngụy Mãn. Bô chồng em tư là tri phủ Thiệu Hưng cuối triều Thanh.

Chỉ có chồng em bảy và chồng em tám là hai người học hành qui củ. Song liệu các em tôi có bị anh trai là tên Hán gian dân số lỗi xuống bần không? Đây cũng là mối lo lắng chung của những đồng phạm, sự lo lắng của tôi càng lớn hơn họ. Về sau, qua thư từ, tôi mới biết sự lo lắng đó là thừa, cũng như những người khác, các em trai em gái tôi đều có việc làm. Như con cháu người khác, con cái họ cũng đều có thể đi học, lên lớp cũng như hưởng đãi ngộ tiền học phí. Em trai thứ tư và em gái thứ bảy vẫn là giáo viên tiểu học như cũ, em gái thứ sáu làm nghề tự do - hoạ sĩ. Em gái thứ năm làm thợ may. Em gái ba là nhà hoạt động xã hội, được dân phố bầu là ủy viên bảo vệ trị an. Mặc dù các em tôi tự nấu cơm, tự chăm sóc con song qua thư, họ lộ rõ sự hài lòng, vui vẻ. Tôi yên tâm. Nay tôi gặp được họ, nghe vợ chồng họ nói về tình hình sau khi cách biệt khiến tôi nhớ lại quá khứ.

Tôi vẫn còn nhớ, lão Vạn, chồng em năm trợn mắt hỏi em năm: “Cô thật biết đi xe đạp ư? Cô lại còn biết may nữa?”. Sự ngạc nhiên của lão là có căn cứ. Ai ngờ cô “quận chúa” lúc còn nhỏ ngay chạy cũng không dám chạy, lớn lên có bao nhiêu a hoàn hầu hạ, chưa bao giờ bước vào nhà bếp, chưa bao giờ cầm chiếc kéo mà nay rõ ràng có thể đạp xe đi làm, có thể cầm kéo cắt quần áo, trở thành một nữ công nhân may mặc tự nuôi lấy mình.

Càng khiến chúng tôi kinh ngạc là cô trả lời chồng một cách thản nhiên: “Điều đó có gì là lạ? Điều đó chẳng hơn là chẳng biết làm gì cả ư?”

Cần biết rõ, nếu như trước kia cô nói như thế, không những bạn bè thân thuộc chê cười cô mà cô cũng tự thấy xấu hổ. Khi đó cô chỉ nên biết đánh phấn, đánh mặt, chườm, làm nghi lễ theo quy định; còn hiện nay, cô cầm chiếc kéo, đi xe đạp như đàn ông, sống cuộc sống mình tự nuôi mình.

Sự nếm trải của em ba so với em năm càng nhiều hơn. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, vì con ốm, cô chưa về ngay Bắc Kinh. Cô và hai cô bảo mẫu đều ở lại Thông Hoá. Tài sản không có, cô sợ số nữ trang và đồ vật còn lại cũng như thân phận của mình sẽ làm người ta chú ý. Ở Thông Hoá, cô bán thuốc lá, quần áo cũ. Trong thời gian này, cô hầu như bị bọn đặc vụ Quốc Dân Đảng lừa dối, bị bọn con buôn bịp bợm bán buôn diêm rơm cho cô. Trải qua cuộc sống không bình thường như vậy, đến năm 1948 cô mới trở về Bắc Kinh. Sau giải phóng, cô luôn luôn đi họp dân phố vì khi ở Đông Bắc, tiếp xúc với chính phủ nhân dân và quân giải phóng nhân dân, cô biết một số chính sách của chính phủ, được hàng xóm tín nhiệm cử làm công tác đường phố. Cô nói một thời kỳ công tác vui nhất là tuyên truyền luật hôn nhân mới...

Đối với người khác, sự nếm trải ấy cũng là chuyện bình thường, đối với tôi lại là sự ngạc nhiên lớn. Cuộc sống của cô trước kia còn “cao quý” hơn em năm, hàng ngày chỉ biết rong chơi, làm nũng với tôi, mỗi lần thấy tôi giữ thứ gì cho người khác đều đòi tôi “thường”... Ai ngờ, cô ba “quận chúa” kiêu sa đòi các chỉ biết cảm ơn, xin thưởng lại có thể là một nhà hoạt động xã hội. Tuy nhiên sự thay đổi đó là có thể hiểu được. Tôi hiểu, sau giải phóng vì sao cô tích cực tuyên truyền luật hôn nhân mới, vì sao cô khi đọc báo cho bà con hàng xóm cô có thể khóc. Vì tôi tin câu nói của cô: “Trước kia tôi là cái gì? là vật trang trí?”.

Ngày thứ hai gặp gỡ, vừa khéo nhận được thư em hai. Qua thư, con gái lớn của cô, học sinh năm thứ hai học viện thể dục đã trở thành huấn luyện viên xe ô tô ưu tú nghiệp dư giờ đây đã hoàn thành cuộc huấn luyện đường dài lái xe mô tô Thiển Tân - Hán Khẩu. Cô nói với tôi bằng giọng hạnh phúc: Không những cách đây 12 năm là cô tiêu thư trở thành vận động viên cấp kiện tướng mà các em khác của cô cũng là học sinh ưu tú. Khi tôi nói những điều này với em ba, em năm, các em đều lau nước mắt và nói về tình hình con cái mình. Ở đây tôi phát hiện đó mới là sự thay đổi thật sự của vận mệnh giống họ Ai Tân Giác La.

Tôi đã từng căn cứ vào bản “ngọc điệp” viết năm 1937 cung cấp tài liệu cho các em trai, em gái tôi làm một bản thống kê. Chi Thuần vương họ Ai Tân Giác La tính từ chữ Tái, tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ chưa đến tuổi thành niên cuối triều Thanh là 34 %, thời Dân quốc là 10 %, mười

năm sau giải phóng là số không. Nếu như tính tỉ lệ tử vong của tuổi vị thành niên cả nhà Ai Tân Giác La càng khiến cho mọi người kinh sợ. Chỉ tính từ đời cụ nội tôi, đời chữ Tả và đời chữ Phỏ, tỉ lệ tử vong của vị thành niên là: con trai hơn 40 %, con gái gần 50 %, cộng lại là 45 %. Trong số nhân khẩu tử vong, số trẻ dưới 2 tuổi chiếm hơn 58 %.

Như vậy, con cháu vua Đạo Quang cứ 10 người sinh ra thì bốn người rưởi tử vong, trong đó quá nửa chết lúc dưới hai tuổi.

Khi gặp gỡ chú bảy và các em gái, tôi vẫn chưa có bản thống kê này song cứ nghe các em kể chuyện về con cái mình, tôi không thể không nhớ lại vì được bà nội tôi quá yêu mà bác tôi chết đói, chị ruột tôi chết năm 17 tuổi, em trai thứ ba chết khi chưa được hai tuổi. Cũng như trong “Ngọc điệp” tôi thấy một loạt người chết “chưa có tên” (chưa kịp đặt tên đã chết). Vấn đề không chỉ ở con số tử vong và trưởng thành, dù cho mỗi đứa trẻ đến trưởng thành cũng chẳng biết làm cái gì, ngoài thất nghiệp, thất học, chẳng có tiền đồ gì. Thời đại Dân quốc, số phận con em tám kỳ phần lớn là như vậy. Lớn già, hàng ngày ngoài việc xách lồng chim đi dạo, thì uống trà từ lúc sáng sớm, uống cho đến trưa lúc ăn cơm, bữa ăn hàng chục món, ăn xong là ra oai với người nhà, ngoài ra chẳng còn biết làm gì...

Những việc như thế, tôi biết rất nhiều, nay đã hoàn toàn thay đổi. Từ cuộc gặp mặt này, tôi sâu sắc cảm thấy vận mệnh của thế hệ sau chúng tôi so với thế hệ trước khác nhau như thế nào? Sự đại ngộ mà họ được hưởng quả thật trước đây tôi không dám mong ước. Một em trai và tám em gái ở Bắc Kinh có tất cả 27 người con, ngoài số chưa đến tuổi đi học, đều đang đi học ở trường, đứa lớn nhất đã vào đại học.

Chú bảy tôi có 16 cháu nội trai, gái. Cháu đích tôn 28 tuổi là kỹ thuật viên trạm thủy điện, một cháu gái là sinh viên đại học quân y, một cháu gái đã từng tham gia quân chí nguyện, lập công cấp ba đã từ Triền Tiên về phục viên trở lại học ở trường đại học. Không một cháu nào rong chơi nhàn rỗi. Cuộc sống của lớp người thế hệ trước chúng tôi: cưỡi ngựa, thả chim ưng, xách lồng rong phỏ thật là chuyện cười dưới con mắt thế hệ mới này. Lớp người sau cũng có số phận ngoại lệ đó là con gái Phỏ Kiệt sống ở một xã hội khác. Phỏ Kiệt có hai con gái khi đó cũng theo mẹ về Nhật Bản, con lớn 18 tuổi. Chính tháng sáu lần tôi gặp gỡ người thân, con gái Phỏ Kiệt từ Nhật Bản báo một tin đau buồn: cô gái lớn, vì vấn đề yêu đương đã cùng một bạn trai tự sát. Sau đó tôi nghe đủ mọi tin đồn, dù tin đồn như thế nào, tôi vẫn tin rằng người con trai đó vẫn cùng với cháu tôi đều là những người bất hạnh.

Từ năm đó, trại quản lý không ngừng có người đến thăm người thân. Điều đáng nói là, lão Lưu, thuộc “phái hoài nghi ngoan cố” thấy con gái mình học nghệ thuật của mình và thấy con gái mang chàng rể đến. Cô con gái nói với ông ta: “Cha vẫn chưa tin ư? con ở học viện nghệ thuật! đây là bạn của con”. Lão nói: “chạ tin rồi”.

Lão Lưu hiểu rõ sự tình, lão Trương cũng hiểu rõ. Lần con gái lớn đến thăm, mang thư của con trai lớn đến, lão đưa thư cho tất cả mọi người cùng xem.

Đặc xá

Kiến nghị

Của ban chấp hành trung ương

Đảng Cộng sản Trung Quốc

Ủy ban thường vụ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc;

Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ mười ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vĩ đại, đặc xá một số tội phạm chiến tranh, tội phạm phản cách mạng và tội phạm hình sự thường đã thật sự cải tà quy chính.

Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa xây dựng chủ nghĩa xã hội nước ta đã giành được thắng lợi vĩ đại. Tổ quốc của chúng ta đã phơi phơi đi lên, sản xuất và xây dựng phát triển mạnh mẽ, đời sống nhân dân ngày càng cải thiện. Chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân

củng cố và lớn mạnh hơn bao giờ hết. Giác ngộ chính trị và trình độ tổ chức của nhân dân toàn quốc nâng cao hơn bao giờ hết. Tình hình chính trị và kinh tế của nước nhà rất tốt. Chính sách thực hành trừng trị kết hợp với khoan hồng, lao động cải tạo với giáo dục tư tưởng của Đảng và nhân dân đối với phần tử phản cách mạng cũng như các tội phạm khác đã giành được thành tích vĩ đại. Số đông các loại tội phạm đang bị giam giữ đã được cải tạo với mức độ khác nhau, không ít người đã thực sự cải tà quy chính. Căn cứ vào tình hình này, Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận thấy rằng, nhân kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vĩ đại, tuyên bố đặc xá một loạt tội phạm chiến tranh, tội phạm phản cách mạng và tội phạm hình sự thường đã thực sự cải tà quy chính là thích hợp. Thực hiện biện pháp này sẽ có lợi cho việc biến nhân tố tiêu cực thành nhân tố tích cực, nó có tác dụng giáo dục to lớn đối với việc tiếp tục cải tạo các tội phạm này và những tội phạm còn đang bị giam giữ. Điều này sẽ khiến họ cảm thấy dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vĩ đại của chúng ta, chỉ cần cải tà quy chính thì sẽ có tiền đồ.

Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc xét kiến nghị trên, đồng thời có quyết định tương ứng.

Ngày 14 tháng 9 năm 1959

MAO TRẠCH ĐÔNG

Chủ tịch Ban chấp hành trung ương
Đảng Cộng sản Trung Quốc

Cảnh tượng vui mừng hớn hở trong trại khi nghe xong kiến nghị của Đảng Cộng sản và lệnh đặc xá của Chủ tịch nước đến nay tôi vẫn không quên.

Nhân viên phát thanh đọc xong câu cuối cùng, trước loa phóng thanh, thoát đầu mọi người im lặng phút chốc, sau đó hoan hô âm âm, tiếng hô khẩu hiệu và tiếng vỗ tay tựa như hàng vạn tiếng pháo cùng đột lên một lúc, vang lên hồi lâu.

Kể từ sáng sớm ngày 18 tháng 9, những người trong trại đều đứng ngồi không yên. Họ bàn tán xôn xao, người thì nói Đảng và Chính phủ xưa nay nói một là một, hai là hai, kẻ thì nói bây giờ thì có tiền đồ rồi. Có người nói ngày được thả gần đến rồi, có người nói đặc xá có từng đợt, có trước có sau. Có người nói có lẽ được thả hết cùng một lúc..., nhưng có người lại nói đặc xá đợt đầu nhất định sẽ có người này người nọ... Số đông người biết rõ hơn là được đặc xá hay không là xem biểu hiện cải tà quy chính ra sao, vì thế không ít người có vẻ hồi hận gần đây đã hơi buông lỏng cải tạo. Cũng có người ngoài miệng thì “khiêm tốn” nói là không đủ tiêu chuẩn, nhưng lại chuân bị một cách âm thầm, nào xếp quần áo sửa soạn, nào đột số tay không cần thiết, vứt bỏ những chiếc bút tất rách...

Lúc nghỉ, ngoài sân tiếng ồn ào. Tôi nghe thấy lão Nguyên nói với lão Hiên:

- Đợt đầu không biết có những ai nhỉ?

- Những người được thưởng trong đợt bình bầu thành tích học tập lần này chắc không thành vấn đề. Rất có thể có anh đấy!

- Tôi thế nào được? Theo tôi thì anh có thể lắm chứ.

- Tôi ấy à? Nếu mà được ra thì sau khi tới Bắc Kinh tôi nhất định sẽ gửi quà thổ sản Bắc Kinh cho các anh. Tôi thèm táo đỏ mật Bắc Kinh quá đi mất.

Từ một góc khác trong sân, tiếng “anh to cầm” kêu lên inh ỏi:

- Thả thì thả hết, không thả thì đừng thả một ai hết.

- Cậu lại mất tin tưởng rồi, - một người khác nói với anh ta - cậu sợ bị ở lại à?

- Tôi bị ở lại? - “anh to cầm” lại đỏ mặt con mắt - trừ phi còn lại Phó Nghi, nếu hấn ta không bị ở lại thì không thể có tôi bị ở lại!

Anh ta nói có lẽ đúng, chính tôi cũng nghĩ như vậy. Ngày hôm sau, phó trưởng trại hỏi tôi có suy nghĩ gì về đặc xá không? Tôi nói:

- Tôi nghĩ, tôi chỉ có thể là người cuối cùng được đặc xá nếu như tôi còn có thể cải tạo tốt được. Nhưng tôi nhất định cố gắng.

Đặc xá đối với tội phạm tức là có nghĩa họ sắp được đoàn tụ với cha mẹ vợ con, song đối với tôi lại không có quan hệ lớn lắm. Mẹ tôi đã mất từ lâu, cha tôi mất từ năm 1951, vợ cuối cùng của tôi cũng đã làm thủ tục ly dị với tôi năm 1956. Giả sử những người này còn sống, thì có ai hiểu tôi như những người trong trại không? Kể cả những người tôi quen biết từ trước đến nay, có ai như những

người ở đây có thể nói cho tôi biết đạo làm người hay không? Nếu như được thả là được tự do và “ánh sáng” thì tôi phải nói rằng, chính là ở đây tôi đã được thấy ánh sáng của chân lý, giành được tự do về nhận thức thế giới.

Đối với tôi đặc xá là được có tư cách làm người, bắt đầu cuộc sống mới thật sự có ý nghĩa.

Cách đây không lâu tôi nhận được một lá thư của lão Vạn, trong thư nói về đứa con trai của lão ta đang học địa chất, là đội trưởng đội leo núi của một trường đại học, cùng với bạn học sau khi chinh phục núi tuyết Kỳ Liên đến Tây Tạng thì vừa đúng lúc bọn chủ nô gây phiền loạn, con lão ta bèn cùng với bạn học đứng về phía nông nô chiến đấu chống bọn chủ nô phiền loạn.

Sau khi cuộc phiền loạn của chủ nô bị dập tắt, con lão ta lại cùng với bạn học tiếp tục leo núi tuyết khác. Trong bức thư đầy tự hào và hạnh phúc của lão Vạn gửi đến, mấy lần nhắc đến con lão ta may mắn được sinh trưởng trong xã hội ngày nay chứ không phải cái xã hội thật đáng nguyên rủa. Thời đại ngày nay đã mở ra con đường tương lai đầy hứa hẹn cho con lão ta. Nếu không phải là thời đại nay thì lão ta không thể nào có được người con như vậy, và lão ta cũng không có được như ngày nay. Lão Vạn bây giờ được làm công tác phiên dịch trọng cơ quan biên dịch, trở thành một nhân viên công tác, một người xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã giống như mọi người Trung Quốc chân chính rồi. Lão ta chúc tôi sớm được cùng lão ta hưởng hạnh phúc mà trước kia mọi người trong chúng tôi chưa hề biết đến. Lão tin tưởng rằng, điều này cũng chính là điều mà bản thân tôi đang ngày đêm mơ ước...

Sau khi lệnh đặc xá được công bố được một tháng, trại quản lý lại tổ chức cho mọi người trong trại 6 và trại 7 đi các nơi tham quan một lần nữa. Chúng tôi lại tới hồ chứa nước Đại Hoà Phong. Lần trước, năm 1957, khi chúng tôi tham quan hồ nước này, chỉ thấy biển người mênh mông đang hoạt động giữa lưng núi, lúc đó, qua mô hình trên bàn chúng tôi biết hồ nước tương lai này có thể chứa được 2,1 tỷ mét khối nước, có thể phòng ngừa nạn lụt lớn ngàn năm chưa từng có, và tưới được 8 vạn héc ta ruộng đất. Lần này chúng tôi tới tham quan thì công trình vĩ đại này đã hoàn thành trước đây một năm: một biển nhân tạo mênh mông hiện ngay trước mắt chúng tôi với một đập lớn cao hơn mặt đất 48 mét, mặt đập rộng 8 mét, chân đập rộng 330 mét, dài 1.367 mét. Sau đợt tham quan lần này về, Phurumi Tadayuki, tội phạm chiến tranh Nhật Bản, thứ trưởng tổng vụ ngoại Mãn đã phát biểu cảm tưởng trước toàn thể tội phạm chiến tranh tụ tập trong phòng họp của câu lạc bộ trong trại như sau: “... đứng trên đập chứa nước Đại Hoà Phong nhìn bao quanh, tôi cảm thấy nó hùng vĩ, đẹp đẽ, hoà bình, tôi cũng thấm thía rằng đó là thắng lợi của nhân dân Trung Quốc trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên và là niềm tự hào và vui mừng của họ tiếp tục chiến thắng thiên nhiên... Trông thấy hồ chứa nước này làm tôi nhớ lại chuyện cũ: hồi tôi làm vụ trưởng vụ kế hoạch bộ tổng vụ, thứ trưởng bộ kinh tế, thứ trưởng bộ tổng vụ trung thời ngoại Mãn, có lần đứng trên đập hồ chứa nước Thủy Phong nhìn cảnh lúc đó mới nghĩ đó là cuộc đấu tranh với thiên nhiên, cho rằng công trình lớn có trình độ thế giới như vậy, ở châu Á chỉ có người Nhật mới làm được, và tôi đã lấy làm hãnh diện, đã khinh bỉ người Trung Quốc cho là họ tuyệt đối không thể làm được (hồi đó, để chuẩn bị chiến tranh, rất nhiều việc không thể không làm, đã từng cưỡng bức biết bao lao động và bỏ ra nhiều vật liệu định xây dựng hồ nước Đại Hoà Phong, nhưng cuối cùng kế hoạch bị tan vỡ). Công nhân Trung Quốc quần áo rách rưới so với họ tôi cho là tôi là một giống người khác hẳn, với tư thế là người “vĩ đại, thông minh, cao thượng”, tôi coi họ với con mắt khinh thường.

“Những người lao động tại hồ nước Đại Hoà Phong ngày nay vì có niềm tràn trề, lòng hăng hái cao độ, tinh thần lao động quên mình, khí thế sôi nổi, nên trên nét mặt họ ánh lên niềm tự hào và mừng vui vô hạn. Còn tôi, người đứng tại một góc trên đập nhìn bao quanh chính là tên tội phạm chiến tranh đã gây nên tội ác nghiêm trọng đối với nhân dân Trung Quốc. Thế thì ai đúng ai sai?”

Một bên là nhân dân Trung Quốc “trên nét mặt ánh lên niềm tự hào và mừng vui vô hạn”, một bên là tội phạm chiến tranh đã gây tội ác nghiêm trọng. Và tôi đã mong sao tách khỏi được nhóm tội phạm chiến tranh mà đứng hẳn về phía nhân dân Trung Quốc. Đó chính là con đường duy nhất của tôi tìm ra được trải qua mười năm đắn đo suy nghĩ.

Quá trình học tập trong mười năm qua khiến tôi hiểu biết được điều phải trái căn bản. Mười năm với biết bao sự việc xảy ra: cuộc chiến tranh chống Mỹ, giúp Triều thắng lợi; tội phạm chiến tranh Nhật Bản phải nhận tội; Trung Quốc giành được thắng lợi về mặt ngoại giao và uy tín quốc tế nâng cao chưa từng thấy; nước nhà, xã hội, dân tộc biến chuyển mạnh, bao gồm dòng họ tôi và kể cả sự đổi thay về thể xác tôi, tất cả những thành tích kỳ diệu đó đều sản sinh ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mà tôi vẫn mặc cảm, thù địch và sợ hãi trong mười năm về trước. Sự thật trong mười năm qua và lịch sử hơn trăm năm qua chứng minh với tôi rằng: Quyết định vận mệnh lịch sử chính là nhân

dân mà trước kia tôi vốn khinh thường nhất; nửa đời trước của tôi đã đi đến chỗ bị tiêu diệt đó là điều tất nhiên, đế quốc và thế lực phản động mà trước kia tôi dựa dẫm bị sụp đổ cũng là điều tất nhiên. Nay tôi đã hiểu vận mệnh mà trước kia Trần Bảo Thám, Trịnh Hiếu Tế, Yoshioka Anchicoc và bất kỳ bộ tāt, thần tiên nào cũng không thể nói cho tôi biết được là gì đó chính là làm con người thật thà, tay làm hàm nhai và có ích cho loài người. Vận mệnh gắn liền với nhân dân mới là vận mệnh tốt đẹp nhất.

“Bên nào đúng thì đứng hẳn về bên đó”.

Muốn như vậy cần phải dũng cảm. Lệnh đặc xá đã cho tôi thêm lòng dũng cảm, và đối với mọi người đều như vậy.

Chúng tôi càng hăng hái học tập và lao động. Nhiều người chờ đợi bình bầu thành tích học tập đợt sau. Đậu phụ của tổ chế biến thực phẩm làm ra hàng ngày càng trắng tốt, đàn lợn của tổ chăn nuôi vỗ ngày càng béo ra, tỷ lệ của chúng tôi đã tránh được sai sót trong kỹ thuật, thậm chí anh “tổ cần” khó tính cũng trở nên hiền lành không cãi cọ với người ngoài nữa.

Lại một tháng trôi qua. Một tối, phó trưởng trại tìm tôi nói chuyện khi nói đến vấn đề đặc xá, ông hỏi:

- Hai tháng nay ông nghĩ thế nào?

Tôi trả lời nếp nghĩ của tôi như trên đã nói, đồng thời nhận thấy rằng có mấy người đã có cải tạo tốt và tôi đã nêu lên mấy người trong tổ chăn nuôi, tổ chế biến thực phẩm và mấy người được bình bầu trong đợt học tập trước.

- Bây giờ ông nhìn thấy ưu điểm của người khác tương đối dễ hơn trước rồi đấy, - phó trưởng trại cười nói - giả sử đặc xá lần này có ông, ông nghĩ sao?

- Không có được - Tôi cười.

Không thể có được. Khi tôi về đến buồng tôi vẫn nghĩ như vậy. “Nếu như có thể... thì sao?” Thoáng nghĩ đến đây tôi thấy rạo rực trong lòng. Kế đó lại nghĩ, sau này sẽ đến lượt tôi thôi, nhưng phải có một thời gian khá dài mới được. Tóm lại, hy vọng ngày càng nhiều. Bất giác tôi đâm ra mơ mộng, mừng tượng mình cũng được như lão Vạn và cậu Thụy, được đứng vào hàng ngũ những con người bình thường... Tôi mừng tượng sau này có lẽ được cơ quan lao động sắp xếp cho làm nhận viên phụ việc y tế trong một cơ quan y tế nào đó... Song nhất thiết là phải một thời gian khá dài, cần phải chờ đến khi nhân dân phê chuẩn tôi; thừa nhận tôi là một phần tử trong nhân dân thì mới được. Nghĩ đến hạnh phúc trong tương lai, đêm đó tôi hầu như không chợp được mắt.

Hôm sau mọi người được lệnh tập hợp. Chúng tôi đi vào phòng họp của câu lạc bộ, ngược nhìn tấm bảng đỏ lớn treo ngay trên bệ đài chủ tịch, tim tôi đập rộn rộn. Trên tấm bảng đỏ viết dòng chữ: “Mít tinh đặc xá của trại quản lý tội phạm chiến tranh Phủ Thuận”.

Đại biểu toà án nhân dân tối cao, hai ông trưởng trại và một số người khác đã ngồi sẵn trên đài chủ tịch. Hội trường im lặng, dường như nghe được nhịp đập của những trái tim.

Sau khi trại trưởng nói vài câu ngắn gọn, đại biểu Toà án nhân dân tối cao bước ra giữa bệ, cầm một tờ giấy lên đọc:

Thông tri đặc xá của Toà án nhân dân tối cao nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa

Căn cứ vào mệnh lệnh ngày 17 tháng 9 năm 1959 của Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Toà án nhân dân tối cao đã thẩm tra tội phạm chiến tranh nước Mãn Châu ngụy Ái Tân Giác La Phổ Nghi đang bị giam giữ.

Tội phạm Ái Tân Giác La Phổ Nghi, nam, 54 tuổi, dân tộc Mãn, người thành phố Bắc Kinh. Tội phạm này đã bị giam giữ 10 năm, trong thời gian bị giam giữ, qua lao động cải tạo và giáo dục tư tưởng, đã thực sự có biểu hiện cải tà quy chính, phù hợp với quy định với điều 1 của lệnh đặc xá, nay được phóng thích.

**Toà án nhân dân tối cao
nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa**
Ngày 4 tháng 12 năm 1959

Chưa chờ nghe hết, tôi đã khóc nức lên. Tổ quốc, ôi Tổ quốc của tôi, Người đã đào tạo tôi thành người...

Một chương mới

Xe lửa rầm rầm chạy. Bên ngoài là bình nguyên phủ đầy tuyết trắng, sáng loá, bao la như cuộc sống mới đang trải ra trước mắt tôi.

Trong xe, trước tôi, sau tôi đều là nhân dân lao động bình thường. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi ngồi với họ, cùng trên một chuyến tàu. Tôi sẽ cùng sinh sống với họ cùng xây dựng đất nước, tôi sẽ trở thành một người trong họ, không, hiện nay tôi đã trở thành một người trong họ...

Ngày 9 tháng 12, tôi đến thủ đô Bắc Kinh. Đây là thành phố quê hương mà tôi đã xa cách hơn 35 năm. Tại Bắc Kinh huy hoàng tráng lệ, tôi gặp em gái thứ năm hơn mười năm chưa gặp và em trai thứ tư hơn hai mươi năm chưa gặp.

Tay bắt mặt mừng tôi nghe tiếng gọi “anh”.

Trong nửa đời trước của tôi, các em trai em gái của tôi chưa bao giờ gọi như vậy. Từ tiếng gọi này, tôi cảm thấy sinh mệnh mới của tôi cũng bắt đầu trong gia tộc mình.

Chú bốn mang hộ tôi chiếc va li da màu đen. Em năm và lão Vạn đi hai bên, chúng tôi cùng ra khỏi ga. Ngoài ga, tôi nhìn chiếc đồng hồ lớn treo trên nóc nhà ga, lấy ra chiếc đồng hồ bỏ túi của tôi. Trước khi rời Phủ Thuận, từ trong đồng hồ đặc tôi trao hiến chính phủ, trưởng trại lấy ra chiếc đồng hồ này trao cho tôi. Tôi nói: chiếc đồng hồ này trước đây tôi mua bằng tiền bóc lột nay tôi không thể nhận. Trưởng trại nói: hiện nay nhân dân cho ông, ông hãy nhận đi. Đây là chiếc đồng hồ vàng của Pháp năm 1924 tôi đã mua ở cửa hàng Ôliver khi tránh Trương Văn Trị trong ngày tôi từ nhà cha tôi chạy vào khu Đông Giao Dân cảng. Từ giờ phút đó, mở đầu lịch sử đáng xấu hổ của tôi. Nay, tôi để nó cũng bắt đầu một cuộc sống mới, theo giờ Bắc Kinh tôi chỉnh lại kim chỉ giờ.

Hôm trưởng trại đưa chiếc đồng hồ cho tôi đã nói cùng mười người chúng tôi được ân xá: các ông về nhà, gặp người nhà và xóm giềng thân thuộc nên xin lỗi họ vì trước kia các ông đã có lỗi với họ. Chỉ cần các ông làm người tốt, thành khẩn phục vụ nhân dân, mọi người xung quanh sẽ tha thứ cho các ông. Tôi đến nhà em năm và lão Vạn, lời nói của trưởng trại hoàn toàn được chứng thực. Mọi người trong nhà đều hoà nhã thân mật với tôi.

Sáng hôm sau, tôi rất muốn cùng bà con xung quanh làm một việc gì đó. Thấy có người cầm chổi quét đường ngõ, tôi tham gia cùng quét. Tôi quét một mạch đến đầu ngõ, khi quay lại không tìm ra nơi mình ở nên đã đi vào một nhà dân. Người nhà này biết rõ sự tình đã nhiệt tình đưa tôi về nhà mình.

Tôi còn gặp chú bảy, di bảy, anh ruột, em ruột cùng các em gái, em rể... Qua chú bảy, tôi biết lịch sử lịch hưng vượng của gia tộc, biết chú là người phát ngôn của tình hình thị sát các dân tộc thiểu số tại Đại hội đại biểu nhân dân. Tôi được nghe anh lớn chơi đàn cô cầm, được anh đề chữ tặng, thư pháp của anh rõ ràng đạt tới trình độ mới. Tôi đến thăm cô em thứ hai khi đó đã tổ chức xong nhà giữ trẻ đường phố. Chồng cô là kỹ sư Bưu điện cho biết: em hai luôn bận rộn đến hết cả bệnh đau đầu cũ. Vợ chồng em ba, em tư, em sáu, em bảy tôi đều được gặp. Vợ chồng em ba tham gia học tập ở uỷ ban chính trị hiệp thương khu, em tư công tác ở ngành bảo tàng Cố cung, vợ chồng em sáu là một đôi hoạ sĩ, vợ chồng em bảy (68) là nhà giáo. Càng phân khởi hơn là thế hệ thứ hai. Ngày tết âm lịch, khăn quàng đỏ nhận nhân trong nhà ngoài sân nhà chú bảy. Trong số đã trở thành thanh niên thế hệ thứ hai tôi thấy có chiến sĩ chí nguyện quân đã có huân chương, nữ quán quân xe mô tô Bắc Kinh, đội trưởng đội leo núi, bác sĩ y tá, giáo sư lái xe. Đông hơn cả học sinh trung học và học sinh chuyên nghiệp trung đó có đảng viên cộng sản, đoàn viên thanh niên cộng sản.

Tôi còn gặp các bạn cũ thời trước. Thương Diễm Doanh nằm trên giường nói chuyện với tôi. Ông là nhân viên Quán Văn sử, do bệnh già nói đã thều thào. Gặp tôi, nét mặt ông vẫn có chút nghiêm túc kính cẩn muốn gượng dậy. Tôi nắm tay ông nói: “Ông tuổi cao lại không được khoẻ, nên nằm nghỉ. Chúng ta là người của xã hội mới, quan hệ hiện nay là quan hệ bình thường. Mong ông chóng khoẻ để phục vụ nhân dân”. Về kính cẩn trên gương mặt ông biến mất, ông gật đầu mỉm cười nói “Tôi theo ông”.

Tôi còn gặp những người cũ trước là thái giám, biết được tình hình gần đây của nhiều người. Họ đang ở trong Viện Dưỡng lão do Cục dân chính lập ra để họ dưỡng già.

Ngày đầu tiên khi tôi gặp, mọi người đều nói: “Ông đã trở về, nên đến các nơi tham quan, ông đã dạo qua Bắc Kinh chưa?”. Tôi nói: “Trước tiên tôi ra Thiên An Môn”.

Từ lâu, qua phim ảnh, báo chí cũng như thư nhà tôi đã biết quảng trường Thiên An Môn. Qua màn ảnh, tôi đã thấy các công trình xây dựng, đội ngũ điều hành, hoạt động liên hoan trong ngày lễ. Tôi biết Đại lễ đường nhân dân, công trình rất lớn đã đã xây xong trong mười tháng, biết các khách nước ngoài từ các nước trên thế giới đã cảm động như thế nào khi tới đây. Hôm nay tôi đã đến được nơi mình mơ ước.

Trước mắt tôi, Thiên An Môn nguy nga là nơi chứng kiến lịch sử khổ đau và hạnh phúc của tổ quốc, cũng là nơi chứng kiến Phổ Nghi cũ trở thành Phổ Nghi mới. Bên trái tôi là Đại lễ đường nhân dân uy nghiêm tráng lệ, các việc lớn lao của đại gia đình tổ quốc được quyết định ở đây, trong đó cũng có quyết định tôi được cuộc sống mới. Bên trái tôi là Nhà bảo tàng lịch sử, phía sau tôi sừng sững bia kỷ niệm các anh hùng liệt sĩ cách mạng. Họ nói với mọi người, hơn một thế kỷ nay, có biết bao anh hùng liệt sĩ đang tiến hành đấu tranh gian khổ như thế nào mới cho chúng ta những thành quả ngày nay, mà tôi cũng là một người được hưởng.

Trên quảng trường Thiên An Môn, lần đầu tiên trong đời, tôi dạo bước tràn đầy tự do, an toàn hạnh phúc và tự hào.

Tôi cùng em năm, chú sáu đi chậm chậm về phía Tây. Khi đi tới Cung Văn hoá dân tộc tường trắng nóc xanh, em năm lo lắng nói: “Anh có mệt không? lần đầu tiên đi xa như thế này”. “Lần đầu tiên”, ba từ này chứa chan trong cuộc sống mới bắt đầu. “Lần đầu tiên” là rất không thuận tiện nhưng tôi cảm thấy rất phấn chấn và cũng không vì thế mà có lo lắng gì.

Lần đầu tiên tôi vào quán cắt tóc để cắt tóc. Nói một cách nghiêm túc đây lần thứ hai vì hơn 30 năm trước, tôi đã cắt tóc một lần ở công ty Trung Nguyên tại Thiên Tân. Song lần này sự việc gặp ở quán cắt tóc là lần đầu tiên... Tôi ngồi vào ghế, phát hiện một thứ tôi đã nhìn thấy ở cửa hàng bách hoá Cấp Nhĩ Tân nhưng không biết gọi là cái gì. Tôi hỏi người cắt tóc: “Cái kêu vo vo bên cạnh là cái gì?”. Người cắt tóc nói: “Máy sấy”. Tôi hỏi: “Sấy trước hay cắt tóc trước?” Nghe hỏi anh ta sững người: “Ông chưa cắt tóc bao giờ ư?”. Anh ta còn cho là tôi nói đùa. Sau đó hiểu rõ chúng tôi đều cười ồ. Đến lúc trên đầu tôi có tiếng kêu vo vo, lòng tôi càng vui.

Lần đầu tiên tôi đi xe công cộng làm cho chú sáu bị một trận kinh hoàng. Tôi xếp hàng lên xe, thấy mọi người nhường người già, trẻ em lên trước. Tôi cũng nhường một người đàn bà cạnh tôi lên trước mà tôi không biết đó là người bán vé. Thấy tôi không lên, cô ta liền lên xe, cửa xe đóng lại, xe cũng chuyển bánh. Một lúc sau, chú sáu từ bên xe dưới chạy tới, còn cách xa nhau chúng tôi đã bật cười. Cười xong, tôi chân thành nói với chú sáu: “Không phải lo, chẳng xảy ra chuyện gì đâu”.

Nhiều người quan tâm tới tôi như vậy tôi còn lo gì?

Ngày sáng hôm đó, từ một cửa hàng gần nhà em ba, tôi đã tìm được chiếc ví hôm qua tôi đánh rơi ở đó. Chẳng lẽ con người tôi lại rơi mất sao?

Đề giúp chúng tôi hiểu biết Bắc Kinh, cục Dân chính thành phố Bắc kinh đã tổ chức cho một số người sau khi được ân xá trở về ở Bắc Kinh trong đó có Đỗ Luật Minh, Vương Diệu Vũ, Tổng Huy Lâm,... trước đây là tướng của Quốc Dân Đảng đi thăm quan nhiều nơi. Trong khoảng thời gian hai tháng, chúng tôi đã đi xem các nhà máy mới xây dựng, các công trình công cộng cùng các cộng xã nhân dân của thành phố. Cuối cùng, qua thỉnh cầu của những người cùng đi, chúng tôi đi chơi Cố cung do tôi tạm thời làm nhân viên hướng dẫn giới thiệu. Điều khiến tôi kinh ngạc là cảnh tượng suy bại cũ nát lúc tôi rời Cố cung không còn nữa, khắp nơi đều sơn phết lại như mới. Ngay rèm cửa, song cửa cũng như giường nệm, chăn gối bàn ghế đều mới. Sau khi thăm dò mới biết tất cả đều do công xưởng của Cố cung tự xây dựng phục chế như nguyên trạng. Các loại đồ ngọc, đồ sứ, tranh vẽ, đồ cô của cô cung, do chính phủ Bắc Dương, chính phủ Quốc Dân đảng cũng như chính tôi lấy đi, nay còn lại rất ít. Tuy nhiên, tôi phát hiện ở đây có nhiều thứ do Nhà bảo tàng mua lại từ sau giải phóng cũng như các nhà sưu tập đồ cô hiện góp ý dụ, bức tranh “Ngày thanh minh bên sông” của Trương Trạch Thụy trước đây đã do tôi và Phổ Kiệt lấy đi, nay đã mua về được.

Tại Ngự Hoa Viên, tôi thấy các cháu nhỏ vui đùa dưới ánh nắng mặt trời, tại quán trà tôi thấy các cụ già ngồi uống trà. Thoảng thấy hương vị thanh xuân của những cây bách lâu năm tiết ra, tôi cảm thấy ánh nắng mặt trời đây cũng sáng rõ hơn trước. Tôi tin rằng Cố cung sẽ được sống lại.

Tháng 3 năm 1960, tôi được phân phối về Vườn thực vật Bắc Kinh thuộc Sở nghiên cứu

thực vật Viện Khoa học Trung Quốc bắt đầu cuộc sống nửa ngày học tập, nửa ngày lao động. Đây là thời kỳ chuẩn bị cho tôi đứng vào vị trí phục vụ nhân dân. Dưới sự hướng dẫn của các nhân viên kỹ thuật, trong nhà ẩm tôi học gieo hạt, chăm bón hạt nảy mầm, trồng trọt... Nửa ngày còn lại tôi học tập, có lúc ngồi viết cuốn sách này.

Trong nửa đời trước của tôi, tôi không biết “nhà” là cái gì. Mấy năm cuối ở Phủ Thuận, tôi bắt đầu có cảm giác có “nhà”. Đến vườn thực vật không lâu, tôi cảm thấy có “nhà” lần thứ hai. Tôi sống trong không khí có bạn bè, có người giúp đỡ. Một lần, tôi đi rong chơi ở ngoài về, không tìm thấy chiếc đồng hồ, không tránh khỏi nuối tiếc, cảm thấy đường xa như vậy, không có cách nào tìm thấy. Ông Lưu, nhân viên cùng phòng biết việc này, quên cả nghỉ ngơi, hỏi rõ hơn đường tôi đi và lập tức đi ra. Nhiều người biết tin đến giờ nghỉ cũng bỏ đi tìm. Cuối cùng ông Lưu đã tìm thấy nó ở nhà ăn của một đại đội sản xuất thuộc công xã nhân dân “Bốn mùa xanh”. Ông vô cùng vui mừng mang về. Lúc đó tôi cảm thấy không phải nhận lại một chiếc đồng hồ mà là một trái tim.

Mùa hè năm đó. Vườn thực vật thành lập đội dân quân, hàng ngày tiến hành tập luyện. Tôi ghi tên tham gia. Mọi người đều nói tôi tuổi cao quá tiêu chuẩn. Tôi nói “là một thành viên của đại gia đình tổ quốc, tôi cũng cần đứng vào vị trí bảo vệ tổ quốc”, sau đó mọi người bị tôi thuyết phục, tôi tham gia luyện tập, làm một dân binh quá tuổi.

Đứng trong đội ngũ dân quân của Vườn thực vật tôi nghĩ đội ngũ của chúng tôi lớn biết chừng nào. Ở đây có mấy chục người nhưng toàn thể đội ngũ nhân dân là bao nhiêu vạn người. Tôi nghĩ, khi nào mới được xếp vào đội ngũ trùng trùng điệp điệp ấy đi qua thành Thiên An Môn.

Nguyện vọng này của tôi nhanh chóng được thực hiện. Tôi tham gia đội ngũ cuộc diễu hành của một triệu người chỉ viện nhân dân Nhật Bản phản đối “hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ”. Đây không chỉ là một triệu mà là một bộ phận của triệu triệu người trên toàn thế giới cùng tham gia đấu tranh. Chúng tôi lớn tiếng hô khẩu hiệu, diễu qua quảng trường Thiên An Môn. Trên quảng trường vang tiếng hô của tôi từ đáy lòng.

- Nước CHND Trung Hoa muôn năm!

- Nhân dân toàn thế giới đại đoàn kết muôn năm!

Từ đó tôi bắt đầu hoạt động xã hội, qua hoạt động, tôi cảm thấy mình sát cánh cùng nhân dân toàn quốc, toàn thế giới đấu tranh giành hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ngày 26 tháng 11 năm 1960, tôi cầm lá phiếu bầu cử đầu tiên ghi “Ái Tân Giác La Phổ Nghi”.

Giờ phút bỏ lá phiếu vào thùng phiếu màu đỏ tôi cảm thấy mình là người giàu có nhất trên thế gian.

Tôi cùng 650 triệu đồng bào tôi trở thành người chủ của lãnh thổ 960 vạn kilômet vùng này.

Tháng 3 năm 1961, tôi kết thúc giai đoạn chuẩn bị bước lên cương vị chính thức phục vụ nhân dân, nhận chức vụ chuyên viên Ủy ban nghiên cứu Văn sử của Ủy ban chính trị hiệp thương toàn quốc. Tôi làm một người công tác Văn sử.

Tôi tham gia công tác ở bộ phận xử lý tư liệu văn sử thời đại cuối triều Thanh và chính phủ Bắc Dương.

Trong công tác của mình, tôi thường xuyên gặp những sự kiện lịch sử của thời kỳ này, tôi và các đồng sự đều là nhân chứng. Từ những tư liệu phong phú, qua công tác của mình, tôi thường xuyên gặp những tên chữ quen thuộc, có khi còn gặp những sự kiện lịch sử trước kia có dính líu đến tôi. Phần lớn những tác giả tư liệu là những người tận mắt nhìn thấy hoặc là sự kiện lịch sử bản thân mình. Đối với lịch sử thời kỳ này, tôi và các đồng sự đều là nhân chứng. Từ những tư liệu phong phú, qua công tác của mình, tôi càng thấy rõ sự thay đổi của thời đại. Những nhân vật đã bị lịch sử gạt bỏ: Diệp Hách na-la-thi (Từ Hy), Viên Thế Khải, Đoàn Kỳ Thụy, Trương Tác Lâm... lúc đương thời tựa hồ không thể đội trời chung; nhân dân bị chúng áp bức tàn sát hầu như bó chân bó tay. Những văn nhân nhà Hồ Thích đã từng tâng bốc họ. Di lão, di thiếu đã từng gửi gắm ảo tượng phục tích vào họ mà bản thân họ càng tự thổi phồng sự lớn mạnh của mình, cho rằng các cường quốc đứng sau họ là chỗ dựa vĩnh cửu. Song, họ đều là hồ giấy cuối cùng bị lịch sử đốt sạch. Lịch sử là nhân dân “xem ra, bề ngoài phái phản động có vẻ đáng sợ, song trên thực tế chúng chẳng có lực lượng gì ghê gớm. Nhìn vấn đề từ quan điểm lâu dài, lực lượng lớn mạnh thật sự không thuộc về phái phản động mà thuộc về nhân dân”. Những kinh nghiệm của tôi khiến tôi tiếp thu chân lý đó. Công tác của tôi khiến tôi càng tin tưởng vào chân lý đó. Tôi còn muốn qua công tác và nhân chứng của bản thân mình tuyên dương chân lý này trước nhân dân.

Lúc rảnh rỗi, tôi tiếp tục viết “Nửa đời trước của tôi”.

Để viết sách, tôi đọc nhiều tài liệu. Đơn vị tôi công tác đã tạo mọi thuận lợi cho tôi, cung cấp cho tôi nhiều tài liệu văn sử quý báu. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của các bạn ngoài ngành, tôi được đọc nhiều tài liệu quý báu ở các thư viện, các ngành lưu trữ, có được nhiều tài liệu điều tra chuyên môn. Có tài liệu do các bạn không quen biết sao chép từng câu từng chữ trong những nguyên bản quý báu gửi cho tôi. Có những tài liệu do những đồng chí ở ngành xuất bản đến nơi xa điều tra xác thực để gửi cho tôi. Có tài liệu do mấy cụ già, ghi lại hồi ức chứng kiến tận mắt của mình. Có nhiều tài liệu quý hiếm do ngành lưu trữ thư viện cung cấp. Đặc biệt phải nói tới các đồng chí ở nhà lưu trữ quốc gia, Nhà bảo tàng lịch sử, Thư viện Bắc Kinh và thư viện thủ đô đã đặc biệt tìm mọi cách sưu tầm, tập hợp giúp tôi. Tôi cảm thấy rất áy náy về sự quan tâm và giúp đỡ đó, thực ra ở đất nước chúng tôi điều này từ lâu đã là hiện tượng bình thường.

Ở đất nước tôi chỉ cần làm việc có ích cho nhân dân, chỉ cần tuyên dương chân lý sẽ được khắp nơi quan tâm giúp đỡ chẳng cần phải nói Đảng và Nhà nước.

Tác phẩm tôi viết cũng gây hứng thú đối với nhiều bè bạn nước ngoài. Đã có nhiều nhà báo nước ngoài, khách nước ngoài phỏng vấn tôi, hỏi về quá trình nửa đời trước của tôi, đặc biệt chú ý tìm hiểu tình hình mười năm cải tạo của tôi. Một vị khách Châu Á nói: “Mong rằng sau khi sách xuất bản, ông gửi cho một cuốn, tôi sẽ dịch ra tiếng nước tôi để nhân dân nước tôi thấy được kỳ tích này”.⁽⁶⁹⁾

Năm 1962, chúng tôi giành được thành tựu rực rỡ trong cuộc đấu tranh gian khổ đối với những khó khăn ở trong nước và ngoài nước. Đối với tôi năm đó có càng nhiều việc vui mừng tới cửa. Tháng 4, tôi được mời dự Ủy ban chính trị hiệp thương nhân dân toàn quốc và được nghe báo cáo của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc về công cuộc xây dựng đất nước. Ngày 1/5, tôi cùng Lý Thục Hiền vợ tôi xây dựng gia đình nhỏ của chúng tôi. Đây là một gia đình bình thường mà trái lại là thật sự khác thường đối với tôi.



Đây là một chương mới của đời tôi. Cuộc sống mới của tôi bắt đầu như vậy. Nhìn vào nhà tôi, vào thẻ cử tri của tôi, đứng trước tương lai vô cùng rộng mở, tôi mãi mãi không bao giờ quên cuộc sống mới đã giành được như thế nào. Ở đây tôi cần bổ sung một đoạn: về những chuyện về chính sách vĩ đại cải tạo tội phạm, mang lại cuộc sống mới cho tôi, dùng lời cháu Thụy: “không viết vào cuốn sách là không được”.

Tôi đang đứng trên sườn đồi Hương Sơn nhìn về phía Bắc Kinh đang tắm mình trong ánh nắng mặt trời, lòng nhớ lại những biến cố này đến sự việc nọ trong mười năm qua. Tôi nhớ lại ông trưởng trại đầu bạc, phó trưởng trại trẻ giọng nói trong trẻo, tôi nhớ những nhân viên coi giữ, mỗi bác sĩ, y tá, mỗi nhân viên của trại. Khi tôi lừa dối họ, khi tôi tìm mọi cách đáng xấu hổ để chống lại họ, khi tôi hoàn toàn bộc lộ mình ngu xuẩn chẳng biết gì, chẳng có tài cán gì, khi tôi tự cảm thấy tuyệt vọng tột độ, không thể sống được nữa thì họ, những người cộng sản ấy trước sau kiên định rằng ai có thể cải tạo được kiên nhẫn hướng dẫn tôi lại làm người.

“Người”, đó là chữ đầu tiên tôi nhận biết được trong cuốn sách “Tam tự kinh” vỡ lòng. Tuy nhiên trong nửa đời trước của tôi, tôi luôn luôn không hiểu nó. Có người cộng sản, có chính sách cải tạo tội phạm, ngày nay tôi mới hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của từ trang nghiêm này, mới thật sự làm người.

Lê Tư Vinh dịch

PHỤ LỤC

GẶP GỠ HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG

Đầu xuân năm 1962, tôi có may mắn với tư cách nhà báo đến phỏng vấn và trò chuyện với Phổ Nghi, hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh, trong liên ba giờ đồng hồ. Đọc lại những trang nhật ký tôi ghi lại nội dung cuộc gặp gỡ, hình ảnh ông vua cuối cùng của nhà Thanh lại hiện lên rõ rệt trong tôi. Tôi ghi lại nội dung cuộc gặp gỡ để kết thúc bản dịch cuốn hồi ký.

Ông Phổ Nghi tiếp tôi tại phòng khách căn nhà ông đang ở gần trụ sở của ủy ban chính trị hiệp thương Trung Quốc. Đây là căn nhà cô, một tầng, tường gạch, mái ngói, có nhiều buồng bài trí giản dị, ngăn nắp. Trên tường phòng khách treo hai bức liên in hai bài tứ của chủ tịch Mao Trạch Đông. Trên bàn tiếp khách có lê, táo, kẹo ngon, trà Long Tỉnh, thuốc lá Trung Hoa bài, chứng tỏ mức sống khá của chủ nhân.



Năm đó, ông Phổ Nghi đã 56 tuổi, dáng người tầm thước, mắt đeo kính cận như hình ảnh nhân vật Phổ Nghi trong hồi cuối của cuốn phim. Ông nói chuyện với tôi khá thoải mái, cởi mở, mặc dù khi đó, ông rất ít tiếp xúc với các nhà báo nước ngoài. Tôi đề nghị ông nói về cuộc sống của ông từ sau khi về Bắc Kinh. Ông vui vẻ nói:

- Chắc bạn đã hiểu rõ lịch sử của tôi. Tôi đang chuẩn bị để viết một cuốn sách nói về cuộc đời của tôi từ lúc nhỏ tới khi được trở thành một công dân của nước Trung Hoa mới nhằm giúp cho các bạn trẻ hiểu về những sự xấu xa, thối nát của chế độ phong kiến xưa kia.

Đất nước vĩ đại của chúng tôi đang có sự thay đổi long trời lở đất. Nhân dân Trung Quốc đã đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội với tốc độ cực kỳ nhanh chóng... Nói về cá nhân tôi trước kia tôi đã làm tay sai của chủ nghĩa đế quốc và là kẻ thù của nhân dân Trung Quốc. Tôi đã từng giúp đế quốc đàn áp nhân dân và đã mang lại cho nhân dân nước tôi biết bao tai họa. Nhưng từ khi Trung Quốc được giải phóng, có nhiều người lẽ ra không thể nào tha thứ được cũng đã được hưởng chính sách khoan hồng và được cải tạo. Qua học tập cải tạo, tư tưởng tôi dần dần thay đổi. Việc cải tạo thực ra không phải đơn giản mà là một quá trình gay go, gian khổ, chủ yếu là phải đấu tranh với lập trường của giai cấp cũ của mình. Trước kia, lập trường của tôi là lập trường của giai cấp bóc lột, thống trị nay là lập trường của nhân dân, đó là sự thay đổi rất lớn về nhân sinh quan.

Ông cảm động nói tiếp:

- Qua học tập cải tạo, Phổ Nghi cũ của nhà Thanh đã chết rồi. Phổ Nghi ngày nay là Phổ Nghi mới. Từ một hoàng đế của nhà Thanh và là tay sai của đế quốc, ngày nay tôi đã trở thành một công dân của nước Trung Hoa mới, tôi nghĩ đây là việc chưa từng có trong lịch sử xưa nay. Năm nay tôi đã 56 tuổi nhưng tự thấy mình trẻ lại. Tôi đang công tác ở Ban Văn sử thuộc ủy ban chính trị hiệp thương toàn quốc. Cuộc đời của tôi từ nay về sau sẽ hoàn toàn phục vụ cho tổ quốc để chuộc lại những lỗi lầm xưa. Không riêng tôi, nhiều bạn cũ của tôi trước kia vốn có tội với tổ quốc với nhân dân nhưng được sự giáo dục của Đảng cộng sản và nhà nước Trung Quốc nay cũng trở thành những người công dân lao động. Em trai tôi là Phổ Kiệt nay cũng được ân xá về làm việc ở Ban Văn sử.

Trả lời câu hỏi về tình hình gia đình riêng, đôi má đã mang những nếp nhăn thời gian của Phổ Nghi bỗng ửng đỏ:

- Ngày mừng 1 tháng 5 vừa qua, tôi mới kết hôn. Đây là một cuộc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Khác hẳn với thời xưa. Vợ tôi là Lý Thục Hiền, làm y tá ở một bệnh viện. Chúng tôi sống rất hạnh phúc, ban ngày đi làm, tối về đoàn tụ gia đình. Lần đầu tiên trong đời, tôi mới hiểu rõ thế nào là hạnh phúc gia đình.

Nét mặt trầm tư trở lại, ông nói về bản thân mình:

- Trước kia, là Hoàng đế nhưng thật ra tôi không hề có tự do. Khi tôi lên ba tuổi, Tây thái hậu đưa tôi lên làm vua. Bạn thử tưởng tượng xem đứa bé lên ba thì còn biết gì. Khi đó tôi giống như cây hoa đại được đặt trong một tủ kính và hàng ngày được tiêm mọi chất nuôi dưỡng. Cây hoa đại cũng lớn lên nhưng mang đầy chất độc, nó mềm yếu và không thể chịu nổi bão táp phong ba. Chính vì đắm chìm trong cảnh tù túng như vậy nên trước kia không những tư tưởng tôi xấu xa mà thể xác tôi hèn yếu.

Từ khi được ân xá, trở thành một công dân đến nay, tư tưởng tôi được giải phóng, thân thể tôi cũng khoẻ ra. Trước kia tôi ăn kém, ngủ kém, nay ăn ngon, ngủ ngon. Tôi sung sướng cảm thấy mình hoàn toàn được tự do. Trước kia, tôi chỉ quanh quẩn trong Tử Cấm Thành, mỗi khi đi đâu thì có hàng đoàn thái giám vây quanh, tiền hô hậu hét rất khó chịu. Nay tôi có thể một mình đạp xe đạp đi trên quảng trường Thiên An Môn, đi khắp Bắc Kinh, rất thoải mái, tự do.

Trả lời câu hỏi về cảm tưởng của ông đối với mùa xuân mới, ông phấn chấn hẳn lên:

- Tôi đã được hưởng mấy mùa xuân mới. Mỗi độ xuân về là dịp anh em, họ hàng chúng tôi đoàn tụ, hàn huyên. Chúng tôi mới có cuộc họp mặt gia đình anh em, con cháu, ba thế hệ rất đông để chúc mừng năm mới.

Ông đưa cho tôi xem tập an bom của gia đình, giới thiệu tám ảnh “ba đời sum họp” tại nhà Tái Đào mừng tết năm 1961, tôi đếm tổng cộng là 32 người, ai cũng tươi cười vui vẻ. Ông còn thích thú giới thiệu với tôi một số tấm ảnh khác như tấm ảnh ông và Lý Thục Hiền tươi cười trong lễ kết hôn tại Bắc Kinh, ảnh các vị lãnh đạo Trung Quốc như Chu Ân Lai, Trần Nghị... đến thăm gia đình ông...

Mén mộ Phổ Nghi nổi tiếng viết chữ đẹp, trước khi từ biệt tôi đưa cuốn sổ tay đề nghị ông ghi mấy chữ lưu niệm. Ông nắn nót ghi mấy chữ: “Ái Tân Giác La Phổ Nghi”, nét chữ chân phương thanh thoát.

Từ sau cuộc gặp gỡ, tôi không có dịp nào gặp lại ông Phổ Nghi nhưng có ý chờ đón cuốn sách mà ông đang viết. Tháng 3 năm 1964, đọc báo Trung Quốc đưa tin cuốn hồi ký “Nửa đời trước của tôi” do nhà xuất bản Quân chúng Bắc Kinh ấn hành đã được bán ở các hiệu sách. Tôi lập tức đánh xe lên phố tìm mua. Rất tiếc là các hiệu sách lớn ở Vương Phủ Tỉnh, Tiền Môn, Tây Đan... đều trả lời: sách đã bán hết trong một ngày. Tôi đành phải đánh xe về toà soạn Nhân dân nhật báo nhờ mua giúp. Các bạn đồng nghiệp ở đây cũng cho biết là sách đã hết từ hôm trước. Thấy vẻ tằn ngán của tôi, các đồng chí trong toà soạn đã quyết định lấy một cuốn trong thư viện tặng tôi. Tôi giữ gìn cuốn sách trong hơn ba mươi năm qua và ngày nay có dịp dịch giới thiệu với bạn đọc.

Sau khi Trung Quốc nổ ra cuộc đại cách mạng văn hoá, tôi chú ý tìm xem trên đường phố, trên các báo của Hồng Vệ binh có bài phê phán Phổ Nghi hay không nhưng không hề thấy. Khoảng giữa năm 1967, các báo hàng ngày ở Bắc Kinh đưa một tin ngắn ở trang tư về ông Phổ Nghi đã qua đời tại một bệnh viện ở Bắc Kinh. Tìm hiểu thêm về những ngày cuối đời của ông, tôi chỉ biết rằng Phổ Nghi chết vì bệnh già như một người dân thường ở Bắc Kinh.

- (1) Phàm họ của nhà vua chia làm Thân vương, quận vương, Bồi lạc, Bồi tử, Công, Tướng quân... “Bồi tử phủ” là phủ của Bồi tử. (Nguyễn văn chú thích).
- (2) Một tỉnh cũ ở phía đông miền bắc Trung Quốc. (Nguyên chú)
- (3) Biện pháp cai trị của giai cấp thống trị người Mãn đối với dân tộc người Hán là thực hành chế độ tám kỳ hợp nhất quân sự, hành chính và sản xuất. Chế độ này phát triển từ chế độ “ngưu lục” (người Hán dịch là “tá lĩnh”, là một hình thức tổ hợp nhất sản xuất và quân sự hồi thời kì đầu lịch sử dân tộc Mãn), năm thứ 29 (công nguyên năm 1601) thời vua Vạn Lịch đời Minh, Nỗ Nhĩ Cáp Xích lập ra bốn kỳ Hoàng, Bạch, Hồng, Lam; năm thứ 44 (công nguyên năm 1615) lập thêm bốn kỳ Tương Hoàng, Tương Bạch, Tương Hồng, Tương Lam, cả thảy là tám kỳ. Phàm người Mãn đều được biên chế vào thời kỳ này, vì vậy gọi là người kỳ, thời bình thì sản xuất, thời chiến thì đi đánh trận. Thời vua Hoàng Thái Cực lại lập nên tám kỳ Mông Cổ và tám kỳ quân Hán.
- (4) Dịch Hân (1832 - 1898), con trai thứ 6 của vua Đạo Quang, được phong Cung thân vương hồi năm thứ 30 thời vua Đạo quang. Y được đề quốc tín nhiệm và ủng hộ nhân dịp đàm phán với liên quân Anh - Pháp, vì vậy đã làm đảo chính một cách thuận lợi. Sau đó kinh doanh công nghiệp quân sự cận đại, tích cực tham gia hoạt động *duyong vụ* (những sự việc nước ngoài hay phỏng theo nước ngoài thịnh hành hồi cuối đời Thanh) và trở thành thủ lĩnh phái *duyong vụ*. Nhưng về sau vì y có dã tâm, nên đã xảy ra mâu thuẫn với Từ Hy, và lại bọn đế quốc cũng đã chọn được tay sai tốt hơn, vì vậy y bị bỏ rơi, vai trò thủ lĩnh phái duyong vụ sau đó do Lý Hồng Chương và những người khác thay thế.
- (5) Đời Đường, vua Đường Cao tông bàn việc nước với các đại thần tại triều đường, hoàng hậu Võ Tắc Thiên ngồi sau ngai vua buông rèm xuống để nghe ngóng và tham gia quyết định việc nước. Vì vậy, sau này thái hậu nắm triều chính được gọi là “thùy liêm thánh chính”. ND
- (6) Tạm dịch: “Mãi mãi tặng phúc lộc, đời được ân thưởng”. ND
- (7) Tên cũ của tỉnh Hà Bắc ngày nay. (ND)
- (8) Năm 1894-1895, Nhật Bản thôn tính Triều Tiên và gây chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Năm 1894 là năm Giáp Ngọ, vì vậy được gọi là chiến tranh Giáp Ngọ. (ND)
- (9) “Phụ chìn” âm Mãn ý là vợ, cũng có ý là phụ nữ quý tộc (nghe nói phiên âm từ “phu nhân” của tiếng Hán mà ra) - Nguyên chú
- (10) Đàm Tự Đồng (1865-1893) người Lưu Dương tỉnh Hồ Nam, một nhà tư tưởng của phong trào duy tân cuối đời Thanh. Ông căm giận vì chiến tranh Trung - Nhật thất bại, tổ chức “Toán học xã” tại Lưu Dươn, viết sách “Nhân học”, sau tổ chức “Nam học hội” và chủ bút tờ “Tương báo” (báo Hồ Nam), trở thành một trong những lãnh tụ của phong trào duy tân. Sau khi Viên Thế Khải mật báo, ông cùng Lâm Húc, Dương Nhuệ, Lưu Quang Đệ, Dương Thân Tú và Khang Quang Nhân là nhân sĩ phái duy tân bị giết hại, sử cũ gọi là “Lục quân tử” (Nguyên chú)
- (11) Một vùng ở ngoại thành Bắc Kinh (ND).
- (12) Áo màu vàng là áo của vua mặc khi cưỡi ngựa. Áo bào màu vàng là một trong những “ân điển” đặc biệt cho đại thần có công lớn (ND).
- (13) Đuôi mũ quan đời Thanh, của hoàng tộc và quan to thì làm bằng lông công, của quan thường thì làm bằng lông chim màu lam. “Hoa linh” của vua ban cho quần thần theo phẩm tước cao thấp, chia làm ba loại: đơn nhãn hoa linh, song nhãn hoa linh và tam nhãn hoa linh.
- (14) Quý phi của vua Quang Tự.
- (15) Giếng trong Cổ cung, hiện nay vẫn còn (ND)
- (16) Khánh vương, cháu nội của Khánh Hy thân vương Vĩnh Lâm - con trai thứ 17 của vua Càn Long. Lúc đầu được thừa tập phẩm tước Phụ quốc tướng quân, năm thứ 2 thời vua Hàm Phong được phong Bồi tử, năm thứ 10 được phong Bồi lạc, năm thứ 11 thời vua Quang Tự được phong Khánh quận vương, năm thứ 20 được phong thân vương.
- (17) Đoàn Kỳ Thụy (1864-1936), người Hợp Phì tỉnh An Huy, tướng lĩnh quân Bắc Dương đắc lực của Viên Thế Khải. Sau khi Viên Thế Khải chết, y được đề quốc Nhật ủng hộ, từng mấy lần nắm chính quyền Bắc Kinh, là tay sai trung thành của đế quốc Nhật. Sau sự biến ngày “18 tháng 9” năm 1931, được Nhật ủng hộ ý định tổ chức chính quyền Hán gian tại Hoa Bắc. Về sau bị Tưởng Giới Thạch giam lỏng đến chết tại Thượng Hải.
- (18) Hoàng hậu của Quang Tự là cháu gái của Từ Hy (ND)
- (19) Phổ Vĩ (1880-1937), cháu nội Cung thân vương Dịch Hân. Trước cách mạng Tân Hợi làm đại

thần cầm thuốc phiện. Sau Tân Hợi ở Thanh Đảo dưới sự bảo hộ của đế quốc Đức. Thanh Đảo bị Nhật chiếm, y lại theo Nhật. Thời gian này cùng Thăng Doãn tổ chức ra đảng Tông Xã không ngừng hoạt động phục hồi. Sau sự biến 19 tháng 8 năm 1931, y đứng ra làm hội trưởng Hội duy trì Tứ Dân Thẩm Dương, định lập “đế quốc Minh Quang” dưới sự ủng hộ của Nhật, song không lâu y bị bỏ rơi, sống bằng một khoản tiền của Nhật cấp cho tới chết ở Lữ Thuận. (Nguyên chú)

(20) Phùng Quốc Chương (1857-1919), người tỉnh Hà Bắc, cũng là tướng lĩnh đặc lực giúp Viên Thế Khải xây dựng quân Bắc Dương. Sau cách mạng Tân Hợi, y trở thành một trong những thủ lĩnh quân Bắc Dương, đồng thời là tay sai của đế quốc Anh và đế quốc Mỹ (Nguyên chú)

(21) Cầu Ngân Định gần Địa An Môn ở Bắc Kinh là nơi Tả Phong hằng ngày vào triều phải đi qua. Năm 1901, Ôn Kinh Vệ và Hoàng Phục Sinh cho người đặt mìn tự chế giấu dưới cầu định ám sát Tả Phong, bị quân cảnh phát hiện nên âm mưu không thành. Ôn và Hoàng bị bắt nhưng không bị cực hình vì nhà Thanh sợ thanh thế của nhân dân, đến khi tiến hành cuộc hoà nghị nam bắc (triều đình nhà Thanh với đảng cách mạng ở miền nam) thì hai người được thả, vụ án này gọi là Ngân Định Kiều.

(22) Từ Hy thích mọi người gọi bà là Phật giả. (ND)

(23) có nghĩa bóng là chết rồi. (ND)

(24) Túi bằng vải, găm... nhỏ bằng nửa bàn tay. (ND)

(25) Quan do nội phủ phái đi các vương phủ làm quản gia tối cao, là chức quan nhì phẩm thế tập. Thật ra không làm việc trong vương phủ, chỉ khi nào có việc hôn nhân, tang viếng thì mới vào vương phủ chốc lát, còn ngày thường không vào vương phủ.

(26) Ngoài lộc bổng triều đình còn cấp cho quan lại một số tiền để tỏ ý yêu cầu quan lại phải liêm khiết. Số tiền này gọi là tiền dưỡng liêm. (Nguyên chú)

(27) “Xong rồi” nghĩa bóng là chấm dứt, hết... (ND).

(28) Sau đổi tên lại là Hữu Nghị Quan

(29) Thời kỳ Trung Hoa dân quốc (1911 - 1949) (ND).

(30) Ngày 16 tháng 1 năm 1912, Viên Thế Khải thoái triều về nhà qua phố Đông Hoa Môn bị ba người thuộc phái Đảng cách mạng lử trên tửu lầu ném lựu đạn xuống giết hụt, lựu đạn nổ làm chết Viên Kim Tiêu, viên quan đi bảo hộ Viên Thế Khải và mấy người lính đi hộ tống. Sau vụ nổ đó, Viên Thế Khải mượn cớ “có bệnh tim đập và đau nhức phía bên trái hông”, xin nghỉ không vào triều mà để Hồ Duy Đức và mấy người khác đi thay.

(31) Ngày 15 tháng 11 năm 1911, ngoại trưởng Anh đánh điện trả lời cho công sứ Anh ở Trung Quốc, Toàn văn bức điện như sau: “Trả lời bức điện ngày 12 của ông. Chúng tôi đã có tình cảm hết sức tốt đẹp và lòng tôn kính đối với Viên Thế Khải. Chúng tôi mong thấy được một chính phủ có đủ sức lực, có thể xử lý quan hệ đối ngoại một cách không thiên lệch, duy trì trật tự trong nước và hoàn cảnh có lợi cho việc buôn bán ở Trung Quốc sau cuộc cách mạng. Chính phủ như vậy sẽ được mọi viện trợ về ngoại giao mà chúng tôi có thể viện trợ được”. (trang 40 sách Xanh Trung Quốc số 1, năm 1912).

(32) Đảng Tông Xã là tập đoàn ngoan cố nhất và phản động nhất của hoàng tộc Mãn Thanh trong thời kỳ Cách mạng Tân Hợi, do Lương Bật, Phô Vĩ, Thiết Lương... cầm đầu, mục đích của nó là cứu vãn triều đình nhà Thanh, chống lại việc đòi vua thoái vị, chống Viên Thế Khải, chống đàm phán với phía Cộng hoà. Về sau Lương Bật bị Bành Gia Trân thuộc Đảng cách mạng giết bằng lựu đạn. Viên Thế Khải lại giật dây cho Phùng Quốc Chương và một số người khác gửi điện yêu cầu phế quân chủ dựng cộng hoà, cuối cùng đảng Tông Xã mới buộc phải đồng ý vua Thanh thoái vị và Long Dụ thái hậu đã ra chỉ dụ giải tán tổ chức này. Sau khi Đảng Tông Xã giải tán, một số nòng cốt đảng này đã nương tựa đế quốc hòng mượn thế lực của đế quốc để phục hồi.

(33) Thời Xuân Thu chiến quốc, nước Sở bị Ngũ Viên mang quân đánh báo thù. Vua tôi nước Sở phải bỏ chạy khỏi kinh thành. Thân Bao Tề là bề tôi nước Sở chạy sang nước Tần cầu cứu vua Tần Ai Công là người có quan hệ họ hàng với vua Sở. Vua Tần mãi ăn chơi trong cung không trả lời. Thân Bao Tề đứng trước sân vua Tần kêu khóc liên tục trong 7 ngày đêm không ăn uống gì. Vua Tần cảm động hứa sẽ phát binh cứu Sở, Thân Bao Tề mới chịu ăn. (ND)

(34) Cùng lúc công bố “Điều kiện ưu đãi sau khi hoàng đế Đại Thanh thoái vị” còn có “Điều kiện đãi ngộ của các dân tộc Mãn, Mông Cổ, Hồi, Tạng” và “Điều kiện đãi ngộ của hoàng tộc nhà Thanh”.

(35) Giường đắp bằng đất nện, bên dưới đốt than để sưởi ấm trong mùa đông.

(36) “Thưởng cưỡi ngựa trong Tử Cấm Thành” còn gọi là “thưởng triều mã”, mỗi năm có trên 60 đại thân nhất, nhị phẩm được thưởng danh hiệu này. (ND).

(37) Lục Nhuận Tường cũng là một nhà tư bản công nghiệp thời đó. Ông xây dựng nhà máy dệt lụa sớm nhất ở Giang Tô. Sau cách mạng Tân Hợi được nhà Thanh phong chức Thái bảo.

(38) Lương Đình Phần (1859-1919) người Quảng Đông, năm Tuyên Thống thứ ba là Tuyên Vũ sứ tỉnh Quảng Đông, chưa nhận chức thì triều Thanh sụp đổ, đến Tích Châu khóc trước lăng Quang Tự, được triều đình nhỏ phong “Sùng lăng lăng công đại thần”.

(39) Kim-ton là giáo sư đại học chính trị Mỹ, phát biểu bài nhan đề: “Cộng hoà và dân chủ” nói rằng: “Trung quốc nếu như dùng chế độ quân chủ thích hợp hơn các chế độ cộng hoà” tạo căn cứ lý luận cho Viên Thế Khải thực hành đế chế - (Nguyên chú).

(40) Thượng Tứ là một trong 3 viện của Phủ nội vụ quản lý việc nuôi ngựa, lạc đà... Nguyên chú.

(41) Hồ Thích (1891-1962) quê An Huy, là nhà văn hoá nổi tiếng của Trung Quốc. Lúc đó là giáo sư triết học, văn học Anh của trường Đại học Bắc Kinh - ND

(42) Theo truyền thuyết, Pháp sư Vân Quang thời Lương Vũ Đế giảng kinh, cảm động trời, hoa trời là tả rơi xuống. - ND

(43) Bài viết của phóng viên này đăng trên “Thuận Thiên thời báo” ngày 29 tháng 11 năm thứ 14 Dân quốc.. cơ bản nhất trí với tư tưởng tôi lúc đó - Tác giả.

(44) Uy Hải Vệ thuộc huyện Văn Đăng, tỉnh Sơn Đông, ba mặt là núi đá, một mặt là biển, có hai cửa khẩu. Đồi Quang Tự là một trấn quan trọng bị Nhật Bản chiếm.

(45) Giênmơ: giáo viên tiếng Anh của Uyên Dung.

(46) “Lời tàu của Tanaka” là lời tàu bí mật của Tanaka Giôchi lên Nhật hoàng nói: “Người của ta nếu như muốn chinh phục Trung Quốc, cần trước hết chinh phục Mãn - Mông. Người của ta nếu như có thể chinh phục Trung Quốc thì các nước châu Á khác và các nước Nam Thái Bình Dương đều sẽ sợ ta, đầu hàng ta.. Khi người của ta chỉ phối được toàn bộ tài nguyên của Trung Quốc, người của ta sẽ có thể tiến lên chinh phục Ấn Độ, Nam Dương quần đảo, các nước nhỏ khác ở châu Á cho đến châu Âu”. Lại nói: “Bước thứ nhất chinh phục Đài Loan, nước thứ hai chinh phục Triều Tiên hiện đều đã thực hiện. Duy bước thứ ba: tiêu diệt Mãn Mông cũng như chinh phục toàn lãnh thổ Trung Quốc thì chưa hoàn thành” - Nguyên chú.

(47) Năm 1948 công bố bản án phán xét này.

(48) Tô Ngọc Sơn là nguyên trung đoàn trưởng quân cấm vệ. Hán Khanh là Trương Học Lương, Phương Chấn là Lý Cảnh Lâm, Uân Sơn là Chủ Ngọc Hân.

(49) Về diễn biến và nguyên nhân cuộc mưu sát, một chiế phạm Nhật Bản tham gia cuộc mưu sát đã cung khai: 5h30 ngày 4/6/1928, Trương Tác Lâm đi xe lửa có toa bọc sắt đến ga Hoàng Cô Đông bị Okamoto đại úy Nhật Bản nổ mìn. Trương và toa xe bị nổ tan.

(50) Khi đó biện pháp quản lý cấp dưới ở Trương Viên, căn cứ lời tàu can của các thầy và lời cầu khẩn của Đồng Tế Hy đã bỏ phạt roi, đổi thành nhẹ thì quỳ, nặng thì phạt trừ tiền lương. (Nguyên chú).

(51) Hạnh tại: Nơi ở của vua khi ra khỏi cung điện.

(52) Số liệu chi tiêu mỗi tháng như sau:

- Hai thứ phi: 8000 đồng
- Thuần thân Vương: 2800 đồng
- Thái giám tổng quản điện Thọ Hoàng: 72 đồng
- Thái giám trông coi thái miếu: 19 đồng 44
- Phụng tế Đông Lăng: 960 đồng.
- Phụng tế Tây Lăng: 832 đồng.
- Đại thần coi Đông, Tây lăng: 200 đồng
- Vật phẩm tế lễ Thuần hiền Thần vương mỗi quý 266 đồng 4
- Khẩu phần sĩ quan và binh lính gác trang viên: 144 đồng
- Tiền lương trưởng quan và nhân viên ở Biện sự xứ Bắc Kinh: 1932 đồng
- Kinh phí Tôn nhân phủ: 500 đồng
- Tiền lương công nhân viên khoảng 4000 đồng
- Uyên Dung, Văn Tú mỗi tháng 1800 đồng
- Tiền nhà: 536.511 đồng
- Tiền điện: 234.914 đồng
- Tiền nước: 61.341 đồng
- Tiền ăn: 215.115 đồng
- Chi cho quân đội: 113.947 đồng

- Điện thoại: 113.947 đồng
- Tiền đi chơi giải trí: 38.364 đồng
- Tiền thưởng: 142.902 đồng
- Tiền mua các đồ vật: 4.128. 754 đồng
- Chi linh tinh: 236.825 đồng

(Nguyên chú)

(53) Về sau cũng cho phép người Trung Quốc tới nhưng chỉ dành cho các nhà tư bản mại bản do hội viên người nước ngoài dẫn vào.

(54) Thời đại phong kiến, đế vương, quý tộc, đại thần... sau khi chết, căn cứ công lao lúc còn sống mà đặt tên hiệu. Ví dụ: Không Minh đặt là “Trung vũ”, Nhạc Phi là “Vũ Mực”. (ND).

(55) Hình thức phụ đồng mê tín kiêu như gọi hồn.

(56) Lã Bất Vi là một nhà buôn thời Xuân Thu Chiến quốc. Biết Tử Sở là con của thái tử nước Tần đang phải làm con tin của Tần ở nước Triệu và bị bạc đãi đã nói: “Món hàng lạ này có thể buôn được đây”. Lã Bất Vi đã dốc tiền bạc trọng đãi Tử Sở, bỏ hàng trăm cân vàng sang nước Tần vận động đưa Tử Sở về làm vua, kén một người vợ đã có mang dâng cho Tử Sở, sau đẻ ra con là Chính, làm vua nước Tần là Tần Thủy Hoàng. Lã Bất Vi được làm tể tướng - (ND).

(57) Nhị đế: ý nói Phỗ Nghi và Phỗ Vĩ đều muốn được người Nhật đưa lên làm vua ở Mãn Châu.

(58) “Thuật đoán biết tương lai” là cuốn sách mê tín do Hồng Kông xuất bản, bịa ra là trước tác của Gia Cát Lượng.

(59) Chức có giản: thời phong kiến, làm quan có giản là chức quan khá cao (ND)

(60) Ngày 7/7/1937 vin có tìm một tên lính mất tích, quân đội Nhật đòi tiền vào lục soát trong thành Uyên Bình ở ngoại ô Bắc Kinh, còn đòi quân đội Trung Quốc rút khỏi Uyên Bình. Tiếp đó, quân đội Nhật đã tấn công Lư cầu kiều ở ngoại thành Uyên Bình, mở đầu cho việc chúng xâm lăng toàn Trung Quốc - (ND).

(61) Nhật Bản di dân sang vùng Đông Bắc Trung Quốc (ND)

(62) Cô gái này là Lý Ngọc Cẩm, sau khi Phỗ Nghi bị bắt sang Liên Xô, cô về Trường Xuân. Sau ngày Trung quốc giải phóng cô làm nhân viên thư viện Trường Xuân. Tác giả có ý tránh nói tên. (ND)

(63) Thần khí: gồm 3 thứ: một thanh kiếm, một miếng ngọc và một tấm gương bằng đồng gọi là “Nhật bản thiên chiếu đại thần” do Nhật hoàng trao cho Phỗ Nghi mang về thờ phụng ở Mãn Châu nhằm thể hiện “Nhật Mãn là một lòng một dạ, không thể chia cắt”. (ND).

(64) Bánh chèo: bánh nhân thịt, ngoài bọc bột hình 3 cạnh thường ăn trong dịp tết (ND).

(65) Kinh đô của Phỗ Nghi ở Trường Xuân trước giải phóng - ND

(66) Đến năm 1956 trại cải tạo đã đưa các phạm nhân đi tham quan mỏ than Phủ Thuận. Hợp tác xã nông nghiệp Đài Sơn Bảo đề tìm hiểu cuộc sống xây dựng đất mới từ sau khi Trung Quốc được giải phóng. Chúng tôi lược bỏ tiết này (ND)

(67) Hoài Nhân Đường ở Trung Nam Hải là nơi họp Quốc hội Trung Quốc trước khi Đại lễ đường nhân dân được xây dựng. - ND

(68) Phỗ Nghi có 3 em trai và 7 em gái (ND)

(69) Là người dịch hiện nay.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>